

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2007
MÃ SỐ: B.07 - 24**

**XÂY DỰNG
LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ: HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH KHU VỰC I

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG

THƯ KÝ ĐỀ TÀI: TS. CUNG THỊ NGỌC

6765

28/3/2008

HÀ NỘI, THÁNG 12/2007

CỘNG TÁC VIÊN THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. ThS. Nguyễn Thanh Bình | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 2. PGS, TS. Lê Bình | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 3. PGS, TS. Vũ Trọng Dung | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV |
| 4. TS. Vũ Văn Hậu | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 5. TS. Trịnh Duy Huy | Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá |
| 6. ThS. Triệu Quang Minh | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 7. ThS. Ngô Thị Thu Nga | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 8. TS. Cung Thị Ngọc | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 9. TS. Trần Thị Minh Ngọc | Khoa XHH và TLLĐQL, Học viện CT - HC KV I |
| 10. ThS. Tô Thị Nhung | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 11. TS. Mai Thị Quý | Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá |
| 12. TS. Nguyễn Thị Minh Tâm | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 13. TS. Nguyễn Nam Thắng | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 14. TS. Lê Thị Thuỷ | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 15. ThS. Đặng Ánh Tuyết | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 16. TS. Lê Thị Minh Hà | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 17. ThS. Ngô Thị Hoàng Yến | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |

MỤC LỤC

	TRANG
MỞ ĐẦU	6
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA LỐI SỐNG DÂN TỘC – HIỆN ĐẠI	13
1.1. Quan niệm của triết học mácxít về bản chất của lối sống	13
1.1.1. Khái niệm lối sống và những phạm trù liên quan	13
1.1.2. Bản chất xã hội của lối sống	21
1.1.3. Sự vận động của lối sống trong các xã hội trước chủ nghĩa xã hội	24
1.2. Bản chất của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	27
1.2.1. Các điều kiện khách quan hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	27
1.2.2. Đặc trưng của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	29
1.2.3. Nội dung lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	32
1.3. Lối sống dân tộc- hiện đại ở nước ta hiện nay	36
1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lối sống dân tộc- hiện đại	36
1.3.2. Khái niệm lối sống dân tộc - hiện đại theo quan niệm của Đảng ta	42
1.3.3. Lối sống dân tộc - hiện đại trong thời kỳ đổi mới	51
1.3.4. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá và cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tới việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay	58
Chương 2: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	71
2.1. Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay đang vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	71
2.1.1. Sự đan xen giữa lối sống mới và lối sống cũ trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	71
2.1.2. Biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng phi nhân tính	73

2.1.3. Sự biến động của các chuẩn mực sống và lối sống dân tộc - hiện đại Việt Nam dưới tác động của cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	78
2.2. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp, các tầng lớp và các nhóm xã hội cơ bản	82
2.2.1. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp công nhân, nông dân	82
2.2.2. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các tầng lớp dân cư cơ bản (trí thức, doanh nhân)	92
2.2.3. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các nhóm xã hội cơ bản (thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi...)	103
2.3. Thực trạng về chất lượng sống cơ bản của toàn xã hội	110
2.3.1. Thực trạng đời sống vật chất của người dân Việt Nam hiện nay	110
2.3.2. Thực trạng đời sống tinh thần của người dân Việt Nam hiện nay	121
2.3.3. Thực trạng thực hiện chế độ dân chủ ở Việt Nam hiện nay	131
2.3.4. Thực trạng chỉ số phát triển con người và hướng phát triển của nhân cách trong các hoạt động sống ở nước ta hiện nay	140
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	149
3.1. Phương hướng xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay	149
3.1.1. Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại	149
3.1.2. Kết hợp hài hoà giữa dân tộc và tộc người, giữa dân tộc và quốc tế	150
3.1.3. Kết hợp hài hoà giữa cá nhân và xã hội	152
3.2. Giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại Việt Nam hiện nay	154
3.2.1. Nhóm giải pháp chung	154

	154
3.2.1.1. Nâng cao đời sống vật chất của nhân dân	
3.2.1.2. Nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân	157
3.2.1.3. Đẩy mạnh thực hiện dân chủ của nhân dân	159
3.2.1.4. Tiếp tục phát triển khoa học tạo cơ sở cho lối sống dân tộc – hiện đại	162
3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể	164
3.2.2.1. Đẩy mạnh giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn với giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	164
3.2.2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục các quan hệ, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức	168
3.2.2.3. Tăng cường giáo dục thẩm mỹ để định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong cộng đồng	174
3.2.2.4. Tăng cường giáo dục lối sống hài hoà giữa con người với tự nhiên thông qua giáo dục đạo đức sinh thái	183
KẾT LUẬN	197
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	200

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng lối sống mới là một trong những nhiệm vụ trọng đại và lâu dài của quá trình "xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế"¹. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm qua chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu vẻ vang trong việc xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở theo hướng "làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người"². Nhiều nếp sống cũ, lạc hậu, nhiều hủ tục trên khắp mọi miền đất nước đã được khắc phục; một số nếp sống mới đã được hình thành góp phần làm cho lối sống của xã hội ta chuyển theo hướng dân tộc - hiện đại.

Tuy nhiên, như *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, khoá VIII* đã chỉ rõ: hiện nay xã hội ta đang có "sự suy thoái nghiêm trọng về đạo đức lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên; trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền. Nạn tham nhũng dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả. Hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, bè phái, mất đoàn kết khá phổ biến"³. "Lối sống thực dụng...chỉ chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân mà coi thường lợi ích cộng đồng, chỉ chú ý đến lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản..."⁴ đã ảnh hưởng to lớn đến quá trình phát triển lành mạnh của đất nước.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 213.

² *Sđđ*: tr. 213.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, Khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 46 - 47 và tr. 29 -30.

⁴ *Sđđ*, tr. 46 - 47 và tr. 29 -30.

Trước tình hình đó, các văn kiện đại hội Đảng từ lần thứ VIII, thứ IX và lần thứ X đều coi việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là một bộ phận quan trọng của quá trình làm cho văn hoá trở thành "nền tảng tinh thần của xã hội". Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại không chỉ gắn liền với *lịch trình phát triển bền vững* ở nước ta trong thế kỷ XXI, mà còn gắn toàn diện với việc *xây dựng nhân cách văn hoá* mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đề xuất. Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là nền tảng "nâng cao văn hoá lãnh đạo và quản lý, văn hoá trong kinh doanh và văn hoá trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên; chống những hiện tượng phản văn hoá và phi văn hoá"¹. Một kiểu người mới đại diện cho trí tuệ Việt Nam mới, một nhân cách văn hoá đại diện cho thời đại mới đều gắn chặt với quá trình xây dựng lối sống mới. Đạo đức của con người mới, tác phong lao động của con người Việt Nam mới, cuộc sống tâm tư, tình cảm, các quan hệ gia đình của con người mới không tách rời với quá trình xây dựng lối sống mới.

Có thể nói, xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là điểm nhấn quan trọng của công cuộc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong lịch trình thế kỷ XXI. Thực chất của sự nghiệp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay là định hướng và xác lập sự lựa chọn con đường để nhân dân ta hướng tới một xã hội: dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là quá trình nhân đạo hoá toàn bộ đời sống xã hội mà mỗi cá nhân sẽ phát huy tính tự chủ, tự giác, sức mạnh bên trong nhằm hướng tới một kiểu người Việt Nam mới của thế kỷ XXI: giàu có về tri thức, phong phú về tâm hồn, cao đẹp về đạo đức và xuất sắc về tài năng.

Vì vậy, việc làm rõ bản chất, nội dung và các giải pháp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại có ý nghĩa "hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người"² như *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X* đã nhấn mạnh. Nó có ý

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 213.

² *Sdd*, tr. 213.

nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong việc vun trồng và phát triển cái tích cực, đẩy lùi và loại bỏ cái tiêu cực trong quá trình tiến lên của đất nước.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Lối sống là một lĩnh vực rất rộng. Trong mấy chục năm nay, do sự phát triển nhiều mặt của cuộc sống mới, nhiều nước trên thế giới cũng như ở nước ta đã có những công trình nghiên cứu lối sống từ các phương diện khác nhau. Về phương diện triết học, ở Liên Xô đã có nhiều nhà triết học như: Gledoman, Rútkêvích, Inhatốpxki, Butencô... đã có nhiều công trình nghiên cứu *lối sống* nói chung và *lối sống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô* nói riêng. Công trình *Lối sống xã hội chủ nghĩa* của tập thể các viện sĩ thông tấn, các tiến sĩ triết học... của Liên Xô viết, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội xuất bản bằng tiếng Việt năm 1982 gồm XIV chương với 518 trang đã giới thiệu nhiều vấn đề cơ bản và quan trọng của lối sống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô. Các vấn đề cơ sở chính trị, cơ sở kinh tế, lối sống nông thôn, lối sống đô thị, cuộc đấu tranh tư tưởng trong lối sống ở Liên Xô đã được nghiên cứu công phu trong tác phẩm này.

Ở Việt Nam, lối sống trước hết là lĩnh vực nghiên cứu của các nhà *xã hội học*. Trong các tạp chí *Xã hội học* ở nước ta, các vấn đề lối sống của các nhóm xã hội đã được nghiên cứu đa dạng. Nhiều tác phẩm xã hội học đã nghiên cứu lối sống nông thôn, lối sống đô thị, lối sống ở các vùng, các miền. Năm 1993 và 1996, Viện Văn hoá thuộc Bộ Văn hoá Thông tin đã cho xuất bản 2 tác phẩm: *Lối sống trong đời sống đô thị hiện nay* (1993) và *Lối sống đô thị miền Trung mấy vấn đề lý luận và thực tiễn* (1996). Hai tác phẩm này do nhiều nhà nghiên cứu xã hội học của nước ta viết dưới sự chủ biên của PGS.TS Lê Như Hoa. Các tác phẩm này từ *phương diện xã hội học* đã đề cập rất đa dạng lối sống ở đô thị và các đô thị của nước ta. Các vấn đề quản lý đô thị, tiêu dùng văn hoá, văn hoá kinh doanh đã được đề cập phong phú. Năm 2004 GS.TS Trịnh Duy Luân, Viện trưởng Viện Xã hội học cho xuất bản cuốn *Xã hội học đô thị* đã nghiên cứu các chuẩn mực và mô hình ứng xử của cư dân đô thị nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Sách do Nxb. Khoa học Xã hội xuất bản 2004. Năm 1998, Trung tâm nghiên cứu và Tư vấn về phát triển đã cùng với

Nxb. Văn hoá Thông tin cũng cho in cuốn *Văn hoá, lối sống với môi trường* do hai nhà nghiên cứu xã hội học Chu Khắc Thuật và Nguyễn Văn Thủ chủ biên. Cuốn sách đề cập tới lối sống gắn với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của các xã hội con người ở phương Đông và phương Tây. Năm 2006, GS, TS Đặng Cảnh Khanh đã cho xuất bản cuốn *Xã hội học thanh niên* với 584 trang, do Nxb. Chính trị Quốc gia ấn hành. Cuốn sách gồm 5 phần, với 20 chương, nghiên cứu toàn diện lối sống của tầng lớp thanh niên trong các quan hệ đa dạng của họ. Có thể nói, các nhà xã hội học đã nghiên cứu *lối sống của những bộ phận dân cư* theo cơ tầng xã hội, cơ cấu giai cấp, các vùng, các miền và quan hệ của con người với môi trường.

Nhiều nhà *văn hoá học* đã nghiên cứu lối sống như một thành tố của văn hoá xã hội. GS, TSKH Huỳnh Khái Vinh đã chủ biên công trình *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức; chuẩn giá trị xã hội* do Nxb Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2001. Cuốn sách là một công trình tập thể *của nhiều nhà nghiên cứu* văn hoá đề cập một cách toàn diện đến các điều kiện xã hội sản sinh ra những nhân cách văn hoá và các chuẩn mực văn hoá của các lối sống. Cuốn sách nghiên cứu lối sống ở nước ta trên bình diện văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, văn hoá chính trị, văn hoá đạo đức, văn hoá thẩm mỹ và các giải pháp xây dựng lối sống trong quá trình chúng ta xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Năm 2000, GS, Vũ Khiêu chủ biên tác phẩm *Văn hoá Việt Nam, xã hội và con người* (Nxb. Khoa học Xã hội với 797 trang). Cuốn sách do nhiều nhà nghiên cứu văn hoá có tên tuổi ở nước ta viết. Cuốn sách nghiên cứu tương đối toàn diện và toàn cảnh con đường phát triển của lối sống trong tiến trình phát triển nền văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. GS, Vũ Khiêu khi nghiên cứu vấn đề *Xây dựng lối sống văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã đề cập toàn diện đến các vấn đề văn hoá của lối sống, mức sống, lễ sống, nhịp sống và *coi lối sống là biểu hiện sinh động của một nền văn hoá*. Có thể nói, về phương diện văn hoá, đã có rất nhiều nhà nghiên cứu văn hoá đề xuất các chuẩn mực, giá trị của lối sống. Họ đã gắn lối sống với các thành tố khác của nền văn hoá và *coi vấn đề*

lối sống là hiện thân của một nền văn hóa.

Về phương diện triết học, trên tạp chí *Triết học*, tạp chí *Cộng sản* thỉnh thoảng có đề cập đến các phương diện tổng quát của lối sống như lĩnh vực tinh thần của lối sống, cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống, lối sống xã hội chủ nghĩa và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nhân cách... Trên tạp chí *Cộng sản* số 10 - 1991, GS.TS Đỗ Huy đã viết bài *Xây dựng lối sống mới trong giai đoạn hiện nay*. Trên bình diện triết học, bài nghiên cứu đã đề cập đến mặt vật chất, mặt tinh thần và biện chứng giữa hai mặt này của lối sống. Bài nghiên cứu đã đi sâu vào mặt vật chất, cái quyết định, cơ sở của lối sống, nhưng không phải toàn bộ lối sống. Bài nghiên cứu đã phân tích mặt tinh thần, nội dung và hình thức, số lượng và chất lượng, các sự phát triển đa dạng nhiều chiều giữa cái truyền thống và cái hiện đại, cái dân tộc và cái quốc tế, cái cá nhân và cái xã hội... trong lối sống. Một vài tác giả khác, tuy không đề cập trực tiếp phương diện triết học của lối sống, nhưng trong nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề chung của lối sống, như vấn đề phương thức sản xuất và lối sống, dân chủ hoá trong lối sống, nhân cách và lối sống. GS, Vũ Khiêu đã nghiên cứu các tư tưởng của C.Mác và Ph. Ăngghen về mode de vie, mode de production.¹ Cho đến nay, ở nước ta vì rất nhiều lý do khác nhau *chưa có một công trình nào nghiên cứu hệ thống, toàn diện và tập trung lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay*. Đây là một vấn đề phức tạp và khó, đòi hỏi vốn triết học sâu và trí thức của rất nhiều ngành khoa học liên quan như chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, triết học cũng như nhiều khoa học xã hội và nhân văn khác. Kinh phí hợp lý để triển khai nhiều đề tài khác nhau chung quanh vấn đề xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Đề tài này cố gắng phân tích sâu lĩnh vực vật chất của lối sống, cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống, sự thống nhất giữa cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong lối sống dân tộc - hiện đại theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

¹ Xem Vũ Khiêu, *Văn hoá Việt Nam xã hội và con người*, Nxb. Khoa học Xã hội 2000, tr. 512.

Vấn đề lối sống dân tộc - hiện đại trong sự phân tích theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ là trung tâm nghiên cứu của đề tài này. Đề tài triển khai nghiên cứu dưới ánh sáng các tư tưởng của Đảng ta về lối sống dân tộc - hiện đại. Đề tài sẽ làm sáng tỏ mặt vật chất và mặt tinh thần của lối sống dân tộc - hiện đại gắn liền với những vấn đề ý thức tư tưởng chính trị, đạo đức thẩm mỹ của nhiều tầng lớp, nhiều vùng dân cư... trong quá trình hình thành các giá trị văn hoá của nhân cách con người Việt Nam mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài làm sáng tỏ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về lối sống xã hội chủ nghĩa và lối sống dân tộc - hiện đại; phân tích thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại hiện nay; từ đó nêu ra phương hướng và giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, đề tài có nhiệm vụ:

Một là, trình bày có hệ thống quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về bản chất và nội dung của lối sống dân tộc - hiện đại.

Hai là, khái quát thực trạng lối sống và chất lượng sống của một số tầng lớp dân cư cơ bản và các nhóm xã hội ở nước ta hiện nay đang vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, đề ra phương hướng và một số giải pháp cơ bản nhằm xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong tình hình hiện nay ở nước ta.

4. Nội dung nghiên cứu

Một là, cơ sở lý luận và thực tiễn của lối sống dân tộc - hiện đại.

Hai là, thực trạng xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Ba là, phương hướng và giải pháp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng, đề tài sử dụng các phương pháp: phân tích - tổng hợp, so sánh đối chiếu, logic- lịch sử, kết hợp với phương pháp điều tra, khảo sát xã hội học đồng thời gắn lý luận với thực tiễn, sử dụng phương pháp hệ thống hoá và khái quát hoá để nghiên cứu.

6. Kết cấu của Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, **Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài** gồm 3 chương với 8 tiết.

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của lối sống dân tộc- hiện đại.

Chương 2: Thực trạng xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI

1.1. Quan niệm của Triết học Mác – Lênin về bản chất của lối sống

1.1.1. *Khái niệm lối sống và những phạm trù liên quan*

Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật về lịch sử, thì *các cách sống, các phương thức sống, các hình thức hoạt động sinh sống* của con người từ lao động, giao tiếp, gia đình và nhân cách trong một môi trường tự nhiên và xã hội nhất định được gọi là *lối sống*.

Lối sống là một khái niệm rộng. Phạm vi biểu hiện của lối sống trong toàn bộ các quan hệ của con người. Tiếng Anh, lối sống là: *Way of life*. Tiếng Pháp là: *Mode de vie*, và tiếng Đức là: *Lebensweise*. Lối sống là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học như: xã hội học, chính trị học, văn hóa học, đạo đức học... và triết học. Trong quan niệm của triết học Mác – Lênin, lối sống là những hoạt động sống của con người trong những điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định. C.Mác và Ph.Ăngghen đã viết: Lối sống là gì nếu không phải là những hoạt động sống, những “hoạt động thực sự có tính người của những cá nhân, thành viên tích cực của xã hội, biết đau khổ, cảm giác, suy nghĩ và hành động như những con người. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C. Mác và Ph. Ăngghen còn gắn lối sống với phương thức sản xuất.

Trong các tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăngghen, hoạt động sống của con người bao hàm một tổng thể nhiều quan hệ.

Một là, hoạt động lao động, hoạt động sản xuất mà trung tâm của nó là cách thức lao động. Vì thế, khi bàn đến chế độ kinh tế trong mỗi cộng đồng lịch sử làm cơ sở cho một kiểu sống nhất định, C. Mác và Ph.Ăngghen không quan tâm riêng đến tư liệu lao động hay chỉ riêng các quan hệ sản xuất, mà các ông quan tâm tới mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Hai là, mỗi lối sống, ngoài các quan hệ trong sản xuất ra của cải vật chất của xã hội, còn có các quan hệ trong sản xuất tinh thần: văn hóa, chính trị, chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ... Trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen, đã dẫn trên thì hoạt động sống, hoạt động thực sự có tính người bao gồm cả những hoạt động văn hóa, tinh thần, tình cảm và tâm linh. Sản xuất tinh thần tuy là phản ánh và là hệ quả của sản xuất vật chất, nhưng nó có tính độc lập tương đối tạo nên kiểu lịch sử nhất định của hoạt động sống, lối sống. Mỗi xã hội có những tiềm năng, trình độ phát triển tinh thần nhất định. Văn hóa tinh thần của xã hội tạo nên cội nguồn sức sống lâu bền của lối sống.

Ba là, hoạt động sống của con người gắn liền với các thiết chế tự nhiên của mỗi xã hội. Đó là thiết chế lao động, thiết chế gia đình, thiết chế tôn giáo. Các thiết chế này ảnh hưởng rất sâu sắc đến lối sống của cá nhân và xã hội. Thiết chế lao động, thiết chế gia đình, thiết chế tôn giáo là cơ cấu chiều sâu của lối sống. Lao động cho cộng đồng, cho cá nhân; thời gian lao động tất yếu và lao động tự do; cơ cấu tín ngưỡng niềm tin, tâm linh, tôn giáo; hệ thống các tôn giáo; các quan hệ huyết tộc trong gia đình, các kiểu gia đình có ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống và tiến trình phát triển của lối sống.

Bốn là, lối sống của mỗi xã hội, hoạt động sống của cơ thể xã hội không chỉ là sự vận hành của hệ thống kinh tế – chính trị đô sộ, mà còn do kỹ năng lao động và bản chất dân tộc tạo nên diện mạo sống. Kỹ năng lao động, bản chất dân tộc có tính kế thừa từ đời này qua đời khác. Các thế hệ tạo nên kỹ năng và tham gia xác lập truyền thống không còn nữa, nhưng các chương trình mà họ tạo ra vẫn tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc tới lối sống.

Năm là, xã hội có giai cấp không có một lối sống duy nhất. Phương thức sản xuất là một phạm trù đặc trưng cho một hệ thống sản xuất xã hội nhất định nào đó trong lịch sử. Nhưng trong mỗi phương thức sản xuất, ít nhất có ba lối sống.

Lối sống của hai giai cấp cơ bản và lối sống của các giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian ngoài hai giai cấp cơ bản đó. Trong xã hội nô lệ có lối sống của chủ nô, người nô lệ và người tự do. Trong xã hội phong kiến ít nhất có lối sống của giai cấp địa chủ, người nông dân và thợ thủ công hoặc là

lối sống của tầng lớp khác. Trong xã hội tư bản cũng thế, ít nhất có lối sống của giai cấp tư sản, người công nhân và lối sống của tầng lớp trung gian.

Sáu là, theo chỉ dẫn của C. Mác, thì hoạt động thực sự có tính người của những cá nhân - thành viên tích cực của xã hội không chỉ duy nhất do phương thức hoạt động của cá nhân phù hợp với các mối quan hệ sản xuất thống trị trong xã hội quy định, mà còn có sự lựa chọn, sự thích ứng của cá nhân trong phương thức sản xuất ấy. Và mỗi phương thức sản xuất có thể dung nạp sự đa dạng của các hoạt động sống của cá nhân. Vì thế, lối sống còn là quan hệ của cá nhân với xã hội.

Lối sống có liên hệ bản chất với tồn tại xã hội và ý thức xã hội, nhưng nó không đồng nhất với tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Tồn tại xã hội là toàn bộ những điều kiện sinh hoạt vật chất và đời sống vật chất (quan hệ vật chất) của xã hội. ý thức xã hội là phản ánh sự vận động của các điều kiện sinh hoạt vật chất và đời sống vật chất (quan hệ vật chất) ấy. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội đều gắn liền với một phương thức sản xuất nhất định. Lối sống trong phương thức sản xuất ấy cũng như lối sống trong điều kiện tồn tại xã hội ấy, trong điều kiện ý thức xã hội ấy có liên hệ bản chất với nhau, nhưng chúng không đồng nhất. Lối sống không thể là tồn tại xã hội hay ý thức xã hội, hay phương thức sản xuất xã hội. Lối sống là lối sống trong phương thức sản xuất, trong tồn tại xã hội được phản ánh trong ý thức xã hội. Còn trong tồn tại xã hội, trong ý thức xã hội, trong phương thức sản xuất xã hội có nhiều kiểu hoạt động sống khác nhau. Lối sống chỉ là tổng thể những hình thức hoạt động sống của con người trong sự thống nhất với tồn tại xã hội, ý thức xã hội, phương thức sản xuất của xã hội. Lối sống là một loại hình hoạt động lịch sử cụ thể nhất định của các cá nhân, là tổng thể những đặc điểm cơ bản nhất của tồn tại vật chất và tinh thần của xã hội. Lối sống được hình thành trên cơ sở phương thức sản xuất đang tồn tại, trên cơ sở những lực lượng sản xuất và những quan hệ sản xuất phát triển đến một trình độ nhất định. Do đó có lối sống của xã hội chiếm hữu nô lệ và lối sống trong xã hội chiếm hữu nô lệ; lối sống của xã hội tư bản và lối sống trong xã hội tư bản; và lối sống của xã hội

xã hội chủ nghĩa và lối sống trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trong bản chất của lối sống thường có sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, cái đặc thù và cái phổ biến. Nếu lối sống là tổng hòa những dạng hoạt động sống điển hình của con người trong sự thống nhất với các điều kiện tự nhiên, xã hội lịch sử cụ thể, là sự tổng hòa những đặc điểm cơ bản nhất của mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần, cá nhân và xã hội, truyền thống và hiện tại, dân tộc và quốc tế trên cơ sở một phương thức sản xuất nhất định, thì lối sống có liên quan toàn bộ đến hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần của con người.

Do tính chỉnh thể, bao quát nhiều lĩnh vực của cuộc sống, cho nên trong các khoa học xã hội và khoa học nhân văn đã có những cách tiếp cận khác nhau trên lĩnh vực lối sống. Phổ biến nhất là người ta thường đồng nhất lối sống với *nếp sống*.

Trong các hình thức hoạt động sống của con người diễn ra dưới ảnh hưởng của phương thức sản xuất, điều kiện tự nhiên và các hệ thống giá trị. Có những hoạt động sống được lặp đi lặp lại một cách ổn định, có những hoạt động sống quá độ và không ổn định. *Nếp sống* được coi là những hoạt động sống trở thành nếp, thường xuyên, nhắc đi, nhắc lại. Đối với nhiều nhóm xã hội, nếp sống đã trở thành tập quán lao động, giao tiếp, sinh hoạt trong gia đình và định hướng nhân cách.

Tập quán bao gồm một hệ chuẩn mực đạo đức điều chỉnh các thói quen không bắt buộc cho mỗi cá nhân. Vi phạm các tập quán này có thể bị xã hội chê trách và dư luận đánh giá về mặt đạo đức của nhân cách hoặc xã hội sẽ cho là con người kỳ quặc, không bình thường về lối sống.

Nếp sống biểu hiện thành phong tục có một ý nghĩa xã hội mạnh mẽ và rộng rãi hơn. Mỗi vùng văn hóa, mỗi tầng lớp và giai cấp xã hội, mỗi dân tộc đều có nhiều phong tục quy định các hành vi ứng xử của cá nhân. Việc chấp nhận hay vi phạm phong tục gây ra một ý nghĩa tuân thủ hay vi phạm nếp sống của cộng đồng về mặt tinh thần. Chấp nhận hay vi phạm phong tục này gây ra một sự cổ vũ hay sự phản ứng mạnh mẽ của cư dân trong cộng đồng. Phong tục

được xã hội gìn giữ và củng cố bằng dư luận và mỗi thành viên của cộng đồng phải chấp hành một cách tự nguyện như một sự thôi thúc của lương tâm, như một nghĩa vụ đạo đức và có khi như là một niềm hạnh phúc của cuộc sống.

Bản chất xã hội của nếp sống được đặc trưng bởi tính dân tộc, tính giai cấp và tính thời đại của nó. Nếp sống tuy là mặt ổn định của lối sống nhưng nó cũng thay đổi theo những điều kiện xã hội nhất định. Quy luật hình thành nếp sống mới cũng liên quan đến quy luật hình thành lối sống và nó luôn luôn tạo ra sự ổn định tương đối cho lối sống.

Các nếp sống đều gắn với các lợi ích xã hội. Nó tạo ra sự ổn định xã hội từ trong chiều sâu tự giác của các quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Trong quản lý nhà nước trước kia, giai cấp thống trị thường củng cố các nếp sống có lợi cho giai cấp thống trị và xóa bỏ các nếp sống tổn hại đến sự thống trị của giai cấp cầm quyền. Xây dựng lối sống mới, cần thiết phải xây dựng một nếp sống theo những định chuẩn xã hội định hướng những mặt ổn định lâu dài của lối sống mới.

Cùng với khái niệm nếp sống, khái niệm *lẽ sống* cũng thể hiện một khía cạnh tinh thần quan trọng của lối sống. Trên bình diện nhân cách, người ta có thể nhìn lối sống là sự tác động qua lại giữa lĩnh vực riêng và lĩnh vực công dân của các hoạt động sống của con người, là mối quan hệ biện chứng giữa các khuynh hướng khách quan và sự lựa chọn của cá nhân về các khuynh hướng đó. Thực chất lối sống xác định sự lựa chọn của cá nhân giữa các khuynh hướng hành vi khác nhau của xã hội để tìm ra một lẽ sống thích hợp.

Lẽ sống là một phạm trù triết học - đạo đức - tâm lý. Nó biểu hiện trình độ, tâm lý, lý tưởng sống của con người trong sự lựa chọn, bảo vệ và phát triển một lối sống nhất định. Lẽ sống với tư cách là một phạm trù triết học, nó gắn với một thế giới quan nhất định. Trên bình diện đạo đức - tâm lý, lẽ sống biểu hiện tập trung thái độ ứng xử của cá nhân với cộng đồng. Trong mỗi chế độ xã hội đều có nhiều hình thức sinh sống khác nhau biểu hiện như tính khách quan của cuộc sống. Mỗi cá nhân có quyền lựa chọn một trong các khuynh hướng ấy căn cứ vào những giá trị mà cá nhân có. Khả năng lựa chọn một phương

hướng hành vi cho phép cá nhân hình thành một lối sống nhất định.

Thực tiễn của mỗi dân tộc, một nhóm xã hội hay một cá nhân cho thấy, một lối sống tốt đẹp thông thường gắn với các giá trị nhân đạo của cuộc sống, biết khoan dung và vị tha, có trách nhiệm đạo đức với cộng đồng và cộng đồng luôn luôn làm hoàn thiện cá nhân. Lối sống là một giá trị tinh thần, nếu nó gắn các quá trình hưởng thụ, đánh giá và sáng tạo với các nguyên tắc đạo đức mới.

Lối sống chính là linh hồn của lối sống, là sự tổng hợp hòa quyện của cả lý trí và tình cảm, của kiến thức về các quy tắc đạo đức, các lý tưởng, khát vọng và niềm tin được hình thành bởi chế độ giáo dục, những điều kiện và các hoạt động sống thể hiện trong mọi lĩnh vực lao động, giao tiếp, gia đình và nhân cách.

Trên cùng một lối sống, một nếp sống, một lối sống người ta thấy có nhiều phong cách sống (*Style de vie*) khác nhau. Trên bình diện tâm lý học xã hội, phong cách sống chỉ rõ thái độ và cách thức sống, cách thức lao động, cách thức quản lý sản xuất và xã hội. Phong cách sống gắn với một kiểu hành động nhất định. Trong mỗi lối sống có các mặt khách quan và mặt chủ quan, phong cách sống chỉ rõ tính chất chủ quan của việc thực hiện các hoạt động sống. Là một phạm trù tâm lý xã hội, phong cách sống nhằm đánh giá hành vi, lối suy nghĩ và các định hướng giá trị của con người. Phong cách sống không phụ thuộc hoàn toàn vào mức sống hay chất lượng sống.

Nhiều nhà xã hội học tư sản thường đồng nhất lối sống với mức sống (*Niveau de vie*), bởi vì lối sống thường gắn với các thành quả sản xuất, với lực lượng sản xuất, với các phúc lợi xã hội bảo đảm về các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin, nhà ở và dịch vụ...Tuy nhiên, xem xét lối sống về mặt mức sống là sự quan tâm chủ yếu tới khía cạnh kinh tế của nó. Trên bình diện kinh tế, khái niệm mức sống của lối sống chỉ các lớp đối tượng: mức độ thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần được đo lường bằng số lượng, như mức lương, mức thu nhập bình quân tính theo đầu người, mức tiêu dùng thực phẩm, công nghiệp, bảo vệ sức khỏe và giáo dục, những điều kiện ăn ở và sinh hoạt

văn hóa, các quỹ tiêu dùng. Rõ ràng là mức sống rất quan trọng khi xác định những điều kiện và hoạt động sống của con người. Song, lối sống không những không chỉ lược quy vào bình quân thu nhập của xã hội, mà còn không thể nói những xã hội có thu nhập cao là những xã hội có lối sống đẹp.

Khác với *mức sống, chất lượng sống (Qualité de vie)* phản ánh mức thỏa mãn những nhu cầu có tính phức tạp hơn, không trực tiếp được đo bằng số lượng. Chất lượng sống là khái niệm phản ánh các chỉ tiêu có nội dung phong phú của lao động và giải trí, các điều kiện lao động và sinh hoạt, chất lượng ăn, mặc, ở, đi lại, các hoạt động hưởng thụ, đánh giá và sáng tạo văn hóa, tính chất yên ổn của xã hội. Theo nhà nghiên cứu lối sống người Mỹ. William Bell, chất lượng của cuộc sống được đặc trưng bởi: 1) Sự an toàn thể chất cá nhân đối với bạo lực, bệnh tật và các trường hợp rủi ro, 2) Sự sung túc về kinh tế và tính đa dạng của hàng tiêu dùng, đặc biệt là về thực phẩm, 3) Công bằng trong khuôn khổ pháp luật, 4) An ninh quốc gia đối với kẻ thù bên ngoài và bên trong, 5) Bảo hiểm lúc già yếu và ốm đau, 6) Hạnh phúc tinh thần của cá nhân bao gồm khả năng tự thể hiện, các quan hệ phong phú trong gia đình và bè bạn, 7) Sự tham gia của đời sống cá nhân vào đời sống xã hội, tham gia quản lý, khả năng quyết định tương lai của mình trong khuôn khổ đời sống kinh tế - xã hội hiện đại, 8) Bình đẳng về giáo dục, nhà ở và nghỉ ngơi, 9) Chất lượng đời sống văn hóa, 10) Quyền tự do công dân, 11) Chất lượng môi trường kỹ thuật, 12) Chất lượng môi trường sống và khả năng chống ô nhiễm ¹.

Thực tế chất lượng sống vừa gắn chặt chẽ với số lượng, vừa gắn liền với bản chất của một chế độ. Chất lượng sống không bao chứa toàn bộ lối sống, bởi vì lối sống được phản ánh các điều kiện xã hội trong hoạt động sống của cá nhân.

Trong các phạm trù liên quan với lối sống, có phạm trù *phương thức sống*. Khái niệm *phương thức* rất gần với lối sống. Trong tiếng Nga phương thức là *Mogyc*, trong tiếng Anh là *Modus*, trong tiếng Pháp *Mode*, trong tiếng Đức là *Weise*. Trong triết học, phương thức chỉ trạng thái vốn có để phân biệt với trạng thái phải có.

¹ Nhiều tác giả: *Sđd*, tr. 306-307.

Phương thức sống là phạm trù kinh tế - xã hội xác định nền tảng kinh tế - xã hội - tinh thần của lối sống. Phạm trù phương thức sống bao chứa những chỉ tiêu về: tính chất của tư liệu sản xuất, giá trị của nền văn hóa, bản chất tinh thần của chế độ xã hội, điều kiện an sinh xã hội, chất lượng dân số, cơ cấu nhân khẩu, nghề nghiệp đối với các hoạt động sống. Khái niệm *phương thức sống* gần như là *chế độ sống* (*Regime de vie*).

Như vậy, với tư cách là đối tượng nghiên cứu tổng hợp của triết học, lối sống là một cơ cấu tổng thể bao chứa cả nếp sống, lễ sống, mức sống, chất lượng sống, phong cách sống và phương thức sống gắn liền với tồn tại xã hội, ý thức xã hội và phương thức sản xuất của xã hội. Trong cơ cấu của lối sống có các chỉ số thuộc về đời sống vật chất của xã hội, có những chỉ số thuộc về đời sống tinh thần của xã hội. Đến nay, trong các nghiên cứu triết học - xã hội học, người ta hình dung lối sống dưới dạng hình thức một tổng thể cơ cấu của 14 khối chỉ số. Hệ thống các chỉ số rất phức tạp và đồ sộ. Nhiều khối chỉ số về tinh thần khó lượng hóa: 1) Lao động và thời gian lao động; 2) Phúc lợi vật chất, sự bảo trợ và an sinh xã hội gắn với các phúc lợi ấy; 3) Bảo đảm chỗ ở, giao thông và đi lại giao tiếp; 4) Quan hệ đối với môi trường tự nhiên; 5) Thời gian rỗi và dịch vụ sinh hoạt; 6) Hôn nhân – gia đình; 7) Giáo dục nhân dân; 8) Sinh hoạt và các quan hệ văn hóa; 9) Các quan hệ chính trị; 10) Quan hệ dân tộc, tộc người, quan hệ quốc tế; 11) Các phản biện xã hội; 12) Tín ngưỡng, niềm tin, tôn giáo; 13) Các hiện tượng phản xã hội; và cuối cùng 14) Những định hướng giá trị dân cư.

Trong 14 khối chỉ số gắn với cơ cấu của bất kỳ một lối sống nào thì khối chỉ số về lao động và thời gian lao động là cơ bản và rất quan trọng. Triết học và xã hội học Mác - Lênin khác với các triết học ngoài mácxít đã khẳng định lao động và thời gian lao động quyết định số lượng và chất lượng lối sống. Tính chất của lao động để lại dấu ấn rất sâu trong toàn bộ hoạt động sống của con người, nó tham gia vào hình thành các phẩm hạnh đạo đức và định hướng hành vi, xác định giá trị nhân cách.

Trong các khối chỉ số về cơ cấu của lối sống bao gồm trong bản thân nó các chỉ số vừa ở cấp độ chất lượng vừa ở cấp độ số lượng. Các chỉ số về cấp độ

chất lượng xác định những điều kiện xã hội, bản chất kinh tế – chính trị - xã hội của lối sống. Những chỉ số số lượng xác định đặc điểm của lối sống trong một giai đoạn phát triển nhất định của một chế độ xã hội. Các chỉ số chất lượng và số lượng của lối sống luôn luôn có mối quan hệ biện chứng. Các chỉ số về chất lượng xác định tính chất của lối sống trong một phương thức sản xuất nhất định. Các chỉ số về số lượng xác định sự khác biệt có thể có giữa giai đoạn phát triển này với giai đoạn phát triển khác của lối sống.

Cụ thể hóa các chỉ số về chất lượng của lối sống gắn với chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, tính chất của các quan hệ sản xuất, các hoạt động văn hóa, hệ tư tưởng chính thống, các đặc điểm của kiến trúc thượng tầng, các quan hệ chính trị, đạo đức, thẩm mỹ, cơ cấu giai cấp xã hội, các định hướng giá trị.

Cụ thể hóa các chỉ số về số lượng của lối sống gắn với năng suất lao động, trang bị các điều kiện lao động, trình độ phát triển của lao động, khoa học, kỹ thuật, thu nhập bình quân, diện tích nhà ở tính theo đầu người; chất lượng thực phẩm, giao thông vận tải; tuổi thọ trung bình, cơ cấu thời gian lao động tất yếu và thời gian tự do, cơ cấu dân số, chất lượng giáo dục nhân dân, trình độ dân trí, chất lượng nền dân chủ, văn hóa đọc, văn hóa nghe nhìn, điện thoại, bưu chính...

Có thể nói lối sống là một khái niệm chỉ các hoạt động sống của con người có liên hệ bản chất với các điều kiện vật chất và tinh thần của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Xem xét lối sống từ góc độ triết học gắn với xã hội học cụ thể cho phép ta nhận diện được những đặc điểm cụ thể của lối sống trong một phương thức sản xuất nhất định. Mối quan hệ giữa hoạt động sống của cá nhân trong một phương thức sản xuất nhất định chính là bản chất xã hội của một lối sống nhất định.

1.1.2. Bản chất xã hội của lối sống

Mỗi lối sống đều gắn với một phương thức sản xuất nhất định. Phương thức sản xuất ấy lại gắn với một dân tộc, những giai cấp và trong một thời đại nhất định. Vì thế, lối sống nào cũng in dấu ấn của xã hội tạo thành nó.

Lối sống mang tính xã hội nhưng được thực hiện thông qua các cá nhân.

Vì thế, bản chất xã hội của lối sống được thể hiện thông qua hoạt động sống của cá nhân, thông qua địa vị của cá nhân trong hệ thống phân công lao động xã hội.

Bản chất xã hội của lối sống trước hết thể hiện trong mối quan hệ qua lại giữa cái cá nhân và cái xã hội. Trong các hoạt động sống của con người, con người chiếm lĩnh những điều kiện xã hội, hòa nhập vào lối sống chung của một xã hội nhất định. Trong quá trình chiếm lĩnh những điều kiện xã hội, con người tự nâng cao và định hướng giá trị của mình theo các chuẩn mực xã hội.

Bản chất xã hội của lối sống phản ánh những quá trình, mà nhờ đó con người hình thành những đặc điểm và những đặc tính của mình với tư cách một con người của xã hội ấy. Lối sống xác định những khả năng khách quan hiện diện trong xã hội. Những khả năng ấy được thực hiện, được biểu hiện thông qua những cá nhân riêng lẻ. Lối sống là sự thống nhất giữa điều kiện khách quan của xã hội với các quá trình hoạt động chủ quan của cá nhân. Đó là sự thống nhất giữa những mệnh lệnh bên ngoài của xã hội với những lĩnh vực bên trong của tâm lý, tình cảm, tư tưởng cá nhân. Vì thế, bản chất xã hội của lối sống không phải chỉ là các điều kiện kinh tế - xã hội - chính trị - văn hóa khách quan, và cũng không phải chỉ là quá trình hoạt động chủ quan của cá nhân. Bản chất xã hội của lối sống xác định mức lựa chọn của cá nhân giữa những đường hướng hoạt động, hành vi khác nhau do xã hội đem lại một cách khách quan. Bản chất xã hội của lối sống biểu thị trước tiên khả năng con người biết sử dụng thế giới sự vật đa dạng, biết ứng xử phù hợp với hoạt động sống trong những điều kiện xã hội nhất định.

Những cơ chế riêng để điều chỉnh lối sống cá nhân là tập hợp những thành tố: 1) Yêu cầu của xã hội và hệ chuẩn mực xã hội mà cá nhân hoạt động sống; 2) Trình độ giáo dục, tự giáo dục và giáo dục lại của cá nhân; 3) Những thói quen và sự tích lũy kinh nghiệm sống của cá nhân; 4) Các nhu cầu, thị hiếu và lý tưởng sống của cá nhân. Đó chính là cơ chế điều chỉnh lối sống của cá nhân trong quan hệ biện chứng với lối sống của xã hội.

Trong quan hệ biện chứng giữa lối sống cá nhân và lối sống của xã hội

thì lối sống của xã hội là hoạt động sống cơ bản. Nó chi phối các hoạt động sống của cá nhân. Các lợi ích của cá nhân phải thực hiện thông qua các lợi ích của xã hội, bởi lợi ích xã hội là tổng hợp những lợi ích của cá nhân. Trình độ tự giác của cá nhân là nhân tố quan trọng để hòa nhập và làm phong phú cả lối sống của cá nhân lẫn lối sống của xã hội.

Bản chất xã hội của lối sống không chỉ thể hiện ở tính đặc thù về phương thức sản xuất, mà còn thể hiện ở ngay chính những mâu thuẫn trong một phương thức sản xuất. Trong phương thức sản xuất dưới chế độ phong kiến có lối sống của địa chủ và nông dân. Trong phương thức sản xuất của chế độ tư bản có lối sống của tư sản và công nhân. Nhìn đại cục trong các xã hội có áp bức, bóc lột giai cấp, có lối sống của người bị bóc lột và lối sống của kẻ đi áp bức, bóc lột. Có thể nói, cái dễ nhìn thấy nhất bản chất xã hội của lối sống là tính giai cấp của nó.

Bản chất xã hội của mỗi lối sống không chỉ phản ánh các quan hệ giai cấp xã hội mà nó phụ thuộc, mà còn có mối liên hệ với lịch sử, với truyền thống, với một quốc gia nhất định. Vì thế, bản chất xã hội của lối sống còn được quy định bởi tính dân tộc của nó.

Bản chất xã hội của lối sống không chỉ gắn liền với phương thức sản xuất, với địa vị của người lao động, người quản lý trong phương thức đó, mà còn gắn với đặc điểm tâm lý, với truyền thống văn hóa, với khí chất của dân tộc. Nhiều lối sống trong cùng một chế độ phong kiến, nhưng có những kết cấu tôn giáo khác nhau mà có phong cách sống không giống nhau.

Tính đặc thù dân tộc tạo ra không chỉ sự khác biệt trong lĩnh vực tinh thần, mà còn cả trong lãnh vực vật chất của lối sống. Bản chất xã hội của lối sống nhìn từ tính dân tộc của nó có thể thấy các khác biệt trong cơ cấu tổ hợp kinh tế, trong cường độ, nội dung và các khuynh hướng của các quan hệ ngoài kinh tế, trong tổ chức chính trị, phân công lao động, trong các đặc thù tạo nên những phong tục, tập quán riêng biệt.

Tính bền vững của lối sống là do tính dân tộc của nó tạo thành. Tính dân tộc kết tinh các kinh nghiệm sống trong lịch sử, hòa nhập vào các phương

thức sản xuất mới tạo ra những chương trình hoạt động sống phản ánh nhiều giá trị của nền văn hóa truyền thống mà vẫn mang tính hiện đại. Vấn đề bản sắc dân tộc của lối sống vì thế không chỉ là tiếp tục những hoạt động sống đã có mà còn phát triển những thành tố mới. Lối sống đương đại của nhiều dân tộc sở dĩ không phá vỡ mạnh mẽ những cơ cấu xã hội khi có sự bùng nổ của quá trình tăng trưởng kinh tế, bởi vì các chương trình trong các hoạt động sống truyền thống không những không bị phá bỏ, mà còn tự đổi mới dần dần do sự ổn định của tính dân tộc tạo nên.

Có thể nói, đứng về bản chất xã hội, người ta có thể nhận diện một số lối sống cơ bản theo những tiêu chí dưới đây:

Một là, theo tiêu chí giai cấp, lối sống được nhận diện từ quan điểm về hình thái kinh tế - xã hội. Qua đó có các lối sống chủ nô và nô lệ, địa chủ và phong kiến, tư sản và công nhân, lối sống trong chủ nghĩa xã hội.

Hai là, theo tiêu chí hệ tư tưởng, từ đây có thể nhận diện thêm cả lối sống của các nhân cách trong một phương thức sản xuất. Lối sống của các bậc quân tử, của các nho sĩ, đạo sĩ, tăng ni, phật tử, công nhân, nhà tư bản, người mácxít.

Ba là, theo tiêu chí sinh thái, từ đây có thể thấy thêm lối sống thuộc các vùng, các miền sinh thái: lối sống người vùng cao, lối sống người vùng biển, lối sống người vùng đồng bằng, lối sống ở đô thị, lối sống nông thôn.

Bốn là, theo tiêu chí lao động nghề nghiệp, từ đây có thể nhận thức thêm các lối sống thuộc các lĩnh vực lao động cụ thể: lối sống của những người làm nghề nông, lối sống của những người làm nghề máy móc, lối sống của trí thức, thương nhân và vô số các ngành nghề khác nhau như nghề y học, nghề kiến trúc...

Có thể nói, lối sống là một lĩnh vực rất rộng. Nó là thành tố hợp thành của một nền văn hóa. Nó có mối liên hệ với lao động, sinh hoạt và toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội từ truyền thống đến hiện đại, từ dân tộc đến tộc người, từ cá nhân đến xã hội, từ dân tộc đến quốc tế.

1.1.3. Sự vận động của lối sống trong các xã hội trước chủ nghĩa xã hội

Tác nhân quan trọng đầu tiên và bao trùm làm thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống là phương thức sản xuất, theo đó là các chế độ xã hội và sự thay đổi hệ tư tưởng. Tác nhân này đã làm hình thành các kiểu lịch sử của lối sống theo phương thức sản xuất của cộng đồng nguyên thủy, phương thức sản xuất của chế độ nô lệ, phương thức sản xuất của chế độ phong kiến, phương thức sản xuất của chế độ tư bản và phương thức sản xuất của chủ nghĩa xã hội. Trong các phương thức sản xuất trước chủ nghĩa xã hội có sự vận động phức tạp của nhiều lối sống khác nhau, bởi vì quan hệ của các giai cấp với tư liệu sản xuất và vị trí của mỗi giai cấp trong hệ thống sản xuất xã hội khác nhau. Trong quá trình tồn tại và phát triển của mỗi phương thức sản xuất ấy, do có cuộc đấu tranh giai cấp mà có sự chuyển biến không ngừng về lối sống của nhiều giai tầng khác nhau.

Trong mỗi phương thức sản xuất trước chủ nghĩa xã hội, lối sống của giai cấp thống trị thường chi phối diện mạo kiểu lịch sử cơ bản của lối sống. Các lối sống trong các phương thức sản xuất trước chủ nghĩa xã hội dù có đối lập quyết liệt, nhưng vẫn trong khuôn khổ điều kiện kinh tế - xã hội có giai cấp. Vì vậy, các tác nhân làm thay đổi kiểu lịch sử của lối sống trước chủ nghĩa xã hội thực ra chưa triệt để, bởi nó còn duy trì những quan hệ người áp bức, bóc lột người; do đó, có lối sống của kẻ thống trị và lối sống của người bị trị.

*Tác nhân thứ hai làm thay đổi lối sống trên một diện rộng trong mỗi một phương thức sản xuất, đó là sự thay đổi cơ cấu lao động, sự chuyển biến sâu sắc về lực lượng sản xuất. Các phát minh khoa học, những sáng chế, các cuộc cách mạng công nghệ, các quá trình công nghệ hóa, hiện đại hóa đã làm đảo lộn tận gốc rễ các kỹ năng lao động, các phong tục, các tập quán, tạo nên sự vận động rất sâu sắc của lối sống. Ba cuộc cách mạng: *cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa* đều tạo nên những rung chuyển, những chấn động sâu rộng làm thay đổi rất nhiều các hoạt động sống trong mỗi phương thức sản xuất. Cuộc cách mạng nào cũng ảnh hưởng sâu rộng đến lối sống của xã hội, làm thay đổi cả số lượng, chất lượng, thời gian lao động và các quá trình hưởng thụ, sáng tạo văn hóa*

của nhiều tầng lớp xã hội.

Cùng với các cuộc cách mạng thay đổi cơ cấu thời gian và chất lượng lao động xã hội, có thể nói các cuộc chiến tranh, các cuộc cải tạo xã hội là *tác nhân lớn thứ ba* thay đổi lối sống trong xã hội. Các chính sách thời chiến, các mục tiêu cải tạo xã hội đã làm thay đổi lối sống của hàng chục triệu người trong xã hội.

Tác nhân thứ tư, đó là sự thay đổi chế độ nhân khẩu rộng lớn cũng làm thay đổi lối sống của một bộ phận lớn dân cư trong xã hội. Các cuộc di dân, các làn sóng nhập cư, các quá trình xuất nhập khẩu lao động lớn, các cuộc chuyển đổi dân cư từ thành phố về nông thôn, từ nông thôn ra thành phố làm thay đổi văn hóa sinh tồn và văn hóa giao tiếp. Mức sống, phong cách sống, nếp sống, nhịp sống thay đổi trong quá trình này đã dẫn đến thay đổi trong lối sống.

Có thể nói, có rất nhiều tác nhân làm thay đổi lối sống xã hội. Song, trong các tác nhân làm thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống, thì chỉ có tác nhân thay đổi phương thức sản xuất là tác nhân quan trọng nhất. Tác nhân này bao trùm và chi phối nhiều tác nhân khác. Trong các tác nhân thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống, thì chỉ có *sự chuyển biến từ xã hội có giai cấp sang xã hội không giai cấp; từ phương thức sản xuất có áp bức, bóc lột mới sang phương thức sản xuất không có áp bức, bóc lột mới tạo ra sự thay đổi căn bản, mạnh mẽ, quyết liệt nhất trong lĩnh vực lối sống.*

Lối sống của các xã hội sau các xã hội có áp bức, bóc lột giai cấp là lối sống khác với lối sống trong các xã hội tư bản và tiền tư bản. Đây là một bước ngoặt thực sự về lối sống. Trong lối sống của xã hội sau chủ nghĩa tư bản, những biến đổi về chất diễn ra trên mọi lĩnh vực của hoạt động sống của con người. Lối sống sau lối sống của chủ nghĩa tư bản là một cuộc cách mạng toàn diện trong lĩnh vực cuộc sống của con người.

Trong mỗi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống hay là trong mỗi lối sống lịch sử của phương thức sản xuất nhất định đã từng diễn ra nhiều tác nhân làm thay đổi lối sống cục bộ và cơ cấu cục bộ của lối sống trong phương thức sản xuất ấy. Những cuộc cải cách, những cuộc khởi nghĩa, những cuộc cách mạng

trong nội bộ của một phương thức sản xuất không làm thay đổi kiểu lịch sử của lối sống. Chỉ có cuộc cách mạng, cuộc chiến tranh, cuộc đổi mới nào thay đổi phương thức sản xuất thì mới thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống.

Có thể nói, trong những năm gần đây, do lực lượng sản xuất trong các nước tư bản phát triển mạnh làm thay đổi nhiều yếu tố của quan hệ sản xuất, tạo ra nhiều thay đổi trong lối sống của nó. Tuy nhiên, về bản chất, xã hội tư bản là xã hội tiêu dùng, xã hội cá lớn nuốt cá bé, xã hội có phân tầng xã hội rất sâu, chủ nghĩa cá nhân phát triển cao, lối sống thực dụng rất phổ biến. Về bản chất, kiểu lịch sử của lối sống đại biểu cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không thay đổi, mà chỉ có sự thay đổi một số lối sống của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội tư bản.

Hiện nay, bằng các làn sóng tin học, làn sóng xuất khẩu, làn sóng đầu tư, giai cấp tư sản, đặc biệt là Mỹ vẫn muốn quốc tế hóa lối sống tiêu dùng của nó. Bằng sự can thiệp nhân đạo vào một số nước khác, bằng việc truyền bá ngôn ngữ, học thuật, tư tưởng, giai cấp tư sản mong muốn xác lập lối sống của chủ nghĩa đế quốc theo con đường tự nguyện. Sự vận động lịch sử này của kiểu lối sống tư bản chủ nghĩa nhân danh đế quốc văn hóa đang hướng vào giới trẻ ở các nước chậm và đang phát triển bằng tin học, điện ảnh và những làn sóng khác. Trước thực trạng lối sống phương Tây, lối sống Mỹ đang khát khao quốc tế hóa các giá trị của nó, thì việc xây dựng kiểu lịch sử của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

1.2. Bản chất của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa

1.2.1. Các điều kiện khách quan hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa

Theo quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của sản xuất; tính chất cách mạng và sự vận động không ngừng của lực lượng sản xuất thì trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đã xuất hiện một cuộc cách mạng về khoa học, kỹ thuật và công nghệ nhằm phá vỡ những bế tắc trong sản xuất tư bản

chủ nghĩa, đẩy nhanh nhịp độ của sản xuất. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật không chỉ làm thay đổi rất nhiều thành tố của lối sống tư sản, mà còn làm thay đổi nhiều hệ thống giá trị, những chuẩn mực sống ở nhiều dân tộc trên hành tinh này.

Sự thay đổi các chuẩn mực giá trị do cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật đầu thế kỷ XX tạo ra có tính chất hai mặt rõ rệt. Một mặt, nó thúc đẩy nhanh quá trình thay đổi lối sống theo cơ cấu lao động mới; mặt khác, nó cũng làm nảy sinh rất nhiều rối loạn trong lối sống. Những phát minh khoa học, những hàng hóa, những thị trường, những động cơ, những lợi ích làm sôi động nhịp sống của con người, đồng thời nó cũng tàn phá tới tận gốc rễ các chuẩn mực giá trị đạo đức truyền thống, đề xuất cách xác lập các giá trị mới. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật đã từng kích thích các giá trị và làm xuất hiện thêm những phản giá trị trong lối sống.

Nhờ các thành tựu khoa học và công nghệ mới, giai cấp tư sản đã quốc tế hóa sự bóc lột giá trị thặng dư bằng các cuộc chiến tranh xâm lược. Trong quá trình nô dịch và không ngừng cướp bóc tài sản của nhân dân các nước thuộc địa, dưới chiêu bài khai hóa, giai cấp tư sản đã quốc tế hóa lối sống tư sản, áp đặt các kiểu sống của mình lên các dân tộc bị áp bức, bóc lột. Kết quả là phong trào giải phóng dân tộc dâng lên cuồn cuộn ở khắp mọi nơi nhằm chống lại lối sống tư sản, đòi quyền độc lập dân tộc, gìn giữ bản sắc văn hóa và lối sống dân tộc.

Sự chín muồi của những điều kiện vật chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn với sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn phát triển mới của nó – giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản tư nhân tư bản chủ nghĩa đã đẻ ra một chuỗi các mâu thuẫn khác trong lối sống xã hội. Chiều hướng của tích lũy tư bản chủ nghĩa đã phân tầng xã hội rất sâu; một bên thì của cải ngày càng tập trung; bên kia thì ngày càng nghèo đói. Sự phân tầng ấy biểu hiện rõ rệt trong lối sống dưới thời kỳ đế quốc chủ nghĩa đã tích tụ những mâu thuẫn lớn tạo nên phong trào xã hội chủ nghĩa - động lực cơ bản và bao trùm của lối

sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Có thể nói, với cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật; với ba phong trào lớn của thế kỷ XX: phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa là điều kiện, là những tác nhân chủ yếu và tất yếu dẫn đến việc thay đổi kiểu sống lịch sử của lối sống tư bản chủ nghĩa thành kiểu sống lịch sử của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật; các phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ, phong trào xã hội chủ nghĩa đã tạo những tiền đề quan trọng để các dân tộc quá độ bước vào lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Trong nửa đầu thế kỷ XX đã có hàng loạt dân tộc đứng trước ngưỡng cửa của lối sống ấy; có hàng nghìn triệu người ở không ít các dân tộc đã bắt tay thật sự vào xây dựng lối sống ấy. Lối sống ấy đã mang lại một diện mạo thật mới mẻ cho các hoạt động sống trên hành tinh chúng ta. Lối sống ấy trước hết là một thành tựu vĩ đại của nhân loại.

1.2.2. Đặc trưng của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa

Cũng như tất cả các lối sống khác, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là kiểu lịch sử của lối sống thể hiện phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nó là một hình thức sinh sống mới của nền văn minh nhân loại ở đầu thế kỷ XX. Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi các hoạt động sống ở mọi nơi mà nó xuất hiện.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa do gắn bó chặt chẽ với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa nên nó giữ lại toàn bộ những giá trị mà con người đã sáng tạo trong hoạt động sống trước đó; nâng lên một tầm cao mới những di sản của quá khứ; mở ra những hoạt động sống mới phù hợp với phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Có thể nói lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa là một hình thức sinh sống gần quá khứ với hiện tại, dân tộc với quốc tế, cá nhân với xã hội, dân tộc với tộc người. Đó là hình thức vận động của cuộc sống trong những điều kiện vật chất và tinh thần mới mẻ của tiến trình phát triển lịch sử. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa là

sản phẩm tất yếu của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã vạch ra bản chất của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa là sự thay thế những quan hệ sống đã đánh mất tính người bằng những quan hệ nhân đạo cao cả dựa trên tài sản của tất cả mọi cá nhân liên kết lại thành một tập thể.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa trước hết là lối sống gắn liền với lao động kiểu mới. Lao động vì lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa mang một năng lượng giải phóng và một giá trị cao quý. Có thể nói lao động kiểu mới đồng hành với tính chất mới mẻ của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, người ta thấy rằng lao động trong chủ nghĩa xã hội không phải là lao động áp bức, bóc lột. Lao động trong chủ nghĩa xã hội cũng là lao động cá nhân, nhưng mỗi cá nhân đều lao động cho mình và gắn với mục tiêu của tập thể. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa khuyến khích các hoạt động sáng tạo trên nền tảng của các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đó là các sáng tạo cho mình và cho tập thể. Đó là các sáng tạo không có động cơ áp bức, bóc lột người khác. Các sáng tạo này vừa phát triển năng lực cá nhân, vừa nâng cao các giá trị xã hội. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc: mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không tách rời sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò lãnh đạo của giai cấp ấy trong thực tế. Khi giai cấp công nhân làm cách mạng vô sản thủ tiêu chế độ tư hữu và biến những tư liệu sản xuất chủ yếu thành tài sản chung của nhân dân là sự khởi đầu xây dựng những nội dung rất mới trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân làm cách mạng vô sản biến đổi những điều kiện sản xuất và giao tiếp cũ, tạo dựng những hoạt động sống mới đều xuất phát từ chủ nghĩa nhân văn cao cả. Giai cấp công nhân trước hết là muốn mình có lối sống mới từ lao động của mình chứ không áp đặt lối sống của mình lên các giai cấp khác. Chính những hoạt động lao động và sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất do giai cấp công nhân xác lập là những điều kiện thiết yếu xoay đổi để

toàn bộ các hình thức sinh sống trong xã hội mới. Chỉ có chế độ sở hữu xã hội mới tăng cường được những lợi ích vật chất và tinh thần, phát triển số lượng và chất lượng của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, lối sống dân tộc hiện đại xã hội chủ nghĩa là toàn bộ các hoạt động sống cơ bản của con người trong điều kiện kinh tế – chính trị của chủ nghĩa xã hội. Đó là lối sống gắn liền với chế độ sở hữu xã hội và sự giác ngộ chính trị của tuyệt đại đa số nhân dân tham gia xây dựng cuộc sống mới dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đó là lối sống gắn liền truyền thống với hiện tại, quá khứ với hiện tại, dân tộc với tộc người, cá nhân với xã hội theo hệ tư tưởng vô sản.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa tuy là sản phẩm tất yếu của kiểu sống lịch sử sau lối sống kiểu tư bản chủ nghĩa, nhưng nó không hình thành một cách dễ dàng. Theo V.I. Lênin, để hình thành một lối sống mới như vậy, buộc phải trải qua những trải nghiệm phức tạp, khó khăn. Cuộc trải nghiệm này đòi hỏi sự hoạt động tích cực mang ý nghĩa lịch sử khổng lồ của tất cả những người lao động. Nó đòi hỏi phải thực hiện bước chuyển biến vĩ đại trong mọi hoạt động sống đã thành thâm căn cố đế của người lao động. Phải gắn chủ nghĩa tập thể trong lao động với cơ sở xã hội hóa tư liệu sản xuất.

Trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa thì *chủ nghĩa tập thể là đặc trưng quan trọng nhất*. Nó biểu hiện sự khác biệt căn bản với kiểu sống tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tập thể là thước đo mức độ phúc lợi của con người, là linh hồn sống của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân là *một lối sống thống nhất trong đa dạng*. Khác với các xã hội trước chủ nghĩa xã hội là các xã hội có đối kháng giai cấp, nên lối sống trong các xã hội ấy mâu thuẫn với nhau gay gắt; lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức khác nhau nhưng chúng không đối lập nhau. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa dần dần xóa bỏ những khác biệt trong lối sống của các tầng lớp xã hội khác nhau, song không những không làm đồng nhất hóa tất cả các đặc điểm cá nhân, mà còn làm đa dạng hóa,

phong phú hóa các đặc điểm đó.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa không phải là những hoạt động sống bên ngoài dân tộc, giai cấp và thời đại sản sinh ra nó. Trong hành tinh của chúng ta, các hoạt động sống đều diễn ra ở các quốc gia dân tộc, ở các vùng lãnh thổ, những điều kiện địa lý khác nhau. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có những hình thức biểu hiện đặc thù dân tộc của nó. Tính đặc thù dân tộc trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa được quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể, những truyền thống văn hóa, những phong tục tập quán trong hoạt động sống của mỗi dân tộc, tính đặc thù ấy không chỉ thể hiện trong lĩnh vực hoạt động tinh thần, mà còn ở trong kỹ năng lao động và hoạt động chính trị xã hội. Chính những khác biệt trong cơ cấu của tổ hợp kinh tế quốc dân, trong cường độ nội dung và khuynh hướng của các quan hệ trong và ngoài kinh tế đã ảnh hưởng đến tính chất phân công lao động, đến các hoạt động sống của mỗi dân tộc khác nhau, mặc dù có chung những điều kiện về sở hữu xã hội trong quan hệ sản xuất.

1.2.3. Nội dung cơ bản của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa

Để giải phóng con người khỏi những hạn chế tư sản, để thiết lập lối sống mới trong thế giới con người, suốt cả thế kỷ XX, nhân loại đã tiến hành những phong trào rộng lớn, *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội*. Các phong trào ấy bao chứa các giải pháp văn hóa của mục tiêu xóa bỏ các hạn chế của lối sống kiểu tư sản để thiết lập một nấc thang mới trong hành trình xây dựng lối sống kiểu mới. Mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội có nội dung xuyên suốt là giải phóng con người. *Giải phóng sự áp bức giai cấp* để giải phóng các hạn chế tư sản trong phương thức tiến hành tổ chức lao động bằng cách người này đi áp bức bóc lột người khác. *Giải phóng dân tộc, thủ tiêu chế độ thực dân* để giải phóng con người ở các dân tộc mà giai cấp tư sản đã ngang nhiên dưới chiêu bài khai hóa để đè nén, áp bức bóc lột làm ngu dân hóa hàng tỷ con người trên hành tinh này. *Giải phóng xã hội* là nấc thang giải phóng con người cao nhất, là nấc thang khắc phục toàn diện các hạn chế của con người, phát triển con người về mọi

mặt, mang các giá trị thật của con người để trả lại cho con người.

Cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội trong thời đại ta có nội dung cơ bản là giải phóng và phát triển toàn diện con người. C.Mác nói rằng, trong chủ nghĩa xã hội sẽ xuất hiện một lối sống kiểu mới “một liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa nhằm thay đổi triệt để những quan hệ phi nhân tính trong lối sống, giải phóng năng lượng sáng tạo của những con người xây dựng lối sống mới. Đây là một mục tiêu rất vĩ đại và nhân văn trong nội dung xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Nội dung nhân đạo sâu sắc của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa còn thể hiện ở việc các dân tộc trong chủ nghĩa xã hội đều bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, khẩu hiệu “tất cả cho con người, vì hạnh phúc của con người, con người là vốn quý nhất” đã được tôn vinh, đề cao và được thực hiện trong thực tế. Trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa, dân tộc – giai cấp – nhân loại được hòa chung vào tình người.

Chủ nghĩa yêu nước là nội dung quan trọng của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa xã hội mở rộng không ngừng các quan hệ quốc tế. *Trước hết*, sự phát triển của lực lượng sản xuất ấy đi kèm theo sự dẫn đường của hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa yêu nước thấm nhuần tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa. *Thứ đến*, do phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở một dân tộc đã đoàn kết nhân dân lao động và những người vô sản chống áp bức, bóc lột lại với nhau. Thấm tình hữu nghị anh em trở thành tinh thần yêu nước quốc tế vô sản. *Thứ ba*, là sự mở rộng các quan hệ quốc tế đến với loài người làm cho lối sống dân tộc – hiện đại gắn với các quá trình giải phóng con người trên toàn thế giới. Có thể nói, nội dung yêu nước quốc tế đã khắc phục tính dân tộc hạn hẹp, chủ nghĩa dân tộc vị quốc hay chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Chủ

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.628.

nghĩa yêu nước quốc tế là nội dung không thể thiếu của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa yêu nước quốc tế là linh hồn sống của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Một nội dung quan trọng nữa trong các thành tố của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa là tinh thần dân chủ. Tinh thần dân chủ là động lực thực sự của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Không có tinh thần dân chủ thì tất cả những hoạt động quản lý kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa sẽ bị thu hẹp và không thể phát huy sáng kiến của đông đảo nhân dân tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa có liên quan mật thiết đến sự phát triển và củng cố chủ nghĩa yêu nước quốc tế. Trong nội dung dân chủ của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa có yếu tố quyền bình đẳng dân tộc và tộc người. Khẳng định nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa là khẳng định tình hữu nghị, sự giúp đỡ chí tình giữa các dân tộc trong các hoạt động sống.

Do tinh thần dân chủ chi phối mà lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa luôn luôn tôn trọng tính đa dạng văn hóa. Nói tới nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa phải phân biệt hai phương diện của dân chủ. *Một là*, bản thân những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ của hoạt động sống. *Hai là*, việc thực hiện những quy tắc, các chuẩn mực, thể chế quy định ấy. Bởi vì, có những quy tắc tốt, nhưng có khi không được thi hành trong các hoạt động sống. Có khi chúng ta đã đề ra những nguyên tắc dân chủ, nhưng chưa có thiết chế hoạt động, thành ra những nguyên tắc chủ yếu ấy không được thực thi trong hoạt động sống.

Đạo đức với tư cách là một hình thái quan trọng của ý thức xã hội, một cơ chế điều chỉnh hành vi của con người, là phương thức xác lập mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, chúng trở thành mối dây liên hệ khăng khít giữa con người với con người trong hoạt động sống mới của chủ nghĩa xã hội.

Trái với nguyên tắc đạo đức chủ yếu của ý thức đạo đức tư sản, lối sống

của chủ nghĩa xã hội gắn với một chủ nghĩa nhân đạo sâu rộng. Nhiều lần C.Mác và P.Ăngghen, V.I. Lênin đã nói rằng, *nguyên tắc đạo đức cơ bản trong chủ nghĩa xã hội phải thống nhất các lợi ích của cá nhân với lợi ích của cộng đồng*. Trong chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại ba nhóm lợi ích: 1) Lợi ích tập thể; 2) Lợi ích cá nhân; 3) Sự hội nhập giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân. Trong chủ nghĩa xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích của xã hội là thước đo đạo đức của cá nhân. Và nhất định lợi ích tập thể phải đặt trên lợi ích cá nhân. Lợi ích của xã hội là tính thứ nhất trong các quan hệ đạo đức, bởi vì trong chủ nghĩa xã hội, chúng là phương tiện thỏa mãn nhu cầu và phát triển tài năng của các cá nhân. Vì thế, mục tiêu văn hóa của chủ nghĩa xã hội lấy thước đo đạo đức tập thể làm chuẩn mực của sự tiến bộ đạo đức. Tuy nhiên, bên ngoài lợi ích xã hội, trong chủ nghĩa xã hội cũng còn tồn tại lợi ích cá nhân. Lợi ích cá nhân đảm bảo cho đời sống đạo đức được vận hành đa dạng và phong phú. Không có lợi ích cá nhân, quan hệ đạo đức trong chủ nghĩa xã hội sẽ thiếu sức sống. Song lợi ích cá nhân không phải là mục tiêu văn hóa của sự phát triển xã hội chủ nghĩa, mà là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội mới là mục tiêu văn hóa của nó.

Như vậy giữa đạo đức xã hội chủ nghĩa và lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa không chỉ có mối liên hệ chặt chẽ mà còn có sự đồng nhất sâu sắc. Đạo đức xã hội chủ nghĩa là điều kiện để mỗi cá nhân nhận thức đâu là lợi ích cơ bản, đâu là lợi ích phụ thuộc, giúp cho con người tự giác điều chỉnh các hành vi của mình trong mọi hoạt động sống.

Trong chủ nghĩa xã hội, nhiều lệch lạc trong lối sống bắt nguồn từ sự thiếu tu dưỡng về đạo đức. Chủ nghĩa thực dụng, nạn quan liêu, hối lộ, ăn cắp tài sản công, ma túy, mại dâm, lừa đảo, thiếu lương tâm trong mọi quan hệ... là những nguy cơ to lớn làm băng hoại lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Vấn đề giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa trở thành nội dung quan trọng gạt bỏ các cản trở để cho lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa ngày càng góp phần tích cực mang lại phẩm giá cho mọi người.

Trên cơ sở những *cái đúng của tri thức khoa học* trong việc nâng cao

dân trí; *cái tốt của sự phát triển hài hòa các lợi ích*, lòng khoan dung; tất yếu lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa phải gắn với *cái đẹp*. Bởi cái đúng, cái tốt với cái đẹp là những *chị em sinh ba*, nên cái đúng có ảnh hưởng đến cái tốt và cái đẹp, ngược lại cái đẹp cũng ảnh hưởng sâu sắc đến cái đúng và cái tốt. Vì thế, nhân tố thẩm mỹ cũng trở thành nội dung quan trọng của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Bản chất lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã thể hiện những giá trị thẩm mỹ của nó. Trong sự phát triển lịch sử của các kiểu sống, rõ ràng lối sống dân tộc–hiện đại xã hội chủ nghĩa đã quyến rũ con người bằng cái đẹp của nó. Hàng mấy tỷ người trên hành tinh chúng ta đều hướng về lối sống đó.

Nội dung thẩm mỹ của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa thể hiện ở sự hơn hẳn của các lối sống của các xã hội có giai cấp. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa nhằm phát triển toàn diện con người. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa mang những giá trị của con người trả lại cho con người. Có thể nói nội dung thẩm mỹ đã mang lại cho lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa sức sống rất mạnh mẽ cùng với vẻ đẹp quyến rũ của nó.

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa khi đã gắn với tính dân tộc thì đồng thời nó cũng *gắn với điều kiện sinh thái*. Không có các hoạt động sống đã mang bản chất dân tộc hiện đại lại ở ngoài những điều kiện khí hậu, địa lý, môi trường tự nhiên. Các hoạt động lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi trong chủ nghĩa xã hội đều gắn với môi trường tự nhiên. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong việc sử dụng tự nhiên, bảo vệ tự nhiên, nâng cao sức khoẻ cho con người.

Trong chủ nghĩa xã hội, vấn đề phát triển hài hòa giữa con người và tự nhiên không chỉ dựa trên cơ sở sở hữu xã hội về tài nguyên thiên nhiên, mà còn bắt nguồn từ sự hiểu biết về ngôi nhà chung của con người, trong đó có sự thống nhất giữa tự nhiên - xã hội - con người. Khoa học, kỹ thuật phát triển, sự quản lý xã hội được nâng cao, khả năng khai thác hợp lý tài nguyên môi trường được thực hiện. Trên quan niệm thiên nhiên là điều kiện sống của

nhiều thế hệ người, lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa tuân thủ nguyên tắc sống: thoả mãn nhu cầu của con người hôm nay không những không làm tổn hại đến nhu cầu sống của các thế hệ mai sau mà còn tạo điều kiện cho thế hệ mai sau sống tốt hơn.

1.3. Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay

1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lối sống dân tộc- hiện đại

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, từ bài báo đầu tiên đến lời di chúc cuối cùng và ngay cả những giây phút trước khi từ giã thế giới này, Hồ Chí Minh đã dành hết tâm sức để quan tâm toàn diện đến vấn đề con người trong quá trình xây dựng lối sống mới ở Việt Nam.

Trước hết, Hồ Chí Minh quan niệm rằng, mỗi xã hội cần phải có một lối sống và một kiểu người đại diện cho nó. Cho đến những năm đầu thế kỷ XX, trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã xuất hiện tư tưởng về việc rèn luyện, giáo dục để hình thành một lối sống kiểu mới. Đó là lối sống của người cách mạng. Lối sống này chưa từng xuất hiện trong tiến trình phát triển của lịch sử xây dựng xã hội Việt Nam. Đó là lối sống gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, với việc giải phóng những người lao động trên toàn thế giới. Đó là lối sống kết hợp trong hoạt động sống lý tưởng xã hội cao đẹp, lòng yêu nước sâu sắc, có tinh thần quốc tế trong sáng. Lối sống này là sản phẩm của các phong trào lớn của thế kỷ XX: *phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*.

Ngay từ những năm 1925, trong cuốn *Đường cách mệnh*, ở những trang đầu tiên của tác phẩm này, Hồ Chí Minh đã nêu 25 điểm về cách sống mới. Đó là cách sống: “Quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể, hoà mà không tư, vị công vong tư, giữ gìn chủ nghĩa cho vững...”¹ Đó là sự kiện lớn thứ nhất mà Hồ Chí Minh định hướng xây dựng và phát triển xã hội Việt Nam theo hướng sống nhân văn kiểu mới. Hướng sống nhân văn này khác hẳn với hướng sống nhân văn của các xã hội cũ. Đây là hướng sống nhân văn tiến tới xoá bỏ hoàn toàn áp bức bóc lột dân tộc và giai cấp, con người được sống trong xã hội độc lập tự do hạnh phúc. Để xây dựng và phát triển một lối sống mới có khả

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr..260.

năng giải phóng sức sáng tạo của hàng triệu quần chúng lao động, Hồ Chí Minh đã trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào văn hoá Việt Nam.

Học tập các tư tưởng cách mạng của Mác, của Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc rằng, một xã hội nhân đạo phải là một xã hội phát huy được toàn diện sức mạnh sáng tạo của nhân dân, phải chăm sóc mọi mặt cho sự phát triển của nhân dân và hiểu rõ các năng lực vô tận của nhân dân trong việc tổ chức cuộc sống mới.

Tổng hợp toàn bộ các quan niệm về sức mạnh của nhân dân trong các nền văn hoá Đông- Tây, kết hợp các tư tưởng truyền thống ở Việt Nam; Hồ Chí Minh đã nêu lên một triết lý tổng quát trong việc định hướng xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại từ sức mạnh của nhân dân. “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹. Do đó khi xây dựng toàn bộ cuộc sống mới, Hồ Chí Minh coi quan điểm nhân dân là cơ sở nền tảng của sự phát triển lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam. Vì thế, khi xây dựng và phát triển lối sống mới, Hồ Chí Minh đã quan tâm sâu sắc đến các quan hệ quyền lực trong xã hội và khẳng định trước hết quyền lực phải thuộc về nhân dân. Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm triệt để đến lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân lao động và mọi tầng lớp người trong xã hội. Hồ Chí Minh viết rằng: “Chính sách của Đảng và chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống nhân dân. Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”².

Trong hoạt động thực tiễn xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại, trước hết Hồ Chí Minh quan tâm đến *quyền và nghĩa vụ của con người*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một xã hội nhân đạo phải xây dựng lối sống dân chủ. Dân chủ là bản chất của lối sống dân tộc- hiện đại. Đó là lối sống của một xã hội mà mỗi công dân được hưởng *quyền tự do dân chủ và biết sử dụng quyền đó*. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 276.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.572.

hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nếu nước là của dân, dân là chủ thì tích cực chính trị trong nhân dân sẽ được phát huy, các sáng kiến của nhân dân như các dòng sông đổ vào biển lớn. Một lối sống nhân đạo sẽ được kiến tạo.

Tuy Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến lợi ích chung, nhưng Người cũng khẳng định rằng, một lối sống hiện đại nhân văn tiến bộ đều có các lợi ích riêng. “Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu”. Cho nên “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân”².

Xây dựng và phát triển lối sống hiện đại ở Việt Nam theo hướng nhân văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói đạo đức là gốc của xã hội. Mỗi người đều có đức và có tài thì xã hội mới tiến bộ được. Chủ tịch Hồ Chí Minh ví một con người có tài mà thiếu đức như một nhà làm kinh tế giỏi mà lại để thụt két, thì tài đó không những không có lợi ích gì cho loài người mà còn có hại nữa. Và ngược lại, nếu có đức mà lại thiếu tài thì như một ông bụt không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người³.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thì lối sống nhân đạo nhất, văn minh nhất đó chính là lối sống của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản “đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc”⁴.

Nhận thức rằng, giải phóng quần chúng nhân dân thoát khỏi chế độ cũ là bước khởi đầu quan trọng để xây dựng lối sống mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đời sống mới* để định hướng toàn diện việc xây dựng lối sống mới cho hàng triệu người dân nghèo khổ ở nước ta. *Trước hết*, “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũ cũng làm mới. Cái gì cũ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.8.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t9. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.291.

³ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t9. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.172.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.461.

mà *xấu*, thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà *tốt*, thì phải phát triển thêm. Cái gì *mới* mà *hay*, thì ta phải làm.

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích của đời sống mới.”¹ Muốn vậy phải “sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc.”² Đồng thời phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Người cho rằng: “Tăng gia sản xuất tức là một bộ phận trong đời sống mới. Có tinh thần đời sống mới, thì tăng gia sản xuất mới chóng thành công. Mà tăng gia sản xuất có thành công, thì đời sống mới dễ thực hiện.

Muốn tăng gia sản xuất, mọi người phải *Cần*, phải *Kiệm*. *Không Cần* thì phí thời giờ nhiều mà sản xuất được ít. *Không Kiệm* thì làm được bao nhiêu, dùng hết bấy nhiêu, rút cục cũng như sản xuất ít. Tăng gia sản xuất ích riêng cho mình mà cũng ích chung cho cả nước. Nếu không có tinh thần *Liêm* và *Chính*, nếu tham lam ích kỷ, thì không thể phát đạt việc tăng gia sản xuất. Vì vậy, tăng gia sản xuất và đời sống mới phải đi đôi với nhau, không thể lìa nhau.”³

Hồ Chí Minh còn đề ra cách thực hiện đời sống mới cho mỗi người Việt Nam. “Bây giờ lấy một người chung mà nói, nghĩa là một người quốc dân Việt nam, không kỳ giàu hay nghèo, già hay trẻ, gái hay trai, thì đời sống mới đại khái gồm mấy điểm sau này:

Về *tinh thần*, một là sốt sắng yêu Tổ Quốc. Việc gì có lợi cho nước phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước phải hết sức tránh.

Hai là *sẵn lòng công ích*. Bất kỳ việc to việc nhỏ, có ích chung thì phải hăng hái làm. Thí dụ: Thấy một ngành gai nằm giữa đường, ta lấy vất đi, cho người khác khỏi dẫm phải. Thế cũng là công ích. Hy sinh tài sản giúp kháng chiến, đồng bào tản cư, di cư, cũng là công ích.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.94-95.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.95.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.98.

Ba là mình hơn người thì chớ kiêu căng.

Người hơn mình, thì chớ nịnh hót.

Đối của mình thì chớ bủn xỉn.

Cách ăn mặc phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, chớ lượt lợt, xa xỉ, lòe loẹt.

Cách làm việc, phải siêng năng, có ngăn nắp, có tinh thần phụ trách, đã làm việc gì thì làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn. Chớ làm dối.

Cách cư xử, đối với đồng bào thì nên thành thực, thân ái, sẵn lòng giúp đỡ.

Biết ham học. Trước hết là học chữ, học làm tính...Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ.

Đó là đời sống mới của một người. Thử hỏi có gì cao xa, khó khăn không? Không có gì là khó. Không cần thông minh tài trí, miễn là mình muốn làm, có chí làm thì nhất định làm được. Ai cũng làm như thế, thì tự nhiên nước Việt Nam ta trở nên một nước mới, một nước văn minh.”¹

Hồ Chí Minh còn đề cập cách xây dựng *đời sống mới* trong *một nhà, một làng, một trường học, trong xưởng máy, trong công sở; đối với trẻ em, người lớn, bộ đội, học sinh, thầy giáo, viên chức, cán bộ...*

Nhưng Người cũng lưu ý rằng để thi hành đời sống mới đừng nên ép buộc, đừng hăng hái quá mà hỏng việc “tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước”².

Trong tư tưởng về lối sống dân tộc- hiện đại, mong muốn lớn nhất của Người là xây dựng một lối sống xã hội chủ nghĩa trong một xã hội văn hoá cao. Xã hội văn hoá cao đó là xã hội: nhân dân lao động xoá bỏ các phong tục, tập quán, các thành kiến lạc hậu, hấp thu có chọn lọc thành quả văn minh của nhân loại, phát triển các giá trị tốt đẹp của truyền thống; các dân tộc đều sống hoà hợp, bình đẳng, thống nhất và đa dạng; lợi ích của cá nhân và tập thể được phát triển hài hoà; mỗi người đều phát triển nhân cách, các thế hệ nối tiếp

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.99-100.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.108.

nhau bền vững, các tầng lớp và các giới tính hoà hợp, đặc biệt là khoa học và giáo dục phải phát triển.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: Chúng ta mới ở trình độ sản xuất thấp. Muốn xây dựng lối sống mới phải phấn đấu trong một thời gian dài, mà mục tiêu trước hết “nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn đói, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”¹. Quá trình đẩy mạnh sản xuất là một quá trình vừa không ngừng nâng cao trình độ khoa học, vừa nhân đạo hoá các quan hệ lao động. Đồng thời phải quan tâm đến việc giác ngộ chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cho nhân dân, “phải dạy lý luận Mác- Lênin cho mọi người”²; phải chống lại sự dốt nát, phải đào tạo trí thức công nông hoá, phải tạo ra sự phát triển đồng đều về dân trí, cần tạo ra một hệ thống nhà trường cách mạng làm cơ sở phát triển lối sống văn minh, tiến bộ trong xã hội văn hoá cao.

Có thể nói, lối sống trong xã hội văn hoá cao trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là lối sống dân tộc- hiện đại. Lối sống ấy chất lọc những nét còn phù hợp, những nét đẹp, bổ sung những nét khiếm khuyết của quá khứ đồng thời nó tiếp thu và thẩm nhuần nét hiện đại, tiên tiến của thời đại. Đó là lối sống dựa trên cộng đồng các lợi ích căn bản; gắn cái đúng với cái thật, cái tốt làm cho mọi người được sống, được hưởng thụ văn minh và hạnh phúc. Lối sống ấy coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, là nguồn tạo nên hạnh phúc của mọi người và cho cả thế hệ mai sau. Đó là lối sống mà người lao động trở thành nhân vật trung tâm, lao động trí óc và lao động chân tay đoàn kết xây dựng cuộc sống mới. Đó là lối sống mà các giá trị cơ bản của con người được trả lại cho con người.

Như vậy, *trong tư tưởng Hồ Chí Minh thì văn hoá - đạo đức - lối sống là những thành tố không thể tách biệt. Một con người, một xã hội có lối sống lành mạnh, đẹp đẽ thì phải là một con người, một xã hội có chuẩn mực, giá trị*

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t10. Nxb, Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.17.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t6. Nxb, Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.46.

đạo đức nhân đạo và một nền văn hoá phát triển cao. Vì vậy trong đề tài, chúng tôi coi những yếu tố đó gắn bó biện chứng, thống nhất.

1.3.2. Khái niệm lối sống dân tộc – hiện đại theo quan niệm của Đảng ta

Cách mạng Tháng Mười đã mở ra một trang mới trong lịch sử loài người: thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mặc dù trong những thập kỷ qua chủ nghĩa xã hội đã có những tổn thất to lớn nhưng không vì thế mà xu thế của xã hội loài người thay đổi. Đảng cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam vẫn vững bước trên con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn, đang tích cực xây dựng một đời sống mới ấm no, tự do, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng khẳng định nền văn hóa mới của chúng ta là "nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"¹. Hiến pháp năm 1992 của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thể chế hóa đường lối văn hóa ấy bằng ba đặc trưng cơ bản: "dân tộc, hiện đại, nhân văn"². Trong một tác phẩm quan trọng của nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười thể hiện khát vọng của nhân dân về chân, thiện, mỹ khi cụ thể hóa văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng cũng đã viết: nền văn hóa của chúng ta phải là nền "văn hóa của chủ nghĩa xã hội, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn"³. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đường lối của Đảng khẳng định thời kỳ này chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tất nhiên lối sống mới mà nhân dân ta đang xây dựng phải là lối sống dân tộc – hiện đại. Đó là lối sống theo các chuẩn mực của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1991, tr.9.

² *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.146.

³ Đỗ Mười: *Thể hiện khát vọng của nhân dân về chân, thiện, mỹ*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993, tr.133.

Đại hội Đảng lần thứ VI, lần thứ VII, lần thứ VIII, lần thứ IX và lần thứ X, suốt hơn hai thập kỷ vừa qua đều nhấn mạnh rằng chúng ta phải xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại, bởi nó không chỉ có ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ các quan hệ vật chất và tinh thần của đời sống xã hội, mà nó còn chính là biểu hiện của trình độ phát triển các giá trị vật chất và tinh thần của chúng ta hiện nay.

Trong tác phẩm *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam* đã khẳng định “*Lối sống là dấu hiệu phân biệt sự khác nhau giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Nó là một tổng thể những hình thái hoạt động của con người phản ánh những đặc điểm về sinh hoạt vật chất, tinh thần và xã hội của cộng đồng người đã tạo nên lối sống đó. Nó là một sản phẩm tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội góp phần củng cố và phát triển hình thái kinh tế - xã hội ấy. Lối sống mới mà chúng ta xây dựng là lối sống đặc trưng có tính nguyên tắc của những quốc gia kiên trì đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Nó được xây dựng trên cơ sở của những yếu tố như: chế độ sở hữu đa dạng, trong đó sở hữu toàn dân đóng vai trò chủ đạo và nguyên tắc phân phối theo lao động, chính quyền về nhân dân, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm hệ tư tưởng chỉ đạo, xóa bỏ các bất bình đẳng về chủng tộc, dân tộc, giới tính, thực hiện tự do tinh thần, công bằng, dân chủ và nhân ái trong mọi quan hệ xã hội*”¹. Đó là lối sống mới, lối sống dân tộc - hiện đại của chúng ta.

Theo quan niệm của Đảng ta trong *Kết luận của Bộ Chính trị về các ý kiến thảo luận của Hội nghị Trung ương lần thứ IV khóa VII* thì khái niệm tiên tiến bao gồm cả ý nghĩa tiên tiến về chế độ xã hội và bao gồm tính hiện đại. Điều đó có nghĩa là lối sống dân tộc - hiện đại đương nhiên bao gồm cả bản sắc dân tộc và chế độ xã hội tiên tiến, tức là xã hội phát triển sau chủ nghĩa tư bản. Chúng ta có thể hiểu tiên tiến trong đó bao gồm tính chất xã hội chủ nghĩa, hệ tư tưởng tiên tiến, sự phát triển nội sinh về khoa học, kỹ thuật hiện đại.

¹ Bộ Văn hóa thông tin. *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1995, tr.133.

Như vậy lối sống dân tộc – hiện đại ở đó phải kết tinh tinh hoa của quá khứ hòa quyện với các phẩm chất hiện đại của dân tộc. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã vạch rõ mọi hoạt động sống của chúng ta, có nghĩa là lối sống mới của chúng ta phải coi "thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội"¹.

Có thể nói, khái niệm lối sống dân tộc - hiện đại thể hiện rõ sự thống nhất giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và tộc người, dân tộc và nhân loại. Lối sống dân tộc - hiện đại là lối sống mang yếu tố tiên tiến, tiến bộ mà cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lối sống nhân đạo, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Lối sống dân tộc - hiện đại là những hoạt động sống gắn với những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua hàng nghìn năm lịch sử. Đó là những phẩm chất yêu nước nồng nàn, ý thức tự lập tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã - tổ quốc. Lối sống dân tộc - hiện đại mang những giá trị tinh thần cao quý: lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý. Lối sống dân tộc hiện đại thể hiện đức tính cần cù, khả năng sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong cuộc sống hàng ngày².

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.10.

² Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-56.

Lối sống dân tộc - hiện đại trong nội hàm của nó bao gồm rất nhiều ý nghĩa về quan hệ giữa con người với con người; về sự phát triển của lực lượng sản xuất, của quan hệ sản xuất; về sự phát triển của cái đúng, cái tốt, cái đẹp, về sự phát triển mọi mặt của nền dân chủ, của gia đình ấm no, hòa thuận, hạnh phúc; về sự phát triển của thể chất, trí tuệ, tâm hồn của con người.

Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau và có những nội dung khác nhau. Có thể nói, lối sống dân tộc - hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã trải qua ba mô thức phát triển khác nhau.

Mô thức thứ nhất là mô thức trong khuôn khổ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Lối sống trong mô thức văn hóa này phụ thuộc toàn diện vào sự vận động và chuyển biến của cuộc cách mạng giải phóng tổ quốc vĩ đại. Đó là lối sống được chuẩn hóa theo ba định chuẩn cơ bản: *Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa.*

Mô thức thứ hai là mô thức trong khuôn khổ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc đấu tranh vĩ đại giải phóng miền Nam. Lối sống trong mô thức văn hóa này bắt nhịp với lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới và biểu hiện những khát vọng vươn lên của cả dân tộc Việt Nam. Lối sống trong mô thức này “được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng làm chủ tập thể, hấp thu có chọn lọc những thành quả của văn minh nhân loại và những thành tựu văn hóa khoa học hiện đại. Đồng thời nó phải là sự kết tinh và nâng lên một tầm cao mới những gì đẹp nhất trong truyền thống bốn nghìn năm của tâm hồn Việt Nam, của văn hóa Việt Nam. Đó là truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường, mưu trí; là tình thương giữa những người lao động; là đức tính cần cù, tinh thần lạc quan yêu đời...”¹.

Mô thức thứ ba là mô thức xây dựng lối sống trong thời kỳ đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là mô thức xây dựng lối sống trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Đó là mô thức văn hóa “xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức,

¹ Báo cáo chính trị tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước ngày 25-6-1976. Xem Lê Duẩn: *Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1977, tập 2, tr.151-152.

tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”¹. Mô thức thứ ba này là mô thức xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo các định chuẩn của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là mô thức định hướng lối sống trong “hoàn cảnh cách mạng khoa học, kỹ thuật đang diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có trên thế giới và việc giao lưu giữa các nước và các nền văn hóa ngày càng mở rộng” như Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị tháng 11-1987 đã chỉ rõ.

Mô thức thứ ba là mô thức phát triển nền văn hóa mới trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nền văn hóa này là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp như tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bồi đắp thêm những phẩm chất đã có và đang hình thành về ý thức dân chủ, tinh thần quốc tế, tinh thần khoa học.

Có thể nói, theo quan điểm của Đảng ta, sự hình thành và phát triển của lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, với tiến trình cách mạng của nhân dân ta.

Văn hóa cổ truyền có bản sắc của dân tộc Việt Nam đã hình thành hàng ngàn năm trước, đã tạo lập một lối sống tốt đẹp: yêu lao động, yêu nhà, yêu nước, khoan dung, vị tha, hiếu học và nhiều phẩm chất tốt đẹp khác đã trở thành những giá trị truyền thống mang bản sắc dân tộc rất đậm đà. Giữa thế kỷ XIX, người Pháp xâm lăng Việt Nam. Trong khoảng thời gian trước và sau đó, văn hóa truyền thống ở nước ta đã từng giao tiếp với hệ tư tưởng tư sản phương Tây thông qua các nhà truyền giáo và các lái buôn đã nhen nhóm trong lối sống của người Việt một số nhân tố mới. Một sự phân hóa mới biến động rất phức tạp trong lối sống Việt Nam truyền thống. Có khuynh hướng đổi mới theo lối sống phương Tây, lại có khuynh hướng phi phương Tây hóa lối sống. Có các khuynh hướng bảo thủ, khuynh hướng cách mạng, khuynh

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1996, tr.110.

hướng dân tộc, khuynh hướng dân tộc – hiện đại đã đan xen và va chạm trong môi trường văn hóa Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Từ những đan xen và va chạm đó về lối sống, *văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX đã xuất hiện chủ nghĩa yêu nước kiểu mới*. Chủ nghĩa yêu nước này khác hẳn với chủ nghĩa yêu nước Nho giáo. Đó là yêu nước gắn liền ý thức độc lập dân tộc với tinh thần quốc tế vô sản. Trong văn hóa Việt Nam xuất hiện hệ tư tưởng mới - hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin khác hẳn với hệ tư tưởng Nho giáo và Phật giáo cũng như hệ tư tưởng tư sản, tạo cơ sở cho lối sống dân tộc - hiện đại xuất hiện.

Đặc biệt trong văn hóa Việt Nam cuối những năm 20 và đầu những năm 30 của thế kỷ XX đã xuất hiện nhân cách người cách mạng khác hẳn với các nhân cách kẻ sĩ, bậc trượng phu, người quân tử, cũng như các nhân cách nhân sĩ, thương gia. Sự xuất hiện Đảng Cộng sản Việt Nam là thành tựu lớn nhất về sự hội tụ sâu sắc các chuyển biến văn hóa và sự vận động mạnh mẽ về lối sống ở Việt Nam. Và từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa Việt Nam vận động hướng tới kiến tạo những hệ giá trị mới của các phong trào lớn của thế kỷ XX: *phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; tạo ra nhân cách mới, lối sống rất mới*.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đánh đổ chế độ thực dân nửa phong kiến, cải tạo lại môi trường văn hóa rộng lớn ở nông thôn Việt Nam cả ba miền Bắc – Trung – Nam. Nó làm thay đổi nhiều hệ chuẩn đã từng đan kết và cổ vũ cho lối sống trong nền sản xuất trước cách mạng. Nó đòi hỏi xác lập và sắp xếp lại hệ giá trị để hình thành một kiểu sống mới, đề xuất cách tiếp tục các tiêu chí chuẩn mực và giá trị truyền thống và mở ra con đường bù đắp các thiếu hụt của nền văn hóa truyền thống, mở đầu quá trình xây dựng lối sống mới. Những cải tạo kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa đã dẫn tới chỗ xóa bỏ nhiều chuẩn mực, nhiều giá trị xã hội từng tồn tại lâu đời trong lối sống xã hội truyền thống, phong trào xây dựng “*Đời sống mới*” cũng được phát động để đặt nền tảng cho các hoạt động sống mới. Một thuộc tính mới của nhân cách Việt Nam đã hình thành: đó là chủ nghĩa yêu nước, lấy việc bảo vệ nền

độc lập của dân tộc làm đại nghĩa, lấy tình đồng bào làm nền tảng. Tinh thần yêu nước này là tinh thần yêu nước kiểu mới, khác hẳn với chủ nghĩa yêu nước vị kỷ. Đây là tinh thần yêu nước – quốc tế vô sản. Chủ nghĩa yêu nước quốc tế ấy đã điều tiết hành vi có tính chất xã hội rộng lớn, “nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó vượt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹.

Mọi thuộc tính mới của lối sống là chủ nghĩa tập thể, sự tương thân tương ái không chỉ là một chuẩn mực đạo đức mà còn trở thành chuẩn mực pháp lý, chính trị. Chuẩn mực này tạo thành nội dung rất mới, rất quan trọng của lối sống mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong khuôn khổ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lối sống mới đã hướng vào *ba nguyên tắc* quan trọng nhất của quá trình vận động văn hóa: *Dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa*. Với ba nguyên tắc này, lối sống mới hướng tới sự phát triển hài hòa mới giữa dân tộc và quốc tế, trước hết là giữa cá nhân và cộng đồng.

Ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thu được những thành tựu rất to lớn khi nó đi vào cuộc sống. Năm 1951, trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm này và nói rõ hơn điều kiện của nó rằng “Phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thu những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng”².

Theo lý thuyết của nhiều nhà lãnh đạo văn hóa mácxít thì cuộc cách mạng về văn hóa sẽ thực hiện sau cùng khi đã hoàn thành các cuộc cách mạng về kinh tế, về chính trị. Trong tư tưởng của Đảng ta lúc đó “nước ta không nhất định cứ phải chờ làm cách mạng kinh tế rồi mới bắt đầu làm cách mạng văn hóa”¹. Vì thế, “muốn cho công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế theo chủ nghĩa xã hội mau chóng giành thắng lợi, chế độ kinh tế lạc hậu cũ mau chóng cải biến thành

¹ Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 9. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.256.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.173.

chế độ sản xuất lớn cơ giới hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tiến hành và đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hóa và kỹ thuật”².

Tư tưởng cách mạng về văn hóa phải tiến hành đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là một tư tưởng lớn của Đảng ta, tạo điều kiện cùng một lúc làm nảy sinh đồng bộ các phẩm chất khác nhau trong lối sống. *Cách mạng trên lĩnh vực văn hóa ở nước ta tức là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa*. Cuộc cách mạng này ngoài mối quan hệ với cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, nó còn mang *mục tiêu* nội tại của nó. *Một là*, khắc phục, cải tạo và quét sạch những tàn dư của các hệ tư tưởng lạc hậu và phản động, những quan hệ văn hóa lỗi thời không phù hợp với quá trình cách mạng của nhân dân ta. *Hai là*, phát huy các giá trị truyền thống, “đồng thời nó phải là sự kết tinh và nâng lên một tầm cao mới những gì tốt đẹp nhất trong truyền thống bốn ngàn năm của tâm hồn Việt Nam, của văn hóa Việt Nam”³. *Ba là* “xây dựng một xã hội văn hóa cao. Nền văn hóa trong xã hội ấy là một nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc”⁴.

Ba mục tiêu này có liên hệ nội tại với nhau và nằm trong *mục tiêu tổng quát* của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa là tạo ra một cuộc sống tinh thần phong phú nhằm thỏa mãn cả nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của xã hội. Vấn đề trung tâm của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam là xây dựng con người Việt Nam mới. Để xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chúng ta phải: *Một là*, nhổ tận gốc rễ những nọc độc về tư tưởng và văn hóa của các chế độ cũ, quét sạch những tàn dư độc hại của chủ nghĩa cá nhân. *Hai là*, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, mang những giá trị của con người trả lại cho con người. *Bốn là*, phát triển mọi mặt trí, đức,

¹ Lê Duẩn: *Tuyển tập*, tập 1 (1950-1975). Nxb. Sự thật Hà Nội, 1987, tr.185.

² Lê Duẩn: *Sdd.* tr.185-186.

³ Lê Duẩn: *Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội 1977, tập 2, tr.151-152.

⁴ Lê Duẩn: *Sdd.* tr.151-152.

thể, mỹ trong con người, để con người “có đủ tư cách, đủ năng lực làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân mình”¹.

Để thực hiện nhiệm vụ vĩ đại đó, nếu không có chuyên chính vô sản, không có Đảng của giai cấp vô sản hiểu biết sâu sắc các quy luật xã hội thì không thể xây dựng được lối sống xã hội chủ nghĩa. Vì thế, vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân trong giai đoạn này trở nên bức thiết. Đảng và giai cấp công nhân phải tiến hành đấu tranh khơi dậy những quá trình sâu rộng, đẩy mạnh hơn sự hình thành lối sống mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Giai cấp công nhân phải làm cho hệ tư tưởng Mác – Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống xã hội tinh thần.

Ở những chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã đặt cơ sở cho lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Quốc hữu hóa, tập thể hóa ruộng đất và sở hữu tư bản chủ nghĩa, hạn chế và loại trừ những yếu tố tư bản chủ nghĩa, thanh toán sự thống trị kinh tế và chính trị và văn hóa của các giai cấp bóc lột. Rõ ràng, ở thời kỳ này, những nội dung mới của lối sống được phát triển và được khẳng định trong cuộc đấu tranh gay gắt chống hệ tư tưởng, tâm lý tư sản và tiểu tư sản chống chủ nghĩa xã hội, đã dẫn tới một bước ngoặt quyết định lối sống mới của quần chúng và tới một sự phát triển nhanh chóng lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện những mục tiêu xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh chiến tranh, chúng ta thực hiện chính sách bao cấp và phân phối theo lao động. Một lối sống lý tưởng hóa, tinh thần hóa, tương lai hóa đã được cổ vũ mạnh mẽ.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và một thập kỷ sau khi miền Nam được giải phóng, đồng thời công cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa khác đã cho ta thấy rằng, cái mô hình chủ nghĩa xã hội với cơ chế hành chính tập trung quan liêu, bao cấp không còn khả năng phát triển được nữa và do đó đã đưa đất nước đến bên bờ của một cuộc khủng hoảng

¹ Lê Duẩn: *Tuyển tập*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội. 1987, tr.406-407.

kinh tế - xã hội, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không có sự phát triển bình thường. Năng suất lao động thấp, ý thức tập thể lỏng lẻo. Tinh thần dân chủ không được tôn trọng. Đạo đức giả xuất hiện ở khắp mọi nơi, mức sống vô cùng khó khăn, chất lượng sống giảm sút.

Đảng đã nhanh chóng nắm được sự trắc trở đó của thực tiễn, thấy được bản chất của sai lệch chuẩn mực xã hội đang hiện hành đã phân tích được mâu thuẫn của xã hội nước ta để có biện pháp giải quyết. Sự nghiệp đổi mới do Đại hội VI đã mở ra một hướng mới cho môi trường văn hóa ở Việt Nam với những chuẩn mực xã hội mới: phát triển lối sống theo nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.3.3. Lối sống dân tộc - hiện đại trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay

Trước năm 1986, cuộc cách mạng của nhân dân ta đã đạt được các kỳ tích trong chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước và cũng đạt được những thành tích quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. *Mô thức văn hóa* có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, bản thân nó là một mô thức gắn với chiều sâu của việc hoàn thiện lối sống dân tộc - hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng. Song, điều kiện và các cơ sở vật chất cần thiết để tiến hành mô thức đó cũng như nguyên lý tập trung quan liêu, bao cấp đã tạo ra trong mô thức đó một quá trình vận hành làm cho sự giả tạo trong quan hệ giao tiếp, ứng xử xã hội. Trước các hiện tượng đó, Đảng ta đã tiến hành một cuộc đổi mới vĩ đại, chấp nhận “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”¹ chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình này, Đảng ta đã đề xuất mô thức phát triển nền văn hóa Việt Nam theo các định chuẩn: *Dân tộc – hiện đại – nhân văn*. Đó là các chuẩn mực khung của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quyết định này được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII năm 1991.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.12.

Nhận thức rõ thực trạng văn hóa Việt Nam và những biến hóa từ các mặt trong nền kinh tế thị trường có nguy cơ phá hoại bản sắc văn hóa dân tộc, Hội nghị lần thứ IV Ban chấp hành Trung ương (khóa VII) đã đề xuất vấn đề tạo ra một môi trường văn hóa chung của chủ nghĩa xã hội. Đó là một môi trường văn hóa được kiến tạo bởi trình độ người, các hoạt động sống gắn với các giá trị bền vững trong quan hệ với tự nhiên, với các thế hệ người, với lịch sử lao động sáng tạo và với các quan hệ giao tiếp trong một môi trường văn hóa chung của cộng đồng quốc tế.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khi đề xuất vấn đề “Xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, tâm hồn, đạo đức, tình cảm, lối sống”¹, đã nhấn mạnh vấn đề “xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội”². Với ý tưởng sâu sắc này, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) lại khẳng định một lần nữa rằng, chúng ta phải tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân.

Như vậy, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII* đã đề cập tới môi trường tự nhiên, môi trường làng, xã, môi trường đô thị, môi trường kỹ thuật, môi trường gia đình và cơ quan, xí nghiệp, trường học trong quá trình xây dựng lối sống đẹp trong nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam. Đề xuất vấn đề xây dựng các quan hệ lành mạnh trong quá trình hình thành lối sống đẹp, trước hết văn kiện đã quan tâm đến không gian cư trú và các điều kiện xác định lối sống của con người Việt Nam hôm nay.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.111.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.111.

Trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta xây dựng một nền văn hóa mới, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là nền văn hóa tiếp thu các giá trị của nền văn hóa trong cách mạng dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội trước đó, phát triển lối sống dân tộc, hiện đại trong điều kiện mới.

Hiện thực của chúng ta hôm nay là hiện thực của một cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhân dân ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển cơ chế thị trường để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu. Cùng với sự nghiệp này là cả một quá trình cải biến sâu sắc lối sống cũ, xây dựng lối sống mới.

Lối sống của dân tộc Việt Nam đã từng đụng đầu và giao lưu với nhiều lối sống khác nhau trong khu vực và các lối sống phương Tây, hưng lối sống ở Việt Nam còn nhiều mặt cơ bản vẫn đặc trưng cho kiểu sống của nền sản xuất nhỏ.

Nhận thức rằng lối sống có ảnh hưởng sâu sắc đến các giá trị cơ bản của đời sống xã hội, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, văn kiện mở đầu một quá trình đổi mới toàn diện, đưa đất nước ta từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang kinh tế thị trường, Đảng ta đặc biệt chú ý “xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội”¹. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, khi đề xuất việc xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, tâm hồn, tình cảm, lối sống trong hoàn cảnh mới đã quan tâm sâu sắc đến việc khắc phục “lối sống thấp hèn” từng xuất hiện trong các quan hệ xã hội mới. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã cảnh báo về “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng... Nghiêm trọng hơn là sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.185.

bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền”¹ trong khi chúng ta mở rộng cơ chế thị trường.

Vì sao trong chiến lược xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta lại quan tâm sâu sắc đến các vấn đề lối sống? Vì sao một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay lại suy thoái về đạo đức và lối sống? Lối sống thực dụng, lối sống thấp hèn là sản phẩm của các quan niệm sống nào và cần phải xây dựng một lối sống mới ở Việt Nam như thế nào cho xứng đáng với tầm vóc của dân tộc ta ở thế kỷ đầy sôi động này?

Hiện nay, ở nước ta không ít người lầm tưởng rằng chỉ cần những điều kiện vật chất sang trọng là có ngay lối sống đẹp. Nhiều người đã kiếm tiền bằng mọi giá để đạt tới kiểu sống đó. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) khi nhận định rằng, lối sống thực dụng đang gia tăng ở nước ta chính là đã căn cứ vào thực tế là nhiều người đã từ bỏ các truyền thống đạo đức tốt đẹp, các giá trị tinh thần lâu đời của dân tộc mà chạy theo những đam mê vật chất, bất chấp mọi dư luận và luật pháp xã hội.

Lối sống mới mà Đảng ta, nhân dân ta hướng đến xây dựng biểu hiện tập trung các giá trị của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đó là một lối sống phát triển cao độ những giá trị bền vững, những tinh hoa văn hóa mà cha ông ta đã truyền từ đời này sang đời khác, như lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lập tự cường, tinh thần đoàn kết cộng đồng, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đầu óc thực tế, đức tính cần cù, giản dị... Đó là lối sống lấy lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng như chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nội dung và hướng hoạt động sống.

Xây dựng lối sống theo mô thức: dân tộc – hiện đại trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta, về khách quan mà nói, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng sẽ gây ra những cản trở không nhỏ. Vì vậy, chúng ta cần có một quan điểm toàn diện khi tiếp thu các giá trị truyền thống, cần có một cơ chế lọc bỏ các mặt lạc hậu của nó; khi chống lại các phản văn hóa của nước ngoài, cần có cơ chế

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành trung ương khóa VIII. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.46-47.

tiếp biến những tinh hoa của nó; khi gìn giữ các giá trị cộng đồng, cần thiết phải có một cơ chế giải phóng cá nhân. Lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta phải có đặc trưng lành mạnh, văn minh, năng động, sáng tạo và bao dung.

Xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại, trước hết ta phải coi trọng các thành tố đạo đức của nó. Đối với nhân dân ta, đạo đức là cái gốc của mọi hoạt động sống, thiếu đạo đức thì lối sống không thể nào lành mạnh được. Song, đạo đức trong xã hội ta hiện nay không phải là đạo đức thủ cựu. Quá trình phát triển của xã hội ta đã diễn ra nhiều lần chuyển đổi các chuẩn mực đạo đức. Chúng ta đã hình thành được nhiều chuẩn mực đạo đức tốt đẹp. Tuy vậy, những cuộc cải tạo xã hội và sự vận động của cơ chế thị trường vừa qua cũng đã phá hỏng nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp mà Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã gọi là quá trình “băng hoại các giá trị đạo đức”.

Để xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại, chúng ta cần thiết phải có một chiến lược giáo dục lại các quan hệ, các chuẩn mực, các giá trị đạo đức mới. Các quan hệ đạo đức của nền văn hóa truyền thống khi khuyến khích con người phải tu dưỡng các phẩm hạnh của mình thường vẫn duy trì sự bất bình đẳng thế hệ, bất bình đẳng giới tính, bất bình đẳng giai cấp và dân tộc. Xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại cần thiết phải coi trọng phụ nữ và thế hệ trẻ, giải phóng mọi năng lực sáng tạo của xã hội bằng một cơ chế dân chủ thật sự. Một hệ chuẩn đạo đức đúng đắn, một cơ chế dân chủ toàn diện là động lực to lớn tạo nên sức sống mạnh mẽ của các hoạt động sống trong xã hội.

Tính chất lành mạnh của lối sống dân tộc – hiện đại có cơ sở lao động xã hội của nó. Lao động là nguồn sống, nguồn hạnh phúc, là nghĩa vụ, là nội dung cơ bản của mọi sự bình đẳng xã hội. Lao động là giá trị cơ bản của mọi hoạt động sống. Quyền được lao động và mọi người coi trọng các giá trị lao động sẽ là cơ sở trọng yếu của lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta trong một thời kỳ phát triển lâu dài.

Tính dân tộc – hiện đại trong các hoạt động sống của xã hội ta mang bản chất của lối sống văn minh. Đó là lối sống có sự phát triển cao về mặt dân trí.

Bản chất văn minh của lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta gắn liền với các chuẩn mực khoa học. Trong lao động cần phải phát huy sáng kiến, lao động có khoa học, có kỹ thuật, phải hướng tới các thành tựu khoa học và công nghệ mới của nhân loại. Trong giao tiếp và sinh hoạt cần thiết phải phù hợp với các quan hệ xã hội, ăn ở có vệ sinh, trong gia đình phải ấm no, hòa thuận, hạnh phúc... Khoa học khi đi vào đời sống sẽ cải tạo các phong tục tập quán lạc hậu, giải phóng mạnh mẽ các năng lực cá nhân, mở rộng tâm giao tiếp xã hội.

Lối sống dân tộc – hiện đại phải là lối sống dựa trên các chuẩn mực của hiến pháp và pháp luật tiến bộ. Mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã xây dựng những bộ luật quan trọng, hướng các hành vi của công dân theo lối sống văn minh của các xã hội tiên tiến. Nhiều mặt lạc hậu trong lối sống đã được luật pháp phủ định, ngược lại những nếp sống tiến bộ đã được những điều luật mới khẳng định và cổ vũ. Song, rất tiếc là việc giáo dục pháp luật ở nước ta cho đến hiện nay vẫn chưa sâu. Nhiều điều luật quan trọng định hướng lối sống tốt đẹp vẫn chưa được vận hành vào đời sống thường nhật. Ngay cả một số người thừa hành công vụ cũng không hiểu hết cái gì mình không được phép và cái gì mình được phép. Vì thế, vấn đề giáo dục pháp luật cần thiết phải được mở rộng để tạo điều kiện cho những hành vi văn minh xuất hiện ngày càng phổ biến trong lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta hiện nay.

Trong *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII* và *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, lần thứ X* đều đã khẳng định rằng nền văn hóa của chúng ta hiện nay và những năm tiếp theo là nền văn hóa tiên tiến dân tộc, hiện đại và nhân văn. Tính chất văn minh của lối sống dân tộc – hiện đại gắn liền với đặc trưng tiên tiến này. Đó là lối sống tiến bộ mà cốt lõi của nó là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lối sống theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc – hiện đại trong thời kỳ đổi mới hiện nay phải phát huy cao độ tinh thần dân chủ. Dân chủ theo hiến pháp và pháp luật chính là biểu hiện của một lối sống văn minh hiện đại. Dân chủ theo hiến pháp và pháp

luật sẽ phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của toàn xã hội. Có thể nói dân chủ là động lực phát triển lối sống dân tộc – hiện đại hiện nay.

Nhân dân ta xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại trong hoàn cảnh nền kinh tế quốc tế đang có xu hướng toàn cầu hóa và trong đất nước cơ chế thị trường ngày một mở rộng. *Việc năng động hóa lối sống có một ý nghĩa rất trọng đại.* Lối sống năng động, về bản chất là lối sống sáng tạo, biết đoàn kết, liên kết và có ý chí vươn lên. Đây không phải là lối sống thực dụng, mà là lối sống được nâng lên một tầm cao mới từ tinh thần thích ứng truyền thống ở Việt Nam. Đây là lối sống biết vận dụng cơ hội khi các điều kiện khách quan và chủ quan cho phép.

Lối sống năng động khác rất xa với lối sống chụp giật và lừa đảo. Năng động là một tính cách trong hoạt động sống biết vượt mọi khó khăn, sáng tạo ra phương thức sống hoàn thiện hơn.

Trong Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã nói đến lòng nhân ái khoan dung là những giá trị bền vững của văn hóa dân tộc Việt Nam. Xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại ở Việt Nam, cần thiết phải củng cố và mở rộng lòng nhân ái khoan dung này. Nhân dân thế giới đã từng biết đến một chủ nghĩa anh hùng đầy quả cảm của người Việt Nam trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Và không ít những nhà văn hóa lớn trên thế giới đã ca ngợi lòng yêu hòa bình và tình cảm hữu nghị của nhân dân ta đối với các dân tộc khác trên thế giới. Lòng nhân ái và tinh thần khoan dung Việt Nam sẽ tạo cho lối sống dân tộc – hiện đại ở Việt Nam một tầm thước mới và một năng lượng sống dồi dào trong quá trình nền kinh tế nhân loại đang toàn cầu hóa.

1.3.4. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá và cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay

1.3.4.1. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá, một mặt đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một lối sống dân tộc - hiện đại, mặt khác chính nó lại có những tác động không nhỏ đến quá trình này theo những chiều hướng khác nhau.

Khi xu thế toàn cầu hoá chưa xuất hiện, các dân tộc ít có cơ hội giao lưu văn hoá với nhau. Nhưng tình hình đã thay đổi khi toàn cầu hoá xuất hiện, và nhất là toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay.

Mặc dù xuất phát điểm của toàn cầu hoá là toàn cầu hoá kinh tế, nhưng toàn cầu hoá về kinh tế sớm hay muộn cũng sẽ tác động đến các lĩnh vực khác, trong đó có văn hoá, lối sống. Bao giờ cũng vậy, các lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội *một mặt*, chịu sự quyết định bởi kinh tế; *mặt khác*, lại có tính độc lập tương đối và tác động trở lại đối với kinh tế. Vì vậy, trong toàn cầu hoá, *văn hoá nói chung và lối sống của các dân tộc nói riêng, cùng một lúc chịu sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của nhiều yếu tố*, mà trước hết là kinh tế. Kinh tế có thể trực tiếp hoặc thông qua chính trị mà tác động đến lối sống. Mặt khác, bản thân văn hoá lại có những quy luật vận động nội tại riêng làm cho lối sống của tất cả các dân tộc trên thế giới có thể tác động, ảnh hưởng, xâm nhập lẫn nhau thông qua giao lưu văn hoá chính thức và không chính thức dưới nhiều hình thức và bằng nhiều con đường khác nhau.

Do chịu sự tác động của nhiều yếu tố như vậy nên trong quá trình toàn cầu hoá, lối sống của mỗi dân tộc không tránh khỏi sự biến động. Sự biến động này diễn ra khá phức tạp theo hai chiều hướng chủ yếu, vừa tích cực vừa tiêu cực và chính vì vậy mà vừa tạo thuận lợi lại vừa gây những khó khăn, cản trở nhất định đối với việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Thuận lợi, nếu như trước đây, lối sống của các dân tộc mang tính biệt lập, bị cách biệt bởi các đường biên giới rạch ròi và khá kiên cố, thì giờ đây, trong xu thế toàn cầu hoá, do nhu cầu phát triển kinh tế, các quốc gia buộc phải mở cửa để hội nhập nếu không muốn bị tụt hậu, thậm chí là bị huỷ diệt. Và đó cũng chính là *cơ hội để lối sống của những dân tộc khác nhau được gặp gỡ, được giao thoa, được tiếp xúc với nhau, tạo thuận lợi cho việc hình thành lối sống dân tộc – hiện đại*. Có thể nói, trong xu thế toàn cầu hoá, sự giao lưu, tiếp biến về văn hoá, về lối sống giữa các dân tộc cũng là một vấn đề tất yếu khách quan và cũng là sự cần thiết phải có để mỗi dân tộc có thể hội nhập một cách có hiệu quả cao nhất.

Đây không chỉ là một nhu cầu tự thân của văn hoá hay lối sống, mà còn do sự đòi hỏi của nền kinh tế thị trường mang tính toàn cầu hiện nay. Thông qua toàn cầu hoá, các nền văn hoá của các dân tộc có cơ hội xích lại gần nhau, tạo cơ hội để các dân tộc có thể gần gũi, thông hiểu nhau hơn. Thông qua đó, mọi dân tộc đều có thể "cho" và "nhận", có nghĩa là họ có thể học tập, tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhau làm phong phú thêm cho nền văn hoá và lối sống của chính dân tộc mình. Không những thế, thông qua giao lưu văn hoá như vậy, mỗi dân tộc có thể nhận thấy những yếu tố, hạn chế, lỗi thời, lạc hậu trong lối sống truyền thống của dân tộc so với các dân tộc khác, từ đó cần phải mạnh dạn phá bỏ, bổ sung hoặc hiện đại hoá lối sống đó để nó có thể phù hợp với sự phát triển trong xu thế mới - xu thế toàn cầu hoá. Đây cũng chính là quá trình đấu tranh giữa lối sống truyền thống của các dân tộc riêng biệt để hình thành nên lối sống mới với những chuẩn mực, giá trị phổ biến phù hợp với yêu cầu của thời đại. Đến lượt mình, các giá trị mới được hình thành và được chấp nhận, sẽ kết hợp với lối sống truyền thống, bổ sung và làm phong phú thêm cho nó, thậm chí, còn cải tạo cả những yếu tố không còn phù hợp của lối sống cũ làm cho nó phát triển theo hướng tích cực.

Việc giao lưu văn hoá giữa các dân tộc dựa trên cơ sở của toàn cầu hoá có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ làm phong phú thêm nền văn hoá và lối sống của mỗi dân tộc, mà trên cơ sở đó, còn là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Chính vì vậy, nếu nhân danh bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc mà đóng cửa, khép kín, kháng cự lại mọi giá trị từ bên ngoài thì cũng đồng nghĩa với tụt hậu, thậm chí là tự sát. Xu thế toàn cầu hoá đã buộc các nền kinh tế phải mở cửa và hướng ngoại. Trong điều kiện đó, các giá trị vật chất và tinh thần của các dân tộc khác nhau có thể thâm nhập lẫn nhau tạo nên một bức tranh văn hoá thế giới với nhiều màu sắc đa dạng, phong phú đan xen lẫn nhau. Đây cũng là một cơ hội để lối sống truyền thống của mỗi dân tộc được cọ xát, bổ sung, đổi mới và tiếp cận được với những giá trị hiện đại của nhân loại. Vấn đề đặt ra ở đây là, mỗi dân tộc cần phải nhận thức đúng về những giá trị trong lối sống truyền thống của mình, chủ động giao lưu với các dân tộc khác để tìm ra được những yếu tố tiến bộ, phù hợp trong lối sống của họ từ đó, chủ động tiếp thu, học hỏi

làm cho lối sống của dân tộc mình ngày càng phong phú và tiếp cận được với những giá trị hiện đại phù hợp với yêu cầu của xu thế toàn cầu hoá.

Khó khăn, giao lưu văn hoá là một cơ hội làm phong phú thêm cho lối sống truyền thống của mỗi dân tộc. Tuy nhiên, đối với bất cứ quốc gia nào cũng vậy, trong số những sản phẩm văn hoá từ nước ngoài tràn vào, có những sản phẩm phù hợp, có giá trị cần tiếp thu, nhưng cũng có không ít những sản phẩm không phù hợp, thậm chí là phản giá trị và vì thế mà không nên tiếp thu. Nếu cứ tiếp nhận tràn lan và không kiểm soát tất cả những cái *ngoại sinh* thì ắt sẽ có ngày chúng sẽ lấn át những giá trị *nội sinh* của chính dân tộc mình. Chính vì vậy, lối sống truyền thống của các dân tộc chậm phát triển rất dễ bị lấn át bởi những tác động từ bên ngoài dễ bị mất đi bản sắc riêng.

Như chúng ta đã biết, thang giá trị và các chuẩn mực giá trị ở các thời đại khác nhau, của các dân tộc khác nhau không hoàn toàn giống nhau. Trong khi đó, với khả năng khá chênh lệch trong lĩnh vực thông tin đại chúng như hiện nay thì sự áp đặt về thông tin, về giá trị, các chuẩn mực giá trị và lối sống của một số nước này lên một số nước khác là một thực tế. Hơn nữa, đối với những nước đang phát triển, do đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ nhận thức còn hạn chế nên họ có thể gặp khó khăn trong việc nhận diện đâu là giá trị, đâu là phản giá trị, đâu là lối sống phù hợp với mình, đâu là lối sống không phù hợp và dễ đi đến nhầm lẫn. Đó chính là mảnh đất tốt để cho những lối sống khác lạ từ bên ngoài lấn át, thậm chí làm xói mòn, băng hoại lối sống dựa trên hệ giá trị truyền thống vốn có từ lâu đời của dân tộc. Đây chính là nguy cơ đồng nhất hoá lối sống và các hệ thống giá trị, làm cạn kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hoá, nhân tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của nhân loại. Toàn cầu hoá là cơ hội để lối sống truyền thống của các dân tộc khác nhau trên thế giới đối thoại, giao lưu với nhau nhưng vấn đề là ở chỗ, sự giao lưu này không diễn ra một cách êm đềm, bình đẳng, mà trong quá trình giao lưu đó, có kẻ mạnh, kẻ yếu và ắt sẽ có kẻ được, người thua hoặc cái được, cái mất là không ngang bằng nhau giữa các dân tộc. Cách đây hơn 150 năm, C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng đưa ra những dự báo quan trọng: “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và

làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vụn lý tưởng thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó”¹.

Giá trị bao giờ cũng mang tính lịch sử - cụ thể, vì vậy, một hiện tượng nào đó có thể có giá trị đối với cộng đồng người này nhưng không có giá trị đối với cộng đồng người khác. Nhưng bất chấp điều đó, các giá trị riêng của "thế giới người giàu" vẫn được áp đặt lên "thế giới người nghèo", buộc họ phải chấp nhận một cách không tự giác. Mặt khác, không chỉ có những giá trị không phù hợp mà nguy hiểm hơn, những phản giá trị từ các nước tư bản cũng đang xâm lấn một cách mạnh mẽ hệ giá trị của các dân tộc trên toàn cầu làm cho lối sống của nhiều dân tộc đang có nguy cơ bị chao đảo, thậm chí mất phương hướng...

Không chỉ bằng con đường kinh tế, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, nhất là Mỹ, còn dùng chính con đường văn hoá để áp lối sống riêng của mình lên toàn thế giới. Điều này càng trở nên thuận lợi nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin. Thực tế trên cho thấy, các nước đang phát triển không đủ sức cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất này và vì vậy, văn hoá của các nước giàu được giới thiệu nhiều và thâm nhập sâu vào các nước nghèo, các nước đang phát triển, còn văn hoá của các nước nghèo, các nước đang phát triển thì khó có cơ hội và khả năng được biết đến ở các nước giàu, các nước phát triển. Đó chính là sự bất bình đẳng trong giao lưu văn hoá trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. Sự bất bình đẳng này trước tiên đem lại bất lợi về kinh tế cho các nước đang phát triển vì không có cơ hội thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ, mà quan trọng hơn, nó có nguy cơ đe dọa và làm mất bản sắc văn hoá của các dân tộc.

¹C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t 4, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1993, tr. 602.

Chúng ta thừa nhận rằng, mối quan hệ giữa nền văn hoá của mỗi dân tộc với văn hoá nhân loại là mối quan hệ giữa cái chung với cái riêng. Vì vậy, trong nền văn hoá riêng của mỗi dân tộc vẫn có những yếu tố mang tính phổ quát của cả nhân loại. Tuy nhiên, cái làm nên bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc, cái "thể căn cước" của mỗi dân tộc, nói lên dân tộc đó là ai đó chính là "cái đơn nhất", cái khác biệt, cái độc đáo chỉ có ở dân tộc này mà không có ở bất kỳ một dân tộc nào khác, nó không chỉ là niềm tự hào mà còn là sức mạnh nội sinh của chính dân tộc đó. Nhưng toàn cầu hoá đang đem đến nguy cơ *xóa sổ* những nét văn hoá độc đáo, riêng biệt đó.

Như vậy, thách thức lớn nhất về văn hoá, nhất là đối với các nước đang phát triển, trong quá trình toàn cầu hoá đó là sự đồng nhất, sự nghèo nàn, sự pha tạp hỗn độn của văn hoá. Bản sắc văn hoá cùng với hệ giá trị truyền thống của mỗi dân tộc có thể bị hoà tan, thậm chí bị nhấn chìm trong một nền văn hoá chung chung nào đó. Và trong cái "*biển*" văn hoá chung chung ấy, các dân tộc sẽ không còn nhận ra chính mình, không còn tìm thấy những nét độc đáo làm nên bản sắc văn hoá của dân tộc mình và như vậy có nghĩa là họ đã bị đồng hoá, bị xâm lăng về văn hoá. Cũng chính vì vậy, vấn đề bảo vệ các giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc trong lối sống ngày càng trở thành vấn đề nhức nhối trong quá trình hội nhập và được coi là một nội dung của độc lập dân tộc, của an ninh quốc gia. Quá trình toàn cầu hoá có nguy cơ làm cho nhiều giá trị truyền thống riêng của các dân tộc bị xói mòn và mất dần ảnh hưởng, nền văn hoá dân tộc của một số nước bị tấn công, gặm nhấm bởi các nền văn hoá ngoại lai.

Việt Nam là một đất nước có bề dày truyền thống lâu đời với những giá trị tinh thần độc đáo được hun đúc nên từ chính lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc. Những giá trị truyền thống của dân tộc được hình thành do sự tác động của điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử - xã hội mà dân tộc ta đã phải trải qua và tạo nên nét đặc thù trong lối sống của con người Việt Nam. Tuy vẫn còn những ý kiến khác nhau, nhưng chúng ta cũng có thể khẳng định rằng: dân tộc Việt Nam có một di sản những giá trị truyền thống vô cùng phong phú, trong đó phải kể đến những giá trị điển hình như: tinh thần yêu nước; ý thức coi trọng gia đình; ý chí

tự lực, tự cường; tinh thần nhân văn, nhân ái; chủ nghĩa anh hùng cách mạng; tinh thần đoàn kết cộng đồng, tương thân, tương ái; đức tính cần cù, tiết kiệm; khả năng sáng tạo, linh hoạt, thích ứng nhanh, dễ hội nhập; tinh thần hiếu học, ham học hỏi, ham hiểu biết... Trong đó, tinh thần yêu nước là một giá trị chủ đạo, xuyên suốt. Chính những giá trị truyền thống trong con người Việt Nam là kết tinh và tiêu biểu cho lối sống, bản lĩnh, bản sắc và những phẩm giá của cả dân tộc. Không những thế, những giá trị truyền thống đó đã tạo ra được một sức mạnh to lớn cho dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, giúp dân tộc Việt Nam vượt qua biết bao khó khăn, thử thách để tiếp tục tồn tại và phát triển. Đó là những di sản văn hoá tinh thần đã được đúc kết từ tâm huyết và máu xương của bao thế hệ người dân Việt Nam - một dân tộc luôn tự hào ngẩng cao đầu vì lý tưởng cao đẹp chứ không bị cào bằng trong bảng giá trị lợi nhuận, bấp chấp phẩm giá con người và quyền lợi dân tộc.

Chúng ta không thể phủ nhận rằng, thông qua toàn cầu hoá, mở cửa hội nhập với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, văn hoá Việt Nam đã được mở rộng và giao lưu với nhiều nền văn hoá trên thế giới. Người dân Việt Nam cũng đã có cơ hội tiếp nhận những giá trị tinh hoa của các dân tộc khác làm phong phú thêm cho nền văn hoá của dân tộc mình, đồng thời nền văn hoá Việt Nam với những giá trị truyền thống đặc sắc cũng đã được thế giới biết đến và chiếm được không ít cảm tình của bạn bè thế giới. Không ít những giá trị truyền thống của dân tộc ta đã được kế thừa và phát huy cao độ trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, cũng trong quá trình toàn cầu hoá hiện nay, nhiều giá trị truyền thống đặc sắc của dân tộc lại đang bị đe dọa. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được trên lĩnh vực kinh tế, Việt Nam lại đang đứng trước một thực tế đáng lo ngại, đó là nguy cơ các giá trị truyền thống của dân tộc bị băng hoại, lối sống mang sắc thái riêng của dân tộc bị tấn công làm cho bản sắc văn hoá phong phú và lâu đời của dân tộc cũng có thể bị phai mờ trong cơn lốc của hội nhập.

Một thực tế không thể phủ nhận là nhiều giá trị văn hoá đạo đức bị coi thường thậm chí bị chế diễu, thuần phong mỹ tục đang có nguy cơ bị chà đạp,

đạo đức có nguy cơ bị băng hoại, tệ nạn xã hội ngày một gia tăng. Toàn cầu hoá, và cùng với nó là cơ chế thị trường, đã kéo theo những tệ nạn, những tiêu cực trong xã hội, làm cho mỗi cá nhân có thể đánh mất bản chất tốt đẹp của mình, chạy theo dục vọng tâm thường dẫn tới sự đảo lộn các chuẩn mực giá trị, làm tha hoá đạo đức lối sống. Tệ nạn xã hội đang làm què quặt cả thể chất và tinh thần một bộ phận thanh thiếu niên, làm tha hoá không ít những cán bộ đảng viên, trong đó có cả những người giữ cương vị lãnh đạo.

Thực trạng trên là một thách thức rất lớn đối với việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại của chúng ta. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần phải định hướng lại giá trị cho mọi người dân nhằm ngăn chặn những xu hướng sai lầm, xác lập những xu hướng đúng đắn, phát huy những giá trị tinh hoa của dân tộc kết hợp với tiếp thu những giá trị phổ quát của toàn thể nhân loại làm nền tảng vững chắc cho việc xây dựng lối sống mới - lối sống dân tộc - hiện đại phù hợp với yêu cầu của xu thế toàn cầu hoá hiện nay.

1.3.4.2. Ảnh hưởng của cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các yếu tố nền tảng về vật chất lẫn tinh thần của xã hội, từ lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất đến các quan hệ chính trị, xã hội và các quan hệ tinh thần khác...đều có sự biến đổi sâu sắc. Trong điều kiện ấy, các chuẩn mực đạo đức, lối sống của con người không thể không có những biến đổi sâu sắc, phức tạp theo nhiều chiều hướng khác nhau.

Khi bàn về tác động của kinh tế thị trường với lối sống, đời sống đạo đức xã hội, có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

Xu hướng thứ nhất cho rằng: kinh tế thị trường về bản chất là đối lập hoàn toàn và bài xích đạo đức. Nếu kinh tế thị trường phát triển, mặt vật chất của đời sống được nâng cao thì tất yếu phải bị trả giá bằng sự “trượt dốc”, suy đồi về mặt đạo đức.

Xu hướng thứ hai: hoàn toàn trái ngược với xu hướng thứ nhất cho rằng: Cơ chế thị trường có tác động tích cực với đạo đức; phát triển kinh tế thị

trường sẽ tạo ra khả năng thúc đẩy mạnh và nâng cao trình độ luân lý xã hội; sự giàu có, đầy đủ về kinh tế sẽ là điều kiện tốt nhất để người ta nảy sinh những đức tính tốt và sẵn lòng thương yêu giúp đỡ người khác; còn những hiện tượng phản đạo đức chỉ là thứ yếu, không có mối liên hệ tất yếu với kinh tế thị trường và sẽ mất đi cùng với sự hoàn thiện dần của kinh tế thị trường.

Xu hướng thứ ba cho rằng: Cơ chế thị trường có tác động hai mặt (tích cực và tiêu cực) tới xã hội nói chung và đạo đức nói riêng.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy tính cực đoan trong quan niệm của xu hướng thứ nhất và xu hướng thứ hai, đồng thời, đồng tình với quan niệm thứ ba bởi sự biện chứng và hợp lý trong quan niệm này.

Kinh tế thị trường đã có tác động tích cực tới lối sống, đời sống đạo đức trong xã hội ta hiện nay. Điều đó được thể hiện ở một số mặt sau đây:

Một là, với sự vận động của các qui luật kinh tế khách quan, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo những điều kiện tối ưu cho việc giải phóng sức sản xuất của xã hội, tăng năng suất lao động, đem lại lượng của cải dồi dào đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất của con người.

Hai là, kinh tế thị trường tác động và làm thay đổi thói quen, nếp nghĩ, phong cách hoạt động của người lao động. Cơ chế thị trường với những qui luật kinh tế khách quan của nó đòi hỏi mỗi cá nhân phải tích cực, tự giác trong hoạt động, lao động, thúc đẩy ý thức tự lực, tự cường, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước hành động của bản thân, biết làm giàu chính đáng, hạn chế tối đa tư tưởng ỷ lại, trông chờ, thụ động vốn là thói quen của người lao động trong cơ chế cũ; mặt khác, mỗi cá nhân đều có điều kiện để phát huy sức lực, trí tuệ và tiềm năng sáng tạo của mình nhằm thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình với xã hội, đồng thời tạo dựng cuộc sống hạnh phúc cho chính bản thân mình. Kinh tế thị trường đòi hỏi con người phải gắn hoạt động với hiệu quả, có ước mơ, tham vọng, dám vươn lên những tránh chủ quan, viển vông, ảo tưởng.

Ba là, trong sự vận động của nền kinh tế thị trường, hội nhập trở thành một xu thế tất yếu. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế “mở”, do đó, nó đã

cho chúng ta khả năng tiếp cận với các nền văn minh nhân loại. Đây chính là cơ hội để chúng ta có thể tiếp thu những thành tựu tiên tiến nhất của thế giới, đặc biệt là về khoa học, công nghệ. Trong xu thế quốc tế hoá, dù muốn hay không, các quốc gia cũng phải mở cửa hoà nhập chung với thế giới hiện đại. Chính những nhân tố mới của thời đại đã tạo nên những mối quan hệ mới có ảnh hưởng sâu sắc đến các quan hệ truyền thống. Ở nước ta trước tác động, mạnh mẽ của các yếu tố thời đại, về cơ bản những yếu tố này góp phần tích cực vào việc hình thành những con người năng động, có tri thức tổng hợp, có khả năng thích ứng cao với môi trường và năng lực làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân tăng lên rõ rệt, tạo tiền đề cho việc hình thành lối sống mới lành mạnh với những phẩm chất đạo đức mới của con người Việt Nam hiện đại.

Như vậy, kinh tế thị trường tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống, đạo đức xã hội, có những tác động làm thay đổi những giá trị, chuẩn mực sống theo hướng tích cực. Những tác động tích cực của nó đang đem lại một nền tảng vật chất phát triển cao, cơ sở xã hội làm nảy sinh những giá trị đạo đức tích cực, hình thành lối sống lành mạnh.

Song, bên cạnh những yếu tố tích cực, kinh tế thị trường cũng có nhiều hạn chế và đang có nhiều tác động tiêu cực đến lối sống, đời sống đạo đức xã hội mà biểu hiện rõ nét nhất của nó là xu hướng coi thường các giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống, đề cao lối sống vị kỷ, thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, sùng ngoại, thậm chí bất chấp đạo lý, nghĩa tình... Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã nhận định về thực trạng đạo đức, lối sống ở nước ta như sau: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, vị kỷ đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc”¹. Lấy lợi ích làm động lực của sự phát triển, kinh tế thị trường kích thích mạnh mẽ việc tìm kiếm lợi

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.46

nhuận tối đa. Điều này dễ dẫn đến việc đề cao quá mức lợi ích cá nhân, chỉ nhấn mạnh lợi ích kinh tế mà hậu quả là rơi vào chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, vô đạo đức. Ở đó con người dễ bị biến thành nô lệ của đồng tiền. Vì tiền, người ta có thể bất chấp đạo lý, pháp luật, quyết tâm làm giàu bằng mọi giá, mọi cách, kể cả phải chà đạp lên lợi ích chính đáng của người khác.

Do tính chất khốc liệt của nó, kinh tế thị trường vừa là nguyên nhân, vừa là điều kiện dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo một cách nhanh chóng. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, kéo theo sự phân tầng xã hội nhanh chóng, đẩy khoảng cách giữa thành thị nhất là các đô thị lớn với nông thôn, vùng sâu, vùng xa ngày càng rộng.

Bên cạnh những mặt tích cực, tác động theo chiều hướng ngược lại của xu thế toàn cầu hoá trong cơ chế thị trường đối với các giá trị xã hội, đối với con người không phải là ít. Sự tiếp cận với thế giới một cách nhanh chóng, dễ dàng, đa chiều, đa diện cũng là điều kiện để lối sống xa lạ, thậm chí các phản giá trị từ bên ngoài tấn công.

Sự biến đổi nhanh chóng của các chuẩn mực hành vi ứng xử, những giá trị xã hội dẫn đến tình trạng người lớn tuổi ngày càng suy giảm khả năng thích nghi với cái hiện đại trong khi đó thế hệ trẻ vốn năng động, nhạy cảm với cái mới, có khả năng tiếp thu nhanh chóng những quan niệm mới, lối sống mới, từ đó dễ tạo ra xung đột giữa các thế hệ.

Tóm lại, để hình thành được lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta hiện nay, chúng ta cần thiết phải tập trung vào phát triển một nhân cách Việt Nam có sự phát triển nội sinh về khoa học kỹ thuật, có tinh thần yêu nước nồng cháy, có ý thức tự cường dân tộc, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Con người Việt Nam vốn cần cù, khiêm tốn, giản dị, có lòng yêu nước, yêu quê hương, sống vị tha và thích ứng. Tuy nhiên, để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, sánh vai cùng với các nước phát triển khác trên thế giới, nhân dân ta cần thiết phải am hiểu cơ chế thị trường, trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến.

Thực chất của sự nghiệp xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta

là xác định sự lựa chọn của cá nhân theo hướng *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Đó là quá trình nhân đạo hóa toàn bộ đời sống xã hội mà mỗi cá nhân sẽ gia tăng tính tự chủ, tự giác, sức mạnh bên trong hướng tới các quá trình hoàn thiện của xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mỗi chế độ xã hội đều có cơ chế điều chỉnh hành vi, hoàn thiện lối sống. Hệ thống chính trị, các chuẩn mực xã hội mới, chính sách của Đảng và Chính phủ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng cơ chế thị trường sẽ giúp cho lối sống dân tộc – hiện đại ở Việt Nam không ngừng hoàn thiện và phát triển.

Vấn đề xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay có liên quan bản chất đến sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X đã định hướng quá trình vận động của xã hội ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời nêu lên các giải pháp, mục tiêu xây dựng cuộc sống mới mà nhân dân ta mong đợi. Đó là cuộc sống của một đất nước hùng mạnh, nhân dân giàu có, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Chúng ta đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên nhìn vào xã hội ta hiện nay, nếp sống của nó chưa phong hóa và lối sống đang vận động, phát triển. Nó không phải là tư bản chủ nghĩa mà cũng chưa là xã hội chủ nghĩa. Các quan hệ vật chất cơ bản trong xã hội như quan hệ sở hữu, quan hệ lao động, quan hệ phân phối, chưa xác định rõ tính chất hình thái kinh tế - xã hội. Dù chúng ta xác định xã hội Việt Nam hiện nay có nhiều hình thức sở hữu, lấy nền sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường làm khâu trung tâm, thì nó cũng chưa thể đặc trưng cho một kiểu hình thái kinh tế - xã hội nào. Vì thế, lối sống trong xã hội ta là một kiểu sống đặc biệt, đang quá độ vào lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta xây dựng lối sống mới trong nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản

sắc dân tộc mang tính hiện đại. Lối sống mới Việt Nam hôm nay đang hướng về phía hiện đại từ các mạch nguồn của nền phong hóa truyền thống xa xưa. Tâm lý thích ứng, chủ nghĩa yêu nước, tình cảm quê hương, ý thức tiết kiệm, tinh thần hiếu học, ý chí tự lực, tự cường, lập thân, lập chí, lập nghiệp, đã tạo lập tính nền nã phương Đông trong lối sống của người Việt Nam hiện đại. Tất cả những thành tố này đã hòa quyện và tạo thành bản chất dân tộc - hiện đại của lối sống ở Việt Nam hôm nay. Để hình thành được lối sống dân tộc – hiện đại một cách phổ biến ở một nước tiểu nông như ở nước ta, khâu trung tâm là phát triển nhân cách con người. Phong cách sống của con người, diện mạo đạo đức, phẩm hạnh cá nhân, năng lực lao động, hôn nhân gia đình, trình độ văn hóa, giáo dục, các định hướng giá trị, giao tiếp xã hội là những mặt quan trọng nhất trong nhân cách.

Hệ thống chính trị là cơ chế điều chỉnh bao trùm và quyết định nhất mọi định hướng xã hội cho lối sống. Nó có thể phát huy hay kìm hãm tính tích cực của mọi nguồn tài nguyên con người trong xã hội. Nó có thể điều chỉnh các yếu tố làm cho hệ thống xã hội có sự phát triển ưu trội về một mặt nào đó. Một hệ thống chính trị mạnh, đúng, tốt bao giờ cũng tạo những điều kiện phát triển lối sống đẹp.

Chúng ta đang xây dựng một hệ thống chính trị trong đó mọi người dân được bình đẳng trước pháp luật, biết tôn trọng và bảo vệ pháp luật; các tổ chức chính trị, các đoàn thể nhân dân đều có mục tiêu tối cao là phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của con người, của các thế hệ, các giới tính, các tầng lớp xã hội và các hình thức nghề nghiệp nhằm xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh.

Chúng ta đang xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Lối sống dân tộc – hiện đại vừa là hệ quả vừa là động lực của nền văn hóa đó. Việc giữ gìn bản sắc dân tộc hướng tới cái phổ biến là nguyên lý lớn xây dựng lối sống theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC- HIỆN ĐẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Lối sống ở nước ta hiện nay đang vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1.1. Sự đan xen giữa lối sống mới và lối sống cũ trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Cùng với quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, lối sống của nhân dân ta đang có những biến đổi đáng kể. Mức sống của nhân dân được cải thiện đã tạo điều kiện để phát triển các nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của cá nhân cũng như của cộng đồng. Những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đổi mới đã và đang củng cố lòng tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hàng loạt các giá trị mới được hình thành, góp phần làm đa dạng, phong phú lối sống của các tầng lớp nhân dân. Sự chuyển đổi từ một xã hội cổ truyền: nông nghiệp - nông thôn - nông dân lên một xã hội hiện đại: công nghiệp - hiện đại hoá - đô thị hoá; từ một nền văn hoá của thời kỳ chiến tranh giành và giữ độc lập dân tộc sang một nền văn hoá của thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước; từ cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường, với nhiều thành phần kinh tế, phân phối theo lao động, tài năng và đóng góp vốn; việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và thành quả đáng mừng của đổi mới đã và đang làm cho các cá nhân, các nhóm xã hội trở nên năng động, cởi mở và giàu khả năng thích nghi với biến đổi của môi trường trong nước và quốc tế. Giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng cũng tạo điều kiện cho nhân dân tiếp thu các giá trị tốt đẹp trong lối sống của các dân tộc khác để bổ sung cho mình. Những hạn chế của lối sống nông thôn, tiểu nông đang từng bước được khắc phục, thay đổi cho phù hợp với xã hội đang trên đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trên con đường đó, hiện thực lối sống của người dân Việt Nam đang chứa đựng một sự đan xen giữa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, giữa tích cực và tiêu cực, có những nhân tố của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng có biểu hiện thực dụng, tham nhũng, lãng phí, xa hoa, phi nhân tính... Thực tế đó tạo nên một bức tranh về lối sống sinh động, nhiều màu sắc, thậm chí dẫn đến giằng co, mâu thuẫn, xung đột giữa lối sống tốt đẹp với lối sống thực dụng, thối loạn, phi nhân tính.

Sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, giản dị, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích tập thể và đất nước, phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức gắn kết cộng đồng, cần cù sáng tạo trong lao động, nhanh nhạy, năng động trong sản xuất, kinh doanh, tinh tế trong ứng xử là lối sống tích cực - nhân tố hình thành nên lối sống dân tộc - hiện đại, là lối sống mới, lối sống tốt đẹp. Sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý và pháp luật, thậm chí thối loạn và mất nhân tính là lối sống tiêu cực, phản giá trị, là lối sống cũ. Lối sống mới cần được nuôi dưỡng và phát huy. Lối sống cũ cần phải đấu tranh loại bỏ.

Trong giai đoạn hiện nay, mối quan hệ cá nhân - cộng đồng - làng xã - quốc gia có phần lỏng lẻo, không gắn chặt như trước đây. Ở nhiều nơi, ngay cả nông thôn, nơi mà cộng đồng làng xã được tổ chức bền chặt nhất, từng là “bức rào chắn” vững vàng nhất đối với mọi thứ xâm lược văn hoá, nơi mà tình làng, nghĩa xóm sâu đậm nhất, cũng không còn gần gũi, thắt chặt như xưa. GS, TS Đỗ Huy nhận định: “Hệ giá trị làng xã Việt Nam với một cơ cấu cộng đồng bền chặt đang chịu thử thách mạnh mẽ trước làn sóng đầu tư trong quá trình toàn cầu hoá. Các lãnh tụ tinh thần làng xã, mối quan hệ nhà - làng - nước trong hệ giá trị làng xã hiện đang thay đổi nhiều trong làn sóng đầu tư. Các quan hệ gia đình đang lỏng lẻo dần.”¹

¹ Đỗ Huy: *Giá trị truyền thống Việt Nam trước thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002. tr. 105.

Kinh tế thị trường đã thể hiện tính năng động, ưu việt của mình so với sự phát triển của nền kinh tế vận hành theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Giá trị nhân ái, khoan dung vẫn tiếp tục được nhân dân ta kế thừa, phát huy và nâng lên một tầm cao mới trong lối sống, cách sống của mình. Truyền thống thương người, cởi mở, khoan dung thấm nhuần tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chiến thắng của cái chính nghĩa, cái đẹp trước cái phi nghĩa, cái xấu, sẵn sàng cứu mang những ai gặp hoạn nạn khó khăn, bất hạnh vẫn được các tầng lớp nhân dân phát huy trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, “xu hướng thực dụng chạy theo lối sống hưởng thụ có chiều hướng gia tăng”¹; “tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng; kỷ cương phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm”².

Tóm lại, cho dù có sự đan xen giữa lối sống mới, tích cực và xu hướng ngược lại với nó là lối sống cũ, tiêu cực trong xã hội, thì sự kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức tích cực, bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa của thế giới trong thái độ sống, lối sống lao động, học tập, tự hoàn thiện nhân cách qua môi trường lao động kinh tế thị trường và dân chủ hoá xã hội vẫn là xu hướng chủ đạo của lối sống Việt Nam hôm nay.

2.1.2. Biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng và sự suy thoái nhân tính ở nước ta hiện nay

Trong xã hội ta hiện nay, về cơ bản, đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống. *Một bên* là lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích tập thể và đất nước, đó là lối sống tốt đẹp. *Bên kia* là chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền, bất chấp đạo lý và pháp luật, thác loạn và mất nhân tính.

¹ Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Kết luận Hội nghị lần thứ X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 14.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 78 – 79.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc đề cao cái tôi của chủ thể mang nhân cách là điều hợp lý, tự nhiên. Đó cũng là yêu cầu của sự phát triển con người, xã hội, nhưng *một khi những vấn đề của cá nhân bị đẩy tới thái quá, tuyệt đối hoá nó, tách rời nó khỏi những ràng buộc, chế ước của cộng đồng, dẫn đến những xung đột giữa lợi ích riêng với lợi ích chung, giữa cá nhân và xã hội, làm xuất hiện những lệch lạc thái quá trong cách nghĩ và cách sống, trong làm việc và ứng xử của cá nhân, thành chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ*. Chủ nghĩa cá nhân nảy sinh tâm lý sống thực dụng, đề cao một chiều giá trị vật chất, các phương tiện vật chất trong tiêu dùng, hưởng thụ. Thối vụ lợi, vị kỷ, ích kỷ chỉ nhìn thấy mình mà “không nhìn thấy người bên cạnh”, tìm mọi cách kiếm lợi cho riêng mình, không cần một thái độ hành động phản tư, tự nhận thức với tinh thần tự phê phán xem, quan điểm, hành động của mình có gây tổn hại cho người khác không, có làm tổn hại cho xã hội không? Hành vi tìm mọi cách để vun vén cho riêng mình có vô tình hay cố ý “dẫm đạp” lên “người bên cạnh” không? Táng tận hơn, kẻ cá nhân chủ nghĩa thường đứng đưng với người khác, bon chen, vùi dập người khác, tự đánh mất lòng vị tha, nhân ái, bao dung đối với con người. Với chủ nghĩa cá nhân, cái triết lý sống tiêu cực, thiếu nhân tính đã đi vào trong tư tưởng và lối sống của họ: ai lo phận nấy, bằng mọi giá giành lấy phần lợi, làm giàu nhanh bất chấp đạo lý và pháp luật, nguy hại cho ai cũng không quan tâm, miễn là mình được lợi. Hiện nay quan niệm và lối sống như thế đã xuất hiện ở “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, đảng viên, công chức ở nước ta, nó làm suy yếu nhân tính, biến dạng nhân cách, suy thoái đạo đức, thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

*Biểu hiện và hậu quả của chủ nghĩa cá nhân gây ra trong xã hội ta hiện nay có nhiều mức độ, từ nhỏ tới lớn, từ hại ít đến hại nhiều, từ tâm thường đến đê tiện, bỉ ổi...*Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng đã nhận định: “Lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và

tham nhũng phát triển. Ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác gia tăng. Nạn mê tín dị đoan khá phổ biến. Nhiều hủ tục cũ và mới lan tràn, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội”¹.

Sự tha hoá đạo đức như trên đã dẫn đến hàng loạt các vụ phạm tội và các tội phạm từ người lớn đến trẻ vị thành niên, từ một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đến người dân. Đó là hậu quả của chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, vụ lợi và sự tha hoá mất nhân tính gắn liền với lối sống hưởng lạc, suy đồi, sự lười biếng, phi lao động, buông thả, làm giàu bất chính với những đồng tiền nhơ bẩn, tội lỗi. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam thừa nhận: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tinh chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Thoái hoá, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, uy tín của chế độ”².

Theo *Vnexpress*, số ra ngày 20/4/2006³, Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Trung ương Vũ Quốc Hùng cho rằng, có 5 suy thoái về đạo đức, lối sống của đảng viên hiện nay.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, tr.47.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006, tr.263-264.

³ <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2006/04/3B9E8F96/>

Thứ nhất, suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên có xu hướng tăng cả về số lượng và phạm vi.

Thứ hai, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân có chiều hướng gia tăng. Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị trung ương VI (lần 2) khóa VIII đã đề cập đến năm kiểu “chạy”. Đó là “chạy chức”, trước khi bầu cử; “chạy quyền” trước khi bổ nhiệm, chuyển công tác cán bộ; “chạy chỗ”, tìm “chỗ thơm”, “chỗ ngon”, chỗ kiếm được nhiều lợi (chẳng những cho bản thân mà còn cho cả người thân, người nhà); “chạy lợi” khi phân chia ngân sách, xét duyệt dự án đầu tư, giao thầu, tính thuế, xét duyệt đề tài nghiên cứu....; “chạy tội” cho bản thân cho người thân, có trường hợp cho cả những tên tội phạm.

Thứ ba, nói nhiều làm ít; nói nhưng không làm.

Thứ tư, quan liêu, xa dân, thích nghe thành tích, ngại nghe sự thật.

Thứ năm, tham nhũng, những nhiều dân gây hậu quả nặng nề trên nhiều mặt, làm thất thoát tài sản, tiền vốn của nhà nước, của nhân dân và sự hư hỏng của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Sự hư hỏng cán bộ đã dẫn đến 40.000 đảng viên bị kỷ luật trong một nhiệm kỳ đại hội, trong đó số cán bộ do Ban chấp hành trung ương, Bộ Chính trị, Ban bí thư đã kỷ luật là 114, có 12 Ủy viên Trung ương Đảng. Chỉ riêng vụ án Năm Cam đã có 17 đảng viên bị phạt tù, trong đó có người từng giữ những cương vị quan trọng trong bộ máy công quyền. Vụ xảy ra ở PMU 18 dẫn đến Bộ trưởng phải từ chức và thứ trưởng bị khởi tố điều tra¹.

Hiện nay, trong nhiều nỗi lo đạo đức, chúng ta ngày càng thấy lo lắng về hiện tượng dửng dưng của những chủ thể trước những cảnh đời đau khổ, sự thiếu vắng niềm cảm thông chia sẻ, sự quan tâm giúp đỡ con người...là thái độ vô tình, nhẫn tâm, do thói ích kỷ cực đoan gây nên. Đó là bệnh lãnh cảm xã hội, nó đẩy tới một xã hội sống mặc kệ, bất chấp, vừa phi đạo đức vừa phi chính trị, dẫn đến những hành vi thác loạn, vô nhân tính.

¹ <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2006/04/3B9E8F96/>

Sự giác ngộ lý tưởng đạo đức trong thanh niên hiện nay có sự giảm sút đáng kể. Theo kết quả khảo sát 9.284 sinh viên học sinh ở thành phố Hồ Chí Minh thì giá trị xã hội quan trọng nhất được họ đánh giá là: sống có lý tưởng chỉ có 23,6%. Có đến 64,7% trong tổng số 9.284 sinh viên, học sinh có nguyện vọng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Về lý do không có nguyện vọng vào Đảng, có 41,8% cho rằng tiêu chuẩn vào Đảng quá cao và có 47,8% lo học hành...Khảo sát việc sinh hoạt Đoàn - Hội, 71,8% cho biết có tham gia. Số không tham gia, không thích là 22,2%; 37,6% lo học hành; còn lại “lo kiếm tiền” và các lý do khác...

Đặt ra nhiều tiêu chuẩn khác nhau về giá trị xã hội, 2.190 sinh viên, học sinh (23,6%) nhận thức rằng sống có lý tưởng là giá trị quan trọng nhất. Tiếp đó là giàu tri thức (15,2%), hòa bình (11,8%), công bằng (10,4%), sống có ích cho xã hội (8,5%)... Chỉ 3,5% cho giàu có là giá trị xã hội quan trọng nhất, quyền lực 2%, nổi tiếng 0,4%.

Trả lời về những khó khăn trong đời sống học tập, lý do “chưa có môi trường rèn luyện thích hợp” chiếm tỉ lệ cao nhất (32%) . 25,3% cho rằng mình thiếu phương pháp học tập; 19,3% không hiểu bài; 20,4% cho biết họ thiếu tài liệu, dụng cụ học tập.

Điều đáng suy nghĩ ở đây là số sinh viên học sinh có nguyện vọng vào Đảng chiếm 64,7% nhưng chỉ có 5,3% chấp nhận đi công tác vùng sâu, vùng xa. Phải chăng ở họ vào Đảng là mang tính thực dụng chứ không phải tự nguyện cống hiến?

Thế hệ trẻ hiện nay có nhiều người kiến thức về khoa học, công nghệ thông tin rất phong phú, họ biết nhiều về lịch sử, văn hoá nước ngoài nhưng kiến thức về đất nước, về dân tộc mình lại rất kém, họ choáng ngợp trước giá trị của người khác, có kẻ đã bán bỏ cả cha anh.

Tình hình vi phạm đạo đức xã hội trong thanh niên ngày càng phức tạp và có nguy cơ tăng cao. Những biểu hiện lười học, thiếu trung thực trong học tập, gian lận trong thi cử, thương mại hoá các mối quan hệ, đặc biệt trong những quan hệ vốn được coi là thiêng liêng như thầy trò, tình yêu, gia đình,

bạn bè ... ; thị hiếu văn hoá, thẩm mỹ bị tầm thường hoá, có hiện tượng lệch chuẩn trong quan niệm về cái đẹp. Một bộ phận sinh viên mơ hồ về lý tưởng, thờ ơ với cộng đồng, thiếu ý chí phấn đấu vì dân tộc, bị cuốn theo những tác động tiêu cực, và lối sống buông thả, bị lệch chuẩn nhân văn, nhân bản, bàng quan với người xung quanh. Trong quan hệ hôn nhân và gia đình, xu hướng thực dụng đang tăng lên với những tính toán vụ lợi, vị kỷ, ích kỷ cá nhân làm ảnh hưởng xấu tới quan hệ tình nghĩa yêu thương.

Tóm lại, thực trạng lối sống của chúng ta hôm nay đang có những biến động vừa tích cực vừa tiêu cực. Mặt tốt đẹp biểu hiện ở nhiều nét mới trong các giá trị, chuẩn mực đạo đức xuất hiện phù hợp với tinh thần nhân văn, nhân bản, với truyền thống đạo đức của dân tộc với yêu cầu của thời đại đã hình thành. Nhiều tấm gương đạo đức của cá nhân và tập thể với lối sống tốt đẹp của nền tảng đạo đức xã hội vẫn được giữ vững trong đại bộ phận quần chúng nhân dân và một bộ phận cán bộ, đảng viên các cấp. Tuy nhiên, mặt tiêu cực biểu hiện ở sự biến động thái quá của các giá trị chuẩn mực đạo đức, ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, nghiêng về cái xấu, cái ác, dẫn đến những rối loạn, mâu thuẫn, xung đột với lối sống tốt đẹp đang là một hiện thực nhức nhối trong xã hội ta. Điều đáng báo động là sự suy thoái đạo đức, lối sống ở “một bộ phận không nhỏ” cán bộ đảng viên và một bộ phận nhỏ quần chúng nhân dân.

2.1.3. Sự biến động của các chuẩn mực sống và lối sống Việt Nam dưới tác động của cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Sự phát triển kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm qua cũng đã dẫn đến những biến đổi nhất định trong lối sống, chuẩn mực sống, thang giá trị đạo đức. Tham khảo hai biểu dưới đây sẽ thấy rõ hơn nhận định đó.

Biểu 1: Kết quả điều tra đặc điểm nhân cách trước thời mở cửa (tính theo % tổng số người trả lời¹)

¹ *Sđd*, tr.90.

STT	Các điểm	%
1	Chịu đựng gian khổ	66,6
2	Hướng vào những giá trị tập thể – xã hội là chính	65,4
3	Ít biết tính toán hiệu quả kinh tế	61,4
4	Kém năng động trong sản xuất và ứng xử	61,1
5	Trung bình chủ nghĩa trong học tập, công tác	53,2
6	Sống nặng về tình nghĩa	49,2
7	Thích bình quân cào bằng	47,9
8	Cầu an, sợ phiêu lưu, mạo hiểm	43,6

Biểu 2: Kết quả điều tra đặc điểm nhân cách sau thời mở cửa (từ 1986 lại đây ¹)

STT	Các điểm	%
1	Biết tính toán hiệu quả kinh tế	85,0
2	Đòi hỏi mức tiêu dùng ngày càng cao	81,1
3	Chấp nhận ganh đua, cạnh tranh	80,1
4	Hàng say thi đua học tập thay cho trung bình chủ nghĩa	64,5
5	Hướng vào những lợi ích cá nhân là chính	62,2
6	Dám chấp nhận phiêu lưu mạo hiểm	61,3
7	Chấp nhận phân hoá giàu nghèo	59,0

Từ các số liệu của *biểu 1* và *biểu 2*, ta có thể thấy xu hướng biến đổi của các giá trị nhân cách con người Việt Nam trước và sau đổi mới như sau:

- Từ con người ít biết tính toán đến biết tính toán hiệu quả kinh tế.
- Từ chịu đựng gian khổ đến đòi hỏi mức tiêu dùng hàng ngày càng cao.

¹ *Sđd*, tr.90.

- Từ kém năng động đến chấp nhận cạnh tranh.
- Từ tư tưởng bình quân chủ nghĩa đến hăng say lao động, học tập.
- Từ hướng vào lợi ích tập thể – xã hội là chính đến hướng vào lợi ích cá nhân là chính.
- Từ cầu an đến chấp nhận mạo hiểm.
- Từ sống nặng về tình nghĩa đến chỗ coi trọng lợi ích vật chất, lợi ích kinh tế.

Theo kết quả điều tra xã hội trong đề tài KX 07 – 04 “*Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*” do các nhà khoa học Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang tiến hành thì có 10 điểm nhân cách được cho là quan trọng nhất, trong đó, 6 điểm có tỷ lệ % số người được hỏi đánh giá cao nhất là:

- | | |
|-------------------------------------|----------|
| 1. Có trình độ học vấn rộng | : 75,7% |
| 2. Sống có tình nghĩa | : 52,7% |
| 3. Có khả năng tổ chức quản lý | : 51,9% |
| 4. Làm việc tận tâm, có trách nhiệm | : 51,3% |
| 5. Sáng tạo trong lao động, học tập | : 50,3% |
| 6. Biết nhiều nghề, tạo một nghề | : 50,2%. |

Đây là những đặc điểm nhân cách hết sức cơ bản của con người, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đổi mới. Những giá trị này biểu hiện sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Tuy nhiên, ở kết quả điều này cũng cho thấy một sự thật cần cảnh báo qua những chỉ số thấp về các vấn đề sau:

- | | |
|---|---------|
| 1. Có niềm tin vào Đảng và Nhà nước: | 38,3% |
| 2. Có lối sống lành mạnh: | 36,9% |
| 3. Có ý thức và hành vi sẵn sàng bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia: | 35,2% |
| 4. Biết giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc | : 32,2% |
| 5. Có ý thức định hướng XHCN trong mọi hoạt động | : 12,0% |

Qua các số liệu tham khảo, từ thực tế cuộc sống hiện nay, cho phép chúng ta có một nhận định sau đây:

- Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường đã có tác động sâu sắc tới mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là tạo ra sự biến đổi của các chuẩn mực sống, lối sống. Đó là một quá trình biến đổi hợp qui luật. Sự biến đổi của chuẩn mực sống, thang giá trị đạo đức là hết sức phức tạp theo nhiều chiều hướng: tích cực, tiêu cực, thái quá, thậm chí có cả sự đảo lộn.

- Những chuẩn mực đạo đức, lối sống được lựa chọn, cơ bản là phù hợp với truyền thống đạo đức của dân tộc, với lối sống dân tộc – hiện đại và phù hợp với công cuộc đổi mới. Bởi lẽ, chúng có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại; đồng thời cũng chứng tỏ rằng đa số nhân dân ta vẫn coi trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, nhng cũng sẵn sàng hướng tới tiếp thu những giá trị tích cực của thời đại, của nhân loại.

- Bên cạnh đó còn có một số biểu hiện đáng lo ngại: “Từ chỗ coi trọng các giá trị chính trị – xã hội chạy sang cực các giá trị kinh tế, vật chất, từ chỗ lấy con người xã hội – tập thể làm mẫu mực sang chỗ quá nặng nề con người cá nhân, thậm chí cá nhân chủ nghĩa. Trong quan hệ về nhân cách bao gồm đức và tài, từ chỗ lấy đức làm gốc chuyển sang coi nhẹ đạo đức, từ chỗ lên án người giàu, đến chỗ quá ưu ái người giàu, từ chỗ sống vì lý tưởng đến chỗ quá thực dụng...Nhiều giá trị truyền thống bị coi thường, một số thuần phong mỹ tục bị xâm phạm...”¹

- Có những giá trị đạo đức truyền thống đã lỗi thời, bị gạt bỏ nhưng cũng có những giá trị mới được khẳng định và đề cao như: coi trọng những giá trị cá nhân, năng động, dám nghĩ, dám làm...

- Đối với các giá trị truyền thống, có hai xu hướng tự phát, đó là: xu hướng tuyệt đối hoá cái hiện đại, quay lưng với truyền thống, chạy theo đồng tiền, đua đòi lối sống bên ngoài. Ngược lại, có xu hướng tuyệt đối hoá truyền thống, coi nhẹ cái hiện đại, từ đó quay về với truyền thống, với các tập tục cổ truyền, với lối sống cũ và qua đó, khôi phục cả những truyền thống lạc hậu, những hủ tục...

¹ Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng trong công tác tư tưởng hiện nay, 1993, Hà Nội, tr. 43-44.

Như thế, có thể nói, mặc dù với sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, các giá trị đạo đức, lối sống, chuẩn mực sống có những biến đổi khá sâu sắc theo nhiều chiều hướng, trong đó có cả những biến đổi theo xu hướng tiêu cực, nhưng nhìn chung, những giá trị, chuẩn mực đạo đức phù hợp với lối sống dân tộc – hiện đại vẫn được đa số nhân dân thừa nhận, gìn giữ và phát huy. Các giá trị đạo đức truyền thống vẫn có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống đạo đức xã hội, đồng thời, con người Việt Nam hiện đại cũng không “đóng cửa, khép kín” với thế giới mà đã có ý thức vươn ra tiếp cận và tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hoá Việt Nam, tiếp tục từng bước hình thành và hoàn thiện lối sống dân tộc – hiện đại.

2.2. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp, các tầng lớp và các nhóm xã hội cơ bản

2.2.1. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp công nhân, nông dân

2.2.1.1. Lối sống của giai cấp công nhân ở nước ta hiện nay

Trong cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp phần lớn công nhân làm việc trong các khu vực kinh tế quốc doanh. Đa số công nhân có lối sống lành mạnh, mình vì mọi người, yêu nước, tự tôn dân tộc, ý thức tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật cao, giàu đức hy sinh và vị tha. Nhưng thời kỳ bao cấp cũng kéo theo nhiều hạn chế trong lối sống, đó là tính trì trệ, cam chịu, cào bằng. Chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, lối sống của giai cấp công nhân có sự biến đổi tích cực từ sự thay đổi nghề nghiệp, nơi ở và thăng tiến xã hội cho đến sự thay đổi đời sống đạo đức và văn hoá tinh thần. Những biến đổi tích cực trong lối sống của giai cấp công nhân dễ nhận thấy đó là: Kinh tế thị trường đã tạo điều kiện và cơ hội để công nhân nâng cao vị thế xã hội, cơ cấu nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn và tay nghề, có thái độ tích cực đối với lao động, đối với gia đình, cộng đồng và xã hội. Giai cấp công nhân quan tâm đến đổi mới, nhập cuộc đổi mới, ủng hộ đổi mới.

Giai cấp công nhân mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số và lao động xã hội, nhưng đang nắm giữ cơ sở vật chất và các phương tiện sản xuất hiện đại nhất, quyết định phương hướng phát triển chủ yếu của nền kinh tế,

mỗi năm tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp chiếm 40% tổng sản phẩm xã hội bảo đảm trên 60% ngân sách nhà nước.

Kết cấu ngành nghề đa dạng, không thuần nhất. Giai cấp công nhân hiện nay không chỉ có những người làm việc làm việc ở các xí nghiệp quốc doanh hoặc các xí nghiệp quốc doanh cổ phần hoá, mà còn làm việc ở các xí nghiệp tư doanh, các cơ sở liên doanh với nước ngoài hoặc do nước ngoài đầu tư 100% vốn. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giai cấp công nhân đang tăng nhanh về số lượng, đa dạng và phức tạp hơn về cơ cấu. Hiện nay giai cấp công nhân Việt Nam hiện chiếm 10% dân số, chiếm 11,86% lao động cả nước. Độ tuổi giai cấp công nhân tương đối trẻ, đa số công nhân ở độ tuổi 17 đến 35, khoảng 37% công nhân có độ tuổi dưới 30. Trong quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế, giai cấp công nhân có sự chuyển đổi cơ cấu theo hướng tăng số lượng công nhân trong sản xuất công nghiệp là 57%, trong thương nghiệp, dịch vụ 20%, trong xây dựng, giao thông vận tải, bưu điện là 17%, trong các ngành nông, lâm, thuỷ sản là 6%.¹

Quá trình đổi mới kinh tế, chính trị, xã hội đem lại những biến đổi tích cực về ý thức trách nhiệm công dân, ý thức chính trị của giai cấp công nhân. Những biến đổi về chính trị và dân chủ hoá đã tạo ra sự chuyển động tích cực: tăng tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân, thúc đẩy thái độ tích cực chính trị, tăng sự giác ngộ giai cấp, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quan tâm đến hoạt động của tổ chức Đảng. Mong muốn đứng vào hàng ngũ của Đảng. Kết quả điều tra đề tài KHXH-03-07 cho thấy có 40,7% công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước muốn vào Đảng, 43,25% công nhân các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có nguyện vọng vào Đảng.

Công nhân là lực lượng kiên quyết ủng hộ và đi đầu trong công cuộc đổi mới, lực lượng tích cực, đi tiên phong trong mặt trận đấu tranh chống tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi và các hiện tượng tiêu cực khác trong đời sống kinh tế xã hội và nỗ lực vươn lên trong sản xuất, công tác, học tập và nghiên cứu

¹ Đỗ Nguyên Phương: *Cơ cấu xã hội và một số vấn đề xã hội bức xúc trong quá trình đổi mới*, Hà Nội 2004, tr.15.

ứng dụng khoa học công nghệ, giữ vững vai trò quyết định thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, góp phần giữ vững ổn định an ninh và quốc phòng. Kết quả điều tra của Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2001 cho thấy thái độ của công nhân các doanh nghiệp nhà nước ở địa bàn Hà Nội về những biểu hiện tiêu cực như nạn quan liêu, tham nhũng: 74,4% đấu tranh, phê phán; 12,8% bất bình không phê phán; 3,1 % chấp nhận các hiện tượng đó; 9,7% khó trả lời.

Kết quả khảo sát của đề tài KHXH 04-05 cho thấy 84,87% người được hỏi cho rằng đổi mới làm cho mức sống được cải thiện. Thu nhập của đa số công nhân có tay nghề vững được nâng lên rõ rệt, đời sống ổn định và được cải thiện, nhất là ở các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoặc liên doanh với nước ngoài. Một bộ phận công nhân bậc cao, có tay nghề giỏi năng động, tự lập, cơ động xã hội tốt hơn. Họ chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang làm việc các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh, hoặc doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài. Mức sống của bộ phận công nhân lao động đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động đã khá hơn trước đây rất nhiều. Tư tưởng, tâm trạng của họ ổn định, phần lớn nhóm công nhân này rất có ý thức trách nhiệm trong việc khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ, họ luôn ủng hộ và thực hiện nghiêm túc các chủ trương và đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Công cuộc đổi mới hai mươi năm qua đã cải thiện cơ bản mức sống của công nhân, khắc phục các khủng hoảng niềm tin và lẽ sống. Kết quả đã làm cho xã hội ổn định và khởi sắc, đồng thời tạo cơ hội cho mọi công nhân có khả năng lựa chọn mức sống khác nhau, có lối sống phù hợp với thu nhập, với điều kiện cá nhân và cộng đồng. Trong mọi hoàn cảnh đội ngũ công nhân đã ra sức học tập, rèn luyện, có ý thức tính tổ chức, kỷ luật. Họ đã chứng tỏ tính tích cực năng động, dám nghị, dám làm, kể cả bung ra tự cứu mình. Giai cấp công nhân đã thích ứng nhanh với cơ chế mới, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, vươn lên nắm lấy đỉnh cao của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, tiếp cận nhanh với công

nghệ khoa học hiện đại, có nhiều phát minh sáng kiến có giá trị khoa học và kinh tế, được áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội đạt năng suất chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá và vai trò lãnh đạo cách mạng trong sự nghiệp đổi mới.

Bên cạnh những biến đổi tích cực về lối sống, trong xã hội ta từ nhiều năm nay cũng diễn ra nhiều biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong lối sống của giai cấp công nhân. Trước những thời cơ và thách thức mới giai cấp công nhân Việt Nam vẫn còn tồn tại bất cập, số lượng công nhân còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số - lao động và mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao động kỹ thuật giữa các bộ phận công nhân. Trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp còn thấp so với yêu cầu; mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao động kỹ thuật. Hiện nay, tỷ lệ lao động có trình độ cao hiện còn chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Số đông công nhân là lao động phổ thông qua đào tạo ngắn hạn nên thiếu tính tổ chức và kỷ luật, ý thức học tập trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhìn chung không cao. Giai cấp công nhân hiện nay so với thế hệ trước có sự thay đổi mô hình ứng xử, quan niệm, định hướng giá trị, thay đổi lý tưởng.

Sự khác biệt về thu nhập, tiền lương ngay trong từng doanh nghiệp, ngành nghề đã và đang làm cho quan hệ giai cấp của nội bộ giai cấp công nhân bền chặt như trước. Do chỗ đứng và lợi ích khác nhau lại chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường nên cùng với sự cải thiện mức sống, môi trường sống cũng nảy sinh lối sống thành thị, lối sống tự do, chủ nghĩa cá nhân, quan hệ sòng phẳng, dẫn đến thái độ bàng quang “ai lo phận nấy”.

Điều đáng lo ngại một bộ phận công nhân chưa quen với tác phong công nghiệp, có biểu hiện phai nhạt ý thức giai cấp, chưa chú ý tới những lợi ích lâu dài, ý thức tổ chức kỷ luật kém, đời sống, điều kiện lao động còn nhiều khó khăn; việc thi hành pháp luật còn nhiều thiếu sót, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và liên doanh với nước ngoài. Theo điều tra của Ban chỉ đạo tổng kết Nghị quyết Trung ương 8B năm 1995, thì chỉ có 10% công nhân được hỏi

nhận mình là giai cấp lãnh đạo. Khảo sát của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam năm 2000 có 12, 54% công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước không muốn vào Đảng, có tới 33,42% không trả lời, trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có 14,98% không muốn vào Đảng và 37% không trả lời. Nguyên nhân của tình trạng trên là do một số cấp ủy, sở, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết xây dựng đội ngũ công nhân chưa kịp thời, đồng bộ, có nơi thực hiện còn hình thức, chưa thường xuyên; công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn lúng túng. Công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng cho công nhân lao động khu vực kinh tế ngoài quốc doanh còn gặp khó khăn.

Do trình độ kiến thức, tay nghề, trình độ công nghệ của giai cấp công nhân không đồng đều làm cho phân hoá giàu nghèo của công nhân trong của doanh nghiệp, của các ngành kinh tế ngày càng bộc lộ rõ và phức tạp, điều đó tác động rất lớn đến tâm lý, tình cảm, lối sống của công nhân.

Sự khác biệt về việc làm, thu nhập, và điều kiện kinh tế xã hội trong sinh hoạt, trong sản xuất kinh doanh là những nhân tố tác động tạo ra sự phân hoá xã hội thành những tầng lớp khác nhau về thu nhập, mức sống, làm tăng sự khác biệt về lối sống giữa các nhóm giai cấp công nhân, tạo ra sự phức tạp cho việc xây dựng lối sống văn minh của họ. Hơn nữa, vẫn còn một bộ phận công nhân, lòng say mê nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp còn yếu kém. Một bộ phận công nhân điều kiện sống và sinh hoạt còn chưa được cải thiện, làm cho họ không yên tâm và gắn bó với nghề.

Thu nhập thấp, đồng lương rẻ mạt, làm việc quá sức, không có thời gian nghỉ ngơi và tiếp xúc với văn hoá đã dẫn đến sự khủng hoảng về lối sống của một bộ phận công nhân. Theo khảo sát, 89,3% công nhân ở các khu công nghiệp cho rằng không có điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao diễn ra tại địa bàn cư trú. Hầu hết lao động ở các khu công nghiệp và khu chế xuất rơi vào tình trạng “mù văn hoá tinh thần”

Do việc tư nhân hoá, cổ phần hoá các công ty, xí nghiệp, các doanh nghiệp...làm cho đời sống, việc làm của một bộ phận công nhân không đảm

bảo. Thậm chí, việc tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc trong công nhân lao động còn chưa kịp thời, triệt để, việc vi phạm Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, chế độ bảo hiểm xã hội gây nên những cú sốc về tâm lý, lối sống, những biến đổi xã hội như đình công, bãi công, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ...

Từ thực trạng lối sống của công nhân cho thấy, muốn xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại cho giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đáp ứng được yêu cầu phát triển một mặt phải phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế đã ăn sâu vào nếp sống, lối sống của công nhân, mặt khác phải đi đôi với việc xây dựng cơ chế, chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân.

2.2.1.1. Lối sống của giai cấp nông dân ở nước ta hiện nay

Nông dân nước ta chiếm hơn 70% số dân cả nước, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội ta, trình độ dân trí của nông dân thấp, chẳng hạn ở Đồng bằng sông Cửu Long, có 45% số dân ở nông thôn từ 15 tuổi trở lên chưa hoàn tất khoá học nào, 32% tốt nghiệp tiểu học, 13,5% tốt nghiệp phổ thông cơ sở, 5,4% tốt nghiệp trung học phổ thông, 3,1% qua đào tạo nghề. Hiện 10% dân số trên 10 tuổi thuộc diện mù chữ và tái mù, trên 80% chưa qua đào tạo nghề. Hai mươi năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá số lượng giai cấp nông dân đang phân hoá mạnh. Một bộ phận nhỏ trong số nông dân trở thành công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp, công nhân mùa vụ, một số khác thành thợ tiểu thủ công ở những địa bàn có nghề truyền thống, một số vươn lên thành chủ trang trại, một số khác giàu lên do được mùa lúa, tôm, cá...; một số bị bán cùng họ trở thành người làm thuê do không có năng lực sản xuất hoặc rơi vào tệ nạn xã hội.

Nhìn chung, các cải cách thể chế nông nghiệp cuối những năm 80 đầu những năm 90 đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, sản lượng lương thực tăng lên đáng kể. Đổi mới kinh tế, xã hội đã góp phần cải thiện mức sống của đại bộ phận nông dân, tạo ra những biến đổi tích

cực về đạo đức, những thay đổi định hướng giá trị tạo ra một bước tiến tích cực về lối sống phù hợp với hội nhập.

Tăng trưởng kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã thúc đẩy sự tiến bộ về mặt xã hội cũng đẩy mạnh nhu cầu, sở thích, thị hiếu...của nông dân và cả xã hội. Đổi mới vừa phát huy truyền thống văn hiến lâu đời, phát huy lối sống tốt đẹp của người nông dân, đó là các giá trị yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tính đoàn kết, ý thức cộng đồng, gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống. Đổi mới cũng thúc đẩy đầu óc nhạy bén với cái mới của người nông dân, người nông dân không còn thụ động, trì trệ, lười biếng mà biết linh hoạt, thích nghi với biến đổi, tư tưởng chủ động, vượt lên hoàn cảnh, có trách nhiệm hơn với bản thân, cộng đồng và xã hội ngày càng phát triển. Kết quả báo cáo điều tra văn hoá làng thôn Bắc Bộ, Ban Tư tưởng- Văn hoá Trung ương năm 2002 cho biết đánh giá của người dân về về lối sống tốt đẹp được nông dân coi trọng: 74,2% nông dân xếp có ý chí vươn lên là lối sống được coi trọng nhất, 73,7% có ý thức yêu nước tự cường dân tộc, 70,7% tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng, 69,1% có ý thức vì tập thể, vì lợi ích chung, 68,9% có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, 68,7% có ý thức làm giàu cho xã hội, gia đình, bản thân, 60,7% ý thức bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái.

Mặc dù, sống trong môi trường thiên nhiên khắc nghiệt nhưng người dân Việt Nam vẫn tìm cách hoà đồng với thiên nhiên, nương theo thiên nhiên để phục vụ cho lợi ích của mình. Nền kinh tế nước ta còn nghèo giai cấp nông dân chúng ta sống tiết kiệm, đó là nét đẹp truyền thống của lối sống Việt Nam “cần kiệm để xây dựng đất nước”. Chính lối sống tiết kiệm đã góp phần vào công cuộc xây dựng quê hương, đất nước, làm cho xã hội ổn định, con người biết quý trọng sức lao động của chính mình. Lối sống vì cộng đồng làng xã, đề cao chữ tâm, chữ hiếu, chữ tín là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Tại cuộc điều tra 3026 hộ gia đình do Bộ Văn hoá - Thông tin tiến hành, đại đa số người dân cho biết lý do tham gia lễ hội của làng: 67, 04% cho là

giữ gìn truyền thống văn hoá làng, 55,55% gắn bó các thành viên trong làng, 46,47% tỏ lòng biết ơn những người có công với đất nước. Một nghiên cứu khác do Đỗ Thiên Kính, Viện Xã hội học tiến hành ở 3 xã vùng đồng bằng sông Hồng về lựa chọn các giá trị truyền thống trong ứng xử của cho thấy: 78% nông dân chọn có đạo đức trong sạch, tôn trọng người cao tuổi, gia đình hoà thuận cao hơn giá trị làm kinh tế giỏi (43,8%)¹. Có thể nói, trong những năm đất nước mở cửa, hội nhập các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn được giai cấp nông dân kế thừa, bảo lưu trong cuộc sống của họ.

Giai cấp nông dân luôn đề cao giá trị truyền thống trọng người có học, có đạo đức, người cao tuổi, người có hiếu, ngoài những giá trị đó ra người dân còn đề cao các giá trị có tài, biết làm ăn kinh tế, hoạt động văn hoá giỏi, họ luôn khao khát con cháu học hành đỗ đạt, nghề nghiệp vững chắc, 74,8% người dân cho rằng người có giá trị nhất là người học giỏi, tài cao, 68% cho là có đạo đức nổi tiếng, 65,9% người cao tuổi, 64,8% người biết làm ăn kinh tế, 61% người có hiếu, 55,3% người hoạt động văn hoá giỏi, 43,3% người có vị trí lãnh đạo.

Tuy nhiên, tăng trưởng về kinh tế giữa các nhóm dân cư không đồng đều. Có sự chênh lệch tương đối lớn về điều kiện sống giữa các nhóm, nhất là nông dân ở các vùng sâu, vùng xa mức sống còn quá thấp. Mức độ chênh lệch không dừng lại ở thu nhập hay chi tiêu mà còn tăng khoảng cách giữa nhóm giàu và nghèo ở điều kiện sống, các trang thiết bị phục vụ nhu cầu của hộ gia đình, cũng như sự hưởng thụ văn hoá của họ. *Nói như vậy*, nghĩa là lối sống gắn liền mức sống, chất lượng sống. Theo *Báo cáo của Chính phủ* về: “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và nhiệm vụ năm 2007” thì tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn 19%. Như vậy số hộ từ trung bình trở lên chiếm 81% tổng số hộ, trong đó hộ khá giả chiếm khoảng hơn 30%. Nhóm này đã giành 35 - 40% cho nhu cầu dinh dưỡng để tái sản xuất lao động, giành 60-65% cho các hoạt động vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khoẻ và giao tiếp.

¹ Mai Quỳnh Nam: *Những vấn đề xã hội học trong công cuộc đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.446.

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng trong nông nghiệp, từ "khoán 100" đến "khoán 10", việc giao quyền sử dụng đất ổn định lâu dài cho nông dân, phát huy tính tự chủ của kinh tế hộ và hàng loạt chính sách khác... đã tạo động lực mạnh mẽ giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai, rừng, biển và các nguồn lực khác trong nông nghiệp cùng các nguồn đầu tư của Nhà nước và sự hợp tác với nước ngoài. Các chính sách đó đã khơi dậy và phát huy vai trò thông minh, cần cù, làm chủ, lao động sáng tạo và giàu lòng yêu nước của nông dân, tạo ra động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước của giai cấp nông dân nước ta.

Ngày nay, nông dân tích cực tham gia các cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*, *"Vì người nghèo"*, *"Quyết đền ơn đáp nghĩa"*... ngày càng nhiều nông dân có ý thức làm chủ, có trách nhiệm với cộng đồng, giữ được thuần phong mỹ tục, đẩy lùi tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống lề thói cổ hủ, lạc hậu ảnh hưởng đến đời sống nông thôn mới.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi không chỉ có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội sâu sắc mà còn là cơ hội, điều kiện thuận lợi để tăng cường khối đoàn kết ở nông thôn, củng cố khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, vì mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức phấn đấu đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới để đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đảng và Nhà nước ta có chính sách thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất, gắn với chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác, khuyến khích các nhà khoa học, các doanh nghiệp, các hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân có vốn, có kinh

nghiệm quản lý và nguồn lực đầu tư vào trồng trọt, chăn nuôi, công nghiệp chế biến, xây dựng cơ sở hạ tầng, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn theo quy định của pháp luật, nhằm khai thác mọi tiềm năng trong nông nghiệp và nông thôn. Nhìn chung, chính sách kinh tế nhiều thành phần cũng mở ra một hành lang thuận lợi cho việc phát triển ngành nghề. Sự phát triển ngành nghề cũng mở ra đóng góp quan trọng trong giải quyết việc làm, trong xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nông dân.

Trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, nông dân tích cực đấu tranh xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, mất đoàn kết ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trong nông thôn. Ngoài các yếu tố tích cực, chúng ta cũng đang phải đối mặt với những tiêu cực trong lối sống của người nông dân Việt Nam.

Nước ta là một nước nông nghiệp, nông dân chiếm tỷ lệ cao trong dân số. Vì vậy, lối sống tiểu nông, lối sống của người nông dân sản xuất nhỏ trong cộng đồng làng xã vẫn còn ảnh hưởng tiêu cực đến suy nghĩ, tình cảm, thái độ và lối sống của người nông dân. Lối sống tiểu nông, tư duy manh mún, lạc hậu, tự phát, tự cung, tự cấp, tác phong tùy tiện, tính kỷ luật kém, tư tưởng bình quân chủ nghĩa đang bộc lộ nhiều hạn chế trong đời sống nông dân. Bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập thế giới giai cấp nông dân nước ta đang đứng trước các thách thức nghiệt ngã bởi nền nông nghiệp vẫn đang là nền sản xuất nhỏ, kém phát triển, kỹ thuật sản xuất phổ biến vẫn còn thủ công, lạc hậu, nông sản hàng hoá chưa nhiều, sức cạnh tranh còn kém so với các nước trong khu vực và thế giới. Thu nhập và đời sống nông dân còn thấp, tỷ lệ nghèo đói chiếm tỷ lệ cao, trình độ dân trí của cư dân nông thôn còn hạn chế. Chính lối sống hoà đồng vào thiên nhiên đã làm cho nông dân nhiều khi còn thụ động trước hoàn cảnh, bất lực trước những diễn biến bất thường của nó. Tư tưởng thụ động, cầu may, trông chờ người khác, trông chờ xã hội, tư tưởng ăn xổi ở thì, tình cảm dòng họ, cục bộ địa phương vẫn là một trở ngại lớn trong xã hội chúng ta. Đây chính là miếng đất màu mỡ để các hủ tục lạc hậu, tệ mê tín dị đoan nảy nở và phát triển.

Điều cần quan tâm là trong nền kinh tế thị trường ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân trong quan niệm sống và lối sống đang có chiều hướng gia tăng trong giai cấp nông dân. Tình trạng ham lợi trước mắt cho mình gây hại

cho người khác vẫn còn nhúc nhối. Nhiều hành vi ứng xử bất chấp đạo lý, tình người, vì đất đai, nhà cửa, tiền bạc có thể tranh giành, kiện tụng, sát hại kể cả ruột thịt. Thói hám danh, bon chen, kèn cựa, đổ kỵ vẫn còn làm nhúc nhối xã hội. Sự lệch lạc trong lối sống ảnh hưởng rất lớn đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Từ thực tế những mặt mạnh và hạn chế trong lối sống của giai cấp nông dân, cho thấy để xây dựng lối sống dân tộc, hiện đại cho giai cấp nông dân chúng ta phải kết hợp giữa xây và chống, lấy xây làm chủ đạo, noi gương những nông dân tiêu biểu, tích cực, năng động, giàu lòng yêu nước, nhân ái... chống lối sống cá nhân tiêu cực, chạy theo đồng tiền, ích kỷ, tiểu nông.

2.2.2. Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của các tầng lớp dân cư cơ bản (trí thức, doanh nhân)

2.2.2.1. Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của tầng lớp trí thức

Tầng lớp trí thức là tầng lớp lao động xã hội, lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn sâu, đại diện cho đỉnh cao trí tuệ đương thời mà xã hội đạt được. Trí thức là người sáng tạo, phổ biến văn hoá, khoa học, kỹ thuật vào đời sống xã hội, thúc đẩy nhanh sự tiến bộ xã hội. Người trí thức chân chính không chỉ có trình độ học vấn chuyên môn mà còn có đức độ, luôn vươn tới hệ chuẩn giá trị chân – thiện – mỹ. Trí thức có vai trò quan trọng đối với sự phát triển xã hội.

Tầng lớp trí thức là "*nguồn lực chất xám*" trong nước và Việt kiều yêu nước, là những người lao động trí óc, những người không chỉ có học vấn hay trình độ chuyên môn cao, mà hơn hết phải là những người quan tâm và có chính kiến trước những vấn đề chính trị – xã hội nóng bỏng của thời cuộc. Năm 1999, nước ta có khoảng hơn 1 triệu người tốt nghiệp đại học và cao đẳng trở lên (chưa kể ngành quản trị), trong đó có hơn 10.000 thạc sĩ, 11.718 tiến sĩ, hơn 800 giáo sư, hơn 3.000 phó giáo sư¹. Ở nước ngoài, có hàng trăm ngàn trí thức ở gần 80 nước, có mặt ở hầu hết các ngành nghề chuyên môn, kể

¹ Theo Báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng, tháng 9-1999.

cả những lĩnh vực đòi hỏi trình độ khoa học kỹ thuật như khoa học hàng không, vũ trụ, một số là chuyên gia đầu ngành trong các ngành mũi nhọn về khoa học, công nghệ và quản lý. Năm 2004 đội ngũ trí thức nước ta có 1.870.315 người, trong đó có hơn 6.000 giáo sư, phó giáo sư, gần 14.000 tiến sĩ và hàng mấy chục vạn cử nhân. Số trí thức trên địa bàn Hà Nội có 331.685 người, thành phố Hồ Chí Minh có 295.058 người.

Trong công cuộc đổi mới của đất nước, lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp trí thức Việt Nam được thiết lập trên các giá trị nhân đạo, giàu lòng nhân ái, tình thương yêu, sống có lý tưởng, cần cù, hiếu học, khát khao sáng tạo. Đội ngũ trí thức vừa gắn bó với nhân dân, giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức vì dân tộc, vì nhân dân, có hoài bão khoa học lớn, khát vọng làm giàu, đưa đất nước tiến kịp với sự phát triển của thế giới. Trí thức nước ta có tiềm năng trí tuệ và khả năng sáng tạo lớn, là những người có trình độ học vấn cao, quan tâm và có chính kiến trước những vấn đề chính trị - xã hội nóng bỏng của thời cuộc. Trong thực tế, có thể nhận thấy người Việt Nam có chỉ số thông minh cao. Nhiều năm qua, các đội học sinh nước ta - lực lượng dự bị của trí thức - đi thi quốc tế đều giành được nhiều giải thưởng cao. Trong đội ngũ trí thức nước ta có nhiều chuyên gia, nhà khoa học có tiếng tăm trong nước và quốc tế. Khả năng sáng tạo của trí thức nước ta có được còn do sự tiếp nối truyền thống hiếu học và sáng tạo của ông cha. Thêm vào đó, tài năng trí tuệ được phát huy còn do trí thức Việt Nam cần cù, vượt khó trong lao động và học tập. Do vậy, trí thức nước ta có thể nhanh chóng tiếp cận với những khoa học công nghệ tiên tiến và kỹ thuật hiện đại. Những phát minh khoa học có giá trị và mang tính độc lập với sắc thái riêng cũng đã hình thành (trong toán học, vật lý học, y học - khoa học quân sự ...) mà quốc tế đã bắt đầu nhìn nhận như là những "trường phái", "nền", "trung tâm".

Trí thức Việt Nam là tầng lớp đông đảo, có phẩm chất chính trị tốt, hoạt động hầu khắp trên các mặt của đời sống xã hội, đã và đang có vai trò to lớn, đóng góp tích cực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đội ngũ trí thức nước ta có lòng yêu nước, gắn bó với nhân dân lao động, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng. Trong công trình *"Về phát triển văn hoá và xây dựng*

con người trong thời kỳ CNH-HĐH” thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước khoa học xã hội – 04 đã điều tra 686 học sinh lớp 12 và 1.585 sinh viên năm thứ 2 và năm cuối của 13 trường phổ thông trung học và 13 trường đại học ở Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh về lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thấy: Có 91% học sinh, 94% sinh viên cho rằng tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc là những giá trị đạo đức quan trọng; 85% khao khát muốn đóng góp sức mình vào công cuộc xây dựng đất nước và xem lý tưởng mình muốn phấn đấu vươn tới là “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”¹.

Hiện nay, về số lượng, so với yêu cầu phát triển mới của đất nước - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, so với nhiều nước khác trong khu vực và thế giới, thì trí thức nước ta còn ít, chỉ chiếm 2,3% tổng số lao động; mới chỉ có 13 người tốt nghiệp cử nhân/1000 người dân và 4 sinh viên/1000 người dân. Riêng số lượng trí thức Việt Kiều là đáng kể, nhưng vì nhiều lý do, chúng ta vẫn chưa động viên được đội ngũ này đóng góp cho công cuộc xây dựng quê hương, đất nước một cách tương xứng.

Về cơ cấu, xét từ tiêu chí để xếp loại trí thức nước ta có cơ cấu khá phong phú, nhưng trong mối tương quan chung có tính tổng thể, thì vẫn còn nhiều bất hợp lý. Theo trình độ học vấn, bằng cấp thì trí thức trên đại học mới chỉ chiếm 12% trong tổng số trí thức (đây là một tỷ lệ thấp, theo kinh nghiệm ở nhiều nước phát triển thì tỷ lệ này cần phải là 25-30%). Theo các ngành khoa học, thì trí thức khoa học tự nhiên chỉ chiếm 15,4%, khi đất nước bước vào đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì đòi hỏi phải có nhiều hơn bộ phận trí thức này và cùng với tỷ lệ phải cao hơn trong tổng số trí thức. Trong ngành kinh tế quốc dân, trí thức trong các cơ quan hành chính - sự nghiệp chiếm tới 63,7%, còn ở các ngành sản xuất - kinh doanh chỉ là 32,7%, đây là một lý do dẫn đến tình trạng việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, đời sống còn thấp. Theo thành phần kinh tế, thì trí thức tuyệt đại đa số làm ở khu vực Nhà nước (điều này chưa phù hợp với tinh thần chung,

¹ Võ Văn Thăng: *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. VHTT và Viện văn hoá, Hà Nội.2006, tr.122.

khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức kinh doanh mở rộng sản xuất, đầu tư, phát triển theo chiều sâu - vận dụng khoa học và công nghệ hiện đại). Theo vùng lãnh thổ, thì sự mất cân đối trong phân bố trí thức lại càng nghiêm trọng hơn. Tuyệt đại đa số các chuyên gia tập trung ở các thành phố lớn, trong khi ở nông thôn và miền núi lại quá ít. Riêng ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm 50% tổng số trí thức cả nước. Theo giới tính, nữ trí thức chiếm 37% (với tỷ lệ dân số và khả năng sáng tạo của phụ nữ Việt Nam thì tỷ lệ này chưa tương xứng). Theo các thành phần dân tộc, thì các dân tộc thiểu số nước ta chiếm 13% dân số, sinh sống hầu hết ở miền núi, biên giới với 3/4 diện tích cả nước, nhưng số trí thức mới chỉ bằng 2,5% tổng số trí thức. Theo độ tuổi, lực lượng chuyên gia và cán bộ quản lý khoa học có độ tuổi khá cao, thể hiện sự "lão hóa" và sự "hẫng hụt" trong đội ngũ trí thức nước ta hiện nay (tuổi trung bình của tiến sĩ là 50,4; giáo sư là 59,5; phó giáo sư là 56,4. Còn cấp quản lý khoa học: Viện trưởng là 55, Viện phó là 50,9)

Công cuộc xây dựng đất nước 20 năm qua đã khẳng định khả năng sáng tạo và những đóng góp khoa học to lớn của trí thức Việt Nam, đặc biệt là các chuyên gia và các cán bộ quản lý khoa học đối với quá trình phát triển xã hội. Trí thức khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần bổ sung, lý giải và làm rõ thêm những quan điểm của Đảng về con đường đi lên của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhiều kết luận khoa học đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các nghị quyết, hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới. Nhiều thành tựu trong nghiên cứu, điều tra điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường của trí thức khoa học tự nhiên đã góp phần đáng kể cho việc xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo cơ sở cho quá trình tiếp thu và làm chủ công nghệ mới. Đội ngũ cán bộ khoa học một số ngành nghiên cứu cơ bản đã có khả năng tiếp cận trình độ hiện đại trên thế giới. Trí thức các ngành khoa học và công nghệ gắn bó hơn với sản xuất và đời sống. Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ mới đã được ứng dụng, góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong

các ngành sản xuất nông nghiệp, y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, xây dựng, năng lượng, dầu khí, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu..., xây dựng và củng cố quốc phòng - an ninh ...

Ngày nay, khi đất nước ta đang tiếp tục đổi mới toàn diện, hội nhập vào nền kinh tế tri thức toàn cầu thì vai trò trách nhiệm của tầng lớp tri thức trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục- đào tạo, khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội... càng quan trọng và nặng nề hơn.

Đội ngũ tri thức nước ta là lực lượng tiếp thu và truyền bá tri thức, văn hóa; Sáng tạo các giá trị mới của tri thức, văn hóa, là lực lượng quan trọng cung cấp các luận cứ khoa học để Đảng và Nhà nước hoàn thiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Đề xuất, phản biện một cách độc lập các chủ trương chính sách và biện là động lực của khoa học công nghệ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trí thức là lực lượng đi đầu trong việc nghiên cứu, triển khai các công nghệ tiên tiến vào trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trí thức có nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn xây dựng các chương trình, dự án lớn trong lĩnh vực khoa học then chốt, quan trọng. Trí thức có nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, phổ biến các tri thức khoa học vào và công nghệ tiên tiến vào đời sống, sản xuất của nhân dân; pháp giải quyết các vấn đề của xã hội; Dự báo và định hướng dư luận xã hội. Lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn của tầng lớp tri thức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các phong tục tập quán lỗi thời, lạc hậu.

Xét cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ tri thức chưa mạnh, còn nhiều mặt chưa đáp ứng được lợi ích trước mắt và lâu dài, chưa ngang tầm với với nhiệm vụ phát triển đất nước.

Trong quá trình hội nhập, xây dựng, phát triển kinh tế tri thức, đội ngũ tri thức ngày càng trưởng thành, song cũng bộc lộ hạn chế là sự thiếu kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, còn chịu ảnh hưởng của lối sống tiểu nông. Lao động sáng tạo đạt hiệu quả chưa cao; còn thiếu nhiều những chuyên gia giỏi để giải quyết những vấn đề khoa học chiến lược; có quá ít những cán bộ quản lý khoa học để đưa đơn vị, ngành và cả đội ngũ tri thức có bước phát triển nhanh và vượt

bạc. Một trong những nguyên nhân hạn chế sự phát triển của đội ngũ trí thức, đến chất lượng đội ngũ, thậm chí một bộ phận trí thức chưa tận tâm với công việc và sống bằng chính chuyên môn của mình là do chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ trí thức cả nước vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Chúng ta đang sống trong mọi trường mà trí thức thực sự chưa được đãi ngộ thoả đáng. Đội ngũ trí thức luôn mong muốn được sử dụng, có điều kiện và cơ hội phát huy hết tài năng, có môi trường sáng tạo, chuyên tâm vào chuyên môn, có điều kiện học hành, nâng cao tri thức, không phải bươn chải, lăn lộn kiếm tiền lo toan chính cuộc sống. Theo kết quả điều tra KX. 04- 06 về tâm tư và nguyện vọng của trí thức nói chung cho thấy: 97,5% trí thức cần có chính sách phát huy năng lực sáng tạo; 92,5% muốn lao động được đánh giá đúng mức; 87,5% muốn lao động trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; 85% muốn có môi trường thuận lợi để làm việc; 85% muốn có điều kiện vật chất - kinh tế để lao động sáng tạo; 82% không phải làm nghề phụ kiếm sống¹.

Nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã hết sức quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ trí thức, chính sách đãi ngộ trí thức có nhiều chuyển biến, ngoài chính sách tiền lương cải tiến, còn có chế độ phụ cấp đặc thù với trí thức làm việc ở các ngành nghề khác nhau, còn có thêm chính sách nhà ở, chính sách khuyến khích về tinh thần giúp trí thức gắn bó với công việc, yên tâm với công tác, có điều kiện trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Mặc dù, chế độ chính sách của trí thức được điều chỉnh nhiều lần, nhưng đa số trí thức chưa thể sống bằng lương, tiền lương chưa là thu nhập chính, chủ yếu, đảm bảo cho cán bộ đủ sống, đủ tái sản xuất sức lao động. Việc đãi ngộ không xứng đáng thường làm cho tầng lớp trí thức không đủ điều kiện để thực thi nhiệm vụ sáng tạo. Hiện nay thu nhập các nhà khoa học ở Việt Nam vẫn còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Lương của Giáo sư, Viện trưởng Việt Nam bằng 1/10 lương của Giáo sư, Viện trưởng Trung Quốc. Đã đến lúc cần phải có chính sách tận dụng tài năng, đáng giá đúng

¹ Đỗ Thị Thạch (2005): *Phát huy nguồn nhân lực trí thức nữ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.176.

công sức, thành quả các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ và khoa học xã hội và nhân văn. Hơn nữa, cần có tiêu chí để xác định phân loại nhà khoa học.

Đội ngũ trí thức chưa phát huy hết năng lực của mình còn do chúng ta chưa chú trọng xây dựng đội ngũ các nhà khoa học thành các chuyên gia trong mọi lĩnh vực. Theo kết quả nghiên cứu thực trạng đội ngũ khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trở ngại làm đội ngũ khoa học công nghệ chưa phát huy hết năng lực, chưa cập nhật được trình độ khoa học công nghệ thế giới: 100% ý kiến do phương thức quản lý chưa hợp lý, chính sách đãi ngộ chưa xứng đáng; 88,3% cho là điều kiện làm việc thiếu thốn (điều kiện làm việc lạc hậu, hình thành tự phát, không có quy hoạch), chỉ có 8,3% ý kiến cho là tạm đủ; 3% cho là đủ; 63% nhận định yếu kém từ chính bản thân đội ngũ (cơ cấu đội ngũ không đồng bộ, đội ngũ nghiên cứu và triển khai ít về số lượng, trình độ đội ngũ còn hạn chế, ít tiếp cận thông tin hiện đại); số lượng cán bộ khoa học ở lĩnh vực sản xuất chủ yếu của thành phố chiếm tỷ lệ thấp trong lực lượng lao động công nghiệp và chế biến: 33.576(14,7%); nông nghiệp và thủy sản 1.328 (0,6%)...năm 2004 có 2.279 trí thức tham gia vào chương trình nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ do thành phố Hồ Chí Minh quản lý.¹

Vấn đề cần khắc phục của trí thức nước ta hiện nay là: khả năng sáng tạo của đội ngũ này chưa được phát huy đầy đủ; hiện tượng "lãng phí chất xám", "bạc chất xám" và "chảy chất xám"...vẫn rất cần quan tâm. Công tác lãnh đạo và quản lý trí thức còn nhiều bất cập, chưa tạo ra được động lực thích đáng, hợp lý cho lao động sáng tạo, các lực lượng trí thức còn phân tán, tổ chức nghiên cứu khoa học nhiều khi mang tính hình thức, thiếu dân chủ, và đã nảy sinh sự tham nhũng trong khoa học ...

Trong thực tế, chúng ta chưa giải quyết thỏa đáng vấn đề lợi ích của cán bộ, nhất là chưa có chế độ tiền lương phù hợp. Đổi mới chính sách tiền lương phải gắn liền với thu hút nhân tài, khuyến khích tài năng. Vì thế, cần có chế

¹ PGS, TS Hoàng Anh Tuấn: *Hội thảo Phát huy trí tuệ đội ngũ trí thức Khoa học và Công nghệ TP.HCM.*

độ đãi ngộ, khen thưởng thoả đáng với các hoạt động sáng tạo tùy theo công trình và giá trị thực tế để thu hút khuyến khích tài năng, cần thực hiện chế độ trả lương cao cho các chuyên gia và ưu tiên điều kiện làm việc của họ. Cùng với chế độ trả lương thoả đáng, cần có cơ chế mới về trọng dụng nhân tài, phải được cụ thể hoá ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Ngoài đãi ngộ về vật chất, chính sách cần quan tâm mặt tinh thần cho các nhà khoa học, bằng cách tôn vinh qua các giải thưởng, danh hiệu.

Hiện nay, đội ngũ trí thức nước ta đang có nhiều biến đổi. Sự biến đổi có chiều hướng đáng lưu ý là: số lượng tăng nhanh ở các ngành dễ kiếm việc làm, lương cao, có cơ hội phát triển; trí thức có học vị tăng nhanh. Nguồn đào tạo được đa dạng hóa, nhưng cơ cấu ngành nghề đào tạo và thành phần con em lao động trong đội ngũ trí thức chưa phù hợp. Trí thức là con em các dân tộc thiểu số giảm đi một cách tương đối. Trí thức con em công - nông; ở vùng nông thôn, miền núi cũng giảm đi so với con em các thành phần giàu có, ở thành phố, đồng bằng. Chất lượng lao động của trí thức có xu hướng sáng tạo - hiệu quả - thiết thực hơn, song chưa thật cao và đều khắp.

Đội ngũ trí thức Việt Nam ở nước ngoài là một nguồn lực quan trọng về khoa học và công nghệ, tiềm năng kinh tế, kinh nghiệm quản lý tiên tiến và là cầu nối cho sự phát triển đất nước, nhiều người đã và đang giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, trong các công ty, tổ chức, tập đoàn và tổ chức quốc tế. Các giá trị trung thực, độc lập, sáng tạo, tự chủ, tinh thần phấn đấu vươn lên tiếp thu cái mới, có óc sáng tạo, có trách nhiệm với các sản phẩm sáng tạo của trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn có tác động sâu sắc đến xã hội.

Hiện nay, bên cạnh lối sống tốt đẹp của tầng lớp trí thức, trong xã hội ta vẫn còn một bộ phận trí thức thiếu bản chất của người trí thức, không dám đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, khi có chức quyền chia bè kết cánh, tham nhũng, lãng phí, gây bức xúc trong nhân dân. Bộ phận trí thức này vẫn còn có biểu hiện lối sống tiểu nông, tư duy manh mún trong kế hoạch công tác và chương trình hành động, tác phong tùy tiện, kỷ luật kém, hẹp hòi, đố kỵ, ăn

xổ, tranh thủ chụp giật, chỉ vun vén lợi ích cá nhân không quan tâm lợi ích tập thể.

Ngày nay, khi đất nước ta đang bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiếp tục đổi mới toàn diện, hội nhập nền kinh tế trí thức toàn cầu thì vai trò trách nhiệm của tầng lớp trí thức càng quan trọng và nặng nề hơn. Đổi mới càng sâu sắc toàn diện càng đòi hỏi phải đổi mới căn bản trong xây dựng lối sống dân tộc hiện đại của đội ngũ trí thức.

2.2.2.2. Thực trạng lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp doanh nhân

Theo khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành tại trên 40.000 doanh nghiệp vào giữa năm 2005, thì số doanh nhân từ 30 tuổi đến 40 tuổi chiếm 25,7%; từ 41 đến 50 tuổi chiếm 31,7%; doanh nhân từ độ tuổi 30 đến 50 chiếm khoảng 57,4%, doanh nhân tuổi 20 – 30 đang có nhiều triển vọng. Tầng lớp doanh nhân nước ta có một vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp 45% GDP cả nước, trên 50% xuất khẩu, giải quyết 90% việc làm cho xã hội.

Doanh nhân Việt Nam có lối sống mang đậm tính dân tộc - hiện đại, có lý tưởng cao đẹp, giàu lòng yêu nước, biết kết hợp lợi ích cá nhân và lợi ích đất nước, có khát vọng làm giàu, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, tụt hậu, là lực lượng chủ lực của đất nước trong công cuộc phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế .

Lối sống dân tộc- hiện đại của tầng lớp doanh nhân Việt Nam được thể hiện ở tính năng động, sáng tạo, kỷ luật và tinh thần sẵn sàng chịu trách nhiệm, cũng như tính quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Những doanh nhân thành đạt thường có tham vọng vượt qua được mọi khó khăn, tự mình giải quyết mọi vấn đề và hoàn thành tốt công việc. Họ sống có, có quyết tâm và phải làm bằng được những gì mình đã muốn luôn có vai trò tích cực trong sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo dựng và giữ gìn thương hiệu Việt Nam. Họ là người tham mưu cho nhà nước về đường lối, chiến lược và sách lược kinh tế. Doanh nhân có thể đề xuất các giải pháp, đồng thời đóng vai trò cầu nối cho

nhà nước trong các quan hệ đối ngoại, họ có kỹ năng và kiến thức kinh doanh giỏi, có tinh thần sáng tạo, là nhà kinh doanh hiện đại, có khả năng hợp tác và cạnh tranh quốc tế tốt, đó là cơ hội chiến thắng trong cạnh tranh, góp phần để nền kinh tế Việt Nam hội nhập vào đời sống kinh tế chính trị toàn cầu.

Tuy nhiên, trình độ đào tạo đội ngũ doanh nhân còn không ít mặt bất cập trước những yêu cầu mới, nhiều doanh nhân tri thức về thị trường, về kinh doanh chưa sâu. Không ít doanh nhân còn bỡ ngỡ trước những hoạt động kinh doanh của kinh tế thị trường. Trong làm ăn với đối tác nước ngoài, nhiều doanh nhân chưa nắm bắt được thông lệ quốc tế, thiếu tri thức kinh doanh hiện đại, văn minh. Trình độ, kiến thức của chủ doanh nghiệp đóng vai trò quyết định vào thành công của doanh nghiệp. Kết quả cuộc điều tra khảo sát nhu cầu doanh nghiệp phía Bắc do *Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Doanh nghiệp* tại thành phố Hà Nội tiến hành tháng 7 năm 2007 cho thấy: trên 33.487 doanh nghiệp thuộc 30 tỉnh, thành phố phía cho thấy: 54,5% chủ doanh nghiệp có trình độ cao đẳng trở lên (số chủ DN tư nhân thấp hơn với 24,68%); 70% chủ doanh nghiệp chưa được đào tạo về quản trị kinh doanh và kiến thức kinh tế trong đó có cả những người trình độ học vấn Cao đẳng và Đại học. Hầu hết doanh nghiệp thuộc mọi loại hình đều gặp phải những khó khăn trong việc quản trị doanh nghiệp với 63,4% doanh nghiệp yêu cầu được hỗ trợ đào tạo những kỹ năng này.

Trình độ văn hóa, học vấn, khoa học, kỹ thuật của một bộ phận doanh nhân còn yếu, thiếu tính chuyên nghiệp, không được đào tạo cơ bản, thiếu kiến thức quản lý, kinh doanh hiện đại. Do vậy, không đủ khả năng nắm bắt và tiếp cận được những tiến bộ của khoa học, công nghệ mới, chưa chú trọng đến việc nâng cao trình độ công nghệ trong doanh nghiệp của mình. Tình trạng kinh doanh manh mún, chập giật, thậm chí phi pháp của một số doanh nhân.

Theo số liệu điều tra, hiện nay 70% máy móc thiết bị có tuổi thọ trên 20 năm (tức là đã lạc hậu 2 - 3 thế hệ), công suất bình quân chỉ đạt 50%, chất lượng sản phẩm thấp (chỉ 15% sản phẩm đạt chất lượng quốc tế). Nhiều giám đốc ít dành thời gian cho việc tự học, tự đọc sách báo, trang bị ngoại ngữ, nâng cao

trình độ.

Trong tầng lớp doanh nhân có một bộ phận lối sống bị sa sút, có tư tưởng “chụp giật”, “lừa đảo”, ngoài các lý do khách quan như hệ thống luật pháp lạc hậu, tình trạng quan liêu và tham nhũng tràn lan...còn có lý do chủ quan là kiến thức kinh doanh của doanh nhân quá thấp. Một số lượng đông đảo doanh nhân hoạt động tự phát, hoàn toàn không hiểu biết những kỹ năng thông thường, đó là chưa kể đến những kiến thức liên quan về pháp luật, môi trường và văn hóa...; trong công việc, thiếu chữ tín, không chú trọng việc tạo sự tin tưởng lâu dài cho đối tác; một bộ phận doanh nhân vốn liếng chưa nhiều, khả năng cạnh tranh chưa cao, tình trạng lợi dụng khe hở của cơ chế để làm giàu cho bản thân; có doanh nhân giàu lên rất nhanh trong khi doanh nghiệp thì làm ăn thua lỗ, thậm chí bị phá sản, trong suy nghĩ và trong hành động. Chủ nghĩa cá nhân đã lấn át họ, thôi thúc họ thực hiện hành vi tham nhũng, hối lộ, tham ô, cửa quyền.

Tình trạng tiêu cực và tham nhũng càng trở nên nặng nề khi doanh nhân Nhà nước liên kết với các bộ quản lý Nhà nước để làm ăn bất chính. Một số doanh nhân có ý thức kỷ luật kém, ít có trách nhiệm đối với sự phát triển của doanh nghiệp, chưa thật sự coi doanh nghiệp là nơi gắn bó máu thịt và dốc lòng, dốc sức cho sự phát triển, mà chỉ coi doanh nghiệp như phương tiện để thực hiện mục đích thăng quan tiến chức, hoặc để tranh thủ làm giàu trước khi phải rời khỏi ghế giám đốc.

Tuy giá trị tài sản cố định của các doanh nghiệp Nhà nước hiện nay còn nhỏ bé (khoảng 70% doanh nghiệp có giá trị tài sản cố định dưới 1 tỷ đồng, 24% từ 1 đến 10 tỷ, chỉ có khoảng 5% trên 60 tỷ đồng), do năng lực và trình độ tổ chức quản lý của một số doanh nhân yếu nên vẫn không tổ chức được bộ máy quản lý gọn nhẹ, có hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp và cơ chế thị trường. Vấn đề sắp xếp nhân lực, bố trí cán bộ, nhân viên, tổ chức lại các phòng chức năng chưa phù hợp với cơ chế mới.

Những tồn tại trên đây trực tiếp làm hạn chế đến quá trình điều hành và tổ chức doanh nghiệp, làm giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị trong nền kinh tế, có những tồn tại do quá khứ, do lịch sử để lại và cũng có những hạn chế do thể chế đương nhiệm gây ra. Đó là những lực cản cần phải loại bỏ trong quá

trình xây dựng đội ngũ doanh nhân của nền kinh tế thị trường đang từng bước hình thành theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

Ngày nay, doanh nhân nước ta đang đứng trước yêu cầu mới là phải vươn lên xứng tầm thời đại, phải nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá dịch vụ, mở rộng kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng cường liên kết, liên doanh. Mỗi doanh nhân phải đủ bản lĩnh và trí tuệ, không những để đứng vững trên thị trường trong nước mà còn phải vươn ra thị trường khu vực và thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Những biến động không ngừng trong quá trình hoạt động đòi hỏi doanh nghiệp phải có khả năng thích ứng nhanh nhạy, dễ dàng biến đổi cho phù hợp và hiệu quả với tình hình. Muốn vậy, tầng lớp doanh nhân phải biết phát huy các giá trị, phẩm chất tốt đẹp, trong lối sống dân tộc hiện đại và biết chống lại, thủ tiêu những yếu tố tiêu cực trong lối sống tránh tùy tiện, bình quân chủ nghĩa.

2.2.3. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các nhóm xã hội cơ bản (thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi...)

2.2.3.1. Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của nhóm thanh niên

Lối sống thanh niên trong xã hội hiện đại có nhiều biến động lớn, đa dạng và phức tạp. Thanh niên là nguồn nhân lực của quốc gia, tỷ lệ thanh niên tham gia trong các thành phần kinh tế: kinh tế ngoài nhà nước (89%), kinh tế nhà nước (khoảng 10%), kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (khoảng 1%). Dưới tác động của kinh tế thị trường những giá trị truyền thống Việt Nam có những chuyển đổi nhất định. Điều đáng mừng là thanh niên ngày nay đó kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp đó trong lối sống tốt đẹp của thế hệ cha anh, sống có ước mơ, lý tưởng, cú ý thức, có ý chí tự lực, tự cường, có tư tưởng tiến bộ, không ngại khó khăn, xung kích thực hiện những việc khó, việc mới và lập nhiều thành tích xuất sắc, góp phần vào thành tựu chung của đất nước sau hơn 20 năm đổi mới. Thanh niên, trí thức trẻ cả nước rất quan tâm, tâm huyết với nhiều vấn đề của đất nước. Thanh niên có thái độ tích cực, hướng tới các giá trị truyền thống, biết khẳng định các đúng, đấu tranh chống cái sai

trái. Tinh thần yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, tự tôn dân tộc những giá trị tốt đẹp của dân tộc ta vẫn được nuôi dưỡng. Nghiên cứu của đề tài KHXH –04 về “*Phát triển văn hoá và xây dựng con người trong thời kỳ CNH- HĐH*” cho biết có 89,9% sinh viên quan tâm đến giá trị yêu nước mà biểu hiện của nó là tinh thần độc lập dân tộc¹. Kết quả khảo sát năm 2001 của Uỷ ban quốc gia về thanh niên Việt Nam trên 2900 đoàn viên, thanh niên về “Tình hình, tư tưởng thanh niên” cho thấy phần lớn thanh niên đã nhận thức được đúng những nhiệm vụ cần thiết để sớm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, dân chủ, văn minh. Trong đó 89% thanh niên đồng tình chống tham nhũng, quan liêu, mất dân chủ; 82,4% ủng hộ giữ vững ổn định chính trị, an ninh xã hội; 80,8% cho rằng cần phát huy bản sắc dân tộc; 78,7% tiếp tục ủng hộ, xây dựng, chỉnh đốn Đảng; 77,7% tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; 68,8% thu hút đầu tư nước ngoài; 67,3% tăng cường ngoại giao đa phương; 67,3% phát huy nội lực; 65,8% chống nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa². Phần đa thanh niên mong muốn được đứng trong các tổ chức chính trị xã hội để được cống hiến, trưởng thành. 89% thanh niên có nguyện vọng vào Đoàn; 86,8% muốn vào Đảng.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, hội nhập và giao lưu văn hoá quốc tế đã được hầu hết thanh niên cho là một trong những vấn đề cấp bách và cần thiết. 99,7% thanh niên cho rằng hội nhập và giao lưu văn hoá trong bối cảnh hiện nay là cần thiết, trong đó rất cần thiết là 64,5%. Tỷ lệ trả lời câu hỏi không cần thiết chiếm chỉ chiếm 0,3%. Điều này chứng tỏ đối với thanh niên hội nhập quốc tế là nhu cầu để học tập, lao động, mở mang kiến thức cũng như cạnh tranh để phát triển. Theo thanh niên cần chuẩn bị để hội nhập quốc tế. Có 56,7% thanh niên cho rằng cần có sự hiểu biết luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế, 47,2% cần hiểu phong tục Việt nam và quốc tế. 50,2% thanh niên quan niệm cần chuẩn bị trình độ tin học, ngoại ngữ để hội nhập.

¹ Võ văn Thắng: *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. VHNT và Viện Văn hoá, Hà Nội. 2006, tr.122.

² Viện Khoa học xã hội Việt Nam, GS.VS.Nguyễn Duy Quý, *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, vấn đề và giải pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.,2006, tr..232.

Điều đáng mừng là có 94,8% cho rằng họ đã chuẩn bị sẵn sàng để hội nhập quốc tế. Đa số thanh niên đã chuẩn bị trình độ, chuyên môn và học vấn để hội nhập, có 84,3% thanh niên được hỏi trả lời đã chuẩn bị nâng cao trình độ chuyên môn, học vấn, 67% chuẩn bị học và sử dụng ngoại ngữ, 56% chuẩn bị học và sử dụng tin học truy cập Internet. Tỷ lệ chuẩn bị trình độ chuyên môn ở các vùng không đồng đều, ở đô thị lớn có xu hướng cao hơn, Hà nội 90,7%, thành phố Hồ Chí Minh 81,4%, Hà Tây 71%¹.

Trong ý thức của đại đa số thanh niên, nhiều giá trị được đề cao trong quá khứ được nhường chỗ cho những giá trị mới. Mặc dù có sự thay đổi thứ tự ưu tiên hay những khác biệt của một vài yếu tố, song dường như có sự thống nhất chung ở thanh niên đối với những giá trị được đề cao như sự đổi mới, hướng vào tương lai, tính năng động, sáng tạo có thể trong công việc, trong giao tiếp.

Hội nhập quốc tế đang đặt ra nhiều thách thức với thanh niên Việt Nam, làm biến đổi sâu sắc lối sống của họ. Bên cạnh những mặt tích cực tiến bộ, các sai lệch văn hoá, lối sống thực dụng, dục vọng cá nhân, ảnh hưởng xấu đến nhận thức và lối sống, hành vi của một bộ phận thanh niên.

Các sai lệch văn hoá, lối sống tiêu cực đang len lỏi vào lối sống xã hội hiện đại, làm đảo lộn thang giá trị, đạo đức, lối sống của một số thanh niên.

Những biểu hiện lệch lạc đang làm lung lay lý tưởng sống trong một số thanh niên. Trước sự chuyển biến của kinh tế thị trường, một số thanh niên thờ ơ với thời cuộc, ít quan tâm đến chính trị, giảm sút niềm tin với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, sùng bái sự giàu sang của chủ nghĩa tư bản, chỉ quan tâm lợi ích trước mắt, chỉ lo làm kinh tế bằng bất cứ giá nào, ngại tham gia các hoạt động xã hội, chạy theo lối sống vật chất tầm thường, muốn hưởng thụ hơn cống hiến, sống thực dụng, buông thả, thoả mãn dục vọng tầm thường, nảy sinh tiêu cực, mắc phải tệ nạn xã hội. Điều tra 2000 thanh niên ở thành phố Hải phòng có 14% thanh niên cho rằng chỉ cần có trình độ văn hoá phổ thông cơ sở, thoát nạn mù chữ, 35% cho rằng chỉ cần học xong trung học; 21% không cần quan tâm đến

¹ Đặng Cảnh Khanh: *Hàm lượng chất xám giá trị cao*, Tạp chí Cộng sản, Số 4 (124). 2007.

các vấn đề chính trị- xã hội, thậm chí không cần biết đến tình hình trong nước, quốc tế; 20% chán nản trước cuộc sống khó khăn, sẵn sàng cư trú ở nước ngoài. Một bộ phận thanh niên lao vào cuộc sống thực dụng ở mọi phương diện, tôn thờ đồng tiền, kiếm tiền bằng mọi cách.¹ Từ những sai lệch trong lối sống của một bộ phận thanh niên cho thấy cần kiểm soát chặt chẽ văn hoá phẩm, tăng cường, mở rộng, kết hợp gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho thanh niên.

2.2.3.2. Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của nhóm phụ nữ

Phụ nữ Việt Nam hiện nay có 42.667.300 người, chiếm 50,86% dân số cả nước. Phụ nữ Việt Nam tham gia ngày càng nhiều trên các lĩnh vực của đời sống. Trong lĩnh vực kinh tế, phụ nữ chiếm 49,95% lao động trong sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp; 36,69% lao động trong sản xuất công nghiệp và xây dựng; 51,8% trong các ngành dịch vụ; 25% phụ nữ là chủ doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, phụ nữ Việt Nam chiếm số đông so với tổng số lao động trong các ngành văn hoá - xã hội. Phụ nữ chiếm 69% trong ngành giáo dục - đào tạo; chiếm 57,4% lao động trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, môi trường, phụ nữ ngày càng chủ động tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, tích cực tham gia bảo vệ môi trường sinh thái. Trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, báo chí, TDTT, vai trò của phụ nữ càng nổi bật, nhất là đội ngũ phóng viên báo chí, phát thanh, truyền hình, văn nghệ sỹ, huấn luyện viên, vận động viên. Phụ nữ cả nước có vai trò đóng góp to lớn trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, nhiều chị em đã có ý chí vươn lên không cam chịu đói nghèo, quyết tâm xoá đói, giảm nghèo và làm giàu cho gia đình, đóng góp cho xã hội; nhiều phong trào thi đua có sự tham gia tích cực và hiệu quả cao của phụ nữ như đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, sinh đẻ có kế hoạch... Trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng, đối ngoại và hợp tác quốc tế, xây dựng Đảng, Nhà nước càng thấy rõ vai trò của phụ nữ Việt Nam trong việc tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội,

¹ Lê Như Hoa: *Bản sắc dân tộc trong lối sống hiện đại*, Viện văn hoá, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà

bảo vệ Tổ quốc và tham gia lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, nâng cao vị thế phụ nữ Việt Nam trên trường quốc tế...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, phụ nữ Việt Nam ngày càng đã vươn lên, vượt qua mọi khó khăn, ngày càng trưởng thành. Mặc dù chưa có các khảo sát riêng về phụ nữ nhưng khi đánh giá về đức tính con người Việt Nam hiện nay, 74,2% phụ nữ coi phẩm chất có ý chí vươn lên là quan trọng nhất; 73,7% có ý thức yêu nước, tự cường dân tộc; 70,7% tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng; 69,1% có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh; 68,7% cho rằng có ý thức làm giàu cho xã hội, gia đình và bản thân.

Nhìn chung ý thức chính trị của phụ nữ được nâng lên thông qua việc tuyên truyền chính sách và việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Điều đáng mừng là phần lớn phụ nữ của chúng ta trong thử thách của kinh tế thị trường và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã giữ vững được lối sống lành mạnh, có phẩm chất tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tôn trọng kỷ luật, tuân theo pháp luật, hoàn thành tốt công việc.

Sự phát triển nhanh chóng của các thành phần kinh tế đã tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận nhiều cơ hội việc làm. Ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới đã xuất hiện những phụ nữ kinh doanh giỏi, những triệu phú, có đầu óc năng động, biết làm giàu bằng lao động chính đáng. Theo báo cáo của Lê Đăng Doanh, đến hết tháng 3 /2003 dưới tác động của luật doanh nghiệp đã có 71000 doanh nghiệp mới được thành lập, có 40% dân doanh được thành lập có phụ nữ tham gia sáng lập, khoảng 28% giám đốc dân doanh là phụ nữ¹. Các nghiên cứu của viện kinh tế cho thấy các doanh nghiệp do nữ làm giám đốc có tỷ lệ kinh doanh ổn định hơn, ít gặp rủi ro về tài chính hơn.

Sự chuyển dịch kinh tế theo hướng đa dạng hoá ngành nghề đối với lao động nữ đã tạo ra nhiều cơ hội nghề nghiệp. Năm 2006 tỷ lệ lao động nữ được giải quyết việc làm đạt 46, 5% trong tổng số lao động được giải quyết việc

Nội, 2003, tr.292.

¹ Lê Đăng Doanh: *Nữ doanh nhân và kinh tế dân doanh*. Báo Công nghiệp Việt Nam Số 42, ngày 15-10-2003.

làm của cả nước. Giảm tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ ở thành thị từ 6,98% năm 2001 xuống còn 6,14% năm 2005.

Trách nhiệm công dân và thái độ chính trị của phụ nữ, thái độ quan tâm đổi mới, nhập cuộc với đổi mới và ủng hộ cái mới được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ phụ nữ tham gia vào công việc của xã hội và của cộng đồng, tham gia vào quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát pháp luật, bầu cử, ứng cử, đề cử vào cơ quan dân cử, tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội cao hơn trước. Tỷ lệ đại biểu nữ quốc hội tăng nhanh trong 4 khoá gần đây (9,5%). Phụ nữ là chủ nhiệm uỷ ban quốc hội đạt 25% và uỷ viên thường vụ đạt 22,2%.

Có thể nói, đến nay phụ nữ Việt Nam có những bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ, có những đóng góp to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, khoa học-công nghệ, xây dựng Đảng, chính quyền và hợp tác quốc tế. Phụ nữ các dân tộc, các tôn giáo, công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân trên cương vị người lãnh đạo hay quản lý, người lao động đều đã đoàn kết, thi đua phát huy sức mạnh nội lực, tham gia thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế-xã hội. Địa vị, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của phụ nữ Việt Nam được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện về nhiều mặt, sức khoẻ phụ nữ được nâng cao. Phụ nữ Việt Nam đa phần đấu không ngừng vươn lên, họ ngày càng chủ động, tự tin hơn trong lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, năng động, mạnh dạn trong kinh tế thị trường. Tất cả các thay đổi và tiến bộ của phụ nữ trong nhận thức, thái độ và định hướng giá trị đã tạo nên những biến đổi tích cực trong lối sống của người phụ nữ Việt Nam.

Bên cạnh những biến đổi tích cực về lối sống, kinh tế thị trường cũng tạo ra nhiều hạn chế trong lối sống của người phụ nữ Việt Nam hiện đại. Ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân trong lối sống của phụ nữ có chiều hướng gia tăng trong xã hội. Việc đề cao lợi ích, trước hết là lợi ích vật chất cũng như lợi ích cá nhân với những nhu cầu riêng mâu thuẫn, xung đột với lợi ích chung, lợi ích cộng đồng. Nảy sinh tâm lý sống thực dụng, đề cao một chiều các giá trị vật chất, các phương tiện vật chất trong tiêu dùng, hưởng thụ.

Trong quá trình CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế phụ nữ có nguy cơ bị đẩy ra khỏi thị trường lao động do những tiến bộ của khoa học công nghệ trong khi chất lượng lao động nữ còn ở mức thấp. Theo số liệu điều tra của Bộ lao động thương binh xã hội từ những năm 2001-2004 nếu tính theo tỷ lệ lao động nữ trong sản xuất nông nghiệp là trên 60% thì số lao động nữ nông thôn mất việc không nhỏ, riêng Hà Nội có 5 vạn thôn nữ bị mất việc¹. Phụ nữ bị hạn chế về cơ hội kiếm việc làm và mất việc và thu nhập thấp do trình độ học vấn thấp, chuyên môn, tay nghề thấp, khó thích nghi với môi trường lao động mới. Lao động nữ qua đào tạo nghề mới đạt 15,5%.

Trong ngành doanh nghiệp, việc làm của phụ nữ thiếu ổn định, điều kiện lao động và sống không đảm bảo. Ở khu vực nông thôn phát triển ngành nghề còn chậm, năng suất lao động, hiệu quả kinh tế thấp, thu nhập không ổn định, phụ nữ thiếu việc làm di dân ra thành phố tăng. Dưới áp lực của tình trạng thất nghiệp và nhu cầu thiết yếu của cuộc sống đã đẩy một số lao động nữ yếu văn hoá và không có kỹ năng lao động vào làm việc một số nghề bất hợp pháp (buôn bán hàng lậu, ma tuý, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em...). Theo kết quả điều tra của viện Xã hội học: Hơn 70% số người hành nghề mại dâm có nguồn gốc nông thôn; có gần 1/5 trong số họ hoàn toàn không biết chữ².

Quá trình tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ đổi mới đi đôi với việc nâng cao mức sống nhưng đồng thời dẫn đến phân hoá giàu nghèo trong xã hội ngày càng rõ rệt. Năm 2004 thu nhập của 20% số hộ có thu nhập cao nhất gấp 7 lần 20% số hộ có thu nhập thấp nhất. Bộ phận phụ nữ do có đầu óc năng động trong làm ăn đáp ứng nhu cầu của thị trường thì giàu lên nhanh chóng. Một bộ phận đáng kể phụ nữ do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan có đời sống nghèo đói có nguy cơ trở thành vật hy sinh trong các gia đình nghèo. Nhiều em gái ở gia đình nghèo phải bỏ học sớm, phải lao động sớm,

¹ Lê Thị Quế: *Lao động nữ trong thời kỳ đổi mới*, Tạp chí nghiên cứu kinh tế, Số 327 tháng 8 năm 2005, tr.28.

² Hà Huy Thành: *Những tác động tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2000, tr.206.

lấy chồng nước ngoài với mục đích vụ lợi diễn biến phức tạp. Chỉ tính riêng tỉnh Cần Thơ, từ năm 1995 đến nay có 14.000 phụ nữ kết hôn với người Đài Loan. Những bất hạnh và rủi ro mà các em gái lấy chồng Đài Loan phải gánh chịu là rất lớn.

Trong nền kinh tế thị trường phụ nữ gặp nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện vai trò gia đình và xã hội của mình. Phẩm chất đạo đức và một số giá trị truyền thống tốt đẹp trong gia đình có phần bị mai một, lối sống thực dụng có xu hướng gia tăng trong một bộ phận phụ nữ.

Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý tỷ lệ còn thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lao động nữ. Đặc biệt, trong lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế, văn hoá, khoa học – công nghệ. 25% phụ nữ trong cơ quan dân cử ở đại phương (trừ quốc hội 27,3%), dưới 15% trong các cấp uỷ Đảng và cơ quan quản lý nhà nước các cấp so với 48 % lực lượng lao động nữ chiếm trong tổng số lao động.

Có thể nói, trên đây là những hạn chế trong lối sống của một bộ phận phụ nữ hiện nay cần điều chỉnh. Trong công tác xây dựng lối sống được quan tâm, uốn nắn. Trong công tác giáo dục lối sống dân tộc hiện đại cho phụ nữ cần giáo dục phụ nữ tu dưỡng đạo đức thường xuyên. Phụ nữ phấn đấu rèn luyện theo các nội dung: Sức khoẻ tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu.

2.3. Thực trạng về chất lượng sống cơ bản của toàn xã hội

2.3.1. Thực trạng đời sống vật chất của người dân Việt Nam hiện nay

Đời sống vật chất của một cộng đồng xã hội có phạm vi rất rộng và được biểu hiện vô cùng phong phú, đa dạng trên nhiều khía cạnh của cuộc sống, trong phần này chúng tôi chọn *phạm vi đánh giá điển hình là nhóm đối tượng người nghèo*, nhóm xã hội “yếu thế” trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay trên một số khía cạnh nhất định, bởi lẽ điều kiện sống về mặt vật chất của họ sẽ phản ánh mức sống vật chất tối thiểu của người dân Việt Nam hiện nay.

2.3.1.1. Thực trạng nghèo, đói

Nhờ chương trình xoá đói, giảm nghèo của Chính phủ và một số chương

trình hỗ trợ phát triển hỗ trợ khác, xoá đói giảm nghèo là một trong những thành công lớn nhất của quá trình phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay được quốc tế công nhận. Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam, Điều tra mức sống hộ gia đình của Tổng cục Thống kê năm 2004, tỷ lệ người nghèo theo chuẩn nghèo quốc tế bao gồm chi phí mua lương thực, thực phẩm đảm năng lượng hàng ngày cho một người là 2.100 Kcal và chi phí lương thực bằng khoảng 2/3 chi phí lương thực, thực phẩm¹ giảm từ 58,1% năm 1993 xuống 24,1% năm 2004, tương đương giảm gần 60% số hộ nghèo, vượt trước kế hoạch 10% đặt ra cho giai đoạn 2001-2005. Tính theo chuẩn nghèo mới ban hành thì đến cuối năm 2006 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 19%.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm đều ở tất cả các vùng trong cả nước tuy có mức độ khác nhau. Giảm nhanh nhất là vùng đồng bằng Bắc bộ với mức giảm từ 86,1% năm 1993 xuống còn 31,7% năm 2004, và chậm nhất là vùng Tây Nguyên với mức tương ứng là 47,1% và 32,7%. Phương thức xoá đói giảm nghèo đã được thay đổi phù hợp theo Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện và cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, tăng việc làm, cải thiện đời sống.

Nhóm 20% dân số Việt Nam có mức thu nhập và tiêu dùng thấp nhất tập trung chủ yếu ở các vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc, do đó đây cũng là những vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất trong cả nước. Tuy nhiên, trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của đất nước và những hỗ trợ riêng của Nhà nước cho những vùng nghèo, thu nhập bình quân của nhóm này có xu hướng tăng dần theo các năm. Chẳng hạn, nếu như thu nhập bình quân/người/tháng của nhóm này chỉ là 63 nghìn đồng năm 1994 thì

¹ Tỷ lệ nghèo chung là tỷ lệ người nghèo được tính theo chi tiêu bình quân/người/tháng và chuẩn nghèo chung của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới với mức chi tiêu bình quân/người/tháng qua các năm như sau: Năm 2002: 160 nghìn đồng; năm 2004: 173 nghìn đồng. Tỷ lệ nghèo lương thực, thực phẩm là tỷ lệ hộ nghèo được tính theo thu nhập bình quân/người/tháng và chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm với mức thu nhập bình quân/người/tháng qua các năm như sau: Năm 2002: thành thị 146 nghìn đồng, nông thôn: 112 nghìn đồng; năm 2004: thành thị 163 nghìn đồng, nông thôn: 124 nghìn đồng.

đã tăng lên 97 nghìn đồng năm 1999, 107,7 nghìn đồng năm 2002 và khoảng 150 nghìn đồng năm 2005.

Tuy đã đạt được những kết quả đáng kể trong xoá đói, giảm tỷ lệ nghèo như trên, nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại hạn chế sau:

Thứ nhất, thành tựu xoá đói giảm nghèo chưa vững chắc.

Việt Nam vẫn là nước nghèo với mức sống của người dân thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Hiện nay, chuẩn nghèo của thế giới quy định quốc gia có thu nhập bình quân người hàng năm là 735 USD. Thu nhập bình quân của Việt Nam khoảng trên 400 USD, dù có quy đổi về giá trị so sánh tương đương (PPP) vẫn chưa qua chuẩn nghèo. Ước tính có khoảng 5 – 10% dân số Việt Nam vẫn nằm trong diện dễ bị rơi vào vòng đói nghèo.

Thứ hai, tỷ lệ đói nghèo ở nông thôn, vùng núi, vùng trung du còn cao.

Từ năm 1993 đến nay, tuy các tỉnh nghèo nhất có mức độ giảm nghèo nhanh hơn nên tỷ lệ nghèo giữa vùng nghèo nhất (Tây Bắc) so với vùng giàu nhất nước ta (Đông Nam Bộ) đã được thu hẹp lại, nhưng các vùng núi, trung du bao gồm Tây Bắc, Bắc trung bộ, Tây Nguyên và Đông Bắc vẫn luôn là bốn vùng nghèo nhất. Mặt khác, người nghèo vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn (khoảng 90% tổng số người nghèo), trong đó các vùng có mật độ nghèo cao nhất là Bắc Trung bộ, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Hơn nữa, độ giãn cách về trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các vùng ngày càng gia tăng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn là những nơi chậm phát triển nhất so với cả nước.

Thứ ba, sự khác biệt về đói nghèo giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam còn lớn.

Mặc dù Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ người nghèo, đặc biệt là đồng bào các dân tộc ít người, nhưng tỷ lệ nghèo trong các dân tộc ít người vẫn cao nhất và tốc độ giảm nghèo cũng chậm hơn. Chẳng hạn, tính trong giai đoạn 1993 – 2002, các dân tộc ít người chỉ giảm được 17,1 điểm phần trăm tỷ lệ nghèo, trong khi người Kinh giảm được 30,8 điểm phần trăm; năm 2002 tỷ lệ nghèo của đồng bào dân tộc ít người cao gấp 3 lần so với

người Kinh, trong khi năm 1993 con số này chỉ là 1,6 lần.

Thứ tư, mức độ chênh lệch giàu – nghèo đang có xu hướng gia tăng.

Tình trạng chênh lệch và bất bình đẳng xã hội giữa các vùng, giới tính và nhóm dân cư đang ngày càng gia tăng. Trong khi các vùng đô thị được hưởng lợi nhiều nhất từ các chính sách cải cách và tăng trưởng kinh tế, thì tình trạng nghèo vẫn tồn tại dai dẳng ở nhiều vùng nông thôn của Việt Nam và ở mức độ rất cao ở các vùng dân tộc thiểu số.

Theo Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004 của Tổng cục Thống kê, số liệu về khoảng cách chênh lệch nghèo (được đo bằng mức trung bình giữa chi tiêu thực tế của người nghèo với chuẩn nghèo, tính bằng tỷ lệ phần trăm so với chuẩn nghèo) cho thấy mức độ trầm trọng của đói nghèo ở Việt Nam đang giảm nhưng với tốc độ chậm dần, từ 18,5% năm 1993 xuống 9,8% năm 1998 và 6,9% năm 2002. Chi tiêu thực tế của hộ gia đình thời kỳ 2003 – 2004 tăng 12,1%, cao hơn mức 7,4%/năm của thời kỳ 1993 – 1998 và 4%/năm thời kỳ 1998 – 2002. Tuy mức tiêu dùng của người dân nói chung và của người nghèo nói riêng đều tăng lên, nhưng chênh lệch về thu nhập và phân hoá giàu nghèo trong dân cư vẫn tiếp tục gia tăng. So sánh 20% số hộ có mức thu nhập thấp nhất thì hệ số chênh lệch năm 1996 là 4,3 lần, năm 2002 là 8,14 lần. Một số vùng có hệ số chênh lệch ở mức cao hơn mức bình quân của cả nước là Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Đồng Bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ.

Vào ngày 21/03/2007 tại Đà Nẵng, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới (WB) đã tổ chức Hội thảo “Công bố báo cáo cập nhật nghèo 2006”. Báo cáo cho thấy khoảng cách giữa các nhóm người giàu nhất và nhóm người nghèo nhất đang bị nới rộng. Năm 1993, chi cho tiêu dùng bình quân đầu người của gia đình giàu nhất cao gấp 5 lần so với gia đình nghèo nhất thì tỷ lệ này tăng lên 6,3 lần vào năm 2004. Tỷ lệ chi tiêu bình quân đầu người của nhóm giàu nhất trong tổng chi tiêu dùng xã hội tăng từ 41,8% lên 44,7%, trong khi đó nhóm nghèo nhất lại giảm từ 8,4% xuống còn 7,1% ở cùng thời kỳ.

Cụ thể hơn, theo số liệu công bố trên website của Tổng cục Thống kê,

năm 2004, mức thu nhập bình quân đầu người một tháng ở nước ta là 484,4 nghìn đồng, trong khi đó thu nhập bình quân ở thành thị là 815,4 nghìn, gấp 2,15 lần khu vực nông thôn (378,1 nghìn). Thu nhập của vùng giàu nhất, vùng Đông Nam Bộ là 833 nghìn, cao gấp 3,13 lần vùng nghèo nhất – Tây Bắc (265,7 nghìn). Nguyên nhân chủ yếu là do các nhóm giàu hơn có tốc độ tăng thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người cao hơn các nhóm nghèo hơn.

2.3.1.2. Thực trạng môi trường sống

Tỷ lệ người dân được tiếp cận với nguồn nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường ngày một tốt hơn. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược về nước sạch và vệ sinh môi trường và 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Việt Nam đã có khoảng trên 700 nghìn công trình cấp nước, trong đó có trên 4,6 nghìn hệ thống cấp nước tập trung. Chỉ tính trong giai đoạn từ 1993 đến 2004, tỷ lệ người dân Việt Nam được sử dụng nước sạch đã tăng từ 26,2% lên 70%; tỷ lệ này ở nông thôn tăng mạnh hơn, từ 18% lên tới 58%.

Năm 2003, khoảng 5 triệu hộ gia đình ở nông thôn (41%) đã có nhà vệ sinh hợp quy cách. Tỷ lệ này tăng chậm trong thời gian gần đây, song kết quả quan trọng thu được là người nông dân đã có ý thức hơn về việc giữ gìn vệ sinh môi trường và đang từng bước thay đổi tập quán sử dụng nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh.

Về việc thu gom chất thải rắn, theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2003, trung bình mỗi năm Việt Nam có hơn 15 triệu tấn chất thải rắn phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó 80% là chất thải rắn sinh hoạt và 20% là chất thải rắn công nghiệp. Chất thải ở khu vực đô thị chiếm tới gần 50% tổng lượng chất thải sinh hoạt. Dự báo nếu dân số đô thị ở Việt Nam tăng lên gấp đôi trong những năm tới thì số rác thải toàn quốc cũng tăng lên tương ứng khoảng 22 triệu tấn/năm.

Cũng theo Báo cáo trên, tỷ lệ thu gom chất thải ở khu vực đô thị đã có những tiến bộ đáng kể, trung bình đạt khoảng 71% và đang tăng dần. Hiện nay đã có 32 tỉnh, thành trong cả nước có dự án đầu tư xây dựng bãi chôn lấp

chất thải rắn hợp vệ sinh. Các phương tiện và phương thức xử lý chất thải đang được cải tiến, năng lực xử lý chất thải y tế đang được tăng cường. Nồng độ chì trong không khí trên các tuyến giao thông đã giảm nhờ việc thay thế xăng không chì cho xăng pha chì. Chất lượng không khí tại khu vực nông thôn, miền núi (trừ các làng nghề) nhìn chung vẫn trong sạch.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như: Hiện trạng môi trường sống của người dân Việt Nam đang có biểu hiện xấu đi do tác động của một loạt nguyên nhân, như thiên tai, mật độ dân số tăng nhanh đặc biệt là ở các thành phố lớn và các khu công nghiệp, khác thác bừa bãi các nguồn tài nguyên thiên nhiên và xả chất thải chưa qua xử lý bừa bãi vào môi trường, gia tăng các phương tiện giao thông. Hệ quả là ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng trên mọi mặt.

Trong số gần 100 bãi thải trong cả nước mới chỉ có khoảng 20% bãi chôn lấp hợp vệ sinh, phần lớn còn lại đều gây ô nhiễm môi trường và gây tác động xấu tới sức khỏe con người. Các hệ thống xử lý chất thải nguy hại còn rất thiếu, nên chất thải nguy hại thường được đổ bỏ hoặc tiêu huỷ cùng với chất thải thông thường. Môi trường không khí ở hầu hết các khu công nghiệp và các thành phố, đô thị bị ô nhiễm nặng nề bởi bụi và các khí thải độc hại. Nồng độ bụi trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ 1,3 đến 3 lần, cá biệt có nơi vượt từ 10 – 20 lần. Nồng độ khí SO₂ khu vực xung quanh một số nhà máy, xí nghiệp vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ 1,1 đến 2,7 lần. Hiện tượng mưa axit đã xảy ra ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng Đông Nam bộ – khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp. Nguồn gây ô nhiễm chính là các chất thải từ các phương tiện giao thông, công nghiệp và xây dựng.

Đối với lượng khí CO₂ và các khí gây hiệu ứng nhà kính ở Việt Nam phát thải tuy không lớn nhưng có chiều hướng gia tăng. Năm 1994 ước tính khoảng 103,8 triệu tấn, song dự báo đến năm 2010 là 140 triệu tấn và năm 2020 là 233 triệu tấn. Các tác nhân gây ra nguồn phát thải này là từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp.

Đối với môi trường nước, chất lượng nước tại gần các đô thị và các khu

công nghiệp của một số sông chính ở miền Bắc (sông Cầu, sông Hồng, sông Thái Bình và sông Cẩm) và ở miền Nam (sông Đồng Nai và sông Sài Gòn) đều không đạt tiêu chuẩn nguồn cấp nước sinh hoạt, nhưng vẫn đạt tiêu chuẩn cho các mục đích khác như nuôi trồng thủy sản. Các sông ở miền Trung (như sông Hàn, sông Hương) nhìn chung có chất lượng nước tốt hơn, đủ điều kiện làm nguồn nước sinh hoạt.

Hầu hết các sông nhỏ, hồ, kênh, mương nội thành của cả thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Huế, TP. Hồ Chí Minh... đều bị ô nhiễm nặng nề, các chỉ tiêu đều vượt mức tiêu chuẩn cho phép từ 4 – 5 lần, có điểm tới 70 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do các nguồn chất thải, nước thải sinh hoạt và công nghiệp đều được xả trực tiếp và hệ thống này mà không được xử lý.

Hiện tượng nguồn nước ngầm bị ô nhiễm, xâm nhập mặn đang gia tăng. Hàm lượng các chất nitơ, phốt phát và các kim loại nặng có trong nguồn nước ngầm ở các khu công nghiệp và đô thị vượt tiêu chuẩn cho phép ở nhiều nơi. Lượng nước ngầm còn đang bị sụt giảm, đặc biệt ở các đô thị nên đã gây ra hiện tượng lún sụt đất ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

2.3.1.3. Thực trạng dịch vụ hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo

Từ năm 1999 đến hết năm 2004, Nhà nước đã đầu tư khoảng 8,9 nghìn tỷ đồng cho các vùng nghèo, xã nghèo xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, bao gồm công trình thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường, điện, nước sinh hoạt, chợ; nâng cấp, cải tạo các tuyến trục giao thông nối vùng nghèo, xã nghèo với các trung tâm của các vùng khác nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho vùng nghèo, vùng khó khăn cơ hội phát triển. Cùng với việc lồng ghép các dự án khác trên địa bàn và huy động các nguồn lực khác như viện trợ nước ngoài, đóng góp từ thiện trong nước và đóng góp của người hưởng lợi. Những nỗ lực trên đã cải thiện đáng kể kết cấu hạ tầng của các xã nghèo, vùng nghèo.

Cụ thể, theo Báo cáo của Ủy ban Dân tộc, tính đến năm 2004 đã có 2.306 xã đặc biệt khó khăn có đường ô tô đến trung tâm xã, chiếm 97% tổng số xã đặc biệt khó khăn; chỉ còn 68 xã đặc biệt khó khăn chưa có đường ô tô đến

trung tâm cụm xã (chiếm 3%). 90% xã đặc biệt khó khăn có công trình thủy lợi nhỏ, phục vụ tưới trên 40 nghìn ha lúa từ 1 đến 2 vụ. 100% các huyện có trung tâm y tế, 100% các xã đặc biệt khó khăn đã có trạm y tế với 100% các trạm đã có y sỹ, một phần đã có bác sỹ. Đa số các thôn bản đã có y tế cộng đồng cơ bản ngăn chặn được các dịch bệnh hiểm nghèo, góp phần nâng cao sức khoẻ và cải thiện đời sống nhân dân. 90% các xã đặc biệt khó khăn có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo; các bản làng ở xa đều đã có lớp cắm bản; 100% các huyện có trường trung học phổ thông; ở một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao đã có trường dân tộc nội trú, bán trú. 36% số xã đặc biệt khó khăn có chợ xã và chợ liên xã, nhờ vậy sản phẩm do đồng bào làm ra đã có nơi trao đổi, tiêu thụ, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất hàng hoá, cải thiện đời sống, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường ở các xã đặc biệt khó khăn. Gần 70% xã đặc biệt khó khăn có điểm bưu điện văn hoá, mạng lưới điện thoại đã có mặt ở tất cả các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa; trên 70% các xã đã có điện thoại đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. 90% các xã đặc biệt khó khăn đã có trạm phát thanh, ngoài việc phổ biến chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, còn tuyên truyền, hướng dẫn cách thức làm ăn, xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập góp phần đáng kể vào việc nâng cao đời sống nhân dân. Điện lưới quốc gia đã đến được 900 trung tâm xã nghèo, 100% số huyện và 90% số xã có điện; trong đó có hơn 60% số hộ vùng dân tộc miền núi được sử dụng điện, nhiều tỉnh có 100% số xã có điện. 65% xã đặc biệt khó khăn có công trình phục vụ nước sinh hoạt với trên 70% số hộ đồng bào có đủ nước sinh hoạt, trong đó 50% số hộ được sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Đối với khu vực nghèo thành thị, Chính phủ đã triển khai thực hiện chương trình phát triển hạ tầng đô thị hướng vào việc cải thiện đời sống của người nghèo, như chương trình nhà ở cho người có thu nhập thấp, xoá bỏ nhà ổ chuột, nhà dột nát, nhà tạm, cung cấp hạ tầng thiết yếu trong việc cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; thực hiện chương trình đào tạo nghề và tạo công ăn việc làm, cho vay vốn làm ăn...

Những kết quả trên đã làm thay đổi cơ bản đời sống vật chất của người

nghèo, vùng nghèo và xã nghèo, chất lượng sống của người nghèo, vùng nghèo đã được nâng lên. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn đã giảm khá nhanh, từ 50 – 60% năm 1998 xuống còn 23,5% năm 2004, bình quân mỗi năm giảm 4 – 5% số hộ nghèo.

Tuy nhiên người nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn và trong khu vực thành thị vẫn còn phải đương đầu với nhiều thách thức mới nảy sinh do trình độ phát triển kinh tế – xã hội còn thấp, địa hình hiểm trở, giao thông không thuận lợi, khí hậu khắc nghiệt luôn ẩn chứa hiểm họa thiên tai có thể phá huỷ những kết cấu hạ tầng đã đạt được, gây khó khăn trong công tác hỗ trợ; bởi vậy nguy cơ tái nghèo cao, hiệu quả xoá đói giảm nghèo không bền vững; chất lượng sống không ổn định và có khoảng cách rất lớn về kết cấu hạ tầng giữa khu vực này với vùng đô thị...

2.3.1.4. Thực trạng tiếp cận các dịch vụ kinh tế - xã hội cơ bản và hệ thống an sinh xã hội

Đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tỷ lệ người nghèo được cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí và thẻ bảo hiểm y tế đã tăng lên qua các năm. Chỉ tính từ năm 2003 đến 2004 đã tăng 11%. Ngân sách nhà nước chi cho khám chữa bệnh cho người nghèo liên tục tăng cho thời kỳ 2001 – 2005. Nhờ vậy tỷ lệ người nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe đã tăng lên đáng kể trong những năm qua với khoảng 80% người nghèo sống ở nông thôn và miền núi được đảm bảo cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh tại chỗ. 100% đối tượng trợ giúp xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc giấy khám chữa bệnh miễn phí.

Đối với dịch vụ giáo dục, hàng năm có khoảng trên 3 triệu học sinh nghèo và dân tộc ít người được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường; 2,5 triệu học sinh được cấp, mượn sách giáo khoa và hỗ trợ vở viết và đồ dùng học tập. Kinh phí hỗ trợ hàng năm trên 110 tỷ đồng. 100% trẻ mồ côi, trẻ em tàn tật khó khăn đang đi học được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp. Kết quả hỗ trợ đã tác động tích cực tới giảm chi phí của hộ nghèo cho con em đi học, bình quân giảm 25% chi phí cho học sinh nghèo so

với học sinh không thuộc diện nghèo.

Thông qua chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nhà ở, đất ở cho người nghèo thànhđ đến tháng 12/2004, khoảng 293 nghìn hộ nghèo đã được hỗ trợ về nhà ở với tổng kinh phí gần 1200 tỷ đồng. Đến cuối năm 2005 có khoảng 400 nghìn hộ được hỗ trợ cải thiện về nhà ở, có 5 tỉnh với khoảng 2 nghìn xã không còn tình trạng nhà tạm, nhà tranh tre dột nát. Hầu hết các tỉnh trong cả nước đã chủ động giải quyết vấn đề nhà ở cho hộ nghèo bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, áp dụng cơ chế hỗ trợ một lần về nhà ở bao gồm cả làm mới, sửa chữa hoặc hỗ trợ tám lợp. Một số tỉnh ngập lụt sâu vùng đồng bằng sông Cửu Long áp dụng cơ chế cho vay làm nhà ở hoặc vay mua nền nhà, làm nhà trong các cụm tuyến dân cư vượt lũ. Một số tỉnh Tây Nguyên còn thực hiện chính sách cho vay mua nhà trả chậm.

Để nâng cao đời sống vật chất của người nghèo, Nhà nước còn hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho các hộ nghèo giúp họ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập với mức vay lên tới 7 triệu đồng trong thời gian từ 1 – 5 năm (lãi suất ưu đãi 0,5%/tháng). Ngoài ra, để đảm bảo an ninh lương thực, đối với những hộ nghèo dân tộc ít người khu vực Tây bắc, Tây Nguyên được Chính phủ hỗ trợ đất sản xuất (tính đến giữa năm 2003 đã có 10,5 nghìn hộ được hỗ trợ trên 5 nghìn ha đất); đối với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Đồng Tháp, Trà Vinh, Sóc Trăng hỗ trợ hộ nghèo chuộc lại đất sản xuất bị cầm cố, nhượng bán (với 4,3 nghìn hộ năm 2003).

Về Bảo hiểm xã hội, tính đến cuối năm 2004, cả nước có 10 triệu lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; có 305/325 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị với 84 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội cho nông dân. Ngoài hệ thống Bảo hiểm xã hội chính thức, một số các dự án bảo hiểm xã hội phi chính thức đã được thử nghiệm ở một số tỉnh, phạm vi thực hiện thí điểm ở 265 làng, xã thuộc 29 huyện và cung cấp dịch vụ cho khoảng 200 nghìn lao động nông thôn.

Về trợ giúp xã hội, cứu trợ thường xuyên, tính đến cuối năm 2004 cả nước có 957 nghìn người thuộc diện đối tượng trợ giúp xã hội, trong đó có

khoảng 540 nghìn người thuộc diện đặc biệt khó khăn cần được trợ giúp xã hội hàng tháng để đảm bảo cuộc sống. Tổng số người đang được nuôi dưỡng chăm sóc trong các trung tâm của Nhà nước là 25 nghìn đối tượng (gồm người già cô đơn, người tàn tật nặng, trẻ mồ côi, người lang thang), với mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất là 140 nghìn đồng/người/tháng. Trong giai đoạn 2001 – 2003 đã có trên 220 ngàn người tàn tật được trợ giúp từ Quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam; Quỹ ngày vì người nghèo đã làm gần 300 nghìn ngôi nhà và trợ giúp trực tiếp cho hàng nghìn người nghèo về đời sống, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Số trẻ em mồ côi được cộng đồng và nhà nước chăm sóc dưới nhiều hình thức chiếm 55,3% tổng số trẻ em mồ côi. Khoảng 25% trẻ khuyết tật nói chung và 75% trẻ tàn tật nặng được chăm sóc dưới các hình thức khác nhau. Khoảng 66,6% trẻ lang thang được quản lý, chăm sóc.

Tuy nhiên, khả năng tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, hỗ trợ sản xuất, hệ thống an sinh xã hội còn có những hạn chế.

Việt Nam, trong thập niên vừa qua, là một quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế hàng năm cao vào hàng nhất nhì ở khu vực Đông Á với mức thu nhập thực tế tăng bình quân 7,3%/năm, đồng thời cũng được Ngân hàng Thế giới (World Bank) đánh giá là một trong những quốc gia thành công nhất trong nỗ lực thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, những nỗ lực xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất - trường học, bệnh viện, đường sá, hệ thống điện nước... rất cần thiết để cải thiện cuộc sống người nghèo vẫn chưa đủ để tạo dựng thành công một hệ thống an sinh xã hội hoạt động như một tấm lưới an toàn giúp tầng lớp lao động trong cộng đồng có chỗ trú ẩn, bảo hộ trước những sóng gió của thị trường, nhất là trong thời kỳ hội nhập kinh tế. Mặc dù, chúng ta đã có những nỗ lực xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhưng trên thực tế, quy mô “bảo hộ” của hệ thống này cho đến nay vẫn còn quá hạn chế vì nhiều lý do.

Báo cáo của Chương trình Phát triển Kinh tế Liên Hiệp Quốc (UNDP)

công bố ngày 22-8-2007, dựa trên các số liệu điều tra về mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2004, cho thấy tình hình an sinh xã hội của Việt Nam đang thụt lùi. Theo đó, các hộ trong nhóm thu nhập cao nhất - nhóm 20% giàu nhất nhận được gần 40% lợi ích an sinh xã hội. Trong khi đó, nhóm nghèo nhất chỉ nhận chưa đến 7%. Những người sống ở đô thị có cơ hội hưởng nhiều chính sách an sinh xã hội hơn người sống ở nông thôn...Nhóm giàu nhất nhận được 47% lương hưu, còn nhóm nghèo nhất chỉ nhận được 2%. Nhóm giàu nhất nhận được 45% trợ cấp y tế, còn nhóm nghèo nhất chỉ được 7%. Tỷ lệ nhận trợ giúp giáo dục của nhóm giàu nhất và nghèo nhất tương ứng là 35% và 15%....Chuyên gia kinh tế cao cấp của UNDP, ông Jonathan Pincus còn nhận xét: "...Người hưởng lợi chính từ an sinh xã hội ở Việt Nam là nhóm có thu nhập cao. Bất cứ lợi ích nào mà người nghèo nhận được từ an sinh xã hội lại bị lấy lại bằng cách trả phí sử dụng và các khoản chi tiêu khác cho y tế và giáo dục".

2.3.2. Thực trạng đời sống tinh thần của người dân Việt Nam hiện nay

Đời sống văn hoá tinh thần là phạm trù bao quát toàn bộ quá trình sản xuất và tái sản xuất ra các giá trị văn hoá trong sự tác động biện chứng của bốn khâu cơ bản: sản xuất ra các giá trị văn hoá; nhu cầu văn hoá; giao tiếp văn hoá và tiêu dùng các giá trị văn hoá. Xây dựng đời sống văn hoá tinh thần là nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam. Bởi nó được xem như là bước đi ban đầu trong việc tạo lập tư tưởng, đạo đức, nếp sống, lễ sống, lối sống dân tộc- hiện đại...tạo nên nhân cách con người Việt Nam trong đoạn cách mạng mới để thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhận rõ được vai trò và tầm quan trọng của văn hoá trong sự phát triển hài hoà, bền vững; đồng thời nhằm tạo mọi điều kiện để nhân dân đến với văn hoá, hưởng thụ, thoả mãn và góp phần tạo ra các giá trị văn hoá mới, *Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VIII* tháng 7 năm 1988 đã chính thức phát động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Theo báo cáo của các tỉnh thành phố thì "Toàn dân đoàn kết xây

dựng đời sống văn hoá” đã trở thành một cuộc vận động văn hoá lớn, sâu rộng được tất cả các địa phương, ban, ngành và đại đa số nhân dân đồng tình ủng hộ. Có thể thấy tương đối đầy đủ thực trạng của đời sống văn hoá tinh thần qua tổng kết của phong trào này. Phong trào qua gần 10 năm phát động và qua 5 năm thực hiện đẩy mạnh cuộc vận động đã thu được những kết quả khích lệ trên tất cả các mặt. Cụ thể:

Về xây dựng gia đình văn hoá

Số lượng các gia đình được công nhận gia đình văn hoá gia tăng hàng năm từ 8.703.398/17.473.623, đạt tỷ lệ 49,8% năm 2000 lên 12.824.392/17.473.623, đạt tỷ lệ 73,39% năm 2005, vượt trên 23% so với chỉ tiêu.

Nhiều địa phương, cơ sở đã chỉ đạo và tiến hành thực hiện tốt việc bình xét gia đình văn hoá công khai, dân chủ đảm bảo tiêu chuẩn nên chất lượng xây dựng gia đình văn hoá ngày càng được nâng lên.

Qua 5 năm đã có 2.138.630 gia đình văn hoá tiêu biểu, đạt tỷ lệ 16,67% tổng số gia đình văn hoá.

Việc lồng ghép các tiêu chí thi đua vào phong trào xây dựng gia đình văn hoá ngày càng đa dạng, phong phú hơn. Tiêu biểu là các phong trào: Xây dựng gia đình nông dân văn hoá; Gia đình cựu chiến binh văn hoá; Gia đình văn hoá sức khoẻ; Gia đình nhà giáo văn hoá; Gia đình an toàn; Gia đình no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc; Gia đình thể thao...

Về xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá

Phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá phát triển đồng đều ở các địa phương, vùng, miền. Năm 2000 cả nước có 16.758/80.303 làng văn hoá, khu phố văn hoá, đạt tỷ lệ 20,8%. Đến tháng 6 năm 2005 làng văn hoá, khu phố văn hoá được tăng lên 42.929/80.303 làng, khu phố, đạt tỷ lệ 53,4%, đạt chỉ tiêu phấn đấu đề ra.

Có thể khẳng định, phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá là kết quả tổng hợp của nhiều phong trào cụ thể trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Phong trào đã thu hút được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp các ngành và sự tham gia hưởng ứng đồng lòng của các

tầng lớp nhân dân một cách mạnh mẽ. Lễ đón *Bằng công nhận làng văn hoá, khu phố văn hoá* đã trở thành ngày hội văn hoá, là niềm vinh dự, tự hào của nhân dân ở các cộng đồng dân cư.

Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”, được kế thừa và nâng cao trong tình hình mới, khơi dậy và phát huy tinh thần đoàn kết của các cộng đồng dân cư nhằm giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, tương thân, tương ái, đền ơn đáp nghĩa; thực hiện phát huy dân chủ ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chăm lo các lĩnh vực văn hoá xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch vững mạnh. Cuộc vận động này đã phát huy truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*”, vận động được đông đảo quần chúng nhân dân xây dựng quỹ “*Đền ơn, đáp nghĩa*” để phụ giúp các gia đình chính sách. Trong sáu năm (1999-2005), nhân dân cả nước đã đóng góp quỹ “*Đền ơn, đáp nghĩa*” 1.170 tỷ đồng góp phần cùng với ngân sách nhà nước đã chăm lo hơn 8 triệu đối tượng chính sách có mức sống cao hơn mức sống trung bình ở địa phương. Đã có 9.175 xã, phường đạt tỷ lệ 90% được công nhận làm tốt công tác thương binh liệt sĩ và người có công.

Số lượng khu dân cư tham gia cuộc vận động và được công nhận khu dân cư tiên tiến được tăng lên. Năm 1999 có 80% khu dân cư triển khai cuộc vận động. Năm 2004, đã có 202.478 khu dân cư triển khai cuộc vận động, đạt tỷ lệ 99,6% tổng số khu dân cư trong cả nước. Năm 2000, cả nước có 25.041 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư tiên tiến, đến tháng 6 năm 2005, đã có 57.325/95.708 khu dân cư tiên tiến tăng 59,8%.

Phong trào “*Xoá đói, giảm nghèo*” đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau ổn định và phát triển kinh tế. Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố, tổng kinh phí do nhân dân đóng góp xây dựng quỹ “*Xoá đói, giảm nghèo*” qua 5 năm (2000-2005) là 16.037 tỷ đồng (chưa kể những đóng góp hiện vật).

Cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” do Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động từ ngày 7-10-200 đã liên tục phát triển. Quỹ vì

người nghèo tăng nhanh ở cả bốn cấp với tổng số tiền là 1.666 tỷ đồng. Số tiền này cùng với sự đóng góp của gia đình, cộng đồng đã sửa chữa được 67.976 ngôi nhà cũ, làm mới được 222.969 ngôi nhà “đại đoàn kết”.

Các cấp hội cựu chiến binh đã góp quỹ cho nhau vay 600 tỷ đồng. Các cấp hội phụ nữ đã giúp trên 3,5 triệu lượt phụ nữ nghèo được giúp vốn, cây con giống, ngày công... trị giá 1.400 tỷ đồng. Phụ nữ cả nước đã đóng góp 1.069 tỷ 208 triệu đồng để ủng hộ gia đình chính sách và gia đình phụ nữ gặp khó khăn.

Quỹ xoá đói, giảm nghèo do nhân dân đóng góp, cùng với chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo đã góp phần giảm hộ nghèo rõ rệt trong cả nước. Cụ thể, từ 2,18 triệu hộ nghèo năm 2001, chiếm 17,2% tổng số hộ giảm xuống còn 1,4 triệu hộ năm 2004; về cơ bản đã xoá được hộ đói.

Hà Tĩnh là tỉnh còn nghèo nhưng đã trở thành tỉnh đầu tiên trong cả nước xoá xong nhà tranh tre dột nát cho người nghèo. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cấp bằng ghi công xoá xong nhà tranh tre dột nát cho 9 tỉnh, thành phố là Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Hải Dương, Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Ninh, Nam Định và Tây Ninh.

Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có đời sống văn hoá tốt ngày càng phát triển rộng rãi; các lực lượng vũ trang gắn việc xây dựng đời sống văn hoá với xây dựng các đơn vị, cán bộ chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường hoá lành mạnh

Thực hiện chỉ thị 27/CT-TW của Bộ Chính trị khoá VIII và chỉ thị 14/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã ban hành các qui định cụ thể trong việc cưới, việc tang, lễ hội, ban chỉ đạo các cấp đã có nhiều biện pháp để chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội:

Về việc cưới: Đã xây dựng được các đám cưới mẫu, tổ chức lễ trao giấy đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; tổ chức hội

thảo, hội thi “*Nét đẹp trong đám cưới*”, thiết kế mô hình “*Lễ cưới văn minh Việt Nam*” tổ chức gọn nhẹ, dùng tiệc tra thay tiệc mặn; tổ chức nhiều đám cưới tập thể hỗ trợ cho các cặp gia đình trẻ nghèo...

Về việc tang: Tổ chức lễ tang tại nhà tang lễ (khu vực thành phố); thành lập ban tang lễ ở nông thôn thực hiện các nghi lễ trang trọng tiết kiệm; qui hoạch nghĩa trang, khắc phục tình trạng xây lăng mộ tốn kém...

Về lễ hội: Thực hiện qui chế tổ chức lễ hội của Bộ Văn hoá - Thông tin, quan tâm tổ chức tốt các hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng vui tươi lành mạnh và phong phú, hấp dẫn...

Xây dựng và vận động nhân dân nghiêm chỉnh thực hiện qui ước, hương ước làng, khu phố là giải pháp hữu hiệu thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Trong những năm qua, cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là ở khu vực nông thôn, ở các làng văn hoá. Nhiều làng văn hoá đã trở thành những điểm sáng mẫu mực trong cuộc vận động này. Việc ăn uống linh đình, nhiều ngày trong các đám cưới, đám ma đã giảm hẳn. Hiện tượng “*cầu tài*”, “*cầu lợi*” trong các đám cưới, đám ma đã bị đông đảo nhân dân không đồng tình và lên án. Các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan giảm đi rõ rệt. Những nét đẹp văn hoá trong việc cưới, việc tang, việc lễ hội được khẳng định. Các lễ hội truyền thống và cách mạng được diễn ra lành mạnh, trở thành nhu cầu văn hoá không thể thiếu của nhân dân và ngày càng phát triển.

Công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội được lồng ghép triển khai thực hiện có hiệu quả trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở. Bài trừ các tệ nạn xã hội ra khỏi cuộc sống của gia đình, cộng đồng dân cư và tập thể đã trở thành một trong những tiêu chí để xét công nhận danh hiệu Gia đình văn hoá, Làng văn hoá, Khu phố văn hoá, Khu dân cư tiên tiến, Cơ quan, đơn vị văn hoá. Năm 2005, hơn 50% xã, phường, thị trấn trong cả nước đã đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn lành mạnh không có tệ nạn ma tuý, mại dâm, tăng 20% so với năm 2000. Trong cả nước, hiện nay có

gần 4.000 xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy, mại dâm, chiếm 47% tổng số xã phường trong cả nước. 45% xã, phường chuyển hoá đạt tiêu chuẩn lành mạnh không có tệ nạn xã hội, 12% xã, phường chuyển biến mạnh. Các tỉnh đạt tỷ lệ xã, phường không có tệ nạn xã hội cao là: Bình định đạt 82%, Đắc Lắc đạt 77%, Trà Vinh và Lạng Sơn đạt 75%, Quảng Nam và Quảng Trị đạt 73%, Hà Giang và Thừa Thiên-Huế đạt 65%...

Xây dựng các thiết chế và hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao

Công tác xã hội hoá văn hoá, vận động nhân dân đóng góp xây dựng thiết chế và tham gia các hoạt động văn hoá thông tin cơ sở có bước phát triển.

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổng số kinh phí do nhân dân đóng góp xây dựng nhà văn hoá cộng đồng trong năm năm 2000-2005 là 2.523 tỷ đồng. Các địa phương thu hút được sự tham gia đông đảo của nhân dân là Hà Tây (100 tỷ), Bắc Giang (65 tỷ), Hải Phòng (60 tỷ), Tiền Giang (52 tỷ)...Đặc biệt là tỉnh Kon Tum, tuy đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng nhân dân đã đóng góp kinh phí xây mới và nâng cấp 374 nhà Rông văn hoá, khôi phục 530 đội công chiêng. Thành phố Đà Nẵng đã huy động các doanh nghiệp tham gia đóng kinh phí xây dựng thiết chế văn hoá cơ sở, cụ thể: Công ty xăng dầu 200 triệu đồng; Công ty Nam Việt á 470 triệu đồng; Công ty Đô thị 500 triệu đồng...Huyện Hoà Vang: 132/132 thôn xây dựng được nhà văn hoá thôn với kinh phí từ 30 triệu đến 70 triệu đồng mỗi nhà văn hoá.

Cả nước đã xây dựng 36.390/91.424 nhà văn hoá làng, đạt tỷ lệ 38%. Nhiều nhà văn hoá hoạt động tốt, đã trở thành nơi hội tụ của các hoạt động văn hoá tinh thần tác động tích cực đến việc xây dựng môi trường văn hoá.

Các hoạt động văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ ở khu vực nông thôn, đô thị. 29.840 tổ, đội văn nghệ được khôi phục và đi vào hoạt động đều đặn. Những hoạt động văn nghệ “*tự biên, tự diễn*” đã chiếm được tình cảm của nhân dân góp phần giáo dục, xây dựng con người, lối sống mới và điều chỉnh các hành vi văn hoá cộng đồng.

Hoạt động văn hoá- thông tin- văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh

trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Trong 5 năm, các cấp công đoàn đã tổ chức được 57.271 buổi tuyên truyền cho 10.327.700 lượt người tham dự. Có khoảng 2000 đội văn nghệ công nhân lao động thường xuyên hoạt động.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp đã tổ chức được 6.000 nhóm ca khúc cách mạng hướng về hoạt động cơ ở, tình nguyện đến các vùng sâu, vùng xa để biểu diễn phục vụ nhân dân và các đơn vị quân đội. 11.453 câu lạc bộ thanh niên với pháp luật được thành lập, xây dựng được 6.360 đội tuyên truyền thanh niên, 10.000 đội tuyên truyền măng non. Ngành giáo dục định kỳ thi tổ chức hội thi “*Tiếng hát sinh viên*”, “*Hội thi tiếng hát học sinh phổ thông*” hai năm một lần. Phối hợp với đài truyền hình Việt Nam tổ chức chương trình “*Đường lên đỉnh Olympia*”...

Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại

Phong trào này được các tầng lớp nhân dân tham gia tự nguyện và phát triển rộng khắp trên mọi miền đất nước.

Đến hết năm 2004 đã có 14.575.655 người tham gia luyện tập thường xuyên, đạt tỷ lệ 17,7%, tăng 5,7% so với năm 2000. Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao năm 2004 là 1.792.738 hộ, đạt tỷ lệ 10,5%, tăng 2,5% so với năm 2000. Số giáo dục thể chất có nề nếp đến năm 2004 là 23.342, đạt tỷ lệ 91,4% tăng 31,4% so với năm 2000. Số cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể năm 2004 là 95% tăng 5% so với năm 2000.

Việc qui hoạch và đầu tư ngân sách, vận động nhân dân đóng góp xây dựng các sân tập thể dục, thể thao ở cơ sở đã được quan tâm đúng mức. Điều đó đã tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp thanh thiếu nhi có điều kiện hơn trong việc vui chơi và rèn luyện thân thể. 22.598 xã, phường, thị trấn và trên 60% số làng, thôn, ấp, bản...đã có sân bãi thể thao.

Các phong trào khác

Từ các phong trào cụ thể trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xuất hiện nhiều phong trào nhánh, phong trào lồng ghép với

nội dung văn hoá. Tiêu biểu là các phong trào về đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo; thi đua hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế-xã hội; đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh công cộng; xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Phong trào học tập, lao động sáng tạo, góp phần vào việc tuyên truyền, phổ biến và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã tổ chức được 64.693 các ứng dụng lớp học tập huấn và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp đã thu hút được 1.994.377 người tham dự; 79.010 các sáng kiến, đề tài, kinh nghiệm đã được áp dụng vào sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả kinh tế- xã hội cao.

Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở nhiều địa phương có xu hướng mở rộng qui mô toàn xã (phường, thị trấn). Đến nay cả nước đã có trên 400 xã, phường được Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp tỉnh, thành phố công nhận xã, phường văn hoá.

Có thể nói, từ một phong trào thể hiện được ý Đảng và hợp với lòng dân đã khơi nguồn và tạo ra được động lực cho sự phát triển và đã tạo ra việc xã hội hoá các hoạt động văn hoá trên phạm vi cả nước. Phong trào đã tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng tới mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là đời sống tinh thần ở nước ta, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, ổn định chính trị, xoá đói, giảm nghèo, thúc đẩy kinh tế phát triển, làm lành mạnh môi trường xã hội, đẩy lùi một bước quan trọng các tệ nạn xã hội, từng bước nâng cao trình độ học vấn, trình độ dân trí, trình độ thẩm mỹ cho công chúng.

Tuy nhiên phong trào vẫn còn những mặt khiếm khuyết nhất định:

Một là, phong trào đã được phát động trên diện rộng nhưng chưa đều và chưa sâu, mới chỉ dừng lại ở những nơi có điều kiện, chưa quan tâm đúng mức ở những vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn .

Hai là, một số bộ ngành, đoàn thể cả ở trung ương và địa phương triển khai phong trào chậm, cơ chế thực hiện còn chồng chéo, chưa có sự phối hợp, kết hợp đồng bộ và chưa tìm ra được cơ chế thích hợp để tạo ra sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội tham gia phong trào.

Ba là, công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân nhiều lúc chưa thường xuyên và ít hiệu quả, một bộ phận không nhỏ cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ công chức và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ được ý nghĩa, nội dung của phong trào.

Bốn là, phong trào ở một số cơ sở còn nặng về hình thức mà chưa quan tâm đến sự biến chuyển về nội dung hoặc thực chất của đối tượng tham gia phong trào.

Mặt khác, để đánh giá thực trạng đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, có thể dựa vào số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Nhà nước và số liệu đã công bố của các cuộc điều tra xã hội học phục vụ các đề tài nghiên cứu khoa học xã hội.

Lĩnh vực thông tin đại chúng: Đã có những bước tiến vượt bậc. Hiện nay cả nước có 490 đơn vị báo chí- xuất bản, 645 ấn phẩm các loại, lượng phát hành trên 550.900.000 bản/ năm, mức hưởng thụ bình quân 7,07 bản người/ năm. Có gần 160 tờ báo ngày và tuần báo trung ương; 97 tờ báo địa phương xuất bản 43 ấn phẩm với lượng phát hành 334.122.000 bản/năm. Ngoài đài truyền hình Việt Nam phát sóng trên 4 kênh chính là 6 kênh MMDS, Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng trên 4 hệ đối nội bằng 6 thứ tiếng và một hệ đối ngoại 30 giờ bằng 12 thứ tiếng thì hiện nay ở tất cả các tỉnh thành đều có cơ sở phát thanh, truyền hình, 288 huyện có đài phát sóng FM, 340 trạm phát sóng truyền hình, hơn 60% số hộ gia đình xem được trương trình của Đài truyền hình quốc gia và cũng trên 60% số hộ được nghe Đài tiếng nói Việt Nam. Nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Qua điều tra xã hội học, hiện nay 53% số dân theo dõi chương trình nghệ thuật, 42% tham gia đọc sách báo, 77,9% thích chương trình thời sự, 65,9% thích văn nghệ, 68% thích thể thao, 45% thích câu lạc bộ yêu âm nhạc, 47,7% thích kịch nói, 46% thích an ninh, 27% thích quân đội nhân dân, 43% thích trò chơi liên tỉnh, 26,4% thích bông hoa nhỏ, 23% thích hộp thư truyền hình. Riêng ở nông thôn, đời sống văn hoá tinh thần cũng có nhiều tiến bộ. ở các xã nông thôn hiện nay 100% số xã có trường cấp I, 76% có trường cấp II, gần 40% có

nhà trẻ, 76% có lớp mẫu giáo. Năm 1997- 1998 ở nông thôn số hộ có tivi là 40%, có quạt điện là 60%, có radio là 44,6% gần 70% số xã có báo đến trong ngày(6950/10.359 xã).

Trên lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, các hoạt động sân khấu, âm nhạc, mỹ thuật, văn học, điện ảnh có chất lượng đáp ứng được nhu cầu thưởng thức lành mạnh cho công chúng. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển ở cả nông thôn và miền núi. Hiện nay cả nước có 19.353 đội văn nghệ quần chúng trong đó một số tỉnh miền núi phát triển khá: Sơn La có 500 đội văn nghệ, Lai Châu có 153 đội, Đắk Lắk có 115 đội, Gia Lai có 203 đội, Hà Giang có 435 đội văn nghệ; cả nước có 143 đội văn nghệ chuyên nghiệp, 117 bảo tàng lưu giữ 2.069.096 hiện vật, một hệ thống thư viện bao gồm 2.921 đơn vị.

Trên lĩnh vực giáo dục: Nếu như sau Cách mạng Tháng Tám, 95% dân số Việt Nam mù chữ, cả Đông Dương chỉ có hơn 10 ngàn trường “với gần 600 ngàn học sinh” thì hiện nay chỉ ở Việt Nam đã có trên 30.000 trường (không kể nhà trẻ, mẫu giáo, các trường của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) với 22 triệu học sinh và 93% dân số biết chữ. Nếu như năm 1945 cả Đông Dương chỉ có 600 học sinh cao đẳng thì đến nay đã có trên một triệu người có trình độ đại học trong đó có gần 14 ngàn thạc sĩ, tiến sĩ. Nguồn nhân lực có trí tuệ cũng từng bước được nâng cao. Đến nay chúng ta đã đào tạo 16,9 triệu người lao động có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở; 5 triệu người có bằng đại học, cao đẳng và gần 10 ngàn người có học vị tiến sĩ khoa học và tiến sĩ chuyên ngành.

Tuy vậy, nếu nhìn một cách toàn diện để đánh giá thì đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu văn hóa của nhân dân như chúng ta mong muốn. Ở nông thôn hiện nay vẫn còn 5,1% số người trong độ tuổi mù chữ, 20,26% chưa qua phổ cập tiểu học, còn nhiều hộ chưa được xem Đài truyền hình và Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, hơn 25% số xã chưa có báo hàng ngày để đọc, 90% chưa tham gia thể dục, thể thao, số người thưởng thức nghệ thuật nhất là nghệ thuật truyền thống chưa cao(cải lương 33,8%; chèo 20,5%; tuồng 5,58%; 19% nghe nhạc). Tệ nạn xã hội còn phổ biến, hiện

nay cả nước có khoảng 183.000 người nghiện ma túy (lớp trẻ chiếm 70% trong đó trên 2.000 học sinh và sinh viên) và gần 70 ngàn gái mại dâm. Với các hiện tượng mê tín dị đoan như hoá vàng, đốt mã, dâng sớ, sửa lễ, xem bói, gọi hồn, xóc thẻ, đội bát nhang, bắt tà trừ ma, lên đồng... 6% vẫn cho là tốt, 24% vẫn cho rằng làm được không sao, gần 50% vẫn tổ chức cưới theo kiểu cũ. Các mối quan hệ trong gia đình, láng giềng, cơ quan có sự xuống cấp. Theo điều tra xã hội học (năm 1998) mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái 25% kém hơn trước; ông bà và các cháu 36% kém hơn trước; anh chị em 40% kém hơn; mẹ chồng nàng dâu 44% kém hơn; cơ quan 49% kém hơn và mối quan hệ xóm giềng và 52% kém hơn; mối quan hệ vợ chồng 41% kém hơn trước. Đời sống văn hoá trong các cơ quan công sở... vẫn còn yếu kém, khiếm khuyết. Hiện tượng tham nhũng chưa được đẩy lùi và ngày càng nghiêm trọng hơn, hiện tượng mất đoàn kết khá phổ biến (20 đảng bộ tỉnh, ngành, thành phố trực thuộc trung ương), 51% số người được hỏi cho rằng cán bộ còn quan liêu; kỷ cương phép nước chưa được tôn trọng; bình đẳng nam nữ trong cơ quan vẫn là vấn đề thời sự, lối sống thực dụng vị kỷ, dùng tiền nhà nước tiêu xài lãng phí gia tăng, chưa gương mẫu trong việc cưới, việc tang...

Thực trạng đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta nêu trên như một bức tranh có cả mảng tươi vui, sinh động và mảng trầm lắng, ảm đạm. Điều đó nói lên hai chiều hướng thuận, nghịch trong quá trình vận động của đời sống văn hoá tinh thần; chỉ ra sự thành công và chưa thành công trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá; xác định tính tất yếu phải đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng đời sống văn hoá tinh thần hiện nay.

2.3.3. Thực trạng thực hiện chế độ dân chủ ở nước ta thời gian qua

Một trong những nội dung quan trọng cấu thành lối sống dân tộc- hiện đại xã hội chủ nghĩa là tinh thần dân chủ, là sự phát triển mọi mặt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tinh thần dân chủ là một động lực quan trọng của lối sống dân tộc- hiện đại xã hội chủ nghĩa, nó thúc đẩy tính năng động của nhân dân, phát huy sáng kiến của đông đảo nhân dân, thu hút nhân dân lao động

tham gia xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc- hiện đại xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên hai phương diện: *một là*, những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ; *hai là*, việc thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ này¹.

Về những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ.

Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo quyền bình đẳng của quần chúng, “mọi người được hưởng quyền ngang nhau trong xác định cơ cấu nhà nước”², trong quyết định những vấn đề kinh tế – xã hội, trong tham gia vào các lĩnh vực hoạt động... của xã hội, “quần chúng nhân dân vươn lên tham gia một cách độc lập không những vào việc bầu cử và tuyển cử, mà cả vào việc quản lý hàng ngày nữa”¹. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để bảo vệ nền dân chủ nhân dân, nhà nước phải đấu tranh chống các thế lực thù địch và những âm mưu phá hoại của chúng; phải cải tạo các quan hệ kinh tế-xã hội cũ, xây dựng mọi mặt đời sống xã hội phù hợp với những chuẩn mực của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hiện thực hoá tinh thần của chủ nghĩa Mác- Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt nam, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, giành quyền dân chủ cho nhân dân là mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: dân chủ là dân làm chủ và dân là chủ. Ngay trong Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định thể chế chính trị và xã hội mới ở Việt Nam là chế độ xã hội mà ở đó nhân dân trở thành chủ thể của các cơ quan quyền lực nhà nước. Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do nhân dân làm chủ và nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân. Dân làm chủ, dân là chủ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

¹ Xem: *Phân lý luận của đề tài*, chương I, tr. 57, 75.

² Sđd, t. 33, tr. 123.

Ngay trong kỳ họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (3-9-1945), lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”² để xây dựng nhà nước dân chủ. Người đề ra nhiệm vụ cấp bách là phải xây dựng hiến pháp và pháp luật.

Với sự nỗ lực của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã diễn ra với chế độ tuyển cử phổ thông đầu phiếu. Quốc hội khoá I họp kỳ đầu tiên đã cử ra Chính phủ chính thức do Lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước ta. Hiến pháp đã dành sự quan tâm to lớn đến các quyền cơ bản của công dân. Từ đây tinh thần này như sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hiến pháp của nước ta. Các hiến pháp đều dành hẳn một chương quy định quyền, nghĩa vụ của công dân và qua mỗi hiến pháp nội dung của chương này càng hoàn thiện hơn. Thể chế và các thiết chế nhà nước thể hiện tính dân chủ rộng rãi, đảm bảo lợi ích của đông đảo quần chúng.

Lời nói đầu của Hiến pháp 1946 ghi rõ: Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã lập ra nền dân chủ cộng hoà. Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ³. Với Hiến pháp 1946, lần đầu tiên về phương diện pháp lý, nhân dân Việt Nam trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước. Điều 1 trong Hiến pháp khẳng định “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”⁴. Hiến pháp xác định cấu trúc của bộ máy nhà nước ta bao gồm các thiết chế: Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Điều 22 – 42); Chính phủ là cơ quan Hành chính cao nhất (Điều 43 – 50); Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp là cơ quan chính quyền địa phương (Điều 57 – 62); cơ quan tư

¹ Sđd, t. 33, tr. 143.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1995, t. 4, tr. 8.

³ *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 7.

⁴ Sđd, tr. 8.

pháp bao gồm Toà án tối cao, các toà phúc thẩm, các toà án đệ nhị cấp và toà sơ cấp. Như vậy thể chế và các thiết chế nhà nước thể hiện tính dân chủ rộng rãi. Hiến pháp năm 1946 đã xây dựng quan hệ dân chủ mới trong đó kết hợp bốn yếu tố cơ bản là dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp, quyền con người, quyền hiến định (quyền công dân). Các chế định dân chủ mới khác xa với các chế định pháp trị của chế độ phong kiến. Trong chế độ phong kiến, hình luật là pháp luật cơ bản để trị dân, cấm dân, trừng phạt dân. Đảng, Nhà nước ta xác định pháp luật là công cụ quản lý đất nước. Tinh thần dân chủ này xuyên suốt các Hiến pháp 1959, 1980, 1992. Hiến pháp 1959 khẳng định: tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân (Điều 4)¹. Hiến pháp 1980 xác định: “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước vô sản. Sứ mệnh lịch sử của nó là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động...” (Điều 2)². Hiến pháp 1992 khẳng định, Nhà nước ta là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức (Điều 2). Hiến pháp ghi rõ, các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá được Nhà nước và mọi công dân tôn trọng.

Hiến pháp qua các thời kỳ đều ghi rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước. Nhân dân được trao quyền dân chủ trong nhiều lĩnh vực: trong bầu cử, ứng cử, giải quyết nhiều vấn đề trọng đại bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính dân chủ của chế độ thể hiện ở quyền làm chủ của nhân dân – làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội. Làm chủ dựa trên cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ- thiểu số phục tùng đa số; bảo đảm tính chủ động của đơn vị, địa phương.

¹ *Sdd*, tr. 33.

² *Sdd*, tr. 75.

Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, cương lĩnh, chỉ thị, nghị quyết của Đảng; bằng công tác cán bộ và thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên. Như vậy, vai trò thực tế của Đảng trong thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, mức độ làm chủ của nhân dân trên thực tế trước hết phụ thuộc vào chất lượng và hiệu quả hoạt động lãnh đạo các lĩnh vực của Đảng.

Vai trò quản lý của nhà nước thể hiện ở việc Nhà nước thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật và quản lý tất cả các lĩnh vực của đời sống: quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hoá- xã hội...theo luật định. Sự quản lý của Nhà nước là thực hiện sự uỷ quyền của nhân dân. Bản thân các cơ quan và quan chức nhà nước đều do nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp bầu ra. Nhân dân trao quyền lực để nhà nước quản lý đất nước. Nhân dân có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Mọi cá nhân và cơ quan nhà nước đều bình đẳng trước pháp luật.

Trên thực tế, mức độ làm chủ của nhân dân không chỉ phụ thuộc vào mức độ dân chủ của thể chế nhà nước, mà còn phụ thuộc vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, vào việc tổ chức thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ này, phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, của kinh tế, của trình độ chính trị, học vấn của xã hội, trình độ thông tin...

Về việc thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ ở nước ta thời gian qua.

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, Hiến Pháp của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được đưa vào cuộc sống. Một hệ thống chính quyền nhân dân từ trung ương đến các làng xã được thành lập. Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân là việc thực hiện và bảo vệ nền dân chủ nhân dân. Một luồng sinh khí mới của cách mạng thổi bùng lên những phong trào hoạt động mới mẻ, sôi nổi, đã tác động mạnh mẽ làm thay đổi tâm lý, lối sống của mọi người trong một quốc gia độc lập, dân chủ mới. Lối sống làm chủ hình thành và phát triển. Xã hội ngày càng phát triển, những yêu cầu dân chủ ngày càng đa dạng phức tạp, phạm vi bao quát của dân chủ ngày càng mở rộng và

được thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức, nhiều thiết chế. Qua quá trình thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ ở nước ta thời gian qua cho thấy:

Thứ nhất, ý thức pháp luật chưa thấm sâu trong người quản lý và công dân. Nguyên nhân của tình trạng này là sự kém phát triển của kinh tế- xã hội, tâm lý làng xã, tiểu nông ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Tình trạng này có nguồn gốc lịch sử, có cả yếu tố chủ quan, có những yếu tố nảy sinh trong quá trình vận hành cơ chế thực hiện.

Có thể thấy, xã hội Việt Nam chưa qua thực hành dân chủ, trình độ phát triển xã hội thấp nên xây dựng nền dân chủ, thực hiện pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền gặp nhiều khó khăn. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, trước cách mạng, chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế... Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Trong xã hội cũ, pháp luật ít được coi trọng. Sau cách mạng, dưới tác động chính sách kinh tế – xã hội mới, đất nước vận động từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, người dân đã tiếp thu những chuẩn mực xã hội, chính trị, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhưng vẫn chịu sự tác động nặng nề của những hủ tục, tập quán, phong tục địa phương, của lối sống tiểu nông nên để lối sống làm việc theo pháp luật ăn sâu vào đời sống xã hội là hết sức khó khăn. Đáng lưu ý là tâm lý làng xã, tiểu nông ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội Việt Nam trong mọi lĩnh vực, ở mọi tầng lớp. Điều đó gây nên sức ỳ cản trở sự phát triển của cả cá nhân và cộng đồng, nó thâm nhập cả vào đời sống chính trị, cản trở thực hiện dân chủ.

Trong thời kỳ đổi mới, thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự phân hoá xã hội đã tác động mạnh mẽ vào lối sống các tầng lớp dân cư. Dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội được thực hiện, bên cạnh đó tồn tại hiện tượng tha hoá đạo đức, tùy tiện vi phạm dân chủ thậm chí vô hiệu hoá pháp luật gây nên những oan trái, bất công, tệ nạn xã hội.

Thứ hai, về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trong một thời gian dài, bộ máy nhà nước công kênh, không có sự phân

định rõ ràng chức năng của các yếu tố cấu thành, hoạt động kém hiệu quả; hiện tượng cấp uỷ đảng can thiệp quá sâu, sa đà vào giải quyết sự vụ hoặc bao biện, làm thay một phần chức năng của cơ quan hành chính nhà nước đã diễn ra. Vì vậy, yêu cầu thực hiện cải cách bộ máy, cải cách thể chế nhà nước và nền hành chính quốc gia đã được đặt ra.

Trong quản lý nhà nước, chưa phân định rõ chức năng chủ sở hữu với quản lý. Cán bộ vừa là người quản lý ngành, vừa là người thay mặt nhà nước làm chủ sở hữu những tài sản thuộc sở hữu toàn dân dẫn đến tài sản quốc gia bị phân tán bởi nhiều đại diện sở hữu, lại thêm tình trạng không quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn dẫn đến thực tế sở hữu toàn dân có người quản lý nhưng lại hầu như vô chủ.

Tương ứng với sự quản lý kinh tế ấy, trong lĩnh vực dịch vụ công cộng, Nhà nước cung ứng và bảo đảm mọi nhu cầu của người dân từ ăn, ở, học tập, chữa bệnh, giao thông...Điều đó kéo theo một hệ thống cơ quan quản lý điều hành khá lớn và không có sự phân định rõ ràng giữa chức năng của bộ máy hành chính với các cơ quan khác. Chức năng tài phán kinh tế, tài phán hành chính vẫn thuộc thẩm quyền của bộ máy hành chính dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”¹.

Thứ ba, chủ nghĩa kinh nghiệm và sự tùy tiện ăn sâu vào hệ thống quản lý xã hội, vào ý thức của người thi hành công vụ.

Do không có sự phân định rõ ràng chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước, do sự ưu tiên của các quan hệ đạo đức trong đời sống xã hội, hành lang pháp luật chưa sâu, trình độ dân trí và sự phát triển kinh tế- xã hội chưa cao, do ảnh hưởng của tác phong quân sự thời chiến đã dẫn đến tình trạng có lúc, có nơi “người đại diện” được sự uỷ quyền của nhân dân đã cầm quyền, tiếm quyền, lạm quyền, độc quyền, cửa quyền, gia trưởng. Điều đó dẫn đến sự lộn xộn, ách tắc, căng thẳng trong xã hội và tâm lý cộng đồng dân cư.

¹ Xem: Chu Thành, Hoàng Công: *Mấy vấn đề thực tiễn và lý luận của việc cải cách bộ máy hành chính*; Tạp chí Cộng sản, Số 517, tr.35.

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh dân chủ hoá đời sống xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua, một lần nữa khẳng định: xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba khoá VIII đã xác định nhiệm vụ tiếp tục xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở đã được ban hành; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X của Đảng ta tiếp tục xác định nhiệm vụ phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí là một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa chiến lược với tiến trình phát triển của đất nước. Quá trình dân chủ hoá diễn ra mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đó là:

Một là, cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được hoàn thiện thêm một bước cùng với quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội.

Về chính trị: sinh hoạt trong Đảng, trong các đoàn thể nhân dân ngày càng cởi mở hơn; hoạt động của quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực chất hơn, việc hoạch định các chủ chương, đường lối của Đảng chính quyền, xây dựng pháp luật được trung cầu dân ý, nhân dân đóng góp vào bầu cử, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật....

Về kinh tế: thực hiện kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các địa phương được trao quyền tự chủ nhiều hơn về kinh tế, các thành phần kinh tế đều có điều kiện phát triển, mọi người được tự do kinh doanh, làm những gì pháp luật không cấm. Thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Chính sách kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã trở thành một trong những xung lực mạnh mẽ nhất để phát triển dân chủ và đẩy mạnh

dân chủ hoá đời sống xã hội. Nó đã tác động mạnh mẽ, thúc đẩy kinh tế- xã hội của đất nước phát triển nhanh, trong đó có nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Một mặt, nó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, mặt khác, nó phá vỡ lối sống bình lạng, bình thường ở thôn quê. Vai trò của cá nhân ngày càng được chú trọng, tính độc lập, quyết đoán, tự chủ trong kinh tế, trong cách sống, trong quan hệ gia đình, làng xã đang bổ sung, làm yếu đi tính cộng đồng, sự thụ động, ỷ lại của tâm lý truyền thống xưa. Trong quá trình đó, tư duy kinh tế đã tác động, đổi mới và nâng cao nhận thức pháp luật của quảng đại nhân dân.

Về văn hoá xã hội: y tế, giáo dục, khoa học công nghệ được coi trọng, đẩy mạnh. Báo chí, các phương tiện truyền thông hoạt động sôi động công khai hoá thông tin, thông tin nhiều chiều, các hội thảo tranh luận thẳng thắn, sinh hoạt tôn giáo, lễ hội phát triển...

Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước đã có sự đổi mới vừa đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước, các cơ quan và cán bộ, công chức phải thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.

Hai là, thực hiện cải cách bộ máy nhà nước, cải cách thể chế nhà nước và nền hành chính quốc gia theo hướng quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền.

Những nhược điểm trong quản lý nhà nước dần được khắc phục: đã phân định chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh; thực hiện xã hội hóa một phần chức năng phục vụ của nhà nước trong một số lĩnh vực dịch vụ; từng bước phân định rõ và rành mạch hơn chức năng của bộ máy hành chính từ đó có sự sắp xếp lại hợp lý hơn theo hướng tinh giảm bớt đầu mối thuộc Chính phủ và giảm bớt số vụ, cục thuộc các bộ, giảm bớt thủ tục hành chính...

Ba là, các hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp được tăng cường, phát huy rộng rãi. Chất lượng hoạt động của các cơ quan dân cử, các đoàn thể

xã hội và ý thức chính trị của nhân dân trong bầu cử, giám sát và đóng góp ý kiến cho hoạt động của các cơ quan nhà nước được nâng cao. Hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh được truyền hình trực tiếp, kể cả các kỳ chất vấn Chính phủ, các bộ, uỷ ban nhân dân và các sở ban ngành. Nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội được công khai, xin ý kiến đóng góp của nhân dân. Các hình thức dân chủ trực tiếp được phát huy rộng rãi. Nhân dân không chỉ trực tiếp bầu ra các đại biểu của mình vào các cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương, mà còn có quyền bãi miễn các đại biểu khi họ tỏ ra không xứng đáng. Các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân phải báo cáo công việc trước cử tri và trả lời chất vấn của các cử tri và của các đại biểu nhân dân. Nhân dân trực tiếp bàn và quyết định nhiều công việc hệ trọng trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tham gia thảo luận Hiến pháp và pháp luật, thể hiện ý kiến khi có trưng cầu dân ý về các vấn đề kinh tế xã hội có liên quan. Các hình thức tự quản của người dân ở cơ sở ngày càng đa dạng và phát huy vai trò, nhất là việc xây dựng các công trình phục vụ cộng đồng cơ sở, trong bảo vệ trật tự trị an, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc và quê hương...

Tuy vậy, trong thời kỳ đổi mới thực tiễn tổ chức và hoạt động của Nhà nước vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, đó là: bộ máy nhà nước chưa thật trong sạch, vững mạnh; tình trạng tham nhũng, lãng phí quan liêu còn nghiêm trọng. Hiệu lực quản lý, điều hành chưa cao, chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn. Đất đai, vốn và tài sản nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, sử dụng lãng phí và thất thoát nghiêm trọng. Tổ chức bộ máy còn nặng nề, mối quan hệ phân cấp, quản lý còn một số mặt chưa cụ thể (như quản lý, đầu tư, tài chính...)¹; thủ tục hành chính tuy đã được cải cách một bước nhưng vẫn còn nhiều bất cập, còn hiện tượng công chức gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân. Vẫn còn những biểu hiện dân chủ một cách hình thức, tình trạng vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân còn diễn ra. Đồng thời cũng còn tình

¹ Xem: GS. Nguyễn Đức Bình (chủ biên): *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 234 – 235.

trạng một bộ phận quần chúng vô tổ chức, vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyền dân chủ.

2.3.4. Thực trạng chỉ số phát triển con người và hướng phát triển của nhân cách con người Việt Nam hiện nay

Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI) là chỉ số so sánh, định lượng về mức thu nhập, tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ và một số nhân tố khác của các quốc gia trên thế giới. HDI giúp tạo ra một cái nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia. Chỉ số này được phát triển bởi một kinh tế gia người Pakistan là *Mahbub ul Haq* vào năm 1990. Phát triển con người chính là, và phải là, sự phát triển mang tính nhân văn. Đó là sự phát triển vì con người, của con người và do con người.

Theo Báo cáo Phát triển con người kể từ năm 1985 đến nay, chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, từ 0,583 năm 1985 lên 0,691 trong thời gian gần đây, điều đó phản ánh những thành tựu đạt được trong các lĩnh vực phát triển con người như mức sống, y tế và giáo dục. Năm 2004, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam tiếp tục được cải thiện, từ 0,686 năm 2003 lên 0,691 năm 2004. Với chỉ số trên, Việt Nam duy trì vị trí xếp hạng về phát triển con người ở mức trung bình là 112 trong tổng số 177 nước được xếp hạng.¹

Theo báo cáo này, chỉ số nghèo tổng hợp của Việt Nam được xếp ở vị trí 41 trong tổng số 95 nước đang phát triển có đủ số liệu về chỉ số này.

Theo báo cáo của UNDP, chỉ số phát triển con người của Việt Nam năm 2005 đứng thứ 108 trong danh sách 177 nước xếp hạng của Liên Hợp Quốc, tăng 4 bậc so với năm 2004.

So sánh về thứ hạng chỉ số phát triển con người (HDI), Việt Nam chưa bằng Singapore, Brunei, Thái Lan hay Malaysia, nhưng với chỉ số HDI đạt mức 0,704 trong năm nay thì Việt Nam có kết quả phát triển con người liên tục tăng hằng năm khá cao, (chỉ số này là 0,583 năm 1985 và 0,691 năm

¹ Theo Báo cáo của UNDP Năm 2004.

2004). Tuổi thọ trung bình ở Việt Nam từ 68,6 tuổi vào năm 2003 tăng lên 69 tuổi năm 2004, và năm 2005 con số này là 70,5 tuổi.

Mức thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua của Việt Nam tăng từ 2.300 USD năm 2004 lên 2.490 USD năm 2005. Thống kê của UNDP cho biết 1USD ở Việt Nam có thể mua được lượng hàng gấp 5 lần ở nước khác. Do đó, tuy thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam thấp hơn nhiều nước như Nam Phi, Indonesia, Ai Cập, nhưng vị trí của Việt Nam trong bảng xếp hạng theo chỉ số HDI lại cao hơn.

Theo báo cáo phát triển con người của UNDP, Việt Nam được coi như một ví dụ thành công tiêu biểu cho nhóm các nước đang phát triển về khả năng tương tác cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển con người. Báo cáo của UNDP nêu rõ tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm mạnh. Với mức tăng trưởng kinh tế tương đương và mức thu nhập thấp hơn, Việt Nam đã vượt qua Trung Quốc về giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh.

Trong bức tranh không mấy khả quan về việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ (MDG) mà báo cáo của UNDP đưa ra, Việt Nam vẫn được nhắc đến như một quốc gia có nhiều bước tiến đáng kể trong quá trình thực hiện các mục tiêu này. Báo cáo nói rằng những nước có tốc độ tiến tới MDG nhanh vượt bậc lại thường là các nước có thu nhập thấp.

Báo cáo nhận định rằng, đầu tư vào giáo dục, mở cửa dần dần trong thương mại, phát triển đồng đều các khu vực kinh tế, đa dạng hóa thị trường và sự phân chia bình đẳng các nguồn lợi có được từ phát triển kinh tế vào hạ tầng kinh tế - xã hội là những nguyên nhân chính cho sự thành công trong lĩnh vực phát triển con người của Việt Nam.

Mức thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua của Việt Nam tăng từ 2.300 USD năm 2004 lên 2.490 USD năm 2005. Thống kê của UNDP cho biết 1USD ở Việt Nam có thể mua được lượng hàng gấp 5 lần ở nước khác. Do đó, tuy thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam thấp hơn nhiều nước như Nam Phi, Indonesia, Ai Cập, nhưng vị trí của Việt Nam trong bảng xếp

hạng theo chỉ số HDI lại cao hơn.

Báo cáo nhận định rằng, đầu tư vào giáo dục, mở cửa dần dần trong thương mại, phát triển đồng đều các khu vực kinh tế, đa dạng hóa thị trường và sự phân chia bình đẳng các nguồn lợi có được từ phát triển kinh tế vào hạ tầng kinh tế - xã hội là những nguyên nhân chính cho sự thành công trong lĩnh vực phát triển con người của Việt Nam¹.

Báo cáo phát triển con người năm 2007/2008 của LHQ cho thấy, Việt Nam hiện có chỉ số phát triển con người HDI ở hạng trung bình, với chỉ số là 0,733. So với năm trước, Việt Nam đã tăng 4 bậc từ vị trí 109 lên vị trí 105. Tăng 4 bậc trong xếp hạng chỉ số phát triển con người (HDI), Việt Nam được xếp vào các nước có chỉ số phát triển con người trung bình, và liên tục được cải thiện gần 20 năm qua. Phát triển kinh tế và đầu tư cho giáo dục là chìa khóa tạo sự tiến bộ trong HDI về ngắn hạn.

Chỉ số HDI đo tiến bộ trung bình của một nước về phát triển con người. Chỉ số này được đánh giá dựa theo các tiêu chí cơ bản như giá trị chỉ số phát triển con người, tuổi thọ, tỉ lệ người lớn biết chữ, giáo dục tiểu học và trung học, thu nhập GDP tính theo đầu người.

Cùng với chỉ số HDI, các chuyên gia UNDP cũng đưa ra chỉ số đói nghèo của con người HPI- nhằm tập trung vào tỷ lệ người sống dưới ngưỡng về các phương diện phát triển con người, sống một cuộc sống khỏe mạnh và lâu dài, được tiếp cận giáo dục và mức sống hợp lý. Theo chỉ tiêu này, Việt Nam xếp thứ 36.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn đối với Việt Nam là từ năm 1990 đến nay, chỉ số phát triển con người của Việt Nam liên tục tăng.

Vấn đề đáng lo ngại, theo các chuyên gia là, những người thiếu thốn nhất phải chịu đói nghèo ở nhiều phương diện nhất.

Giải pháp tăng HDI : Phát triển kinh tế, đầu tư giáo dục

¹ Theo Báo cáo của UNDP Năm 2005.

Chỉ số HDI không đơn thuần chỉ phản ánh GDP/đầu người, mà mô tả một bức tranh khá hoàn chỉnh về sự phát triển của một đất nước. Cùng một mức HDI nhưng thu nhập giữa các nước có sự khác biệt lớn, điển hình là trường hợp Nam Phi và Việt Nam. Chỉ số HDI hai nước tương đương nhưng Nam Phi có thu nhập bình quân đầu người gấp hơn 3 lần Việt Nam.

Việt Nam chỉ xếp thứ 122 trong số 177 quốc gia về thu nhập bình quân đầu người. Tuy nhiên, so với nhiều nước có thu nhập thấp khác, Việt Nam đi đầu về các chỉ số tuổi thọ, tỉ lệ biết chữ ở người lớn. Xếp hạng tương ứng của Việt Nam ở hai chỉ số này là 56 và 57.

Trong khi đó, nhìn vào tổng tỉ lệ đi học tiểu học, trung học và đại học, Việt Nam xếp thứ 121, với 63,9% người trẻ được tiếp cận với giáo dục.

Các chuyên gia của LHQ chỉ rõ, trong các thành tố của HDI, thu nhập bình quân đầu người và tổng tỉ lệ đi học có thể biến đổi theo những thay đổi chính sách ngắn hạn.

Phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân và đầu tư cho giáo dục là hai giải pháp có thể làm thay đổi đáng kể chỉ số HDI. Chỉ riêng việc cải thiện tỉ lệ nhập học của trẻ em và nâng cao dân trí cho người dân sẽ giúp Việt Nam tăng nhanh chỉ số phát triển con người của mình.

Năm 2007, chỉ số phát triển con người của Việt Nam tăng 4 bậc so với năm trước. Điều đó cho thấy Việt Nam là nước tiến nhanh nhất trong các nước Đông Nam Á (ASEAN) về phát triển con người (HDI).

Tai nạn giao thông ngày càng gia tăng. Nhìn tổng quan về phát triển con người Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong hai thập kỷ qua mang lại kết quả là tỷ lệ nghèo theo thống kê đã giảm rõ rệt. Tỷ lệ nghèo, theo chuẩn nghèo quốc tế, đã giảm từ 58% xuống còn 20% trong giai đoạn 1993 - 2004. Tuy nhiên, nhiều hộ gia đình mới chỉ vươn lên khỏi chuẩn nghèo một chút, và vì vậy vẫn có nguy cơ bị tái nghèo.

Song, đi đôi với kết quả tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tình trạng bất bình đẳng, đặc biệt là khoảng cách ngày càng rộng hơn về mức thu nhập

giữa nông thôn và thành thị cũng như mức chênh lệch ngày càng lớn xuất phát từ tình trạng ngăn cách về các mặt địa lý, xã hội, dân tộc và ngôn ngữ. Ba vùng chiếm hơn hai phần ba người nghèo Việt Nam là: miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Bắc Trung bộ. Các dân tộc thiểu số mặc dù chỉ chiếm 14% dân số Việt Nam và sống chủ yếu ở các vùng núi xa xôi, cách trở này nhưng lại có tỷ lệ nghèo quá cao (gần 30% dân nghèo của cả nước). Khoảng 90% dân nghèo sống ở nông thôn. Dân nghèo nông thôn chủ yếu tập trung ở những hộ nông dân có ít ruộng đất, phải trông đợi vào nguồn tín dụng không chính thức với lãi suất cao, ít được tiếp cận với thị trường nông sản và không có việc làm ngoài nghề nông. Để tạo ra nhiều việc làm phi nông nghiệp, đòi hỏi phải tăng cường phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, đồng thời xóa bỏ sự thiên vị, công khai hay ngầm định, dành cho các doanh nghiệp nhà nước có nhiều vốn là chủ yếu.

Mặc dù GDP theo đầu người chính thức chỉ đạt hơn 638 USD một chút, song kết quả phát triển con người của Việt Nam là rất khả quan. Điều đó được thể hiện ở sự gia tăng liên tục của Chỉ số Phát triển con người trong thập kỷ qua và những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực giáo dục, y tế và mức sống ở Việt Nam. Trong tổng số 177 nước được xếp hạng về Chỉ số Phát triển con người trên thế giới, Việt Nam, từ vị trí 120 năm 1995, đã tiến lên vị trí 105 năm 2007¹.

Hiện nay, ở Việt Nam, tuổi thọ trung bình là 71, và tỷ lệ biết chữ ở người lớn (từ 15 tuổi trở lên) là 94%. Tuy nhiên, Việt Nam phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng trong lĩnh vực giáo dục và y tế. Tỷ lệ học hết phổ thông trong số đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em gái vẫn tương đối thấp. Tỷ lệ suy dinh dưỡng vẫn còn cao, đặc biệt ở trẻ em dưới 5 tuổi với 33% số trẻ em trong độ tuổi này bị thiếu cân. Việt Nam còn phải đối mặt với một số căn bệnh cũ tái phát và mới xuất hiện như bệnh lao và HIV/AIDS kèm theo những căn bệnh là kết quả điển hình của lối sống mới.

¹ Theo Báo cáo của UNDP Năm 2007.

Chỉ số phát triển con người mới đề cập đến mặt *lượng* của lối sống, sau đây chúng tôi sẽ đề cập tới mặt *chất* của lối sống đó là đặc điểm nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

Phân tích những nhân tố kinh tế, xã hội và thực trạng nhân cách ở nước ta hiện nay cho thấy: Sự nghiệp đổi mới đất nước làm biến đổi hiện thực xã hội, là cơ sở biến đổi về đạo đức và nhân cách. Đạo đức là một thành phần của nhân cách, hơn nữa, *là nền tảng của nhân cách*, do đó *mọi biến đổi của nhân cách đồng thời là biểu hiện sự biến đổi của đạo đức*. Mặt khác, những biến đổi về đạo đức dưới tác động của những điều kiện kinh tế, xã hội trong thời kì đổi mới *là tác nhân dẫn tới sự hình thành một số đặc điểm mới của nhân cách con người Việt Nam*. Theo tác giả Phạm Hoàng Gia, mô hình nhân cách mới phải là sự phủ định của phủ định các mô hình "*người quân tử*", "*con người tiểu kỹ*" của thời kỳ phong kiến, mẫu người "*trí thức tự do*" thời Pháp thuộc và các mô hình "*người cán bộ cách mạng*" từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Trong mô hình nhân cách mới, ông đặc biệt nhấn mạnh các thuộc tính: cá tính, tinh thần đổi mới, sáng tạo, trình độ văn hoá đích thực, tri thức khoa học, nếp sống dân chủ, duy lý nhân bản, sức khoẻ dẻo dai bền bỉ và có đầu óc quản lý kinh tế theo kiểu mới¹.

Kết hợp sự phân tích tác động hai mặt của điều kiện kinh tế, xã hội trong thời kì đổi mới với việc tham khảo một số kết quả điều tra của chương trình KX-07 và chương trình chính sách thế hệ trẻ "*Mô hình nhân cách thanh niên Việt Nam những năm 2000*", chúng tôi cho rằng, những đặc điểm nhân cách của con người Việt Nam hiện nay đang được hình thành và phát triển, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, vừa phù hợp với chiến lược phát triển con người Việt Nam "*mục tiêu và động lực*" phát triển kinh tế, xã hội:

Một là, năng động, linh hoạt, thích ứng nhanh với những biến đổi của đời sống; mạnh dạn tự tin, dám nghĩ dám làm, dám chấp nhận rủi ro để vươn lên trong sự nghiệp, biết vận dụng sức lực và trí tuệ của mình để làm giàu chính đáng vì lợi ích của cá nhân, gia đình và xã hội.

Hai là, nỗ lực trong các hoạt động học tập, lao động; biết tính toán hiệu quả kinh tế, dám chấp nhận cạnh tranh và có khả năng tự chịu trách nhiệm trong công việc của mình.

Ba là, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, phong phú, lối sống văn hoá, tình nghĩa, yêu lao động, có trách nhiệm, gắn bó với quê hương và gia đình.

Bốn là, có ý thức tôn trọng pháp luật, có bản lĩnh đấu tranh vì công bằng và lẽ phải, biết trân trọng và hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp.

Xu hướng dân chủ hoá mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội đang đòi hỏi mỗi cá nhân phải nâng cao ý thức và trách nhiệm công dân trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Tinh thần phê phán và lựa chọn giá trị một cách tự giác tích cực, cùng với sự hình thành văn hoá dân chủ là những tiêu chí cần phải đạt được của một nhân cách phát triển.

Việc thực hiện dân chủ hoá các lĩnh vực của đời sống đã làm cho *ý thức dân chủ, năng lực thực hành dân chủ* của cá nhân và xã hội dần dần phát triển. Nó khích lệ cá nhân phát huy các giá trị đạo đức tích cực của mình. Với đổi mới và chuyển sang cơ chế thị trường, quan hệ giữa cá nhân và xã hội đã biến đổi, bắt đầu từ sự biến đổi ở cá nhân và xã hội. "Thực chất và nội dung của sự biến đổi mối quan hệ này chính là dân chủ hoá chính bản thân quan hệ đó, đảm bảo sự phát triển hợp lý, tự nhiên của cá nhân cũng như của xã hội theo nguyên tắc pháp lý và chuẩn mực nhân văn của dân chủ"². Nhu cầu dân chủ hoá trong lĩnh vực kinh tế và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội thúc đẩy sự điều chỉnh xã hội bằng pháp luật. Con người Việt Nam chuyển từ thói quen theo "lệ" sang *ý thức tuân theo pháp luật*. Từ cách ứng xử duy cảm, duy tình chuyển sang ứng xử "*có lý có tình*", là "*thấu lý, đạt tình*".

Năm là, có tri thức khoa học, có khả năng tư duy độc lập và năng lực sáng tạo, nhanh nhạy trong việc tiếp thu cái mới.

¹ Phạm Hoàng Gia (1991): *Mô hình nhân cách thanh niên năm 2000*, HN, tr. 47-63.

² Hoàng Chí Bảo: *Sự biến đổi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, (Những vấn đề về Văn hoá xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở một số nước châu Á*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr.456.

Nhìn một cách khái quát, *nhân cách con người Việt Nam hiện nay là chỉnh thể thống nhất những phẩm chất cá nhân tiêu biểu cho sự phát triển của con người, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, mà đặc trưng của nó là năng lực chủ thể* (tính độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm cá nhân), *biểu hiện sự phát triển về thể chất và tinh thần ngày càng cao.*

Bên cạnh những đặc điểm tích cực mới hình thành, một số yếu tố trong cấu trúc nhân cách của con người Việt Nam đã biến đổi theo hướng xấu đi. Trước đây, lý tưởng sống cao cả vì tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, lối sống "mình vì mọi người" được đề cao, thì hiện nay, có một số đông, đặc biệt là lớp người trẻ tuổi mới lớn lên thờ ơ với lý tưởng chính trị, xã hội, chỉ hướng vào những lợi ích cá nhân thực dụng. Tâm lý tiêu dùng có ảnh hưởng ngày càng nhiều.

Sự nghiệp đổi mới đã tạo ra những điều kiện khách quan tác động một cách sâu sắc, toàn diện tới sự hình thành nhân cách của con người Việt Nam. Nhận thức được những biến đổi tích cực và tiêu cực trong đặc điểm nhân cách con người Việt Nam hiện nay là cơ sở để tác động một cách tự giác vào quá trình chuyển đổi ấy theo hướng tích cực nhất góp phần xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong tình hình hiện nay ở nước ta.

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Phương hướng xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay

Bước vào những năm cuối của thế kỷ XX, nhân loại chứng kiến nhiều biến đổi có tính chất toàn cầu. Quá trình toàn cầu hoá với sức lan toả mạnh mẽ của nó đang tạo ra làn sóng cuốn hầu hết các nước vào cùng một vòng quay. Tuy nhiên, với tính hai mặt của mình, toàn cầu hoá bên cạnh việc đem lại những thuận lợi, thời cơ, những biến đổi có tính tích cực về đời sống vật chất và tinh thần cũng đặt ra những thách thức, khó khăn, những phản giá trị...ở các quốc gia trong và ngoài khu vực mà nó đi qua.

Ở Việt Nam, Đảng ta qua các kỳ Đại hội đều khẳng định “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”¹.

Trong điều kiện hiện nay, để tiếp tục xây dựng con người Việt Nam có lối sống dân tộc – hiện đại, con người xã hội chủ nghĩa cần có sự phối hợp đồng bộ, toàn diện theo hướng: *kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại; giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế; giữa cá nhân và xã hội.*

3.1.1. Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại

Lối sống, nhìn một cách tổng thể là sự biểu hiện tập trung của toàn bộ quan hệ vật chất, tinh thần của con người. Để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam hiện nay cần kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, bởi vì lịch sử bao giờ cũng là một dòng chảy nối liền từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Đoạn tuyệt với quá khứ để hăng hái đón nhận yếu tố hiện đại

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 110 – 111.

cũng đồng nghĩa với việc “mất gốc”. Đó sẽ là con đường ngắn nhất để đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc. Song, đóng cửa trước tương lai, phủ nhận những giá trị mới để giữ trọn yếu tố cổ truyền với mục tiêu “phục cổ” cũng sẽ là sai lầm nghiêm trọng không kém. Cách lựa chọn chính xác, khoa học đối với cuộc sống hôm nay cần bắt đầu từ việc nhìn nhận một cách khách quan những hệ giá trị truyền thống và hiện đại. Phải “gạn đục khơi trong” để tìm ra những yếu tố hợp lý, tiến bộ, tránh thái độ phủ nhận sạch trơn cũng như chủ quan cào bằng, ôm đồm tất cả.

Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại là nhằm kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, đem nó vào xã hội hiện đại để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Cụ thể:

Một là, đi đôi với việc gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống cần nhận thức được những hạn chế, những yếu tố bảo thủ gây ảnh hưởng tiêu cực và không còn phù hợp với thời đại mới.

Hai là, “Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm, giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hoá dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc. Tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới làm giàu thêm văn hoá Việt Nam; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hoá độc hại, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc. Khắc phục tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn”¹

Ba là, quá trình đó đòi hỏi chúng ta phải luôn quán triệt tinh thần biện chứng để không bị rơi vào chủ quan duy ý chí hoặc bảo thủ trì trệ. Tránh tình trạng tuyệt đối hoá lối sống cũ khi bảo vệ tính truyền thống và cũng không cố vũ cho lối sống thực dụng phương Tây khi đón nhận tính hiện đại.

3.1.2. Kết hợp hài hoà giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế

¹ Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 111.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xêđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt, chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”¹. Có thể nói, tính cố kết cộng đồng, lòng yêu nước, trách nhiệm đối với sự tồn vong của đất nước đã trở thành mẫu số chung để đoàn kết các tộc người trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Ngày nay, trong điều kiện hoà bình, tính cố kết cộng đồng, lòng yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái, khoan dung vẫn là chất keo kết dính 54 dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Chính vì vậy, giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tộc người trong giai đoạn hiện nay cần có quan điểm lịch sử, toàn diện tránh giản đơn, phiến diện, cứng nhắc, siêu hình. Nói cách khác phải quán triệt nguyên tắc “thống nhất trong đa dạng”, nghĩa là thống nhất ở tính dân tộc, đa dạng ở tính tộc người. Bởi lẽ sự tồn tại và phát triển của từng tộc người và của cả quốc gia dân tộc là một phức thể thống nhất, cái nọ lấy cái kia làm tiền đề, chỗ dựa cho mình.

Để tiếp tục củng cố và phát triển tính thống nhất trong đa dạng của mối quan hệ giữa dân tộc và tộc người cần:

Một là, cần tiếp tục củng cố tinh thần đoàn kết từ trong nội bộ từng tộc người và giữa các tộc người với nhau.

Hai là, ưu tiên cho hệ giá trị mang tính dân tộc theo nghĩa khắc phục hoặc dần xoá bỏ một số đặc điểm riêng biệt của một vài tộc người không còn phù hợp với điều kiện mới.

Ba là, cần có biện pháp trước mắt và lâu dài để khắc phục tình trạng “tha hoá” của cá nhân, tộc người đang đe dọa tới giá trị dân tộc nói chung và tộc người nói riêng. Cần nhận thức rõ các tộc người hoàn toàn có thể đi lên hiện đại hoá bằng chính những gì đang có, bằng bản sắc và giá trị di sản văn hoá của mình.

Bốn là, tuy coi trọng tính thống nhất quốc gia dân tộc để đảm bảo sự đoàn kết các tộc người vì mục tiêu chung của đất nước, song phải chú ý gìn giữ tính đa

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.217.

dạng của các tộc người; phải đưa các tộc người lạc hậu bắt nhịp được với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở duy trì được bản sắc tộc người vốn có để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là, việc kết hợp hài hoà yếu tố dân tộc và tộc người phải được tiến hành song song với việc kết hợp hài hoà yếu tố dân tộc và quốc tế để một mặt duy trì được khối đoàn kết nội bộ, giữ được bản sắc văn hoá vốn có, mặt khác đưa được vào yếu tố nội sinh hơi thở của thời đại để văn hoá Việt Nam không xa lạ với văn hoá thế giới.

Để củng cố tính dân tộc trong quá trình hội nhập cần:

Thứ nhất, chúng ta phải gìn giữ và phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc như: lòng yêu nước nồng nàn; lối sống tình nghĩa, giản dị; tinh tế trong giao tiếp và ứng xử; cần cù, sáng tạo, thật thà trong lao động sản xuất...

Thứ hai, khi hội nhập cùng với việc tiếp thu các thành tựu mới, không tránh khỏi việc du nhập các phản giá trị. Cho nên cần phân luồng và có biện pháp trước mắt cũng như lâu dài. Tránh thái độ nóng vội, chủ quan, thái quá và phiến diện trong nhận diện cũng như xử lý các hệ giá trị.

3.1.3. Kết hợp hài hoà giữa cá nhân và xã hội

Quan hệ cá nhân và xã hội mang tính lịch sử, nó luôn có sự vận động, thay đổi. Ở thời kỳ cộng sản nguyên thủy, quan hệ cá nhân – xã hội tương đối đơn giản và không mang tính đối lập. Từ khi xã hội có giai cấp xuất hiện, quan hệ cá nhân và xã hội diễn ra rất phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Việc giải quyết mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội thường xuất hiện hai khuynh hướng đối lập: một là tuyệt đối hoá lợi ích cá nhân dẫn đến lối sống cá nhân chủ nghĩa; hai là tuyệt đối hoá lợi ích tập thể, xã hội mà thực chất là chủ nghĩa bình quân, coi nhẹ vị trí từng cá nhân dẫn đến thủ tiêu động lực phát triển. Lịch sử đã chứng minh cả hai khuynh hướng trên đều dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng.

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước điều tiết và lãnh đạo nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu xây dựng một xã hội *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*. Để đạt được

mục tiêu đó phải luôn có sự kết hợp hài hoà giữa cá nhân và xã hội. Chỉ khi đạt được lợi ích cá nhân và xã hội vào một thể thống nhất biện chứng một cách hài hoà thì mới làm nảy sinh một động lực phát triển hợp lý và toàn diện. Muốn vậy, phải tiếp tục phát huy nhân tố con người vì thực hiện chiến lược con người có ý nghĩa quyết định để giải quyết tốt, kết hợp hài hoà được cá nhân và xã hội. Vấn đề này được Đại hội IX xác định cụ thể là: xây dựng con người Việt Nam có tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức tự cường dân tộc, trách nhiệm trong lao động, có tác phong công nghiệp, có ý thức cộng đồng, tôn trọng tình nghĩa, có lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Tóm lại, để xây dựng được một nước Việt Nam giàu mạnh về kinh tế, phong phú về văn hoá, vững chắc về chính trị, quốc phòng...phải bắt đầu từ những con người Việt Nam yêu nước, có tri thức, có lối sống dân tộc – hiện đại, biết phấn đấu vì một lý tưởng cao đẹp. Để thực hiện được mục tiêu đó cần quán triệt một số nguyên tắc sau:

Thứ nhất, quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lối sống dân tộc-hiện đại trên cơ sở chú trọng bảo tồn các giá trị văn hoá của dân tộc và vận động xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh, mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế để tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học của các nước trên thế giới.

Thứ hai, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, cách thức tiến hành... của việc xây dựng lối sống dân tộc-hiện đại ở Việt Nam hiện nay phải được chia thành từng cấp độ cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ chính trị, thành phần lao động để lôi cuốn tập hợp được nhiều cá nhân, tổ chức tham gia hưởng ứng.

Thứ ba, lựa chọn các hệ giá trị truyền thống và hiện đại cơ bản để giáo dục, định hướng cho các thành viên trong xã hội. Đồng thời cần tránh hai khuynh hướng: tả khuynh và hữu khuynh. Gắn lý tưởng sống của con người với hệ giá trị: Chân – Thiện – Mỹ.

Thứ tư, công tác xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại cần được thực hiện

đồng bộ, rộng khắp thông qua hệ thống hoạt động của các chủ thể nhân cách trong xã hội. Mỗi các nhân, tổ chức, địa phương cần phối hợp chặt chẽ các hoạt động để nhân rộng ưu điểm, hạn chế nhược điểm và sai lầm nếu có.

Thứ năm, giáo dục, thuyết phục, động viên để các thành phần xã hội đều thấy rõ và có ý thức thực hiện lối sống dân tộc-hiện đại.

3. 2. Giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay

Xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại là nhiệm vụ cơ bản và đồng thời cũng là nhiệm vụ cấp bách của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc bởi vì lối sống dân tộc- hiện đại được xem như là bước đi quan trọng trong việc tạo lập tư tưởng, đạo đức, nếp sống, lễ sống, môi trường văn hoá tạo nên nhân cách con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng xã hội: *dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh*. Để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại theo đặc trưng và những nội dung cơ bản theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) chúng ta cần chú trọng và thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản nêu sau đây.

3.2.1. Nhóm giải pháp chung

3.2.1.1. Nâng cao đời sống vật chất của nhân dân

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách xoá đói giảm nghèo. Theo đó cần hoàn thiện hệ thống thông tin giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu xoá đói giảm nghèo từ trung ương đến địa phương. Tập trung trợ giúp các địa phương nghèo phát triển kinh tế, hướng vào chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp. Tiếp tục tăng nguồn vốn tín dụng xoá đói giảm nghèo, đổi mới phương thức cho vay, đẩy mạnh trợ giúp người nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện bỏ dần bao cấp bất hợp lý trong xoá đói giảm nghèo, chuyển sang những phương pháp và hình thức hỗ trợ phù hợp với kinh tế thị

trường. Sửa đổi chính sách trợ giá, trợ cước và chính sách cung cấp miễn phí một số hàng hoá cho miền núi để hạn chế thất thoát và tăng thêm tác dụng thiết thực của các biện pháp này. Áp dụng phương thức trợ giúp lãi suất đối với tín dụng cho người nghèo; mở rộng diện tín dụng được bảo lãnh thông qua Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh chính sách xã hội như các chính sách khám chữa bệnh, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ nhà ở, chính sách cho vay vốn tín dụng. Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước vào các địa bàn khó khăn nhất bao gồm các xã đặc biệt khó khăn, vùng căn cứ cách mạng, vùng cao biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người nhằm rút ngắn khoảng cách phân hóa giàu nghèo; tập trung trước hết vào xây dựng hạ tầng giao thông, giáo dục, cấp điện, nước, xây dựng trạm y tế hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ, tiếp cận thị trường. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương.

Hai là, tiếp tục thể chế hoá việc áp dụng công cụ kinh tế; ban hành và áp dụng các biện pháp thu và sử dụng các loại phí, lệ phí bảo vệ môi trường; sử dụng đúng và có hiệu quả kinh phí thu được. Phân định và hình thành các nội dung chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, đảm bảo tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đa dạng hoá đầu tư cho bảo vệ môi trường để đảm bảo có đủ nguồn lực bảo vệ môi trường, chú trọng huy động mọi nguồn lực trong toàn xã hội. Thực hiện các chính sách hỗ trợ vốn, ưu đãi, khuyến khích về thuế, các biện pháp trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với thông lệ quốc tế; sử dụng có hiệu quả quỹ bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý môi trường ở Việt Nam, tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cấp, đổi mới công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải theo hướng thân thiện với môi trường nhằm sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả hơn, giảm thiểu thải các chất thải, khí thải độc hại vào môi trường. Đẩy nhanh việc xây dựng và thực hiện các dự án cung cấp nước

sạch cho nhân dân, đặc biệt chú trọng vào khu vực nông thôn để rút ngắn sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa người giàu và người nghèo.

Ba là, cải thiện và nâng cao dịch vụ hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo. Nhà nước tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù đối với người nghèo và vùng nghèo; rà soát hệ thống chính sách ưu đãi hiện có để loại bỏ những nội dung không còn phù hợp, bổ sung những chính sách mới xuất phát từ thực tiễn của người nghèo, các vùng nghèo, vùng khó khăn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu vực này để chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, đảm bảo đồng tiền hỗ trợ người nghèo được chi đúng mục đích và có hiệu quả; đồng thời huy động sức đóng góp của đối tượng được hưởng thụ bằng ngày công lao động và trực tiếp tham gia giám sát.

Bốn là, tăng cường mạng lưới dịch vụ và an sinh xã hội cho người nghèo.

Tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện sản xuất, việc làm cho người nghèo tự vươn lên thoát nghèo thông qua các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, bao gồm đất đai, công cụ sản xuất, kỹ thuật canh tác, trình độ quản lý, kiến thức và tay nghề, tín dụng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tạo cơ hội thuận lợi cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ công. Bổ sung một số chính sách trợ giúp của Nhà nước đối với các nhóm người yếu thế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người dễ bị tổn thương để tạo cơ hội tự tạo việc làm hoặc đi làm thuê, có thu nhập đủ nuôi sống bản thân, tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các hoạt động xã hội để hưởng lợi từ cải cách kinh tế. Hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội nhằm mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội áp dụng cho mọi đối tượng, kể cả những người làm việc tại khu vực kinh tế phi chính thức và bảo đảm tương quan hợp lý giữa mức đóng và mức hưởng.

Đa dạng hóa mạng lưới an sinh tự nguyện. Đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ cây trồng và vật nuôi như dịch vụ thú y, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp một cách hiệu quả ở vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn. Tiến hành thử nghiệm các hình thức bảo hiểm cây trồng, vật nuôi hoặc bảo hiểm thị

trường cho nông thôn. Tăng cường công tác khuyến nông như là một công cụ hữu hiệu để giảm tính tổn thương của người nghèo. Xây dựng các chương trình bảo hiểm trên cơ sở cộng đồng đối với khu vực kinh tế không chính thức trên nguyên tắc bảo hiểm nhóm (tối thiểu là bảo hiểm gia đình). Phát triển hình thức Bảo hiểm hộ gia đình để thay thế dần cho hệ thống bảo hiểm sức khỏe học đường.

Tăng cường mạng lưới an sinh xã hội thông qua phát triển và củng cố các quỹ của xã hội và đoàn thể. Trợ giúp nhân đạo thường xuyên đối với người nghèo, người không có sức lao động và không nơi nương tựa; tổ chức, triển khai hoạt động của các quỹ này ngay tại những cộng đồng làng, xã nơi tập trung nhiều người nghèo, yếu thế. Trong đó, chú trọng các hình thức trợ cấp xã hội bằng hiện vật (gạo, thực phẩm, quần áo,...) đối với những đối tượng rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở cả nông thôn và một số thành phố.

Duy trì và bổ sung hệ thống chính sách, giải pháp về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đặc biệt là trẻ em tàn tật, mồ côi, lang thang, lao động kiếm sống, trẻ em bị hậu quả chất độc màu da cam, nhiễm HIV/AIDS. Phát triển các trung tâm bảo trợ xã hội ở những vùng nghèo, vùng gặp rủi ro thường xuyên để nuôi dưỡng các đối tượng mất khả năng và cơ hội tự kiếm sống. Điều chỉnh lại phương pháp phân bổ ngân sách để thực hiện các chính sách xã hội, trao quyền chủ động cho các địa phương, đặc biệt là cấp xã, huyện để đẩy mạnh phát triển quỹ cộng đồng ở làng xóm và cấp xã.

Năm là, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách để phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá sản xuất, khuyến khích làm giàu một cách hợp pháp, phát triển nền kinh tế hàng hoá thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải phóng mọi tiềm năng sức lao động trong nhân dân.

Sáu là, cần có cơ chế, chính sách tài chính hợp lý để điều tiết và thực hiện việc phân phối lại nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm xã hội có thu

nhập chênh lệch cao, giữa dân cư miền núi và đồng bằng, giữa dân cư đô thị và dân cư nông thôn.

3.2.1.2. Nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân

Một là, thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hoá, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo quyền tự do dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hoá trên cơ sở phát huy tính tự giác cao của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Hai là, mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong cấp uỷ đảng, đảng viên, cán bộ các đoàn thể quần chúng. Huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ “trên xuống”, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia vào các phong trào: Người tốt, việc tốt; Uống nước nhớ nguồn; Đền ơn đáp nghĩa; Xóa đói giảm nghèo; Xây dựng gia đình văn hoá, làng xã, phường văn hoá; Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Ba là, xây dựng các luật, pháp lệnh, các văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá. Nghiên cứu xây dựng Luật quảng cáo, Pháp lệnh thư viện...Xây dựng quy chế về giải thưởng trên lĩnh vực văn hoá, bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định về lễ hội, việc tang, việc cưới, khuyến khích nhân dân và tổ chức xã hội xây dựng các quy ước và nếp sống văn hoá. Đồng thời với việc xây dựng, ban hành luật pháp phải xây dựng, ban hành các chính sách văn hoá, chính sách kinh tế trong văn hoá; chính sách văn hoá trong kinh tế; chính sách xã hội hoá hoạt động văn hoá; chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc; chính sách khuyến khích sáng tạo trong các hoạt động văn hoá; chính sách đặc thù, hợp lý hợp tình cho những loại đối tượng xã hội cần được ưu đãi tham gia và hưởng thụ

văn hoá và chính sách cụ thể về hợp tác quốc tế để tạo điều kiện cần thiết và động lực cho sự phát triển văn hoá.

Bốn là, tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá bằng cách tăng thêm mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn ngân sách nhà nước, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho sự phát triển văn hoá. Củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp, của hoạt động văn hoá. Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý văn hoá và đào tạo lớp cán bộ mới đủ phẩm chất và năng lực đảm đương những công việc mới.

3.2.1.3. Đẩy mạnh việc thực hiện dân chủ của nhân dân

Thứ nhất, thực hiện các giải pháp về xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, chống tự do vô chính phủ, chống cục bộ bè phái; nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, chống quan liêu, tùy tiện, độc tài trong hệ thống quản lý xã hội.

Cần làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục ý thức về quyền làm chủ của nhân dân để người dân ý thức về địa vị chủ thể của mình, không thờ ơ, xa cách với các quyền và nghĩa vụ công dân, hiểu đúng quyền và nghĩa vụ công dân để làm chủ hành vi trong khuôn khổ pháp luật. Tuyên truyền để nhân dân nắm chắc các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, quy định của các cấp, các ngành, các kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, an ninh – quốc phòng của địa phương.

Công khai hoá các hoạt động của cơ quan Nhà nước, các thủ tục hành chính, những vấn đề tài chính, tài sản...liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân phải được công bố rộng rãi trong nhân dân. Công khai hoá các hoạt động của cơ quan Nhà nước chính là tạo điều kiện để nhân dân có thông tin đầy đủ, chính xác, có điều kiện tiếp cận và biết được cán bộ nhà nước được dân cử có xứng đáng với sự uỷ quyền và tin tưởng của dân hay không.

Cần nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm và sự tùy tiện trong hệ thống quản lý xã hội, chống quan liêu, độc tài. Dân chủ không chỉ là vấn đề của văn hoá pháp luật,

mà còn là văn hoá, đạo đức của người thi hành công vụ. Cần nâng cao trí tuệ, bản lĩnh chính trị và văn hoá ứng xử khi làm việc trực tiếp với nhân dân.

***Thứ hai,** giải pháp về hoàn thiện các thiết chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân, giải quyết tốt mối quan hệ dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.*

Mỗi hình thức dân chủ, dân chủ đại diện và trực tiếp, có vị trí, vai trò khác nhau trong việc thực thi quyền làm chủ của nhân dân nên cần kết hợp sử dụng cả hai hình thức bổ sung cho nhau để mỗi hình thức đều phát huy tính tích cực của mình. Dân chủ trực tiếp sẽ tranh thủ và phát huy được trí tuệ, tài lực, vật lực của nhân dân trong giải quyết những công việc chung của cộng đồng khắc phục thói quen thụ động ỷ lại, trông chờ vào người khác, vào nhà nước tạo nên cơ chế đối trọng, kiểm tra, giám sát đối với hình thức dân chủ đại diện, với bộ máy nhà nước, với các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, giảm bớt được sự tùy tiện, lộng quyền, tệ quan liêu, trì trệ, tham nhũng; là kênh thông tin phản hồi nhanh, nhạy về tính hiệu quả, hiệu lực của các đường lối, chủ trương, của Đảng, chính sách của Nhà nước để kịp thời kiểm nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn trên cơ sở đó tăng cường mối quan hệ với nhân dân, khắc phục được tình trạng xa rời thực tế, chủ quan duy ý chí. Vì vậy, để hoàn thiện các thiết chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân dưới các hình thức cần:

Một là, nhà nước cần được xây dựng theo đúng nguyên tắc của dân, do dân, vì dân. Nhà nước do dân lập ra, nhân dân kiểm soát Nhà nước và có quyền tổ chức nhiệm vụ đối với nhà nước, các cơ quan và viên chức nhà nước. Nhà nước tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào việc giải quyết mọi công việc của Nhà nước và xã hội có liên quan đến cuộc sống của người dân. Nhà nước đảm đương trách nhiệm là người định hướng và khởi xướng những tư tưởng, những công việc lớn, tạo ra những điều kiện cần thiết để dân tự lo, còn Nhà nước thì bảo vệ dân; Nhà nước tạo ra môi trường pháp lý và môi trường xã hội lành mạnh, an toàn cho cuộc sống của dân. Mọi chủ trương và chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chung của nhân dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng; đảm bảo mọi người dân và cơ quan nhà nước đều bình đẳng trước

pháp luật. Cần phân định rõ hơn quyền luật pháp, lập quy; nâng cao năng lực lập pháp của đại biểu Quốc hội, năng lực thẩm tra các dự án luật...

Cần tiếp tục cải cách nền hành chính quốc gia cả trong thể chế, bộ máy và công tác cán bộ, công chức hành chính. Hoàn thiện thể chế quản lý bằng pháp luật, phân cấp quản lý rõ ràng, rành mạch; chức năng của các cơ quan nhà nước cần được công khai hoá; kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở. Xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, công tâm, tận tụy với công việc. Tăng cường dân chủ cơ sở, tiếp tục thực hiện rộng khắp mô hình “*một cửa*” trong quản lý hành chính của cấp chính quyền địa phương theo nguyên tắc “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” những công việc liên quan đến lợi ích của dân: từ việc nhỏ đến việc lớn, công việc riêng hay việc chung của cộng đồng, khiếu nại, tố cáo của công dân, hồ sơ đất đai, giải quyết công việc theo đúng hẹn, niêm yết công khai về các khoản thu chi, lệ phí, ngân sách...

Hai là, tiếp tục thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực kinh tế. Cần tiếp tục tháo gỡ những vấn đề về tính dân chủ trong kinh doanh của các thành phần kinh tế, chống tình trạng doanh nghiệp nhà nước lợi dụng biến độc quyền nhà nước trong một số lĩnh vực trọng yếu thành độc quyền doanh nghiệp, cần có chính sách hữu hiệu gắn nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm pháp lý của cán bộ doanh nghiệp với vận mệnh của doanh nghiệp. Cán bộ doanh nghiệp không thể không biết và không thể không chịu trách nhiệm về những diễn biến tiêu cực trong doanh nghiệp mà phải chịu trách nhiệm xác đáng trước pháp luật. Cần xây dựng chính sách phù hợp để lôi cuốn nhân dân lao động tham gia tích cực chống tiêu cực kinh tế.

Ba là, thực hiện chế độ “tự quản”, đảm bảo cho nhân dân được làm chủ và có quyền quyết định trực tiếp đối với những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày của nhân dân ở cơ sở. Tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể. Chống tình trạng cục bộ địa phương.

¹ Xem: Th.s Phạm Bá Sanh: *Công bằng xã hội trong hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Giáo dục lý luận số 3- 2002, tr. 45.

Bốn là, tăng cường quyền kiểm tra, giám sát, phản biện của nhân dân với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Hoàn thiện tổ chức, quy chế hoạt động của thanh tra nhân dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát do các cơ quan nhà nước thực hiện theo thẩm quyền đồng thời phối hợp chặt chẽ với thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân. Tiếp tục tìm tòi phương thức và thực hiện tốt sự phản biện xã hội nhằm tranh thủ và phát huy năng lực trí tuệ của toàn xã hội. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là một giải pháp quan trọng mang tính quyết định.

3.2.1.4. Tiếp tục phát triển khoa học làm cơ sở xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại

Để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại trong giai đoạn mới, thì vai trò của khoa học là vô cùng quan trọng, đặc biệt trong thời kỳ cuộc cách mạng khoa học- công nghệ đã, đang diễn ra mạnh mẽ, phức tạp như hiện nay. Song, để thể hiện vai trò của khoa học trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại thì phải có một nền khoa học mạnh, đủ sức nghiên cứu đưa ra những cơ sở cho việc đưa ra những giá trị mới, nhằm xây dựng những định chế văn hoá mới phù hợp. Và để có một nền khoa học mạnh theo chúng tôi cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần đổi mới cơ chế hoạt động khoa học

Cụ thể là Luật Khoa học và công nghệ tất yếu phải không ngừng được bổ sung và hoàn thiện theo hướng sau:

Khẳng định rõ ràng hơn nữa vị trí, vai trò của khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội - nhân văn trong nền khoa học nói chung của nước ta; đồng thời khẳng định tính chất then chốt của công tác nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu cơ bản trong toàn bộ hoạt động khoa học nói chung.

Thể chế hoá một cách chặt chẽ và có hệ thống hơn nữa những quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về khoa học và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, về chính sách quốc gia với tư cách là quốc sách hàng đầu trong đầu tư, phát triển khoa học, trong đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đối với giới trí

thức khoa học, nhất là các tài năng và chuyên gia khoa học lớn, đầu ngành mà những đóng góp của họ sẽ có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Quy định rõ tổ chức, cơ cấu và hệ thống các cơ quan khoa học và quản lý khoa học, quan hệ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, với sản xuất, với hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, kể cả dịch vụ khoa học cũng như với các hoạt động khác của đời sống xã hội, quyền hạn và trách nhiệm tương ứng với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu khoa học của tổ chức và các cá nhân có thẩm quyền...

Cần quy định cụ thể hơn những nguyên tắc và chuẩn mực pháp lý làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách đầu tư các nguồn lực để phát triển khoa học mà nguồn lực quan trọng nhất là nhân lực khoa học có chất lượng cao, cho việc đánh giá, thẩm định các giá trị khoa học, những cống hiến khoa học của nhà khoa học, đảm bảo những điều kiện vật chất và tinh thần cho nhà khoa học lao động, làm việc vì lợi ích chung của xã hội, vì sự phát triển của đất nước, vì mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội, vì tương lai triển vọng của nền khoa học nước nhà.

Phương hướng bổ sung và hoàn thiện Luật Khoa học và công nghệ, một tỷ lệ dung lượng lớn của bộ luật phải được dành một cách xứng đáng để nêu rõ các điều khoản, các biện pháp thi hành nhằm mục tiêu bảo vệ các chuẩn mực đạo lý - pháp lý - nhân văn của khoa học, nhà khoa học và các công trình khoa học trước tình trạng vi phạm dân chủ, công bằng xã hội và xâm phạm lợi ích khoa học, gây tổn hại cho cá nhân, tập thể và xã hội nói chung.

Thứ hai, cần tạo động lực cho sự phát triển khoa học- xem đây là giải pháp cơ bản và bao trùm nhất, nhằm thúc đẩy nền khoa học phát triển.

Động lực gồm hai nội dung cơ bản đó là, *động lực vật chất* và *động lực tinh thần*. Đối với động lực vật chất đó là những lợi ích vật chất qua tiền lương, tiền thưởng, nhuận bút và các khoản thù lao khoa học khác là cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với nhà khoa học để họ và gia đình họ duy trì cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, vấn đề tạo động lực phát triển cho khoa học và nhà khoa học còn thể hiện ở những chính sách, chế độ, quy định của nhà nước

đối với hoạt động khoa học và cán bộ khoa học.

***Thứ ba,** đầu tư cho nghiên cứu khoa học phải gắn liền với việc xây dựng và phát triển nhân lực khoa học có chất lượng cao.*

***Thứ tư,** tạo lập môi trường hợp tác quốc tế, thuận lợi cho sự phát triển khoa học.*

***Thứ năm,** đảm bảo và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học, đối với giới trí thức khoa học.*

3.2. 2. Nhóm giải pháp cụ thể

3.2.2.1. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân.

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục.

Mục tiêu của giáo dục phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đối tượng giáo dục trong mỗi giai đoạn cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là làm cho mỗi người học hiểu rõ và nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là sự hình thành những chân lý khoa học và cách mạng, giúp người học củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu của cách mạng, vào sự nghiệp đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; đồng thời phải bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho họ. Đó là cơ sở để củng cố lập trường giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm thù địch, sai trái góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng.

Cần bổ sung những nội dung mới, những vấn đề phát triển mới về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào chương trình, nội dung giáo dục như: Những nhận thức mới về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về toàn cầu hoá kinh tế, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về

xây dựng và bảo vệ *Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*.

Phương pháp giáo dục giữ vai trò rất quan trọng. Phương hướng cơ bản của việc đổi mới phương pháp là quán triệt sâu sắc phương châm lý luận gắn với thực tiễn, bảo đảm tính khoa học, tính chiến đấu trong giảng dạy, phát huy tính độc lập và sáng tạo ở người học. Để quán triệt và thực hiện phương hướng cơ bản này, cần có sự linh hoạt, sáng tạo trong hình thức, phương pháp giảng dạy.

Hình thức giảng dạy phù hợp với những yêu cầu mới của tình hình kinh tế - xã hội, những quy luật của nhận thức, tâm lý đối tượng và đảm bảo chuyển tải nội dung giáo dục một cách tối ưu. Trong điều kiện hiện nay, cần nhanh chóng tiếp cận những thành tựu tiên tiến của khoa học và công nghệ giáo dục, từng bước hiện đại hoá phương pháp dạy và học, tích cực sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, đối thoại giữa người dạy và người học. Khắc phục cách giảng dạy độc thoại.

Gắn giảng dạy với nghiên cứu khoa học. Vì vậy, trong quá trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin ở nhà trường cần có những hình thức, biện pháp cụ thể để học viên tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học, qua đó nâng cao năng lực tư duy sáng tạo của người học, tránh tiếp thu kiến thức một cách máy móc, thụ động.

Cần đầu tư nhiều hơn cho việc tổ chức các hình thức xêmina, bài tập. Đây là những hình thức mà qua đó làm người học nhận thức sâu sắc hơn lý luận và nhuần nhuyễn hơn trong vận dụng. Để thực hiện tốt các hình thức này phải có công tác chuẩn bị chu đáo của cả người dạy và người học, tránh tình trạng nói lại bài giảng hoặc không gắn với thực tiễn.

Đối với hình thức học tập tại chức các địa phương cần tổ chức một cách khoa học để đảm bảo người học đến lớp đông đủ, tạo điều kiện người học có thời gian tập trung cho học tập, nghiên cứu. Cần có quy chế thi, kiểm tra phù hợp để học tập có kết quả thực chất, tránh tình trạng thi cử, kiểm tra mang tính chất hình thức.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học có tầm quan trọng to lớn trong giáo dục. Những năm gần đây với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước,

sự nỗ lực của các địa phương, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được nâng lên một bước đáng kể. Tuy nhiên, so với yêu cầu của công tác này thì vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Vì vậy, cần có sự đầu tư mạnh mẽ hơn, nhiều hơn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho dạy và học nhằm làm cho công tác này ngày càng có hiệu quả cao hơn.

Hai là, chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên.

Đội ngũ giảng viên, có vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục. Với các môn học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những môn học trang bị thế giới quan phương pháp luận khoa học trực tiếp tác động đến niềm tin lý tưởng của người học, bồi dưỡng năng lực tư duy khoa học cho người học thì đội ngũ giảng viên càng có vai trò quan trọng đặc biệt.

Nhận thức được vai trò của đội ngũ giảng viên các môn học này, những năm gần đây Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm đào tạo bồi dưỡng cũng như có chính sách ưu tiên cho một số đối tượng nhất định. Đồng thời với sự nỗ lực, cố gắng đội ngũ giảng viên các môn học này về cơ bản hoàn thành được nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao phó. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ, việc xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ giảng viên của các môn học này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: Các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị ở các địa phương mở ra nhiều (cả công lập và dân lập) song số lượng giảng viên đào tạo chưa tương xứng với yêu cầu giảng dạy, chất lượng bộc lộ nhiều hạn chế. Trước yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, việc chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên này vừa rất cấp bách, vừa có ý nghĩa cơ bản, lâu dài.

Trước hết, cần có một chiến lược xây dựng đội ngũ giảng viên các môn học chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong khoảng 10 năm đến 15 năm. Cần xác định rõ vai trò, vị trí của đội ngũ giảng viên này trong sự nghiệp cách mạng nói chung và trong điều kiện cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận ở nước ta hiện nay nói riêng. Xác định rõ những yêu cầu mới đối với đội ngũ giảng viên này. Đánh giá chính xác về số lượng và chất lượng của đội ngũ

giảng viên này hiện nay, chỉ rõ những hạn chế, bất cập của họ, nguyên nhân của nó và đưa ra dự báo khoa học về yêu cầu phát triển của đội ngũ giảng viên này để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng phù hợp.

Trên cơ sở quan niệm đúng đắn về đội ngũ giảng viên này mà cần có chính sách thu hút những học sinh giỏi, có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt thi vào học ngành đào tạo sư phạm các môn học về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Mở rộng đào tạo cao học và nghiên cứu sinh các bộ môn khoa học này, song phải coi trọng chất lượng để đào tạo một đội ngũ giảng viên có chất lượng cao, có đủ khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực đấu tranh tư tưởng lý luận.

Đối với những giảng viên đào tạo đã lâu, cần được bồi dưỡng những vấn đề phát triển mới của lý luận, được tạo điều kiện nâng cao kiến thức ngoại ngữ, tin học.

Giảng viên của các môn học này cần được tạo điều kiện và có quy chế cụ thể định kỳ đi nghiên cứu nước ngoài. Lâu nay việc đi nghiên cứu các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu là đặc quyền của những người có chức có quyền. Đối với đội ngũ giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đây là vấn đề xa lạ.

Giảng viên lý luận chính trị nói chung và đội ngũ giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình cần được trải nghiệm trong thực tiễn cuộc sống, trong hoạt động kinh tế - xã hội ở các địa phương, các ngành. Bởi vậy, các nhà trường nhất là trường Đảng, trường Chính trị các cấp cần quán triệt sâu sắc yêu cầu này, từ đó phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các ngành đưa đội ngũ giảng viên này đi thực tế đảm nhiệm những cương vị công tác nhất định, trong những thời gian nhất định (như quy định của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ít nhất là 01 năm). Để thực hiện công tác này có hiệu quả, đảng uỷ và ban giám đốc các trường cần có nghị quyết chuyên đề về công tác này, các phòng tổ chức có kế hoạch cụ thể, chống tình trạng như hiện nay nặng về hô hào, không có kế hoạch biện pháp cụ thể để thực hiện. Cần chống bệnh hình thức trong công tác này.

Mỗi giảng viên các bộ môn, lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần xác định rõ vai trò và trách nhiệm chính trị cao cả nhưng cũng hết sức nặng nề của mình trong tình hình hiện nay, thấy rõ những mặt hạn chế, bất cập của mình để nỗ lực học tập rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ trí tuệ và bản lĩnh chính trị, thật sự là *chiến sĩ xung kích, lực lượng chủ công* và nòng cốt trên mặt trận này. Đội ngũ giảng viên này cần tích cực chủ động đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh- một giải pháp quan trọng và chủ yếu nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ vốn đã khó khăn và phức tạp, trong điều kiện hiện nay càng khó khăn phức tạp hơn. Vì vậy, đòi hỏi sự quan tâm cao của Đảng, Nhà nước cũng như các cơ quan có chức năng, sự nỗ lực cố gắng của lãnh đạo các nhà trường, địa phương và bản thân đội ngũ giảng viên lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

3.2.2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức

Nhận thức được vai trò của đạo đức đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước đã luôn quan tâm đến việc chăm lo giáo dục đạo đức cho mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy, các giá trị đạo đức truyền thống ngày càng được củng cố, gìn giữ và phát huy. Cùng với việc phát huy những giá trị đạo đức truyền thống thì các giá trị văn hoá, nhân văn của nhân loại cũng được chọn lọc, tiếp thu một cách phù hợp với dân tộc và thời đại. Điều đó đã góp phần làm phong phú thêm các giá trị đạo đức nói riêng và đời sống văn hoá, tinh thần của dân tộc nói chung.

Việc phân tích vai trò của giáo dục đạo đức và xác định nội dung đạo đức, các chuẩn mực đạo đức cũng như cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức, giúp chúng ta tìm ra cách thức để tuyên truyền những nội dung, chuẩn mực đạo đức nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại. Đó là:

Thứ nhất, đưa môn học đạo đức trở thành môn học bắt buộc ở các cấp

học, các trường học.

Chúng ta đều biết rằng, tri thức đạo đức là một trong những thành tố quan trọng nhất của ý thức đạo đức và nó được hình thành, phát triển trong quá trình hoạt động của con người, nhưng nó được tạo lập trực tiếp và cụ thể nhất thông qua con đường truyền đạt, giảng dạy. Là cơ sở tình cảm, niềm tin đạo đức, niềm tin, tình cảm đạo đức có mạnh mẽ, sâu sắc và ổn định hay không phụ thuộc vào tính đúng đắn, sự phong phú và chiều sâu của tri thức. Nhưng thực tế hiện nay cho thấy môn đạo đức học chỉ được giảng dạy ở một số ít trường, chủ yếu là ở các trường sư phạm, hoặc các trường thuộc khối xã hội, mà không đưa vào các trường thuộc khối kinh tế, kỹ thuật, bởi họ cho rằng chỉ cần trang bị kiến thức chuyên môn là đủ, hoặc khi giảng dạy môn đạo đức thì cho rằng nó là môn phụ, mà không nhìn thấy được tầm quan trọng của nó. "Đạo đức học phải là một ngành khoa học xã hội và những người có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu chuyên cần hơn nữa, phải trở thành một môn khoa học không thể thiếu được trong các trường đại học và phổ thông"¹. Đối với các đối tượng không phải là học sinh, sinh viên thì việc giáo dục đạo đức theo nhiều hình thức khác nhau như: thông qua các cuộc trao đổi, thảo luận, qua các buổi tập huấn, qua các hình thức văn hoá, văn nghệ mà truyền đạt các nội dung đạo đức đến họ.

Việc xây dựng nội dung môn học phụ thuộc vào từng đối tượng, từng ngành học. Bởi vì, đạo đức có nội dung khác với các khoa học khác ở chỗ nó là những chuẩn mực giá trị, là cái được các chủ thể lựa chọn, đánh giá như là việc làm có ý nghĩa tích cực, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương. Vì vậy, nội dung giáo dục đạo đức cũng phải làm thế nào cho phù hợp với nhận thức của từng đối tượng. Bên cạnh việc xây dựng những nội dung đạo đức sao cho phù hợp với từng đối tượng thì phương pháp để tuyên truyền, giáo dục, truyền đạt các nội dung đạo đức đó phải làm sao tránh tình trạng giáo dục tuyên truyền một chiều theo kiểu lý luận suông, giáo điều, nội dung chung chung, trừu tượng mà sáo rỗng, áp đặt và xa rời những vấn đề thực tế. để

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa dân tộc, trí tuệ thời đại, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1998 tr.79.

truyền đạt tri thức đạo đức tốt cần phải có sự linh hoạt, mềm dẻo, kết hợp phương pháp giáo dục truyền thống như (nêu gương người tốt, việc tốt, thiết lập các thói quen ứng xử...) với phương pháp giáo dục hiện đại như (tổ chức các hoạt động xã hội, tích lũy kinh nghiệm ứng xử qua việc tạo ra các tình huống đạo đức để rèn luyện kỹ năng nhận thức và thực hành đạo đức, hình thành ý thức đạo đức cá nhân thông qua diễn giảng, đàm thoại tranh luận, kích thích hoạt động và khả năng tự điều chỉnh đạo đức của cá nhân, qua việc tổ chức thi đua, tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tìm hiểu những vấn đề mới mẻ trong cuộc sống mang tính khoa học... đặc biệt đối với đối tượng là học sinh, sinh viên thì việc tổ chức các hoạt động cho ngoại khoá thông qua các diễn đàn như: Diễn đàn tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ kính yêu và truyền thống lịch sử dân tộc, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, các chương trình thăm quan nhớ về cội nguồn, tổ chức các câu lạc bộ để đoàn viên thanh niên có một sân chơi vừa trí tuệ vừa nhân văn...). Kết hợp giáo dục đạo đức với hoạt động thực tiễn đồng thời giáo dục đạo đức phải gắn lý luận với thực tiễn, mang hơi thở của cuộc sống và thời đại, để những nội dung giáo dục đạo đức thêm phần phong phú và hấp dẫn làm sao cho lay động lòng người, chính người nghe cũng thấy mình bị thuyết phục, và hứng thú để thực hiện. Việc xây dựng nội dung chương trình, tìm ra những phương pháp phù hợp, thiết thực sẽ giúp cho việc tuyên truyền giáo dục đạo đức được thực hiện một cách thuận lợi, dễ dàng và đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, phong tục, tập quán, dư luận xã hội và lương tâm là những công cụ có sức mạnh to lớn được loài người sử dụng để điều chỉnh hành vi ứng xử đạo đức của con người nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng xã hội. Do vậy, *nếu biết phát huy tốt các phong tục, truyền thống mà còn giá trị thì nó góp phần không nhỏ trong việc giáo dục thế hệ trẻ.* Bên cạnh các phong tục tập quán còn phù hợp với dân tộc hiện nay là dư luận xã hội. Dư luận xã hội có ảnh hưởng đặc biệt trong các quan hệ đạo đức của xã hội. Nó mang tính cổ vũ định hướng, kim trói rất rõ rệt. Nó có thể tạo nên các giá trị hoặc phủ định các giá trị của một quan hệ đạo đức nhất định. Nó có sức mạnh to lớn và là công

cụ lợi hại trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức. *Trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.* Chính những dư luận xã hội đó giúp con người tự đánh giá, tự nhận xét, tự kết luận được cái gì tốt, cái gì xấu, cái gì phù hợp cái gì không và tự điều chỉnh được hành vi của cá nhân trong mọi lĩnh vực của đời sống. Bởi, dư luận xã hội là vấn đề của đạo đức, là sự biểu thị thái độ phán xét, đánh giá của quần chúng nhân dân, của xã hội về các vấn đề mà họ quan tâm bằng thái độ khen, chê thậm chí lên án. Vì vậy, thông qua dư luận xã hội để tuyên truyền giáo dục đạo đức cho nhân dân. Đây là một phương pháp không kém phần quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức.

Thứ ba, *phát huy tối đa lợi thế của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giáo dục đạo đức và tuyên truyền các chuẩn mực đạo đức.* Thời đại chúng ta, các phương tiện thông tin đại chúng không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của mỗi con người, do đó, nó có vai trò rất quan trọng. *Bằng các phương tiện thông tin này, việc tuyên truyền giáo dục đạo đức sẽ đạt hiệu quả nhanh hơn, tốt hơn và chính xác hơn, nó tác động một cách trực tiếp và thường xuyên tới mỗi con người.* Các phương tiện như truyền hình, phát thanh, báo chí...với mỗi chương trình, mỗi một tác phẩm thì việc lồng ghép các nội dung tuyên truyền đạo đức sẽ góp phần làm nó sinh động, phong phú và thuyết phục hơn. Những năm gần đây, các chương trình trên truyền hình đã có nhiều nội dung mang tính chất giáo dục đạo đức. Ngay cả trong các chương trình mang tính chất thời sự, chính trị, kinh tế cũng có những nội dung giáo dục đạo đức. Ngoài ra, còn có các chương trình dành riêng cho việc giáo dục đạo đức như: chương trình *Người xây tổ ấm*, *Những ước mơ xanh*, *Chương trình vì người nghèo*, *vì trẻ em bị HIV*, *vì nạn nhân bị chất độc màu da cam*, *vì nhân dân vùng lũ*, ... Với những nghĩa cử cao đẹp đó phần nào đã động viên họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Điều đó đã phát huy được các giá trị truyền thống của dân tộc như truyền thống lòng nhân ái, tình nghĩa, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, yêu thương, giúp đỡ nhau. Các chương trình vừa mang tính chất sáng tạo, và giáo dục đạo đức như: chuyên mục an toàn giao

thông, tìm hiểu lịch sử dân tộc, thần đồng đất Việt, và các chương trình giải trí khác đã truyền tải đến khán giả những nội dung cập nhật, chính xác, rõ ràng và thiết thực nhất. Các chương trình đó đã động viên, cổ vũ, khích lệ mọi người tìm tòi, khám phá và thực hiện. Hầu hết trên các trang sách, báo với những nội dung sâu sắc và thiết thực phù hợp với từng đối tượng đã đem lại cho độc giả những hiểu biết và cách ứng xử trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Điều đó đã góp phần tích cực trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức của mỗi cá nhân hướng đến các giá trị đạo đức phổ biến cũng như việc giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc khi mở rộng các quan hệ kinh tế, văn hoá trong xu thế toàn cầu hoá như hiện nay.

Thứ tư, cùng với việc đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, *công tác giáo dục ý thức pháp luật cho người dân cũng phải được nâng cao và đổi mới.* Bởi lẽ, các phương thức điều chỉnh hành vi của con người là đạo đức và pháp luật. Vậy để đạo đức được phổ quát trong đời sống xã hội, con người phải kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục đạo đức với giáo dục pháp luật. Pháp luật với tư cách là một giá trị xã hội, là một trong những quy phạm dùng để điều chỉnh hành vi của con người, đảm bảo cho xã hội ổn định và phát triển. *Do vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là cơ sở để xử lý kiên quyết và kịp thời các hiện tượng vi phạm và là một biện pháp hỗ trợ có ý nghĩa to lớn trong việc và tuyên truyền và giáo dục đạo đức.* Nếu hệ thống pháp luật chặt chẽ, hiệu quả thi hành pháp luật cao sẽ có tác dụng ngăn ngừa những hành vi làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng và tạo môi trường kích thích con người suy nghĩ và hành động theo các chuẩn mực đạo đức.

Thứ năm, các hoạt động thể thao, văn hoá, văn nghệ mang tính chất bề nổi cũng là phương thức để tuyên truyền đạo đức đến mỗi người. Bằng những lời ca tiếng hát với các thể loại phong phú nó vừa đáp ứng tốt nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân vừa góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức.

Thứ sáu, trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức thì biện pháp

nêu gương là biện pháp hữu hiệu nhất. Hiện nay, Đảng ta đang phát động một phong trào rộng lớn nhằm học tập và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ và nhân dân. Đó là cuộc vận động mang tính giáo dục đạo đức cao, lấy đó để làm động lực cho mỗi con người học tập và noi theo. Việc noi gương không chỉ trên phạm vi rộng và chung, mà trong mỗi gia đình, mỗi tập thể, mỗi đơn vị, mỗi cộng đồng phải chú ý đến việc giáo dục đạo đức thông qua hình thức này. Trong xã hội bất kỳ ai, bất kỳ ở đâu cũng có thể nêu gương về đạo đức: Chẳng hạn, trong gia đình ông bà, cha mẹ phải là những tấm gương tốt cho các con cháu noi theo. Ở trường các thầy cô giáo phải là những tấm gương tốt cả về năng lực lẫn phẩm chất đạo đức cho học trò. Ở cơ quan, đơn vị cấp trên nêu gương cho cấp dưới. Trong làng, xã người già nêu gương cho người trẻ ...

Để đạt hiệu quả cao trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức phải bằng nhiều phương pháp và nhiều hình thức khác nhau, Đó là những phương pháp để thực hiện việc tuyên truyền giáo dục đạo đức. Tuy nhiên, để thực hiện tốt hơn các phương pháp này nhằm thúc đẩy việc tuyên truyền giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức cũng như kết quả của công tác tuyên truyền này đạt được như mong muốn thì trước hết, cần có được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và tất cả các tổ chức, đoàn thể trong xã hội cả về vật chất lẫn tinh thần.

Việc tuyên truyền giáo dục đạo đức của chúng ta trước đến nay chỉ mang tính chất hình thức, đối phó. Có tình trạng này một phần là chúng ta chưa nhận thức được vai trò của đạo đức, chính việc chưa nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của nó nên sự quan tâm đến vấn đề này vẫn chưa cao.

Về đội ngũ cán bộ: cần phải đào tạo đội ngũ cán bộ tuyên truyền đạo đức một cách bài bản, cơ bản và thực sự chuyên nghiệp. Những người làm công tác này cũng phải là những người thực sự có năng lực, phẩm chất đạo đức để đáp ứng với nhu cầu của việc giáo dục đạo đức, có như vậy với đủ điều kiện để gánh vác công việc này.

Đối với các tổ chức, đoàn thể: phải thực sự coi giáo dục đạo đức là một

nhiệm vụ quan trọng, và phải là chủ thể trực tiếp vào cuộc. Trong mỗi một đoàn thể thì cần phải phát huy vai trò của mình cũng như việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, đoàn thể ấy trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức.

Như vậy, cùng với việc phát triển kinh tế thì việc xây dựng và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống và hiện đại góp phần vào việc xây dựng một lối sống dân tộc hiện đại phù hợp với dân tộc và thời đại thì trước hết chúng ta phải coi trọng và quan tâm một cách thực sự đến công tác tuyên truyền và giáo dục đạo đức cho toàn xã hội. Hồ Chí Minh đã từng nói: Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm sao cho phần tốt của con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Làm thế nào để việc tuyên truyền giáo dục đạo đức đạt hiệu quả cao là trách nhiệm không chỉ của riêng ai mà của toàn xã hội, góp phần tạo nên một xã hội văn minh và phát triển.

3.2.2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục thẩm mỹ để định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong cộng đồng

Để hình thành được lối sống dân tộc- hiện đại cần có sự tham gia đồng bộ của nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó một trong những yếu tố tham gia tích cực vào việc xây dựng lối sống mới là lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ để định hướng thẩm mỹ trong nhân dân là phương thức đưa lại hiệu quả cao nhất trong sự lựa chọn lối sống lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển tiến bộ của xã hội.

Vậy, *thị hiếu thẩm mỹ* là gì và nó có vai trò như thế nào đối với các hoạt động của chủ thể trong sự lựa chọn lối sống?

Như chúng ta đã biết, thị hiếu thẩm mỹ là một trong những yếu tố cấu thành các hoạt động thẩm mỹ của chủ thể thẩm mỹ. Trong hệ thống cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ là cái bộc lộ rõ nhất những hành vi, thái độ của chủ thể thẩm mỹ đối với các hiện tượng thẩm mỹ. Đồng thời nó biểu hiện trình độ nhận thức và quan điểm của chủ thể về thẩm mỹ.

Thực tế hiện nay cho thấy, *thị hiếu thẩm mỹ của công chúng hiện nay bị*

buông lỏng thậm chí có những khuynh hướng khuyến khích “quần chúng tự lựa chọn món ăn tinh thần cho mình không cần định hướng”. Đây là khuynh hướng sai lầm, bởi thị hiếu của công chúng hiện nay phát triển rất phức tạp. Chúng ta cần định hướng trong việc tiếp nhận thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh. Vì vậy, cần có những biện pháp cấp bách, kịp thời định hướng thị hiếu thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, làm lành mạnh hoá thị hiếu thẩm mỹ của công chúng, phê phán kịp thời những lệch lạc trong sáng tạo những giá trị thẩm mỹ, cũng như phê phán sự du nhập một số lối sống phản thẩm mỹ của nước ngoài vào nước ta, đây vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là yêu cầu lâu dài. Yêu cầu đó đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một lối sống tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc, hiện đại và nhân văn.

Như trên đã phân tích, thị hiếu thẩm mỹ là năng lực nhận thức, đánh giá và thưởng ngoạn về thẩm mỹ của mỗi một cá nhân. Và không phải ai cũng có được khả năng hình thành một thị hiếu thẩm mỹ tốt, biết lựa chọn cho mình những giá trị thẩm mỹ tích cực. Do vậy để hình thành lối sống dân tộc- hiện đại, nhằm phát huy các giá trị tích cực của truyền thống cũng như phát huy các giá trị hiện đại, giúp cho các chủ thể lựa chọn được phương thức sống phù hợp thì rất cần phải có sự tham gia của giáo dục, đặc biệt là giáo dục thẩm mỹ.

Theo nghĩa rộng, giáo dục thẩm mỹ bao chứa hai phương diện: phương diện hình thành năng lực thẩm mỹ với tính cách là năng lực đặc thù (trong sự tương ứng với các năng lực ngoài thẩm mỹ) và phương diện hình thành năng lực hoạt động theo qui luật của cái đẹp trong mọi lĩnh vực của xã hội và con người.

Do vậy, với tính cách là một bộ phận hợp thành của giáo dục xã hội, giáo dục thẩm mỹ nói chung và việc hình thành năng lực về thị hiếu thẩm mỹ nói riêng cần phải được đề cập đến trên cả hai phương diện rộng và hẹp.

Giáo dục thẩm mỹ theo các nhà mỹ học Mác- Lênin bao gồm hai mặt trong một quá trình thống nhất.

Trước hết, giáo dục thẩm mỹ là sự xã hội hoá cá nhân về mặt thẩm mỹ. Mục đích của sự giáo dục này là hình thành con người phát triển toàn diện, hài hoà về nhân cách. Sự xã hội hoá cá nhân về mặt thẩm mỹ được thực hiện thông

qua mối quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực. Song song với việc hình thành quan hệ thẩm mỹ đối với hiện thực, giáo dục thẩm mỹ cũng thực hiện chức năng xã hội hoá cá nhân trên nhiều bình diện: thế giới quan, chính trị, đạo đức, tri thức, tình cảm, tinh thần và các giá trị văn hoá truyền thống.

Tiếp đến, giáo dục thẩm mỹ còn là sự hình thành năng lực đồng hoá thẩm mỹ đối với hiện thực, là sự hình thành năng lực nhận thức, cảm xúc, đánh giá đúng đắn các hiện tượng thẩm mỹ đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trong cuộc sống hiện thực và trong nghệ thuật, là sự hình thành năng lực sáng tạo theo qui luật của cái đẹp.

Giáo dục thẩm mỹ là hình thành mặt thẩm mỹ cho con người trong các khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp, góp phần tạo nên lối sống đẹp.

Giáo dục thẩm mỹ là phương thức đưa cái đẹp vào cuộc sống, tạo nên sự hài hoà giữa môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và con người nâng cao năng lực thụ cảm và sáng tạo, làm cho tính cách con người được phát triển một cách hài hoà toàn diện.

Mục tiêu lý tưởng của sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ là phát huy những khả năng của con người có thể sống và làm việc theo qui luật của cái đẹp. Nhiệm vụ trung tâm của công tác giáo dục thẩm mỹ là xây dựng được một kho tàng kiến thức thẩm mỹ, giúp con người tránh mọi hoạt động vô ý thức, tiến tới những hoạt động có ý thức trong thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ. Vì vậy nguyên lý giáo dục thẩm mỹ của chủ nghĩa Mác-Lênin luôn liên quan đến việc trau dồi tri thức thẩm mỹ cho chủ thể được giáo dục, và đặt ra những vấn đề phương pháp luận để mỗi người tự trau dồi tri thức cho mình. Trước hết là xây dựng một hệ thống giá trị đúng đắn về mặt tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh và lý tưởng thẩm mỹ tiến bộ. Việc bồi dưỡng này được làm thường xuyên ở cả hai đối tượng đang truyền đạt tri thức thẩm mỹ và sáng tạo thẩm mỹ.

Giáo dục thẩm mỹ định hướng sự phát triển của nhu cầu, xây dựng những thị hiếu lành mạnh và góp phần giáo dục lý tưởng thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ khơi dậy ở con người những nhu cầu thẩm mỹ. Đó chính là nền tảng để đi

tới hướng dẫn những cảm xúc thẩm mỹ và thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

Như trên đã nói, thị hiếu thẩm mỹ là năng lực phổ biến của con người, là sở thích của con người về phương diện thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ biểu hiện thái độ tình cảm của con người trước những hiện tượng thẩm mỹ trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Thị hiếu thẩm mỹ xét đến cùng là sở thích của con người, đó là sự lựa chọn của chủ thể mang tính đơn nhất. Do vậy, có sự lựa chọn đúng với chiều hướng phát triển tất yếu của đời sống xã hội, song cũng có sự lựa chọn lỗi thời, đi ngược lại sự phát triển tiến bộ của xã hội. Nếu xét sự vận động của xã hội trong những thời kỳ lịch sử nhất định thì thị hiếu thẩm mỹ bao giờ cũng chứa đựng những khát vọng tương đối toàn diện của con người đối với thời kỳ lịch sử ấy. Vì vậy, ở bất cứ chế độ xã hội nào, người ta cũng rất quan tâm tới giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho mọi người nhất là đối với thế hệ trẻ.

Do đó, giáo dục thẩm mỹ tác động đến việc xây dựng thị hiếu thẩm mỹ, là thước đo của thị hiếu thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ vốn uyển chuyển, dễ đổi thay, lại mang tính chất cá biệt nhưng đồng thời về bản chất lại chứa đựng yếu tố bền vững và ổn định. Vì lẽ đó, mỹ học Mác- Lênin thường coi thị hiếu thẩm mỹ là tiềm năng thường trực, là khát vọng vươn tới của con người. Nó trở thành động lực quan trọng của phẩm chất văn hoá và nội dung sâu sắc của cá tính cao đẹp. Cho nên sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là lớp trẻ nhằm phát triển nhân cách hài hoà, toàn diện cho con người không thể nào bỏ qua lĩnh vực quan trọng này của đời sống tâm hồn và tình cảm, góp phần xây dựng thị hiếu lành mạnh cho nhân dân lao động. Do vậy, giáo dục thẩm mỹ góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh cho thế hệ trẻ, từ đó tác động tích cực đối với việc hình thành, củng cố và phát triển sâu sắc tính cách sẽ đảm bảo cho một thị hiếu trở thành thị hiếu thẩm mỹ chân chính, lành mạnh. Để đạt được mục tiêu xây dựng lối sống dân tộc hiện đại hiện nay, trên bình diện của giáo dục thẩm mỹ cần có các giải pháp sau:

Thứ nhất, giáo dục thẩm mỹ bằng cách nêu gương. Giáo dục thẩm mỹ là một hình thức giáo dục đặc thù, nó khác với các loại hình giáo dục khác, đó là sự tự giáo dục, tự vươn tới cái đẹp, cái cao cả. Do vậy giáo dục thẩm mỹ bằng

hình thức nêu gương cũng có một hiệu quả thẩm mỹ tích cực.

Giáo dục thẩm mỹ bằng nêu gương là hình thức giáo dục thẩm mỹ có tính thuyết phục. Theo Mác nhà giáo dục không chỉ là người đi thuyết giáo người khác, khuyên người ta phải làm thế này, phải làm thế kia. Mà nhà giáo dục phải là một tấm gương sáng cho người được giáo dục noi theo. Mặt khác, góp phần vào định hướng thị hiếu thẩm mỹ còn có các tấm gương người tốt, việc tốt. Người tốt, việc tốt là những biểu hiện sinh động sự phát triển tốt đẹp trong đời sống lao động và chiến đấu của nhân dân, có ý nghĩa giáo dục cái đẹp một cách trực tiếp. Những tấm gương người tốt, việc tốt không chỉ hiện lên cái đẹp ở mức bình thường mà trên mức bình thường, nó gây ra những phản ứng tình cảm mãnh liệt bởi trong đó ánh lên ngọn lửa nồng nhiệt của cái đúng, cái tốt, cái đẹp mà mọi người đang khát khao chờ đợi.

Giáo dục thẩm mỹ bằng tấm gương người tốt, việc tốt mang tính truyền cảm mạnh mẽ. Về phương diện giá trị thẩm mỹ, những tấm gương ấy tự nó mang trong mình cái toàn vẹn, cái đang dẫn đến hoàn thiện và cái hài hoà to lớn. Nó gần gũi, rất dễ được thừa nhận và noi theo. Bác Hồ của chúng ta đã dạy: “Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ Đảng viên để giáo dục lẫn nhau là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục lớn”¹.

Đưa cái đẹp vào cuộc sống, đưa gương người tốt, việc tốt đến với mọi người là một biện pháp giáo dục tổng hợp, nó cần được làm thường xuyên từ trường học cho đến gia đình và xã hội. Như vậy, những giá trị thẩm mỹ mới ngày càng được nhân lên và nó có sức mạnh cổ vũ cho hàng triệu người sống tốt, sống đẹp vì một lý tưởng đúng đắn.

Thứ hai, giáo dục thẩm mỹ bằng lao động.

Ngày nay, các hình thức giáo dục thẩm mỹ đều nhằm xây dựng các khả năng sáng tạo cho con người, giải phóng con người thoát khỏi sự tha hoá, đưa mỗi người trở thành chủ thể có ý thức sâu sắc xây dựng xã hội mới. để thực hiện được điều này, các nhà kinh điển Mác-Lênin đã khẳng định vai trò quyết

¹ Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là mặt trận*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 411.

định, yếu tố đầu tiên mang lại những giá trị chân chính và bình đẳng cho con người đó là lao động. C.Mác, Ph.Ăngghen và Lênin đều coi lao động là nguồn gốc của mọi giá trị. Vì thế hình thức giáo dục thẩm mỹ bằng lao động là một hình thức có ý nghĩa to lớn góp phần tăng cường năng lực sáng tạo các giá trị thẩm mỹ của chủ thể cũng như định hướng cho sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

Theo Mác, lao động là một quá trình cải tạo tự nhiên, quá trình trong đó bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ với tự nhiên. Lao động là điều kiện đầu tiên để con người tồn tại như một thực thể sống. Lao động không những tạo ra vật chất cần thiết để sống mà còn sáng tạo ra bản thân con người, ý thức và ngôn ngữ được hình thành trong quá trình lao động, con người xác lập các mối quan hệ của mình; lao động sản sinh ra nhu cầu mới, khám phá cải tạo tự nhiên, rồi nhu cầu đó lại thúc đẩy lao động phát triển.

Nhu cầu thẩm mỹ ra đời cũng từ quá trình lao động sáng tạo của con người, lao động thoả mãn những nhu cầu thực dụng của con người và từ đó không ngừng hoàn thiện công cụ lao động và các giác quan của con người. Quan hệ thẩm mỹ đã ra đời trong hoàn cảnh đó, chủ thể thực dụng trở thành chủ thể thẩm mỹ, trong quan hệ với chúng khách thể đã trở thành khách thể thẩm mỹ, sản phẩm con người sáng tạo ra không chỉ mang ý nghĩa thực dụng mà còn mang trong nó cái đẹp, sự hài hoà, từ đó tạo ra khoái cảm, niềm vui đối với người cảm thụ, thưởng thức. Tự do trong lao động đã tạo ra những sản phẩm có giá trị thẩm mỹ.

Lao động sáng tạo ra cái đẹp. Do vậy, giáo dục thẩm mỹ bằng lao động chỉ có thể tiến hành được khi chúng ta tạo ra môi trường lao động rộng lớn tự thân nó mang trong mình cái đẹp, cái đẹp này được thể hiện đầy đủ trong quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, thể hiện trong sản phẩm mà con người sáng tạo ra từ thế hệ này cho đến thế hệ khác.

Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động đã tạo ra những sản phẩm mang trong mình nó những giá trị thẩm mỹ cao. Nó giúp cho các đối tượng được giáo dục

phát triển những khả năng tiềm ẩn trong mỗi con người, làm cho họ vươn lên làm chủ đời mình, làm chủ những giá trị thẩm mỹ do họ sáng tạo nên. Giáo dục bằng lao động là hình thức giáo dục trực tiếp nhất, sinh động nhất theo tinh thần năng suất, chất lượng, hiệu quả, chỉ có như vậy người được giáo dục mới quán triệt được lao động có tính chất kỹ thuật cao trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động trong thời kỳ đổi mới hiện nay phải hết sức chú ý đến quan điểm toàn diện khi chúng ta thực hiện nền kinh tế thị trường.

Tóm lại, giáo dục thẩm mỹ bằng lao động đã hình thành năng lực thẩm mỹ của con người, giúp thẩm mỹ phát triển, góp phần quan trọng xây dựng cho được một môi trườngy thẩm mỹ lành mạnh để con người lao động, khám phá và sáng tạo, xây dựng cho họ một lý tưởng thẩm mỹ, một lối sống đúng đắn, chống lại mọi mưu toan biến con người thành kẻ thực dụng, sa đoạ.

Thứ ba, giáo dục thẩm mỹ thông qua trang bị hệ thống lý luận của Mỹ học Mác- Lênin. Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin là giáo dục toàn bộ những tri thức của con người về bản chất thẩm mỹ và hoạt động thẩm mỹ tìm ra những qui luật chung nhất của sự phát triển nghệ thuật, sự phản ánh cái tạo thế giới thông qua hình thức đặc thù của nó.

Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin giúp cho chủ thể thẩm mỹ khắc phục lối tư duy kinh nghiệm tư biện, tìm ra câu trả lời đúng nhất về quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, tạo ra một phương pháp đúng đắn giúp cho chủ thể sáng tạo, chủ thể thưởng thức có một tư duy lý luận trong nhận thức và đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ, từ đó có khả năng lựa chọn những giá trị thẩm mỹ đúng đắn, tích cực.

Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin một mặt giúp chủ thể thẩm mỹ chống lại mọi sự xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, chống lại chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tự nhiên và giáo điều. Giúp cho chủ thể có một tầm nhìn rộng lớn phản ánh các hiện tượng cấp bách của hiện thực, giúp cho chủ thể kế thừa và phát huy những thành tựu chủ yếu của đời sống thẩm mỹ truyền thống và hiện đại.

Thứ tư, tăng cường giáo dục thẩm mỹ thông qua phát triển các loại hình nghệ thuật. Văn học, nghệ thuật là những loại hình có khả năng truyền tải, giáo dục thẩm mỹ hiệu quả nhất đối với cộng đồng.

Khi đề cập tới vai trò của văn học đối với đời sống xã hội, Đảng ta đã khẳng định: “Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống, lối sống của con người”¹.

Giáo dục thẩm mỹ bằng văn học có tác động tích cực trong việc bồi dưỡng thị hiếu thẩm mỹ, tăng cường khả năng lựa chọn các giá trị thẩm mỹ tốt, từ đó hình thành lối sống lành mạnh trong nhân dân. Những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm văn học có tác động trực tiếp đến nhân cách, phẩm chất đạo đức, thế giới quan, quan điểm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ của mỗi cá nhân.

Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ bằng văn học bằng con đường riêng của mình đã tác động vào tình cảm của con người, giúp con người định hướng những giá trị, xây dựng cho con người có phẩm chất đạo đức, có thế giới quan cách mạng, có thị hiếu thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh đã góp phần quan trọng vào việc phát triển các năng lực thẩm mỹ của con người mới.

Văn học tìm ra sự vận động tất yếu của thế giới tinh thần của con người, sáng tạo ra những con người mẫu người của tương lai đồng thời mang lại cho chúng ta những thông tin đa dạng về con người và xã hội. Do vậy, các tác phẩm văn học lành mạnh phản ánh hơi thở của cuộc sống, nắm bắt xu thế phát triển của thời đại, tạo ra các hình tượng về các mẫu người, mẫu đời lý tưởng từ đó tác động trực tiếp tới thị hiếu và sự lựa chọn lối sống của người thưởng thức thẩm mỹ.

Những thị hiếu thẩm mỹ tốt sẽ luôn được con người gìn giữ và phát triển. Thông qua hệ thống tâm lý, tình cảm con người tiếp nhận các giá trị thẩm mỹ và tiếp tục sáng tạo ra các giá trị văn hoá thẩm mỹ, những giá trị nghệ thuật.

¹ Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr129-130.

Nó rèn luyện chủ thể, biến chủ thể được giáo dục mang trong mình những phẩm chất mới của con người xã hội chủ nghĩa.

Do vậy, để phát huy vai trò của văn học trong giáo dục thẩm mỹ nhằm định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong sự hình thành lối sống mới cần phải: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng nâng cao tính đảng, tính nhân dân trong sáng tác văn học, khẳng định vai trò to lớn của thế giới quan mácxít trong sáng tác và phê bình. Đồng thời phải xây dựng và phát triển đội ngũ các nhà văn, các nhà lý luận phê bình có tài năng và bản lĩnh vững vàng nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Mặt khác phải nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân được thưởng thức các giá trị thẩm mỹ chân chính nhằm bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, loại trừ ngăn chặn sự du nhập các giá trị thẩm mỹ không lành mạnh vào trong công chúng. Làm được điều đó, chúng ta đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh cho công chúng, góp phần xây dựng con người mới phát triển nhân cách hài hoà và toàn diện.

Cùng với văn học, nghệ thuật là lĩnh vực có nhiều ảnh hưởng tới sự hình thành, lựa chọn lối sống của các chủ thể trong xã hội.

Nói đến nghệ thuật là nói đến qui luật riêng của tình cảm, nghệ thuật tác động đến con người bằng con đường tình cảm. Do vậy, nghệ thuật chứa đựng những nhân tố tình cảm và đến lượt mình, nghệ thuật tác động đến con người bằng con đường tình cảm. Chính vì thế, nghệ thuật có sức thuyết phục và cảm hoá sâu sắc. Cho đến nay các nhà mỹ học đều thừa nhận khả năng tiềm ẩn của nghệ thuật trong giáo dục thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật thực chất là tạo ra một thị hiếu thẩm mỹ và thị hiếu nghệ thuật lành mạnh. Chính vì thế mà giáo dục thẩm mỹ là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp giáo dục ở nước ta hiện nay, đây là nhân tố quan trọng góp phần hình thành nên lối sống lành mạnh. Đưa cái đẹp vào cuộc sống, sử dụng mọi loại hình nghệ thuật để nâng cao trình độ thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ là những biện pháp tốt nhất trong hệ thống các biện pháp giáo dục

thị hiếu thẩm mỹ. Để phát huy vai trò của nghệ thuật trong giáo dục thẩm mỹ nhằm định hướng cho sự phát triển lành mạnh của thị hiếu thẩm mỹ trong sự hình thành nhân cách, lối sống của cộng đồng hiện nay, cần thực hiện đồng bộ một số các giải pháp sau: Để cho giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật thật sự đạt hiệu quả, cần phải thống nhất các hình thức giáo dục thẩm mỹ khác với mục tiêu phát triển đức, trí, thể, mỹ cho con người. Để phát huy vai trò của giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật cần phải phổ biến các kiến thức mỹ học toàn diện đến từng thành viên trong xã hội thông qua hệ thống giáo dục quốc dân, trong nhà trường và ngoài xã hội.

Thứ năm, giáo dục thẩm mỹ thông qua khai thác hiệu quả mạng internet. Hiện nay với xu thế toàn cầu hoá, các nước đều tham gia vào quá trình hội nhập với thế giới. Một trong những công cụ hỗ trợ tích cực quá trình toàn cầu hoá là sự phát triển của hệ thống mạng internet. Hệ thống này có ảnh hưởng rất lớn tới mọi thành viên trên toàn thế giới và tác động không nhỏ tới sự hình thành nhân cách, lối sống của mỗi cá nhân. Hệ thống này đem lại cho chúng ta nhiều thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế- xã hội và văn hoá nhưng đồng thời cũng đưa lại nhiều khó khăn, thách thức. Thông qua hệ thống mạng internet nhiều thông tin xấu phản thẩm mỹ dễ thâm nhập vào đời sống của nhân dân. Trên thực tế đã hình thành nhiều lối sống không lành mạnh trong tầng lớp thanh thiếu niên do khai thác hệ thống mạng không có sự định hướng tốt. Do đó, để khai thác hiệu quả hệ thống mạng rất cần có sự quan tâm của các ngành chức năng trong sự lựa chọn, định hướng các giá trị tích cực, đồng thời hạn chế các giá trị phản thẩm mỹ, cái xấu, cái ác đang len lỏi vào đời sống của chúng ta.

Tóm lại, định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho cộng đồng sẽ góp phần quan trọng trong lựa chọn lối sống của mỗi cá nhân và cộng đồng. Do đó để tăng cường khả năng lựa chọn lối sống lành mạnh cho cộng đồng cần có sự triển khai đồng bộ các biện pháp của giáo dục thẩm mỹ. Nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng cũng là bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống trong lối sống của dân tộc, chống lại các cuộc xâm lăng văn hóa đồng thời tiếp thu có

chọn lọc lối sống hiện đại, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3.2.2.4. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên

Lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên là một nét đẹp của con người Việt Nam, đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, đồng thời đây cũng là nét đẹp của lối sống văn minh, hiện đại. Lối sống đó được hình thành trải qua hàng chục năm tồn tại và phát triển của những cộng đồng người Việt và chính nó lại có vai trò rất lớn đối với sự tồn tại và phát triển của những cộng đồng người Việt. Trong điều kiện dân trí còn thấp, tri thức lý luận chưa phát triển thì lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên chủ yếu mang tính tự phát, kinh nghiệm. Giáo dục lối sống hài hòa giữa con người và tự nhiên là vấn đề cơ bản, thường xuyên của giáo dục đạo đức. Trong điều kiện tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với mặt trái của cơ chế thị trường dễ nảy sinh cách ứng xử thiếu đạo đức với môi trường, sinh thái; đồng thời trong những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân khác nhau đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trong cách ứng xử giữa con người với tự nhiên làm cho môi trường sinh thái bị ô nhiễm nặng nề, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, bệnh tật hiểm nghèo xuất hiện và phát triển, ảnh hưởng to lớn đến sức khỏe của con người và sự phát triển kinh tế xã hội. Không khắc phục những khiếm khuyết này sẽ làm cản trở đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Bởi vậy, giáo dục lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên không chỉ là vấn đề cơ bản thường xuyên mà còn là vấn đề mang tính cấp bách của giáo dục đạo đức.

Để có được lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên phải tiến hành nhiều giải pháp, trong đó chủ yếu là giáo dục đạo đức sinh thái. Muốn thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này cần tập trung một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, giáo dục nâng cao nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội.

Đặc điểm của đạo đức là tính tự nguyện tự giác, xuất phát từ niềm tin bên

trong, lương tâm của mỗi con người. Niềm tin là sự hòa quyện một cách hữu cơ giữa nhận thức (hay sự hiểu biết) với tình cảm, ý chí, thúc đẩy con người hành động phù hợp với những định hướng và các chuẩn mực giá trị. Nhận thức trong niềm tin là sự thừa nhận sự vật, hiện tượng của hiện thực khách quan bằng trí tuệ. Niềm tin giữ một vị trí quan trọng trong hoạt động thực tiễn của con người. Niềm tin là động lực thúc đẩy và định hướng hoạt động, nó gắn liền với hành vi và hoạt động của con người, kích thích trực tiếp con người hành động. Trong những tình huống cụ thể như Lê nin nhận xét: "Thiếu nó (niềm tin) thì con người không làm được việc gì cả"¹. Điều đó cho thấy chăm lo giáo dục nâng cao nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt cho việc hình thành và phát triển lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên. Nhiều năm qua trong công tác giáo dục chúng ta thường nhấn mạnh sự giàu có, phong phú của tự nhiên (đôi khi cho rằng sự giàu có đó là vô cùng vô tận) và nhấn mạnh vai trò làm chủ của con người đối với giới tự nhiên, khai thác giới tự nhiên, thống trị giới tự nhiên. Nói cách khác, cách giáo dục đó mang tính siêu hình, phiến diện, không làm cho con người thấy được mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội, không những hạn chế đến sự hình thành và phát triển lối sống hài hòa giữa con người và tự nhiên, thậm chí gieo rắc lối ứng xử tùy tiện, chủ quan, duy tâm, duy ý chí đối với tự nhiên. Cách giáo dục đó làm cho không ít người, trong đó có cán bộ đảng viên coi tự nhiên chỉ là đối tượng khai thác, lợi dụng chứ không phải là đối tượng cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ.

Thực tế cho thấy trong những năm gần đây những hành vi phi đạo đức sinh thái vẫn còn khá phổ biến ở nước ta như:

- Khai thác rừng, đất đai, khoáng sản...bừa bãi, vô tổ chức, vô kế hoạch, mạnh ai nấy làm, miễn là thu được lợi nhuận cao, hậu quả cuối cùng là hủy hoại môi trường, làm mất cân bằng sinh thái.

- Thải các chất độc hại của sản xuất (qua các chất thải rắn, khí bụi bản qua nước) chưa qua xử lý ra môi trường, thải rác sinh hoạt bừa bãi, thải các

¹ V.I Lê nin: *Làm gì*, Toàn tập, tập 6, Nxb. Tiến bộ Maxcova 1975, tr. 30 – 32.

chất phóng xạ, các chất dầu mỡ, hóa chất độc hại quá giới hạn cho phép; thải các xác động vật, thực vật, vi sinh vật, siêu vi trùng độc hại ra môi trường gây ô nhiễm, gây các dịch bệnh nguy hiểm cho con người và sự sống nói chung.

- Khai thác, kinh doanh các loại động vật, thực vật, các loại tài nguyên đã ghi trong danh mục của chính phủ, đặc biệt là buôn bán ra nước ngoài để kiếm lời cao.

- Nhập khẩu công nghệ, thiết bị kỹ thuật, các nguyên vật liệu của sản xuất và tiêu dùng không đảm bảo chất lượng môi trường mà các nước tiên tiến trên thế giới đã thải ra. Việc làm này sẽ biến Việt Nam thành bãi rác thải công nghệ của các nước tiên tiến, vừa gây tác động tiêu cực đến môi trường, vừa có hại cho việc kích thích phát triển khoa học công nghệ, phục vụ cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Sử dụng các phương pháp, phương tiện, công cụ hủy diệt hàng loạt trong khai thác, đánh bắt các động thực vật như các loại chất nổ, xung điện, hóa chất...

- Lạm dụng các chất hóa học trong chăn nuôi, trồng trọt, chế biến lương thực thực phẩm, các loại nước uống vừa gây ô nhiễm môi trường (đất, nước) do dư lượng quá nhiều của chúng gây ra sự mất an toàn, vệ sinh cho các sản phẩm nông nghiệp, một trong những nguồn gốc trực tiếp gây nên nhiều bệnh hiểm nghèo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tuổi thọ của con người, cản trở đến sự phát triển kinh tế xã hội.

Trong giáo dục đạo đức sinh thái cần làm cho mỗi người hiểu rằng: Trong cái chỉnh thể thống nhất tự nhiên - xã hội, tự nhiên là điều kiện đầu tiên thường xuyên và tất yếu của quá trình sản xuất vật chất, là môi trường sống của con người và xã hội loài người, vai trò này của tự nhiên là không có gì thay thế được. Chỉ có tự nhiên mới cung cấp được những thứ cần thiết cho sự sống của con người như nước, ánh sáng, không khí, thức ăn...và những nguyên vật liệu, tài nguyên khoáng sản...C. Mác viết:" Công nhân không thể sáng tạo ra cái gì hết nếu không có giới tự nhiên, nếu không có thế giới hữu hình bên ngoài. Đó là vật liệu trong đó lao động của anh ta tác động, từ đó và

nhờ đó lao động của anh ta sản xuất ra sản phẩm".¹ Xã hội càng phát triển, nhu cầu về đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng cao, khối lượng sản phẩm khai thác từ tự nhiên phục vụ cho cuộc sống của con người càng lớn. Trong khi đó tài nguyên thiên nhiên không phải là vô tận mà có giới hạn. Bởi vậy cần phải giáo dục cho mọi người sự trân trọng giới tự nhiên, giữ gìn, bảo vệ, nuôi dưỡng giới tự nhiên. Từ thời cổ đại, các nhà triết học Trung Hoa đã viết: Giới tự nhiên là người mẹ thân yêu của chúng ta, chúng ta phải che chở bảo vệ giới tự nhiên như là che chở, bảo vệ người mẹ thân yêu của chúng ta.

Thông qua hoạt động thực tiễn, trước hết là quá trình lao động sản xuất, con người tác động vào giới tự nhiên, cải tạo giới tự nhiên phục vụ cho đời sống của con người. Sự tác động đó diễn ra theo hai chiều: Nếu tác động đúng quy luật tự nhiên thì thúc đẩy cả tự nhiên và xã hội phát triển, ngược lại nếu nhận thức và tác động không đúng quy luật tự nhiên thì chẳng những kìm hãm sự phát triển của cả tự nhiên và xã hội, thậm chí gây nên những thảm họa cho chính con người.

Ph. Ăngghen viết: "Chúng ta cũng không nên quá tự hào về thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá huỷ tất cả những kết quả đầu tiên đó"². Thực tế đã chứng tỏ, sự tác động vào tự nhiên không đúng với quy luật tự nhiên, bị tự nhiên trả thù lại chúng ta đã mang tính phổ biến và khá nghiêm trọng trên mọi miền đất nước. Những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn năm nào nay đã biến thành đồi trọc, lũ quét, lở đất diễn ra hàng năm, những dòng sông trong xanh - cảm hứng sáng tạo của văn, thơ, nhạc, họa, nguồn sống và hạnh phúc của con người đã biến thành những dòng sông đen của những chất

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 654.

² Ph. Ăngghen: *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972. tr 128.

thải công nghiệp chưa qua xử lý, nguồn gốc của biết bao cái chết bi thảm. Căn bệnh ung thư đã xuất hiện và phát triển khắp mọi miền, mọi thôn, xóm, khối phố của đất nước, thậm chí đã xuất hiện hiện tượng làng ung thư, xã ung thư.

Cần tăng cường giáo dục làm cho mỗi người nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt nhận thức sâu sắc rằng sự tác động của con người vào tự nhiên không thể tùy tiện, bất chấp quy luật của tự nhiên, con người cần phải bảo đảm cơ chế hoạt động bình thường của chu trình sinh học, nghĩa là phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tự tổ chức, tự điều khiển, tự bảo vệ, tự làm sạch của chu trình, mà xã hội là một mắt khâu trong đó.

Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng những ưu đãi, lợi thế của môi trường tự nhiên như đất đai, nguồn nước, thảm thực vật, khoáng sản... phục vụ cho cuộc sống của con người là hoạt động mang tính khách quan, thậm chí tận dụng tối đa những lợi thế của môi trường tự nhiên là không có gì sai, không có gì trái đạo đức sinh thái. Song, khai thác, tận dụng như thế nào lại là vấn đề hết sức quan trọng, chỉ được phép khai thác, lợi dụng trong giới hạn tự nhiên cho phép. Mọi hành vi của con người dẫn đến làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nghĩa là vượt quá "*ngưỡng chịu đựng*" của tự nhiên, làm mất khả năng tự hồi phục của các thực thể tự nhiên và làm ô nhiễm môi trường sinh thái đều vi phạm chuẩn mực hành vi đạo đức sinh thái, là hành vi vô đạo đức cần phê phán, loại bỏ.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính quy trong các bậc học với các hình thức giáo dục không chính quy và phát huy các phương tiện thông tin đại chúng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Để thực hiện giáo dục đạo đức sinh thái có hiệu quả lẽ đương nhiên cần phải giáo dục một cách cơ bản, có hệ thống trong các bậc học ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học, sau đại học và hệ thống trường chính trị, trường Đảng các cấp. Đầu tư nghiên cứu một cách công phu, kỹ lưỡng những vấn đề cơ bản của đạo đức sinh thái như: Đạo đức sinh thái là gì; những vấn đề có tính quy luật trong sự hình thành và phát triển của đạo đức sinh thái; mối quan hệ giữa đạo đức sinh thái và đạo đức xã hội; đặc điểm của sự hình thành và

phát triển đạo đức sinh thái trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đạo đức sinh thái và những vấn đề toàn cầu cấp bách hiện nay... Từ đó biên soạn giáo trình cho các bậc học về đạo đức sinh thái; đào tạo giáo viên giảng dạy môn học đạo đức sinh thái cho các bậc học. Đào tạo chính quy với một quy chế chặt chẽ, chương trình nội dung mang tính chất khoa học, với một đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản, có phương pháp giảng dạy không ngừng được đổi mới, làm cho người học ý thức sâu sắc vai trò của đạo đức sinh thái và phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, nâng cao nhận thức về đạo đức sinh thái, từ đó bồi dưỡng lập trường quan điểm, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người trong giải quyết vấn đề đạo đức sinh thái phù hợp với chuẩn mực của đạo đức sinh thái, tạo cơ sở nảy sinh, phát triển lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên.

Lâu nay ở nước ta chưa quan tâm, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về đạo đức sinh thái, việc giáo dục sinh thái còn sơ lược. Vì vậy hiệu quả của công tác này còn rất thấp.

Thực tiễn của đời sống xã hội cũng như vấn đề nhận thức và giải quyết quan hệ giữa phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ môi trường sống vận động biến đổi không ngừng, nảy sinh nhiều mâu thuẫn cần giải quyết. Hơn nữa mỗi vùng, miền, mỗi địa phương lại có những nét đặc thù riêng. Những kiến thức về đạo đức sinh thái được trang bị ở nhà trường chỉ là những kiến thức cơ bản. Vì vậy, ngoài đào tạo chính quy cần có hình thức đào tạo bồi dưỡng không chính quy như tổ chức các đợt tập huấn theo kiểu chuyên đề, hội thảo khoa học, tham quan rút kinh nghiệm. Các hình thức này vừa cập nhật những thông tin về môi trường, sinh thái trên thế giới, trong nước, nâng cao nhận thức cho mỗi người nhất là đội ngũ cán bộ, vừa cung cấp cho họ những bài học kinh nghiệm ở phạm vi quốc tế cũng như địa phương về giải quyết quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sống. Các hình thức này có nhiều thuận lợi trong thực hiện phương pháp nêu gương điển hình tiên tiến để mọi người học tập, đồng thời cũng dễ thực hiện việc phê phán những việc làm sai trái không phù hợp với chuẩn mực đạo đức sinh thái, gợi mở cho người học

thực hiện phê bình và tự phê bình trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức sinh thái.

Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện các hình thức này:

- Cần đề phòng và khắc phục "bệnh" qua loa, đại khái, hình thức. Hình thức học tập không chính quy thường không gắn với kiểm tra, thi cử hay đánh giá nhận xét về trách nhiệm, về tư cách của người học, nên tâm lý người học thường dễ dãi, được chăng hay chớ, rồi thì học, bận thì nghỉ. Phần nữa vấn đề đạo đức sinh thái là vấn đề mới đưa vào nghiên cứu học tập, nên dễ nảy sinh tâm lý ngại học tập. Để khắc phục khuynh hướng này cần có biện pháp lãnh đạo, quản lý chặt chẽ, phải có công tác chuẩn bị chu đáo, công phu về nội dung tập huấn, nội dung các báo cáo, lựa chọn địa điểm đến tham quan rút kinh nghiệm. Đồng thời phải có phương pháp tiến hành sinh động, linh hoạt tạo nên sự hấp dẫn, lý thú đối với người học. Lâu nay tham quan rút kinh nghiệm chỉ tham quan những nơi, những điểm đầu tư chỉ đạo, tập trung sức người, sức của cho nơi đó làm tốt nên các nơi khác tham quan về khó nơi theo, khó thực hiện vì không đủ điều kiện. Cần khắc phục cách làm này. Chính trong những điều kiện khó khăn mà trưởng thành, phát triển, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sống trong sạch, lành mạnh mới đáng thăm quan học tập. Hơn nữa bài học phản diện cũng rất bổ ích. Vì vậy nên tham quan cả nơi làm chưa tốt, thậm chí rất kém để thảo luận tìm nguyên nhân, bàn cách khắc phục.

- Khuynh hướng dễ nảy sinh thứ hai trong thực hiện các hình thức trên là biết nhưng không làm, không thực hiện. Những người này thường ngại biện trong tư duy, cho rằng địa phương họ khác, địa phương mình khác để né tránh trách nhiệm. Thực tế cho thấy, trong tình hình kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay, do tác động của mặt trái kinh tế thị trường và mở cửa làm nảy sinh và phát triển lối sống thực dụng tất cả vì đồng tiền, nhiều người chỉ thấy lợi ích trước mắt mà không thấy lợi ích lâu dài, chỉ thấy lợi ích cục bộ, mà không thấy lợi ích toàn xã hội, lợi ích dân tộc; chỉ thấy lợi ích cá nhân mình mà không thấy lợi ích của người khác, lợi ích xã hội, làm cho nhiều người trong đó có cả cán bộ đảng viên có chức, có quyền nói mà không làm (hay nói hay nhưng làm dở, làm sai), biết

mà không làm thậm chí nói rất hay nhưng ứng xử rất kém về đạo đức và tư cách. Bởi vậy để thực hiện tốt các hình thức này cần phải có cơ chế giám sát, kiểm tra định kỳ và đột xuất. Đối với cán bộ đảng viên phải đưa vào tiêu chuẩn đánh giá hàng quý, hàng năm, đưa vào tiêu chuẩn để bổ nhiệm đề bạt cán bộ. Vi phạm đạo đức sinh thái phải được coi như vi phạm đạo đức xã hội, phải được xử lý kỷ luật một cách thích đáng.

Ngoài các hình thức trên về giáo dục đạo đức sinh thái cần sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, báo chí và truyền hình. Đài phát thanh, báo chí là phương tiện truyền thông hết sức lợi hại vì có phạm vi tuyên truyền ảnh hưởng rộng lớn và an toàn về phương diện thông tin. Phát huy tốt vai trò của phương tiện thông tin đại chúng này trong tuyên truyền giáo dục đạo đức sinh thái sẽ có tác dụng tốt về hình thành phát triển lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên. Trong những năm qua đã có nhiều chương trình phát thanh, nhiều bài nói, bài viết về môi trường sinh thái trên thế giới và ở Việt Nam. Tuy nhiên những bài viết mang tính chuyên luận phản ánh sâu sắc thực trạng môi trường sinh thái ở Việt Nam có tác dụng mạnh mẽ tới lương tâm và trách nhiệm của mỗi người, nhất là của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt thì còn ít. Vấn đề nữa là, với một lượng báo chí phát hành hàng ngày và trong tuần rất lớn, thông tin nhanh và rất phong phú sẽ có tác dụng rất lớn đến người đọc ở mọi miền đất nước, nhất là đối với đội ngũ cán bộ. Ví dụ: "Riêng thông tấn xã Việt Nam mỗi ngày sản xuất khoảng 1.000 tin, bài và gần 200 ảnh thời sự trong nước và quốc tế, hơn 20 bản tin ngày, từ năm 1998 đã chính thức cung cấp tin qua mạng Internet và hiện nay mạng cung cấp tin ảnh của thông tấn xã Việt Nam ở chế độ "online", bảo đảm cung cấp thông tin liên tục 24/24giờ, cứ có tin là phát, không phụ thuộc vào các phiên phát tin được quy định theo giờ như trước đây. Phương thức này đã phát huy được ưu thế nhanh nhạy của tin thông tấn"¹. Để phát huy tốt phương tiện thông tin đại chúng này các bản tin cần có các chuyên

¹ Xem Nguyễn Duy Cương: *Đổi mới hình thức cung cấp thông tin cho báo chí*. Báo nhân dân, Số 17778, ngày 02/04/2004.

đề trong đó có chuyên đề về vấn đề môi trường sinh thái thế giới và môi trường sinh thái Việt Nam.

Truyền hình là một phương tiện thông tin quan trọng và ngày càng phát triển, có tác động lớn đến tư tưởng và tình cảm của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân. Ưu thế của truyền hình là ở chỗ tác động vào người xem vừa nhanh chóng về thông tin, phong phú sinh động về thể loại, nhất là nghệ thuật. Tác dụng của nghệ thuật trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho con người rất mạnh mẽ. Nghệ thuật vừa tác động vào lý trí, vừa tác động đến tình cảm của con người. Thông qua hình tượng nghệ thuật, nghệ thuật gây nên những ấn tượng sâu sắc, tạo ra những rung cảm mãnh liệt tác động đến con người với một sức mạnh mà các hình thái ý thức xã hội khác không thể có được. Con người khi cảm thụ một tác phẩm nghệ thuật là quá trình tiếp cận tới những hoàn cảnh, những số phận và bao giờ cũng liên tưởng tới bản thân mình, đến xã hội mình sống. Vì vậy trên cơ sở khẳng định cái đúng, cái tốt, phê phán cái sai, cái xấu, tác phẩm nghệ thuật lành mạnh sẽ bồi dưỡng tư tưởng tình cảm tốt đẹp cho con người, hướng con người ủng hộ cái đúng, cái tốt và phê phán cái sai, cái xấu. Vì lẽ đó nghệ thuật có vai trò to lớn trong giáo dục đạo đức nói chung và đạo đức sinh thái cho con người.

Đồng chí Trường Chinh viết: "Tác dụng mạnh mẽ của văn nghệ trong việc giáo dục và bồi dưỡng con người mới là do bản thân những hình tượng nghệ thuật phản ánh một cách sinh động những tính cách và hiện tượng quan trọng và nổi bật nhất trong cuộc sống của chúng ta ngày nay. Do văn nghệ gây được những ấn tượng sâu sắc và lâu bền, tạo ra được những rung cảm mãnh liệt, tác động đến con người một cách mạnh mẽ. Sức mạnh đó các hình thái ý thức xã hội khác không thể có được"¹.

Điều đó cho thấy cần phát huy vai trò của truyền hình, không chỉ ở các bản tin nhanh, các phóng sự về môi trường sinh thái như đã làm, mà cần có các tác phẩm nghệ thuật có tầm cỡ (nhất là phim truyền hình nhiều tập về hậu quả nghiêm trọng do vi phạm đạo đức sinh thái gây nên) gây được ấn tượng sâu sắc

¹ Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh: *Về văn học Việt Nam*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 277.

và lâu bền về phương diện đạo đức sinh thái đối với đội ngũ cán bộ đảng viên cũng như mọi tầng lớp nhân dân. Mặt nữa, truyền hình cũng cần tổ chức những cuộc thi về môi trường sinh thái, trong đó vấn đề quan hệ giữa xã hội và tự nhiên, đạo đức sinh thái, các điều khoản về luật bảo vệ môi trường...góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mọi người về vấn đề bảo vệ môi trường.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của mỗi người và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Trong sự vận động và phát triển của các sự vật, hiện tượng, yếu tố bên trong bao giờ cũng giữ vai trò quyết định trực tiếp. Tự học, tự tu dưỡng rèn luyện là con đường phát triển nội lực, là quá trình "*tích tiểu thành đại*" "*khổ*" *luyện thành tài*", là sự giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh bên trong của mỗi con người trước yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực với những tiêu cực cản trở từ môi trường xã hội và từ những hạn chế bất cập của chính họ.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của tự học, tự tu dưỡng rèn luyện nâng cao phẩm chất, năng lực của mỗi người. Theo Người, tự học, tự tu dưỡng rèn luyện cũng giống như mài ngọc, luyện vàng: ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Tự học, tu dưỡng tự rèn luyện thể hiện tính tự giác, tích cực, tự lực rất cao trong quá trình trau dồi trí tuệ, phát triển tài năng, hoàn thiện nhân cách của mỗi người. Ý thức tự học, tu dưỡng rèn luyện là dấu hiệu rõ nét nhất của hoạt động tự giác của con người trong cải tạo chính bản thân mình, nhất là trong bồi dưỡng đạo đức, lối sống.

Quá trình đào tạo là quá trình truyền đạt tri thức và phương pháp, định hướng cho người học tìm đến, thu nhận và chuyển hóa thành tri thức của mình. Với khoa học xã hội nhân văn không chỉ dừng lại ở tri thức mà từ tri thức, từ thế giới quan phương pháp luận chuyển hóa thành niềm tin lý tưởng, lẽ sống, góp phần bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của con người. Lê nin chỉ rõ: Chỉ khi nào các đồng chí tự mình biết tìm ra phương hướng trong vấn đề đó thì các đồng chí mới có thể coi mình là có đủ tin tưởng vững chắc và bảo vệ niềm tin đó một cách

thắng lợi trước bất cứ người nào và trước bất cứ lúc nào.

Bởi vậy, hiệu quả của giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đạo đức sinh thái nói riêng phụ thuộc một phần rất lớn, có ý nghĩa quyết định là ở người học. Nếu người học, học với tinh thần tích cực chủ động, có nhu cầu, động cơ đúng đắn, có hứng thú học tập, lựa chọn phương pháp phù hợp và say sưa nghiêm túc học tập, thực hiện đúng phương châm "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo" thì quá trình đó mới có kết quả. Ngược lại, người học học với tinh thần thụ động, đối phó, thiếu say sưa, miệt mài, thì chắc chắn quá trình giáo dục đạo đức sinh thái sẽ không có kết quả. Lê nin viết: Không có sự say sưa thì xưa nay không có và không thể có chân lý.

Đặc thù của đạo đức (bao gồm cả đạo đức xã hội và đạo đức sinh thái) là tính tự nguyện, tự giác, là niềm tin bên trong, sự thôi thúc của lương tâm và trách nhiệm. Trong điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, bên cạnh mặt tích cực, mặt trái của kinh tế thị trường và mở cửa mà tiêu biểu là lối sống thực dụng, tất cả vì đồng tiền, chỉ thấy lợi ích trước mắt, không thấy lợi ích lâu dài, chỉ thấy lợi ích cá nhân không chú ý lợi ích xã hội, lợi ích tập thể...đang tác động một cách mạnh mẽ vào mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy việc tự học tự rèn luyện càng khó khăn phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực, đòi hỏi tính tích cực chủ động rất cao của mỗi người.

Để tu dưỡng rèn luyện đạo đức sinh thái có kết quả, đòi hỏi mỗi người phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Một trong những nét nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội là đặt rất cao vấn đề xây dựng con người, trong xây dựng con người đặt rất cao vấn đề đạo đức và trong xây dựng đạo đức đặt vấn đề rất cao là đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là trở ngại lớn cho xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân"¹ và muốn thắng kẻ địch bên ngoài thì trước hết phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân gắn với vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 291.

trong giai đoạn hiện nay lại càng khó khăn, phức tạp hơn, vì nó khó nhận thấy hơn, nhiều khi được núp dưới cái vỏ xóa đói giảm nghèo, quốc kế dân sinh, phát triển du lịch, dịch vụ v.v.....

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây không ít người, trong đó có cán bộ, đảng viên vì lợi ích cá nhân, cục bộ đã phá hoại tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường sống. Bởi vậy, trong giáo dục đạo đức sinh thái nhằm xây dựng lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên mà không coi trọng đấu tranh khắc phục, ngăn ngừa chủ nghĩa cá nhân thì việc giáo dục đó không thể có kết quả tốt đẹp.

Kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng và công tác tổ chức là một trong những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác tư tưởng. Để xây dựng được lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên thì việc phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục đạo đức sinh thái có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Chúng ta biết rằng, mỗi người từ thu ấu thơ cho đến trọn cuộc đời của mình bao giờ cũng gắn với những tổ chức nhất định; từ trường lớp mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học, từ tổ chức đoàn thanh niên, tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn, phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi... Mỗi người chỉ có thể trưởng thành trong quan hệ gắn bó, tác động qua lại với những tổ chức mà mình sống và hoạt động. Tổ chức mạnh tạo ra tiền đề cơ sở cho mỗi người, phát triển phẩm chất và năng lực, ngược lại sự phát triển của mỗi người lại tạo ra tiền đề cho sự phát triển của tổ chức mà người đó sống và hoạt động.

Hình thành nên một lối sống tốt đẹp vốn đã rất khó khăn, phức tạp, trong điều kiện ở nước ta hiện nay thì lại càng khó khăn phức tạp hơn. Không phát huy tốt vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong công tác này thì khó có thể nói đến hoạt động đó có hiệu quả tốt đẹp. Để thực hiện tốt biện pháp này cần chú trọng một số vấn đề như sau:

Trước hết cán bộ lãnh đạo các tổ chức, các lực lượng cần nhận thức vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vấn đề giáo dục đạo đức sinh thái. Có như vậy họ mới đề cao được ý thức trách nhiệm, xây dựng quyết tâm, sâu sát nắm bắt tình hình,

đề xuất chủ trương giải pháp và có kế hoạch cụ thể trong giáo dục đạo đức sinh thái cũng như quan tâm đến việc tu dưỡng rèn luyện của mọi người trong tổ chức. Vấn đề đặc biệt quan trọng là vai trò của cán bộ chủ chốt, vai trò của người đứng đầu tổ chức trong thực hiện biện pháp này. Thực tế đã chứng tỏ ở đâu cán bộ chủ chốt có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ môi trường sinh thái, quan tâm đến giáo dục đạo đức sinh thái thì ở đó việc giáo dục đạo đức sinh thái được coi trọng và tiến hành có hiệu quả, ý thức bảo vệ môi trường của mỗi con người trong tổ chức được nâng lên. Ngược lại, nơi nào cán bộ chủ chốt thiếu gương mẫu, ý thức bảo vệ môi trường kém thì ở đấy đạo đức sinh thái kém, thậm chí phá hoại tài nguyên thiên nhiên làm ô nhiễm môi trường sống.

Thứ hai, trên cơ sở nhận thức sâu sắc và quyết tâm cao, các tổ chức phải có chủ trương biện pháp phù hợp với đặc điểm hoạt động của tổ chức mình trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Với tổ chức Đảng các cấp trong công tác lãnh đạo của mình cần có nội dung xây dựng đạo đức sinh thái cho mọi cán bộ, đảng viên. Trong đánh giá tình hình cán bộ đảng viên cần phải đánh giá, nhận xét mặt tu dưỡng rèn luyện của cán bộ, đảng viên về đạo đức sinh thái. Đối với cán bộ, đảng viên có ý thức, hành vi bảo vệ môi trường kém phải được tiến hành kiểm điểm và xử lý kỷ luật theo mức độ vi phạm.

Với tổ chức đoàn thanh niên cần chăm lo giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho mỗi đoàn viên thanh niên. Phát động các phong trào thanh niên xung kích trong bảo vệ môi trường sinh thái, coi trọng hình thức biểu dương khen thưởng cho đoàn viên thanh niên có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đấu tranh chống lại những hành vi tàn phá môi trường sinh thái. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường sinh thái và tìm hiểu về đạo đức sinh thái, nhằm góp phần tích cực nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống cho mỗi đoàn viên thanh niên.

Với tổ chức phụ nữ: Đây là tổ chức quần chúng khá hùng hậu, có vai trò quan trọng trong vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Giáo dục đạo đức sinh thái xây dựng lối sống hài

hòa giữa con người với tự nhiên muốn có kết quả nhất thiết phải phát huy vai trò của tổ chức này. Đó là chăm lo công tác thông tin tuyên truyền cho mỗi hội viên về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của bảo vệ môi trường sống, để chính mỗi hội viên tích cực tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân chăm lo bảo vệ môi trường sống, khắc phục tình trạng làm ô nhiễm môi trường từ những hành vi nhỏ nhất: Thải rác bừa bãi, phun thuốc trừ sâu không đúng quy cách, liều lượng, không phun theo các loại thuốc quy định...đến những hành vi như chặt phá rừng, khai thác buôn bán khoáng sản của đất nước...Đồng thời cần coi trọng hình thức biểu dương, khen thưởng những hội viên có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ môi trường sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Các trường học, tùy theo cấp học, bậc học cần quan tâm giáo dục cho các em học sinh hiểu biết về giới tự nhiên, vai trò của tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, giáo dục cho các em tình yêu thiên nhiên và nâng cao ý thức trách nhiệm của các em học sinh trong bảo vệ môi trường sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Với độ tuổi trong quá trình hình thành nhân cách, đây là biện pháp có vai trò quan trọng đặc biệt. Tuy các thầy, cô giáo môn địa lý có trọng trách hơn, nhưng không phải là các thầy cô giáo các môn học khác không có vai trò gì trong vấn đề này. Ngược lại, Ban giám hiệu nhà trường cũng như các thầy cô giáo của tất cả các môn học đều có vai trò to lớn trong giáo dục đạo đức sinh thái cho các em học sinh.

KẾT LUẬN

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã hình thành và phát triển rất mạnh mẽ trong nửa đầu của thế kỷ XX. Hàng tỷ người trên hành tinh này đã xây dựng trong thực tế những nguyên tắc và nội dung cơ bản của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Hàng tỷ người khác đã hướng về những nguyên tắc và nội dung xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong các nước xã hội chủ nghĩa. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã sản sinh ra những nhân cách rất cao đẹp trong lao động và trong chiến đấu. Hàng triệu

người lao động ưu tú ra đời từ lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã được cả loài người tôn vinh. Những người cộng sản, những anh hùng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống xâm lược, bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội đã là sản phẩm tuyệt vời của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa với những nội dung và nguyên tắc sống của nó đã từng thuyết phục và lôi kéo nhiều dân tộc trên hành tinh này hướng về nó.

Tuy nhiên, trong quá trình hình thành và phát triển của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã bộc lộ khá nhiều nhược điểm làm cho nhiều nội dung và nguyên tắc sống tốt đẹp của nó không những không thể thực hiện được trong thực tế, mà còn trở thành những lực cản, kìm hãm sự phát triển thực tế của lối sống đó.

Năng suất lao động phát triển chậm, lực lượng sản xuất phát triển không cao, chủ nghĩa bình quân ăn sâu vào mọi quan hệ xã hội, trình độ quản lý xã hội thấp, sự độc quyền chân lý gia tăng, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, nạn tham ô, hách dịch, cửa quyền hoành hành, tính kiêu ngạo cộng sản xuất hiện ở nhiều lĩnh vực của cuộc sống, đạo đức xuống cấp... tất cả những tiêu cực đó phá hỏng từ gốc rễ lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa, làm cho lối sống này bị tan rã ở nhiều dân tộc và cũng đặt ra vấn đề đổi mới lối sống ấy cho phù hợp hơn với sự phát triển của sản xuất và chính trị mới.

Hiện nay, nội dung và những nguyên tắc của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa vẫn mang ý nghĩa lịch sử vĩ đại, nó làm thay đổi tận gốc những hoạt động sống cơ bản của loài người. Nội dung và những nguyên tắc ấy hiện nay đang thiếu điều kiện thực tiễn vận hành. Tuy nhiên, nó vẫn là những chuẩn mực khung, chuẩn mực tốt đẹp, chuẩn mực lý tưởng để các hoạt động sống vươn lên và phát triển nó rực rỡ hơn.

Để tiếp tục củng cố và hoàn thiện lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi có một số **kiến nghị** sau đây:

Một là, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách

để phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, đặc biệt để thực hiện xoá đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao dịch vụ hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội cho người nghèo.

Hai là, Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, các cấp, các ngành cần có biện pháp để thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; cần mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Ba là, đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác- Lênin nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân.

Hai là, Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, các cấp, các ngành cần có biện pháp để thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hoá, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo quyền tự do dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hoá trên cơ sở phát huy tính tự giác cao của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Ba là, cần mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong cấp uỷ đảng, đảng viên, cán bộ các đoàn thể quần chúng. Huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ “trên xuống”, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị- xã hội đến các tổ chức xã hội tích cực tham gia vào các phong trào: Người tốt, việc tốt; Uống nước nhớ nguồn; Đền ơn đáp nghĩa; Xóa đói giảm nghèo; Xây dựng gia

đình văn hoá, làng xã, phường văn hoá; Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Bốn là, tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá bằng cách tăng thêm mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn ngân sách nhà nước, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho sự phát triển văn hoá.

Năm là, thực hiện các giải pháp về xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, chống tự do vô chính phủ, chống cục bộ bè phái; nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, chống quan liêu, tùy tiện, độc tài trong hệ thống quản lý xã hội.

Sáu là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức thông qua các hình thức chính qui và các hình thức không chính qui

Bảy là, kết hợp chặt chẽ giữa phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của mỗi người và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng xã hội trong giáo dục và tự giáo dục.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.I.Acnôndôp: *Lĩnh vực tinh thần của lối sống xã hội chủ nghĩa*, Mátxcova, 1978.
2. Samir Amin và Francois Houtart: *Toàn cầu hoá các cuộc phản kháng. Hiện trạng các cuộc đấu tranh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
3. X.Anghêlôp (Bungari): *Lối sống xã hội chủ nghĩa và những nhân tố ảnh hưởng đến nhân cách*, 1979.
4. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Bốn Phương, Sài Gòn, 1951.
5. Đào Duy Anh: *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1950.
6. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964.
7. Kofi Annan: *Phải chăng chúng ta vẫn bảo toàn được các giá trị phổ biến*, Viện Thông tin khoa học xã hội. Tài liệu phục vụ nghiên cứu số: TN 2005- 36, 2005.
8. Toàn Ảnh: *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb. Hoa Đăng, Sài Gòn, 1952.
9. *Bác Hồ với văn nghệ sỹ* (1985), Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
10. *Báo cáo Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*, tháng 8-2005.
11. *Báo cáo phát triển con người 1999* (2000), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. *Báo Tuổi trẻ*, số ra ngày 27/ 03/ 2006.
13. *Báo An ninh thế giới*, số ra ngày 08/ 04/2006.

14. Nguyễn Đức Bình (chủ biên): *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
15. Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu Tiến (Đồng chủ biên): *Góp phần nhận thức thế giới đương đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
16. Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Văn, Nguyễn Linh Khiếu: *Gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
17. *Bản tin Thông tấn xã Việt Nam* ngày 12 tháng 4 năm 1998.
18. Nguyễn Trần Bạt, *Văn hoá và con người*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006.
19. Nguyễn Khánh Bật, Bùi Đình Phong, Hoàng Trang: *Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb. Nghệ An, 1995.
20. Trần Văn Bính (Chủ biên): *Toàn cầu hoá và quyền công dân ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
21. A.P.Butencô: *Cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống xã hội chủ nghĩa*, 1978.
22. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
23. Côngstăngtinốp: *Lý luận Mác - Lênin về cách mạng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1957.
24. Phạm Như Cương (chủ biên): *Về vấn đề xây dựng con người mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
25. Bùi Thế Cương: *An sinh người già*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
26. Trần Đức Cường: *Toàn cầu hoá - Một số vấn đề triết học đặt ra ở châu Á - Thái Bình Dương hiện nay*, Tạp chí Triết học (1), 2006.

27. Khang Thúc Chiêu: *Cải cách thể chế văn hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
28. Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
29. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
30. Nguyễn Viết Chức (chủ biên): *Xây dựng đạo đức lối sống và đời sống văn hóa ở thủ đô Hà Nội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2001.
31. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (chủ biên): *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
32. Nguyễn Trọng Chuẩn: *Những biến động về giá trị trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Báo cáo tại Hội thảo Những biến động của giá trị trong thời kỳ đổi mới, Bangkok, Thái Lan, 1997.
33. Nguyễn Trọng Chuẩn: *Một số vấn đề về triết học - con người - xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
34. Nguyễn Trọng Chuẩn: *Những vấn đề toàn cầu trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Tạp chí Triết học (9), 2003.
35. Nguyễn Trọng Chuẩn: *Những thách thức của toàn cầu hoá*, Tạp chí Triết học (5), 2003.
36. Nguyễn Trọng Chuẩn: *Hội nhập quốc tế: Cơ hội và thách thức đối với giá trị truyền thống trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay*, Tạp chí Triết học (8), 2004.
37. Nguyễn Trọng Chuẩn: *Toàn cầu hoá hiện nay và quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội*, Tạp chí Triết học (1), 2006.
38. Nguyễn Trọng Chuẩn (chủ biên): *Những vấn đề toàn cầu trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

39. Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sỹ Quý (Đồng chủ biên): *Tìm hiểu giá trị văn hoá truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
40. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (đồng chủ biên): *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
41. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (Đồng chủ biên): *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
42. Vũ Đình Cự- Trần xuân Sâm: *Lực lượng sản xuất mới và kinh tế tri thức*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
43. Phạm Tất Dong (chủ biên): *Khoa học xã hội và nhân văn: Mười năm đổi mới và phát triển*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.
44. Đinh Xuân Dũng (chủ biên): *Xây dựng làng văn hoá ở đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
45. Nguyễn Tuấn Dũng: *Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế hiện nay*, Tạp chí Triết học (2), 2002.
46. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, t.3, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
47. Vũ Kim Dung: *Phân biệt khái niệm giá trị và chuẩn mực giá trị*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận (3), 1998.
48. Vũ Trọng Dung (Chủ biên): *Giáo trình đạo đức học Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2005.
49. Vũ Trọng Dung- Đỗ Huy: *Giáo trình Mỹ học Mác -Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001.
50. Hà Đăng (1996), *Phát huy truyền thống và bản lĩnh dân tộc trong giao lưu văn hoá với nước ngoài*, Tạp chí Cộng sản (2).

51. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, khóa VII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay* - Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, 1995.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương, khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
60. V.E.Đavidôvích: *Dưới lăng kính triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
61. Ngô Văn Diễm (Chủ biên): *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
62. Nguyễn Khoa Diễm (Chủ biên): *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002

63. Trần Văn Đoàn: *Cái gì có thể được gọi là truyền thống*, Báo cáo tại Hội thảo khoa học Quốc tế “Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá”, tháng 05 năm 2001 tại Hà Nội.
64. Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo: *Văn hoá đạo đức ở nước ta hiện nay*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Viện văn hoá, Hà Nội, 2007.
65. Phạm Văn Đức: *Vấn đề kế thừa và phát triển trong lịch sử triết học*, Tạp chí Triết học (3), 1991.
66. Lâm Ngữ Đường: *Sống đẹp*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1993.
67. Phạm Văn Đức: *Toàn cầu hoá và sự tác động của nó đối với Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học (3), 2006.
68. Echác Dôn: *Giá trị cuộc sống và giá trị văn hoá*, Nxb. Sách giáo khoa Mác- Lênin, Hà Nội(Trần Văn Tạo dịch), 1987.
69. Chen Fenglin: *Mấy suy nghĩ về quan niệm giá trị Đông Á*. Viện Thông tin Khoa học Xã hội - Tài liệu nghiên cứu số TN 99- 44, 1999.
70. Thomas L.Friedman: *Chiếc Lexus và cây Ôliu (The Lexus and The Olive Tree)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
71. Thomas L.Friedman: *Thế giới phẳng - Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2006.
72. Trần Văn Giàu, *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
73. Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.
74. Trần Văn Giàu: *Hệ tư tưởng yêu nước Việt Nam*, Tạp chí Triết học (16), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
75. Grzgorz W.Kolodko: *Toàn cầu hoá và tương lai của các nước đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

76. Jean-Marie Guéhenno: *Mỹ hoá toàn cầu hay toàn cầu hoá nước Mỹ?* Viện Thông tin khoa học xã hội - Tài liệu phục vụ nghiên cứu số TN 99-112, 1999.
77. Nguyễn Hồng Hà: *Môi trường văn hoá với việc xây dựng lối sống con người mới*, Nxb. Văn hóa thông tin và Viện văn hoá, Hà Nội, 2005.
78. Lương Việt Hải: *Hiện đại hoá xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
79. Nguyễn Vũ Hảo: *Giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá: Một số vấn đề triết học*, Tạp chí Triết học (7), 2006.
80. Phạm Minh Hạc (Chủ biên): *Vấn đề con người trong sự nghiệp CNH, HĐH*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
81. Phạm Minh Hạc (Chủ biên): *Tâm lý người Việt Nam đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Những điều cần khắc phục*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
82. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Thông tin Khoa học - Phòng Tổng hợp lưu trữ, *Toàn cầu hoá với văn hoá*, (7), 2000.
83. Nguyễn Hùng Hậu: *Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam trước xu thế hội nhập, toàn cầu hoá*, Báo cáo tại Hội thảo khoa học Quốc tế “Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá”, Hà Nội, 2002.
84. Nguyễn Huy Hoàng: *Triết học - Văn hoá, giá trị và con người*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2003.
85. Lê Như Hoa (chủ biên): *Lối sống trong đời sống đô thị hiện nay*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1993.
86. Lê Như Hoa: *Quản lý văn hóa đô thị trong điều kiện công nghiệp hoá đất nước*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000.
87. Lê Như Hoa: *Bản sắc dân tộc trong lối sống hiện đại*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Viện văn hoá, Hà Nội, 2003.

88. Đỗ Thị Hoà Hối: *Giá trị nhân văn Việt Nam trước xu thế hội nhập toàn cầu*, Báo cáo tại Hội thảo Quốc tế Giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá, Hà Nội, 2001.
89. Vũ Hiền: “*Làm chủ*”, một tư tưởng cao đẹp. Tạp chí cộng sản, số 517 (4), 1997.
90. Đỗ Lan Hiền: *Một số “rào cản” cần vượt qua để phát triển đối với các dân tộc châu Á trong bối cảnh toàn cầu hoá*, Tạp chí Triết học (4), 2006.
91. Đoàn Đức Hiếu: *Vấn đề phát huy vai trò của quần chúng nhân dân và đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Tạp chí Triết học (1), 2005.
92. Trần Đình Hượu, *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
93. Đặng Hữu (chủ biên): *Phát triển kinh tế tri thức*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
94. <http://www1.thanhnien.com.vn/Xahoi/2005/11/30/130791.tno>
95. <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2006/04/3B9E8F96/>
96. Samuel Huntington: *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003.
97. Đỗ Huy: *Xây dựng môi trường văn hóa ở nước ta hiện nay từ góc nhìn giá trị học*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001.
98. Đỗ Huy: *Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
99. Đỗ Huy: *Văn hóa và phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
100. Đỗ Huy: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2000.

101. Đỗ Huy: *Nhận diện văn hóa Việt Nam và sự biến đổi của nó trong thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002.
102. Đỗ Huy: “*Cơ chế, chuẩn mực đạo đức xã hội và những hành vi đạo đức cá nhân*”, Tạp chí triết học (2), tr. 23 – 25.), 2002.
103. Đỗ Huy: *Những giá trị truyền thống ở Việt Nam trước thách thức của toàn cầu hoá*, Báo cáo tại Hội thảo Quốc tế Giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá, Hà Nội, 2001.
104. Đỗ Huy: *Xây dựng môi trường văn hoá ở nước ta hiện nay từ góc nhìn giá trị học*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2001.
105. Nguyễn Văn Huyền: *Một số chuẩn mực giá trị ưu trội khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường*, Tạp chí Triết học (1), 1995.
106. Nguyễn Văn Huyền: *Toàn cầu hoá và một số vấn đề đặt ra đối với bản sắc văn hoá Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản (18), 2001.
107. Nguyễn Văn Huyền: *Lối sống người Việt Nam dưới tác động của toàn cầu hoá hiện nay*, Tạp chí Triết học (12), 2003.
108. Yang Jinhai: *Lịch sử, hiện trạng và các vấn đề thuộc điểm nóng trong nghiên cứu về toàn cầu hoá*, Viện Thông tin khoa học xã hội - Tài liệu phục vụ nghiên cứu số TN 10/2000.
109. I.N. Kaputi: *Lối sống xã hội chủ nghĩa, những khía cạnh kinh tế*, Nxb. Mátxcova, 1976.
110. Đặng Cảnh Khanh: *Xã hội học thanh niên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
111. Đặng Cảnh Khanh: *Vấn đề toàn cầu hoá và thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản (14), 2000.
112. Vũ Khiêu (chủ biên): *Văn hóa Việt Nam - xã hội và con người*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
113. Vũ Khiêu: “*Sự suy thoái đạo đức và giải pháp của chúng ta*”, Tạp chí Tâm lý học, (9), 2003.

114. Vũ Khiêu: *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2005
115. Vũ Khiêu: *Đạo đức xã hội - nỗi lo chung của toàn nhân loại*, Trung tâm khoa học xã hội & nhân văn quốc gia, Hà Nội, 2003.
116. Thanh Lê: *Giáo dục lối sống nếp sống mới*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
117. Phan Huy Lê - Vũ Minh Giang (Chủ biên): *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX-07- 02, Hà Nội, 1994.
118. Phan Huy Lê: *Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam*, Tài liệu dùng trong lớp bồi dưỡng giáo viên Mác-Lênin, 1997.
119. Tương Lai: *Hiện đại hoá truyền thống và truyền thống hoá hiện đại*, Tạp chí Cộng sản (16), 2001.
120. Lê Thị Lan: *Quan hệ giữa các giá trị truyền thống và hiện đại trong xây dựng đạo đức*, Tạp chí Triết học (7), 2002.
121. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t.1, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1974.
122. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t.18, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1980.
123. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t.23, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1981.
124. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t.26, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1981.
125. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t.29, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1981.
126. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t.33, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1979.
127. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, t.35, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1979.
128. Trịnh Duy Luân: *Xã hội học đô thị*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2004.
129. Trường Lưu (Chủ biên): *Văn hoá đạo đức và tiến bộ xã hội*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998.
130. Trường Lưu (Chủ biên): *Văn hoá và phát triển*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1995.

131. Trường Lưu: *Toàn cầu hoá và vấn đề bảo tồn văn hoá dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
132. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995
133. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
134. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
135. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.21, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
136. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.22, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
137. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.23, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
138. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.37, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
139. Đỗ Mười: *Về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
140. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
141. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
142. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
143. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
144. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
145. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
146. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
147. Hồ Chí Minh: *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

148. Phạm Xuân Nam (chủ biên): *Triết lý phát triển ở Việt Nam - Những vấn đề cốt yếu*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2002.
149. Nguyễn Thị Nga: *Phát huy truyền thống yêu nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Cộng sản (1), 2006.
150. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002.
151. *Nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế, Hà Nội, 1994.
152. Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay (18/2/1995).
153. Lê Hữu Nghĩa: *Vấn đề toàn cầu hoá - Phương pháp luận tiếp cận triết học*, Tạp chí Cộng sản (24), 2000.
154. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Tông (đồng chủ biên): *Toàn cầu hoá- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
155. Ủy ban Quốc gia về thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam: *Những vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1993.
156. Bùi Đình Phong: *Quan điểm kế thừa của Hồ Chí Minh*, Tạp chí Thông tin lý luận (5), 1999.
157. Nguyễn Hồng Phong: *Một số vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội, văn hoá và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
158. Phạm Ngọc Quang: *Vai trò của nhà nước dân tộc trong xu thế toàn cầu hoá*, Tạp chí Triết học (9), 2002.
159. Hồ Sỹ Quý: *Động thái của một số giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá, Bài viết tham dự Hội thảo Quốc tế "Toàn cầu hoá: Những vấn đề triết học ở châu Á - Thái Bình Dương"*, Hà Nội, 2005.

160. Hồ Sỹ Quý: *Về giá trị và giá trị châu Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
161. Nguyễn Duy Quý: *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay vấn đề và giải pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
162. Nguyễn Duy Quý: *Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
163. Rútkêvích (và nhiều tác giả): *Lối sống xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
164. M.M Rozental: *Từ điển triết học*, Nxb. Tiến bộ Matxcova và Nxb Sự thật Hà Nội, 1986.
165. A.Stêpanhian: *Phép biện chứng của sự phát triển lối sống xã hội chủ nghĩa thành lối sống cộng sản chủ nghĩa*, Viện Triết học và Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, 1978.
166. Đào Xuân Sâm: *Nhìn nhận của xã hội với thị trường và doanh nghiệp*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2000.
167. Đường Vinh Sường: *Toàn cầu hoá kinh tế - Cơ hội và thách thức đối với các nước đang phát triển*, Nxb. Thế giới, 2004.
168. A.Touraine: *Phê phán tính hiện đại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003.
169. Lê Doãn Tá- Vũ Trọng Dung (chủ biên) (tái bản có bổ sung): *Giáo trình Triết học Mác- Lênin, tập II*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007.
170. Lê Doãn Tá (chủ biên): *Tập bài giảng lịch sử triết học, Tập II*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
171. V.I.Tônstôvski: *Lối sống, khái niệm, hiện thực các vấn đề*, Mátxcova, 1977.
172. Nguyễn Chí Tinh: *Luận thuyết "Sự độn độ giữa các nền văn minh" của Hun-tinh-ton và quan điểm của chúng ta*, Tạp chí Cộng sản (7), 2000.

173. Văn Tạo (chủ biên): *Đô thị cổ Việt Nam*, Viện Sử học xuất bản, 1989.
174. Văn Tạo: *Chúng ta kế thừa di sản nào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
175. Nguyễn Mạnh Tường: *Một số biểu hiện của sự biến đổi giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay và giải pháp khắc phục*, Tạp chí Triết học (6), 2002.
176. Nguyễn Tài Thư (chủ biên): *Lịch sử tư tưởng Việt Nam (tập 1)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
177. Nguyễn Tài Thư: *Suy nghĩ về một hệ giá trị tinh thần trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Triết học (1), 1995.
178. Nguyễn Tài Thư: *Nho giáo và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học (5), 2002.
179. Võ Văn Thắng: *Xây dựng lối sống Việt Nam hiện nay*, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 2006.
180. Lê Sỹ Thắng: *Lịch sử tư tưởng Việt Nam (tập 2)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
181. Nguyễn Nam Thắng (Luận án tiến sỹ): *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, Viện Triết học, Hà Nội, 2005.
182. Nguyễn Văn Thanh (Chủ biên): *Những mảng tối của toàn cầu hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
183. Nguyễn Văn Thanh (Chủ biên): *Bình minh của một toàn cầu hoá khác*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
184. Lê Thi: *Phụ nữ nông thôn và việc phát triển các loại ngành nghề phi nông nghiệp*, Nxb. khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
185. Lê Thi: *Gia đình Việt Nam trong bối cảnh đất nước đổi mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

186. Lê Thi: *Gia đình, phụ nữ Việt Nam với dân số, văn hoá và sự phát triển bền vững*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
187. Đỗ Thị Minh Thuý (chủ biên): *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - Thành tựu và kinh nghiệm*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004.
188. Chu Khắc Thuật (chủ biên): *Văn hóa, lối sống với môi trường*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1998.
189. *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
190. *Từ điển Triết học*, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1975.
191. Đặng Hữu Toàn: *Toàn cầu hoá, “nguy cơ tha hoá” và vấn đề định hướng giá trị văn hoá tinh thần*, Tạp chí Triết học (5), 2006.
192. Lại Văn Toàn (Chủ biên): *Truyền thống và hiện đại trong văn hoá*, Nxb. Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.
193. *Toàn cầu hoá và tác động đối với sự hội nhập của Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003.
194. Alvin Toffler: *Làn sóng thứ ba*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2002.
195. Hoàng Trang - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên): *Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh với việc giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
196. Mạc Văn Trang - Lê Đức Phúc: *Tổng luận về giá trị và giáo dục giá trị*, Hà Nội, 1993.
197. Phạm Thị Ngọc Trâm: *Các giá trị văn hoá sinh thái truyền thống Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá*, Tạp chí Triết học (7), 2001.
198. Hà Xuân Trường: *Định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận cấp bách*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
199. Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển: *Thành thị hóa và đời sống thành thị*, Hà Nội, 1997.

200. M.Tuareno: *Sự đảo lộn của thế giới. Địa chính trị của thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
201. Hà Văn Tấn: *Biện chứng của truyền thống*, Tạp chí Cộng sản (3), 1981.
202. Võ Minh Tuấn: *Tác động của toàn cầu hoá đến đạo đức sinh viên hiện nay*, Tạp chí triết học (4), 2004.
203. V.P. Tugarinov: *Lý luận giá trị trong chủ nghĩa Marx*, Nxb. Leningrat, 1968.
204. Thái Duy Tuyên: *Sự biến đổi định hướng giá trị của con người Việt Nam*, Tạp chí Triết học (1), 1995.
205. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang: *Giá trị- Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX- 07- 04, Hà Nội, 1995.
206. UNDP, *Báo cáo về phát triển con người* 2004, 2005, 2006.
207. Đặng Nghiêm Vạn, *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, 2003.
208. Trần Quốc Vượng (chủ biên): *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
209. Trần Quốc Vượng (chủ biên): *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
210. Trần Quốc Vượng: *Văn hoá Việt Nam- tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003
211. Hoàng Vinh: *Những vấn đề văn hoá trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Viện văn hoá, Hà Nội, 2006.
212. Huỳnh Khái Vinh (chủ biên): *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức chuẩn giá trị xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.

213. Huỳnh Khái Vinh và Thanh Tuấn: *Văn hóa khoan dung*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1998.
214. Trần Xuân Vinh: *Sự biến đổi một số giá trị cơ bản của thanh niên hiện nay*, Tạp chí Triết học (1), 1995.
215. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Triết học: *Bản dịch một số báo cáo của Đại hội triết học thế giới lần thứ XXI* (được tổ chức tại Thổ Nhĩ Kỳ tháng 8 năm 2003), Hà Nội, 2003.
216. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Kinh tế và Chính trị thế giới: *"Toàn cầu hoá - Chuyển đổi và tiếp cận đa chiều"*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2005.
217. Viện Quốc tế: *Toàn cầu hoá và sự tương tác giữa các nền văn minh*, Matxcơva - "Kinh tế" - 2001.
218. Trần Nguyên Việt: *Giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam và cái phổ biến toàn nhân loại của đạo đức trong nền kinh tế thị trường*, Tạp chí Triết học (5), 2002.
219. *Về giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1993.
220. Hồ Sĩ Vịnh (chủ biên): *Văn hóa và con người*, Nxb. Văn hóa và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 1993.
221. Lê Hữu Xanh (Chủ biên): *Tác động của tâm lý làng xã trong việc xây dựng đời sống kinh tế- xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001

BÁO CÁO TÓM TẮT

CỘNG TÁC VIÊN THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. ThS. Nguyễn Thanh Bình | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 2. PGS, TS. Lê Bình | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 3. PGS, TS. Vũ Trọng Dung | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV |
| 4. TS. Vũ Văn Hậu | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 5. TS. Trịnh Duy Huy | Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá |
| 6. ThS. Triệu Quang Minh | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 7. ThS. Ngô Thị Thu Ngà | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 8. TS. Cung Thị Ngọc | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 9. TS. Trần Thị Minh Ngọc | Khoa XHH và TLLĐQL, Học viện CT - HC KV I |
| 10. ThS. Tô Thị Nhung | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 11. TS. Mai Thị Quý | Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá |
| 12. TS. Nguyễn Thị Minh Tâm | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 13. TS. Nguyễn Nam Thắng | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 14. TS. Lê Thị Thuỷ | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 15. ThS. Đặng Ánh Tuyết | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 16. TS. Lê Thị Minh Hà | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |
| 17. ThS. Ngô Thị Hoàng Yến | Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng lối sống mới là một trong những nhiệm vụ trọng đại và lâu dài của quá trình "xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế"¹. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm qua chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu vẻ vang trong việc xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở theo hướng "làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người"². Nhiều nếp sống cũ, lạc hậu, nhiều hủ tục trên khắp mọi miền đất nước đã được khắc phục; một số nếp sống mới đã được hình thành góp phần làm cho lối sống của xã hội ta chuyển theo hướng dân tộc - hiện đại.

Tuy nhiên, như *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, khoá VIII* đã chỉ rõ: hiện nay xã hội ta đang có "sự suy thoái nghiêm trọng về đạo đức lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên; trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền. Nạn tham nhũng dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả. Hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, bè phái, mất đoàn kết khá phổ biến"³. "Lối sống thực dụng...chỉ chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân mà coi thường lợi ích cộng đồng, chỉ chú ý đến lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản..."⁴ đã ảnh hưởng to lớn đến quá trình phát triển lành mạnh của đất nước.

Trước tình hình đó, các văn kiện đại hội Đảng từ lần thứ VIII, thứ IX và lần thứ X đều coi việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là một bộ phận quan trọng của quá trình làm cho văn hoá trở thành "nền tảng tinh thần của xã hội". Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại không chỉ gắn liền với *lịch trình phát triển bền vững* ở nước ta trong thế kỷ XXI, mà còn gắn toàn diện với việc *xây dựng nhân cách văn hoá* mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đề xuất. Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là nền tảng "nâng cao văn hoá lãnh đạo và quản lý, văn hoá

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 213.

² *Sđđ*: tr. 213.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, Khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 46 - 47 và tr. 29 -30.

⁴ *Sđđ*, tr. 46 - 47 và tr. 29 -30.

trong kinh doanh và văn hoá trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên; chống những hiện tượng phản văn hoá và phi văn hoá"¹. Một kiểu người mới đại diện cho trí tuệ Việt Nam mới, một nhân cách văn hoá đại diện cho thời đại mới đều gắn chặt với quá trình xây dựng lối sống mới. Đạo đức của con người mới, tác phong lao động của con người Việt Nam mới, cuộc sống tâm tư, tình cảm, các quan hệ gia đình của con người mới không tách rời với quá trình xây dựng lối sống mới.

Có thể nói, xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là điểm nhấn quan trọng của công cuộc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong lịch trình thế kỷ XXI. Thực chất của sự nghiệp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay là định hướng và xác lập sự lựa chọn con đường để nhân dân ta hướng tới một xã hội: dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là quá trình nhân đạo hoá toàn bộ đời sống xã hội mà mỗi cá nhân sẽ phát huy tính tự chủ, tự giác, sức mạnh bên trong nhằm hướng tới một kiểu người Việt Nam mới của thế kỷ XXI: giàu có về tri thức, phong phú về tâm hồn, cao đẹp về đạo đức và xuất sắc về tài năng.

Vì vậy, việc làm rõ bản chất, nội dung và các giải pháp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại có ý nghĩa "hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người"² như *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X* đã nhấn mạnh. Nó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong việc vun trồng và phát triển cái tích cực, đẩy lùi và loại bỏ cái tiêu cực trong quá trình tiến lên của đất nước.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Lối sống là một lĩnh vực rất rộng. Trong mấy chục năm nay, do sự phát triển nhiều mặt của cuộc sống mới, nhiều nước trên thế giới cũng như ở nước ta đã có những công trình nghiên cứu lối sống từ các phương diện khác nhau. Về phương diện triết học, ở Liên Xô đã có nhiều nhà triết học như: Gledoman, Rútkêvích, Inhatốpxki, Butencô... đã có nhiều công trình nghiên cứu *lối sống* nói chung và *lối sống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô* nói riêng. Công trình *Lối sống xã hội chủ nghĩa* của tập thể các viện sĩ thông tấn, các tiến sĩ triết học... của Liên Xô viết, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội xuất bản bằng tiếng Việt năm 1982 gồm XIV chương với 518 trang đã giới thiệu nhiều vấn đề cơ bản và quan trọng của lối sống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô. Các vấn đề cơ sở chính trị, cơ sở

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 213.

² *Sđd*, tr. 213.

kinh tế, lối sống nông thôn, lối sống đô thị, cuộc đấu tranh tư tưởng trong lối sống ở Liên Xô đã được nghiên cứu công phu trong tác phẩm này.

Ở Việt Nam, lối sống trước hết là lĩnh vực nghiên cứu của các nhà *xã hội học*. Trong các tạp chí *Xã hội học* ở nước ta, các vấn đề lối sống của các nhóm xã hội đã được nghiên cứu đa dạng. Về *phương diện triết học*, trên tạp chí *Triết học*, tạp chí *Cộng sản* thỉnh thoảng có đề cập đến các phương diện tổng quát của lối sống như lĩnh vực tinh thần của lối sống, cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống, lối sống xã hội chủ nghĩa và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nhân cách... Cho đến nay, ở nước ta vì rất nhiều lý do khác nhau *chưa có một công trình nào nghiên cứu hệ thống, toàn diện và tập trung lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay*. Đây là một vấn đề phức tạp và khó, đòi hỏi vốn triết học sâu và trí thức của rất nhiều ngành khoa học liên quan như chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, triết học cũng như nhiều khoa học xã hội và nhân văn khác. Cần phải có nguồn kinh phí hợp lý để triển khai nhiều đề tài khác nhau xung quanh vấn đề xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Đề tài này cố gắng phân tích sâu lĩnh vực vật chất của lối sống, cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống, sự thống nhất giữa cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong lối sống dân tộc - hiện đại theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. *Vấn đề lối sống dân tộc - hiện đại trong sự phân tích theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ là trung tâm nghiên cứu của đề tài này*. Đề tài triển khai nghiên cứu dưới ánh sáng các tư tưởng của Đảng ta về lối sống dân tộc - hiện đại. Đề tài sẽ làm sáng tỏ mặt vật chất và mặt tinh thần của lối sống dân tộc - hiện đại gắn liền với những vấn đề ý thức tư tưởng chính trị, đạo đức thẩm mỹ của nhiều tầng lớp, nhiều vùng dân cư...trong quá trình hình thành các giá trị văn hoá của nhân cách con người Việt Nam mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài làm sáng tỏ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về lối sống xã hội chủ nghĩa và lối sống dân tộc - hiện đại; phân tích thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại hiện nay; từ đó nêu ra phương hướng và giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, đề tài có nhiệm vụ:

Một là, trình bày có hệ thống quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về bản chất và nội dung của lối sống dân tộc - hiện đại.

Hai là, trình bày khái quát thực trạng xây dựng lối sống ở nước ta hiện nay trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thông qua khảo sát lối sống của một số tầng lớp dân cư cơ bản và các nhóm xã hội ở nước ta cũng như chất lượng sống cơ bản của toàn xã hội.

Ba là, đề ra phương hướng và một số giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo quan điểm của Đảng ta.

4. Nội dung nghiên cứu

Một là, cơ sở lý luận và thực tiễn của lối sống dân tộc - hiện đại.

Hai là, thực trạng của lối sống ở nước ta hiện nay.

Ba là, phương hướng và giải pháp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng, đề tài sử dụng các phương pháp: phân tích - tổng hợp, so sánh đối chiếu, lôgic- lịch sử, kết hợp với phương pháp điều tra, khảo sát xã hội học đồng thời gắn lý luận với thực tiễn, sử dụng phương pháp hệ thống hoá và khái quát hoá để nghiên cứu.

6. Kết cấu của Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, **Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài** gồm 3 chương với 8 tiết.

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của lối sống dân tộc- hiện đại.

Chương 2: Thực trạng xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
CỦA LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI

1.1. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về bản chất của lối sống

1.1.1. Khái niệm lối sống và những phạm trù liên quan

Lối sống là một khái niệm rộng. Phạm vi biểu hiện của lối sống trong toàn bộ các quan hệ của con người. *Trong quan niệm của triết học Mác – Lênin, lối sống là những hoạt động sống của con người trong những điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định.* Hoạt động sống của con người bao hàm một tổng thể nhiều quan hệ: *Một là, hoạt động lao động, hoạt động sản xuất mà trung tâm của nó là cách thức lao động. Hai là, hoạt động sống, bao gồm cả những hoạt động văn hóa, tinh thần, tình cảm và tâm linh. Ba là, hoạt động sống của con người gắn liền với các thiết chế tự nhiên của mỗi xã hội. Bốn là, kỹ năng lao động và bản chất dân tộc tạo nên diện mạo sống có tính kế thừa từ đời này qua đời khác. Năm là, xã hội có giai cấp không có một lối sống duy nhất, trong mỗi phương thức sản xuất, ít nhất có ba lối sống. Sáu là, lối sống còn là quan hệ của cá nhân với xã hội.*

Các phạm trù liên quan đến lối sống làm nên bản chất của lối sống gồm: *nếp sống, tập quán, lễ sống, phong cách sống, mức sống, chất lượng sống, phương thức sống, chế độ sống.*

Như vậy, với tư cách là đối tượng nghiên cứu tổng hợp của triết học, lối sống là một cơ cấu tổng thể bao chứa cả nếp sống, lễ sống, mức sống, chất lượng sống, phong cách sống và phương thức sống gắn liền với tồn tại xã hội, ý thức xã hội và phương thức sản xuất của xã hội.

1.1.2. Bản chất xã hội của lối sống

Bản chất xã hội của lối sống được thể hiện thông qua hoạt động sống của cá nhân, thông qua địa vị của cá nhân trong hệ thống phân công lao động xã hội. Có thể nhận diện một số lối sống cơ bản theo những tiêu chí dưới đây: *Một là, theo tiêu chí giai cấp; hai là, theo tiêu chí hệ tư tưởng; ba là, theo tiêu chí sinh thái, bốn là, theo tiêu chí lao động nghề nghiệp.*

1.1.3. Sự vận động lịch sử của lối sống trong các xã hội trước chủ nghĩa xã hội

Tác nhân quan trọng đầu tiên và bao trùm làm thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống là phương thức sản xuất, theo đó là các chế độ xã hội và sự thay đổi hệ tư tưởng. Tác nhân thứ hai đó là sự thay đổi cơ cấu lao động, sự

chuyển biến sâu sắc về lực lượng sản xuất. *Tác nhân lớn thứ ba* là các cuộc cải tạo xã hội. *Tác nhân thứ tư*, đó là sự thay đổi chế độ nhân khẩu rộng lớn. Lịch sử xã hội loài người đã trải qua bốn phương thức sản xuất và đang quá độ lên phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa do vậy đã tạo nên *năm kiểu lịch sử cơ bản của lối sống*.

1.2. Bản chất của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa

1.2.1. Các điều kiện khách quan hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa

Có thể nói, với cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật; với ba phong trào lớn của thế kỷ XX: phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa là điều kiện, là những tác nhân chủ yếu và tất yếu dẫn đến việc thay đổi kiểu sống lịch sử của lối sống tư bản chủ nghĩa thành kiểu sống lịch sử của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

1.2.2. Đặc trưng của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa do gắn bó chặt chẽ với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa nên nó giữ lại toàn bộ những giá trị mà con người đã sáng tạo trong hoạt động sống trước đó; nâng lên một tầm cao mới những di sản của quá khứ; mở ra những hoạt động sống mới phù hợp với phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. C.Mác và Ph.Ăngghen đã vạch ra bản chất của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa là sự thay thế những quan hệ sống đã đánh mất tính người bằng những quan hệ nhân đạo cao cả dựa trên tài sản của tất cả mọi cá nhân liên kết lại thành một tập thể.

1.2.3. Nội dung cơ bản của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa

Mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội có nội dung xuyên suốt là giải phóng con người. C.Mác nói rằng, trong chủ nghĩa xã hội sẽ xuất hiện một lối sống kiểu mới “một liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa nhằm thay đổi *triệt để* những quan hệ phi nhân tính trong lối sống cũ, mang nội dung nhân đạo sâu sắc. Cụ thể: *các dân tộc trong chủ nghĩa xã hội đều bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, chủ nghĩa yêu nước được phát huy cao độ, thống nhất giữa tinh thần dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính, tinh thần dân chủ được thực thi và mở rộng*.

1.3. Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay

1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lối sống dân tộc- hiện đại

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, tập 4. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.628.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, từ bài báo đầu tiên đến lời di chúc cuối cùng và ngay cả những giây phút trước khi từ giã thế giới này, Hồ Chí Minh đã dành hết tâm sức để quan tâm toàn diện đến vấn đề con người trong quá trình xây dựng lối sống mới ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh quan niệm rằng, mỗi xã hội cần phải có một lối sống và một kiểu người đại diện cho nó. Cho đến những năm đầu thế kỷ XX, trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã xuất hiện tư tưởng về việc rèn luyện, giáo dục để hình thành một lối sống kiểu mới. Đó là lối sống của người cách mạng, là lối sống gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, với việc giải phóng những người lao động trên toàn thế giới, là lối sống kết hợp trong hoạt động sống lý tưởng xã hội cao đẹp, lòng yêu nước sâu sắc, có tinh thần quốc tế trong sáng. Lối sống này là sản phẩm của các phong trào lớn của thế kỷ XX: *phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*.

Nhận thức rằng, giải phóng quần chúng nhân dân thoát khỏi chế độ cũ là bước khởi đầu quan trọng để xây dựng lối sống mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đời sống mới* để định hướng toàn diện việc xây dựng lối sống mới cho hàng triệu người dân nghèo khổ ở nước ta. “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà *xấu*, thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà *tốt*, thì phải phát triển thêm. Cái gì *mới* mà *hay*, thì ta phải làm.

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích của đời sống mới.”¹

Để thi hành đời sống mới đừng nên ép buộc, đừng hăng hái quá mà hỏng việc “tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước”².

Có thể nói, lối sống trong xã hội văn hoá cao trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là lối sống dân tộc- hiện đại. Lối sống ấy chất lọc những nét còn phù hợp, những nét đẹp, bổ sung những nét khiếm khuyết của quá khứ đồng thời nó tiếp thu và thẩm nhuần nét hiện đại, tiên tiến của thời đại. Đó là lối sống dựa trên cộng đồng các lợi ích căn bản; gắn cái đúng với cái thật, cái tốt làm cho mọi người được sống, được hưởng thụ văn minh và hạnh phúc. Lối sống ấy coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, là nguồn tạo nên hạnh phúc của mọi người và cho cả thế hệ mai sau. Đó là lối sống mà người lao động trở thành nhân vật trung tâm, lao động trí

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.94-95.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. t5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.108.

óc và lao động chân tay đoàn kết xây dựng cuộc sống mới. Đó là lối sống mà các giá trị cơ bản của con người được trả lại cho con người.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh thì văn hoá - đạo đức - lối sống là những thành tố không thể tách biệt. Một con người, một xã hội có lối sống lành mạnh, đẹp đẽ thì phải là một con người, một xã hội có chuẩn mực, giá trị đạo đức nhân đạo và một nền văn hoá phát triển cao. Vì vậy trong đề tài, chúng tôi nhìn nhận những yếu tố đó gắn bó biện chứng, thống nhất.

1.3.2. Về khái niệm lối sống dân tộc – hiện đại theo quan niệm của Đảng ta

Trong tác phẩm *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam* đã khẳng định “Lối sống là dấu hiệu phân biệt sự khác nhau giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Nó là một tổng thể những hình thái hoạt động của con người phản ánh những đặc điểm về sinh hoạt vật chất, tinh thần và xã hội của cộng đồng người đã tạo nên lối sống đó. Nó là một sản phẩm tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội góp phần củng cố và phát triển hình thái kinh tế - xã hội ấy. Lối sống mới mà chúng ta xây dựng là lối sống đặc trưng có tính nguyên tắc của những quốc gia kiên trì đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Nó được xây dựng trên cơ sở của những yếu tố như: chế độ sở hữu đa dạng, trong đó sở hữu toàn dân đóng vai trò chủ đạo và nguyên tắc phân phối theo lao động, chính quyền về nhân dân, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm hệ tư tưởng chỉ đạo, xóa bỏ các bất bình đẳng về chủng tộc, dân tộc, giới tính, thực hiện tự do tinh thần, công bằng, dân chủ và nhân ái trong mọi quan hệ xã hội”¹. Đó là lối sống mới, lối sống dân tộc - hiện đại của chúng ta.

Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn với những mô thức và nội dung khác nhau. *Mô thức thứ nhất* là mô thức trong khuôn khổ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được chuẩn hóa theo ba định chuẩn cơ bản: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. *Mô thức thứ hai* là mô thức trong khuôn khổ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc đấu tranh vĩ đại giải phóng miền Nam. *Mô thức thứ ba* là mô thức xây dựng lối sống trong thời kỳ đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa theo các định chuẩn của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

1.3.3. Lối sống dân tộc - hiện đại trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay

Xây dựng lối sống theo mô thức: dân tộc – hiện đại trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta, về khách quan mà nói, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng sẽ

¹ Bộ Văn hóa thông tin. *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1995, tr.133.

gây ra những cản trở không nhỏ. Vì vậy, *chúng ta cần có một quan điểm toàn diện khi tiếp thu các giá trị truyền thống, cần có một cơ chế lọc bỏ các mặt lạc hậu của nó; khi chống lại các phản văn hóa của nước ngoài, cần có cơ chế tiếp biến những tinh hoa của nó; khi gìn giữ các giá trị cộng đồng, cần thiết phải có một cơ chế giải phóng cá nhân*. Lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta phải có đặc trưng lành mạnh, văn minh, năng động, sáng tạo và bao dung.

1.3.4. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá và cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến việc xây dựng sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay

1.3.3.1. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá

Trong quá trình toàn cầu hoá, lối sống của mỗi dân tộc có cơ hội để gặp gỡ, giao thoa, tiếp xúc với nhau, tạo thuận lợi cho việc hình thành lối sống dân tộc – hiện đại ở mỗi quốc gia. Mặt khác, quá trình toàn cầu hoá có nguy cơ làm bản sắc văn hoá và nhiều giá trị truyền thống riêng của các dân tộc bị xói mòn và mất dần ảnh hưởng; nền văn hoá dân tộc bị tấn công, gặm nhấm bởi các nền văn hoá ngoại lai. Việt Nam trong xu thế mở cửa hội nhập cũng không nằm ngoài tiến trình đó. Người dân Việt Nam cũng đã có cơ hội tiếp nhận những giá trị tinh hoa của các dân tộc khác làm phong phú thêm cho nền văn hoá của dân tộc mình, đồng thời nền văn hoá Việt Nam với những giá trị truyền thống đặc sắc cũng được quảng bá trên thế. Tuy nhiên, cũng trong quá trình toàn cầu hoá, nhiều giá trị truyền thống đặc sắc của dân tộc ta đang bị đe dọa, lối sống mang bản sắc dân tộc bị tấn công và có nguy cơ bị phai mờ trong cơn lốc của hội nhập.

1.3.3.2. Ảnh hưởng của cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kinh tế thị trường đã có tác động tích cực tới lối sống, đời sống đạo đức trong xã hội ta hiện nay: *Một là*, với sự vận động của các qui luật kinh tế kinh tế khách quan, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo những điều kiện tối ưu cho việc giải phóng sức sản xuất của xã hội, tăng năng suất lao động, đem lại lượng của cải dồi dào đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất của con người. *Hai là*, kinh tế thị trường tác động và làm thay đổi thói quen, nếp nghĩ, phong cách hoạt động của người lao động. *Ba là*, trong sự vận động của kinh tế thị trường, hội nhập trở thành một xu thế tất yếu vì thế nền văn hoá của dân tộc được giao lưu, tiếp xúc, tiếp nhận với những nền văn hoá khác. *Song*, bên cạnh những yếu tố tích cực, kinh tế thị trường đang có nhiều tác động tiêu cực đến lối sống, đời sống đạo đức xã hội mà biểu hiện rõ nét nhất của nó là xu hướng coi thường các giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống, đề cao lối sống vị kỷ, thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, sùng ngoại, thậm chí bất chấp đạo lý, nghĩa tình...

Chương 2
THỰC TRẠNG XÂY DỰNG LỐI SỐNG
DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Lối sống ở nước ta hiện nay đang vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1.1. Sự đan xen giữa lối sống mới và lối sống cũ trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Sự chuyển đổi từ một xã hội cổ truyền: nông nghiệp - nông thôn - nông dân lên một xã hội hiện đại: công nghiệp - hiện đại hoá - đô thị hoá; từ một nền văn hoá của thời kỳ chiến tranh giành và giữ độc lập dân tộc sang một nền văn hoá của thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước; từ cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường và thành quả của “đổi mới” đã và đang tác động đến lối sống của người Việt Nam. *Hiện thực lối sống của người dân Việt Nam đang chứa đựng một sự đan xen giữa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, giữa tích cực và tiêu cực, có những nhân tố của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng có biểu hiện phi xã hội chủ nghĩa như thực dụng, tham nhũng, lãng phí, xa hoa, phi nhân tính...* Nhưng cho dù có sự đan xen, xung đột ấy thì sự kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức tích cực, bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa của thế giới trong thái độ sống, lối sống lao động, học tập, tự hoàn thiện nhân cách qua môi trường lao động kinh tế thị trường và dân chủ hoá xã hội vẫn là xu hướng chủ đạo của lối sống Việt Nam hôm nay.

2.1.2. Biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng và sự suy thoái nhân tính ở nước ta hiện nay

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc đề cao cái tôi của chủ thể mang nhân cách là điều hợp lý, tự nhiên. Đó cũng là yêu cầu của sự phát triển con người, xã hội, nhưng *một khi những vấn đề của cá nhân bị đẩy tới thái quá, tuyệt đối hoá nó, tách rời nó khỏi những ràng buộc, chế ước của cộng đồng, dẫn đến những xung đột giữa lợi ích riêng với lợi ích chung, giữa cá nhân và xã hội, làm xuất hiện những lệch lạc thái quá trong cách nghĩ và cách sống, trong làm việc và ứng xử của cá nhân, thành chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ. Biểu hiện và hậu quả của chủ nghĩa cá nhân gây ra trong xã hội ta hiện nay có nhiều mức độ, từ nhỏ tới lớn, từ hại ít đến hại nhiều, từ tầm thường đến đê tiện, bỉ ổi...* Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam thừa nhận: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Thoái hoá, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, uy tín của chế độ”¹.

2.1.3. Sự biến động của các chuẩn mực sống và lối sống Việt Nam dưới tác động của cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường đã có tác động sâu sắc tới mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là tạo ra sự biến đổi của các chuẩn mực sống, lối sống. Cụ thể : *Một là*, “từ chỗ coi trọng các giá trị chính trị – xã hội chạy sang cực các giá trị kinh tế, vật chất, từ chỗ lấy con người xã hội – tập thể làm mẫu mực sang chỗ quá nặng nề con người cá nhân, thậm chí cá nhân chủ nghĩa. Trong quan hệ về nhân cách bao gồm đức và tài, từ chỗ lấy đức làm gốc chuyển sang coi nhẹ đạo đức, từ chỗ lên án người giàu, đến chỗ quá ưu ái người giàu, từ chỗ sống vì lý tưởng đến chỗ quá thực dụng...Nhiều giá trị truyền thống bị coi thường, một số thuần phong mỹ tục bị xâm phạm...”² *Hai là*, có những giá trị đạo đức truyền thống đã lỗi thời, bị gạt bỏ nhưng cũng có những giá trị mới được khẳng định và đề cao như: coi trọng những giá trị cá nhân, năng động, dám nghĩ, dám làm... *Ba là*, đối với các giá trị truyền thống, có hai xu hướng tự phát, đó là: xu hướng tuyệt đối hoá cái hiện đại, quay lưng với truyền thống, chạy theo đồng tiền, đua đòi lối sống bên ngoài. Ngược lại, có xu hướng tuyệt đối hoá truyền thống, coi nhẹ cái hiện đại, từ đó quay về với truyền thống, với các tập tục cổ truyền, với lối sống cũ và qua đó, khôi phục cả những truyền thống lạc hậu, những hủ tục...

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006, tr.263-264.

² Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng trong công tác tư tưởng hiện nay, 1993, Hà Nội, tr. 43-44.

Có thể nói, mặc dù với sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, các giá trị đạo đức, lối sống, chuẩn mực sống có những biến đổi khá sâu sắc theo nhiều chiều hướng, trong đó có cả những biến đổi theo xu hướng tiêu cực, nhưng nhìn chung, những giá trị, chuẩn mực đạo đức phù hợp với lối sống dân tộc – hiện đại vẫn được đa số nhân dân thừa nhận, gìn giữ và phát huy. Các giá trị đạo đức truyền thống vẫn có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống đạo đức xã hội; đồng thời, con người Việt Nam hiện đại cũng không “đóng cửa, khép kín” với thế giới mà đã có ý thức vươn ra tiếp cận và tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hoá Việt Nam, tiếp tục từng bước hình thành và hoàn thiện lối sống dân tộc – hiện đại.

2.2. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp, các tầng lớp và các nhóm xã hội cơ bản

2.2.1. Thực trạng lối sống của các giai cấp công nhân, nông dân

2.2.1.1. Lối sống của giai cấp công nhân ở nước ta hiện nay

Hiện nay giai cấp công nhân Việt Nam hiện chiếm 10% dân số, chiếm 11,86% lao động cả nước. Độ tuổi giai cấp công nhân tương đối trẻ, đa số công nhân ở độ tuổi 17 đến 35, khoảng 37% công nhân có độ tuổi dưới 30. Quá trình đổi mới kinh tế, chính trị, xã hội đem lại những biến đổi tích cực về ý thức trách nhiệm công dân, ý thức chính trị của giai cấp công nhân. Đội ngũ công nhân đã ra sức học tập, rèn luyện, có ý thức tính tổ chức, kỷ luật, năng động, dám nghĩ, dám làm, kể cả bung ra tự cứu mình. Giai cấp công nhân đã thích ứng nhanh với cơ chế mới, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, vươn lên nắm lấy đỉnh cao của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, tiếp cận nhanh với công nghệ khoa học hiện đại, có nhiều phát minh sáng kiến có giá trị khoa học và kinh tế, được áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội đạt năng suất chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá và vai trò lãnh đạo cách mạng trong sự nghiệp đổi mới. Bên cạnh những biến đổi tích cực về lối sống, trong xã hội ta từ nhiều năm nay cũng diễn ra nhiều biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong lối sống của giai cấp công nhân. Số đông công nhân là lao động phổ thông qua đào tạo ngắn hạn nên thiếu tính tổ chức và kỷ luật, ý thức học tập trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhìn chung không cao, đã nảy sinh lối sống thành thị, lối sống tự do, chủ nghĩa cá nhân, quan hệ sòng phẳng, dẫn đến thái độ bàng quang “ai lo phận nấy”. Một bộ phận công nhân chưa quen với tác phong công nghiệp, có biểu hiện phai nhạt ý thức giai cấp, chưa chú ý tới những lợi ích lâu dài, ý thức tổ chức kỷ luật kém, đời sống, điều kiện lao động

còn nhiều khó khăn; việc thi hành pháp luật còn nhiều thiếu sót, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và liên doanh với nước ngoài. Theo khảo sát, 89,3% công nhân ở các khu công nghiệp cho rằng không có điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao diễn ra tại địa bàn cư trú. Hầu hết lao động ở các khu công nghiệp và khu chế xuất rơi vào tình trạng “mù văn hoá tinh thần”. Do áp lực của công việc và các vấn đề bức xúc chưa được giải quyết triệt để đã gây nên những hiện tượng xã hội như đình công, bãi công, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ... trong công nhân.

2.2.1.1. Lối sống của giai cấp nông nhân ở nước ta hiện nay

Nông dân nước ta chiếm hơn 70% số dân cả nước, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội ta, trình độ dân trí của nông dân thấp. Đổi mới kinh tế, xã hội đã góp phần cải thiện mức sống của đại bộ phận nông dân, tạo ra những biến đổi tích cực về đạo đức, những thay đổi định hướng giá trị tạo ra một bước tiến tích cực về lối sống phù hợp với hội nhập. Nông dân không còn thụ động, trì trệ, lười biếng mà biết linh hoạt, thích nghi với biến đổi, tư tưởng chủ động, vượt lên hoàn cảnh, có trách nhiệm hơn với bản thân, cộng đồng và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài các yếu tố tích cực, chúng ta cũng đang phải đối mặt với những tiêu cực trong lối sống của người nông dân Việt Nam. Lối sống tiểu nông, tư duy manh mún, lạc hậu, tự phát, tự cung, tự cấp, tác phong tùy tiện, tính kỷ luật kém, tư tưởng bình quân chủ nghĩa đang bộc lộ nhiều hạn chế trong đời sống nông dân. Trong nền kinh tế thị trường ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân trong quan niệm sống và lối sống đang có chiều hướng gia tăng trong giai cấp nông dân. Tình trạng ham lợi trước mắt cho mình gây hại cho người khác vẫn còn nhức nhối. Nhiều hành vi ứng xử bất chấp đạo lý, tình người, vì đất đai, nhà cửa, tiền bạc có thể tranh giành, kiện tụng, sát hại kẻ cả ruột thịt. Thói hám danh, bon chen, kèn cựa, đổ kỵ vẫn còn làm nhức nhối xã hội. Sự lệch lạc trong lối sống ảnh hưởng rất lớn đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2.2.2. Thực trạng lối sống của các tầng lớp dân cư cơ bản (trí thức, doanh nhân)

2.2.2.1. Thực trạng lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp trí thức

Năm 2004 đội ngũ trí thức nước ta có 1.870.315 người, trong đó có hơn 6.000 giáo sư, phó giáo sư, gần 14.000 tiến sĩ và hàng mấy chục vạn cử nhân. Số trí thức trên địa bàn Hà Nội có 331.685 người, thành phố Hồ Chí Minh có 295.058 người.

Trong công cuộc đổi mới của đất nước, lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp trí thức Việt Nam được thiết lập trên các giá trị nhân đạo, giàu lòng nhân ái, tình thương yêu, sống có lý tưởng, cần cù, hiếu học, khát khao sáng tạo. Đội ngũ trí thức vừa gắn bó với nhân dân, giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức vì dân tộc, vì nhân dân, có hoài bão khoa học lớn, khát vọng làm giàu, đưa đất nước tiến kịp với sự phát triển của thế giới. Trí thức nước ta có tiềm năng trí tuệ và khả năng sáng tạo lớn, là những người có trình độ học vấn cao, quan tâm và có chính kiến trước những vấn đề chính trị- xã hội nóng bỏng của thời cuộc. Tuy nhiên, xét cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ trí thức chưa mạnh, còn nhiều mặt chưa đáp ứng được lợi ích trước mắt và lâu dài, chưa ngang tầm với với nhiệm vụ phát triển đất nước.

Hiện nay, bên cạnh lối sống tốt đẹp của tầng lớp trí thức, trong xã hội ta vẫn còn một bộ phận trí thức thiếu bản chất của người trí thức, không dám đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, khi có chức quyền chia bè kết cánh, tham nhũng, lãng phí, gây bức xúc trong nhân dân. Bộ phận trí thức này vẫn còn có biểu hiện lối sống tiểu nông, tư duy manh mún trong kế hoạch công tác và chương trình hành động, tác phong tùy tiện, kỷ luật kém, hẹp hòi, đố kỵ, ăn xổi, tranh thủ chụp giật, chỉ vun vén lợi ích cá nhân không quan tâm lợi ích tập thể.

2.2.2.2. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của tầng lớp doanh nhân

Theo khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành tại trên 40.000 doanh nghiệp vào giữa năm 2005, thì số doanh nhân từ 30 tuổi đến 40 tuổi chiếm 25,7%; từ 41 đến 50 tuổi chiếm 31,7%; doanh nhân từ độ tuổi 30 đến 50 chiếm khoảng 57,4%, doanh nhân tuổi 20 – 30 đang có nhiều triển vọng. Tầng lớp doanh nhân nước ta có một vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp 45% GDP cả nước, trên 50% xuất khẩu, giải quyết 90% việc làm cho xã hội. Doanh nhân Việt Nam có lối sống mang đậm tính dân tộc - hiện đại, có lý tưởng cao đẹp, giàu lòng yêu nước, biết kết hợp lợi ích cá nhân và lợi ích đất nước, có khát vọng làm giàu, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, tụt hậu, là lực lượng chủ lực của đất nước trong công cuộc phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Lối sống dân tộc- hiện đại của tầng lớp doanh nhân Việt Nam được thể hiện ở tính năng động, sáng tạo, kỷ luật và tinh thần sẵn sàng chịu trách nhiệm, cũng như tính quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Nhưng trong tầng lớp doanh nhân có một bộ phận lối sống bị sa sút, có tư tưởng “chụp giật”, “lừa đảo”, thiếu chữ tín...

2.2.3. Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của các nhóm xã hội cơ bản (thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi...)

2.2.3.1. Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của nhóm thanh niên

Lối sống thanh niên trong xã hội hiện đại có nhiều biến động lớn, đa dạng và phức tạp. Thanh niên là nguồn nhân lực của quốc gia, tỷ lệ thanh niên tham gia trong các thành phần kinh tế : kinh tế ngoài nhà nước (89%), kinh tế nhà nước (khoảng 10%), kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (khoảng 1%). Dưới tác động của kinh tế thị trường những giá trị truyền thống Việt Nam có những chuyển đổi nhất định. Thanh niên ngày nay đó kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp đó trong lối sống tốt đẹp của thế hệ cha anh, sống có ước mơ, lý tưởng, có ý thức, có ý chí tự lực, tự cường, có tư tưởng tiến bộ, không ngại khó khăn, xung kích thực hiện những việc khó, việc mới và lập nhiều thành tích xuất sắc, góp phần vào thành tựu chung của đất nước sau hơn 20 năm đổi mới. Bên cạnh những mặt tích cực tiến bộ, các sai lệch văn hoá, lối sống thực dụng, dục vọng cá nhân, ảnh hưởng xấu đến nhận thức và lối sống, hành vi của một bộ phận thanh niên. Các sai lệch văn hoá, lối sống tiêu cực đang len lỏi vào lối sống xã hội hiện đại, làm đảo lộn thang giá trị, đạo đức, lối sống của một số thanh niên.

2.2.3.2. Thực trạng lối sống của nhóm phụ nữ

Phụ nữ Việt Nam hiện nay có 42.667.300 người, chiếm 50,86% dân số cả nước. Phụ nữ Việt Nam tham gia ngày càng nhiều trên các lĩnh vực của đời sống. Trong lĩnh vực kinh tế , phụ nữ chiếm 49,95% lao động trong sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp; 36,69% lao động trong sản xuất công nghiệp và xây dựng; 51,8% trong các ngành dịch vụ.

Ngày nay, chị em đã có ý chí vươn lên không cam chịu đói nghèo, quyết tâm xoá đói, giảm nghèo và làm giàu cho gia đình, đóng góp cho xã hội, ý thức chính trị của phụ nữ được nâng lên thông qua việc tuyên truyền chính sách và việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, phần lớn phụ nữ trong thử thách của kinh tế thị trường và sự nghiệp CNH-HĐH đã giữ vững được lối sống lành mạnh, có phẩm chất tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tôn trọng kỷ luật, tuân theo pháp luật, hoàn thành tốt công việc.

Bên cạnh những biến đổi tích cực, chủ nghĩa cá nhân trong lối sống của phụ nữ có chiều hướng gia tăng trong xã hội. Việc đề cao lợi ích, trước hết là lợi ích vật chất cũng như lợi ích cá nhân với những nhu cầu riêng mâu thuẫn, xung đột với lợi ích chung, lợi ích cộng đồng. Nảy sinh tâm lý sống thực dụng, đề cao một chiều các giá trị vật chất, các phương tiện vật chất trong tiêu dùng, hưởng thụ.

2.3. Thực trạng về chất lượng sống cơ bản của toàn xã hội

2.3.1. Thực trạng đời sống vật chất của người dân Việt Nam hiện nay

Đời sống vật chất của một cộng đồng xã hội có phạm vi rất rộng và được biểu hiện vô cùng phong phú, đa dạng trên nhiều khía cạnh của cuộc sống, trong phần này chúng tôi chọn *phạm vi đánh giá điển hình là nhóm đối tượng người nghèo*, nhóm xã hội “yếu thế” trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay trên một số khía cạnh nhất định, bởi lẽ điều kiện sống về mặt vật chất của họ sẽ phản ánh mức sống vật chất tối thiểu của người dân Việt Nam hiện nay.

2.3.1.1. Thực trạng nghèo, đói

Tính theo chuẩn nghèo mới ban hành thì đến cuối năm 2006 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 19%. Tuy đã đạt được những kết quả đáng kể trong xoá đói, giảm tỷ lệ nghèo như trên, nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại hạn chế sau: *Thứ nhất*, thành tựu xoá đói giảm nghèo chưa vững chắc. *Thứ hai*, tỷ lệ đói nghèo ở nông thôn, vùng núi, vùng trung du còn cao. *Thứ ba*, sự khác biệt về đói nghèo giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam còn lớn. *Thứ tư*, mức độ chênh lệch giàu – nghèo đang có xu hướng gia tăng.

2.3.1.2. Thực trạng môi trường sống

Việt Nam đã có khoảng trên 700 nghìn công trình cấp nước, trong đó có trên 4,6 nghìn hệ thống cấp nước tập trung. Chỉ tính trong giai đoạn từ 1993 đến 2004, tỷ lệ người dân Việt Nam được sử dụng nước sạch đã tăng từ 26,2% lên 70%; tỷ lệ này ở nông thôn tăng mạnh hơn, từ 18% lên tới 58%. Năm 2003, khoảng 5 triệu hộ gia đình ở nông thôn (41%) đã có nhà vệ sinh hợp quy cách. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như: Hiện trạng môi trường sống của người dân Việt Nam đang có biểu hiện xấu đi do tác động của một loạt nguyên nhân, như thiên tai, mật độ dân số tăng nhanh đặc biệt là ở các thành phố lớn và các khu công nghiệp, khác thác bừa bãi các nguồn tài nguyên thiên nhiên và xả chất thải chưa qua xử lý bừa bãi vào môi trường, gia tăng các phương tiện giao thông. Hệ quả là ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng trên mọi mặt.

2.3.1.3. Thực trạng dịch vụ hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo

Tính đến năm 2004 đã có 2.306 xã đặc biệt khó khăn có đường ô tô đến trung tâm xã, chiếm 97% tổng số xã đặc biệt khó khăn; chỉ còn 68 xã đặc biệt khó khăn chưa có đường ô tô đến trung tâm cụm xã (chiếm 3%). 90% xã đặc biệt khó khăn có công trình thuỷ lợi nhỏ, 100% các huyện có trung tâm y tế, 100% các xã đặc biệt khó khăn đã có trạm y tế với 100% các trạm đã có y sỹ, một phần đã có bác sỹ, 90% các xã đặc biệt khó khăn có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo; 100% các huyện có trường trung học phổ thông; 36% số xã đặc biệt khó khăn có chợ xã và chợ liên xã, gần 70% xã đặc biệt khó khăn có điểm

bưu điện văn hoá, lưới điện thoại; trên 70% các xã đã có điện thoại đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. 90% các xã đặc biệt khó khăn đã có trạm phát thanh, 100% số huyện và 90% số xã có điện; trong đó có hơn 60% số hộ vùng dân tộc miền núi được sử dụng điện, nhiều tỉnh có 100% số xã có điện. 65% xã đặc biệt khó khăn có công trình phục vụ nước sinh hoạt với trên 70% số hộ đồng bào có đủ nước sinh hoạt, trong đó 50% số hộ được sử dụng nước sạch sinh hoạt. Tuy nhiên, người nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn và trong khu vực thành thị vẫn còn phải đương đầu với nhiều thách thức mới nảy sinh do trình độ phát triển kinh tế – xã hội còn thấp, địa hình hiểm trở, giao thông không thuận lợi, khí hậu khắc nghiệt luôn ẩn chứa hiểm hoạ thiên tai có thể phá huỷ những kết cấu hạ tầng đã đạt được, gây khó khăn trong công tác hỗ trợ; bởi vậy nguy cơ tái nghèo cao, hiệu quả xoá đói giảm nghèo không bền vững; chất lượng sống không ổn định và có khoảng cách rất lớn về kết cấu hạ tầng giữa khu vực này với vùng đô thị...

2.3.1.4. Thực trạng tiếp cận các dịch vụ kinh tế - xã hội cơ bản và hệ thống an sinh xã hội

Đối với dịch vụ chăm sóc sức khoẻ: khoảng 80% người nghèo sống ở nông thôn và miền núi được đảm bảo cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh tại chỗ. 100% đối tượng trợ giúp xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc giấy khám chữa bệnh miễn phí. Đối với dịch vụ giáo dục, hàng năm có khoảng trên 3 triệu học sinh nghèo và dân tộc ít người được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường; 2,5 triệu học sinh được cấp, mượn sách giáo khoa và hỗ trợ vở viết và đồ dùng học tập. 100% trẻ mồ côi, trẻ em tàn tật khó khăn đang đi học được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp. Đến tháng 12/2004, khoảng 293 nghìn hộ nghèo đã được hỗ trợ về nhà ở với tổng kinh phí gần 1200 tỷ đồng. Đến cuối năm 2005 có khoảng 400 nghìn hộ được hỗ trợ cải thiện về nhà ở, có 5 tỉnh với khoảng 2 nghìn xã không còn tình trạng nhà tạm, nhà tranh tre dột nát. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, hỗ trợ sản xuất, hệ thống an sinh xã hội còn có những hạn chế.

2.3.2. Thực trạng đời sống tinh thần của người dân Việt Nam hiện nay

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đã tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng tới mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là đời sống tinh thần ở nước ta, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, ổn định chính trị, xoá đói, giảm nghèo, thúc đẩy kinh tế phát triển, làm lành mạnh môi trường xã hội, đẩy lùi một bước quan trọng các tệ nạn xã hội, từng bước nâng cao trình độ

học vấn, tình độ dân trí, trình độ thẩm mỹ cho công chúng. Tuy vậy, nếu nhìn một cách toàn diện thì đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu văn hóa của nhân dân như chúng ta mong muốn. Ở nông thôn hiện nay vẫn còn 5,1% số người trong độ tuổi mù chữ, 20,26% chưa qua phổ cập tiểu học, còn nhiều hộ chưa được xem Đài truyền hình và Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, hơn 25% số xã chưa có báo hàng ngày để đọc, 90% chưa tham gia thể dục, thể thao. Tệ nạn xã hội còn phổ biến, hiện nay cả nước có khoảng 183.000 người nghiện ma túy (lớp trẻ chiếm 70% trong đó trên 2.000 học sinh và sinh viên) và gần 70 ngàn gái mại dâm. Đời sống văn hoá trong các cơ quan công sở... vẫn còn yếu kém, khiếm khuyết. Hiện tượng tham nhũng chưa được đẩy lùi và ngày càng nghiêm trọng hơn, hiện tượng mất đoàn kết khá phổ biến; bình đẳng nam nữ trong cơ quan vẫn là vấn đề thời sự, lối sống thực dụng vị kỷ, dùng tiền nhà nước tiêu xài lãng phí gia tăng...

Thực trạng đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta nêu trên như một bức tranh có cả mảng tươi vui, sinh động và mảnh trầm lắng, ảm đạm. Điều đó nói lên hai chiều hướng thuận, nghịch trong quá trình vận động của đời sống văn hoá tinh thần; chỉ ra sự thành công và chưa thành công trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá; xác định tính tất yếu phải đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng đời sống văn hoá tinh thần hiện nay.

2.3.3. Thực trạng thực hiện chế độ dân chủ ở nước ta thời gian qua

Khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh dân chủ hoá đời sống xã hội. Cụ thể: *Một là*, cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được hoàn thiện thêm một bước cùng với quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... *Hai là*, thực hiện cải cách bộ máy nhà nước, cải cách thể chế nhà nước và nền hành chính quốc gia theo hướng quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền. *Ba là*, các hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp được tăng cường, phát huy rộng rãi. *Tuy vậy*, trong thời kỳ đổi mới thực tiễn tổ chức và hoạt động của Nhà nước vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, đó là: bộ máy nhà nước chưa thật trong sạch, vững mạnh; tình trạng tham nhũng, lãng phí quan liêu còn nghiêm trọng. Hiệu lực quản lý, điều hành chưa cao, chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn. Đất đai, vốn và tài sản nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, sử dụng lãng phí và thất thoát nghiêm trọng. Tổ chức bộ máy còn

nặng nề, mối quan hệ phân cấp, quản lý còn một số mặt chưa cụ thể (như quản lý, đầu tư, tài chính...)¹; thủ tục hành chính tuy đã được cải cách một bước nhưng vẫn còn nhiều bất cập, còn hiện tượng công chức gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân. Vẫn còn những biểu hiện dân chủ một cách hình thức, tình trạng vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân còn diễn ra. Đồng thời cũng còn tình trạng một bộ phận quần chúng vô tổ chức, vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyền dân chủ.

2.3.4. Thực trạng chỉ số phát triển con người và những đặc điểm mới trong hướng phát triển của nhân cách con người Việt Nam hiện nay

Về thực trạng chỉ số phát triển con người: Theo Báo cáo Phát triển con người kể từ năm 1985 đến nay, chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, từ 0,583 năm 1985 lên 0,691 trong thời gian gần đây, điều đó phản ánh những thành tựu đạt được trong các lĩnh vực phát triển con người như mức sống, y tế và giáo dục. Với chỉ số trên, Việt Nam duy trì vị trí xếp hạng về phát triển con người ở mức trung bình là 112 trong tổng số 177 nước được xếp hạng.²

Về những đặc điểm mới trong hướng phát triển nhân cách: Sự nghiệp đổi mới đất nước làm biến đổi hiện thực xã hội và là tác nhân dẫn tới sự hình thành một số đặc điểm mới của nhân cách con người Việt Nam vừa đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, vừa phù hợp với chiến lược phát triển con người Việt Nam. Cụ thể: *Một là*, năng động, linh hoạt, thích ứng nhanh với những biến đổi của đời sống; mạnh dạn tự tin, dám nghĩ dám làm, dám chấp nhận rủi ro để vươn lên trong sự nghiệp, biết vận dụng sức lực và trí tuệ của mình để làm giàu chính đáng vì lợi ích của cá nhân, gia đình và xã hội. *Hai là*, nỗ lực trong các hoạt động học tập, lao động; biết tính toán hiệu quả kinh tế, dám chấp nhận cạnh tranh và có khả năng tự chịu trách nhiệm trong công việc của mình. *Ba là*, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, phong phú, lối sống văn hoá, tình nghĩa, yêu lao động, có trách nhiệm, gắn bó với quê hương và gia đình. *Bốn là*, có ý thức tôn trọng pháp luật, có bản lĩnh đấu tranh vì công bằng và lẽ phải, biết trân trọng và hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp. *Năm là*, có tri thức khoa học, có khả năng tư duy độc lập và năng lực sáng tạo, nhanh nhạy trong việc tiếp thu cái mới.

¹ Xem: GS. Nguyễn Đức Bình (chủ biên): *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 234 – 235.

² Theo Báo cáo của UNDP Năm 2004.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Phương hướng xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, Đảng ta qua các kỳ Đại hội đều khẳng định “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”¹.

Trong điều kiện hiện nay, để tiếp tục xây dựng con người Việt Nam có lối sống dân tộc – hiện đại, con người xã hội chủ nghĩa cần có sự phối hợp đồng bộ, toàn diện theo hướng: *kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại; giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế; giữa cá nhân và xã hội.*

3.2. Giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Nhóm giải pháp chung

3.2.1.1. Nâng cao đời sống vật chất của nhân dân

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách xoá đói giảm nghèo. Tập trung trợ giúp các địa phương nghèo phát triển kinh tế, hướng vào chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp. Tiếp tục tăng nguồn vốn tín dụng xoá đói giảm nghèo, đổi mới phương thức cho vay, đẩy mạnh trợ giúp người nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện bỏ dần bao cấp bất hợp lý trong xoá đói giảm nghèo, chuyển sang những phương pháp và hình thức hỗ trợ phù hợp với kinh tế thị trường. Sửa đổi chính sách trợ giá, trợ cước và chính sách cung cấp miễn phí một số hàng hoá cho miền núi để hạn chế thất thoát và tăng thêm tác dụng thiết thực của các biện pháp này. Áp dụng phương thức trợ giúp lãi suất đối với tín dụng cho người nghèo; mở rộng diện tín dụng được bảo lãnh thông qua Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 110 – 111.

chính sách xã hội như các chính sách khám chữa bệnh, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ nhà ở, chính sách cho vay vốn tín dụng. Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước vào các địa bàn khó khăn nhất. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương.

***Hai là,** tiếp tục thể chế hoá việc áp dụng công cụ kinh tế; ban hành và áp dụng các biện pháp thu và sử dụng các loại phí, lệ phí bảo vệ môi trường; sử dụng đúng và có hiệu quả kinh phí thu được.*

***Ba là,** cải thiện và nâng cao dịch vụ hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo.* Nhà nước tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù đối với người nghèo và vùng nghèo; rà soát hệ thống chính sách ưu đãi hiện có để loại bỏ những nội dung không còn phù hợp, bổ sung những chính sách mới xuất phát từ thực tiễn của người nghèo, các vùng nghèo, vùng khó khăn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu vực này để chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, đảm bảo đồng tiền hỗ trợ người nghèo được chi đúng mục đích và có hiệu quả; đồng thời huy động sức đóng góp của đối tượng được hưởng thụ bằng ngày công lao động và trực tiếp tham gia giám sát.

***Bốn là,** tăng cường mạng lưới dịch vụ và an sinh xã hội cho người nghèo.*

Tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện sản xuất, việc làm cho người nghèo tự vươn lên thoát nghèo thông qua các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, bao gồm đất đai, công cụ sản xuất, kỹ thuật canh tác, trình độ quản lý, kiến thức và tay nghề, tín dụng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tạo cơ hội thuận lợi cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ công. Bổ sung một số chính sách trợ giúp của Nhà nước đối với các nhóm người yếu thế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người dễ bị tổn thương để tạo cơ hội tự tạo việc làm hoặc đi làm thuê, có thu nhập đủ nuôi sống bản thân, tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các hoạt động xã hội để hưởng lợi từ cải cách kinh tế. Hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội nhằm mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội áp dụng cho mọi đối tượng, kể cả những người làm việc tại khu vực kinh tế phi chính thức và bảo đảm tương quan hợp lý giữa mức đóng và mức hưởng. Đa dạng hóa mạng lưới an sinh tự nguyện. Tăng cường mạng lưới an sinh xã hội thông qua phát triển và củng cố các quỹ của xã hội và đoàn thể. Trợ giúp nhân đạo thường xuyên đối với người nghèo, người không có sức lao động và không nơi nương tựa; duy trì và bổ sung hệ thống chính sách, giải pháp về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn,

đặc biệt là trẻ em tàn tật, mồ côi, lang thang, lao động kiếm sống, trẻ em bị hậu quả chất độc màu da cam, nhiễm HIV/AIDS.

***Năm là,** Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách để phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá sản xuất, khuyến khích làm giàu một cách hợp pháp, phát triển nền kinh tế hàng hoá thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải phóng mọi tiềm năng sức lao động trong nhân dân.*

***Sáu là,** cần có cơ chế, chính sách tài chính hợp lý để điều tiết và thực hiện việc phân phối lại nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm xã hội có thu nhập chênh lệch cao, giữa dân cư miền núi và đồng bằng, giữa dân cư đô thị và dân cư nông thôn.*

3.2.1.2. Nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân

***Một là,** thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hoá, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo quyền tự do dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hoá trên cơ sở phát huy tính tự giác cao của đội ngũ văn nghệ sĩ.*

***Hai là,** mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong cấp uỷ đảng, đảng viên, cán bộ các đoàn thể quần chúng. Huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ “trên xuống”, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia vào các phong trào: Người tốt, việc tốt; Uống nước nhớ nguồn; Đền ơn đáp nghĩa; Xóa đói giảm nghèo; Xây dựng gia đình văn hoá, làng xã, phường văn hoá; Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.*

***Ba là,** xây dựng các luật, pháp lệnh, các văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá. Nghiên cứu xây dựng Luật quảng cáo, Pháp lệnh thư viện... Xây dựng quy chế về giải thưởng trên lĩnh vực văn hoá, bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định về lễ hội, việc tang, việc cưới, khuyến khích nhân dân và tổ chức xã hội xây dựng các quy ước và nếp sống văn hoá. Đồng thời với việc xây dựng, ban hành luật pháp phải xây dựng, ban hành các chính sách văn hoá, chính sách kinh tế trong văn hoá; chính sách văn hoá trong kinh tế; chính sách xã hội hoá hoạt động văn hoá; chính sách bảo*

tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc; chính sách khuyến khích sáng tạo trong các hoạt động văn hoá; chính sách đặc thù, hợp lí hợp tình cho những loại đối tượng xã hội cần được ưu đãi tham gia và hưởng thụ văn hoá và chính sách cụ thể về hợp tác quốc tế để tạo điều kiện cần thiết và động lực cho sự phát triển văn hoá.

***Bốn là,** tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá bằng cách tăng thêm mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn ngân sách nhà nước, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho sự phát triển văn hoá. Củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lí, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp, của hoạt động văn hoá. Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lí văn hoá và đào tạo lớp cán bộ mới đủ phẩm chất và năng lực đảm đương những công việc mới.*

3.2.1.3. Đẩy mạnh thực hiện dân chủ của nhân dân

***Thứ nhất,** thực hiện các giải pháp về xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, chống tự do vô chính phủ, chống cục bộ bè phái; nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, chống quan liêu, tùy tiện, độc tài trong hệ thống quản lý xã hội.*

Cần làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục ý thức về quyền làm chủ của nhân dân để người dân ý thức về địa vị chủ thể của mình, không thờ ơ, xa cách với các quyền và nghĩa vụ công dân, hiểu đúng quyền và nghĩa vụ công dân để làm chủ hành vi trong khuôn khổ pháp luật. Tuyên truyền để nhân dân nắm chắc các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, quy định của các cấp, các ngành, các kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, an ninh – quốc phòng của địa phương.

Công khai hoá các hoạt động của cơ quan Nhà nước, các thủ tục hành chính, những vấn đề tài chính, tài sản...liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân phải được công bố rộng rãi trong nhân dân. Công khai hoá các hoạt động của cơ quan Nhà nước chính là tạo điều kiện để nhân dân có thông tin đầy đủ, chính xác, có điều kiện tiếp cận và biết được cán bộ nhà nước được dân cử có xứng đáng với sự uỷ quyền và tin tưởng của dân hay không.

Cần nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm và sự tùy tiện trong hệ thống quản lý xã hội, chống quan liêu, độc tài.

***Thứ hai,** giải pháp về hoàn thiện các thiết chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân, giải quyết tốt mối quan hệ dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.*

Để hoàn thiện các thiết chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân dưới các hình thức cần: *Một là, nhà nước cần được xây dựng theo đúng nguyên tắc của dân, do dân, vì dân. Tăng cường dân chủ cơ sở, tiếp tục thực hiện rộng khắp mô hình “một cửa” trong quản lý hành chính của cấp chính quyền địa phương theo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” những công việc liên quan đến lợi ích của dân: từ việc nhỏ đến việc lớn, công việc riêng hay việc chung của cộng đồng, khiếu nại, tố cáo của công dân, hồ sơ đất đai, giải quyết công việc theo đúng hẹn, niêm yết công khai về các khoản thu chi, lệ phí, ngân sách... Hai là, tiếp tục thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực kinh tế. Cần tiếp tục tháo gỡ những vấn đề về tính dân chủ trong kinh doanh của các thành phần kinh tế, chống tình trạng doanh nghiệp nhà nước lợi dụng biến độc quyền nhà nước trong một số lĩnh vực trọng yếu thành độc quyền doanh nghiệp... Ba là, thực hiện chế độ “tự quản”, đảm bảo cho nhân dân được làm chủ và có quyền quyết định trực tiếp đối với những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày của nhân dân ở cơ sở. Tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể. Chống tình trạng cục bộ địa phương. Bốn là, tăng cường quyền kiểm tra, giám sát, phản biện của nhân dân với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Hoàn thiện tổ chức, quy chế hoạt động của thanh tra nhân dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát do các cơ quan nhà nước thực hiện theo thẩm quyền đồng thời phối hợp chặt chẽ với thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân. Tiếp tục tìm tòi phương thức và thực hiện tốt sự phản biện xã hội nhằm tranh thủ và phát huy năng lực trí tuệ của toàn xã hội. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là một giải pháp quan trọng mang tính quyết định.*

3.2.1.4. Tiếp tục phát triển khoa học làm cơ sở xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại

Để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại trong giai đoạn mới, thì vai trò của khoa học là vô cùng quan trọng, đặc biệt trong thời kỳ cuộc cách mạng khoa học- công nghệ đã, đang diễn ra mạnh mẽ, phức tạp như hiện nay. Song, để thể hiện vai trò của khoa học trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại thì phải có một nền khoa học mạnh, đủ sức nghiên cứu đưa ra những cơ sở cho việc đưa ra những giá trị mới, nhằm xây dựng những định chế văn hoá mới phù hợp. Và để có một nền khoa học mạnh theo chúng tôi cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần đổi mới cơ chế hoạt động khoa học. Cụ thể là Luật Khoa học và công nghệ tất yếu phải không ngừng được bổ sung và hoàn thiện theo hướng sau:

Khẳng định rõ ràng hơn nữa vị trí, vai trò của khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội - nhân văn trong nền khoa học nói chung của nước ta; đồng thời khẳng định tính chất then chốt của công tác nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu cơ bản trong toàn bộ hoạt động khoa học nói chung. Thể chế hoá một cách chặt chẽ và có hệ thống hơn nữa những quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về khoa học và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, về chính sách quốc gia với tư cách là quốc sách hàng đầu trong đầu tư, phát triển khoa học, trong đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đối với giới trí thức khoa học, nhất là các tài năng và chuyên gia khoa học lớn, đầu ngành mà những đóng góp của họ sẽ có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quy định rõ tổ chức, cơ cấu và hệ thống các cơ quan khoa học và quản lý khoa học, quan hệ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, với sản xuất, với hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, kể cả dịch vụ khoa học cũng như với các hoạt động khác của đời sống xã hội, quyền hạn và trách nhiệm tương ứng với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu khoa học của tổ chức và các cá nhân có thẩm quyền...

Thứ hai, cần tạo động lực cho sự phát triển khoa học- xem đây là giải pháp cơ bản và bao trùm nhất, nhằm thúc đẩy nền khoa học phát triển.

Động lực gồm hai nội dung cơ bản đó là, *động lực vật chất* và *động lực tinh thần*. Đối với động lực vật chất đó là những lợi ích vật chất qua tiền lương, tiền thưởng, nhuận bút và các khoản thù lao khoa học khác là cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với nhà khoa học để họ và gia đình họ duy trì cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, vấn đề tạo động lực phát triển cho khoa học và nhà khoa học còn thể hiện ở những chính sách, chế độ, quy định của nhà nước đối với hoạt động khoa học và cán bộ khoa học.

Thứ ba, đầu tư cho nghiên cứu khoa học phải gắn liền với việc xây dựng và phát triển nhân lực khoa học có chất lượng cao.

Thứ tư, tạo lập môi trường hợp tác quốc tế, thuận lợi cho sự phát triển khoa học.

Thứ năm, đảm bảo và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học, đối với giới trí thức khoa học.

3.2. 2. Nhóm giải pháp cụ thể

3.2.2.1. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác- Lênin nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân.

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác- Lênin.

Mục tiêu của giáo dục nói chung và giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin nói riêng phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đối tượng giáo dục trong mỗi giai đoạn cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là làm cho mỗi người học hiểu rõ và nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là sự hình thành những chân lý khoa học và cách mạng, giúp người học củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu của cách mạng, vào sự nghiệp đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; đồng thời phải bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho họ. Đó là cơ sở để củng cố lập trường giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm thù địch, sai trái góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng. Cần *bổ sung* những nội dung mới, những vấn đề phát triển mới về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào chương trình, nội dung giáo dục như: Những nhận thức mới về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về toàn cầu hoá kinh tế, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng và bảo vệ *Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*. Phương hướng cơ bản của việc đổi mới phương pháp là quán triệt sâu sắc phương châm lý luận gắn với thực tiễn, bảo đảm tính khoa học, tính chiến đấu trong giảng dạy, phát huy tính độc lập và sáng tạo ở người học. Để quán triệt và thực hiện phương hướng cơ bản này, cần có sự linh hoạt, sáng tạo trong hình thức, phương pháp giảng dạy. *Hình thức giảng dạy* phù hợp với những yêu cầu mới của tình hình kinh tế - xã hội, những quy luật của nhận thức, tâm lý đối tượng và đảm bảo truyền tải nội dung giáo dục một cách tối ưu. Trong điều kiện hiện nay, cần nhanh chóng tiếp cận những thành tựu tiên tiến của khoa học và công nghệ giáo dục, từng bước hiện đại hoá phương pháp dạy và học, tích cực sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, đối thoại giữa người dạy và người học. Khắc phục cách giảng dạy độc thoại.

Hai là, chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên. Đội ngũ giảng viên, có vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục. Với các môn học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những môn học trang bị thế giới quan phương pháp luận khoa học trực tiếp tác động đến niềm tin lý tưởng của người học, bồi dưỡng năng lực tư duy khoa học cho người học thì đội ngũ giảng viên càng có vai trò quan trọng đặc biệt. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ, việc xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ giảng viên của các môn học này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: Các trường đại học, cao đẳng, các

trường chính trị ở các địa phương mở ra nhiều (cả công lập và dân lập) song số lượng giảng viên đào tạo chưa tương xứng với yêu cầu giảng dạy, chất lượng bộc lộ nhiều hạn chế. Trước yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, việc chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên này vừa rất cấp bách, vừa có ý nghĩa cơ bản, lâu dài.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh- một giải pháp quan trọng và chủ yếu nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ vốn đã khó khăn và phức tạp, trong điều kiện hiện nay càng khó khăn phức tạp hơn. Vì vậy, đòi hỏi sự quan tâm cao của Đảng, Nhà nước cũng như các cơ quan có chức năng, sự nỗ lực cố gắng của lãnh đạo các nhà trường, địa phương và bản thân đội ngũ giảng viên lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

3.2.2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức

Nhận thức được vai trò của đạo đức đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước đã luôn quan tâm đến việc chăm lo giáo dục đạo đức cho mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy, các giá trị đạo đức truyền thống ngày càng được củng cố, gìn giữ và phát huy. Cùng với việc phát huy những giá trị đạo đức truyền thống thì các giá trị văn hoá, nhân văn của nhân loại cũng được chọn lọc, tiếp thu một cách phù hợp với dân tộc và thời đại. Điều đó đã góp phần làm phong phú thêm các giá trị đạo đức nói riêng và đời sống văn hoá, tinh thần của dân tộc nói chung.

Việc phân tích vai trò của giáo dục đạo đức và xác định nội dung đạo đức, các chuẩn mực đạo đức cũng như cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức, giúp chúng ta tìm ra cách thức để tuyên truyền những nội dung, chuẩn mực đạo đức nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại. Đó là:

Thứ nhất, đưa môn học đạo đức trở thành môn học bắt buộc ở các cấp học, các trường học.

Chúng ta đều biết rằng, tri thức đạo đức là một trong những thành tố quan trọng nhất của ý thức đạo đức và nó được hình thành, phát triển trong quá trình hoạt động của con người, nhưng nó được tạo lập trực tiếp và cụ thể nhất thông qua con đường truyền đạt, giảng dạy. Nhưng thực tế hiện nay cho thấy môn đạo đức học chỉ được giảng dạy ở một số ít trường, chủ yếu là ở các trường sư phạm, hoặc các trường thuộc khối xã hội, mà không đưa vào các trường thuộc khối kinh tế, kỹ thuật, bởi họ cho rằng chỉ cần trang bị kiến thức chuyên môn là đủ,

hoặc khi giảng dạy môn đạo đức thì cho rằng nó là môn phụ, mà không nhìn thấy được tầm quan trọng của nó. "Đạo đức học phải là một ngành khoa học xã hội và những người có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu chuyên cần hơn nữa, phải trở thành một môn khoa học không thể thiếu được trong các trường đại học và phổ thông"¹. Đối với các đối tượng không phải là học sinh, sinh viên thì việc giáo dục đạo đức theo nhiều hình thức khác nhau như: thông qua các cuộc trao đổi, thảo luận, qua các buổi tập huấn, qua các hình thức văn hoá, văn nghệ ...

Thứ hai, phong tục, tập quán, dư luận xã hội và lương tâm là những công cụ có sức mạnh to lớn được loài người sử dụng để điều chỉnh hành vi ứng xử đạo đức của con người nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng xã hội. Do vậy, *nếu biết phát huy tốt các phong tục, truyền thống mà còn giá trị thì nó góp phần không nhỏ trong việc giáo dục thế hệ trẻ*. Bên cạnh các phong tục tập quán còn phù hợp với dân tộc hiện nay là dư luận xã hội. Dư luận xã hội có ảnh hưởng đặc biệt trong các quan hệ đạo đức của xã hội. Nó mang tính cổ vũ định hướng, kim trói rất rõ rệt. Nó có thể tạo nên các giá trị hoặc phủ định các giá trị của một quan hệ đạo đức nhất định. Nó có sức mạnh to lớn và là công cụ lợi hại trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức. *Trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*. Chính những dư luận xã hội đó giúp con người tự đánh giá, tự nhận xét, tự kết luận được cái gì tốt, cái gì xấu, cái gì phù hợp cái gì không và tự điều chỉnh được hành vi của cá nhân trong mọi lĩnh vực của đời sống. Bởi, dư luận xã hội là vấn đề của đạo đức, là sự biểu thị thái độ phán xét, đánh giá của quần chúng nhân dân, của xã hội về các vấn đề mà họ quan tâm bằng thái độ khen, chê thậm chí lên án. Vì vậy, thông qua dư luận xã hội để tuyên truyền giáo dục đạo đức cho nhân dân. Đây là một phương pháp không kém phần quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức.

Thứ ba, *phát huy tối đa lợi thế của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giáo dục đạo đức và tuyên truyền các chuẩn mực đạo đức*. Thời đại chúng ta, các phương tiện thông tin đại chúng không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của mỗi con người, do đó, nó có vai trò rất quan trọng. *Bằng các phương tiện thông tin này, việc tuyên truyền giáo dục đạo đức sẽ đạt hiệu quả nhanh hơn, tốt hơn và chính xác hơn, nó tác động một cách trực tiếp và thường xuyên tới mỗi con người*. Các phương tiện như truyền hình, phát thanh, báo chí... với mỗi chương trình, mỗi một tác phẩm thì việc lồng ghép các nội dung

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh tình hoa dân tộc, trí tuệ thời đại, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1998 tr.79.

tuyên truyền đạo đức sẽ góp phần làm nó sinh động, phong phú và thuyết phục hơn. Những năm gần đây, các chương trình trên truyền hình đã có nhiều nội dung mang tính chất giáo dục đạo đức. Ngay cả trong các chương trình mang tính chất thời sự, chính trị, kinh tế cũng có những nội dung giáo dục đạo đức. Ngoài ra, còn có các chương trình dành riêng cho việc giáo dục đạo đức như: chương trình *Người xây tổ ấm*, *Những ước mơ xanh*, *Chương trình vì người nghèo*, *vì trẻ em bị HIV*, *vì nạn nhân bị chất độc màu da cam*, *vì nhân dân vùng lũ*, ... Với những nghĩa cử cao đẹp đó phần nào đã động viên họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Điều đó đã phát huy được các giá trị truyền thống của dân tộc như truyền thống lòng nhân ái, tình nghĩa, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, yêu thương, giúp đỡ nhau. Các chương trình vừa mang tính chất sáng tạo, và giáo dục đạo đức như: chuyên mục an toàn giao thông, tìm hiểu lịch sử dân tộc, thần đồng đất Việt, và các chương trình giải trí khác đã truyền tải đến khán giả những nội dung cập nhật, chính xác, rõ ràng và thiết thực nhất.

Thứ tư, cùng với việc đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, *công tác giáo dục ý thức pháp luật cho người dân cũng phải được nâng cao và đổi mới*. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là cơ sở để xử lý kiên quyết và kịp thời các hiện tượng vi phạm và là một biện pháp hỗ trợ có ý nghĩa to lớn trong việc và tuyên truyền và giáo dục đạo đức. Nếu hệ thống pháp luật chặt chẽ, hiệu quả thì hành pháp luật cao sẽ có tác dụng ngăn ngừa những hành vi làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng và tạo môi trường kích thích con người suy nghĩ và hành động theo các chuẩn mực đạo đức.

Thứ năm, các hoạt động thể thao, văn hoá, văn nghệ mang tính chất bề nổi cũng là phương thức để tuyên truyền đạo đức đến mỗi người. Bằng những lời ca tiếng hát với các thể loại phong phú nó vừa đáp ứng tốt nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân vừa góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức.

Thứ sáu, trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức thì biện pháp nêu gương là biện pháp hữu hiệu nhất. Hiện nay, Đảng ta đang phát động một phong trào rộng lớn nhằm học tập và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ và nhân dân. Đó là cuộc vận động mang tính giáo dục đạo đức cao, lấy đó để làm động lực cho mỗi con người học tập và noi theo.

Như vậy, cùng với việc phát triển kinh tế thì việc xây dựng và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống và hiện đại góp phần vào việc xây dựng một lối sống dân tộc hiện đại phù hợp với dân tộc và thời đại thì trước hết chúng ta phải

coi trọng và quan tâm một cách thực sự đến công tác tuyên truyền và giáo dục đạo đức cho toàn xã hội. Hồ Chí Minh đã từng nói: Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm sao cho phần tốt của con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Làm thế nào để việc tuyên truyền giáo dục đạo đức đạt hiệu quả cao là trách nhiệm không chỉ của riêng ai mà của toàn xã hội, góp phần tạo nên một xã hội văn minh và phát triển.

3.2.2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục thẩm mỹ để định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong cộng đồng

Để hình thành được lối sống dân tộc- hiện đại cần có sự tham gia đồng bộ của nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó một trong những yếu tố tham gia tích cực vào việc xây dựng lối sống mới là lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ để định hướng thẩm mỹ trong nhân dân là phương thức đưa lại hiệu quả cao nhất trong sự lựa chọn lối sống lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển tiến bộ của xã hội.

Thực tế hiện nay cho thấy, *thị hiếu thẩm mỹ của công chúng hiện nay bị buông lỏng thậm chí có những khuynh hướng khuyến khích “quần chúng tự lựa chọn món ăn tinh thần cho mình không cần định hướng”*. Đây là khuynh hướng sai lầm, bởi thị hiếu của công chúng hiện nay phát triển rất phức tạp. Yêu cầu đó đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một lối sống tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc, hiện đại và nhân văn.

Mục tiêu lý tưởng của sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ là phát huy những khả năng của con người có thể sống và làm việc theo qui luật của cái đẹp. Nhiệm vụ trung tâm của công tác giáo dục thẩm mỹ là xây dựng được một kho tàng kiến thức thẩm mỹ, giúp con người tránh mọi hoạt động vô ý thức, tiến tới những hoạt động có ý thức trong thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ. Để đạt được mục tiêu xây dựng lối sống dân tộc hiện đại hiện nay, trên bình diện của giáo dục thẩm mỹ cần có các giải pháp sau:

Thứ nhất, giáo dục thẩm mỹ bằng cách nêu gương. Giáo dục thẩm mỹ là một hình thức giáo dục đặc thù, nó khác với các loại hình giáo dục khác, đó là sự tự giáo dục, tự vươn tới cái đẹp, cái cao cả. Giáo dục thẩm mỹ bằng tấm gương người tốt, việc tốt mang tính truyền cảm mạnh mẽ. Về phương diện giá trị thẩm mỹ, những tấm gương ấy tự nó mang trong mình cái toàn vẹn, cái đang dẫn đến hoàn thiện và cái hài hoà to lớn. Nó gần gũi, rất dễ được thừa nhận và noi theo. Bác Hồ của chúng ta đã dạy: “Lấy gương tốt trong quần chúng nhân

dân và cán bộ Đảng viên để giáo dục lẫn nhau là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục lớn”¹.

Đưa cái đẹp vào cuộc sống, đưa gương người tốt, việc tốt đến với mọi người là một biện pháp giáo dục tổng hợp, nó cần được làm thường xuyên từ trường học cho đến gia đình và xã hội. Như vậy, những giá trị thẩm mỹ mới ngày càng được nhân lên và nó có sức mạnh cổ vũ cho hàng triệu người sống tốt, sống đẹp vì một lý tưởng đúng đắn.

Thứ hai, giáo dục thẩm mỹ bằng lao động. Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động đã hình thành năng lực thẩm mỹ của con người, giúp thẩm mỹ phát triển, góp phần quan trọng xây dựng cho được một môi trườngy thẩm mỹ lành mạnh để con người lao động, khám phá và sáng tạo, xây dựng cho họ một lý tưởng thẩm mỹ, một lối sống đúng đắn, chống lại mọi mưu toan biến con người thành kẻ thực dụng, sa đoạ.

Thứ ba, giáo dục thẩm mỹ thông qua trang bị hệ thống lý luận của Mỹ học Mác- Lênin. Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin một mặt giúp chủ thể thẩm mỹ chống lại mọi sự xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, chống lại chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tự nhiên và giáo điều. Giúp cho chủ thể có một tầm nhìn rộng lớn phản ánh các hiện tượng cấp bách của hiện thực, giúp cho chủ thể kế thừa và phát huy những thành tựu chủ yếu của đời sống thẩm mỹ truyền thống và hiện đại.

Thứ tư, tăng cường giáo dục thẩm mỹ thông qua phát triển các loại hình nghệ thuật. Để phát huy vai trò của văn học trong giáo dục thẩm mỹ nhằm định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong sự hình thành lối sống mới cần phải: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng nâng cao tính đảng, tính nhân dân trong sáng tác văn học, khẳng định vai trò to lớn của thế giới quan mácxít trong sáng tác và phê bình. Đồng thời phải xây dựng và phát triển đội ngũ các nhà văn, các nhà lý luận phê bình có tài năng và bản lĩnh vững vàng nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Mặt khác phải nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân được thưởng thức các giá trị thẩm mỹ chân chính nhằm bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, loại trừ ngăn chặn sự du nhập các giá trị thẩm mỹ không lành mạnh vào trong công chúng. Cùng với văn học, nghệ thuật là lĩnh vực có nhiều ảnh hưởng tới sự hình thành, lựa chọn lối sống của các chủ thể trong xã hội. *Để phát huy vai trò của nghệ*

¹ Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là một trận*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 411.

thuật trong giáo dục thẩm mỹ nhằm định hướng cho sự phát triển lành mạnh của thị hiếu thẩm mỹ trong sự hình thành nhân cách, lối sống của cộng đồng hiện nay, cần thực hiện đồng bộ một số các giải pháp sau: Cần phải thống nhất các hình thức giáo dục thẩm mỹ khác với mục tiêu phát triển đức, trí, thể, mỹ cho con người; cần phải phổ biến các kiến thức mỹ học toàn diện đến từng thành viên trong xã hội thông qua hệ thống giáo dục quốc dân, trong nhà trường và ngoài xã hội.

Thứ năm, giáo dục thẩm mỹ thông qua khai thác hiệu quả mạng internet. Để khai thác hiệu quả hệ thống mạng rất cần có sự quan tâm của các ngành chức năng trong sự lựa chọn, định hướng các giá trị tích cực, đồng thời hạn chế các giá trị phản thẩm mỹ, cái xấu, cái ác đang len lỏi vào đời sống của chúng ta.

3.2.2.4. *Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên*

Để có được lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên phải tiến hành nhiều giải pháp, trong đó chủ yếu là giáo dục đạo đức sinh thái. Muốn thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này cần tập trung một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, giáo dục nâng cao nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội.

Cần làm cho mỗi người hiểu, trân trọng giới tự nhiên, giữ gìn, bảo vệ, nuôi dưỡng giới tự nhiên. Cần tăng cường giáo dục làm cho mỗi người nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt nhận thức sâu sắc rằng sự tác động của con người vào tự nhiên không thể tùy tiện, bất chấp quy luật của tự nhiên, con người cần phải bảo đảm cơ chế hoạt động bình thường của chu trình sinh học, nghĩa là phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tự tổ chức, tự điều khiển, tự bảo vệ, tự làm sạch của chu trình, mà xã hội là một mắt khâu trong đó.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính quy trong các bậc học với các hình thức giáo dục không chính quy và phát huy các phương tiện thông tin đại chúng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của mỗi người và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

KẾT LUẬN

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã hình thành và phát triển rất mạnh mẽ trong nửa đầu của thế kỷ XX. Hàng tỷ người trên hành tinh này đã xây dựng trong thực tế những nguyên tắc và nội dung cơ bản của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã sản sinh ra những nhân cách rất cao đẹp trong lao động và trong chiến đấu. Hàng triệu người lao động ưu tú ra đời từ lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã được cả loài người tôn vinh. Những người cộng sản, những anh hùng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống xâm lược, bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội đã là sản phẩm tuyệt vời của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa với những nội dung và nguyên tắc sống của nó đã từng thuyết phục và lôi kéo nhiều dân tộc trên hành tinh này hướng về nó.

Tuy nhiên, trong quá trình hình thành và phát triển của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã bộc lộ khá nhiều nhược điểm làm cho nhiều nội dung và nguyên tắc sống tốt đẹp của nó không những không thể thực hiện được trong thực tế, mà còn trở thành những lực cản, kìm hãm sự phát triển thực tế của lối sống đó.

Năng suất lao động phát triển chậm, lực lượng sản xuất phát triển không cao, chủ nghĩa bình quân ăn sâu vào mọi quan hệ xã hội, trình độ quản lý xã hội thấp, sự độc quyền chân lý gia tăng, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, nạn tham ô, hách dịch, cửa quyền hoành hành, tính kiêu ngạo cộng sản xuất hiện ở nhiều lĩnh vực của cuộc sống, đạo đức xuống cấp... tất cả những tiêu cực đó phá hỏng từ gốc rễ lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa, làm cho lối sống này bị tan rã ở nhiều dân tộc và cũng đặt ra vấn đề đổi mới lối sống ấy cho phù hợp hơn với sự phát triển của sản xuất và chính trị mới.

Hiện nay, nội dung và những nguyên tắc của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa vẫn mang ý nghĩa lịch sử vĩ đại, nó làm thay đổi tận gốc những hoạt động sống cơ bản của loài người. Nội dung và những nguyên tắc ấy hiện nay đang thiếu điều kiện thực tiễn vận hành. Tuy nhiên, nó vẫn là những chuẩn mực khung, chuẩn mực tốt đẹp, chuẩn mực lý tưởng để các hoạt động sống vươn lên và phát triển nó rực rỡ hơn.

Để tiếp tục củng cố và hoàn thiện lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi có một số **kiến nghị** sau đây:

Một là, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách để phát triển sản xuất, khuyến khích làm giàu hợp pháp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, đặc biệt để thực hiện xoá đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao dịch vụ hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội cho người nghèo.

Hai là, Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, các cấp, các ngành cần có biện pháp để thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; cần mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Ba là, đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác- Lênin nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân.

Bốn là, tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá bằng cách tăng thêm mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn ngân sách nhà nước, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho sự phát triển văn hoá.

Năm là, thực hiện các giải pháp về xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, chống tự do vô chính phủ, chống cực bộ bè phái; nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, chống quan liêu, tùy tiện, độc tài trong hệ thống quản lý xã hội.

Sáu là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức thông qua các hình thức chính qui và các hình thức không chính qui.

Bảy là, kết hợp chặt chẽ giữa phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của mỗi người và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng xã hội trong giáo dục và tự giáo dục.

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2007

MÃ SỐ: B.07 - 24

**XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ: HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH KHU VỰC I

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG

THƯ KÝ ĐỀ TÀI:

TS. CUNG THỊ NGỌC

CÁC CHUYÊN ĐỀ

HÀ NỘI, THÁNG 12/2007

CHỦ NHIỆM VÀ THƯ KÝ ĐỀ TÀI

PGS, TS. Vũ Trọng Dung Chủ nhiệm đề tài

TS. Cung Thị Ngọc Thư ký đề tài

CÁC TÁC GIẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. ThS. Nguyễn Thanh Bình Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
2. PGS, TS. Lê Bình Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
3. PGS, TS. Vũ Trọng Dung Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV
4. TS. Vũ Văn Hậu Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
5. TS. Trịnh Duy Huy Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá
6. ThS. Triệu Quang Minh Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
7. ThS. Ngô Thị Thu Nga Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
8. TS. Cung Thị Ngọc Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
9. TS. Trần Thị Minh Ngọc
Khoa XHH và TLLĐQL, Học viện CT - HC KV I
10. ThS. Tô Thị Nhung Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
11. TS. Mai Thị Quý Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá
12. TS. Nguyễn Thị Minh Tâm Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
13. TS. Nguyễn Nam Thắng Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
14. TS. Lê Thị Thuỷ Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
15. ThS. Đặng Ánh Tuyết Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
16. TS. Lê Thị Minh Hà Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I
17. ThS. Ngô Thị Hoàng Yến Khoa Triết học, Học viện CT - HC KV I

MỤC LỤC

TT	TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	TRANG
	MỞ ĐẦU		5
1.	Khái niệm lối sống và những phạm trù liên quan	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	11
2.	Bản chất xã hội của lối sống	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	24
3.	Sự vận động lịch sử của lối sống trong các xã hội trước chủ nghĩa xã hội	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	31
4.	Các điều kiện khách quan hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	40
5.	Bản chất của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	47
6.	Nội dung cơ bản của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	57
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	80
8.	Quan niệm của Đảng ta về lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	90
9.	Sự vận động của lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam trước thời kỳ đổi mới	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	95
10.	Lối sống dân tộc - hiện đại trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay	PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG	114
11.	Ảnh hưởng của toàn cầu hoá tới sự việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay	TS. MAI THỊ QUỲ	135
12.	Sự đan xen lối sống mới và lối sống cũ trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	TS. NGUYỄN NAM THẮNG	166
13.	Sự biến đổi của các chuẩn mực sống và lối sống dân tộc -		

TT	TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	TRANG
	hiện đại trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	THS. NGÔ THỊ THU NGÀ	186
14.	Chủ nghĩa cá nhân , lối sống thực dụng và sự suy thoái nhân tính - thác loạn ở nước ta hiện nay	TS. NGUYỄN NAM THẮNG	199
15.	Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp, các tầng lớp và các nhóm xã hội cơ bản	TS. TRẦN THỊ MINH NGỌC	215
16.	Thực trạng đời sống vật chất của người dân Việt Nam hiện nay	THS. NGUYỄN THANH BÌNH	259
17.	Thực trạng và một số giải pháp nhằm nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của người dân Việt Nam hiện nay	TS. CUNG THỊ NGỌC	277
18.	Một số vấn đề về thực hiện chế độ dân chủ ở nước ta thời gian qua	TS. NGUYỄN THỊ MINH TÂM	290
19.	Thực trạng chỉ số phát triển con người, nhân cách con người Việt Nam hiện nay với những giá trị truyền thống và hiện đại	TS. LÊ THỊ THUỶ	315
20.	Một số phương hướng cơ bản nhằm xây dựng lối sống dân tộc - hiện nay ở Việt Nam hiện nay	THS. TRIỆU QUANG MINH	334
21.	Nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn với giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	PGS, TS. LÊ BÌNH	356
22.	Kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống kết hợp với tiếp thu các giá trị quốc tế trong xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại	TS. TRỊNH DUY HUY	369
23.	Đẩy mạnh phát triển khoa học làm cơ sở xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay	TS. VŨ VĂN HẬU	382
24.	Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục đạo đức, các chuẩn mực		

TT	TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	TRANG
	đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức	THS. TÔ THỊ NHUNG	397

25.	Tăng cường giáo dục thẩm mỹ để định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong cộng đồng	THS. ĐẶNG ÁNH TUYẾT	409
26.	Giáo dục lối sống hài hoà giữa con người với tự nhiên	PGS, TS. LÊ BÌNH	422
	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ		437
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO		440

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng lối sống mới là một trong những nhiệm vụ trọng đại và lâu dài của quá trình "xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế"¹. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm qua chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu vẻ vang trong việc xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở theo hướng "làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người"². Nhiều nếp sống cũ, lạc hậu, nhiều hủ tục trên khắp mọi miền đất nước đã được khắc phục; một số nếp sống mới đã được hình thành góp phần làm cho lối sống của xã hội ta chuyển theo hướng dân tộc - hiện đại.

Tuy nhiên, như *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, khoá VIII* đã chỉ rõ: hiện nay xã hội ta đang có "sự suy thoái nghiêm trọng về đạo đức lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên; trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền. Nạn tham nhũng dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đoạ không được ngăn chặn có hiệu quả. Hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, bè phái, mất đoàn kết khá phổ biến"³. "Lối sống thực dụng...chỉ chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân mà coi thường lợi ích cộng đồng, chỉ chú ý đến lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản..."⁴ đã ảnh hưởng to lớn đến quá trình phát triển lành mạnh của đất nước.

Trước tình hình đó, các văn kiện Đại hội Đảng từ lần thứ VIII, thứ IX và lần thứ X đều coi việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là một bộ phận

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 213.

² *Sdd*: tr. 213.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, Khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 46 - 47 và tr. 29 - 30.

⁴ *Sdd*, tr. 46 - 47 và tr. 29 - 30.

quan trọng của quá trình làm cho văn hoá trở thành "nền tảng tinh thần của xã hội". Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại không chỉ gắn liền với *lịch trình phát triển bền vững* ở nước ta trong thế kỷ XXI, mà còn gắn toàn diện với việc *xây dựng nhân cách văn hoá* mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đề xuất. Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là nền tảng "nâng cao văn hoá lãnh đạo và quản lý, văn hoá trong kinh doanh và văn hoá trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên; chống những hiện tượng phản văn hoá và phi văn hoá"¹. Một kiểu người mới đại diện cho trí tuệ Việt Nam mới, một nhân cách văn hoá đại diện cho thời đại mới đều gắn chặt với quá trình xây dựng lối sống mới. Đạo đức của con người mới, tác phong lao động của con người Việt Nam mới, cuộc sống tâm tư, tình cảm, các quan hệ gia đình của con người mới không tách rời với quá trình xây dựng lối sống mới.

Có thể nói, xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là điểm nhấn quan trọng của công cuộc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong lịch trình thế kỷ XXI. Thực chất của sự nghiệp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay là định hướng và xác lập sự lựa chọn con đường để nhân dân ta hướng tới một xã hội: dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là quá trình nhân đạo hoá toàn bộ đời sống xã hội mà mỗi cá nhân sẽ phát huy tính tự chủ, tự giác, sức mạnh bên trong nhằm hướng tới một kiểu người Việt Nam mới của thế kỷ XXI: giàu có về tri thức, phong phú về tâm hồn, cao đẹp về đạo đức và xuất sắc về tài năng.

Vì vậy, việc làm rõ bản chất, nội dung và các giải pháp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại có ý nghĩa "hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người"² như Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X đã nhấn mạnh. Nó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong việc vun trồng và phát triển cái tích cực, đẩy lùi và loại bỏ cái tiêu cực trong quá trình tiến lên của đất nước.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 213.

² *Sđd*, tr. 213.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Lối sống là một lĩnh vực rất rộng. Trong mấy chục năm nay, do sự phát triển nhiều mặt của cuộc sống mới, nhiều nước trên thế giới cũng như ở nước ta đã có những công trình nghiên cứu lối sống từ các phương diện khác nhau. Về phương diện triết học, ở Liên Xô đã có nhiều nhà triết học như: Gledoman, Rútkêvích, Inhatốpxki, Butencô... đã có nhiều công trình nghiên cứu *lối sống* nói chung và *lối sống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô* nói riêng. Công trình *Lối sống xã hội chủ nghĩa* của tập thể các viện sĩ thông tấn, các tiến sĩ triết học... của Liên Xô viết, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội xuất bản bằng tiếng Việt năm 1982 gồm XIV chương với 518 trang đã giới thiệu nhiều vấn đề cơ bản và quan trọng của lối sống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô. Các vấn đề cơ sở chính trị, cơ sở kinh tế, lối sống nông thôn, lối sống đô thị, cuộc đấu tranh tư tưởng trong lối sống ở Liên Xô đã được nghiên cứu công phu trong tác phẩm này.

Ở Việt Nam, lối sống trước hết là lĩnh vực nghiên cứu của các nhà *xã hội học*. Trong các tạp chí *Xã hội học* ở nước ta, các vấn đề lối sống của các nhóm xã hội đã được nghiên cứu đa dạng. Nhiều tác phẩm xã hội học đã nghiên cứu lối sống nông thôn, lối sống đô thị, lối sống ở các vùng, các miền. Năm 1993 và 1996, Viện Văn hoá thuộc Bộ Văn hoá Thông tin đã cho xuất bản 2 tác phẩm: *Lối sống trong đời sống đô thị hiện nay* (1993) và *Lối sống đô thị miền Trung mấy vấn đề lý luận và thực tiễn* (1996). Hai tác phẩm này do nhiều nhà nghiên cứu xã hội học của nước ta viết dưới sự chủ biên của PGS, TS. Lê Như Hoa. Các tác phẩm này từ *phương diện xã hội học* đã đề cập rất đa dạng lối sống ở đô thị và các đô thị của nước ta. Các vấn đề quản lý đô thị, tiêu dùng văn hoá, văn hoá kinh doanh đã được đề cập phong phú. Năm 2004 GS. TS Trịnh Duy Luân, Viện trưởng Viện Xã hội học cho xuất bản cuốn *Xã hội học đô thị* đã nghiên cứu các chuẩn mực và mô hình ứng xử của cư dân đô thị nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Sách do Nxb. Khoa học Xã hội xuất bản 2004. Năm 1998, Trung tâm nghiên cứu và Tư vấn về phát triển đã cùng với Nxb. Văn hoá Thông tin cũng cho in cuốn *Văn hoá, lối sống với môi trường* do hai nhà nghiên cứu xã hội học Chu Khắc Thuật và Nguyễn Văn Thủ chủ biên. Cuốn

sách đề cập tới lối sống gắn với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của các xã hội con người ở phương Đông và phương Tây. Năm 2006, GS.TS Đặng Cảnh Khanh đã cho xuất bản cuốn *Xã hội học thanh niên* với 584 trang, do Nxb. Chính trị Quốc gia ấn hành. Cuốn sách gồm 5 phần, với 20 chương, nghiên cứu toàn diện lối sống của tầng lớp thanh niên trong các quan hệ đa dạng của họ. Có thể nói, các nhà xã hội học đã nghiên cứu *lối sống của những bộ phận dân cư* theo cơ tầng xã hội, cơ cấu giai cấp, các vùng, các miền và quan hệ của con người với môi trường.

Nhiều nhà *văn hoá học* đã nghiên cứu lối sống như một thành tố của văn hoá xã hội. GS.TSKH Huỳnh Khái Vinh đã chủ biên công trình *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức; chuẩn giá trị xã hội* do Nxb Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2001. Cuốn sách là một công trình tập thể *của nhiều nhà nghiên cứu* văn hoá đề cập một cách toàn diện đến các điều kiện xã hội sản sinh ra những nhân cách văn hoá và các chuẩn mực văn hoá của các lối sống. Cuốn sách nghiên cứu lối sống ở nước ta trên bình diện văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, văn hoá chính trị, văn hoá đạo đức, văn hoá thẩm mỹ và các giải pháp xây dựng lối sống trong quá trình chúng ta xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Năm 2000, GS, Vũ Khiêu chủ biên tác phẩm *Văn hoá Việt Nam, xã hội và con người* (Nxb. Khoa học Xã hội với 797 trang). Cuốn sách do nhiều nhà nghiên cứu văn hoá có tên tuổi ở nước ta viết. Cuốn sách nghiên cứu tương đối toàn diện và toàn cảnh con đường phát triển của lối sống trong tiến trình phát triển nền văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. GS, Vũ Khiêu khi nghiên cứu vấn đề *Xây dựng lối sống văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã đề cập toàn diện đến các vấn đề văn hoá của lối sống, mức sống, lễ sống, nhịp sống và *coi lối sống là biểu hiện sinh động của một nền văn hoá*. Có thể nói, về phương diện văn hoá, đã có rất nhiều nhà nghiên cứu văn hoá đề xuất các chuẩn mực, giá trị của lối sống. Họ đã gắn lối sống với các thành tố khác của nền văn hoá và *coi vấn đề lối sống là hiện thân của một nền văn hóa*.

Về *phương diện triết học*, trên tạp chí *Triết học*, tạp chí *Cộng sản* thỉnh thoảng có đề cập đến các phương diện tổng quát của lối sống như lĩnh vực tinh thần của lối sống, cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống, lối sống xã hội chủ nghĩa và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nhân cách... Trên tạp chí *Cộng sản* số 10 - 1991, GS.TS Đỗ Huy đã viết bài *Xây dựng lối sống mới trong giai đoạn hiện nay*. Trên bình diện triết học, bài nghiên cứu đã đề cập đến mặt vật chất, mặt tinh thần và biện chứng giữa hai mặt này của lối sống. Bài nghiên cứu đã đi sâu vào mặt vật chất, cái quyết định, cơ sở của lối sống, nhưng không phải toàn bộ lối sống. Bài nghiên cứu đã phân tích mặt tinh thần, nội dung và hình thức, số lượng và chất lượng, các sự phát triển đa dạng nhiều chiều giữa cái truyền thống và cái hiện đại, cái dân tộc và cái quốc tế, cái cá nhân và cái xã hội... trong lối sống. Một vài tác giả khác, tuy không đề cập trực tiếp phương diện triết học của lối sống, nhưng trong nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề chung của lối sống, như vấn đề phương thức sản xuất và lối sống, dân chủ hoá trong lối sống, nhân cách và lối sống. GS, Vũ Khiêu đã nghiên cứu các tư tưởng của C.Mác và Ph. Ăngghen về mode de vie, mode de production. (Xem Vũ Khiêu, *Văn hoá Việt Nam xã hội và con người*. Nxb. Khoa học Xã hội 2000, tr. 512)

Cho đến nay, ở nước ta vì rất nhiều lý do khác nhau *chưa có một công trình nào nghiên cứu hệ thống, toàn diện và tập trung lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay*. Đây là một vấn đề phức tạp và khó, đòi hỏi vốn triết học sâu và trí thức của rất nhiều ngành khoa học liên quan như chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, triết học cũng như nhiều khoa học xã hội và nhân văn khác. Kinh phí hợp lý để triển khai nhiều đề tài khác nhau chung quanh vấn đề xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Đề tài này cố gắng phân tích sâu lĩnh vực vật chất của lối sống, cái phổ biến và cái đặc thù trong lối sống, sự thống nhất giữa cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong lối sống dân tộc - hiện đại theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vấn đề lối sống dân tộc - hiện đại trong sự phân tích theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ là trung tâm nghiên cứu của đề tài này. Đề tài triển khai nghiên cứu dưới ánh sáng các tư tưởng của Đảng ta về lối sống dân tộc - hiện đại. Đề tài sẽ làm sáng tỏ mặt vật chất và mặt tinh thần của lối sống dân tộc - hiện đại gắn liền với những vấn đề ý thức tư tưởng chính trị, đạo đức thẩm mỹ của nhiều tầng lớp, nhiều vùng dân cư... trong quá trình hình thành các giá trị văn hoá của nhân cách con người Việt Nam mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài làm sáng tỏ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về lối sống xã hội chủ nghĩa và lối sống dân tộc - hiện đại; phân tích thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại hiện nay; từ đó nêu ra phương hướng và giải pháp cơ bản xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, đề tài có nhiệm vụ:

Một là, trình bày có hệ thống quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về bản chất và nội dung của lối sống dân tộc - hiện đại.

Hai là, trình bày khái quát thực trạng lối sống và thực trạng chất lượng sống của một số tầng lớp dân cư cơ bản và các nhóm xã hội ở nước ta hiện nay đang vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lối sống

Ba là, đề ra phương hướng và một số giải pháp cơ bản nhằm xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong tình hình hiện nay ở nước ta.

4. Nội dung nghiên cứu

Một là, cơ sở lý luận và thực tiễn của lối sống dân tộc - hiện đại.

Hai là, thực trạng của lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Ba là, phương hướng và giải pháp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng, đề tài sử dụng các phương pháp: phân tích - tổng hợp, so sánh đối chiếu, logic- lịch sử, kết hợp với phương pháp điều tra, khảo sát xã hội học đồng thời gắn lý luận với thực tiễn, sử dụng phương pháp hệ thống hoá và khái quát hoá để nghiên cứu.

6. Kết cấu của Kỷ yếu

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, kỷ yếu gồm 26 bài viết của các tác giả theo nội dung nghiên cứu của đề tài.

7. Sản phẩm của đề tài

- Kỷ yếu đề tài.
- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học.
- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.

KHÁI NIỆM LỐI SỐNG VÀ NHỮNG PHẠM TRÙ LIÊN QUAN

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Mỗi một xã hội, mỗi nhóm xã hội, mỗi con người đều tồn tại và phát triển trong mối quan hệ với tự nhiên, với người này và người khác trong một cộng đồng lịch sử nhất định. Do phải sống, tồn tại và phát triển, con người đã sản xuất ra của cải vật chất để nuôi sống mình và phát triển xã hội. Cùng với việc sản xuất ra của cải vật chất, con người đã sản xuất ra của cải tinh thần, ra dân tộc, ra chế độ chính trị và những thiết chế nền tảng của văn hóa như lao động, gia đình, tôn giáo, văn học nghệ thuật... để duy trì sự ổn định và phát triển của mình. Trong quá trình ấy, mỗi cộng đồng xã hội đã tạo nên cách sống, phương thức sống và các hình thức sống riêng biệt.

Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật về lịch sử, các cách sống, các phương thức sống, các hình thức hoạt động sinh sống của con người từ lao động, giao tiếp, gia đình và nhân cách trong một môi trường tự nhiên và xã hội nhất định được gọi là *lối sống*. Có lối sống của một xã hội, lối sống của một nhóm xã hội, lối sống của một cá nhân trong cộng đồng lịch sử nhất định.

Lối sống là một khái niệm rộng. Phạm vi biểu hiện của lối sống *trong toàn bộ các quan hệ của con người*. Tiếng Anh, lối sống là: Way of life. tiếng Pháp là: Mode de vie, và tiếng Đức là: Lebensweise. Lối sống là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học như xã hội học, chính trị học, văn hóa học, đạo đức học... và triết học. Trong quan niệm của triết học Mác - Lênin, *lối sống là những hoạt động sống của con người trong những điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định*. C.Mác và Ph.Ăngghen đã viết: Lối sống là gì nếu không phải là những hoạt động sống, những “*hoạt động thực sự có tính người của những cá nhân, thành viên tích cực của xã hội, biết đau khổ, cảm giác, suy nghĩ và hành*

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

động như những con người”¹. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C. Mác và Ph. Ăngghen còn gắn lối sống với phương thức sản xuất.

Trong các tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăngghen, hoạt động sống của con người bao hàm một tổng thể nhiều quan hệ.

Một là, hoạt động lao động, hoạt động sản xuất mà trung tâm của nó là *cách thức lao động*. Vì thế, khi bàn đến chế độ kinh tế trong mỗi cộng đồng lịch sử làm cơ sở cho một kiểu sống nhất định, C. Mác và Ph. Ăngghen không quan tâm riêng đến tư liệu lao động hay chỉ riêng các quan hệ sản xuất, mà các ông quan tâm tới *mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất*. Đó là quan hệ của nội dung lao động với các hình thức của hoạt động lao động. Các hình thức hoạt động lao động thể hiện năng suất lao động, chất lượng, số lượng, thời gian lao động. Lao động tất yếu và lao động tự do là những thành tố cơ bản tham gia vào trong cơ cấu lối sống của một phương thức sản xuất nhất định.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, phương thức sản xuất là giới hạn của mọi hoạt động sống của con người trong việc cải tạo tự nhiên, phát triển xã hội, hình thành nhân cách theo *một cách thức, một kiểu dạng* gắn với toàn bộ lao động và đời sống xã hội của con người. Phương thức sản xuất không chỉ tái tạo ra của cải vật chất - những thứ để ăn, uống, chỗ ở và mặc, đảm bảo cho sự tồn tại thể xác của con người, mà còn quy định mọi hoạt động sống, hoạt động giao tiếp của một cộng đồng, một nhóm xã hội hay một cá nhân.

Hai là, mỗi lối sống, ngoài các quan hệ trong sản xuất ra của cải vật chất của xã hội, còn có các *quan hệ trong sản xuất tinh thần*: văn hóa, chính trị, chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ... Trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen đã dẫn trên thì hoạt động sống, hoạt động thực sự có tính người bao gồm cả những hoạt động tinh thần: văn hóa, tình cảm và tâm linh. Sản xuất tinh thần tuy là phản ánh và là hệ quả của sản xuất vật chất; nhưng nó có tính độc

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 2, 1995, tr. 233.

lập tương đối, tạo nên kiểu lịch sử nhất định của hoạt động sống, lối sống. Các hoạt động đạo đức, chính trị, văn hóa, nghệ thuật đều có liên quan bản chất đến hệ thống sáng tạo, phân phối, trao đổi và tiêu dùng trong đời sống tinh thần của xã hội. Chúng xác định những đặc điểm, những hình thức giao tiếp, những định hướng giá trị, những năng lực thực tế, những nhu cầu cần thiết trong hoạt động sống của con người.

Mỗi xã hội có những tiềm năng, trình độ phát triển tinh thần nhất định. Văn hóa tinh thần của xã hội tạo nên cội nguồn sức sống lâu bền của lối sống.

Ba là, hoạt động sống của con người gắn liền với các thiết chế tự nhiên của mỗi xã hội. Đó là thiết chế lao động, thiết chế gia đình, thiết chế tôn giáo. Các thiết chế này ảnh hưởng rất sâu sắc đến lối sống của cá nhân và xã hội. Thiết chế lao động, thiết chế gia đình, thiết chế tôn giáo là cơ cấu chiều sâu của lối sống. Lao động cho cộng đồng, cho cá nhân; thời gian lao động tất yếu và lao động tự do; cơ cấu tín ngưỡng, niềm tin, tâm linh, tôn giáo; hệ thống các tôn giáo, các quan hệ huyết tộc trong gia đình, các kiểu gia đình có ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống và tiến trình phát triển của lối sống.

Kết cấu tự nhiên của lao động, của tín ngưỡng, của gia đình tham gia vào cả hệ thống sản xuất vật chất và hệ thống sản xuất tinh thần. Những xã hội Hồi giáo, những xã hội Đạo giáo, Phật giáo, những gia đình kiểu huyết tộc, kiểu mẫu hệ, những gia đình gia trưởng, tứ đại đồng đường sẽ có ảnh hưởng to lớn đến lối sống của xã hội.

Bốn là, lối sống của mỗi xã hội, hoạt động sống của cơ thể xã hội không chỉ là sự vận hành của hệ thống kinh tế - chính trị đồ sộ, mà còn do kỹ năng lao động và bản chất dân tộc tạo nên diện mạo sống. Kỹ năng lao động, bản chất dân tộc có tính kế thừa từ đời này qua đời khác. Các thế hệ tạo nên kỹ năng và tham gia xác lập truyền thống không còn nữa, nhưng các chương trình mà họ tạo ra vẫn tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc tới lối sống. Vì thế, người ta thường nói đến lối sống anh hùng, bất khuất, tự lập tự cường Việt Nam; lối sống thực tế của người Anh, lối sống thực dụng của người Mỹ. Lối sống đầy tư duy triết học của người Đức. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử,

trên nhiều mặt, lối sống có tính độc lập tương đối so với sự phát triển của kết cấu hạ tầng xã hội. Có những phương thức sản xuất đã qua đi, nhưng nhiều yếu tố của lối sống trước đó vẫn được giữ lại trong phương thức sản xuất mới.

Năm là, xã hội có giai cấp không có một lối sống duy nhất. Phương thức sản xuất là một phạm trù đặc trưng cho một hệ thống sản xuất xã hội nhất định nào đó trong lịch sử. Nhưng trong mỗi phương thức sản xuất, *ít nhất có ba lối sống*. Đó là, lối sống của hai giai cấp cơ bản và lối sống của các giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian ngoài hai giai cấp cơ bản đó. Trong xã hội nô lệ có lối sống của chủ nô, người nô lệ và người tự do. Trong xã hội phong kiến ít nhất có lối sống của giai cấp địa chủ, người nông dân và thợ thủ công hoặc là lối sống của tầng lớp khác. Trong xã hội tư bản cũng thế, ít nhất có lối sống của giai cấp tư sản, người công nhân và lối sống của tầng lớp trung gian.

Sáu là, theo chỉ dẫn của C. Mác, *hoạt động thực sự có tính người của những cá nhân - thành viên tích cực của xã hội* không chỉ duy nhất do phương thức hoạt động của cá nhân phù hợp với các quan hệ sản xuất thống trị, mà còn có sự lựa chọn, sự thích ứng của cá nhân trong phương thức sản xuất ấy. Và mỗi phương thức sản xuất có thể dung nạp sự đa dạng của các hoạt động sống của cá nhân. Vì thế, lối sống còn là quan hệ của cá nhân với xã hội.

Lối sống có liên hệ bản chất với *tồn tại xã hội và ý thức xã hội*, nhưng nó không đồng nhất với tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Tồn tại xã hội là toàn bộ những điều kiện sinh hoạt vật chất và đời sống vật chất (quan hệ vật chất) của xã hội. ý thức xã hội là phản ánh sự vận động của các điều kiện sinh hoạt vật chất và đời sống vật chất (quan hệ vật chất) ấy. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội đều gắn liền với một phương thức sản xuất nhất định. Lối sống trong phương thức sản xuất ấy cũng như lối sống trong điều kiện tồn tại xã hội ấy, trong điều kiện ý thức xã hội ấy có liên hệ bản chất với nhau, nhưng chúng không đồng nhất. Lối sống không thể là tồn tại xã hội hay ý thức xã hội, hay phương thức sản xuất xã hội. Lối sống là lối sống trong phương thức sản xuất, trong tồn tại xã hội được phản ánh trong ý thức xã hội. Còn trong tồn tại xã hội, trong ý thức xã hội, trong phương thức sản xuất xã hội có nhiều kiểu hoạt

động sống khác nhau. Lối sống *chỉ là tổng thể những hình thức hoạt động sống của con người trong sự thống nhất với tồn tại xã hội, ý thức xã hội, phương thức sản xuất của xã hội. Lối sống là một loại hình hoạt động lịch sử cụ thể nhất định của các cá nhân, là tổng thể những đặc điểm cơ bản nhất của tồn tại vật chất và tinh thần của xã hội.* Lối sống được hình thành trên cơ sở phương thức sản xuất đang tồn tại, trên cơ sở những lực lượng sản xuất và những quan hệ sản xuất phát triển đến một trình độ nhất định. Do đó, có lối sống *của xã hội chiếm hữu nô lệ và lối sống trong xã hội chiếm hữu nô lệ; lối sống của xã hội tư bản và lối sống trong xã hội tư bản; và lối sống của xã hội xã hội chủ nghĩa và lối sống trong xã hội xã hội chủ nghĩa.*

Trong bản chất của lối sống thường có *sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, cái đặc thù và cái phổ biến.* Nếu lối sống là *tổng hòa những dạng hoạt động sống điển hình của con người trong sự thống nhất với các điều kiện tự nhiên, xã hội lịch sử cụ thể, là sự tổng hòa những đặc điểm cơ bản nhất của mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần, cá nhân và xã hội, truyền thống và hiện tại, dân tộc và quốc tế trên cơ sở một phương thức sản xuất nhất định, thì lối sống có liên quan toàn bộ đến hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần của con người.*

Lối sống bao chứa các lớp đối tượng về quan hệ tích cực của con người với tự nhiên và xã hội, các hoạt động sống của con người trong các điều kiện lịch sử dưới ảnh hưởng của một phương thức sản xuất. Các mặt vật chất và tinh thần, cá nhân và xã hội, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế của lối sống gắn bó chặt chẽ, biểu hiện phép biện chứng của cái đơn nhất, cái đặc thù và cái phổ biến trong các hình thức hoạt động sống của con người.

Do tính chỉnh thể, bao quát nhiều lĩnh vực của cuộc sống, cho nên trong các khoa học xã hội và khoa học nhân văn đã có những cách tiếp cận khác nhau trên lĩnh vực lối sống. Phổ biến nhất là người ta thường đồng nhất lối sống với *nếp sống.*

Trong các hình thức hoạt động sống của con người diễn ra dưới ảnh hưởng của phương thức sản xuất, điều kiện tự nhiên và các hệ thống giá trị. Có những hoạt động sống được lặp đi lặp lại một cách ổn định, có những hoạt động sống quá độ và không ổn định. *Nếp sống* được coi là *những hoạt động sống trở thành nếp, thường xuyên, nhắc đi, nhắc lại*. Đối với nhiều nhóm xã hội, nếp sống đã trở thành tập quán lao động, giao tiếp, sinh hoạt trong gia đình và định hướng nhân cách. Theo giáo sư Vũ Khiêu “Nếp sống là toàn bộ những *thói quen* được hình thành trong cuộc sống hàng ngày, những thói quen đã trở thành *nếp* trong sản xuất, chiến đấu, trong mọi quan hệ xã hội và trong sinh hoạt riêng tư của mỗi con người. Những thói quen ấy còn được gọi là *tập quán*”¹.

Nếp sống chính là những biểu hiện của lối sống được một cộng đồng lịch sử chấp nhận, thực hiện và tồn tại trong một thời gian dài của hoạt động sống, gần như in vào tâm thức và được thực hiện như một bản năng. Nếp sống là sự tiếp tục kinh nghiệm, sự duy trì các thói quen làm cho lịch sử không phải trở lại bước đi đầu tiên của nó. Nếp sống vừa là hiện tượng xã hội, vừa là tâm lý cá nhân.

Nếp sống là một khái niệm đạo đức học gắn chặt với các giá trị văn hóa đạo đức. *Biểu hiện đầu tiên* của nếp sống là tập quán. Tập quán bao gồm một hệ chuẩn mực đạo đức điều chỉnh các thói quen không bắt buộc cho mỗi cá nhân. Tập quán “ăn trông nồi ngồi trông hướng”, tập quán “gieo mạ, bón lót”, tập quán “chào hỏi mọi người quen”... gắn liền với các kinh nghiệm sản xuất và giao tiếp. Vi phạm các tập quán này có thể bị xã hội chê trách và dư luận đánh giá về mặt đạo đức của nhân cách hoặc xã hội sẽ cho là con người kỳ quặc, không bình thường về lối sống.

Nếp sống biểu hiện thành *phong tục* có một ý nghĩa xã hội mạnh mẽ và rộng rãi hơn. Mỗi vùng văn hóa, mỗi tầng lớp và giai cấp xã hội, mỗi dân tộc đều có nhiều phong tục quy định các hành vi ứng xử của cá nhân. Việc chấp nhận hay vi phạm phong tục gây ra một ý nghĩa tuân thủ hay vi phạm nếp

¹ Vũ Khiêu. *Lao động nguồn vô tận của mọi giá trị*., Nxb. Thanh niên, 1975, tr.135

sống của cộng đồng về mặt tinh thần. Phong tục nhớ ơn những người có công giáo dục và giáo dưỡng, phong tục thờ cúng cha mẹ nhân ngày giỗ tết được cả cộng đồng coi là nếp sống tốt đẹp. Chấp nhận hay vi phạm phong tục này gây ra một sự cổ vũ hay sự phản ứng mạnh mẽ của cư dân trong cộng đồng. Nếu vi phạm những lệ làng, tục thờ thành hoàng thì cộng đồng có một thái độ tẩy chay rõ rệt. Một số hương ước, hoặc một số lệ làng, các phong tục khi đã được thể chế hóa bởi một số quy tắc hành chính, thì bắt buộc các thành viên trong xã hội phải bảo vệ. Các phong tục này được xã hội gìn giữ và củng cố bằng dư luận và mỗi thành viên của cộng đồng phải chấp hành một cách tự nguyện như một sự thôi thúc của lương tâm, như một nghĩa vụ đạo đức và có khi như là một niềm hạnh phúc của cuộc sống.

Bản chất xã hội của nếp sống được đặc trưng bởi tính dân tộc, tính giai cấp và tính thời đại của nó. Nếp sống tuy là mặt ổn định của lối sống nhưng nó cũng thay đổi theo những điều kiện xã hội nhất định. Những nếp lao động, nếp sinh hoạt, nếp giao tiếp có khác nhau ở các dân tộc, giai cấp và thời đại. Nhiều nếp sống trong ma chay, giỗ chạp, cưới hỏi xưa kia của dân tộc ta đến nay đã thay đổi. Kỹ thuật làm ruộng, làm vườn mới đã làm cho nhiều yếu tố trong nếp lao động cơ bắp và kinh nghiệm thiếu cơ sở khoa học trước kia phải đổi mới. Quy luật hình thành nếp sống mới cũng liên quan đến quy luật hình thành lối sống và nó luôn luôn tạo ra sự ổn định tương đối cho lối sống.

Các nếp sống đều gắn với các lợi ích xã hội. Nó tạo ra sự ổn định xã hội từ trong chiều sâu tự giác của các quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Trong quản lý nhà nước trước kia, giai cấp thống trị thường củng cố các nếp sống có lợi cho giai cấp thống trị và xóa bỏ các nếp sống tổn hại đến sự thống trị của giai cấp cầm quyền. Trong nhiều triều đại vua chúa trước đây ở Việt Nam, giai cấp phong kiến luôn luôn muốn duy trì một nếp sống theo trật tự đẳng cấp *vua, quan, dân* từ nhà ở, giao tiếp đến cách may mặc, màu sắc quần áo; các tập quán, phong tục trọng nam, khinh nữ được duy trì. Nhiều nếp sống gọi là “thuần phong mỹ tục”, nhiều danh hiệu gọi là “tiết hạnh khả phong” mang đậm yếu tố tiêu cực, thiếu nhân đạo.

Để xây dựng lối sống mới, cần thiết phải xây dựng một nếp sống theo những định chuẩn xã hội. Những định chuẩn xã hội chính là những mặt ổn định lâu dài của lối sống mới.

Cùng với khái niệm nếp sống, khái niệm *lễ sống* cũng thể hiện một khía cạnh tinh thần quan trọng của lối sống. Trên bình diện nhân cách, người ta có thể nhìn lối sống là sự tác động qua lại giữa lĩnh vực riêng và lĩnh vực công dân của các hoạt động sống của con người, là mối quan hệ biện chứng giữa các khuynh hướng khách quan và sự lựa chọn của cá nhân về các khuynh hướng đó. Thực chất của lối sống là sự xác định sự lựa chọn của cá nhân giữa các khuynh hướng hành vi khác nhau của xã hội để tìm ra một *lễ sống* thích hợp.

Lễ sống là một phạm trù triết học - đạo đức - tâm lý. Lễ sống biểu hiện trình độ, tâm lý, lý tưởng sống của con người trong sự lựa chọn, bảo vệ và phát triển một lối sống nhất định. Lễ sống với tư cách là một phạm trù triết học thì nó gắn với một thế giới quan nhất định. Một thế giới quan vị kỷ thông thường hướng về lễ sống chật hẹp của chủ nghĩa cá nhân. Lý tưởng sống chi phối lễ sống ấy là các quyền lợi cá nhân ích kỷ. Quá trình tự quyết định giá trị bên trong của cá nhân luôn luôn gắn với những lợi ích mà nó tìm tòi. Và những khuynh hướng bên ngoài lại càng củng cố các đặc điểm bên trong của mỗi cá nhân.

Trên bình diện đạo đức - tâm lý, lễ sống biểu hiện tập trung thái độ ứng xử của cá nhân với cộng đồng. Trong mỗi chế độ xã hội đều có nhiều hình thức sinh sống khác nhau biểu hiện như tính khách quan của cuộc sống. Mỗi cá nhân có quyền lựa chọn một trong các khuynh hướng ấy, căn cứ vào những giá trị mà cá nhân có. Lễ sống của xã hội được biểu hiện thông qua những khuynh hướng khách quan đó. Sự lựa chọn lễ sống nào là do sự giáo dục, các kinh nghiệm sống và các quan niệm về lợi ích của các cá nhân ấy quy định. Tùy thuộc vào độ trưởng thành và tình cảm đạo đức của cá nhân mà các cá nhân hình thành lễ sống nhất định phù hợp với cuộc sống mà mình mong đợi.

Thực tiễn của mỗi dân tộc, một nhóm xã hội hay một cá nhân cho thấy rằng, một lễ sống tốt đẹp thông thường gắn với các giá trị nhân đạo của cuộc sống, biết khoan dung và vị tha, có trách nhiệm đạo đức với cộng đồng và

cộng đồng luôn luôn làm hoàn thiện cá nhân. Lễ sống là một giá trị tinh thần, nếu nó gắn các quá trình hưởng thụ, đánh giá và sáng tạo với các nguyên tắc đạo đức mới.

Lễ sống chính là linh hồn của lối sống, là sự tổng hợp hòa quyện của cả lý trí và tình cảm, của kiến thức về các quy tắc đạo đức, các lý tưởng, khát vọng và niềm tin được hình thành bởi chế độ giáo dục, những điều kiện và các hoạt động sống thể hiện trong mọi lĩnh vực lao động, giao tiếp, gia đình và nhân cách. Lễ sống là kết quả logic từ việc con người lĩnh hội và nhận thức các quan hệ cơ bản của cuộc sống chung quanh các phạm trù cái đúng, cái tốt và cái đẹp, nó biến thành tình cảm có tính bền vững được lặp đi lặp lại nhiều lần trong các tình huống khác nhau bằng các hành vi khẳng định hay phủ định.

Trên cùng một lối sống, một nếp sống, một lễ sống người ta thấy có nhiều *phong cách sống* (Style de vie) khác nhau. Trên bình diện tâm lý học xã hội, phong cách sống chỉ rõ *thái độ và cách thức sống*, cách thức lao động, cách thức quản lý sản xuất và quản lý xã hội. Phong cách sống gắn với một kiểu hành động nhất định. Trong mỗi lối sống có các mặt khách quan và mặt chủ quan, phong cách sống chỉ rõ tính chất chủ quan của việc thực hiện các hoạt động sống.

Là một phạm trù tâm lý xã hội, phong cách sống bao hàm sự đánh giá hành vi, lối suy nghĩ và các định hướng giá trị của con người. Phong cách sống không phụ thuộc hoàn toàn vào mức sống hay chất lượng sống. Có những cộng đồng lịch sử, các nhóm xã hội, các cá nhân có mức sống và chất lượng sống như nhau nhưng phong cách sống lại khác nhau. Người ta hay nói tới tính kỷ luật Đức, tính phớt lờ của người Anh, đôi tai âm nhạc của người ý, đôi mắt đánh giá cái đẹp hình thức của người Hy Lạp, phong cách ung dung tự tại của các hiền sĩ phương Đông,... sự dũng cảm của người lính, tính chất khôn khéo của thương nhân và tính bay bổng của nghệ sĩ.

Nhiều nhà xã hội học tư sản thường đồng nhất *lối sống* với *mức sống* (Niveau de vie), bởi vì lối sống thường gắn với các thành quả sản xuất, với lực lượng sản xuất, với các phúc lợi xã hội bảo đảm về các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin, nhà ở và dịch vụ... Tuy nhiên, xem xét lối sống về mặt

mức sống, chủ yếu là nói sự quan tâm tới khía cạnh kinh tế của nó. Trên bình diện kinh tế, khái niệm mức sống của lối sống chỉ các lớp đối tượng: mức độ thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần được đo lường bằng số lượng, như mức lương, mức thu nhập bình quân tính theo đầu người, mức tiêu dùng thực phẩm, công nghiệp, bảo vệ sức khỏe và giáo dục, những điều kiện ăn, ở và sinh hoạt văn hóa, các quỹ tiêu dùng. Rõ ràng là mức sống- mức độ thỏa mãn những nhu cầu vật chất, tinh thần và xã hội của con người, mức bảo đảm vật phẩm tiêu dùng cho dân cư là tiêu chí rất quan trọng để xác định những điều kiện, và hoạt động sống của con người. Song, lối sống không những không chỉ lược quy vào bình quân thu nhập của xã hội, mà còn không thể nói những xã hội có thu nhập cao là những xã hội có lối sống đẹp. Người ta biết rất rõ lối sống Mỹ có mức sống cao, nhưng ở đó nạn phân biệt chủng tộc, những căn bệnh của thế kỷ và nhất là sự phân tầng xã hội rất sâu sắc. Chính ông Paul Samuelson, một nhà kinh tế học nổi tiếng Mỹ đã viết: “Không nên nghĩ rằng của cải dồi dào ở Mỹ được phân phối cho số đông người. Nếu lập một tháp gồm những khối hết sức nhỏ bé, mỗi khối tượng trưng cho thu nhập tính theo ngàn đô la thì tháp sẽ cao hơn tháp Eiffel rất nhiều, song hầu như tất cả chúng ta chỉ cách mặt đất chừng một mét”¹.

Khác với mức sống, *chất lượng sống* (Qualité de vie) phản ánh mức thỏa mãn những nhu cầu có tính phức tạp hơn, không trực tiếp được đo bằng số lượng. Chất lượng sống là khái niệm phản ánh các chỉ tiêu có nội dung phong phú của lao động và giải trí, các điều kiện lao động và sinh hoạt; chất lượng ăn, mặc, ở, đi lại; các hoạt động hưởng thụ, đánh giá và sáng tạo văn hóa, tính chất yên ổn của xã hội. Theo nhà nghiên cứu lối sống người Mỹ. William Bell, chất lượng của cuộc sống được đặc trưng bởi: 1) Sự an toàn thể chất cá nhân đối với bạo lực, bệnh tật và các trường hợp rủi ro, 2) Sự sung túc về kinh tế và tính đa dạng của hàng tiêu dùng, đặc biệt là về thực phẩm, 3) Công bằng trong khuôn khổ pháp luật, 4) An ninh quốc gia đối với kẻ thù bên ngoài và bên

¹ Nhiều tác giả. *Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 143.

trong, 5) Bảo hiểm lúc già yếu và ốm đau, 6) Hạnh phúc tinh thần của cá nhân bao gồm khả năng tự thể hiện, các quan hệ phong phú trong gia đình và bè bạn, 7) Sự tham gia của đời sống cá nhân vào đời sống xã hội, tham gia quản lý, khả năng quyết định tương lai của mình trong khuôn khổ đời sống kinh tế - xã hội hiện đại, 8) Bình đẳng về giáo dục, nhà ở và nghỉ ngơi, 9) Chất lượng đời sống văn hóa, 10) Quyền tự do công dân, 11) Chất lượng môi trường kỹ thuật, 12) Chất lượng môi trường sống và khả năng chống ô nhiễm². Đó là những chỉ tiêu mà một nhà xã hội học tư sản đã nêu, nhưng thực chất chất lượng sống của Mỹ không có khả năng đạt được các chỉ tiêu này.

Chính nhà xã hội học Mỹ W.Rostow đã cho rằng, tìm kiếm chất lượng sống như thế là ảo tưởng trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Bởi vì, dân số tăng nhanh, nhất định chất lượng cuộc sống phải giảm, công nghệ phát triển mạnh, môi trường không thể không ô nhiễm, các nguồn tài nguyên không thể không cạn kiệt.

Thực tế chất lượng sống vừa gắn chặt chẽ với số lượng, vừa gắn liền với bản chất của một chế độ. Chất lượng sống không bao chứa toàn bộ lối sống, bởi vì lối sống phản ánh các điều kiện trong hoạt động sống của cá nhân.

Trong các phạm trù giáp ranh với lối sống, có phạm trù *phương thức sống*. Khái niệm phương thức rất gần với lối sống. Trong tiếng Nga. Phương thức là *Mogyc*, trong tiếng Anh là *Modus*, trong tiếng Pháp *Mode*, trong tiếng Đức là *Weise*. Trong triết học, phương thức chỉ trạng thái *vốn có* để phân biệt với trạng thái *phải có*.

Phương thức sống là phạm trù kinh tế - xã hội xác định nền tảng kinh tế - xã hội - tinh thần của lối sống. Phạm trù phương thức sống bao chứa những chỉ tiêu về: tính chất của tư liệu sản xuất, giá trị của nền văn hóa, bản chất tinh thần của chế độ xã hội, điều kiện an sinh xã hội, chất lượng dân số, cơ cấu nhân khẩu, nghề nghiệp đối với các hoạt động sống. Khái niệm phương thức sống gần như là chế độ sống (*Regime de vie*).

² Nhiều tác giả. *Sđd.* tr. 306 -307.

Như vậy, với tư cách là đối tượng nghiên cứu tổng hợp của triết học, lối sống là một cơ cấu tổng thể bao chứa cả nếp sống, lễ sống, mức sống, chất lượng sống, phong cách sống và phương thức sống gắn liền với tồn tại xã hội, ý thức xã hội và phương thức sản xuất của xã hội. *Trong cơ cấu của lối sống* có các chỉ số thuộc về đời sống vật chất của xã hội, có những chỉ số thuộc về đời sống tinh thần của xã hội. Đến nay, các nghiên cứu triết học - xã hội học hình dung lối sống dưới dạng hình thức một tổng thể cơ cấu của 14 khối chỉ số. Hệ thống các chỉ số rất phức tạp và đồ sộ. Nhiều khối chỉ số về tinh thần khó lượng hóa: 1) Lao động và thời gian lao động; 2) Phúc lợi vật chất, sự bảo trợ và an sinh xã hội gắn với các phúc lợi ấy; 3) Bảo đảm chỗ ở, giao thông và đi lại giao tiếp; 4) Quan hệ đối với môi trường tự nhiên; 5) Thời gian rỗi và dịch vụ sinh hoạt; 6) Hôn nhân – gia đình; 7) Giáo dục nhân dân; 8) Sinh hoạt và các quan hệ văn hóa; 9) Các quan hệ chính trị; 10) Quan hệ dân tộc, tộc người, quan hệ quốc tế; 11) Các phản biện xã hội; 12) Tín ngưỡng, niềm tin, tôn giáo; 13) Các hiện tượng phản xã hội; và cuối cùng: 14) Những định hướng giá trị dân cư.

Trong 14 khối chỉ số gắn với cơ cấu của bất kỳ một lối sống nào thì khối chỉ số về lao động và thời gian lao động là cơ bản và rất quan trọng. Triết học và xã hội học Mác - Lênin khác với các triết học ngoài mácxít đã khẳng định lao động và thời gian lao động quyết định số lượng và chất lượng lối sống. Tính chất của lao động để lại dấu ấn rất sâu trong toàn bộ hoạt động sống của con người, nó tham gia vào hình thành các phẩm hạnh đạo đức và định hướng hành vi, xác định giá trị nhân cách.

Các chỉ số về mức sống, về phúc lợi vật chất, về bảo hiểm xã hội cũng gắn liền với năng suất lao động, những thành quả lao động. Chỉ số thu nhập trong lao động và kết cấu giữa thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động tự do có thể ảnh hưởng trực tiếp đến du lịch, nghỉ ngơi.

Trong khối các chỉ số về lối sống có 2 khối chỉ số quan trọng và lớn nhất. Đó là khối chỉ số về lao động và thời gian lao động, và khối chỉ số về sinh hoạt và thời gian ngoài lao động. Các khối chỉ số về văn hóa và giáo dục nhân

dân chi phối *trình độ và tính độc đáo* của văn hóa lối sống. Các khối chỉ số về các quan hệ chính trị, quản lý xã hội xác định *trình độ giác ngộ xã hội* của hoạt động sống. Các chỉ số về các hiện tượng phản xã hội là một trong những biểu hiện lệch chuẩn trong các hoạt động sống. Các chỉ số về định hướng các giá trị quyết định sự lựa chọn phong cách sống của cá nhân trong xã hội.

Trong các khối chỉ số về cơ cấu của lối sống bao gồm trong bản thân nó các chỉ số vừa ở cấp độ chất lượng vừa ở cấp độ số lượng. Các chỉ số về cấp độ chất lượng xác định những điều kiện xã hội, bản chất kinh tế - chính trị - xã hội của lối sống. Những chỉ số số lượng xác định đặc điểm của lối sống trong một giai đoạn phát triển nhất định của một chế độ xã hội. Các chỉ số chất lượng và số lượng của lối sống luôn luôn có mối quan hệ biện chứng. Các chỉ số về chất lượng xác định tính chất của lối sống trong một phương thức sản xuất nhất định. Các chỉ số về số lượng xác định sự khác biệt có thể có giữa giai đoạn phát triển này với giai đoạn phát triển khác của lối sống.

Cụ thể hóa các chỉ số về *chất lượng của lối sống* gắn với chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, tính chất của các quan hệ sản xuất, các hoạt động văn hóa, hệ tư tưởng chính thống, các đặc điểm của kiến trúc thượng tầng, các quan hệ chính trị, đạo đức, thẩm mỹ, cơ cấu giai cấp xã hội, các định hướng giá trị.

Cụ thể hóa các chỉ số về *số lượng của lối sống* gắn với năng suất lao động, trang bị các điều kiện lao động, trình độ phát triển của lao động, khoa học, kỹ thuật, thu nhập bình quân, diện tích nhà ở tính theo đầu người; chất lượng thực phẩm, giao thông vận tải; tuổi thọ trung bình, cơ cấu thời gian lao động tất yếu và thời gian tự do, cơ cấu dân số, chất lượng giáo dục nhân dân, trình độ dân trí, chất lượng nền dân chủ, văn hóa đọc, văn hóa nghe nhìn, điện thoại, bưu chính...

Có thể nói lối sống là một khái niệm chỉ các hoạt động sống của con người có liên hệ bản chất với các điều kiện vật chất và tinh thần của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Xem xét lối sống từ góc độ triết học gắn với xã hội học cụ thể cho phép ta nhận diện được những đặc điểm cụ thể của lối sống trong một phương thức sản xuất nhất định. Mối quan hệ giữa hoạt động sống của cá nhân trong một phương thức sản xuất nhất định chính là bản chất xã hội của một lối sống nhất định.

BẢN CHẤT XÃ HỘI CỦA LỐI SỐNG

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Mỗi lối sống đều gắn với một phương thức sản xuất nhất định. Phương thức sản xuất ấy lại gắn với một dân tộc, những giai cấp và trong một thời đại nhất định. Vì thế, lối sống nào cũng *in dấu ấn của xã hội tạo thành nó*.

Lối sống mang tính xã hội nhưng được thực hiện thông qua các cá nhân. Vì thế, bản chất xã hội của lối sống được thể hiện thông qua *hoạt động sống của cá nhân, thông qua địa vị của cá nhân trong hệ thống phân công lao động xã hội*. Lối sống, trước hết xác định con người là chủ thể xã hội. Bản chất xã hội của lối sống gắn với các hình thức, những đặc điểm hoạt động quan trọng của chủ thể người với tư cách là nhân tố tích cực, chủ động sáng tạo trong các hình thái kinh tế - xã hội. Mỗi người, mỗi cá nhân đều có lối sống được quy định bởi các quan hệ kinh tế - chính trị - xã hội cơ bản. Các điều kiện sống của cá nhân, những năng lực và thiên hướng cá nhân luôn luôn mang bản chất xã hội. Tuy có những cá nhân ngoại lệ có thể thoát ra khỏi lối sống của một nhóm xã hội nào đó, nhưng về bản chất, nó không thể thoát khỏi *điều kiện xã hội này hay điều kiện xã hội khác*. Đại bộ phận các hoạt động sống của các cá nhân được quy định bởi các điều kiện kinh tế - xã hội.

Bản chất xã hội của lối sống *trước hết* thể hiện trong mối quan hệ qua lại giữa *cái cá nhân và cái xã hội*. Trong các hoạt động sống của con người, con người chiếm lĩnh những điều kiện xã hội, hòa nhập vào lối sống chung của một xã hội nhất định. Trong quá trình chiếm lĩnh những điều kiện xã hội, con người tự nâng cao và định hướng giá trị của mình theo các chuẩn mực xã hội.

Bản chất xã hội của lối sống phản ánh những quá trình, mà nhờ đó con người hình thành những đặc điểm và những đặc tính của mình với tư cách một

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

con người của xã hội ấy. Lối sống xác định những khả năng khách quan hiện diện trong xã hội. Những khả năng ấy được thực hiện, được biểu hiện thông qua những cá nhân riêng lẻ. Lối sống là sự thống nhất giữa điều kiện khách quan của xã hội với các quá trình hoạt động chủ quan của cá nhân. Đó là sự thống nhất giữa những mệnh lệnh bên ngoài của xã hội với những lĩnh vực bên trong của tâm lý, tình cảm, tư tưởng cá nhân. Vì thế, bản chất xã hội của lối sống không phải chỉ là các điều kiện kinh tế - xã hội - chính trị - văn hóa khách quan, và cũng không phải chỉ là quá trình hoạt động chủ quan của cá nhân. Bản chất xã hội của lối sống xác định mức lựa chọn của cá nhân giữa những đường hướng hoạt động, hành vi khác nhau do xã hội đem lại một cách khách quan. Bản chất xã hội của lối sống biểu thị trước tiên khả năng con người biết sử dụng thế giới sự vật đa dạng, biết ứng xử phù hợp với hoạt động sống trong những điều kiện xã hội nhất định.

Sự tác động qua lại giữa cái cá nhân và cái xã hội biểu thị trong lối sống được vận hành như một quá trình con người hoàn thiện mình trong việc hoàn thiện những hoàn cảnh khách quan. Con người không thụ động trước hoàn cảnh khách quan. Tính tích cực chủ quan của con người làm cho lối sống tiềm ẩn những năng lực sống đa diện. Trong các điều kiện xã hội khó khăn; một mặt, con người chịu sự quy định của hoàn cảnh; mặt khác, con người vươn lên vượt khó khăn.

Có thể nói bản chất xã hội của lối sống được thể hiện thông qua những cá nhân. Mỗi cá nhân tùy hoàn cảnh xã hội mà điều chỉnh, hoàn thiện lối sống của mình thông qua cơ chế tự điều chỉnh của cá nhân. Những cơ chế riêng để điều chỉnh lối sống cá nhân là tập hợp những thành tố: 1) Yêu cầu của xã hội và hệ chuẩn mực xã hội mà cá nhân hoạt động sống; 2) Trình độ giáo dục, tự giáo dục và giáo dục lại của cá nhân; 3) Những thói quen và sự tích lũy kinh nghiệm sống của cá nhân; 4) Các nhu cầu, thị hiếu và lý tưởng sống của cá nhân. Đó chính là cơ chế điều chỉnh lối sống của cá nhân trong quan hệ biện chứng với lối sống của xã hội.

Trong quan hệ biện chứng giữa lối sống cá nhân và lối sống của xã hội thì lối sống của xã hội là hoạt động sống cơ bản. Nó chi phối các hoạt động sống của cá nhân. Các lợi ích của cá nhân phải thực hiện thông qua các lợi ích của xã hội, bởi lợi ích xã hội là tổng hợp những lợi ích của cá nhân. Trình độ tự giác của cá nhân là nhân tố quan trọng để hòa nhập và làm phong phú cả lối sống của cá nhân lẫn lối sống của xã hội.

Trong những xã hội có đối kháng giai cấp, giữa lối sống của xã hội và lối sống của cá nhân không thống nhất. Có lối sống của một bộ phận cá nhân này hay cá nhân khác phù hợp với lối sống của xã hội ấy; cũng có lối sống của một bộ phận cá nhân khác lại mâu thuẫn với lối sống chủ đạo của xã hội ấy. Vấn đề bản chất xã hội của lối sống nêu lên sự cải tạo các lối sống trong các hệ thống xã hội khác nhau. Sự phong phú và đa dạng các lối sống *trong một phương thức sản xuất* cho phép nhận diện bản chất xã hội của lối sống *của một phương thức sản xuất nhất định*. Nói bản chất xã hội *của một lối sống* của một phương thức sản xuất là nói đến lối sống chủ đạo của giai cấp thống trị trong phương thức sản xuất ấy. Còn nói bản chất xã hội của *lối sống trong một phương thức sản xuất* là nói tới nhiều lối sống trong phương thức sản xuất ấy.

Bản chất xã hội của lối sống không chỉ thể hiện ở tính đặc thù về phương thức sản xuất, mà còn thể hiện ở ngay chính những mâu thuẫn trong một phương thức sản xuất. Trong phương thức sản xuất của chế độ phong kiến có lối sống của địa chủ và nông dân. Trong phương thức sản xuất của chế độ tư bản có lối sống của tư sản và công nhân. *Nhìn đại cục* trong các xã hội có áp bức, bóc lột giai cấp, có lối sống của người bị bóc lột và lối sống của kẻ đi áp bức, bóc lột. Có thể nói, cái dễ nhìn thấy nhất bản chất xã hội của lối sống là *tính giai cấp của nó*. Vị trí của các giai cấp trong nền sản xuất xã hội, trong lao động xã hội quy định bản chất xã hội trong lối sống của họ. Trong xã hội phong kiến có nhiều hình thức lao động xã hội khác nhau, có nhiều giai cấp khác nhau, do đó có nhiều lối sống không giống nhau.

Bản chất xã hội của mỗi lối sống không chỉ phản ánh các quan hệ giai cấp xã hội mà nó phụ thuộc, mà còn có mối liên hệ với lịch sử, với truyền thống, với một quốc gia nhất định. Vì thế, bản chất xã hội của lối sống còn được quy định bởi *tính dân tộc* của nó. Các quan hệ giai cấp, các hệ thống chính trị đều được hình thành một cách lịch sử trên một truyền thống văn hóa dân tộc. Mỗi dân tộc đi vào một hình thái kinh tế - xã hội nào đó, vào một giai đoạn phát triển lịch sử nào đó như: chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản, hay chế độ xã hội chủ nghĩa có những lối sống không giống nhau. Lối sống trong chế độ phong kiến ở châu Âu khác khá xa với lối sống trong chế độ phong kiến ở phương Đông. Ngay lối sống trong cùng một chế độ phong kiến ở phương Đông thì lối sống của giai cấp phong kiến Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Triều Tiên và một số dân tộc khác cũng khác nhau.

Bản chất xã hội của lối sống không chỉ gắn liền với phương thức sản xuất, với địa vị của người lao động, người quản lý trong phương thức đó, mà còn gắn với đặc điểm tâm lý, *với truyền thống văn hóa, với khí chất của dân tộc*. Nhiều lối sống trong cùng một chế độ phong kiến, nhưng có những kết cấu tôn giáo khác nhau mà có phong cách sống không giống nhau. Những cư dân theo đạo Hồi có những biểu hiện của lối sống khác với cư dân theo đạo Phật hay Thiên chúa giáo.

Nói đến bản chất xã hội của lối sống, khi xem xét các thành phần nhân khẩu, mật độ dân số, truyền thống văn hóa, cơ cấu tôn giáo của mỗi dân tộc, người ta thường nêu lên *hoàn cảnh địa lý, khí hậu, hoàn cảnh tự nhiên* của dân tộc đó. Những đặc điểm về địa lý, khí hậu ở mỗi vùng, mỗi miền sinh thái gắn với các quốc gia dân tộc là một hệ thống tác động nhiều chiều đến lối sống trong một phương thức sản xuất nhất định. Những đất nước có khí hậu băng giá đã sáng tạo ra những phương thức lao động khác với những nước có chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa. Những nước gắn liền với sông, với biển có những tập quán lao động khác với những nước không có biển. Các điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý ở những nước có nhiều núi cao, rừng thẳm tạo ra những phong cách lao động khác với các dân tộc ở những bình nguyên, các đồng bằng.

Tính đặc thù dân tộc tạo ra không chỉ sự khác biệt trong lĩnh vực tinh thần, mà còn cả trong lãnh vực vật chất của lối sống. Bản chất xã hội của lối sống nhìn từ tính dân tộc của nó có thể thấy các khác biệt trong cơ cấu tổ hợp kinh tế, trong cường độ, nội dung và các khuynh hướng của các quan hệ ngoài kinh tế, trong tổ chức chính trị, phân công lao động, trong các đặc thù tạo nên những phong tục, tập quán riêng biệt.

Tính bền vững của lối sống là do tính dân tộc của nó tạo thành. Tính dân tộc kết tinh các kinh nghiệm sống trong lịch sử, hòa nhập vào các phương thức sản xuất mới tạo ra những chương trình hoạt động sống phản ánh nhiều giá trị của nền văn hóa truyền thống mà vẫn mang tính hiện đại. Vấn đề bản sắc dân tộc của lối sống vì thế không chỉ là tiếp tục những hoạt động sống đã có, mà còn phát triển những thành tố mới. Lối sống đương đại của nhiều dân tộc sở dĩ không phá vỡ mạnh mẽ những cơ cấu xã hội khi có sự bùng nổ của quá trình tăng trưởng kinh tế, bởi vì các chương trình trong các hoạt động sống truyền thống không những không bị phá bỏ, mà còn *tự đổi mới* dần dần do sự ổn định của tính dân tộc tạo nên.

Có thể nói bản chất xã hội của lối sống gắn với mỗi dân tộc, mỗi quốc gia có môi trường tự nhiên và môi trường xã hội đặc thù. Hàng loạt những nét đặc thù của lối sống con người phụ thuộc vào các điều kiện của dân tộc ấy. *Thứ nhất*, các điều kiện của dân tộc ấy quyết định cơ cấu tổng thể lao động của toàn thể cư dân, toàn thể dân tộc, quyết định tính độc đáo trong thời gian lao động. *Thứ hai*, các điều kiện của dân tộc ấy quyết định những đặc điểm nhu cầu của con người trong toàn bộ hoạt động sống của họ. Mọi sinh hoạt, mọi quan hệ sống, mọi quan hệ ngoài lao động đều diễn ra trong các môi trường tự nhiên và môi trường xã hội ấy. Điều kiện tự nhiên, địa lý, khí hậu của một dân tộc nào đó gắn với nguồn nhiên liệu phong phú của tự nhiên, sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ mức sống, thu nhập quốc dân, hướng lao động và việc làm, đến cơ cấu sản xuất, tính chất của các ngành sản xuất, đến cơ cấu công - nông nghiệp. Những điều kiện thiên nhiên thuận tiện cho phát triển nông nghiệp, trong lối sống, trong hoạt động sống, trong mức sống sẽ phản ánh rõ

rệt tính chất đặc thù này. *Thứ ba*, tính độc đáo dân tộc của văn hóa in rất đậm lên *kỹ năng lao động, hệ tư tưởng* và nhiều giá trị tinh thần của lối sống.

Bản chất xã hội của lối sống không chỉ thể hiện ở những nét đặc thù, mà còn thể hiện ở *những nét phổ biến*. Như đã phân tích, mỗi lối sống đều được hình thành từ các quan hệ lao động trong một phương thức sản xuất nhất định, trong một hệ tư tưởng và ở những vùng sinh thái nhất định. Như vậy, lối sống ở bất kỳ đâu cũng mang bản chất của một số thành tố cơ bản chung. Những đặc điểm này có thể cảm thấy hết sức rõ rệt đối với từng thành viên của cộng đồng dân tộc nhất định. Chúng gắn với đặc trưng của đời sống, sinh hoạt, với truyền thống văn hóa, những tập quán bền vững *nhìn từ kết cấu chung của lối sống*. Sự phát triển của lực lượng sản xuất là một quá trình quốc tế hóa đời sống xã hội. Ngay từ trong chủ nghĩa tư bản, sự lớn mạnh của lực lượng sản xuất đã tạo tiền đề cho những nét phổ biến sau này của lối sống được phát triển.

Trong quá trình lực lượng sản xuất phát triển, nhiều lối sống trong cùng một phương thức sản xuất cũng như các phương thức sản xuất khác nhau đã có ảnh hưởng qua lại. Điều đó tạo nên những giao lưu về lối sống. Vì thế, trong bản chất xã hội của các lối sống không phải là thuần túy khép kín. Lối sống là một phạm trù mở. Nó có cả tính bền vững và những cơ chế tiếp biến. Xem xét bản chất xã hội của mọi lối sống cần thiết phải tìm hiểu mối quan hệ giữa cái dân tộc và cái quốc tế của nó.

Cái quốc tế của mỗi lối sống không phải là một quá trình nhập cảng. Mỗi lối sống trong một phương thức sản xuất nhất định ở một dân tộc nhất định vừa mang tính dân tộc vừa mang tính quốc tế. Tính quốc tế trong lối sống không chỉ là những thành tố phổ biến hợp thành lối sống. Tính quốc tế trong lối sống còn biểu hiện ở chỗ, khi lối sống phát triển ưu việt nó sẽ được quốc tế hóa, trở thành một lối sống ưu việt mà nhiều dân tộc mong muốn tiếp nhận, noi theo.

Có thể nói, đứng về bản chất xã hội, người ta có thể nhận diện một số lối sống cơ bản theo những tiêu chí dưới đây:

Một là, theo tiêu chí giai cấp, lối sống được nhận diện từ quan điểm về hình thái kinh tế - xã hội. Qua đó có các lối sống chủ nô và nô lệ, địa chủ và phong kiến, tư sản và công nhân, lối sống trong chủ nghĩa xã hội.

Hai là, theo tiêu chí hệ tư tưởng, từ đây có thể nhận diện thêm cả lối sống của các nhân cách trong một phương thức sản xuất. Lối sống của các bậc quân tử, của các nho sĩ, đạo sĩ, tăng ni, phật tử, công nhân, nhà tư bản, người mácxít.

Ba là, theo tiêu chí sinh thái, từ đây có thể thấy thêm lối sống thuộc các vùng, các miền sinh thái: lối sống người vùng cao, lối sống người vùng biển, lối sống người vùng đồng bằng, lối sống ở đô thị, lối sống nông thôn.

Bốn là, theo tiêu chí lao động nghề nghiệp, từ đây có thể nhận thức thêm các lối sống thuộc các lĩnh vực lao động cụ thể: lối sống của những người làm nghề nông, lối sống của những người làm nghề máy móc, lối sống của trí thức, thương nhân và vô số các ngành nghề khác nhau như nghề y học, nghề kiến trúc...

Có thể nói, lối sống là một lĩnh vực rất rộng. Nó là thành tố hợp thành của một nền văn hóa. Nó có mối liên hệ với lao động, sinh hoạt và toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội từ truyền thống đến hiện đại, từ dân tộc đến tộc người, từ cá nhân đến xã hội, từ dân tộc đến quốc tế.

SỰ VẬN ĐỘNG LỊCH SỬ CỦA LỐI SỐNG TRONG CÁC XÃ HỘI TRƯỚC CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Căn cứ vào bản chất của chế độ kinh tế - xã hội, người ta có thể chia lối sống thành những *kiểu lịch sử cơ bản theo tiêu chí về các phương thức sản xuất và chế độ xã hội*. Căn cứ vào tiêu chí *hệ tư tưởng*, người ta lại nhận diện thêm lối sống có những *kiểu nhân cách khác nhau trong những thời điểm lịch sử khác nhau*. Căn cứ vào tiêu chí *sinh thái* hay tiêu chí *hoạt động lao động cụ thể* người ta cũng nhận diện được các *hình thức khác nhau nữa của lối sống*. Vậy những nguyên nhân chủ yếu nào dẫn tới *sự vận động đa dạng* của các kiểu sống, các cách thức sống?

Tác nhân quan trọng đầu tiên và bao trùm làm thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống là phương thức sản xuất, theo đó là các chế độ xã hội và sự thay đổi hệ tư tưởng. Tác nhân này đã làm hình thành các kiểu lịch sử của lối sống theo phương thức sản xuất của cộng đồng nguyên thủy, phương thức sản xuất của chế độ nô lệ, phương thức sản xuất của chế độ phong kiến, phương thức sản xuất của chế độ tư bản và phương thức sản xuất của chủ nghĩa xã hội. Trong các phương thức sản xuất trước chủ nghĩa xã hội có sự vận động phức tạp của nhiều lối sống khác nhau, bởi vì quan hệ của các giai cấp với tư liệu sản xuất và vị trí của mỗi giai cấp trong hệ thống sản xuất xã hội khác nhau. Trong quá trình tồn tại và phát triển của mỗi phương thức sản xuất ấy, do có cuộc đấu tranh giai cấp mà có sự chuyển biến không ngừng về lối sống của nhiều giai tầng khác nhau.

Trong mỗi phương thức sản xuất trước chủ nghĩa xã hội, lối sống của giai cấp thống trị thường chi phối diện mạo kiểu lịch sử cơ bản của lối sống.

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Vì thế, lối sống *của* mỗi phương thức sản xuất thường vận động theo sự vận động của lối sống của giai cấp thống trị. Các lối sống trong các phương thức sản xuất trước chủ nghĩa xã hội dù có đối lập quyết liệt, nhưng vẫn trong khuôn khổ điều kiện kinh tế - xã hội có giai cấp. Chế độ nô lệ, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản đều dựa trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Từ phương thức sản xuất này chuyển sang phương thức sản xuất khác, tuy các lối sống bị thay đổi kiểu lịch sử, song nó vẫn duy trì những điều kiện cơ bản để tái sinh, lập lại các lối sống trước đó. Ở một mức độ nào đó, địa vị kinh tế - xã hội của các giai cấp thống trị vẫn giữ nguyên. Vì vậy, các tác nhân làm thay đổi kiểu lịch sử của lối sống trước chủ nghĩa xã hội thực ra chưa triệt để, bởi nó còn duy trì những quan hệ người áp bức, bóc lột người; do đó, có lối sống của kẻ thống trị và lối sống của người bị trị.

Tác nhân thứ hai làm thay đổi lối sống trên một diện rộng trong mỗi một phương thức sản xuất, đó là sự *thay đổi cơ cấu lao động*, sự chuyển biến sâu sắc về lực lượng sản xuất. Các phát minh khoa học, những sáng chế, các cuộc cách mạng công nghệ, các quá trình công nghệ hóa, hiện đại hóa đã làm đảo lộn tận gốc rễ các kỹ năng lao động, các phong tục, các tập quán, tạo nên sự vận động rất sâu sắc của lối sống. Những lối sống của các xã hội làm ruộng, làm vườn, chăn nuôi nhỏ lẻ của nền kinh tế sinh nhai đã tham dự vào những quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của những cuộc cách mạng công nghiệp, cách mạng nông nghiệp, cách mạng thương nghiệp, cách mạng tư tưởng và văn hóa làm hình thành nhiều lối sống mới và đồng thời cũng xóa bỏ nhiều lối sống cũ.

Ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa đều tạo nên những rung chuyển, những chấn động sâu rộng làm thay đổi rất nhiều các hoạt động sống trong mỗi phương thức sản xuất. Cuộc cách mạng nào cũng ảnh hưởng sâu rộng đến lối sống của xã hội, làm thay đổi cả số lượng, chất lượng, thời gian lao động và các quá trình hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhiều tầng lớp xã hội.

Cùng với các cuộc cách mạng thay đổi cơ cấu thời gian và chất lượng lao động xã hội, có thể nói *các cuộc chiến tranh, các cuộc cải tạo xã hội là tác nhân lớn thứ ba* thay đổi lối sống trong xã hội. Chiến tranh, các cuộc cải tạo xã hội là những cú sốc lớn thay đổi hoạt động sống. Từ thời bình chuyển sang thời chiến, từ thời chiến chuyển vào thời bình, các cuộc cải tạo xã hội đã biến đổi nhanh chóng, cấp tập từ lòng sâu của các quan hệ sinh tồn, quan hệ giao tiếp và ảnh hưởng trực tiếp đến các quan hệ sản xuất, quan hệ nhân sinh. Sự bảo tồn cuộc sống, sự đảo lộn các thang bậc giá trị, sự xáo trộn sinh hoạt mạnh mẽ đã đảo lộn trật tự của lối sống. Các chính sách thời chiến, các mục tiêu cải tạo xã hội đã làm thay đổi lối sống của hàng chục triệu người trong xã hội.

Tác nhân thứ tư, đó là *sự thay đổi chế độ nhân khẩu rộng lớn* cũng làm thay đổi lối sống của một bộ phận lớn dân cư trong xã hội. Các cuộc di dân, các làn sóng nhập cư, các quá trình xuất nhập khẩu lao động lớn, các cuộc chuyển đổi dân cư từ thành phố về nông thôn, từ nông thôn ra thành phố làm thay đổi văn hóa sinh tồn và văn hóa giao tiếp. Mức sống, phong cách sống, nếp sống, nhịp sống thay đổi trong quá trình này đã dẫn đến thay đổi trong lối sống.

Có thể nói, có rất nhiều tác nhân làm thay đổi lối sống xã hội. Song, trong các tác nhân làm thay đổi *kiểu lịch sử cơ bản của lối sống*, thì chỉ có tác nhân thay đổi phương thức sản xuất là tác nhân quan trọng nhất. Tác nhân này bao trùm và chi phối nhiều tác nhân khác. Trong các tác nhân thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống, thì chỉ có sự chuyển biến từ xã hội có giai cấp sang xã hội không giai cấp; từ phương thức sản xuất có áp bức, bóc lột mới sang phương thức sản xuất không có áp bức, bóc lột mới tạo ra *sự thay đổi căn bản, mạnh mẽ, quyết liệt nhất trong lĩnh vực lối sống*.

Lối sống của các xã hội sau các xã hội có áp bức, bóc lột giai cấp là lối sống khác với lối sống trong các xã hội tư bản và tiền tư bản. Đây là một bước ngoặt thực sự về lối sống. Trong lối sống của xã hội sau chủ nghĩa tư bản, những biến đổi về chất diễn ra trên mọi lĩnh vực của hoạt động sống của con người. Lối sống sau lối sống của chủ nghĩa tư bản là một cuộc cách mạng toàn diện trong lĩnh vực cuộc sống của con người.

Trong mỗi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống hay là trong mỗi lối sống lịch sử của phương thức sản xuất nhất định đã từng diễn ra nhiều tác nhân làm thay đổi *lối sống cục bộ* và cơ cấu cục bộ của lối sống trong phương thức sản xuất ấy. Những cuộc cải cách, những cuộc khởi nghĩa, những cuộc cách mạng trong nội bộ của một phương thức sản xuất không làm thay đổi kiểu lịch sử của lối sống. Chỉ có cuộc cách mạng, cuộc chiến tranh, cuộc đổi mới nào thay đổi phương thức sản xuất thì mới thay đổi kiểu lịch sử cơ bản của lối sống. Tuy nhiên, những thay đổi về các mô hình sản xuất, về lực lượng sản xuất trong mỗi phương thức sản xuất cũng có tác động không nhỏ đến sự thay đổi kỹ năng lao động, lối tư duy, các quan hệ xã hội. Điều đó luôn tác động đến mặt này hay mặt khác của cơ cấu lối sống và cả bản thân lối sống xã hội.

Trong quá trình hình thành những kiểu lịch sử cơ bản của lối sống, con người đã trải qua thời đại gắn với việc chiếm hữu những sản phẩm của tự nhiên, đó là thời kỳ con người còn trực tiếp phụ thuộc vào lực lượng tự nhiên. Sự tồn tại của con người trong những điều kiện xã hội ấy, một mặt, phụ thuộc vào công cụ sản xuất còn thô sơ, và mặt khác, phụ thuộc vào các tập thể được hình thành một cách tự nhiên. Ở giai đoạn đó các lực lượng tự nhiên hết sức hùng mạnh, lối sống của con người thường dựa vào tự nhiên.

Từ xã hội hái lượm, con người đã tiến lên sản xuất nông nghiệp. Mặc dù trong các xã hội có sự thống trị của quyền sở hữu ruộng đất, nhưng lối sống của con người vẫn gắn chặt với tự nhiên và phạm vi hoạt động của lối sống bị hạn chế bởi các điều kiện tự nhiên và mang tính cục bộ địa phương, gắn với gia tộc, với bộ tộc, tính lặp lại còn phổ biến, chưa tái sản xuất mở rộng. Lối sống trong các xã hội tiền tư bản *chưa có bản nguyên cá tính*, các cá nhân chưa tách khỏi cộng đồng, cộng xã là lực lượng sản xuất hùng mạnh nhất. Hạn chế lịch sử của các lối sống trong các xã hội tiền tư bản là ở chỗ, chúng gắn chặt với cộng đồng, chưa có sự phát triển đầy đủ của tự do cá nhân.

Trong các xã hội tiền tư bản, lao động thủ công khá phát triển, đạo đức được duy trì. Trong các xã hội như vậy, cơ sở kinh tế của lối sống không quan trọng bằng các quan hệ văn hóa, đạo đức. Do sự phân công lao động không

sâu, mỗi người phải làm nhiều việc, có khi phải làm tất cả mọi việc mà lối sống thường gắn với sự khéo léo, sự trung thành, sự hy sinh, danh dự và niềm tin. Trong các xã hội tiền tư bản, nhân cách, lối sống *có một sự phát triển tự do nhất định*. Rất nhiều lối sống tốt đẹp gắn với các khát vọng và lý tưởng sống cao đẹp xuất hiện.

Trong sự vận động của các kiểu lối sống cơ bản trên tiến trình lịch sử, lao động trong chủ nghĩa tư bản với việc phát triển sản xuất bằng công nghiệp, đã tạo tiền đề cho việc hình thành *một kiểu mới của lối sống nhân loại*. Sản xuất tư bản chủ nghĩa đã khắc phục nhiều hạn chế của các lối sống trong các xã hội tiền tư bản. Lần đầu tiên con người trong xã hội tư bản có khả năng làm chủ tự nhiên bằng các công cụ hiện đại do mình sản xuất ra. Bằng năng suất lao động cao hơn, con người khắc phục được tính hạn hẹp của lao động thủ công. Việc phát triển toàn diện sản xuất bằng công nghiệp, sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra xu hướng mục tiêu *làm toàn diện hóa tồn tại xã hội của con người*. Trong điều kiện của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, lần đầu tiên đã sản sinh ra cơ sở xã hội, những tiền đề cần thiết cho một lối sống tốt đẹp hơn ra đời. Sản xuất tư bản chủ nghĩa khắc phục tính hạn chế và các thành kiến dân tộc trong lối sống của xã hội phong kiến. Có thể nói rằng, sản xuất tư bản chủ nghĩa mang những tiền đề to lớn giải phóng nhân cách, tăng cường tri thức, cải tạo lối sống. Giai cấp tư sản lúc đang lên, khi chống lại lối sống một chiều của giai cấp phong kiến, nó đã tạo nên một cuộc đảo lộn rất lớn về lối sống. Ph. Ăngghen viết rằng: “Đó là một cuộc đảo lộn tiến bộ lớn nhất mà từ xưa tới nay, nhân loại đã trải qua; đó là một thời đại cần có những con người khổng lồ và đã sinh ra những con người khổng lồ: khổng lồ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách, khổng lồ về mặt có lắm tài, lắm nghề và về mặt học thức sâu rộng”¹. Những con người này đã đặt cơ sở cho lối sống của giai cấp tư sản.

Trong tiến trình phát triển lịch sử của giai cấp tư sản, nhiều cuộc cải cách lớn trong xã hội đã diễn ra, nhân cách và lối sống đa dạng hơn, con người

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 459 - 460.

cá nhân được củng cố. Tuy nhiên, sản xuất tư bản chủ nghĩa thường chuyên môn hóa rất cao làm cho con người trở nên như một chiếc máy. Sản xuất tư bản chủ nghĩa đã liên kết *người công nhân sống với máy móc chết* thành những người bạn đồng hành, đã làm phiến diện hóa lối sống và nhân cách. Sự phát triển những hình thức phân công lao động xã hội trong vòng quay dữ dội của các quan hệ tiền - hàng tư sản đã tạo ra lối sống thực dụng và biến con người trở thành những nô lệ ngoan ngoãn của đồng tiền.

Sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tiến một bước quan trọng trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất xã hội, nhưng trong chủ nghĩa tư bản, sản xuất hiện ra như mục đích của con người, còn của cải lại hiện ra như mục đích của sản xuất. Nguồn lực con người được khai thác triệt để và bị vắt đến cạn kiệt. Sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tước bỏ nội dung tinh thần của lao động và biến tất cả phẩm giá người thành hàng hóa. Trong sản xuất tư bản chủ nghĩa, những khả năng và những quan hệ thực tế của cá nhân bị xuyên tạc sâu sắc. Các phẩm chất người không còn là mục đích tự thân, mà là phương tiện lợi ích xã hội. Trong điều kiện ấy, các giá trị tinh thần của lối sống bị hạ nhục rất thảm hại. C. Mác viết rằng, hình thức tư sản của lao động phát triển càng thuần khiết và càng thích ứng, thì lao động càng bị tha hóa. Người công nhân lao động càng nhiều, thì họ càng nghèo. Họ càng tạo ra nhiều tòa lâu đài lộng lẫy, thì họ càng bị ở dưới các túp lều lụp xụp. C.Mác viết: “Theo những quy luật mà kinh tế chính trị học đề ra thì sự tha hóa của công nhân trong vật phẩm của mình, biểu hiện như sau: công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo đáng càng đẹp thì anh ta càng què quặt; vật do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ”¹. Mác đã xem trong chủ nghĩa tư bản, lao động có một mâu

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 42. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.131.

thuần to lớn cội nguồn của những mâu thuẫn cả về mặt vật chất lẫn mặt tinh thần của lối sống.

Sự tách rời hoàn toàn giữa lao động với quyền sở hữu trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã dẫn đến tình trạng người làm thuê càng làm ra nhiều của cải cho xã hội thì họ càng nghèo khó cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần diễn ra hàng ngày trong nền sản xuất tư bản... Những quá trình bóc lột giá trị thặng dư tinh vi, những lợi nhuận thị trường đã tác động liên tục vào chiều sâu của các hoạt động sống trong xã hội tư bản. Nhân cách con người trở nên thực dụng và ích kỷ hơn. Lối sống cá lớn nuốt cá bé lẫn vào các vòng quay bạo liệt của thị trường tư bản.

Trong chủ nghĩa tư bản có sự đối lập khốc liệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Khoa học càng phát triển thì khoảng cách giữa lao động trí óc và lao động chân tay càng cách biệt. Khi quốc tế hóa sự bóc lột giá trị thặng dư dưới chiêu bài khai hóa, giai cấp tư sản đã tạo ra mâu thuẫn toàn diện trong lĩnh vực quốc tế hóa lối sống tư sản. Giai cấp tư sản đã áp đặt lối sống của nó lên những dân tộc mà nó xâm lược. Kết quả của sự áp đặt lối sống này đã tạo ra các phong trào giải phóng dân tộc rộng lớn chống lại lối sống tư sản trong suốt cả thế kỷ XX. Với cách thức quốc tế hóa lối sống bằng các cuộc chiến tranh xâm lược, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản đã bị phá vỡ, các phong trào độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một lối sống tốt đẹp hơn đã xuất hiện, đặc biệt trong nửa sau của thế kỷ XX, khi một loạt nước xã hội chủ nghĩa ra đời.

Sau khi thất bại ở khắp mọi nơi trên hành tinh này, trong chiến lược quốc tế hóa lối sống tư bản chủ nghĩa bằng cách xâm lược các dân tộc có chủ quyền quốc gia; chủ nghĩa tư bản quay lại tự nhìn mình và tìm cách hoàn thiện mình. Sau đại chiến thế giới thứ II, nhất là sau những năm 60, đặc biệt là sau những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, với sự phá sản hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở Việt Nam, chủ nghĩa tư bản đã cải tổ lại nền sản xuất. Chiến lược *xã hội hóa sản xuất, cổ phần hóa rộng rãi* đã tạo ra một lối sống mới trong các nước tư bản. *Nguyên tắc thỏa hiệp* trong mọi quan hệ từ

sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu dùng đã làm cho lực lượng sản xuất trong các nước tư bản tăng lên nhanh chóng. Nguyên tắc thỏa hiệp đã khắc phục được nhiều yếu tố khác biệt trong lối sống, tạo ra những hoạt động sống có tương tác, đồng thuận.

Từ lao động công nghiệp, giai cấp tư sản đã chuyển vào lao động tự động hóa và trí thức hóa. Sự chuyển từ lao động chân tay sang lao động trí óc, lối sống trong các nước tư bản chủ nghĩa có sự biến đổi rất cơ bản trong cơ cấu lao động xã hội. Sự biến đổi chủ yếu sang lao động trí thức làm đảo lộn mọi hình thái của lao động, và do đó cũng đảo lộn nhiều quan hệ sinh tồn và giao tiếp trong lối sống của xã hội tư bản trong gần ba thập kỷ vừa qua. Từ năm 1980 đến năm 1998, quá trình chuyển sản xuất công nghiệp đơn thuần sang công nghiệp có hàm lượng trí tuệ cao, công nghiệp có công nghệ sạch ở Mỹ làm giảm 44 triệu việc làm cũ, nhưng tăng 73 triệu việc làm mới gắn với tin học. Sự chuyển biến rất mạnh mẽ trong cơ cấu lao động ở Mỹ do sự chuyển đổi tính chất trí thức của lao động. Đội ngũ công nhân có trí thức ngày càng tăng và tăng rất nhanh. Trong xã hội những người có lượng kiến thức nhiều và sự hiểu biết tin học tốt nhận được việc làm dễ hơn rất nhiều so với những người lao động chân tay.

Kinh tế tri thức tại các nước tư bản phát triển thúc đẩy sự thay đổi kiểu lịch sử của lối sống tư bản. Nhiều công nhân đã được trí thức hóa và sự đối lập giữa các lối sống trong xã hội có những diện mạo mới. Đó là sự phân tầng xã hội giữa giàu và nghèo, là việc những người lao động bị sa thải mỗi khi có những công nghệ mới và công nghệ cao ra đời.

Thực tế trong các nước tư bản chủ nghĩa những dấu hiệu dần thân, cam kết với cộng đồng đã xuất hiện ngày càng nhiều trong các thành tố đạo đức của lối sống. Tuy nhiên, trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa cá nhân vẫn phát triển sâu sắc; sự phân tầng xã hội ngày càng sâu; nạn phân biệt chủng tộc diễn ra thường xuyên. Trong chủ nghĩa tư bản, lối sống bạo lực vẫn chưa có điều kiện khắc phục.

Có thể nói, trong những năm gần đây, do lực lượng sản xuất trong các nước tư bản phát triển mạnh làm thay đổi nhiều yếu tố của quan hệ sản xuất, tạo ra nhiều thay đổi trong lối sống của nó. Tuy nhiên, về bản chất, xã hội tư bản là xã hội tiêu dùng, xã hội cá lớn nuốt cá bé, xã hội có phân tầng xã hội rất sâu, chủ nghĩa cá nhân phát triển cao, lối sống thực dụng rất phổ biến. Về bản chất, kiểu lịch sử của lối sống đại biểu cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không thay đổi, mà chỉ có sự *thay đổi một số lối sống của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội tư bản*.

Hiện nay, bằng các làn sóng tin học, làn sóng xuất khẩu, làn sóng đầu tư, giai cấp tư sản, đặc biệt là Mỹ vẫn muốn quốc tế hóa lối sống tiêu dùng của nó. Bằng sự *can thiệp nhân đạo* vào một số nước khác, bằng việc *truyền bá ngôn ngữ, học thuật, tư tưởng*, giai cấp tư sản mong muốn xác lập lối sống của chủ nghĩa đế quốc theo con đường tự nguyện. Sự vận động lịch sử này của kiểu lối sống tư bản chủ nghĩa nhân danh đế quốc văn hóa đang hướng vào giới trẻ ở các nước chậm và đang phát triển bằng tin học, điện ảnh và những làn sóng khác. Trước thực trạng lối sống phương Tây, lối sống Mỹ đang khát khao quốc tế hóa các giá trị của nó, thì việc xây dựng kiểu lịch sử của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN HÌNH THÀNH LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Theo quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của sản xuất; tính chất cách mạng và sự vận động không ngừng của lực lượng sản xuất thì trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đã xuất hiện một *cuộc cách mạng về khoa học, kỹ thuật và công nghệ* nhằm phá vỡ những bế tắc trong sản xuất tư bản chủ nghĩa, đẩy nhanh nhịp độ của sản xuất. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật đã làm cho lực lượng sản xuất trong các nước tư bản chủ nghĩa tăng lên nhanh chóng, đã đẩy mạnh quá trình phát triển xã hội, tạo nên những nhân tố mới trong lối sống mà các kiểu sống lịch sử trước kia chưa có. Tiến bộ khoa học, kỹ thuật làm tăng trưởng các ý đồ sáng tạo và nhịp sống công nghiệp cũng gia tăng. Cách mạng khoa học, kỹ thuật cung cấp một tài sản vật chất to lớn, một kỹ năng lao động mới làm cho mặt vật chất của lối sống xã hội ngày càng thêm phong phú. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật không chỉ làm thay đổi rất nhiều thành tố của lối sống tư sản, mà còn làm thay đổi nhiều hệ thống giá trị, những chuẩn mực sống ở nhiều dân tộc trên hành tinh này.

Ở những dân tộc đã trải qua cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật thì đói nghèo được đẩy lùi. Cách mạng khoa học, kỹ thuật đã làm xuất hiện cơ chế quản lý, phân phối và sản xuất mới, do đó nhịp sống nhanh hơn, mạnh hơn và sôi động hẳn lên. ở một số quốc gia, mặt tinh thần của lối sống thay đổi rõ rệt, nhiều giá trị truyền thống được đánh giá lại; một số phong tục, tập quán được cải tạo theo hướng hiện đại hóa; cơ chế tâm lý, tập tính tình cảm, chế độ giáo dục thay đổi nhanh chóng cho phù hợp với tiến trình của sản xuất vật chất.

Cách mạng khoa học, kỹ thuật cũng *tạo ra sự phát triển không đều* trong lối sống của mỗi dân tộc hoặc từng dân tộc khác nhau. Đã xảy ra hiện

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

tượng ở mỗi bộ phận dân tộc hay ở một số dân tộc, con người theo đuổi các thành quả khoa học, kỹ thuật một cách thái quá làm cho các mặt khác nhau trong lối sống thiếu sự phát triển đồng đều, đi đến cứng nhắc. Đó cũng chính là một trong những nguồn gốc làm cho lối sống dưới ảnh hưởng của cách mạng khoa học, kỹ thuật có những chiều hướng phát triển khác nhau. Nhiều giá trị mới được đề cao quá mức, nhiều giá trị còn tốt đẹp bị đẩy lại phía sau và bị lãng quên nhanh chóng, tạo nên sự mất cân bằng trong lối sống xã hội.

Một hiện tượng khác cũng đã từng xảy ra trong lối sống nhiều dân tộc. Đó là, do không mặn mà với cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật mà một bộ phận lớn các hoạt động sống của dân cư xã hội ấy vẫn giữ nhịp độ sống cổ xưa, và một bộ phận nhỏ dân cư dù có thay đổi lối sống hay có khát vọng thay đổi lối sống cũng vẫn không có điều kiện thực tế để thực hiện.

Sự thay đổi các chuẩn mực giá trị do cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật đầu thế kỷ XX tạo ra có tính chất hai mặt rõ rệt. *Một mặt*, nó thúc đẩy nhanh quá trình thay đổi lối sống theo cơ cấu lao động mới; *mặt khác* nó cũng làm nảy sinh rất nhiều rối loạn trong lối sống. Những phát minh khoa học, những hàng hóa, những thị trường, những động cơ, những lợi ích làm sôi động nhịp sống của con người, đồng thời nó cũng tàn phá tới tận gốc rễ các chuẩn mực giá trị đạo đức truyền thống, đề xuất cách xác lập các giá trị mới. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật đã từng kích thích các giá trị và làm xuất hiện thêm những phản giá trị trong lối sống. Nhịp sống công nghiệp, khát vọng làm giàu và lợi nhuận một mặt, làm thay đổi cơ cấu giá trị của các nền kinh tế đòi hỏi cái đúng, cái hợp quy luật phải được xác lập; mặt khác, nó cũng củng cố cho nhiều thói xấu đã từng tồn tại trong chế độ tư bản.

Có thể nói cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật kỳ diệu đã mang đến cho môi trường sống của nhân loại biết bao nhiêu niềm vui và hạnh phúc. Với những thành tựu khoa học kỹ thuật tuyệt vời, loài người đã không chỉ bước một bước thang mới trong cải tạo lại tự nhiên, mà còn với tay tới các hành tinh xa xôi, chinh phục cả vũ trụ, thực hiện ước mơ ngàn đời của nhân loại. Bằng các cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật, ở thế kỷ XX con người đã tăng trưởng

đời sống vật chất lên nhanh chóng. Tuy nhiên, do quá lạm dụng những thành quả công nghệ, con người đã khai thác tự nhiên một cách ô ạt. Khát vọng làm giàu với cuộc thập tự chinh lớn nhất trong lịch sử nhân loại tiến vào phá vỡ sự cân bằng sinh thái. Cách mạng khoa học, kỹ thuật đã phá vỡ lối sống hòa hợp với tự nhiên của con người. Thiên nhiên đã được con người dùng khoa học, kỹ thuật mới khai thác hối hả, và kết quả là con người đã tự phá hoại môi trường sống của chính mình.

Cách mạng khoa học, kỹ thuật ở thế kỷ XX thực tế đã đặt ra rất nhiều vấn đề trong việc thay đổi lối sống của con người trong chế độ tư bản. Nó trở thành tiền đề khách quan tạo dựng một lối sống mới sau chủ nghĩa tư bản.

Nhờ các thành tựu khoa học và công nghệ mới, giai cấp tư sản đã *quốc tế hóa sự bóc lột giá trị thặng dư* bằng các cuộc chiến tranh xâm lược. Trong quá trình nô dịch và không ngừng cướp bóc tài sản của nhân dân các nước thuộc địa, dưới chiêu bài khai hóa, giai cấp tư sản đã *quốc tế hóa lối sống tư sản*, áp đặt các kiểu sống của mình lên các dân tộc bị áp bức, bóc lột. Kết quả là *phong trào giải phóng dân tộc* dâng lên cuộn cuộn ở khắp mọi nơi nhằm chống lại lối sống tư sản, đòi quyền độc lập dân tộc, gìn giữ bản sắc văn hóa và lối sống dân tộc.

Chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ phát triển đi lên của nó đã từng đóng vai trò người giải phóng lối sống dân tộc khỏi lối sống của chế độ quân chủ phong kiến. Đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, với quá trình quốc tế hóa sự bóc lột giá trị thặng dư và áp đặt lối sống tư sản vào các dân tộc, chủ nghĩa đế quốc đã tạo nên sự đụng độ văn hóa rất lớn. Nhiều dân tộc ở các nước châu á, châu Mỹ la tinh, châu Phi đã chống lại quá trình áp đặt văn hóa này. Phong trào giải phóng dân tộc thắng lợi làm nảy sinh rất nhiều khuynh hướng khác nhau trong việc xây dựng lối sống mới. Có dân tộc, do giai cấp tư sản nắm chính quyền vẫn duy trì lối sống tư sản; có dân tộc theo chủ nghĩa dân tộc khi đánh bại chủ nghĩa đế quốc đã khôi phục lại nhiều thành tố quan trọng của lối sống thời kỳ trước chủ nghĩa tư bản; có dân tộc sau khi ngăn chặn được sự độc

quyền của lối sống tư sản, đã hấp thu có chọn lọc lối sống đó và xây dựng lối sống mới trong quá trình sắp đặt lại hệ giá trị.

Một cuộc đảo lộn to lớn về mặt lối sống đã diễn ra cùng với phong trào giải phóng dân tộc. Trong thời kỳ này có sự khủng hoảng về lối sống trong nhiều dân tộc. Có dân tộc đã lựa chọn con đường xây dựng lối sống phù hợp với truyền thống dân tộc và phát triển tất yếu của thời đại; có dân tộc đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ của các quan hệ chính trị quốc tế không gìn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, sa đà vào nhập cảng những lối sống không phù hợp với truyền thống lâu đời; có dân tộc đã nắm được tinh thần của thời đại, sự phát triển nội tại của dân tộc, kết hợp được cái riêng với cái chung, do đó khi xây dựng lối sống mới đã tránh được những khó khăn.

Có thể nói phong trào giải phóng dân tộc tạo một tiền đề khách quan nữa cho quá trình xây dựng lối sống sau lối sống tư sản.

Cùng với hai tiền đề: cách mạng khoa học, kỹ thuật và phong trào giải phóng dân tộc; *tiền đề thứ ba* có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng lối sống sau chủ nghĩa tư bản, đó là *phong trào dân chủ* từ cuối thế kỷ XIX và suốt cả thế kỷ XX.

Ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản và giai cấp công nhân (The class of worker = giai cấp người lao động = Die Arbeiterklasse) đã làm sụp đổ hệ thống phong kiến, xác lập nhiều giá trị cơ bản về quyền con người. Cùng với phong trào dân tộc, phong trào dân chủ, khi tấn công vào chế độ phong kiến, xóa bỏ lối bóc lột nửa thực dân, nửa phong kiến đã tạo những tiền đề tinh thần quan trọng cho giai cấp nông dân tự nhận thức về mình, giảm thiểu những thành kiến giai cấp, xóa bỏ dần tư hữu, tiến lên con đường dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Phong trào dân chủ mà nội dung cơ bản của nó là chống áp bức, bóc lột dưới mọi hình thức, đẩy mạnh những hoạt động bảo vệ quyền con người, chống quan liêu, chống độc quyền chân lý, xác lập quyền công dân, nâng cao

dân trí, chấn hưng dân khí đã mở đầu cho việc thay đổi lối sống cổ hủ, tư tưởng tiến lên theo lối sống văn minh, hiện đại.

Phong trào dân chủ đã làm nảy sinh từ lòng sâu của các xã hội phong kiến, thuộc địa, nửa thuộc địa những giá trị rất mới. Những giá trị này tạo nên chất men làm sinh sôi, nảy nở một lối sống văn minh hơn và tiến bộ hơn. Phong trào dân chủ hướng về mục tiêu giác ngộ quyền và nghĩa vụ cho con người. Quyền được phê phán, quyền được thông tin, quyền công dân, chống áp bức, bóc lột về kinh tế, về chính trị hướng tới xã hội văn minh và no đủ là những mục tiêu quan trọng mà phong trào dân chủ đem lại cho những xã hội đang thức dậy vươn lên.

Nhiều dân tộc đã được phong trào dân chủ cổ vũ phát huy các giá trị truyền thống, kết hợp với những giá trị của thời đại đứng lên xây dựng cuộc sống mới theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Không ít các dân tộc mà cơn bão của phong trào dân chủ tràn qua đã không biết vận dụng một cách đúng đắn, phủ định sạch trơn truyền thống, xác lập những hệ chuẩn mới của văn hóa, xây dựng lối sống trên mảnh đất trống không của truyền thống. Kết quả chân không đứng đất, cột không có ánh sáng mặt trời. Lối sống mới không có nguồn nuôi dưỡng, thiếu sức sống. Những lý tưởng tốt đẹp không được xác lập.

Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật; phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ cùng với *cuộc chiến tranh để quốc chia lại thị trường* đã trở thành một tổ hợp những nguyên nhân khách quan làm xuất hiện lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Việc xuất cảng văn minh, quốc tế hóa các quá trình bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp tư sản trên thị trường quốc tế đã đụng độ nhau, dẫn đến mâu thuẫn không thể điều hòa. Việc tranh chấp thị trường ấy đã dẫn đến các cuộc chạy đua vũ trang rộng lớn, tạo ra quá trình quân sự hóa kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ngay thập niên thứ hai của đầu thế kỷ XX đã nổ ra cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, lực lượng sản xuất trong các nước tư bản càng phát triển mạnh, việc tìm kiếm thị trường để tiêu thụ hàng hóa ngày càng trở nên cấp bách.

Cuộc đụng độ trong nội bộ chủ nghĩa tư bản để chia lại thị trường đã xảy ra quyết liệt dẫn đến đại chiến thứ hai. Chiến tranh đế quốc là một tác nhân to lớn làm biến đổi đời sống của hàng trăm triệu người lao động. Nạn thất nghiệp kéo dài sự di chuyển cư dân trong và sau chiến tranh đã làm thay đổi đột ngột lối sống của nhiều dân tộc trên hành tinh này.

Sự chán ghét lối sống tư bản, sự thù địch với chủ nghĩa đế quốc đã dẫn một số dân tộc tìm kiếm lối sống mới sau chủ nghĩa tư bản.

Có thể nói tác nhân quan trọng nhất trong số các tác nhân dẫn đến tính tất yếu khách quan hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là *cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Sự chín muồi của những điều kiện vật chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn với sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn phát triển mới của nó - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản tư nhân tư bản chủ nghĩa đã đẻ ra một chuỗi các mâu thuẫn khác trong lối sống xã hội. Chiều hướng của tích lũy tư bản chủ nghĩa đã phân tầng xã hội rất sâu; một bên thì của cải ngày càng tập trung; bên kia thì ngày càng nghèo đói. Sự phân tầng ấy biểu hiện rõ rệt trong lối sống dưới thời kỳ đế quốc chủ nghĩa đã tích tụ những mâu thuẫn lớn tạo nên *phong trào xã hội chủ nghĩa* - động lực cơ bản và bao trùm của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời mở ra một thời kỳ *xây dựng kiểu sống lịch sử xã hội chủ nghĩa* trên hành tinh này. Phong trào xã hội chủ nghĩa đã lôi kéo hàng trăm triệu người trên hành tinh này tiến lên xây dựng một lối sống mới - lối sống hoàn toàn khác với tất cả lối sống của các xã hội trước. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, con người đã tìm thấy con đường thoát khỏi lối sống tui nhục, đầy dẫy, áp bức, bóc lột bằng tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phong trào xã hội chủ nghĩa đã làm hình thành một kiểu tổ chức lối sống do chính giai cấp bị áp bức, bị bóc lột, tức giai cấp vô sản đề xướng.

Giai cấp vô sản có sứ mệnh lịch sử lật đổ lối sống tư bản chủ nghĩa đã lỗi thời và xây dựng một lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa phù hợp với phương thức sản xuất mới.

Sứ mệnh của cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ xóa bỏ lối sống áp bức, bóc lột giai cấp trước kia, mà còn hơn thế, nó phải sáng tạo ra lối sống mới, tổ chức lại hoạt động sống cho hàng trăm triệu người lao động. Đó là một sự kiện vô cùng vĩ đại.

Có thể nói, với cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật; với ba phong trào lớn của thế kỷ XX: phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa là điều kiện, là những tác nhân chủ yếu và tất yếu dẫn đến việc thay đổi kiểu sống lịch sử của lối sống tư bản chủ nghĩa thành kiểu sống lịch sử của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật; các phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ, phong trào xã hội chủ nghĩa đã tạo những tiền đề quan trọng để các dân tộc quá độ bước vào lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Trong nửa đầu thế kỷ XX đã có hàng loạt dân tộc đứng trước ngưỡng cửa của lối sống ấy; có hàng nghìn triệu người ở không ít các dân tộc đã bắt tay thật sự vào xây dựng lối sống ấy. Lối sống ấy đã mang lại một diện mạo thật mới mẻ cho các hoạt động sống trên hành tinh chúng ta. Lối sống ấy trước hết là một thành tựu vĩ đại của nhân loại.

BẢN CHẤT CỦA LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Cũng như tất cả các lối sống khác, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là kiểu lịch sử của lối sống thể hiện phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa xuất hiện theo đúng quy luật của sự phát triển của các hình thái kinh tế. Nó là một hình thức sinh sống mới của nền văn minh nhân loại ở đầu thế kỷ XX. Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi các hoạt động sống ở mọi nơi mà nó xuất hiện. Đây là lối sống mà từ lâu C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng dự đoán. Đó là lối sống của giai đoạn phát triển sau lối sống tư bản chủ nghĩa. Đây là giai đoạn đầu của quá trình đem các giá trị của con người trả lại cho con người một cách có ý thức. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa do gắn bó chặt chẽ với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa nên nó giữ lại toàn bộ *những giá trị* mà con người đã sáng tạo trong hoạt động sống trước đó; *nâng lên một tầm cao mới* những di sản của quá khứ; *mở ra những hoạt động sống mới* phù hợp với phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Có thể nói *lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là một hình thức sinh sống gần quá khứ với hiện tại, dân tộc với quốc tế, cá nhân với xã hội, dân tộc với tộc người. Đó là hình thức vận động của cuộc sống trong những điều kiện vật chất và tinh thần mới mẻ của tiến trình phát triển lịch sử. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là sản phẩm tất yếu của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.*

C. Mác và Ph. Ăngghen đã vạch ra bản chất của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là *sự thay thế những quan hệ sống đã đánh mất tính người bằng những quan hệ nhân đạo cao cả dựa trên tài sản của tất cả mọi cá nhân liên kết lại thành một tập thể. Và tập thể này lại là điều kiện mới để phát*

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

triển cá nhân. Như vậy lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không phải là kết quả của sự phủ nhận toàn bộ các hoạt động sống lịch sử trước đó. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là kết quả hợp quy luật. Lối sống này không những giữ lại trong bản thân nó *cái dân tộc, cái truyền thống* có giá trị đã được lịch sử trước đó tạo nên, mà còn *phát triển những giá trị ấy*, tạo thành một diện mạo mới hiện diện cho lời giải đáp, cho câu đố của lịch sử.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa làm hình thành con người mới như là chủ thể chân chính của lịch sử đại diện cho phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người đã rũ bỏ được những tha hóa, những cô đơn, riêng lẻ, bần cùng, đại diện cho những nhu cầu phong phú, biết chiếm lĩnh toàn bộ của cải vật chất và tinh thần của xã hội, biến những của cải ấy thành văn hóa trong hoạt động sống mới của chính mình.

Theo quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là lối sống đã vượt ra khỏi những hạn chế của sự áp bức bóc lột giai cấp, những hạn chế về mâu thuẫn dân tộc trong chế độ tư bản. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là *giai đoạn phát triển tất yếu về mặt lịch sử của tiến trình phát triển văn hóa nhân loại*. Lối sống này chứa đựng trong bản thân nó không chỉ văn hóa các dân tộc, mà còn văn hóa có tính quốc tế.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa *trước hết là lối sống gắn liền với lao động kiểu mới*. Khác với các lối sống trước đó, lối sống của những người áp bức, bóc lột, cướp đoạt lao động của người khác; lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa khi gắn bó với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa thì đồng thời nó gắn với phương thức lao động tạo ra diện mạo mới của lối sống. Lao động xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại không chỉ thuần túy để kiếm sống, mà còn biểu hiện của bản thân cuộc sống, là sự biểu hiện bản chất xã hội thực sự của con người. Lao động xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là một quá trình chuyển lao động từ tính tất yếu bên ngoài thành tất yếu bên trong. Lao động vì lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa mang một năng lượng giải phóng và một giá trị cao quý. Lao động

xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa tạo những điều kiện cần thiết để nâng cao giá trị con người và phát triển con người phong phú, toàn diện. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, các hình thức lao động và tính chất lao động có sự chuyển biến. Đó là quá trình giảm nhẹ lao động nặng nhọc, trí thức hóa lao động, xóa dần khoảng cách giữa lao động nông nghiệp và lao động công nghiệp, giữa thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động tự do. Có thể nói lao động kiểu mới đồng hành với tính chất mới mẻ của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Trước hết người ta thấy rằng, lao động trong chủ nghĩa xã hội không phải là lao động áp bức, bóc lột. Lao động trong chủ nghĩa xã hội cũng là lao động cá nhân, nhưng mỗi cá nhân đều lao động cho mình và gắn với mục tiêu của tập thể. Các cuộc cải tạo xã hội khắc phục các hạn chế của các xã hội cũ đã làm thay đổi tính chất của bản thân lao động trong chủ nghĩa xã hội. Các cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội đã làm thay đổi những tương quan chủ yếu giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp, giữa thời gian tất yếu và thời gian tự do, giữa lao động và nhu cầu, giữa người sở hữu công cụ lao động và thành quả lao động.

Mục tiêu văn hóa của chủ nghĩa xã hội là *thống nhất lao động với cá nhân*, cấp cho lao động tính sáng tạo. Sáng tạo là đặc trưng quan trọng của sự thích thú lao động của cá nhân. Sáng tạo là nhu cầu lao động nội tại của cá nhân. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa khuyến khích các hoạt động sáng tạo trên nền tảng của các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đó là các sáng tạo cho mình và cho tập thể. Đó là các sáng tạo không có động cơ áp bức, bóc lột người khác. Các sáng tạo này vừa phát triển năng lực cá nhân, vừa nâng cao các giá trị xã hội.

Chung quanh vấn đề sáng tạo trong chủ nghĩa xã hội có rất nhiều ý kiến khác nhau. Có những ý kiến cho rằng, các sáng tạo trong chủ nghĩa xã hội có thể phục hồi lối sống của các xã hội tiền tư bản, bởi vì lao động thủ công trong các xã hội tiền tư bản vẫn có khả năng thực tế phát triển các cá tính, các tài năng cá nhân. Có ý kiến lại cho rằng, về bản chất, chủ nghĩa xã hội tạo điều

kiện để các cá nhân hoạt động sáng tạo phải gắn với *trình độ mới của lực lượng sản xuất*. Nếu cá nhân hoạt động sáng tạo có tính cục bộ, bó hẹp trong những điều kiện kỹ thuật thấp thì ít có khả năng phát triển toàn diện. Hơn nữa, chủ nghĩa xã hội là cái nôi nâng niu các cá nhân có năng lực hoạt động sáng tạo được phát triển mọi tài năng. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc: một người vì mọi người, mọi người vì một người. Chủ thể sáng tạo trong chủ nghĩa xã hội phải diễn ra trong quá trình xã hội hóa phù hợp với quy mô của các cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội; có nghĩa là hoạt động sáng tạo của con người là việc *sáng tạo ra chính bản thân mình trong xã hội của mình*. Tức là con người sản sinh ra văn hóa của mình trong tồn tại văn hóa chung của xã hội.

Lôgic phát triển nội tại của lao động trong chủ nghĩa xã hội đòi hỏi trong các lĩnh vực lối sống phải *hình thành các chuẩn mực giá trị mới*. Lần đầu tiên trong lối sống của xã hội loài người, chủ nghĩa xã hội đã dùng *thước đo các giá trị từ lao động xã hội* một cách khoa học và nghiêm túc. Trong học thuyết giá trị của C.Mác, C.Mác đã chuẩn bị tích cực nhất cho thước đo lối sống của xã hội là *lao động trừu tượng*. Và ở đó C.Mác dùng thước đo lao động trừu tượng không chỉ đo hàng hóa, mà chủ yếu để đo chính lối sống của bản thân con người. Lao động trừu tượng là những giá trị gốc của năng suất lao động xã hội, là lao động được xã hội hóa. Và chính lao động đã được xã hội hóa đã tạo ra các nấc thang vận động của hệ chuẩn mực trong các thành tố văn hóa của lối sống.

Xuất phát từ tính chất và trình độ của lao động, các hệ chuẩn mực mới trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa được thiết lập. Hệ chuẩn mực mới này chi phối từ chiều sâu các đánh giá xã hội đối với lối sống. Nó tạo nguồn định hướng rất sâu cho các mục tiêu hoạt động sống của chủ nghĩa xã hội. Các chuẩn mực *nên làm hay không nên làm, được làm hay không được làm* ở tất cả các lĩnh vực của cuộc sống trong chủ nghĩa xã hội đều tìm thấy nguồn gốc từ trong thước đo lao động.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa *không tách rời sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*, vai trò lãnh đạo của giai cấp ấy trong thực tế. Trong mọi hoạt động sống, giai cấp công nhân khi thành chủ thể của sự vận động lịch sử đã tạo nên những giá trị văn hóa mới. Những giá trị văn hóa này vừa biểu hiện sự trưởng thành trong lối sống của giai cấp công nhân, vừa phát triển lối sống mới của tất cả mọi thành viên trong xã hội. Khi giai cấp công nhân làm cách mạng vô sản thủ tiêu chế độ tư hữu và biến những tư liệu sản xuất chủ yếu thành tài sản chung của nhân dân là sự khởi đầu xây dựng những nội dung rất mới trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân làm cách mạng vô sản biến đổi những điều kiện sản xuất và giao tiếp cũ, tạo dựng những hoạt động sống mới đều xuất phát từ chủ nghĩa nhân văn cao cả. Giai cấp công nhân *trước hết* là muốn mình có lối sống mới từ lao động của mình chứ không áp đặt lối sống của mình lên các giai cấp khác. Chính những hoạt động lao động và sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất do giai cấp công nhân xác lập là những điều kiện thiết yếu để xoay đổi lại toàn bộ các hình thức sinh sống trong xã hội mới. Chế độ sở hữu xã hội do giai cấp công nhân xác lập làm biến đổi cơ bản hình thái sản xuất xã hội và cả tính chất các của cải do con người tạo nên. *Chế độ sở hữu xã hội gắn liền với giai cấp công nhân là gốc rễ của việc hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.*

Vì sao chế độ sở hữu xã hội gắn liền với giai cấp công nhân lại là điều kiện cơ bản, là tiền đề chủ yếu của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa? Như mọi người đều biết, trong chế độ tư hữu, hệ thống sản xuất, lưu thông, phân phối đều coi *con người là phương tiện chứ không là mục đích*. Trong chế độ tư hữu phát triển rộng rãi nhất, người sản xuất, tư liệu sản xuất và sản phẩm sản xuất đều tách biệt nhau và tạo ra mâu thuẫn rất sâu sắc giữa sự phát triển của của cải và sự phát triển của con người. Chế độ sở hữu xã hội là hình thức, trong đó sự sản xuất vật chất và tinh thần trực tiếp trùng hợp với sự sản xuất ra bản thân con người. Chế độ sở hữu xã hội là cơ sở kinh tế cần thiết để con người tồn tại và phát triển không phải như là lực lượng lao động

giản đơn, mà là một cá nhân có khả năng lao động và giao tiếp, tự phát triển về mọi mặt. Con người toàn vẹn với tất cả các hoạt động sống của nó chỉ có thể hình thành trong chế độ sở hữu xã hội. Chính vì vậy chế độ sở hữu xã hội là chìa khóa quyết định việc hình thành lối sống kiểu lịch sử dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Chỉ có chế độ sở hữu xã hội mới tăng cường được những lợi ích vật chất và tinh thần, phát triển số lượng và chất lượng của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Chế độ sở hữu xã hội là hình thức xã hội tạo điều kiện cho sự tự phát triển về mặt xã hội của đông đảo các cá nhân trong xã hội. Trong điều kiện chế độ sở hữu xã hội, việc sản xuất những lợi ích vật chất và tinh thần không phải trở thành mục đích tự thân, không phải là phương tiện để thiếu số làm giàu trên lưng những người khác mà là phương tiện để phát triển lành mạnh lối sống không có áp bức, bóc lột. Việc thiết lập chế độ sở hữu xã hội sẽ tạo hoàn cảnh, trong đó tất cả những vấn đề kinh tế và chính trị gắn chặt với vấn đề bản chất của lối sống.

Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về người lãnh đạo xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đó là giai cấp công nhân; vì giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có thể thực hiện được quá trình xã hội hóa nền sản xuất một cách trực tiếp, kiên quyết và đến nơi; vì quyền lợi, lối sống của giai cấp công nhân phù hợp với phương thức sản xuất mới; vì giai cấp công nhân đại diện cho lối sống tiến bộ, hợp quy luật sau kiểu lịch sử của lối sống tư bản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân có thể đại diện và đứng ra tổ chức lối sống mới - lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa cho những giai cấp lao động khác. Chỉ có giai cấp công nhân mới tổ chức những giai cấp lao động “dưới đáy” nâng hoạt động sống của họ lên thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không thể bằng bạo lực chính trị hay cưỡng bức kinh tế, mà là tổ chức lao động để đạt năng suất cao. Theo V.I. Lênin, trình độ phát triển của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa phụ thuộc rất nhiều vào khả năng phát triển sản xuất, giác ngộ ý thức chính trị của hàng triệu quần chúng lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ

nghĩa là sản phẩm của tính tích cực xã hội của quần chúng nhân dân, là biểu hiện trực tiếp của những hoạt động sáng tạo lịch sử của những người lao động vừa thoát khỏi áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là sản phẩm tất yếu của các phong trào cách mạng của quần chúng lao động thống nhất với các mục tiêu kinh tế - xã hội của chủ nghĩa xã hội do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Có thể nói, lối sống dân tộc hiện đại xã hội chủ nghĩa là toàn bộ các hoạt động sống cơ bản của con người trong điều kiện kinh tế - chính trị của chủ nghĩa xã hội. Đó là lối sống gắn liền với chế độ sở hữu xã hội và sự giác ngộ chính trị của tuyệt đại đa số nhân dân tham gia xây dựng cuộc sống mới dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đó là lối sống gắn liền truyền thống với hiện đại, quá khứ với hiện tại, dân tộc với tộc người, cá nhân với xã hội theo hệ tư tưởng vô sản.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa tuy là sản phẩm tất yếu của kiểu sống lịch sử sau lối sống kiểu tư bản chủ nghĩa, nhưng nó không hình thành một cách dễ dàng. Theo V.I. Lênin, để hình thành một lối sống mới như vậy, buộc phải trải qua những trải nghiệm phức tạp, khó khăn. Cuộc trải nghiệm này đòi hỏi sự hoạt động tích cực mang ý nghĩa lịch sử khổng lồ của tất cả những người lao động. Nó đòi hỏi phải thực hiện bước chuyển biến vĩ đại trong mọi hoạt động sống đã thành thâm căn cố đế của người lao động. Cần phải tu sửa lại tất cả nền móng cũ của các hoạt động lao động, sinh hoạt, ý thức và tâm lý của hàng trăm triệu con người. Cần phải khắc phục lề lối làm ăn cũ, xây dựng tác phong lao động mới. Phải xóa bỏ lối lao động vô tổ chức, vô kỷ luật, lao động nhỏ lẻ, manh mún, tản mạn, phân tán. Phải xây dựng tác phong, ý thức lao động thống nhất các lợi ích: lợi ích cá nhân - lợi ích tập thể. Phải gắn chủ nghĩa tập thể trong lao động với cơ sở xã hội hóa tư liệu sản xuất.

Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa thì *chủ nghĩa tập thể* là quan trọng nhất. Nó biểu hiện sự khác biệt căn bản với kiểu sống tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tập thể là thước đo mức độ phúc lợi của con người. Chủ nghĩa tập thể phản ánh quyền lợi và thu nhập của cá nhân, nhịp độ phát triển

ngày càng tăng của mọi thành viên xã hội. Chủ nghĩa tập thể phản ánh năng suất của cá nhân và xã hội, mức độ hưởng thụ văn hóa, giáo dục, y tế của toàn xã hội. Có thể nói, chủ nghĩa tập thể, lợi ích của cộng đồng là linh hồn sống của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân là *một lối sống thống nhất trong đa dạng*. Khác với các xã hội trước chủ nghĩa xã hội là các xã hội có đối kháng giai cấp, nên lối sống trong các xã hội ấy mâu thuẫn với nhau gay gắt; lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức khác nhau nhưng chúng không đối lập nhau. Có lối sống của công nhân, lối sống của nông dân, lối sống của trí thức, thậm chí có lối sống của thành thị, lối sống nông thôn... nhưng chúng đều cùng một phương thức sản xuất, cùng một hệ tư tưởng và cùng coi lao động và chế độ sở hữu xã hội là gốc rễ cơ bản của các hoạt động sống. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa *dần dần* xóa bỏ những khác biệt trong lối sống của các tầng lớp xã hội khác nhau, song không những không làm đồng nhất hóa tất cả *các đặc điểm cá nhân*, mà còn làm đa dạng hóa, phong phú hóa các đặc điểm đó.

Sự thống nhất trong đa dạng của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong các quan hệ dưới đây: 1) Sự thống nhất giữa các đặc điểm chung tạo thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa với các hoạt động sống mang bản sắc dân tộc; 2) Sự thống nhất giữa bản sắc dân tộc xã hội chủ nghĩa trong hoạt động sống với các tộc người trong dân tộc người của dân tộc ấy; 3) Sự thống nhất giữa các hoạt động sống của cả dân tộc, của tộc người với các nhóm xã hội khác nhau theo các hình thức hoạt động lao động cơ bản khác nhau; 4) Sự thống nhất giữa các hình thức sinh sống của các nhóm xã hội với các cá nhân thuộc những nhóm đó. Có thể nói, trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có sự *thống nhất trong đa dạng giữa cái phổ biến và cái đặc thù theo nhiều cấp độ khác nhau*.

Những đặc điểm cơ bản tạo thành bản chất xã hội của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có một ý nghĩa chung. Những đặc điểm ấy được quy định bởi các nhân tố kinh tế - chính trị - xã hội, bởi hình thức xã hội hóa tư

liệu sản xuất, bởi việc thủ tiêu các quan hệ áp bức, bóc lột; bởi những quy luật thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng về vật chất và tinh thần trong các hoạt động sống của xã hội. Tuy nhiên, toàn bộ các hoạt động sống được chi phối bởi các quy luật chung đó đều diễn ra từ những dân tộc, tộc người, những nhóm xã hội và các cá nhân nhất định.

Bản chất xã hội chung nhất của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là thành quả của sự thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chế độ xã hội mới thay thế các hình thức xã hội trước chủ nghĩa xã hội bằng con đường cách mạng là bản chất xã hội chung, tạo nên bước ngoặt căn bản tiến tới xác lập lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở tất cả các dân tộc và tộc người. Đây là đặc điểm quan trọng làm thay đổi về chất trong bản chất xã hội chung của mọi hình thức hoạt động sống tạo nên cấu trúc mới của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không phải là những hoạt động sống bên ngoài dân tộc, giai cấp và thời đại sản sinh ra nó. Trong hành trình của chúng ta, các hoạt động sống đều diễn ra ở các quốc gia dân tộc, ở các vùng lãnh thổ, những điều kiện địa lý khác nhau. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có những hình thức *biểu hiện đặc thù dân tộc của nó*. Tính đặc thù dân tộc trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa được quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể, những truyền thống văn hóa, những phong tục tập quán trong hoạt động sống của mỗi dân tộc, tính đặc thù ấy không chỉ thể hiện trong lĩnh vực hoạt động tinh thần, mà còn ở trong kỹ năng lao động và hoạt động chính trị xã hội. Chính những khác biệt trong cơ cấu của tổ hợp kinh tế quốc dân, trong cường độ nội dung và khuynh hướng của các quan hệ trong và ngoài kinh tế đã ảnh hưởng đến tính chất phân công lao động, đến các hoạt động sống của mỗi dân tộc khác nhau, mặc dù có chung những điều kiện về sở hữu xã hội trong quan hệ sản xuất.

Sự thống nhất và đa dạng biểu hiện trong quan hệ giữa cái chung và cái riêng của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện sự khác nhau trong hoạt động sống của mỗi dân tộc, mà còn biểu hiện cả *sự khác nhau ở mỗi tộc người*. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở bất kỳ nơi nào cũng có bản chất quốc tế thống nhất, đồng thời có cả *đặc điểm dân tộc và tộc người*. Những đặc

điểm này do các kỹ năng hoạt động lao động, do truyền thống văn hóa, điều kiện địa lý khí hậu tạo nên. Các đặc điểm chung tạo nên lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa như chế độ kinh tế, mục tiêu chống áp bức bóc lột, chế độ sở hữu tập thể, cơ sở vật chất phát triển về mặt công nghiệp, hệ tư tưởng mới... được tiếp biến ở mọi hoạt động sống của các tộc người theo bản sắc và trình độ khác nhau. Các đặc điểm chung này chi phối rất rõ các hoạt động sống của các tộc người, nhưng kết quả tạo ra các quan hệ giữa người với người trong sản xuất, trong sinh hoạt lại có sắc thái khác nhau. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở nhiều tộc người trong mỗi dân tộc là không thể giống nhau. Không kể lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, ở Trung Quốc, ở Triều Tiên, ở Cu Ba có những dị biệt mà ngay các tộc người trong mỗi dân tộc ấy cũng thể hiện lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa rất đa dạng.

Chúng ta có thể cảm thấy tính thống nhất và đa dạng trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa qua cả những *nhóm xã hội, thành viên của mỗi nhóm xã hội* ấy trong các hoạt động sống của họ. Các nhóm xã hội, các thành viên của các nhóm xã hội tuy tuân thủ các chuẩn mực chung của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, nhưng do các tập quán sinh hoạt, truyền thống gia đình, các mối liên hệ bền vững về huyết tộc đã tạo ra những sắc thái khác nhau trong hoạt động sống. Vì vậy, mới có kiểu sống lịch sử chung *của lối sống* dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa và *những hình thức* riêng của lối sống ấy *trong chủ nghĩa xã hội*.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là một kiểu sống lịch sử tốt đẹp. Tuy nhiên, nhiều hình thức biểu hiện trong lối sống ấy còn chưa tốt đẹp, thậm chí còn rất xấu. Nhiều hình thức hoạt động sống *trong* lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa còn trái với các lợi ích xã hội chung, đối lập với các chuẩn mực tốt đẹp. Đó là những hành vi trộm cắp, đầu cơ, trục lợi, lối sống cơ hội, thực dụng. Nhiều hoạt động sống trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa gắn với các thói xấu của tàn dư những xã hội cũ để lại. Chính những mặt phản diện trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là một trong những nguy cơ to lớn làm sụp đổ lối sống đó ở không ít các dân tộc đã xây dựng nó hàng nhiều thập kỷ.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Lần đầu tiên trong sự phát triển lịch sử của xã hội của loài người, chủ nghĩa tư bản đã tạo được *những tiền đề* vật chất quan trọng để xây dựng được những hình thức sinh sống mới của con người bằng cách hướng đến mục tiêu giải phóng con người. Nhưng để thực hiện mục tiêu giải phóng con người, giai cấp tư sản đã lựa chọn hình thức bóc lột các giá trị thặng dư, quốc tế hóa sự bóc lột đó bằng các cuộc chiến tranh, thiết lập chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Kết quả là mâu thuẫn giữa công nhân và giai cấp tư sản ở trong nước và trên toàn thế giới ngày càng gia tăng, mâu thuẫn giữa những người đi áp bức, bóc lột các dân tộc với các dân tộc bản địa bị áp bức, bóc lột vô cùng gay gắt; mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp tư sản trong cạnh tranh kinh tế, cạnh tranh chính trị, cạnh tranh thị trường rất quyết liệt. Hội chứng này làm cho lối sống tư bản chủ nghĩa thường xuyên tạo ra tình trạng con người đối xử với con người thiếu nhân tính, vô nhân đạo.

Khi các quan hệ tư bản chủ nghĩa làm bùng nổ nhiều tầng lớp xã hội thì nó không chỉ làm xuất hiện mâu thuẫn gay gắt và toàn diện trong thế giới con người, mà còn tạo ra hội chứng trầm trọng hơn trong mọi hoạt động sống. Trong chủ nghĩa tư bản, nhiều lĩnh vực tinh thần của lối sống bị làm nghèo nàn trông thấy. Có thể mâu thuẫn toàn diện trong thế giới con người dưới chủ nghĩa tư bản đã *tạo tiền đề để con người xây dựng lối sống mới từ phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa cộng sản*.

Để giải phóng con người khỏi những hạn chế tư sản, để thiết lập lối sống mới trong thế giới con người, suốt cả thế kỷ XX, nhân loại đã tiến hành những phong trào rộng lớn để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

phóng xã hội. Các phong trào ấy *bao chứa các giải pháp văn hóa của mục tiêu xóa bỏ các hạn chế của lối sống kiểu tư sản để thiết lập một nấc thang mới trong hành trình xây dựng lối sống kiểu mới*. Mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội có nội dung xuyên suốt là *giải phóng con người*. Giải phóng sự áp bức giai cấp để giải phóng các hạn chế tư sản trong phương thức tiến hành tổ chức lao động bằng cách người này đi áp bức, bóc lột người khác. Giải phóng dân tộc, thủ tiêu chế độ thực dân để giải phóng con người ở các dân tộc mà giai cấp tư sản đã ngang nhiên dưới chiêu bài khai hóa để đè nén, áp bức, bóc lột, làm ngu dân hóa hàng tỷ con người trên hành tinh này. Giải phóng xã hội là nấc thang giải phóng con người cao nhất, là nấc thang khắc phục toàn diện các hạn chế của con người, phát triển con người về mọi mặt, mang các giá trị thật của con người để trả lại cho con người. Ba cuộc giải phóng đó là ba cuộc giải phóng vĩ đại và cũng là ba mục tiêu văn hóa trong sự phát triển xã hội. Ba cuộc giải phóng đó gắn bó chặt chẽ với nhau trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ba cuộc giải phóng đó gắn chặt với mục tiêu xây dựng một kiểu sống mới sau xã hội tư bản.

Cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội trong thời đại ta có *nội dung cơ bản là giải phóng và phát triển toàn diện con người*. Ba cuộc giải phóng đó gắn chặt với mục tiêu xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Chỉ có lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa mới có thể khắc phục được các hạn chế tư sản trong mọi hoạt động sống. Chỉ có lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa và sau đó là lối sống kiểu cộng sản chủ nghĩa mới có điều kiện phát huy toàn diện năng lực bản chất của con người, tự do, nhu cầu, khát vọng, năng khiếu của con người. C. Mác nói rằng, trong chủ nghĩa xã hội sẽ xuất hiện một lối sống kiểu mới “một liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

¹ C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 628.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không xây dựng trên mảnh đất trống không của quá khứ. Nó phải *kế thừa* những thành tựu của các lối sống trước và khắc phục những hạn chế của các lối sống trong các xã hội đó. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là hình thái vận động lịch sử cao hơn kiểu sống tư bản chủ nghĩa. Ở đó, văn hóa lần đầu tiên trong sự phát triển của xã hội loài người sẽ đặt ra vấn đề *mang giá trị của con người trả lại cho con người*. Ở đó, lần đầu tiên xã hội và văn hóa có tiền đề hiện thực phát triển tương hợp, toàn diện, đồng đều với bản thân con người như chủ nhân của xã hội văn hóa cao. Theo các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác thì lối sống dân tộc - hiện đại kiểu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là các lối sống lần đầu tiên trong lịch sử phát triển nhân loại, con người tiếp nhận hình thức tồn tại xã hội phù hợp với nội dung khách quan của nó như các cá nhân phát triển toàn diện. Nhiều lần C. Mác và Ph. Ăngghen nói rằng, trong chủ nghĩa cộng sản thì sự chiếm lĩnh thực sự bản chất con người *bởi con người và cho con người* sẽ được thực hiện. Bằng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa thì mục tiêu văn hóa hoàn lại đầy đủ con người cho chính bản thân con người trong một xã hội đầy tình người với sự phát triển cá tính phong phú có điều kiện thực hiện được.

C. Mác và Ph. Ăngghen trong lý thuyết về chủ nghĩa xã hội đã giải thích một cách khoa học mục tiêu văn hóa của chủ nghĩa xã hội là *tạo tiền đề hiện thực* để phát triển lối sống hài hòa và phong phú. Các ông đã nhìn nhận lịch sử phát triển xã hội trong các mục tiêu văn hóa của nó. Các ông đã thấy đằng sau những lối sống không có tính người phát triển đầy đủ thay thế nhau trong lịch sử trước chủ nghĩa xã hội vẫn hiện lên các vấn đề văn hóa, đòi hỏi một xã hội thực sự có lối sống văn hóa. Xã hội thực sự có lối sống văn hóa là kết quả hợp quy luật của lịch sử vừa kế thừa, vừa phát huy, vừa khắc phục những hạn chế, phiến diện của các xã hội trước. Vì thế, *nội dung lịch sử đầu tiên của lối sống xã hội chủ nghĩa là khắc phục các hạn chế* của các lối sống trước kia. Kế thừa những giá trị của chúng và xác lập những điều kiện cơ bản để tạo ra những hoạt động sống mới mang giá trị văn hóa cao.

Các lối sống trong các xã hội cũ dựa trên cơ sở bất bình đẳng giai cấp và quyền thống trị của thiểu số đối với đa số đã tạo nên sự bất bình đẳng về văn hóa rất sâu. Số đông nhân dân không được hưởng thụ văn hóa, mặc dầu họ đã tham gia sáng tạo nên lịch sử văn hóa. *Việc đem văn hóa trả lại cho đông đảo nhân dân, huy động nhân dân tham gia sáng tạo văn hóa là nội dung lịch sử tiếp theo và là mục tiêu quan trọng của việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.* Xã hội cũ đã để lại rất nhiều dấu vết tiêu cực trong các hoạt động sống của con người, đặc biệt là trong quần chúng lao động. Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là đưa đông đảo nhân dân lao động tham gia vào đời sống chính trị - xã hội. Để thực hiện được nội dung đó, cần phải nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân. Mục tiêu nâng cao trình độ văn hóa chung của chủ nghĩa xã hội là phát triển quần chúng lao động như là những người sáng tạo lịch sử chân chính. Đó chính là nội dung xác lập kiểu sống dân tộc - hiện đại có trình độ văn hóa cao.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa *mang nội dung nhân văn sâu sắc.* Để hình thành lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có nội dung nhân văn cao cả phải mở rộng, tiếp tục hoàn thành ba cuộc giải phóng đã được tiến hành và phát động từ đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Việc cải tạo lại các quan hệ xã hội cũ nhằm thay đổi triệt để những quan hệ phi nhân tính trong lối sống. Việc nâng cao trình độ văn hóa của hàng chục triệu nhân dân lao động nghèo khổ thất học hầu như sống trong tình trạng cổ xưa, đó là một hoạt động nhân đạo cao cả và là một sự nghiệp giải phóng giai cấp bị áp bức, bị bóc lột lâu ngày đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Cuộc giải phóng này là cuộc giải phóng năng lượng sáng tạo của những con người xây dựng lối sống mới. Đây là một mục tiêu rất vĩ đại trong nội dung xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Tính nhân văn cao cả trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa gắn liền với các cuộc giải phóng giai cấp. Cùng với mục tiêu giải phóng năng lượng sáng tạo của tuyệt đại đa số nhân dân lao động, cuộc giải phóng giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có mục tiêu tạo tiền đề xóa bỏ giai cấp. Vì lẽ đó, việc

cải tạo mang tính người chân chính trả về cho con người trong chủ nghĩa xã hội bao gồm cả một quá trình biến đổi sâu sắc. Các giai cấp xã hội hướng về mục tiêu nhân đạo hóa, người hóa một cách toàn diện xã hội.

Mục tiêu giải phóng giai cấp trong chủ nghĩa xã hội bao gồm các mục tiêu giải phóng năng lượng sáng tạo của toàn xã hội, thống nhất các giá trị nhân đạo của con người, làm cho lối sống của chủ nghĩa xã hội không những phát triển đa dạng, phong phú, mà còn biểu hiện một tình người cao quý. Cuộc giải phóng giai cấp trong chủ nghĩa xã hội mang mục tiêu nhân đạo sâu sắc là ở chỗ, nó *người hóa tính giai cấp xã hội*, nó xóa bỏ mọi thành kiến giai cấp, mọi người sống trong bình đẳng, tự do và thương yêu nhau. Đó chính là cơ sở quan trọng tạo thành nội dung nhân đạo của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Nội dung nhân đạo sâu sắc của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa còn thể hiện ở việc các dân tộc trong chủ nghĩa xã hội đều bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trong chủ nghĩa xã hội, việc tiếp tục mục tiêu giải phóng giai cấp *vẫn liên hệ trực tiếp với giải phóng dân tộc*. Các giai cấp thống trị trước kia đã tạo ra rất nhiều thành kiến giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, khép kín các quan hệ dân tộc, tạo ra chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa dân tộc hạn hẹp trong lối sống. Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có sự đoàn kết dân tộc. Các giá trị văn hóa của các dân tộc đều bình đẳng ngang nhau, không có giá trị nào chèn ép giá trị nào. Chủ nghĩa nhân đạo cao cả trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa còn thể hiện ở quan hệ của dân tộc này với dân tộc khác. Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có nội dung rộng lớn: các dân tộc đều hiểu biết lẫn nhau.

Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, khẩu hiệu “tất cả cho con người, vì hạnh phúc của con người, con người là vốn quý nhất” đã được tôn vinh, đề cao và được thực hiện trong thực tế.

Trước lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã có nhiều nhà triết học, nhiều mô hình xã hội lý tưởng về chủ nghĩa nhân đạo. Các học thuyết và mô hình chủ nghĩa xã hội của Ôoen, Xanh Ximông, Phuriê đã tìm cách giải

phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, mang lại hạnh phúc cho con người. Tuy nhiên, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới tạo ra được những điều kiện cần thiết để giải phóng thực sự con người. Việc nhân đạo hóa con người bằng các hoạt động lao động xã hội, lao động tập thể, việc giúp đỡ những người bất hạnh, việc làm cho thế giới này gần gũi lẫn nhau, việc làm cho các dân tộc hiểu biết lẫn nhau chính là sản phẩm của chủ nghĩa xã hội.

Lối sống trong chủ nghĩa xã hội có nội dung nhân đạo rất cao cả. Trước hết, các quan hệ đồng chí, anh em đã tạo nên tình thương yêu không biên giới, là cơ sở cho mọi sự hợp tác giữa quyền lợi cá nhân và các quyền lợi xã hội. Chủ nghĩa nhân đạo cao cả trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa thể hiện một trình độ phát triển mới về văn hóa trong các quan hệ giữa con người với con người. Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, dân tộc - giai cấp - nhân loại được hòa chung vào tình người. Đây chính là lối sống tốt đẹp nhất thay thế cho lối sống “người là chó sói giữa con người”.

Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, một chủ nghĩa *yêu nước kiểu mới* của con người được hình thành. *Đó là chủ nghĩa yêu nước gắn với tinh thần quốc tế*. Chủ nghĩa yêu nước này là nội dung quan trọng của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Trong xã hội cũ, chủ nghĩa địa phương còn cản trở nhiệt tình yêu nước của người lao động. Nhân dân lao động không có điều kiện để quan hệ quốc tế sâu rộng.

Trong các xã hội cũ, nạn phân biệt chủng tộc, giai cấp còn khá phổ biến. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa thấm nhuần tinh thần quốc tế sâu sắc. Trong mọi hoạt động sống của chủ nghĩa xã hội không chỉ có sự bình đẳng về mặt pháp lý, mà còn bình đẳng thực sự giữa các dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước quốc tế chính là lối sống văn minh do lý tưởng xã hội chủ nghĩa tạo thành. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa không chỉ giải phóng dân tộc, mà còn giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại. Vì thế, tinh thần quốc tế là nội dung quan trọng xác lập tính xã hội chủ nghĩa của lối sống dân tộc - hiện đại trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa yêu nước quốc tế xác lập một trong những nội dung cơ bản của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa vừa gắn với thực tiễn của sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa xã hội, vừa gắn với lý tưởng về chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa xã hội mở rộng không ngừng các quan hệ quốc tế. *Trước hết*, sự phát triển của lực lượng sản xuất ấy đi kèm theo sự dẫn đường của hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa yêu nước thấm nhuần tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa. *Thứ đến*, do phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở một dân tộc đã đoàn kết nhân dân lao động và những người vô sản chống áp bức, bóc lột lại với nhau. Thấm tình hữu nghị anh em trở thành tinh thần yêu nước quốc tế vô sản. *Thứ ba*, sự mở rộng các quan hệ quốc tế đến với loài người làm cho lối sống dân tộc - hiện đại gắn với các quá trình giải phóng con người trên toàn thế giới.

Có thể nói, nội dung yêu nước quốc tế đã khắc phục tính dân tộc hạn hẹp, chủ nghĩa dân tộc vị quốc hay chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Chủ nghĩa yêu nước quốc tế là nội dung không thể thiếu của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa yêu nước quốc tế là linh hồn sống của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Một nội dung quan trọng nữa trong các thành tố của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là *tinh thần dân chủ*. Tinh thần dân chủ là động lực thực sự của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Không có tinh thần dân chủ thì tất cả những hoạt động quản lý kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa sẽ bị thu hẹp và không thể phát huy sáng kiến của đông đảo nhân dân tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những nhân tố quan trọng nhất. Nó thúc đẩy hình thành tính năng động lịch sử của nhân dân lao động tham gia xây dựng xã hội mới. Tinh thần dân chủ tạo điều kiện để nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của hàng triệu người lao động. Tinh thần dân chủ huy động một khối lượng người to lớn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Tinh thần dân chủ làm cho người lao động trở thành

chủ nhân chân chính của mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị. Chỉ có mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong tất cả các lĩnh vực của đời sống thì nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có thể phát triển mạnh mẽ.

Nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa tạo cho các hoạt động lao động có ý thức trách nhiệm cao, tạo cho các quan hệ chính trị ngày một vững mạnh, nền hành chính ngày càng trong sạch. Có thể nói, nội dung dân chủ tạo điều kiện để phát triển tính năng động chính trị - xã hội của người lao động, thu hút họ vào xây dựng cuộc sống mới.

Tính năng động chính trị - xã hội trong các hoạt động sống của con người được quy định bởi nhiều nguyên nhân. Nó bắt nguồn đầu tiên từ việc thấu hiểu mục đích của mọi hoạt động lao động, sau đó hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ công dân. Những điều này tác động mạnh mẽ đến lối sống, cho phép mỗi người lao động thỏa mãn những nhu cầu của mình và góp phần vào phát triển những năng lực của xã hội.

Nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có liên quan mật thiết đến sự phát triển và củng cố chủ nghĩa yêu nước quốc tế. Trong nội dung dân chủ của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa có yếu tố quyền bình đẳng dân tộc và tộc người. Khẳng định nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là khẳng định tình hữu nghị, sự giúp đỡ chí tình giữa các dân tộc trong các hoạt động sống.

Do tinh thần dân chủ chi phối mà lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa luôn luôn tôn trọng tính đa dạng văn hóa. Tinh thần dân chủ cung cấp cho mỗi người nhận thức việc hợp lý của các nền, các quan hệ văn hóa khác nhau, từ đó tôn trọng mọi giá trị văn hóa. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa có nhiều nền văn hóa khác nhau, có những tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Độc quyền chân lý là vi phạm những nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Dân chủ làm cho dư luận xã hội được phát triển tự do. Dân chủ là trao cho xã hội quyền được công khai đánh giá các giá trị, quyền được đo các giá

trị và các phản giá trị. Dân chủ sẽ hạ nhiệt những đặc quyền, tạo điều kiện về phản biện, tự phản biện, phê bình và tự phê bình xã hội. Có thể nói, dư luận xã hội là thước đo trình độ phát triển của nhân tố dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Nói tới nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa phải phân biệt hai phương diện của dân chủ. *Một là*, bản thân những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ của hoạt động sống. *Hai là*, việc thực hiện những quy tắc, các chuẩn mực, thể chế quy định ấy. Bởi vì, có những quy tắc tốt, nhưng có khi không được thi hành trong các hoạt động sống. Có khi chúng ta đã đề ra những nguyên tắc dân chủ, nhưng chưa có thiết chế hoạt động, thành ra những nguyên tắc dân chủ ấy không được thực thi trong hoạt động sống.

Trong các hoạt động sống của chủ nghĩa xã hội, thì luật pháp đóng vai trò chuẩn mực quan trọng điều tiết nền dân chủ. Dân chủ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là điều gì luật không cấm thì có thể làm và điều gì luật đã cấm thì không được làm. Hiến pháp và pháp luật xã hội chủ nghĩa là cán cân công lý của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện các hoạt động sống theo tinh thần dân chủ có thể thông qua hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, cũng có thể thông qua các tổ chức chính trị. Các tổ chức chính trị lại có những nguyên tắc tập trung dân chủ. Các quyền của đa số và quyền bảo lưu cũng diễn ra rất phức tạp. Xu hướng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là cùng một lúc phải củng cố cả hai quan hệ: phát triển nguyên tắc tập trung và phát triển cả tính chủ động địa phương.

Trong tư tưởng về chủ nghĩa xã hội của tất cả những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác và những người mácxít, thì xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội có lực lượng sản xuất hùng mạnh, có sự phát triển cao về khoa học, kỹ thuật. Vì thế, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa phải có nội dung *phát triển nội sinh về khoa học, kỹ thuật trong mỗi con người, mà biểu hiện phổ biến của nó là phát triển dân trí cao*. Trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện

đại xã hội chủ nghĩa, vấn đề tạo điều kiện để các nhân cách tự phát triển về khoa học, kỹ thuật, nâng cao dân trí là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Thành tố văn hóa phổ biến nhất của lối sống trong tất cả mọi xã hội là tri thức. Nâng cao tri thức cho tuyệt đại đa số nhân dân lao động là mục tiêu văn hóa rất cấp thiết để phát triển lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Vấn đề *nâng cao dân trí* là bản chất của mục tiêu văn hóa trong chủ nghĩa xã hội. Một trong những thành tố hợp thành tổng thể lối sống trong chủ nghĩa xã hội đó là tri thức. Tri thức kinh nghiệm, tri thức kỹ thuật, tri thức công nghệ, tri thức khoa học đều là nội dung hàng đầu của sự phát triển dân trí. Không phát triển dân trí, không thể có lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội trở thành một xã hội văn hóa cao chính là do các thành phần tri thức phong phú của nó thúc đẩy toàn diện hoạt động sống xã hội của con người.

Để nâng cao dân trí, *việc phát triển giáo dục và tự giáo dục* là mục tiêu văn hóa quan trọng của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Trong tiến trình hoàn thành sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, nền giáo dục mới không chỉ có mục tiêu truyền đạt các tri thức để nâng cao nguồn lực con người, mà hơn thế nữa, sự nghiệp giáo dục phải trở thành một phương tiện, một động lực làm nhân đạo hóa con người trong quá trình hình thành và hoàn thiện lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Ngay từ thế kỷ XVIII, những nhà khai sáng đã nhận thấy sự dốt nát của con người là mẹ đẻ của mọi thói xấu, là nguyên nhân chính của tội ác. Theo quan điểm của các nhà khai sáng, điều kiện cho sự hòa hợp phổ biến giữa người là trình độ học vấn. Cả Rút-xô và Kant đều quan tâm sâu sắc đến thành tố giáo dục trong mỗi nền văn hóa. Khi đề xuất mục tiêu xây dựng lối sống mới của chủ nghĩa xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã tiếp thu ý kiến của các nhà khai sáng. Năm 1866 trong tác phẩm *“Những chỉ thị cho các đại biểu của hội đồng Trung ương lâm thời về một số vấn đề”*, C. Mác đã chỉ ra nội dung lối sống của một chế độ xã hội hợp lý. Ông viết: “Trong một chế độ xã hội hợp lý *mỗi trẻ em* từ 9 tuổi trở lên đều phải trở thành người lao động sản

xuất, cũng như mỗi người lớn tuổi có khả năng lao động đều phải tuân theo quy luật chung của tự nhiên, cụ thể là: muốn ăn thì phải lao động và không chỉ lao động bằng trí óc mà cả bằng chân tay... Có thể là nên bắt đầu nền giáo dục tiểu học trước 9 tuổi. Các bậc cha mẹ và các chủ xí nghiệp hoàn toàn không được phép sử dụng lao động của trẻ em và của thiếu niên, nếu nó không được kết hợp với giáo dục.

Chúng tôi hiểu giáo dục gồm 3 điều:

Thứ nhất: *giáo dục trí lực*

Thứ hai: *giáo dục thể lực* như đang được thực hành trong các trường thể dục thể thao và bằng tập luyện quân sự.

Thứ ba: *giáo dục kỹ thuật*, giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của tất cả các quá trình sản xuất và đồng thời tập cho trẻ em hoặc thiếu niên quen sử dụng những công cụ đơn giản nhất cho tất cả các ngành sản xuất.

Việc phân chia trẻ em và công nhân còn là thiếu niên theo từng nhóm tuổi phải phù hợp với khóa trình ngày càng dần dần phức tạp hơn về giáo dục trí lực và thể lực và giáo dục kỹ thuật”¹.

Khi dự thảo kế hoạch xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa ở Nga, V.I. Lênin đã lập chương trình giáo dục rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Theo ông, lối sống mới *trước hết* phải hình thành trên những điều kiện thực tế thuận lợi nhất, giúp cho quần chúng có được giáo dục, học vấn, tri thức một cách dễ dàng nhất. Tổ chức các trường học nhân dân, xây dựng hệ thống giáo dục nhân dân, tạo nên thông tin đa dạng với quần chúng.

Xây dựng hệ thống giáo dục nhân dân, nâng cao trình độ dân trí, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ khoa học, kỹ thuật. Đó là điều kiện để phát triển và hoàn thiện lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Các hoạt động sống trong chủ nghĩa xã hội không chỉ diễn ra dưới tác động của những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội trong quá trình phát triển

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tập 16, tr.261, 262, 263.

xã hội nâng cao dân trí, mà còn được phát triển, củng cố bởi các giá trị tinh thần, trong đó các *quan hệ đạo đức* chiếm một vị trí quan trọng. Trong lĩnh vực lao động, sinh hoạt, giao tiếp, nghỉ ngơi; trong các quan hệ gia đình, đạo đức đều phản ánh các giá trị nhân văn cao quý. Sự quan tâm lẫn nhau, sự giúp đỡ vô tư, sự tích cực tham gia vào các lợi ích của cộng đồng sẽ làm cho lối sống ngày càng trở nên có văn hóa cao.

Đạo đức với tư cách là một hình thái quan trọng của ý thức xã hội, một cơ chế điều chỉnh hành vi của con người, là phương thức xác lập mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân. Các mối quan hệ đó trở thành mối giây liên hệ khăng khít giữa con người với con người trong hoạt động sống mới của chủ nghĩa xã hội. Tùy thuộc vào mức độ trưởng thành đạo đức của cá nhân; lối sống của các cá nhân sẽ gắn bó với cái thiện hay cái ác nhiều hoặc ít. Tinh thần hướng thiện lối sống của mình vừa phù hợp với mục đích và lý tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Đạo đức trong chủ nghĩa xã hội thường phản ánh những lợi ích cơ bản của tuyệt đại bộ phận nhân dân lao động. Hiệu quả tác động của nhân tố đạo đức mới đến lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa nhân đạo ngày càng thấm sâu vào mọi quan hệ xã hội. Đạo đức trong chủ nghĩa xã hội làm cho mỗi người tăng thêm phẩm giá, có tinh thần trách nhiệm cao, có ý thức tổ chức rõ ràng, tôn trọng kỷ luật trong lao động và sinh hoạt. Tình cảm đạo đức tự nhiên làm cho sự thống nhất giữa con người với con người hướng tới lý tưởng chung.

Hiệu lực của những nhân tố đạo đức trong việc khẳng định lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa được quyết định bởi nội dung đạo đức tôn trọng con người của chủ nghĩa xã hội. Đạo đức trong chủ nghĩa xã hội đặt cho mình nhiệm vụ biến con người thành chủ thể sáng tạo lịch sử. Đạo đức xã hội chủ nghĩa khi hướng về mục tiêu mang giá trị của con người trả lại cho con người, đồng thời góp phần phát triển toàn diện, kích thích phát triển những phẩm chất ưu tú của cá nhân.

Đạo đức trong chủ nghĩa xã hội đã kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống, phát triển những giá trị ấy, khẳng định tinh thần yêu nước quốc tế. Đạo đức ấy tạo nên diện mạo rất mới mẻ của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đòi hỏi tuân thủ các chuẩn mực, các nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa xã hội. Sự lành mạnh về đạo đức làm cho mọi hoạt động sống trong chủ nghĩa xã hội trở nên cao thượng và tốt đẹp.

Đạo đức ở bất cứ lối sống nào cũng là yếu tố cấu thành bản chất của nó. Chính lối sống với những nguyên tắc chủ đạo của nó cùng với truyền thống dân tộc lại góp phần tạo nên phẩm chất đạo đức nào đó của con người trong xã hội. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, lối sống của mỗi con người trong xã hội bao giờ cũng gắn các quan niệm đạo đức của mình với hiện thực. “Tự giác hay không tự giác, rút cuộc đều rút ra những quan niệm đạo đức của mình từ những quan hệ thực tiễn đang làm cơ sở cho vị trí giai cấp của mình, tức là những quan hệ kinh tế, trong đó người ta sản xuất và trao đổi”¹.

Nếu xem xét đạo đức chủ yếu trên bình diện lịch sử thì ta thấy kiểu lối sống nào có các quan hệ đạo đức ấy. Chế độ chiếm hữu nô lệ đã đẻ ra đạo đức chủ nô, coi nô lệ là những công cụ biết nói.

Chế độ phong kiến dựa trên lợi ích kinh tế của giai cấp địa chủ đã thiết chế một quan hệ đạo đức bảo vệ trật tự xã hội: vua - quan - dân trên nguyên tắc của sự bất bình đẳng và lòng trung thành. Mục tiêu đạo đức mà xã hội cần gìn giữ là tôn ti trật tự và sự bất bình đẳng thế hệ, bất bình đẳng giai cấp, bất bình đẳng dân tộc và bất bình đẳng giới tính. Trung với vua, hiếu với cha mẹ, thủy chung của vợ chồng là hệ giá trị đạo đức cơ bản của trật tự phong kiến ở phương Đông.

Lối sống kiểu tư bản với phương thức sản xuất mới, nó phá bỏ nền đạo đức ngàn năm của giai cấp phong kiến và thay vào môi trường văn hóa tư sản một cơ chế đạo đức có tính chất lợi ích lạnh lùng quay chung quanh phạm trù lợi nhuận. Dưới chế độ tư bản, nhân phẩm người lao động không được tôn

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tập 20, tr. 136.

trọng, lao động bị bóc lột tàn khốc. C. Mác viết rằng, chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa “làm cho chúng ta ngu xuẩn và phiến diện đến nỗi một đối tượng nào đó là *của chúng ta* khi nào chúng ta chiếm hữu nó, nghĩa là khi nó tồn tại đối với chúng ta như tư bản hoặc khi chúng ta trực tiếp chiếm hữu nó... tóm lại khi ta tiêu dùng nó... cho nên thay thế *tất cả* những cảm giác nhục thể và tinh thần là sự tha hóa đơn giản tất cả những cảm giác ấy - là cảm giác chiếm hữu”¹. Lối sống tư bản tạo ra rất nhiều quan hệ đạo đức có tính chất thực dụng và thị trường làm cho con người trở nên vị kỷ. Nền đạo đức tư sản làm tha hóa sâu thẳm bản chất nhân đạo của con người. Với tự do cạnh tranh khốc liệt, lối sống cá nhân tư sản mang tính phi nhân rất điển hình. Lợi ích cá nhân là động cơ cơ bản tạo thành nhiều quan hệ đạo đức giả trong nền văn hóa của chủ nghĩa tư bản. C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết rằng: “Giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ không để lại giữa người một mối quan hệ nào, ngoài lợi ích trần trụi và “tiền trao cháo múc” không tình nghĩa. Giai cấp tư sản đã dìm những xúc động thiêng liêng của lòng sùng đạo, của nhiệt tình hiệp sĩ, của tính đa cảm tiểu tư sản xuống dòng nước giá lạnh của tính toán vị kỷ. Nó đã biến phẩm giá của con người thành giá trị trao đổi”².

Trái với nguyên tắc đạo đức chủ yếu của ý thức đạo đức tư sản, lối sống của chủ nghĩa xã hội gắn với một *chủ nghĩa nhân đạo sâu rộng*. Nhiều lần C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã nói rằng, nguyên tắc đạo đức cơ bản trong chủ nghĩa xã hội phải thống nhất các lợi ích của cá nhân với lợi ích của cộng đồng. Trong chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại ba nhóm lợi ích: 1) Lợi ích tập thể; 2) Lợi ích cá nhân; 3) Sự hội nhập giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân. Trong chủ nghĩa xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích của xã hội là thước đo đạo đức của cá nhân. Và nhất định lợi ích tập thể phải đặt trên lợi ích cá nhân. Lợi ích của xã hội là tính thứ nhất trong các quan hệ đạo đức, bởi vì trong chủ nghĩa xã hội, chúng là phương tiện thỏa mãn nhu cầu và phát triển tài năng của các

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 628.

² C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 600.

cá nhân. Vì thế, mục tiêu văn hóa của chủ nghĩa xã hội lấy thước đo đạo đức tập thể làm chuẩn mực của sự tiến bộ đạo đức.

Lợi ích của xã hội là một tồn tại khách quan có cơ sở từ nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Nó đảm bảo thỏa mãn các nhu cầu khác. Việc xem lợi ích cộng đồng là lợi ích chung của toàn xã hội sẽ đảm bảo cơ chế vận hành của một mục tiêu lý tưởng nhất quán về một xã hội nhân đạo hiện thực mà chủ nghĩa xã hội theo đuổi. Tuy nhiên, bên ngoài lợi ích xã hội, trong chủ nghĩa xã hội cũng còn tồn tại lợi ích cá nhân. Lợi ích cá nhân đảm bảo cho đời sống đạo đức được vận hành đa dạng và phong phú. Không có lợi ích cá nhân, quan hệ đạo đức trong chủ nghĩa xã hội sẽ thiếu sức sống. Song lợi ích cá nhân không phải là mục tiêu văn hóa của sự phát triển xã hội chủ nghĩa, mà là sự *kết hợp hài hòa* giữa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội mới là mục tiêu văn hóa của nó. Bởi vì, chỉ quan tâm tới lợi ích cá nhân, các quan hệ đạo đức trong chủ nghĩa xã hội sẽ lại tiếp tục theo vết xe đạo đức vị kỷ của chủ nghĩa tư bản. Lợi ích cá nhân trong chủ nghĩa xã hội khác rất xa với chủ nghĩa cá nhân tư sản. Trong lý tưởng đạo đức của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cá nhân là một hiện tượng phản văn hóa. Tâm lý của chủ nghĩa cá nhân lấy sự cá nhân hóa, nâng lợi ích riêng thành lợi ích vị kỷ và đối lập với chủ nghĩa xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội không chấp nhận con người phá hoại nhau, xâm phạm tự do của nhau. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa hướng tới mục tiêu tạo nên sự cộng đồng các lợi ích.

Như vậy giữa đạo đức xã hội chủ nghĩa và lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không chỉ có mối liên hệ chặt chẽ mà còn có sự đồng nhất sâu sắc. Đạo đức xã hội chủ nghĩa là điều kiện để mỗi cá nhân nhận thức đâu là lợi ích cơ bản, đâu là lợi ích phụ thuộc, giúp cho con người tự giác điều chỉnh các hành vi của mình trong mọi hoạt động sống.

Trong chủ nghĩa xã hội, nhiều lệch lạc trong lối sống bắt nguồn từ sự thiếu tu dưỡng về đạo đức. Chủ nghĩa thực dụng, nạn quan liêu, hối lộ, ăn cắp tài sản công, ma túy, mại dâm, lừa đảo, thiếu lương tâm trong mọi quan hệ... là những nguy cơ to lớn làm băng hoại lối sống dân tộc - hiện đại xã hội

chủ nghĩa. Vấn đề giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa trở thành nội dung quan trọng gạt bỏ các cản trở để cho lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ngày càng góp phần tích cực mang lại phẩm giá cho mọi người.

Trên cơ sở những *cái đúng* của tri thức khoa học trong việc nâng cao dân trí; *cái tốt* của sự phát triển hài hòa các lợi ích, lòng khoan dung; tất yếu lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa phải gắn với *cái đẹp*. Bởi cái đúng, cái tốt với cái đẹp là những chị em sinh ba, nên cái đúng có ảnh hưởng đến cái tốt và cái đẹp, ngược lại cái đẹp cũng ảnh hưởng sâu sắc đến cái đúng và cái tốt. Vì thế *nhân tố thẩm mỹ cũng trở thành* nội dung quan trọng của lối sống dân tộc - đại xã hội chủ nghĩa.

Như chúng tôi đã trình bày, nguồn gốc chân chính của mọi cái đúng và cái tốt trong lối sống hiện dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đều phải giải quyết trên cơ sở nội dung và tính chất của lao động trong chủ nghĩa xã hội. Do các quan hệ lao động trong chủ nghĩa xã hội không có tính chất áp bức, bóc lột, con người được tự do sáng tạo mà cả cái đúng, cái tốt lẫn cái đẹp đều có điều kiện phát triển.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa gắn với những tiền đề cơ bản, chấm dứt tình trạng tha hóa trong lao động và tạo cơ sở để con người có thể phát triển tất cả những năng lực bản chất của mình, trong đó có năng lực phát triển mỹ cảm và các hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Khi bàn về lối sống trong chủ nghĩa xã hội, C. Mác đã xem xét những ưu việt lịch sử nhất định về mặt thẩm mỹ và sáng tạo nghệ thuật của các hình thái sản xuất tiền tư bản. Tuy nhiên, ông đã nhiều lần nhấn mạnh những hạn chế giai cấp, dân tộc, xã hội và lịch sử của các lý tưởng thẩm mỹ trong *hình thức cổ điển* của nền sản xuất tiểu nông và thợ thủ công.

Bằng lao động năng suất cao trong một xã hội mà tính chất áp bức bóc lột bị lên án, chủ nghĩa xã hội đã tạo cơ sở bền vững và đúng đắn cho các hoạt động sáng tạo tự do có điều kiện mang lại mỹ cảm cho người lao động hơn hẳn các hình thái xã hội tiền tư bản. Chủ nghĩa xã hội, về lý thuyết mà nói, nó phải thủ tiêu những gốc rễ sâu xa của sự thù địch với các khoái cảm thẩm mỹ.

Các năng khiếu thẩm mỹ lành mạnh phải được phát triển trong quá trình lao động. Chủ nghĩa xã hội tạo tiền đề quan trọng để lao động có nguồn vui từ bên trong. V.I. Lênin tin tưởng chắc chắn rằng, chủ nghĩa xã hội làm phục hưng những giá trị thẩm mỹ đã bị chủ nghĩa tư bản vò nát, đè nén, bóp nghẹt và tạo điều kiện để hàng chục triệu con người phát triển hết tài năng của mình. Ông thấy *ngày thứ bảy cộng sản* đã xuất hiện mầm mống mới của những mỹ cảm con người khi tham gia vào các phong trào lao động công ích.

Lao động tự do *cho* mình và *cho* xã hội trong điều kiện xã hội chủ nghĩa là nguồn gốc tạo nên những tình cảm tự hào, khát vọng sáng tạo nghệ thuật. Quy luật phát triển thực sự của cái đẹp là lao động tự do, bởi vì nó là hoạt động thích thú, tự giác, vô tư thoát khỏi những động cơ vật chất tầm thường.

Nói đến lao động, theo Kant thì lao động nào cũng cực nhọc. Mà đã cực nhọc thì sẽ hạn chế mỹ cảm. Sự thật thì lao động sáng tạo thẩm mỹ và sáng tạo nghệ thuật cũng là những lao động nặng nhọc. Tuy nhiên, sự nặng nhọc ấy lại là nhu cầu tự do và nội tâm. Sự nặng nhọc ấy như một niềm vui, niềm tin và niềm tự hào. Cái niềm vui, niềm tin, niềm tự hào của lao động tự do trong chủ nghĩa xã hội được cổ vũ bởi các quan hệ đạo đức, chính trị tốt đẹp giữa con người với con người. Vì lý do đó, các nhân tố thẩm mỹ lạc quan, tích cực xuất hiện khắp nơi trong mọi hoạt động sống dưới chủ nghĩa xã hội.

Đương nhiên như chúng ta thấy, những thành tựu kinh tế và kỹ thuật, kết cấu hạ tầng của chủ nghĩa xã hội cũng như năng suất lao động ở tuyệt đại đa số các xã hội ruộng đất cho xây dựng chủ nghĩa xã hội còn rất nhiều hạn chế, lực lượng sản xuất non yếu kéo theo sự lao động cực nhọc là không tránh khỏi. Song, mục tiêu văn hóa của chủ nghĩa xã hội luôn luôn hướng tới giảm nhẹ lao động bằng công nghiệp, bằng hoạt động say mê và trong điều kiện như hiện nay, bằng cả tin học nữa. Vì lẽ đó, nhân tố thẩm mỹ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa sẽ tăng lên dần dần. Do đó, các nhân tố thẩm mỹ trong lao động của chủ nghĩa xã hội sẽ thúc đẩy các giá trị văn hóa phát triển mỗi ngày một rộng hơn, một sâu hơn.

Lý tưởng thẩm mỹ của chủ nghĩa xã hội thúc đẩy quá trình hoàn thiện lao động và mở rộng khả năng đưa cái đẹp từ những hình thức đơn giản nhất sẽ trở thành phổ biến. Lý tưởng thẩm mỹ của chủ nghĩa xã hội khắc phục những hạn chế giai cấp, hạn chế dân tộc, phát triển những sáng tạo mang tầm quốc tế. Lý tưởng thẩm mỹ của chủ nghĩa xã hội khi khắc phục tính hạn chế của việc tiêu dùng các đồ vật thái quá đã nêu lên vấn đề phát triển hài hòa giữa thế giới vật chất và thế giới tinh thần. Trên hết, tất cả các mục tiêu về văn hóa trong chủ nghĩa xã hội làm cho cả cái đúng, cái tốt, cái đẹp gặp gỡ nhau và thâm nhập vào nhau. Sự gặp gỡ nhau, thâm nhập vào nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển của các mục tiêu về văn hoá làm cho lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa phát triển hoàn mỹ.

Cái đẹp trong chủ nghĩa xã hội phải bắt nguồn từ cái thật, cái tốt; và cái thật, cái tốt trong chủ nghĩa xã hội phải đẹp. Trên lý tưởng này, nhà văn hiện thực xã hội chủ nghĩa M.Góocky đã viết rằng: Mỹ học là đạo đức học tương lai. Quan hệ đạo đức trong tương lai hòa nhập vào với quan hệ thẩm mỹ. Và tính xúc cảm, tính phong phú, tính toàn vẹn của các quan hệ thẩm mỹ sẽ làm cho các quan hệ đạo đức trở nên sinh động hơn bao giờ.

Trong các thành tố hợp thành phương diện thẩm mỹ của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, các biểu hiện tập trung nhất của quan hệ thẩm mỹ là *nghệ thuật*. Nghệ thuật trong chủ nghĩa xã hội có chức năng thúc đẩy cái đúng, cái đẹp, cái tốt không ngừng hoàn thiện. Nghệ thuật trong chủ nghĩa xã hội khi phản ánh trung thực cuộc sống xây dựng xã hội mới của nhân dân, nó thỏa mãn những nhu cầu thưởng thức và sáng tạo của rất nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Thành tố văn hóa với tư cách là nghệ thuật trong chủ nghĩa xã hội có chức năng nhân đạo hóa đời sống xã hội sâu sắc. Vì thế, sáng tạo nghệ thuật trong chủ nghĩa xã hội là một biểu hiện thẩm mỹ quan trọng của lối sống.

Bản chất lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã thể hiện những giá trị thẩm mỹ của nó. Trong sự phát triển lịch sử của các kiểu sống, rõ ràng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã quyến rũ con người bằng cái đẹp của nó. Hàng mấy tỷ người trên hành tinh chúng ta đều hướng về lối sống đó.

Cũng cần phải nói rằng, thực tế lịch sử xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã từng xảy ra việc phá hỏng nhiều giá trị thẩm mỹ của quá khứ, đã từng phân hóa sâu sắc những nhà sáng tạo thẩm mỹ. “Văn hóa vô sản” ở Nga, “Đại cách mạng văn hóa” ở Trung Quốc đã từng cổ vũ cho những lối sống ấu trĩ trời dấy. Tuy nhiên, đó không phải là bản chất thẩm mỹ của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Đó chỉ là thời kỳ đen tối của những bước phát triển của phương diện thẩm mỹ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Nội dung thẩm mỹ của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa thể hiện ở sự hơn hẳn của các lối sống của các xã hội có giai cấp. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa nhằm phát triển toàn diện con người. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa mang những giá trị của con người trả lại cho con người. Có thể nói nội dung thẩm mỹ đã mang lại cho lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa sức sống rất mạnh mẽ cùng với vẻ đẹp quyến rũ của nó.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa khi đã gắn với tính dân tộc thì đồng thời nó cũng gắn với *điều kiện sinh thái*. Không có các hoạt động sống đã mang bản chất dân tộc hiện đại lại ở ngoài những điều kiện khí hậu, địa lý, môi trường tự nhiên. Các hoạt động lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi trong chủ nghĩa xã hội đều gắn với môi trường tự nhiên. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong việc sử dụng tự nhiên, bảo vệ tự nhiên, nâng cao sức khỏe cho con người.

Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa gắn bó mật thiết với quá trình khai thác thiên nhiên. Tùy theo mức độ của quá trình khai thác tự nhiên, con người có thể biến đổi lối sống của mình. C. Mác đã viết rằng, hoạt động lao động của con người “trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên... bằng hoạt động của chính mình con người làm trung gian điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa mình và tự nhiên. Trong khi tác động vào tự

nhiên ở bên ngoài thông qua sự vận động đó, đã làm thay đổi tự nhiên, con người cũng đồng thời làm thay đổi bản thân mình”¹.

Trong môi trường tự nhiên, mọi vật đều liên quan và tương tác lẫn nhau và có những phản ứng dây chuyền. Các quan hệ trong tự nhiên đều thống nhất và đa dạng các mặt đối lập. Mọi sự biến đổi trong tự nhiên đều có *bản sao tự nhiên, không có vật nào thừa*. Lao động của con người tác động vào tự nhiên tạo nên sự trao đổi chất giữa con người và tự nhiên. Con người đã tác động vào tự nhiên từ các phương thức sản xuất khác nhau. Và chính mỗi phương thức khác nhau khi khai thác tự nhiên đã từng ảnh hưởng rất khác nhau đến các lối sống của con người. Ph. Ăngghen khi nhận thức việc khai thác tự nhiên theo phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có điều bất ổn, ông đã cảnh báo: “Không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi là một lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”².

Trong chủ nghĩa xã hội, vấn đề phát triển hài hòa giữa con người và tự nhiên không chỉ dựa trên cơ sở sở hữu xã hội về tài nguyên thiên nhiên, mà còn bắt nguồn từ sự hiểu biết về *ngôi nhà chung* của con người, trong đó có sự thống nhất giữa tự nhiên - xã hội - con người. Khoa học, kỹ thuật phát triển, sự quản lý xã hội được nâng cao, khả năng khai thác hợp lý tài nguyên môi trường được thực hiện.

Trong chủ nghĩa xã hội, khái niệm thiên nhiên là ngôi nhà chung của mọi người đã hướng dẫn nhận thức của con người không tàn phá tự nhiên, không khai thác tự nhiên bừa bãi. Con người cần tự nhiên như không khí và ánh sáng. Trong chủ nghĩa xã hội hay trong bất kỳ xã hội nào, con người đều là sản phẩm trực tiếp của tự nhiên và tự nhiên là thân thể vô cơ của con người. Vì thế, sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người đều liên hệ khăng khít với tự nhiên.

Mối quan hệ có giới hạn của con người đối với tự nhiên quyết định mối quan hệ có giới hạn giữa con người và con người trong hoạt động sống. Trong

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 600.

² C.Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. tập 20. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 654.

chủ nghĩa xã hội, con người có kế hoạch *tái tạo* tự nhiên khi hiểu rõ sự phá vỡ cân bằng sinh thái ảnh hưởng to lớn như thế nào đến lối sống. Những cuộc khủng hoảng sinh thái nhãn tiền từ trong hoạt động sống của chủ nghĩa tư bản đã là bài học quý giá trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Năng lượng, rừng, nước ngọt, không khí, rác thải, hiệu ứng nhà kính gắn bó mật thiết với các hoạt động sống của con người. Trên quan niệm thiên nhiên là điều kiện sống của nhiều thế hệ người, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa tuân thủ nguyên tắc sống: thoả mãn nhu cầu của con người hôm nay không những không làm tổn hại đến nhu cầu sống của các thế hệ mai sau, mà còn tạo điều kiện cho thế hệ mai sau sống tốt hơn.

Sống hòa hợp với tự nhiên, tăng cường bảo vệ tự nhiên, cải tiến phương thức khai thác tài nguyên thiên nhiên; coi thiên nhiên là ngôi nhà sạch của con người là một trong những nội dung cơ bản của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống hòa hợp với tự nhiên là lối sống quan tâm đến *bảo vệ sức khoẻ* của con người.

Sức khoẻ của con người gắn chặt với lối sống và lối sống cũng phụ thuộc vào trạng thái sức khoẻ. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa là lối sống gắn liền với *sức khoẻ lành mạnh*.

Mối quan hệ giữa thời gian lao động tất yếu và thời gian tự do; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa số lượng và chất lượng sống; giữa an ninh và an sinh xã hội... có ảnh hưởng trực tiếp đến nhân tố sức khoẻ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Trên lý thuyết, thì chính tổ chức lao động có khoa học, phúc lợi xã hội và y tế trong chủ nghĩa xã hội tạo điều kiện để nhân tố sức khoẻ trong lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không chỉ mang lại tuổi thọ trung bình cao cho các thành viên trong xã hội, mà còn đảm bảo khắc phục nhiều nỗi bất hạnh khác của các cá nhân trong chủ nghĩa xã hội.

Với những điều kiện sinh thái có tổ chức khoa học, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa cũng tiếp nhận được nguồn dự trữ năng lực sống dồi dào.

Trình độ phát triển của ngành y tế, công tác bảo vệ sức khỏe, các phong trào thể dục thể thao đều mang lại sinh khí mới cho lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Sức khỏe có một vai trò đặc biệt cho mọi hoạt động sinh sống lành mạnh của con người. Sức khỏe không chỉ liên quan đến lao động mà còn liên quan đến mọi hoạt động sống khác. Thiếu sức khỏe thì các hoạt động trí lực, các hoạt động giáo dục không thể phát triển được. Con người luôn ốm đau, bệnh tật là nỗi lo lắng của gia đình và xã hội. Không có sức khỏe thì không thể bảo vệ an ninh, trật tự xã hội và giữ gìn độc lập tự do của tổ quốc được. Lối sống của xã hội có liên quan trực tiếp đến bệnh tật của xã hội.

Mối quan hệ của lối sống không chỉ liên quan đến chế độ ăn uống, nhà ở, nghỉ ngơi, bồi dưỡng, những điều kiện tự nhiên của con người, mà còn gắn với cả sự bình an về tinh thần. Tinh thần được thoải mái, những stress được khắc phục là biểu tượng của một xã hội mạnh khỏe. Các quan hệ đạo đức, tâm lý xã hội đều có liên quan đến sức khỏe, đến lối sống.

Việc luyện tập thể dục thể thao, tham gia công tác xã hội, tu dưỡng đạo đức, du lịch, giải trí làm năng động đời sống hóa xã hội. Những biến đổi về các hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể lực, trí lực tạo cơ sở phát triển lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã hình thành và phát triển rất mạnh mẽ trong nửa đầu của thế kỷ XX. Hàng tỷ người trên hành tinh này đã xây dựng trong thực tế những nguyên tắc và nội dung cơ bản của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Hàng tỷ người khác đã hướng về những nguyên tắc và nội dung xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong các nước xã hội chủ nghĩa. Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã sản sinh ra những nhân cách rất cao đẹp trong lao động và trong chiến đấu. Hàng triệu người lao động ưu tú ra đời từ lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã được cả loài

người tôn vinh. Những người cộng sản, những anh hùng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống xâm lược, bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội đã là sản phẩm tuyệt vời của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa với những nội dung và nguyên tắc sống của nó đã từng thuyết phục và lôi kéo nhiều dân tộc trên hành tinh này hướng về nó.

Tuy nhiên, trong quá trình hình thành và phát triển của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa đã *bộc lộ khá nhiều nhược điểm* làm cho nhiều nội dung và nguyên tắc sống tốt đẹp của nó không những không thể thực hiện được trong thực tế, mà còn trở thành những lực cản, kìm hãm sự phát triển thực tế của lối sống đó.

Năng suất lao động phát triển chậm, lực lượng sản xuất phát triển không cao, chủ nghĩa bình quân ăn sâu vào mọi quan hệ xã hội, trình độ quản lý xã hội thấp, sự độc quyền chân lý gia tăng, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, nạn tham ô, hách dịch, cửa quyền hoành hành, tính kiêu ngạo cộng sản xuất hiện ở nhiều lãnh vực của cuộc sống, đạo đức xuống cấp... tất cả những tiêu cực đó phá hỏng từ gốc rễ lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa, làm cho lối sống này bị tan rã ở nhiều dân tộc và cũng đặt ra vấn đề đổi mới lối sống ấy cho phù hợp hơn với sự phát triển của sản xuất và chính trị mới.

Hiện nay, nội dung và những nguyên tắc của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa vẫn mang ý nghĩa lịch sử vĩ đại, nó làm thay đổi tận gốc những hoạt động sống cơ bản của loài người. Nội dung và những nguyên tắc ấy hiện nay đang thiếu điều kiện thực tiễn vận hành. Tuy nhiên, nó vẫn là *những chuẩn mực khung*, chuẩn mực tốt đẹp, *chuẩn mực lý tưởng* để các hoạt động sống vươn lên và phát triển nó rực rỡ hơn.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, từ bài báo đầu tiên đến lời di chúc cuối cùng và ngay cả những giây phút trước khi từ giã thế giới này, Hồ Chí Minh đã dành hết tâm sức để quan tâm toàn diện đến vấn đề con người trong quá trình xây dựng lối sống mới ở Việt Nam.

Trước hết, Hồ Chí Minh quan niệm rằng, mỗi xã hội cần phải có một lối sống và một kiểu người đại diện cho nó. Cho đến những năm đầu thế kỷ XX, trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã xuất hiện tư tưởng về việc rèn luyện, giáo dục để hình thành một lối sống kiểu mới. Đó là lối sống của người cách mạng. Lối sống này chưa từng xuất hiện trong tiến trình phát triển của lịch sử xây dựng xã hội Việt Nam. Đó là lối sống gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, với việc giải phóng những người lao động trên toàn thế giới. Đó là lối sống kết hợp trong hoạt động sống lý tưởng xã hội cao đẹp, lòng yêu nước sâu sắc, có tinh thần quốc tế trong sáng. Lối sống này là sản phẩm của các phong trào lớn của thế kỷ XX: *phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*.

Ngay từ những năm 1925, trong cuốn *Đường cách mệnh*, ở những trang đầu tiên của tác phẩm này, Hồ Chí Minh đã nêu 25 điểm về cách sống mới. Đó là cách sống: “Quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể, hoà mà không tư, vị công vong tư, giữ gìn chủ nghĩa cho vững...”¹ Đó là sự kiện lớn thứ nhất mà Hồ Chí Minh định hướng xây dựng và phát triển xã hội Việt Nam theo hướng sống nhân văn kiểu mới. Hướng sống nhân văn này khác hẳn với hướng sống nhân văn của các xã hội cũ. Đây là hướng sống nhân văn tiến tới xoá bỏ

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.260.

hoàn toàn áp bức bóc lột dân tộc và giai cấp, con người được sống trong xã hội độc lập tự do hạnh phúc.

Sự kiện thứ hai có ảnh hưởng sâu sắc và toàn diện đến hướng xây dựng và phát triển lối sống mới của dân tộc Việt Nam theo chủ nghĩa nhân văn kiểu mới đó là việc thay đổi hệ tư tưởng gắn với sự bất công và bất bình đẳng xã hội đã tồn tại ở Việt Nam hàng ngàn đời trong các chế độ có áp bức bóc lột giai cấp. Hệ tư tưởng Nho giáo tuy có một số nhân tố hợp lý trong việc tu dưỡng đạo đức xã hội, song về căn bản đó là hệ tư tưởng đã tạo ra lối sống bất bình đẳng giai cấp, bất bình đẳng dân tộc, bất bình đẳng giới tính và bất bình đẳng thế hệ. Còn hệ tư tưởng tư sản mới manh nha ở Việt Nam, tuy có ý thức giải phóng các phong tục, tập quán lạc hậu được hình thành trong chế độ phong kiến, song đó là hệ tư tưởng tạo ra lối sống của giai cấp áp bức, bóc lột nhân dân lao động. Trong tình hình đó để xây dựng và phát triển một lối sống mới có khả năng giải phóng sức sáng tạo của hàng triệu quần chúng lao động, Hồ Chí Minh đã trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào văn hoá Việt Nam.

Nhận thức rõ tính chất quan trọng của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc hình thành một lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam, đặc biệt là khơi dậy ý thức tích cực cho quần chúng tự giải phóng mình và kiến tạo các giá trị tự do của mình trong tự do chung của toàn xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm liên kết các giai cấp, thức tỉnh tình cảm của dân tộc để xây dựng và phát triển một lối sống mới trong xã hội. Với việc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam, Hồ Chí Minh, đã làm bừng tỉnh những khối óc, nhắc cao cánh tay của những người thợ, người cày nghèo khổ đứng lên phát cao ngọn cờ giải phóng dân tộc xây dựng một lối sống mới. Ý nghĩa lịch sử của việc Hồ Chí Minh trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam là ở chỗ tạo cho nhân dân một cách nhìn mới về xã hội, về dân tộc, về giai cấp và về bản chất thật sự của con người, từ đó tự giác đứng lên xây dựng lối sống mới. Trong khi trang bị các tư tưởng giải phóng của chủ nghĩa Mác cho nhân dân lao động Việt Nam xây dựng và phát triển cuộc sống mới, Người đã coi việc nắm vững các chân lý phổ biến của chủ

nghĩa Mác và sáng tạo nó trong điều kiện của một dân tộc là một nguyên tắc rất quan trọng. Hồ Chí Minh đã viết: “lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn sinh động. Những người cộng sản các nước phải cụ thể hoá chủ nghĩa Mác- Lênin cho thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh từng nước, từng nơi”¹.

Học tập các tư tưởng cách mạng của Mác, của Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc rằng, một xã hội nhân đạo phải là một xã hội phát huy được toàn diện sức mạnh sáng tạo của nhân dân, phải chăm sóc mọi mặt cho sự phát triển của nhân dân và hiểu rõ các năng lực vô tận của nhân dân trong việc tổ chức cuộc sống mới.

Tổng hợp toàn bộ các quan niệm về sức mạnh của nhân dân trong các nền văn hoá Đông- Tây, kết hợp các tư tưởng truyền thống ở Việt Nam; Hồ Chí Minh đã nêu lên một triết lý tổng quát trong việc định hướng xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại từ sức mạnh của nhân dân. “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”². Do đó khi xây dựng toàn bộ cuộc sống mới, Hồ Chí Minh coi quan điểm nhân dân là cơ sở nền tảng của sự phát triển lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam. Vì thế, khi xây dựng và phát triển lối sống mới, Hồ Chí Minh đã quan tâm sâu sắc đến các quan hệ quyền lực trong xã hội và khẳng định trước hết quyền lực phải thuộc về nhân dân. Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm triệt để đến lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân lao động và mọi tầng lớp người trong xã hội. Người cho rằng: “Chính sách của Đảng và chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống nhân dân. Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”³.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ chống đế quốc và phong kiến, xây dựng và phát triển xã hội

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 496.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 276.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 572.

mới đều được tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất, mặt trận tổ quốc. Thế hệ thanh niên ưu tú của dân tộc được sinh hoạt và chiến đấu dưới ngọn cờ của Đoàn thanh niên cộng sản và Hội liên hiệp thanh niên. Những người công nhân đại diện cho lực lượng có tổ chức trong nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, trường học được liên kết sức mạnh trong tổ chức Công đoàn. Hội liên hiệp phụ nữ, các đoàn thể thiếu nhi, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Hội nhà báo, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật, Hội nông dân...tất cả được liên kết sức mạnh, phát huy khả năng sáng tạo của mọi nghề nghiệp, mọi thế hệ, giới tính...xây dựng xã hội mới.

Trong hoạt động thực tiễn xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại, trước hết Hồ Chí Minh quan tâm đến *quyền và nghĩa vụ của con người*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một xã hội nhân đạo phải xây dựng lối sống dân chủ. Dân chủ là bản chất của lối sống dân tộc- hiện đại- nhân văn. Đó là lối sống của một xã hội mà mỗi công dân được hưởng *quyền tự do dân chủ và biết sử dụng quyền đó*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một xã hội có lối sống văn minh, tiến bộ thì trước hết nhân dân phải có quyền tự do bầu cử và tự do ứng cử, tức là quyền công dân. Ngày 3-9, sau ngày tuyên bố độc lập đầu tiên của cả nước Việt Nam dân chủ cộng hoà sau 80 năm bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột, Hồ Chí Minh trong bài *Những nhiệm vụ cấp thiết của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà* đã viết: “trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân Pháp không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay một cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái 18 tuổi có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v...”¹

Tự do bầu cử, tự do ứng cử, không phân biệt tôn giáo, giàu nghèo, dòng giống để xây dựng đất nước. Đó là tư tưởng Hồ Chí Minh về một lối sống gắn liền với các tình cảm trong sáng và sự khoan dung vô bờ bến đối với mọi lực

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 8.

lượng của xã hội. Lối sống tốt đẹp nhất, thiêng liêng nhất mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng tới là: độc lập cho tổ quốc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho đồng bào. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nếu nước là của dân, dân là chủ thì tích cực chính trị trong nhân dân sẽ được phát huy, các sáng kiến của nhân dân như các dòng sông đổ vào biển lớn. Một lối sống nhân đạo sẽ được kiến tạo.

Để hướng tới xây dựng và phát triển một lối sống mà các khả năng sáng tạo của con người đều được tôn trọng, phát huy và bảo tồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất một *cơ chế dân chủ* trong quá trình xây dựng xã hội mới. Trong một lối sống dân tộc- hiện đại thì các nhà lãnh đạo và công dân đều được bình đẳng về mọi mặt. Tuy nhiên, trong lối sống mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng tới thì Chính phủ lại là người công bộc tận tụy của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích rằng: “Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, Thứ trưởng, uỷ viên này khác làm gì? Làm đây tở, Làm đây tở cho nhân dân chứ không phải làm cách mạng”². Nói rằng Chính phủ là công bộc của dân, nhưng nền dân chủ mà Hồ Chí Minh khẳng định là một nền dân chủ theo hiến pháp. Đó là quyền công dân mà mọi người không được phép vượt qua quyền hiến định. Nhân dân làm chủ đất nước trong kỉ cương và trật tự của pháp luật. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: “mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường chuyên chính để làm cho chính quyền ta ngày càng thực sự là chính quyền của nhân dân, chống kẻ thù của nhân dân”³.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh một lối sống dân tộc- hiện đại- nhân văn sẽ là lối sống mà mỗi công dân đều phải sống và làm việc theo pháp luật, các quan hệ cơ bản giữa con người với con người cần phải được điều chỉnh bằng pháp luật. Tuy Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng:

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 8.

² Hồ Chí Minh. Sdd, tr. 56.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 375.

“Bao nhiêu lợi ích đều vì *dân*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*¹

Chính quyền từ xã đến trung ương *do dân bầu cử ra*.

Đoàn thể từ trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*”²

Song, mỗi người trong xã hội đều phải sống và làm việc theo pháp luật và hiến pháp. Nhân dân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Các quan chức nhà nước phải gương mẫu thực hiện hiến pháp và pháp luật. Tất cả các tổ chức chính trị đều phải tuân thủ pháp luật. Pháp luật không phải thui chột các tài năng cá nhân mà ngược lại nó sẽ đảm bảo cho mỗi người được sáng tạo tự do không xâm hại đến các quyền tự do của người khác. Một xã hội mà mọi người được sống và làm việc theo pháp luật và hiến pháp đó là một xã hội có lối sống hiện đại bình đẳng, văn minh tiến bộ.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì cái gốc của một lối sống nhân đạo, văn minh không duy chỉ sống và làm việc theo những chuẩn mực bắt buộc của hiến pháp và pháp luật. Một lối sống nhân đạo và phát triển còn gắn với sự giúp đỡ tự nguyện lẫn nhau của các thành viên trong cộng đồng; cái thiện phải được ủng hộ, cái xấu, cái không tốt, cái ác phải được dư luận điều chỉnh một cách tự giác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm của lối sống nhân đạo, văn minh. Người không chấp nhận sự giàu có của người này bằng sự phá sản của người kia, sự đầu cơ của người này làm cho người khác chết đói. Đó là lối sống của một xã hội “con người là chó sói của con người”. Một xã hội nhân đạo phải xây dựng các lối sống cộng đồng về các lợi ích; con người với con người phải là đồng chí, là anh em. Sự cộng đồng các

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 8. Sđd, tr..289.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 5. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 689.

lợi ích cơ bản sẽ định hướng các mục tiêu các lý tưởng tạo dựng và phát triển các hoạt động sống tốt đẹp trong xã hội.

Tuy Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến lợi ích chung, nhưng Người cũng khẳng định rằng, một lối sống hiện đại nhân văn tiến bộ đều có các lợi ích riêng. “Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu”. Cho nên “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân”¹.

Xây dựng và phát triển lối sống hiện đại ở Việt Nam theo hướng nhân văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói đạo đức là gốc của xã hội. Mỗi người đều có đức và có tài thì xã hội mới tiến bộ được. Chủ tịch Hồ Chí Minh ví một con người có tài mà thiếu đức như một nhà làm kinh tế giỏi mà lại để thụt két, thì tài đó không những không có lợi ích gì cho loài người mà còn có hại nữa. Và ngược lại, nếu có đức mà lại thiếu tài thì như một ông bụt không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người ².

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thì lối sống nhân đạo nhất, văn minh nhất đó chính là lối sống của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản “đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc”³.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, giải phóng quần chúng nhân dân thoát khỏi chế độ cũ là bước khởi đầu quan trọng để xây dựng lối sống mới. Người đã viết tác phẩm: *Đời sống mới* để định hướng toàn diện việc xây dựng lối sống mới cho hàng triệu người dân nghèo khổ ở nước ta. Hồ Chí Minh nói: “Muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 9. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr..291.

² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 9. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.172.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 1. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 461.

nghĩa”. Người đã có một kế hoạch to lớn để xây dựng phát triển *con người toàn diện cả trí, đức, thể, mỹ; hồng thẩm, chuyên sâu, đức tài toàn vẹn*.

Trước hết, “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà *xấu*, thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì *cũ* mà *tốt*, thì phải phát triển thêm. Cái gì *mới* mà *hay*, thì ta phải làm.

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích của đời sống mới.”¹ Muốn vậy phải “sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc.”² Đồng thời phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Người cho rằng: “Tăng gia sản xuất tức là một bộ phận trong đời sống mới. Có tinh thần đời sống mới, thì tăng gia sản xuất mới chóng thành công. Mà tăng gia sản xuất có thành công, thì đời sống mới dễ thực hiện.

Muốn tăng gia sản xuất, mọi người phải *Cần*, phải *Kiệm*. *Không Cần* thì phí thời giờ nhiều mà sản xuất được ít. *Không Kiệm* thì làm được bao nhiêu, dùng hết bấy nhiêu, rút cục cũng như sản xuất ít. Tăng gia sản xuất ích riêng cho mình mà cũng ích chung cho cả nước. Nếu không có tinh thần *Liêm* và *Chính*, nếu tham lam ích kỷ, thì không thể phát đạt việc tăng gia sản xuất. Vì vậy, tăng gia sản xuất và đời sống mới phải đi đôi với nhau, không thể lìa nhau.”³

Hồ Chí Minh còn đề ra cách thực hiện đời sống mới cho mỗi người Việt Nam. “Bây giờ lấy một người chung mà nói, nghĩa là một người quốc dân Việt nam, không kỳ giàu hay nghèo, già hay trẻ, gái hay trai, thì đời sống mới đại khái gồm mấy điểm sau này:

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 5. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 94-95.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 5. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 95.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 5. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 98.

Về *tinh thần*, một là sốt sắng yêu Tổ Quốc. Việc gì có lợi cho nước phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước phải hết sức tránh.

Hai là sẵn lòng công ích. Bất kỳ việc to việc nhỏ, có ích chung thì phải hăng hái làm. Thí dụ: Thấy một ngành gai nằm giữa đường, ta lấy vất đi, cho người khác khỏi dẫm phải. Thế cũng là công ích. Hy sinh tài sản giúp kháng chiến, đồng bào tản cư, di cư, cũng là công ích.

Ba là mình hơn người thì chớ kiêu căng.

Người hơn mình, thì chớ nịnh hót.

Đối của mình thì chớ bủn xỉn.

Cách ăn mặc phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, chớ lượt lợt, xa xỉ, lòe loẹt.

Cách làm việc, phải siêng năng, có ngăn nắp, có tinh thần phụ trách, đã làm việc gì thì làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn. Chớ làm dối.

Cách cư xử, đối với đồng bào thì nên thành thực, thân ái, sẵn lòng giúp đỡ.

Biết ham học. Trước hết là học chữ, học làm tính... Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ.

Đó là đời sống mới của một người. Thử hỏi có gì cao xa, khó khăn không? Không có gì là khó. Không cần thông minh tài trí, miễn là mình muốn làm, có chí làm thì nhất định làm được. Ai cũng làm như thế, thì tự nhiên nước Việt Nam ta trở nên một nước mới, một nước văn minh.”¹

Hồ Chí Minh còn đề cập cách xây dựng đời sống mới trong một nhà, một làng, một trường học, trong xưởng máy, trong công sở; đối với trẻ em, người lớn, bộ đội, học sinh, thầy giáo, viên chức, cán bộ...

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 5. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 99 -100.

Nhưng Người cũng lưu ý rằng để thi hành đời sống mới đừng nên ép buộc, đừng hăng hái quá mà hỏng việc “tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước”¹.

Đồng thời, về lâu dài cần phải củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó liên minh công, nông, trí phải là nòng cốt. “Trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang, và Công, Nông, Trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối”². *Hơn thế nữa*, cần phải có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, tinh thần nhân đạo cao cả. Người luôn giáo dục nhân dân *giữ gìn bản sắc của một dân tộc yêu hoà bình, trọng công lý và luôn luôn có tinh thần nhân đạo* ³.

Trong tư tưởng về lối sống dân tộc- hiện đại, mong muốn lớn nhất của Người là xây dựng một lối sống xã hội chủ nghĩa trong một xã hội văn hoá cao. Xã hội văn hoá cao đó là xã hội: nhân dân lao động xoá bỏ các phong tục, tập quán, các thành kiến lạc hậu, hấp thu có chọn lọc thành quả văn minh của nhân loại, phát triển các giá trị tốt đẹp của truyền thống; các dân tộc đều sống hoà hợp, bình đẳng, thống nhất và đa dạng; lợi ích của cá nhân và tập thể được phát triển hài hoà; mỗi người đều phát triển nhân cách, các thế hệ nối tiếp nhau bền vững, các tầng lớp và các giới tính hoà hợp, đặc biệt là khoa học và giáo dục phải phát triển.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: Chúng ta mới ở trình độ sản xuất thấp. Muốn xây dựng lối sống mới phải phấn đấu trong một thời gian dài, mà mục tiêu trước hết “nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn đói, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”⁴. Quá trình đẩy mạnh sản xuất là một quá trình vừa không ngừng nâng cao trình độ khoa học, vừa nhân đạo hoá các quan hệ lao động. Đồng thời phải quan tâm đến việc giác ngộ chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cho nhân dân, “phải

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 5. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.108.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 8. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 214.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 4. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.136.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 10. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.17.

dạy lý luận Mác- Lênin cho mọi người”¹; phải chống lại sự dốt nát, phải đào tạo trí thức công nông hoá, phải tạo ra sự phát triển đồng đều về dân trí, cần tạo ra một hệ thống nhà trường cách mạng làm cơ sở phát triển lối sống văn minh, tiến bộ trong xã hội văn hoá cao.

Như vậy, có thể nói, xây dựng lối sống trong xã hội văn hoá cao trong tư tưởng Hồ Chí Minh là lối sống dân tộc- hiện đại, là lối sống cộng đồng các lợi ích căn bản gắn cái đúng với cái thật, cái tốt làm cho mọi người được sống, được hưởng thụ văn minh và hạnh phúc. Lối sống trong xã hội văn hoá cao phải coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn tạo nên hạnh phúc của mọi người và cho cả thế hệ mai sau”². Đó là lối sống mà người lao động trở thành nhân vật trung tâm, lao động trí óc và lao động chân tay đoàn kết xây dựng cuộc sống mới. Đó là lối sống mà các giá trị cơ bản của con người được trả lại cho con người.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 6. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 46.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. tập 12. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 564.

QUAN NIỆM CỦA ĐẢNG TA VỀ LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI

PGS,TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Nhân dân ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Cùng với sự nghiệp này là cả một quá trình cải biến sâu sắc lối sống cũ thành lối sống mới. Lối sống mới là thành tố quan trọng nhất của nền văn hóa mới Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng khẳng định nền văn hóa mới của chúng ta là "*nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*"¹ Hiến pháp năm 1992 của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thể chế hóa đường lối văn hóa ấy bằng ba đặc trưng cơ bản: "*dân tộc - hiện đại - nhân văn*"². Trong một tác phẩm quan trọng của nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười *Thể hiện khát vọng của nhân dân về chân, thiện, mỹ* khi cụ thể hóa văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng cũng đã viết: nền văn hóa của chúng ta phải là nền "văn hóa của chủ nghĩa xã hội, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn"³. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và đường lối của Đảng khẳng định thời kỳ này chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, *tất nhiên lối sống mới mà nhân dân ta đang xây dựng phải là lối sống dân tộc - hiện đại*. Đó là lối sống theo các chuẩn mực của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 9.

² Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.146.

³ Đỗ Mười *Thể hiện khát vọng của nhân dân về chân, thiện, mỹ*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993, tr.133.

Đại hội Đảng lần thứ VI, lần thứ VII, lần thứ VIII, lần thứ IX và lần thứ X, suốt hơn hai thập kỷ vừa qua đều nhấn mạnh rằng, chúng ta phải xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại, bởi nó không chỉ có ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ các quan hệ vật chất và tinh thần của đời sống xã hội, mà nó còn *chính là biểu hiện của trình độ phát triển các giá trị vật chất và tinh thần của chúng ta hiện nay*.

Trong tác phẩm *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam* đã khẳng định “Lối sống là dấu hiệu phân biệt sự khác nhau giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Nó là một tổng thể những hình thái hoạt động của con người phản ánh những đặc điểm về sinh hoạt vật chất, tinh thần và xã hội của cộng đồng người đã tạo nên lối sống đó. Nó là một sản phẩm tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội góp phần củng cố và phát triển hình thái kinh tế - xã hội ấy. Lối sống mới mà chúng ta xây dựng là lối sống đặc trưng có tính nguyên tắc của những quốc gia kiên trì đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Nó được xây dựng trên cơ sở của những yếu tố như: chế độ sở hữu đa dạng, trong đó sở hữu toàn dân đóng vai trò chủ đạo và nguyên tắc phân phối theo lao động, chính quyền về nhân dân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm hệ tư tưởng chỉ đạo, xóa bỏ các bất bình đẳng về chủng tộc, dân tộc, giới tính, thực hiện tự do tinh thần, công bằng, dân chủ và nhân ái trong mọi quan hệ xã hội”¹. Đó là lối sống mới, lối sống dân tộc - hiện đại của chúng ta.

Theo quan niệm của Đảng ta trong *Kết luận của Bộ Chính trị về các ý kiến thảo luận của Hội nghị Trung ương lần thứ IV khóa VII* thì khái niệm *tiên tiến* bao gồm cả ý nghĩa tiên tiến về chế độ xã hội và bao gồm tính hiện đại. Điều đó có nghĩa là lối sống dân tộc - hiện đại đương nhiên bao gồm cả bản sắc dân tộc và chế độ xã hội tiên tiến, tức là xã hội phát triển sau chủ nghĩa tư bản. Chúng ta có thể hiểu tiên tiến trong đó bao gồm tính chất xã hội chủ nghĩa, hệ tư tưởng tiên tiến, sự phát triển nội sinh về khoa học, kỹ thuật hiện đại.

¹ *Bộ Văn hóa thông tin. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1995, tr.133.

Như vậy lối sống dân tộc - hiện đại ở đó phải kết tinh tinh hoa của quá khứ hòa quyện với các phẩm chất hiện đại của dân tộc. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã vạch rõ mọi hoạt động sống của chúng ta, có nghĩa là lối sống mới của chúng ta phải coi "thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội"¹.

Có thể nói, khái niệm lối sống dân tộc - hiện đại thể hiện rõ sự thống nhất giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và tộc người, dân tộc và nhân loại. Lối sống dân tộc - hiện đại là lối sống mang yếu tố tiên tiến, tiến bộ mà cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lối sống nhân đạo, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Lối sống dân tộc - hiện đại là những hoạt động sống gắn với những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua hàng nghìn năm lịch sử. Đó là những phẩm chất yêu nước nồng nàn, ý thức tự lập tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc. Lối sống dân tộc - hiện đại mang những giá trị tinh thần cao quý: lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý. Lối sống dân tộc hiện đại thể hiện đức tính cần cù, khả năng sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong cuộc sống hàng ngày².

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.10.

² Xem Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương. Khóa VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 55 -56.

Lối sống dân tộc - hiện đại trong nội hàm của nó bao gồm rất nhiều ý nghĩa về quan hệ giữa con người với con người; về sự phát triển của lực lượng sản xuất, của quan hệ sản xuất; về sự phát triển của cái đúng, cái tốt, cái đẹp; về sự phát triển mọi mặt của nền dân chủ, của gia đình ấm no, hòa thuận, hạnh phúc; về sự phát triển của thể chất, trí tuệ, tâm hồn của con người.

Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau và có những nội dung khác nhau. Có thể nói, lối sống dân tộc - hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã trải qua ba mô thức phát triển khác nhau. Mỗi mô thức đều đặc trưng cho những thời kỳ phát triển khác nhau của nền văn hóa, của mọi hoạt động sống trong dân tộc. Mỗi mô thức đều gắn với sự rung động dữ dội của toàn bộ sự chuyển mình của đất nước.

Mô thức thứ nhất là mô thức trong khuôn khổ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Lối sống trong mô thức văn hóa này phụ thuộc toàn diện vào sự vận động và chuyển biến của cuộc cách mạng giải phóng tổ quốc vĩ đại. Đó là lối sống được chuẩn hóa theo ba định chuẩn cơ bản: Dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa.

Mô thức thứ hai là mô thức trong khuôn khổ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc đấu tranh vĩ đại giải phóng miền Nam. Lối sống trong mô thức văn hóa này bắt nhịp với lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới và biểu hiện những khát vọng vươn lên của cả dân tộc Việt Nam. Lối sống trong mô thức này “được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng làm chủ tập thể, hấp thu có chọn lọc những thành quả của văn minh nhân loại và những thành tựu văn hóa khoa học hiện đại. Đồng thời nó phải là sự kết tinh và nâng lên một tầm cao mới những gì đẹp nhất trong truyền thống bốn nghìn năm của tâm hồn Việt Nam, của văn hóa Việt Nam. Đó là truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường, mưu trí; là tình thương giữa những người lao động; là đức tính cần cù, tinh thần lạc quan yêu đời...”¹.

¹) Báo cáo chính trị tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước ngày 25-6-1976. Xem Lê Duẩn *Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1977, tập 2, tr.151-152.

Mô thức thứ ba, là mô thức xây dựng lối sống trong thời kỳ đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là mô thức xây dựng lối sống trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Đó là mô thức văn hóa “xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”². Mô thức thứ ba này là mô thức xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo các định chuẩn của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là mô thức định hướng lối sống trong “hoàn cảnh cách mạng khoa học, kỹ thuật đang diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có trên thế giới và việc giao lưu giữa các nước và các nền văn hóa ngày càng mở rộng” như Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị tháng 11-1987 đã chỉ rõ.

Mô thức thứ ba là mô thức phát triển nền văn hóa mới trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nền văn hóa này là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp như tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bồi đắp thêm những phẩm chất đã có và đang hình thành về ý thức dân chủ, tinh thần quốc tế, tinh thần khoa học.

Có thể nói, theo quan điểm của Đảng ta, lối sống dân tộc hiện đại ở Việt Nam *gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, với tiến trình cách mạng của nhân dân ta.*

²

Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1996, tr.110.

SỰ VẬN ĐỘNG CỦA LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM TRƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Văn hóa cổ truyền có bản sắc của dân tộc Việt Nam đã hình thành hàng ngàn năm trước, đã tạo lập một lối sống tốt đẹp: yêu lao động, yêu nhà, yêu nước, khoan dung, vị tha, hiếu học và nhiều phẩm chất tốt đẹp khác đã trở thành những giá trị truyền thống mang bản sắc dân tộc rất đậm đà. Giữa thế kỷ XIX, người Pháp xâm lăng Việt Nam. Trong khoảng thời gian trước và sau đó, văn hóa truyền thống ở nước ta đã từng giao tiếp với hệ tư tưởng tư sản phương Tây thông qua các nhà truyền giáo và các lái buôn. Các nhà truyền giáo đã đến *Đàng trong* và *Đàng ngoài* phiên âm tiếng Việt bằng tiếng Latinh và du nhập Đạo Thiên Chúa vào nước ta, nhen nhóm trong lối sống của người Việt một số nhân tố mới.

Sự du nhập của hệ tư tưởng tư sản đã làm vận động các khuynh hướng khác nhau trong nền văn hóa truyền thống. Một sự phân hóa mới chuyển động rất phức tạp trong lối sống Việt Nam truyền thống. Ở đó có sự va chạm văn hóa, sự đan xen văn hóa, sự tiếp nhận, sự phản đối diễn ra trong các hoạt động sống của các tầng lớp xã hội khác nhau. Có khuynh hướng đổi mới theo lối sống phương Tây, lại có khuynh hướng phi phương Tây hóa lối sống. Có các khuynh hướng bảo thủ, khuynh hướng cách mạng, khuynh hướng dân tộc, khuynh hướng dân tộc - hiện đại đã đan xen và va chạm trong môi trường văn hóa Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Từ những đan xen và va chạm đó về lối sống, văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX đã xuất hiện *chủ nghĩa yêu nước kiểu mới*. Chủ nghĩa yêu nước này khác hẳn với chủ nghĩa yêu nước Nho giáo. Đó là yêu nước gắn liền ý thức độc lập dân tộc với tinh thần quốc tế vô sản. Trong văn hóa Việt Nam xuất

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

hiện hệ tư tưởng mới - hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin khác hẳn với hệ tư tưởng Nho giáo và Phật giáo cũng như hệ tư tưởng tư sản, tạo cơ sở cho lối sống dân tộc - hiện đại xuất hiện.

Đặc biệt trong văn hóa Việt Nam cuối những năm 20 và đầu những năm 30 của thế kỷ XX đã xuất hiện nhân cách người cách mạng khác hẳn với các nhân cách kẻ sĩ, bậc trượng phu, người quân tử, cũng như các nhân cách nhân sĩ, thương gia. Một lối sống thật sự mới đã bắt đầu xuất hiện trong văn hóa Việt Nam. Đó là lối sống, tư tưởng, đạo đức cách mạng khác hẳn với lối sống của các xã hội trước đó.

Sự xuất hiện Đảng Cộng sản Việt Nam là thành tựu lớn nhất về sự hội tụ sâu sắc các chuyển biến văn hóa và sự vận động mạnh mẽ về lối sống ở Việt Nam. Lần đầu tiên trong văn hóa Việt Nam, một tổ chức chính trị đại biểu cho tinh hoa văn hóa dân tộc ra đời. Và từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa Việt Nam vận động hướng tới kiến tạo những hệ giá trị mới của các phong trào lớn của thế kỷ XX: phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; tạo ra nhân cách mới, lối sống rất mới.

Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 với tuyên ngôn *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa* tiến từ nền văn hóa dân chủ mới lên nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo việc đổi mới phát triển và xây dựng một nền văn hóa của thời đại mới. Đó là một nền văn hóa mà ở đó lối sống của con người gắn chặt chẽ với sự trong sạch của tự nhiên, các thành quả lịch sử được lưu giữ, các hoạt động sáng tạo được cổ vũ, các tài năng được phát triển, các quan hệ giao tiếp trong sáng và lành mạnh; gia đình hòa thuận, làng, xã, phường, khóm đoàn kết giúp đỡ nhau; quan hệ giữa con người và con người nhân ái, không còn áp bức, bóc lột giai cấp, tất cả các tộc người đều bình đẳng các giá trị, không tộc người nào áp đặt các giá trị của mình lên tộc người khác; tất cả các dân tộc được sống trong hòa bình, tình hữu nghị.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, gia đình, làng, xã và cả đất nước có những thay đổi rất sâu sắc. Cơ cấu văn hóa nền tảng của xã hội là gia đình được chuyển động mạnh từ gia đình gia trưởng, kiểu gia đình ưu tiên lớn nhất cho đàn ông và thiệt

thời vô hạn cho người phụ nữ - đã biến đổi thành gia đình mới; ở đó vợ, chồng đều bình đẳng và người phụ nữ thoát khỏi cảnh “đầy tớ” và được tham gia vào các quyết định quan trọng của làng, xã và sản xuất xã hội.

Cho đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, văn hóa ở cả ba vùng sinh thái trong các làng quê Việt Nam: vùng núi, vùng đồng bằng, vùng biển, với phương thức lao động trồng lúa nước, các công cụ lao động còn đơn giản. Lối sống trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám tuy có một số nhân tố mới, song các thang bậc giá trị ở nông thôn chưa chuyển động mạnh. Trong xã hội đó, người nông dân vẫn bị hai tầng áp bức, bóc lột nặng nề. Một là, họ bị bọn địa chủ bóc lột sức lao động với một đồng công rẻ mạt. Hai là, họ bị bọn thực dân áp bức thuế, sưu, thuế ruộng rất nặng. Trong tác phẩm *“Bản án chế độ thực dân Pháp”*, nhà cách mạng Nguyễn ái Quốc đã viết rằng: “Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ, các làng, người ta xếp đất ruộng công cũng như tư thành nhiều hạng dựa vào các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ năm hào đến một đồng một mẫu... Thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác tùy từng tỉnh: có nơi tăng lên một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may tăng đến hai phần ba. Từ năm 1890 đến năm 1896 thuế trực thu tăng gấp đôi; từ 1896 đến 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để”¹.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đánh đổ chế độ thực dân nửa phong kiến, cải tạo lại môi trường văn hóa rộng lớn ở nông thôn Việt Nam cả ba miền Bắc - Trung - Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải phóng và tổ chức lại cuộc sống cho hàng chục triệu nhân dân ở nông thôn nghèo khổ, có nơi còn sống vô cùng tăm tối. Đảng Cộng sản đã giáo dục và giáo dục lại hàng triệu nông dân không biết chữ ở các làng quê thiếu văn hóa và thiếu ăn. Đảng

¹ Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. tập 2. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 74-75 và 97.

Cộng sản đã *khơi dậy một lối sống tích cực*, đưa hàng chục triệu người lao động đói rách thoát khỏi những tập tục cổ xưa.

Có thể nói rằng xã hội Việt Nam tuy có một truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng trước Cách mạng Tháng Tám đa số sống trong tình cảnh bị bòn phong kiến và thực dân bóc lột đến xơ xác. Nông dân bị vơ vét đến đồng xu cuối cùng. Nhiều người lao động không có cơm ăn, áo mặc, sống vô cùng khổ cực. Trong lối sống ở làng quê đầy rẫy những hủ tục. Đến trước Cách mạng Tháng Tám, lao động nông nghiệp lúa nước với các phương thức canh tác, chăn nuôi đơn giản; thương mại và giao thông chưa phát triển mạnh. Xã hội ở Việt Nam tổ chức theo xã thôn gồm nhiều gia tộc theo thể chế chính trị quân chủ với một nền văn hóa có nhiều phong tục, tập quán phức tạp và một nền tín ngưỡng tâm linh phong phú. Do những đặc điểm ấy mà lối sống chưa được cải thiện. Trước Cách mạng Tháng Tám, trong cơ cấu giai cấp xã hội chưa xuất hiện một đội ngũ trí thức làm khoa học mạnh, nhất là khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, thương trường chưa phát triển lớn. Đôi khi có một vài nhà kinh doanh có tên tuổi, nhưng so với nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa, số thương gia này chưa kích thích được kinh tế thị trường.

Bản chất lối sống trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám là lối sống tiểu nông theo phương thức canh tác thô sơ của nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ. Sự nặng về nông nghiệp, nặng về đạo lý, nặng về làm quan và hướng vào các cuộc chiến tranh giải phóng tổ quốc, trong xã hội truyền thống Việt Nam chưa thiết lập lối sống hiện đại. Sự nghiêng lệch về sản xuất nhỏ, công nghiệp và thương nghiệp chưa phát triển cho nên lối sống làm việc theo pháp luật chưa cắm thật sâu vào đời sống và nhà nước pháp quyền cũng chưa ra đời. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000 đã viết rõ hiện tượng này trong lối sống con người Việt Nam “Người Việt Nam đang có

những hạn chế về thể lực, kiến thức, tay nghề còn mang thói quen sản xuất lạc hậu và dấu ấn của cơ chế cũ”¹.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám là *một mốc* thay đổi lớn nhất trong lịch sử xã hội Việt Nam hiện đại. Nó làm thay đổi nhiều hệ chuẩn đã từng đan kết và cổ vũ cho lối sống trong nền sản xuất trước cách mạng. Nó đòi hỏi xác lập và sắp xếp lại hệ giá trị để hình thành một kiểu sống mới.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám đề xuất cách tiếp tục các tiêu chí chuẩn mực và giá trị truyền thống và mở ra con đường bù đắp các thiếu hụt của nền văn hóa truyền thống, *mở đầu* quá trình xây dựng lối sống mới. Nó đã đặt ra vấn đề *phát triển cao độ tinh thần thích ứng và chủ nghĩa yêu nước*. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 hoàn cảnh của mọi cá nhân đã thay đổi về cơ bản sau khi chính quyền của nhân dân được thiết lập. Trước hết, chế độ thực dân và nửa phong kiến đã bị đánh đổ. Những cải tạo kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa đã dẫn tới chỗ xóa bỏ nhiều chuẩn mực, nhiều giá trị xã hội từng tồn tại lâu đời trong lối sống xã hội truyền thống. Đảng ta đã xây dựng một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á trên tinh thần yêu nước truyền thống, hướng tới lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hệ thống giáo dục từ cấp cơ sở đến đại học được xây dựng nhanh chóng, đặc biệt phong trào xóa nạn mù chữ được phát động trong toàn quốc để chống “giặc dốt”. Phong trào xây dựng “Đời sống mới” cũng được phát động để đặt nền tảng cho các hoạt động sống mới. Một thuộc tính mới của nhân cách Việt Nam đã hình thành: đó là *chủ nghĩa yêu nước, lấy việc bảo vệ nền độc lập của dân tộc làm đại nghĩa, lấy tình đồng bào làm nền tảng*. Tinh thần yêu nước này là tinh thần yêu nước kiểu mới, khác hẳn với chủ nghĩa yêu nước vị kỷ. Đây là tinh thần yêu nước - quốc tế vô sản. Đây là một bước chuyển trọng đại trong quá trình hình thành lối sống kiểu mới - mở đầu cho những phẩm chất tốt đẹp của lối sống dân tộc hiện đại ở Việt Nam. Tinh thần đoàn kết toàn dân tộc không

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.5.

phân biệt giai cấp, chủng tộc, tôn giáo đã được khơi dậy. Chủ nghĩa yêu nước ấy mang tính lý tưởng mà có người gọi là tính chất lãng mạn đến mức không chỉ giặc ngoại xâm mà “giặc đốt” đe dọa khắp nơi, song xã hội vẫn phát triển mạnh mẽ. Chủ nghĩa yêu nước ấy đã là một hệ chuẩn mực chính trị, đạo đức và thẩm mỹ được khách quan hóa, đã thể hiện ra trên nhiều mặt của hoạt động sống sôi động của cách mạng ở Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất dấu kín trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những kín đáo ấy được đưa ra trưng bày”¹.

Chủ nghĩa yêu nước quốc tế ấy đã điều tiết hành vi có tính chất xã hội rộng lớn, “nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó vượt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”²

Đế quốc Pháp và Mỹ thiết lập chính quyền bù nhìn ở các vùng bị chiếm đóng. Chúng đưa ra một chủ nghĩa yêu nước giả dối dưới chiêu bài “chủ nghĩa quốc gia”, coi đó là một chuẩn mực chính trị, pháp lý trong lối sống mà chúng đã thiết lập.

Chủ nghĩa yêu nước quốc tế khác về căn bản với “chủ nghĩa vị quốc”. Nó tạo ra những phẩm chất rất tốt đẹp cho lối sống mới. Nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không đơn độc mà luôn có sự liên minh với nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ và được sự ủng hộ rộng rãi của loài người tiến bộ. Bởi vì nhân dân Việt Nam không chỉ đấu tranh cho lợi ích của mình, mà còn vì chính nghĩa và công lý chung của loài người. Chủ nghĩa quốc tế ấy làm cho lối sống mới ngay từ đầu lúc hình thành đã xác lập được mối quan hệ rộng rãi với cả loài người tiến bộ.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trước hết là sự nghiệp giải phóng người lao động. Lần đầu tiên trong lịch

^{1 2} Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. tập 9. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.256.

sử xã hội Việt Nam, người lao động đã có vị trí xứng đáng trong xã hội. Từ lao động làm thuê, lao động khổ cực, Đảng ta đã thiết lập các chuẩn mực coi lao động không còn chỉ là một phương tiện để tồn tại, mà còn là một hoạt động để phục vụ cho lợi ích tối cao của dân tộc. ý thức lao động đã trở thành một thuộc tính của nhân cách. Chuẩn mực xã hội này không chỉ là chuẩn mực đạo đức, mà còn là một chuẩn mực pháp luật, bởi vì lao động đã trở thành nghĩa vụ công dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, là cái tạo ra hạnh phúc cho nhiều thế hệ. Lao động đã trở thành chuẩn mực quan trọng của lối sống mới.

Để thực hiện sản xuất và chiến đấu có hiệu quả, xã hội phải được tổ chức thành những đơn vị, những tập thể không chỉ ở trong quân đội, trong xí nghiệp, trong cơ quan, mà còn ở trong làng, xã với những tổ đổi công, tổ hợp tác. ý thức làng, xã đã trở thành một chuẩn mực xã hội trong lịch sử, giờ đây được phát huy mạnh mẽ dưới một hình thức mới, không chỉ đóng khung ở “lệ làng”, mà còn là những chuẩn mực được hình thành dưới sự hình thành của kỷ luật và pháp luật. Vì vậy, mọi thuộc tính mới của lối sống là *chủ nghĩa tập thể, sự tương thân tương ái không chỉ là một chuẩn mực đạo đức mà còn trở thành chuẩn mực pháp lý, chính trị*. Chuẩn mực này tạo thành nội dung rất mới, rất quan trọng của lối sống mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc tế, ý thức lao động, ý thức tập thể làm nổi lên một phẩm giá của con người là ý thức làm chủ không chỉ đối với bản thân mà còn đối với xã hội. Nó chính là nội dung mới, nội dung cơ bản, nội dung khung của lối sống dân tộc - hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng. ý thức tập thể đó, không chỉ bộc lộ trong quyền bảo vệ độc lập, tự do của tổ quốc, mà còn cụ thể hơn nữa ở việc bảo vệ quyền làm chủ địa phương, làng, xã mà mọi người sinh sống hàng ngày. Từ nội dung yêu nước quốc tế, ý thức lao động làm chủ, ý thức tập thể, một tinh thần *dân chủ* mới được xác lập trong lối sống mới.

Sự biến đổi các giá trị truyền thống trong Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mang tính liên tục với những nội dung

và mục tiêu liên tục: giải phóng tổ quốc, giành độc lập tự do, tạo nên những chuyển biến rất cơ bản trong lối sống ở Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa của sự biến đổi này đã rõ. Định hướng này bước đầu ở tầm vóc của cuộc *cách mạng dân chủ nhân dân*. Nhân dân được trao quyền dân chủ. Trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, nhân dân được làm chủ trong nhiều lĩnh vực. Bầu cử, ứng cử và giải quyết nhiều vấn đề trọng đại. Có thể nói những thành tố cơ bản của lối sống dân tộc - hiện đại đã nhen nhóm trong đời sống xã hội, mặc dù phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được xác lập trong giai đoạn này.

Trong khuôn khổ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lối sống mới đã hướng vào ba nguyên tắc quan trọng nhất của quá trình vận động văn hóa: *Dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa*. Với ba nguyên tắc này, lối sống mới hướng tới sự phát triển *hài hòa mới giữa dân tộc và quốc tế, trước hết là giữa cá nhân và cộng đồng*.

Lối sống trước cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam khi chưa thành lập Đảng Cộng sản tuy đã tiếp biến nhiều hệ tư tưởng, nhưng thực chất là lối sống *theo chủ nghĩa dân tộc chật hẹp* và pha cả chủ nghĩa vị chủng Đại Việt. Trong lối sống ấy *không có một cơ cấu giai cấp cho một nền khoa học phát triển*. Các trí thức thường đi làm quan, khi bãi triều thì thành thầy đồ, thầy thuốc và thầy địa lý để dạy chữ, chữa bệnh và trấn an tâm linh. Trong quan giới, thi thoảng có người lập binh thư, quốc pháp, nghiên cứu lịch sử, chứ tuyệt nhiên trong xã hội chưa xác lập được một lối sống hướng tới giải phóng những người lao động khỏi áp bức, bóc lột. Chỉ từ khi có Đảng Cộng sản, vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam mới được đặt ra và Đảng Cộng sản đã đề xuất các chuẩn mực mới, xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới.

Nhận thức rõ bản chất của lối sống cũ, Đảng Cộng sản đã đề ra ba nguyên tắc vận động đổi mới văn hóa Việt Nam. Thực chất đó là *hệ những phương thức cơ bản xây dựng lối sống mới*. Nguyên tắc tính dân tộc hóa bao chứa một *hệ vấn đề* rất sâu sắc của sự nghiệp xây dựng lối sống mới. Nó không chỉ mang ý nghĩa chính trị phục vụ cho cuộc cách mạng dân tộc, dân

chủ. ý nghĩa văn hóa của nó to lớn và lâu dài hơn nhiều. Nó khẳng định *mọi lối sống đều bình đẳng*, không có lối sống của dân tộc lớn chèn ép lối sống của dân tộc nhỏ. Lối sống mới ở Việt Nam có sự *hòa hợp trong nó các giá trị văn hóa của các dân tộc anh em*.

Đúng vào lúc Đảng Cộng sản tuyên bố ba nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa trong các hoạt động sống ở Việt Nam, bọn phát xít mới đã lợi dụng những thành quả của cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật nửa đầu thế kỷ XX, quốc tế hóa sự bóc lột giá trị thặng dư, định áp đặt chủ nghĩa cực quyền lên các dân tộc có những nền khoa học - công nghiệp lạc hậu. Ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới trong khuôn khổ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam đã khẳng định quá trình *khoa học hóa* trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới. Vì thế khoa học mang một ý nghĩa thời đại mà bản chất của nó là hiện đại hóa lối sống. Chỉ có khoa học mới đưa lối sống mới ở Việt Nam bước vào thời đại mới. Chỉ có khoa học mới cải tạo được các phong tục, tập quán lạc hậu. Chỉ có khoa học mới bắt kịp được nền văn minh thế giới. Một lối sống dựa trên quá trình khoa học hóa, tức là các hệ chuẩn *của cái đúng, của luật pháp, của các quy luật khách quan* đã định hướng cho việc cải tạo những nhân tố lạc hậu trong lối sống cũ. Thực chất đó là một chuẩn mực sống mang một diện mạo hiện đại chưa từng có trong lịch sử phát triển dân tộc.

Lối sống trong các nền văn hóa truyền thống có sự phát triển ưu tiên của các quan hệ đạo đức. Sự phát triển ưu tiên đó không hề dựa trên cơ sở *nhà nước pháp quyền*, mà chủ yếu là dựa vào dư luận của cộng đồng.

Xây dựng lối sống mới mang tính khoa học là một bước tiến quan trọng trong quá trình giải phóng cá nhân. Chính ở phương Tây vào thế kỷ XVIII, các định chuẩn tự do, bình đẳng, bác ái được thiết lập trong đời sống văn hóa là do khoa học đã phát triển và chế độ tam quyền phân lập đã ra đời. Định chuẩn khoa học hóa trong mọi hoạt động sống do Đảng ta khởi xướng là thành quả phát triển chín muồi của nền dân chủ quốc tế và các thành tựu của khoa học, kỹ thuật của thời đại. Nguyên tắc vận động văn hóa sống và làm việc theo lối

sống này thực sự có tính chất cách mạng triệt để về nội dung. Đó là một thành tựu to lớn trong việc xác định một trong các chuẩn mực quan trọng của lối sống mới trong khuôn khổ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Nguyên tắc đại chúng hóa các hoạt động sống là một nguyên tắc quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin khi xây dựng lối sống mới. Nguyên tắc đại chúng hóa là quan điểm có tính cách mạng mà chủ nghĩa Mác đã nói về vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Đại chúng hóa không phải là hạ thấp các giá trị và chất lượng sống, mà ngược lại, nó làm cho lối sống gắn với nhân dân, phục vụ nhân dân, phát huy những tài năng trong nhân dân. Đó là một nguyên tắc giải phóng năng lực sáng tạo to lớn mà chưa từng có một thời điểm nào, dù là thời điểm giai cấp phong kiến đang lên, có được trong quá trình xây dựng lối sống của xã hội.

Có thể nói dựa trên các tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã định hướng lối sống mới ở Việt Nam theo một hệ chuẩn mực rất sáng tạo. Hệ chuẩn này phản ánh một phong trào cách mạng sôi động từ lòng sâu của cơ cấu xã hội Việt Nam những ngày tiền khởi nghĩa, và chính chuẩn mực mới này của Đảng đã tạo nên một cao trào yêu nước sôi sục trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nó giải phóng mạnh mẽ năng lực sáng tạo cá nhân và sự phát triển mới của cộng đồng. Vì lẽ đó, khả năng giải phóng của ba nguyên tắc xây dựng đời sống mới của Đảng chứa chất một năng lực cách mạng tiềm ẩn. ánh sáng của chúng mở đường, rọi chiếu xuống lòng sâu của xã hội, làm bật dậy các khả năng sáng tạo và kêu gọi trong tận cùng tâm khảm những khát vọng sống của hàng triệu quần chúng đã từng bị lịch sử dồn nén và bỏ quên.

Ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thu được những thành tựu rất to lớn khi nó đi vào cuộc sống. Tác dụng *mở đường, cơ cấu lại nền văn hóa Việt Nam rất rõ rệt. Nó tạo ra một sự phát triển hài hòa mới giữa cá nhân và cộng đồng, giữa dân tộc và quốc tế, mà lối sống trong các xã hội truyền thống chưa hề có. Tính chất mở đường* của nó thực sự vĩ đại và cách mạng, nó đặt nền móng cho toàn bộ sự phát triển mạnh

mẽ trong các cao trào thi đua sản xuất và chiến đấu, xây dựng, bảo vệ tổ quốc những năm đầu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Tại Đại hội văn hóa Toàn quốc tháng 7-1948, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trường Chinh lúc đó khẳng định rằng: “Văn hóa dân chủ mới Việt Nam phải gồm đủ ba tính chất: dân tộc - khoa học và đại chúng”¹. Năm 1951, trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm này và nói rõ hơn điều kiện của nó rằng, “*Phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thu những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng*”².

Ý tưởng của Đảng ta về vấn đề xây dựng lối sống mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng phải dựa trên sự phát triển những truyền thống văn hóa dân tộc tốt đẹp và hấp thu những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới đã mở rộng sự nghiệp đổi mới lối sống mới Việt Nam. Nó tạo nên trong các hoạt động sống của xã hội những quan hệ nhân ái, khoan dung, mặc dầu mức sống chưa cao.

Phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã tạo ra những chuẩn mực sống mới thúc đẩy toàn diện các hoạt động sống của dân tộc. Giữa lúc đó bắt đầu có *sức ép của quan hệ quốc tế*, và định hướng lối sống của chúng ta lại hướng về một kiểu mẫu chủ nghĩa xã hội vội vã. Vì vậy, nội dung của lối sống theo các chuẩn mực dân tộc hóa, hiện đại hóa đã được thay thế bằng chuẩn mực *nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*.

Trong tư tưởng của Đảng ta lúc này, lối sống không ở bên ngoài thực tiễn cách mạng và lịch sử. Lối sống vận động và gắn bó hữu cơ với các phong trào cách mạng. Lối sống là một thành tố chủ yếu của sự vận động lịch sử thực tế của xã hội Việt Nam tiến từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

¹ Trường Chinh. *Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân Việt Nam*, tập II, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.100.

² Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.173.

Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một cuộc cách mạng nhân dân đầy sáng tạo. Chúng ta phải phát huy khả năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng lối sống mới.

Theo lý thuyết của nhiều nhà lãnh đạo văn hóa mácxít thì cuộc cách mạng về văn hóa sẽ thực hiện sau cùng khi đã hoàn thành các cuộc cách mạng về kinh tế, về chính trị. Trong tư tưởng của Đảng ta lúc đó “nước ta không nhất định cứ phải chờ làm cách mạng kinh tế rồi mới bắt đầu làm cách mạng văn hóa”¹. Bởi vì, trình độ văn hóa và hiểu biết kỹ thuật của nhân dân ta còn rất thấp kém, nó không thể đáp ứng được với các yêu cầu phát triển cao về kinh tế. Vì thế, “muốn cho công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế theo chủ nghĩa xã hội mau chóng giành thắng lợi, chế độ kinh tế lạc hậu cũ mau chóng cải biến thành chế độ sản xuất lớn cơ giới hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tiến hành và đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hóa và kỹ thuật”².

Tư tưởng cách mạng về văn hóa phải tiến hành đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là một tư tưởng lớn của Đảng ta, tạo điều kiện cùng một lúc làm nảy sinh đồng bộ các phẩm chất khác nhau trong lối sống. Tư tưởng ấy đã tạo bước đột phá khắc phục những cản trở về trình độ dân trí, đẩy nhanh cuộc cách mạng kỹ thuật, tạo điều kiện cần thiết cho cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất ở nước ta trong những năm 60 - 70 của thế kỷ XX. Hàng vạn con em công nông đã bước chân vào cửa trường đại học, nhiều phong tục, tập quán lạc hậu được cải tạo, diện mạo văn hóa xã hội đã khởi sắc sau bao nhiêu năm kém phát triển. Có thể nói, tư tưởng của Đảng ta về việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng văn hóa đã mở ra một quá trình đổi mới toàn diện đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội ta sau những năm 60 của thế kỷ XX.

Từ phân tích tình hình xã hội Việt Nam trước khi bước vào xây dựng cuộc sống mới đã từng chịu ảnh hưởng nặng nề của nhiều hệ tư tưởng lạc hậu, từ phân tích tính độc lập tương đối và quy luật của sự phát triển tư tưởng của đời sống xã

¹ Lê Duẩn. *Tuyển tập*, tập 1 (1950-1975). Nxb. Sự thật Hà Nội, 1987, tr.185.

² Lê Duẩn. *Sđd.* tr.185 -186.

hội, Đảng ta đã quan tâm sâu sắc đến *cuộc cách mạng tư tưởng*. Theo quan niệm của Đảng ta: “Tư tưởng, văn hóa, kỹ thuật là ba mặt có liên hệ chặt chẽ với nhau và thúc đẩy nhau phát triển, nhưng tư tưởng vẫn là cơ sở”³. Cách mạng văn hóa và kỹ thuật không thể tiến hành tốt, nếu xa rời những thành quả của cách mạng tư tưởng. Vì thế, trong hệ lý luận về văn hóa của Đảng ta lúc đó, *cách mạng văn hóa luôn luôn gắn liền với cách mạng tư tưởng*. Đó là cơ sở quan trọng tạo nên lối sống có tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Hiểu rõ những tư tưởng đúng có thể trở thành sức mạnh vật chất to lớn cải tạo xã hội cũ, nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lập tự cường vươn tới lý tưởng đẹp đẽ, Đảng ta cho rằng, nhiều lúc cách mạng tư tưởng và văn hóa phải đi tiên phong và vượt trước cách mạng về kinh tế. Tư tưởng này đã góp phần thúc đẩy quá trình đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, giáo dục chủ nghĩa yêu nước quốc tế mạnh hơn, nhanh hơn trong xã hội ta, khi những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được định hình trong thực tế. Lý luận về cách mạng tư tưởng gắn liền với cách mạng văn hóa, cách mạng tư tưởng phải đi trước một bước đã phát huy mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, tinh thần quật cường, bất khuất và truyền thống anh dũng của nhân dân ta trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Theo quan điểm của Đảng ta lúc đó, cách mạng trên lĩnh vực văn hóa ở nước ta tức là *cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa*. Cuộc cách mạng này ngoài mối quan hệ với cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, nó còn *mang mục tiêu nội tại của nó*. Cụ thể, cuộc cách mạng này có ba mục tiêu nội tại: *Một là*, khắc phục, cải tạo và quét sạch những tàn dư của các hệ tư tưởng lạc hậu và phản động, những quan hệ văn hóa lỗi thời không phù hợp với quá trình cách mạng của nhân dân ta. *Hai là*, phát huy các giá trị truyền thống, “đồng thời nó phải là sự kết tinh và nâng lên một tầm cao mới những gì tốt đẹp nhất trong truyền thống bốn ngàn

³ Lê Duẩn *Về văn hóa văn nghệ*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.170.

năm của tâm hồn Việt Nam, của văn hóa Việt Nam"¹ Ba là “xây dựng một xã hội văn hóa cao. Nền văn hóa trong xã hội ấy là một nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc”².

Ba mục tiêu này có liên hệ nội tại với nhau. Mục tiêu thứ nhất làm tiền đề thực hiện mục tiêu thứ hai và thứ ba. Mục tiêu thứ hai và thứ ba thúc đẩy nhanh hơn việc hoàn thành mục tiêu thứ nhất và tạo điều kiện để mục tiêu thứ nhất sớm hoàn thành. Mục tiêu tổng quát của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa là tạo ra một cuộc sống tinh thần phong phú nhằm thỏa mãn cả nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của xã hội. Cuộc cách mạng ấy sẽ “biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và làm cho nhân dân trở thành người sáng tạo trực tiếp ra mọi giá trị văn hóa”³.

Có thể nói ý tưởng mang các giá trị văn hóa trả lại cho nhân dân và làm cho nhân dân trở thành người trực tiếp sáng tạo ra mọi giá trị văn hóa là một ý tưởng mang nội dung giải phóng rất sâu sắc. Các nền văn hóa trước chủ nghĩa xã hội phát triển như là nền văn hóa của thiểu số thuộc giai cấp thống trị. Các giá trị văn hóa của nhân dân chưa phục vụ lợi ích của nhân dân. Độc quyền văn hóa của thiểu số đã tạo ra những mâu thuẫn sâu sắc trong hưởng thụ và sáng tạo văn hóa. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa phải giải quyết mâu thuẫn ấy bằng cách mang văn hóa trở về với nhân dân. Văn hóa phải *do* nhân dân sáng tạo, văn hóa *vì* nhân dân và văn hóa *của* nhân dân.

Trong tư tưởng của Đảng ta về mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa không chỉ đơn thuần mang văn hóa nói chung trở về với nhân dân, mà hơn thế, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa của chúng ta phải tạo ra được một nền văn hóa có *nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*. Đó là nền văn hóa gắn với hệ tư tưởng Mác - Lênin,

¹ Lê Duẩn. *Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1977, tập 2, tr.151-152.

² Lê Duẩn. *Sđd*, tr.151-152

³ Lê Duẩn. *Sđd*, tr.151-152

thống nhất giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế, cá nhân và xã hội. Và đó cũng chính là nội dung và đặc điểm của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa của Đảng ta tiếp nối và nâng lên một tầm cao mới so với các chuẩn mực dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa, đã tạo nên một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử văn hóa Việt Nam: giai đoạn văn hóa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Từ những định hướng quan trọng về tư tưởng và văn hóa của Đảng ta, nhân dân ta đã xây dựng được một nền văn hóa mang những nét hào hùng của lịch sử dân tộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, đã sống một lối sống vượt qua gian khổ, anh dũng vươn lên vì tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề trung tâm của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam là xây dựng con người Việt Nam mới. Do bản chất của văn hóa gắn liền với trình độ phát triển xã hội của con người, nên việc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam gắn liền với quá trình phát triển của con người Việt Nam. Con người Việt Nam đã trải qua các nền sản xuất khác nhau, chế độ chính trị khác nhau và ảnh hưởng của nhiều hệ tư tưởng, thành kiến xã hội khác nhau. Để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chúng ta phải: Một là, nhổ tận gốc rễ những nọc độc về tư tưởng và văn hóa của các chế độ cũ, quét sạch những tàn dư độc hại của chủ nghĩa cá nhân. Hai là, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Ba là, mang những giá trị của con người trả lại cho con người. Bốn là, phát triển mọi mặt trí, đức, thể, mỹ trong con người, để con người “có đủ tư cách, đủ năng lực làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân mình”¹.

Mục đích của tất cả các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa là hình thành con người mới, lối sống mới đại biểu xứng đáng cho phương thức sản xuất ấy. ở Việt Nam, trong quá trình mang văn hóa trở về với

¹ Lê Duẩn. *Tuyển tập*, tập 1. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 406-407.

nhân dân, chúng ta đã xóa nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục và văn hóa nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân lao động tham gia hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội, phát triển cơ sở vật chất và kỹ thuật cho văn hóa, phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao trình độ văn hóa của các dân tộc, hướng tới phát triển con người toàn diện. Đảng ta hết sức quan tâm đến việc xây dựng con người mới - nhân vật trung tâm của nền văn hóa mới. Đó là những con người có lòng yêu nước nồng nàn, có tình yêu thương sâu sắc đối với đồng bào, đồng chí, có ý chí quật cường, bất khuất, có tinh thần độc lập tự do, thấm nhuần chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chủ nghĩa quốc tế vô sản, những con người biết căm giận cái sai và biết yêu thương cái đúng.

Tư tưởng *xã hội văn hóa cao* là hình thức xã hội của những con người phát triển toàn diện, có năng lực làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình đã được Đảng ta đề cập tới trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng thời kỳ này.

Để hình thành một xã hội văn hóa cao, cái xã hội *do* những con người phát triển toàn diện, *của* những con người biết làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình, cần quan tâm sâu sắc đến *tính chất và trình độ mới của lao động để xây dựng* xã hội ấy. Lao động *của* những con người phát triển toàn diện, *do* những con người biết làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình không phải là lao động bị áp bức, bị bóc lột. Lao động vì xã hội văn hóa cao là lao động vừa cho mình, vừa gắn với mục tiêu của cộng đồng. Các cuộc cải tạo xã hội đã làm thay đổi dần tính chất của lao động, xác lập các tương quan mới giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp, giữa thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động tự do, giữa người sở hữu công cụ lao động và thành quả lao động. Bản chất văn hóa của sự thay đổi này là biến lao động từ tính tất yếu bên ngoài thành *tất yếu bên trong* của con người. Muốn hình thành xã hội văn hóa cao thì ai cũng phải lao động và lao động sáng tạo là phương thức văn hóa hóa, nhân đạo hóa đời sống xã hội một cách sâu sắc.

Xã hội văn hóa cao khi mang giá trị của con người trả lại cho con người, một mặt, góp phần làm phong phú đời sống tâm linh của con người; mặt khác,

tạo cơ sở khoa học cho con người khắc phục, phá tan đám mây mù từng tạo ra những dị đoan trong niềm tin u tối của con người.

Xã hội văn hóa cao “Không phải là xã hội vô gia đình”¹. Cõi “gia đình là một tế bào tự nhiên của xã hội, là một hình thức tồn tại của đời sống con người”², là thiết chế văn hóa nền tảng và tự nhiên của xã hội, Đảng ta khẳng định rằng, không có gia đình để tái sản xuất ra bản thân con người thì xã hội không thể tồn tại được. Xã hội văn hóa cao của chúng ta phải là sản phẩm hoàn thiện của sự phát triển hình thức gia đình bình đẳng và những quan hệ giới tính huyết thống, phải có tình yêu thương thực sự.

Đảng ta đặc biệt quan tâm đến vai trò của người phụ nữ trong gia đình với tư cách người sản xuất ra các thế hệ tiếp nối, người mẹ đầu tiên nuôi dạy những công dân tương lai, người tổ chức kinh tế, người kiến trúc sư của sự phát triển những gia đình văn hóa. Các tư tưởng về vai trò của người phụ nữ trong việc xây dựng gia đình văn hóa và xã hội văn hóa cao của đồng chí Lê Duẩn đã mở ra những chân trời mới cho các hoạt động văn hóa của phụ nữ ở nước ta trong suốt mấy thập kỷ vừa qua. Nó góp phần tạo nên những người phụ nữ mới Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang của thế kỷ XX - thế kỷ vàng của dân tộc ta.

Để hình thành lối sống mới lúc này, Đảng ta kiên quyết chống “lối sống gấp, lối sống hưởng thụ đầy chủ nghĩa cá nhân vị kỷ; khơi dậy và khuyến khích những tâm lý, thị hiếu thấp hèn”¹.

Để thực hiện nhiệm vụ vĩ đại đó, nếu không có chuyên chính vô sản, không có Đảng của giai cấp vô sản hiểu biết sâu sắc các quy luật xã hội thì không thể xây dựng được lối sống xã hội chủ nghĩa. Vì thế, vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân trong giai đoạn này trở nên bức thiết. Đảng và giai cấp công nhân phải tiến hành đấu tranh khơi dậy những quá trình sâu rộng, đẩy mạnh hơn sự hình thành lối sống mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

¹ Lê Duẩn. *Về văn hóa văn nghệ*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, 1997, tr.259.

² Lê Duẩn. *Sđd*, tr.257.

¹ Lê Duẩn. *Về văn hóa văn nghệ*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997. tr.135.

Giai cấp công nhân phải làm cho hệ tư tưởng Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống xã hội tinh thần. Những nhân tố của sự hình thành lối sống dân tộc - hiện đại của xã hội mới đó là: cải tạo lối sống cũ, tiếp thu có chọn lọc truyền thống và tinh hoa văn hóa nhân loại, cải tạo nền giáo dục cũ và xây dựng một hệ thống giáo dục nhân dân, làm cho người lao động tham gia tích cực vào mọi hoạt động lao động và xã hội, tham gia quản lý các công việc chung của xã hội, thực hiện phân phối theo lao động, làm cho mọi người quan tâm tới lợi ích vật chất và tới sự phát triển “những mầm mống” của sự phân phối cộng sản chủ nghĩa, thực hiện sự kiểm tra xã hội có hiệu quả được coi là hoạt động của nhà nước và nhân dân. Nếu không có sự kiểm kê, kiểm soát rộng lớn đó bởi nhà nước đối với sản xuất và phân phối sản phẩm, thì chính quyền của nhân dân, tự do của người lao động không những không duy trì được mà cả việc trở lại sống dưới ách của chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi.

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đặt cơ sở cho lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Quốc hữu hóa, tập thể hóa ruộng đất và sở hữu tư bản chủ nghĩa, hạn chế và loại trừ những yếu tố tư bản chủ nghĩa, thanh toán sự thống trị kinh tế và chính trị và văn hóa của các giai cấp bóc lột. Ở nông thôn, số lượng trung nông tăng lên, tầng lớp bán nông giảm xuống. Trừ một số phú nông, một số trí thức tư sản cũ, đại đa số nhân dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã tiếp thu những chuẩn mực xã hội chính trị, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Rõ ràng, ở thời kỳ này, những nội dung mới của lối sống được phát triển và được khẳng định trong cuộc đấu tranh gay gắt chống hệ tư tưởng, tâm lý tư sản và tiểu tư sản chống chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh đó, hoạt động kiến quyết đó của Đảng và Nhà nước nhằm cơ cấu lại mọi tổ chức của đời sống xã hội, đã dẫn tới một bước ngoặt quyết định lối sống mới của quần chúng và tới một sự phát triển nhanh chóng lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện những mục tiêu xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh chiến tranh, chúng ta thực hiện chính sách bao cấp và phân

phối theo lao động. Một lối sống lý tưởng hóa, tinh thần hóa, tương lai hóa đã được cổ vũ mạnh mẽ.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và một thập kỷ sau khi miền Nam được giải phóng, đồng thời công cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa khác đã cho ta thấy rằng, cái mô hình chủ nghĩa xã hội với cơ chế hành chính tập trung quan liêu, bao cấp không còn khả năng phát triển được nữa và do đó, đã đưa đất nước đến bên bờ của một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa không có sự phát triển bình thường. Nông dân làm việc vất vả để mua đài, mua xe cho chủ nhiệm hợp tác xã. Năng suất lao động thấp, ý thức tập thể lỏng lẻo. Tinh thần dân chủ không được tôn trọng. Đạo đức giả xuất hiện ở khắp mọi nơi, mức sống vô cùng khó khăn, chất lượng sống giảm sút.

Dấu hiệu rõ ràng của cuộc khủng hoảng đó về lối sống dân tộc - hiện đại là: nhiều chuẩn mực xã hội bị phá vỡ từ ngấm ngấm đến công khai. Người ta không quan tâm đến lao động của mình, không thấy địa vị của mình trong sản xuất và phân phối. Người ta thực hiện “khoán chui” làm cho các tổ chức sản xuất tập thể và nhà nước chỉ còn là hình thức bên ngoài. Một loạt những sai lệch chuẩn mực xã hội đã xảy ra ở mức nặng nề. Có thể coi những sai lệch chuẩn mực xã hội này không là tiêu cực mà là tích cực và nó báo cho ta thấy sự nảy nở của một quan điểm về một hệ thống tiến bộ hơn, một lối sống mới lành mạnh và đa dạng hơn.

Đảng đã nhanh chóng nắm được *sự trở thành* đó của thực tiễn, thấy được bản chất của sai lệch chuẩn mực xã hội đó, phân tích được mâu thuẫn của xã hội nước ta để có biện pháp giải quyết. Đó là sự nghiệp đổi mới do Đại hội VI mở ra một hướng mới, phát triển môi trường văn hóa ở Việt Nam với những chuẩn mực xã hội mới phát triển lối sống theo nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.

LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PGS, TS. VŨ TRỌNG DUNG*

Trước năm 1986, cuộc cách mạng của nhân dân ta đã đạt được các kỳ tích trong chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước và cũng đạt được những thành tích quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, sản xuất có tăng nhưng tăng chậm, lưu thông phân phối ách tắc, hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển, những hành vi lạm quyền và tham nhũng gia tăng, lối sống có sự phân cực khá sâu.

Trước tình hình như vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) kịp thời tìm ra một số nguyên nhân cơ bản của những sai lầm và khuyết điểm để khắc phục, nhằm đưa đất nước tiến lên. Đó là:

(1) Tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, chủ yếu trong các chủ trương về cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý.

(2) Chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

(3) Buông lỏng chuyên chính vô sản trong đấu tranh tư tưởng và văn hóa, trong việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI còn viết rằng: *“Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”*¹.

* Giảng viên cao cấp, Trưởng Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.26.

Lối sống dân tộc - hiện đại theo định chuẩn “*Xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức*” trước đây đã từng tạo nên rất nhiều phong cách sống cao đẹp và các quan hệ phong phú, đa dạng giữa các tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đây là lý tưởng của Đảng ta về lối sống có chất lượng. Trong lối sống này các định chuẩn quan trọng nhất mở ra cho con người phát huy toàn diện năng lực của mình. Con người, công dân, các tộc người, gia đình, làng, xã, thành phố được sống trong hòa bình, tình hữu nghị, tương thân, tương ái, thống nhất mà đa dạng khi lối sống này được thiết lập.

Lý tưởng tốt đẹp của Đảng ta về một lối sống đa dạng, sinh động và cao đẹp xuất hiện trong hoàn cảnh quốc tế có sự đối đầu quyết liệt, đất nước có chiến tranh, bị chia làm hai miền và chúng ta lại tiến hành xây dựng miền Bắc theo nguyên lý tập trung quan liêu, bao cấp. Những lý do này vừa tạo ra các nhân tố tích cực cho nền văn hóa thủy chung, tình nghĩa, vừa mang lại rất nhiều phản văn hóa trong môi trường gia đình, làng, xã trên các quan hệ lao động, giao tiếp và ảnh hưởng mạnh mẽ tới chiều sâu của lối sống.

Mô thức văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, bản thân nó là một mô thức gắn với chiều sâu của việc hoàn thiện lối sống dân tộc - hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng. Song, điều kiện và các cơ sở vật chất cần thiết để tiến hành mô thức đó cũng như nguyên lý tập trung quan liêu, bao cấp đã tạo ra trong mô thức đó một quá trình vận hành làm cho sự giả tạo trong quan hệ giao tiếp, sự mất trật tự trong mua bán ở cửa hàng mậu dịch, nơi công cộng, tính bình quân trong phân phối, rồi một thị trường ngầm xuất hiện... Đó là những nguyên nhân trong nhiều nguyên nhân, làm cho lối sống của chúng ta xuất hiện khá nhiều nghịch lý.

Trước các hiện tượng đó, Đảng ta đã tiến hành *một cuộc đổi mới vĩ đại*, chấp nhận “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”¹ chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình này, Đảng ta đã đề xuất mô thức phát triển nền văn

¹ . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.12.

hóa Việt Nam theo các định chuẩn: *Dân tộc - hiện đại - nhân văn*. Đó là các chuẩn mực khung của *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Quyết định này được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII năm 1991.

Ngay từ Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, khi nhận thức sâu sắc và toàn diện thực trạng xã hội nước ta trên lĩnh vực lối sống, Đảng ta đã đặc biệt chú ý đến việc xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh đồng thời với việc thực hiện công bằng xã hội. Đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta lại khẳng định nền văn hóa mới dưới sự lãnh đạo của Đảng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chống lại lối sống thực dụng, chúng ta hướng tới xây dựng lối sống và môi trường sống lành mạnh.

Nhận thức rõ thực trạng văn hóa Việt Nam và những biến hóa từ các mặt trong nền kinh tế thị trường có nguy cơ phá hoại bản sắc văn hóa dân tộc, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) đã đề xuất vấn đề tạo ra một môi trường văn hóa chung của chủ nghĩa xã hội. Đó là một môi trường văn hóa được kiến tạo bởi trình độ người, các hoạt động sống gắn với các giá trị bền vững trong quan hệ với tự nhiên, với các thế hệ người, với lịch sử lao động sáng tạo và với các quan hệ giao tiếp trong một *môi trường văn hóa chung* của cộng đồng quốc tế.

Từ ý tưởng về nền văn hóa Việt Nam trong môi trường văn hóa chung là gắn liền văn hóa dân tộc với văn hóa nhân loại, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khi đề xuất vấn đề “Xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống”¹, đã nhấn mạnh vấn đề “xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội”². Với ý tưởng sâu sắc này, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) lại khẳng định một lần nữa rằng, chúng ta phải “Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị,

^{1 2} Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.111.

nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân. Gìn giữ và phát huy đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. Coi trọng xây dựng gia đình văn hoá. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, ấp, xã, phường văn hoá, nêu cao tính tự quản của cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng nếp sống văn minh...”³

Như vậy, Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã đề cập tới môi trường tự nhiên, môi trường làng, xã, môi trường đô thị, môi trường kỹ thuật, môi trường gia đình và cơ quan, xí nghiệp, trường học... trong quá trình xây dựng lối sống đẹp trong nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam. Đề xuất vấn đề xây dựng các quan hệ lành mạnh trong quá trình hình thành lối sống đẹp, trước hết văn kiện đã quan tâm đến *không gian cư trú và các điều kiện xác định lối sống của con người Việt Nam hôm nay*.

Sau năm 1986, các vấn đề lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta được đặt ra thường xuyên và liên tục. Cùng với khoán 10, khoán 100, xã hội Việt Nam cũng bước vào cơ chế thị trường. Nước ta hiện có trên dưới 70% dân số sống bằng nông nghiệp ở nông thôn. Sự nghiệp đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp đang làm thay đổi nhiều mặt trong lối sống trước đây.

Theo Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương (khóa VIII) thì các vấn đề của văn hóa Việt Nam: 1) Tư tưởng, 2) Đạo đức, 3) Lối sống, 4) Khoa học – giáo dục, 5) Văn học nghệ thuật, 6) Thông tin đại chúng, 7) Hệ thống thể chế văn hóa, 8) Giao lưu văn hóa đều gắn toàn diện với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta xây dựng một nền văn hóa mới, *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 59 - 60.

Đây là nền văn hóa tiếp thu các giá trị của nền văn hóa trong cách mạng dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội trước đó, phát triển lối sống dân tộc - hiện đại trong điều kiện mới.

Trong thời kỳ đổi mới, rõ ràng trong lối sống ở Việt Nam đã xuất hiện rất nhiều nhân tố mới so với lối sống trước đó. Thế giới đã đổi thay, nhân dân ta đã bước ra khỏi cuộc chiến khốc liệt và xã hội cũng vận động vào thiên niên kỷ mới. Lối sống ở Việt Nam trong đổi mới là phản ánh tiến trình lịch sử của sự vận động xã hội Việt Nam và nó chuẩn bị một hành trang mới đưa dân tộc ta sánh vai cùng các nước phát triển khác trên thế giới.

Hiện thực của chúng ta hôm nay là hiện thực của một cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhân dân ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển cơ chế thị trường để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu. Cùng với sự nghiệp này là cả một quá trình cải biến sâu sắc lối sống cũ, xây dựng lối sống mới.

Lối sống của dân tộc Việt Nam đã từng đụng đầu và giao lưu với nhiều lối sống khác nhau trong khu vực và các lối sống phương Tây. Đến hôm nay, tuy lối sống của chúng ta đã có nhiều biến đổi, song trong chiều sâu của nó vẫn đang vận động và cần thiết phải phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Chúng ta không chỉ hài lòng với một lối sống *yêu lao động tha thiết, nhưng năng suất lại thấp; những giá trị cộng đồng được coi trọng, nhưng lợi ích cá nhân còn chưa được quan tâm hợp lý*. Chúng ta cũng không chỉ hài lòng về khí phách kiên cường và dũng cảm của cha ông ta trong chiến tranh vệ quốc được lưu giữ như một giá trị truyền thống vĩ đại, khi chúng không được phát huy vào làm chủ những công nghệ mới trong nền khoa học đầy phức tạp hiện đại. Trong con mắt của nhiều dân tộc trên thế giới hiện nay, tuy nhân dân ta đã chiến thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, nhưng lối sống ở Việt Nam còn nhiều mặt *cơ bản vẫn đặc trưng cho kiểu sống của nền sản xuất nhỏ*.

Nhận thức rằng lối sống có ảnh hưởng sâu sắc đến các giá trị cơ bản của đời sống xã hội, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, văn

kiện mở đầu một quá trình đổi mới toàn diện, đưa đất nước ta từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang kinh tế thị trường, Đảng ta đặc biệt chú ý “xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội”¹. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, khi đề xuất việc xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, tâm hồn, tình cảm, lối sống trong hoàn cảnh mới đã quan tâm sâu sắc đến việc khắc phục “lối sống thấp hèn” từng xuất hiện trong các quan hệ xã hội mới. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã cảnh báo về “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng... Nghiêm trọng hơn là sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền”² trong khi chúng ta mở rộng cơ chế thị trường.

Vì sao trong chiến lược xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta lại quan tâm sâu sắc đến các vấn đề lối sống? Vì sao một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay lại suy thoái về đạo đức và lối sống? Lối sống thực dụng, lối sống thấp hèn là sản phẩm của các quan niệm sống nào và cần phải xây dựng một lối sống mới ở Việt Nam như thế nào cho xứng đáng với tầm vóc của dân tộc ta ở thế kỷ đầy sôi động này?

Hiện nay, ở nước ta không ít người lầm tưởng rằng chỉ cần những điều kiện vật chất sang trọng là có ngay lối sống đẹp. Nhiều người đã kiếm tiền bằng mọi giá để đạt tới “lối sống” đó. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) khi nhận định rằng, lối sống thực dụng đang gia tăng ở nước ta chính là đã căn cứ vào thực tế là nhiều người đã từ bỏ các truyền thống đạo đức tốt đẹp, các giá trị tinh thần lâu đời của dân tộc mà chạy theo những đam mê vật chất, bất chấp mọi dư luận và luật pháp xã hội.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.185.

² Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành trung ương, Khóa VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 46 - 47.

Trong số này, không ít người đã trả giá cho các quan niệm thiên cận của họ: gia đình tan nát, họ hàng chê cười, pháp luật nghiêm trị.

Mỗi dân tộc xây dựng cuộc sống mới đều phải gắn liền với các đặc điểm sinh thành văn hóa và các thước đo giá trị của chính mình. Lối sống trong một xã hội, về bản chất không phải là một sản phẩm nhập cảng. Không ít người cho rằng, lối sống hiện nay ở nước ta còn quá lạc hậu, muốn hiện đại hóa lối sống thì cần thiết phải “phương Tây hóa”, “Mỹ hóa” lối sống.

Thực ra, văn hóa châu Âu và văn hóa Mỹ có nhiều yếu tố cấu thành, song cái tạo ra lối sống phương Tây có ba thành tố rất cơ bản: 1) Chủ nghĩa thực dụng; 2) Chủ nghĩa cá nhân; 3) Đạo cơ đốc. Còn ở Việt Nam bảng giá trị chi phối mạnh mẽ nền văn hóa truyền thống và đến nay nó còn ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống là: 1) Chủ nghĩa yêu nước; 2) Tinh thần cộng đồng, 3) Sự tôn vinh các giá trị đạo đức. Trong việc xây dựng lối sống của nhiều dân tộc hiện nay trên thế giới không chỉ có một quá trình phương Tây hóa, mà trong thực tế còn đang diễn ra một quá trình *phi phương Tây hóa* rất mạnh mẽ. Và lại trong thực tế, nhân dân ta đã từng đụng đầu với “lối sống Mỹ” và các mặt tiêu cực của nó. Chúng ta đã phải mất rất nhiều thời gian khắc phục.

Thuyết “Cứu thế tự do” của Vundro Uynxon xác lập chiến lược Mỹ hóa lối sống trong phạm vi rộng lớn của thế kỷ XX đã bị nhà cách mạng Nguyễn ái Quốc công kích kịch liệt ngay từ các thập niên đầu thế kỷ. Bằng cuộc chiến tranh lạnh, nó đã đến Việt Nam và gieo rắc chủ nghĩa thực dụng Mỹ. Di hại của lối sống Mỹ ở miền Nam nước ta rất là khủng khiếp. Vì thế chúng ta không thể nói rằng, muốn hiện đại hóa lối sống ở nước ta chỉ có con đường phương Tây hóa.

Nhân dân Việt Nam xây dựng lối sống mới với toàn bộ sự sinh thành lịch sử của mình. Xã hội ta hiện nay là một xã hội ruộng đất, có trên 70% số dân sống bằng nghề nông, ở nông thôn, làm ruộng, làm vườn, chăn nuôi, bắt cá. Tuyệt đại bộ phận công cụ sản xuất còn thô sơ, lao động cơ bắp chiếm một tỷ trọng lớn. Tuy thông tin và lưới điện quốc gia đã tới nhiều vùng sâu, vùng xa, nhưng năng suất lao động còn thấp, thu nhập bình quân tính theo đầu

người không cao. Song, nhân dân ta có một truyền thống văn hóa lâu đời, một chủ nghĩa yêu nước quật cường, trình độ dân trí ngày một phát triển, các đô thị có cuộc sống văn minh; một số mặt không kém gì các nước phát triển; trong số các nhà trí thức Việt Nam, có rất nhiều người có trình độ quốc tế. Chúng ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, do đó quá trình hiện đại hóa lối sống ở nước ta không thể là quá trình phương Tây hóa lối sống, mà là quá trình xây dựng lối sống theo mô thức: *dân tộc - hiện đại*, và nói đúng hơn là theo hiến pháp của Cộng hòa xã hội Việt Nam năm 1992: Dân tộc - hiện đại - nhân văn.

Lối sống mới mà Đảng ta, nhân dân ta hướng đến xây dựng *biểu hiện tập trung các giá trị của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Đó là một lối sống phát triển cao độ những giá trị bền vững, những tinh hoa văn hóa mà cha ông ta đã truyền từ đời này sang đời khác, như *lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lập tự cường, tinh thần đoàn kết cộng đồng, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đầu óc thực tế, đức tính cần cù, giản dị...* Đó là lối sống lấy lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nội dung và hướng hoạt động sống.

Xây dựng lối sống theo mô thức: dân tộc - hiện đại trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta, về khách quan mà nói, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng sẽ gây ra những cản trở không nhỏ. Vì vậy, chúng ta cần có *một quan điểm toàn diện* khi tiếp thu các giá trị truyền thống, cần có một cơ chế lọc bỏ các mặt lạc hậu của nó; khi chống lại các phản văn hóa của nước ngoài, cần có cơ chế tiếp biến những tinh hoa của nó; khi gìn giữ các giá trị cộng đồng, cần thiết phải có một cơ chế giải phóng cá nhân. Lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta phải có đặc trưng *lành mạnh, văn minh, năng động, sáng tạo và bao dung*.

Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại, trước hết ta phải coi trọng *các thành tố đạo đức* của nó. Đối với nhân dân ta, đạo đức là cái gốc của mọi hoạt động sống, thiếu đạo đức thì lối sống không thể nào lành mạnh được. Song, đạo đức trong xã hội ta hiện nay không phải là đạo đức thủ cựu. Quá trình phát triển của xã hội ta đã diễn ra nhiều lần chuyển đổi các chuẩn

mục đạo đức. Chúng ta đã hình thành được nhiều chuẩn mực đạo đức tốt đẹp. Tuy vậy, những cuộc cải tạo xã hội và sự vận động của cơ chế thị trường vừa qua cũng đã phá hỏng nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp mà Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã gọi là quá trình “băng hoại các giá trị đạo đức”.

Để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại, chúng ta cần thiết phải có một chiến lược *giáo dục lại* các quan hệ, các chuẩn mực, các giá trị đạo đức mới. Các quan hệ đạo đức của nền văn hóa truyền thống khi khuyến khích con người phải tu dưỡng các phẩm hạnh của mình thường vẫn duy trì sự bất bình đẳng thế hệ, bất bình đẳng giới tính, bất bình đẳng giai cấp và dân tộc. Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại cần thiết phải coi trọng phụ nữ và thế hệ trẻ, giải phóng mọi năng lực sáng tạo của xã hội bằng một cơ chế dân chủ thật sự. Một hệ chuẩn đạo đức đúng đắn, một cơ chế dân chủ toàn diện là động lực to lớn tạo nên sức sống mạnh mẽ của các hoạt động sống trong xã hội.

Tính chất lành mạnh của lối sống dân tộc - hiện đại có *cơ sở lao động xã hội* của nó. Lao động là nguồn sống, nguồn hạnh phúc, là nghĩa vụ, là nội dung cơ bản của mọi sự bình đẳng xã hội. Lao động là giá trị cơ bản của mọi hoạt động sống. Quyền được lao động và mọi người coi trọng các giá trị lao động sẽ là cơ sở trọng yếu của lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta trong một thời kỳ phát triển lâu dài.

Tính dân tộc - hiện đại trong các hoạt động sống của xã hội ta mang bản chất của lối sống *văn minh*. Đó là lối sống có sự phát triển cao về mặt dân trí. Bản chất văn minh của lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta gắn liền với các *chuẩn mực khoa học*. Trong lao động cần phải phát huy sáng kiến, lao động có khoa học, có kỹ thuật, phải hướng tới các thành tựu khoa học và công nghệ mới của nhân loại. Trong giao tiếp và sinh hoạt cần thiết phải phù hợp với các quan hệ xã hội, ăn ở có vệ sinh, trong gia đình phải ấm no, hòa thuận, hạnh phúc... Khoa học khi đi vào đời sống sẽ cải tạo các phong tục tập quán lạc hậu, giải phóng mạnh mẽ các năng lực cá nhân, mở rộng tầm giao tiếp xã hội.

Lối sống dân tộc - hiện đại phải là lối sống dựa trên *các chuẩn mực của hiến pháp và pháp luật tiến bộ*. Mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã xây dựng những *bộ luật* quan trọng, hướng các hành vi của công dân theo lối sống văn minh của các xã hội tiên tiến. Nhiều mặt lạc hậu trong lối sống đã được luật pháp phủ định, ngược lại những nếp sống tiến bộ đã được những điều luật mới khẳng định và cổ vũ. Song, rất tiếc là việc giáo dục pháp luật ở nước ta cho đến hiện nay vẫn chưa sâu. Nhiều điều luật quan trọng định hướng "lối sống tốt đẹp vẫn chưa được vận hành vào đời sống thường nhật. Ngay cả một số người thừa hành công vụ cũng không hể hết cái gì mình không được phép và cái gì mình được phép. Vì thế, vấn đề giáo dục pháp luật cần thiết phải được mở rộng để tạo điều kiện cho những hành vi văn minh xuất hiện ngày càng phổ biến trong lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Trong Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, lần thứ X đều đã khẳng định rằng nền văn hóa của chúng ta hiện nay và những năm tiếp theo là nền văn hóa tiên tiến, dân tộc, hiện đại và nhân văn. Tính chất văn minh của lối sống dân tộc - hiện đại gắn liền với đặc trưng tiên tiến này. Đó là lối sống tiến bộ mà cốt lõi của nó là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lối sống theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại trong thời kỳ đổi mới hiện nay phải phát huy cao độ *tinh thần dân chủ*. Dân chủ theo hiến pháp và pháp luật chính là biểu hiện của một lối sống văn minh hiện đại. Dân chủ theo hiến pháp và pháp luật sẽ phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của toàn xã hội. Có thể nói dân chủ là động lực phát triển lối sống dân tộc - hiện đại hiện nay.

Nhân dân ta xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong hoàn cảnh nền kinh tế quốc tế đang có xu hướng toàn cầu hóa và trong đất nước cơ chế thị trường ngày một mở rộng. Việc *năng động hóa lối sống* có một ý nghĩa rất trọng đại. Trong thế giới ngày nay, nhịp sống phát triển nhanh chưa từng thấy. Thông tin, giao thông vận tải vô cùng tấp nập. Các cơ hội thăng tiến hay thất

bại xuất hiện với tần số rất cao trong nền kinh tế thị trường. Cần thiết phải xuất hiện một lối sống năng động phù hợp với tinh thần thích ứng đã từng trở thành truyền thống của văn hóa Việt Nam.

Lối sống năng động, về bản chất là lối sống sáng tạo, biết đoàn kết, liên kết và có ý chí vươn lên. Cơ chế thị trường về bản chất đòi hỏi con người và các nhân cách luôn vận động. Lối sống năng động là lối sống của nhân cách phát triển theo hướng sáng tạo. Đây không phải là lối sống thực dụng, mà là lối sống được nâng lên một tầm cao mới từ tinh thần thích ứng truyền thống ở Việt Nam. Đây là lối sống *biết vận dụng cơ hội* khi các điều kiện khách quan và chủ quan cho phép.

Lối sống năng động khác rất xa với lối sống chụp giật và lừa đảo. Năng động là một tính cách trong hoạt động sống biết vượt mọi khó khăn, sáng tạo ra phương thức sống hoàn thiện hơn.

Trong Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã nói đến lòng *nhân ái khoan dung* là những giá trị bền vững của văn hóa dân tộc Việt Nam. Xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại ở Việt Nam, cần thiết phải củng cố và mở rộng lòng nhân ái khoan dung này. Nhân dân thế giới đã từng biết đến một chủ nghĩa anh hùng đầy quả cảm của người Việt Nam trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Và không ít những nhà văn hóa lớn trên thế giới đã ca ngợi lòng yêu hòa bình và tình cảm hữu nghị của nhân dân ta đối với các dân tộc khác trên thế giới. Lòng nhân ái và tinh thần khoan dung Việt Nam sẽ tạo cho lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam một tầm thước mới và một năng lượng sống dồi dào trong quá trình nền kinh tế nhân loại đang toàn cầu hóa.

Để hình thành được lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay, chúng ta cần thiết phải tập trung vào *phát triển một nhân cách Việt Nam* có sự phát triển nội sinh về khoa học kỹ thuật, có tinh thần yêu nước nồng cháy, có ý thức tự cường dân tộc, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Con người Việt Nam vốn cần cù, khiêm tốn, giản dị, có lòng yêu nước, yêu quê hương, sống vị tha và thích ứng. Tuy nhiên, để đưa đất nước

thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, sánh vai cùng với các nước phát triển khác trên thế giới, nhân dân ta cần thiết phải am hiểu cơ chế thị trường, trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến.

Thực chất của sự nghiệp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta là xác định sự lựa chọn của cá nhân theo hướng cân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là quá trình nhân đạo hóa toàn bộ đời sống xã hội mà mỗi cá nhân sẽ gia tăng tính tự chủ, tự giác, sức mạnh bên trong hướng tới các quá trình hoàn thiện của xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mỗi cơ chế độ xã hội đều có cơ chế điều chỉnh hành vi, hoàn thiện lối sống. Hệ thống chính trị, các chuẩn mực xã hội mới, chính sách của Đảng và Chính phủ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng cơ chế thị trường sẽ giúp cho lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam không ngừng hoàn thiện và phát triển.

Vấn đề xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay có liên quan bản chất đến sự nghiệp xây dựng và phát triển nền *văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*. Chúng ta không thể công nghiệp hóa và hiện đại hóa thành công, nếu lối sống của toàn xã hội vẫn là lối sống tiểu nông, manh mún. Cũng như vậy, chúng ta sẽ trở thành bóng mờ của một dân tộc khác, nếu như quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta lại không dựa vào truyền thống lâu đời của dân tộc. Thực chất của việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là phát triển các lĩnh vực tinh thần, nâng cao các giá trị đạo đức, trình độ dân trí theo những chuẩn mực hiện đại trên cơ sở một nền kinh tế phát triển, phúc lợi của toàn xã hội gia tăng, gìn giữ được văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Mấy chục năm qua, Đảng và nhân dân ta quyết tâm cải tạo lối sống cũ, xây dựng lối sống mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ việc chú trọng tới các chỉ số về lao động và thời gian lao động, các chỉ số về văn hóa giáo dục, các chỉ số về sự tham gia tích cực của nhân dân trong các hoạt động chính trị, xã hội trên cơ sở các giá trị lâu đời của nền văn hóa dân tộc. Cương

lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X đã định hướng quá trình vận động của xã hội ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời nêu lên các giải pháp, mục tiêu xây dựng cuộc sống mới mà nhân dân ta mong đợi. Đó là cuộc sống của một đất nước hùng mạnh, nhân dân giàu có, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Chúng ta đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên nhìn vào xã hội ta hiện nay, nếp sống của nó chưa phong hóa và lối sống đang vận động, phát triển. Nó không phải là tư bản chủ nghĩa mà cũng chưa là xã hội chủ nghĩa. Các quan hệ vật chất cơ bản trong xã hội như quan hệ sở hữu, quan hệ lao động, quan hệ phân phối, chưa xác định rõ tính chất hình thái kinh tế - xã hội. Dù chúng ta xác định xã hội Việt Nam hiện nay có nhiều hình thức sở hữu, lấy nền sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường làm khâu trung tâm, thì nó cũng chưa thể đặc trưng cho một kiểu hình thái kinh tế - xã hội nào. Vì thế, lối sống trong xã hội ta là một kiểu sống đặc biệt, đang quá độ vào lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Mặt vật chất của lối sống dân tộc - hiện đại trong xã hội ta biểu thị ở khối chỉ số lao động: thời gian lao động, cường độ lao động, và nhất là năng suất lao động chưa thể tạo ra nhiều của cải vật chất như các nước phát triển. Khối chỉ số lao động đó quyết định mức sống còn thấp, phúc lợi vật chất xã hội chưa cao và nhiều quan hệ xã hội khác không ổn định. Lao động thường chiếm 1/3 thời gian sinh sống của mỗi người. Năng suất lao động chưa cao có ảnh hưởng đến thời gian tự do, học tập văn hóa, thỏa mãn nhu cầu về thể dục, thể thao và ở mức độ nhất định, có liên quan đến các quan hệ bạn bè, hôn nhân và gia đình.

Trong xã hội ta hiện nay, sự phân hóa và phân công lao động chưa sâu. Tuyệt đại bộ phận còn trong dây chuyền sản xuất nhỏ, lao động chân tay, cơ bắp, dịch vụ còn chiếm một tỷ trọng khá lớn.

Nhìn chung xã hội ta còn là một xã hội làm ruộng, làm vườn, có lai ghép chút ít công nghiệp, dịch vụ; bước đầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quá trình xã hội hóa các quan hệ sở hữu trong xã hội đang diễn ra thông qua

con đường phát triển các xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp tư bản nhà nước, xí nghiệp cổ phần, hợp tác xã, hộ gia đình. Năng suất lao động còn thấp, thu nhập thực tế bình quân tính theo đầu người đứng vào hàng các nước kém phát triển.

Tuy nhiên, rất nhiều nhân tố mới đã xuất hiện từ cơ sở vật chất của xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực lao động. Khoa học, kỹ thuật và công nghệ đang gia tăng trong khu vực sản xuất nông nghiệp và công nghiệp. Đội ngũ, thành phần và chất lượng những người lao động đang chuyển biến theo hướng nâng cao rõ rệt. Trước đây, đội ngũ lao động thường văn hóa thấp, tuổi trung bình cao. Hiện nay lớp học sinh có học vấn, bộ đội chuyển ngành, con em đi lao động ở nước ngoài về, những công nhân kỹ thuật, kỹ sư, bác sĩ, các nhà khoa học trẻ tuổi đang bổ sung ngày một nhiều cho đội ngũ những người lao động mới.

Khuynh hướng rõ rệt nhất hiện nay là trí tuệ đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động. Việc gia tăng hàm lượng trí tuệ trong nền sản xuất mới ở nước ta không chỉ có ý nghĩa về sự tăng trưởng nhịp độ phát triển, khởi động cho một sự vận hành mới của xã hội hòa nhập vào nền văn minh của loài người, mà còn là mầm mống tốt đẹp của một lối sống mới.

Hiện nay, hệ thống đánh giá lao động ở xã hội ta đang chuyển biến rất nhanh. Trước đây, tiêu chí điều chỉnh các hình thức lao động ít chú ý đến các quy trình công nghệ, trình độ thành thạo nghề nghiệp, mà thường chú ý nhiều đến động cơ, sự cần cù, quan hệ giao tiếp, thậm chí có lúc chủ nghĩa lý lịch đã trở thành quy tắc trong cuộc sống. Phương thức đánh giá ấy hiện nay đã lỗi thời. Lao động, năng suất lao động đang được mở đường từ một cách nhìn mới - cách nhìn hiệu quả của quan hệ thị trường.

Đã có một thời người ta cho rằng năng suất lao động, trình độ công nghệ, khối lượng thực phẩm, chất lượng giao thông vận tải, số calo dinh dưỡng, thu nhập bình quân, diện tích nhà ở, tuổi thọ trung bình, cơ cấu thời gian lao động tự do, v.v... dù chỉ số có thấp cũng không ảnh hưởng gì đến lối sống. Quan niệm này khẳng định rằng, đời sống vật chất của xã hội thấp vẫn có thể xây dựng lối sống cao đẹp.

Sự thật thì mặt vật chất là cái quyết định, là cơ sở để xây dựng lối sống. Tuy rằng, mặt vật chất không phải là toàn bộ lối sống, nhưng nó trực tiếp ảnh hưởng đến mức sống, là cơ cấu nền tảng để từ đó người ta xây dựng chất lượng sống. Không chú ý đến mặt này thì có thể ý đồ xây dựng một lối sống đẹp trong xã hội ta sẽ bị rơi vào duy ý chí. Nhìn chung, về mặt số lượng và chất lượng, cơ sở vật chất trong xã hội ta còn rất thấp.

Giao thông vận tải của chúng ta phát triển kém, hàng hóa tiêu dùng chất lượng chưa cao; nhà ở phải được tăng trưởng mạnh mẽ, phải có những chính sách gìn giữ lòng tự hào dân tộc, nhưng vẫn tiếp thu tinh hoa nhân loại mới tạo điều kiện mới mẻ cho các nhân tố tốt đẹp của lối sống xuất hiện.

Bản thân lối sống là hoạt động mang nội dung tính người. Dù là hoạt động vật chất thì nó cũng dựa trên tài nguyên con người, nó bao chứa khía cạnh tinh thần của con người. Hoạt động sống không mang ý nghĩa tinh thần đều có thể coi là hoạt động phi nhân. Về phương diện xã hội, đó là hoạt động chết. Các giá trị, các động cơ, tinh thần, tình cảm, nghệ thuật đều là cơ cấu bên trong của lối sống.

Vấn đề gìn giữ các giá trị lâu đời của dân tộc có liên hệ bản chất với tiếp biến các giá trị hiện đại. Chúng ta chỉ có thể tạo dựng được lối sống dân tộc - hiện đại lành mạnh, khi mà cơ chế tiếp nhận có thể tổng hợp được các giá trị mới. Vì thế, các chuẩn mực cấu tạo lối sống mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta vừa có tính ổn định tương đối, và cũng vừa tạo ra được sự luân chuyển cần thiết.

Xem xét mặt tinh thần của lối sống ở nước ta hiện nay, trước hết quan tâm đến hệ thống quản lý, sản xuất, phân phối và sử dụng tinh thần của xã hội. Nó có cả thiết chế vật chất và cơ chế điều hòa các giá trị theo các mục tiêu có tính toán đến lợi ích của giai cấp lãnh đạo. Ở nước ta, hệ thống này đa dạng, phong phú, và có lúc vượt trước quá xa các điều kiện vật chất. Hệ thống các cơ quan tuyên truyền, giáo dục, thông tin, văn hóa, thư viện, xuất bản, nghệ thuật... đã từng được xây dựng và mở rộng. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế của nó trong xây dựng lối sống mới không tỷ lệ thuận với công sức bỏ ra. Nó chưa bám sát và hỗ trợ đúng đắn các

điều kiện vật chất. Thậm chí, có lúc nó thúc đẩy các mặt lạc hậu của lối sống, ràng buộc sự phát triển của các mặt tiến bộ. Trong cơ chế thị trường, việc kiểm soát thông tin, việc định hướng thông tin có một tác dụng mạnh mẽ trong việc hình thành lối sống mới. Việc chủ động tạo ra những “sân chơi đẹp” làm thay đổi các thành kiến, những ý thức lạc hậu có một ý nghĩa thật to lớn về định hướng lối sống trong xã hội ta. Song, việc này chớ có xa rời sự thật, chớ có làm mất niềm tin, khi lạm dụng các phương tiện độc quyền.

Điều cơ bản về mặt tinh thần trong lối sống là giữ gìn các giá trị, điều chỉnh các hành vi, bảo vệ các quan hệ nhân đạo, nhân bản sâu xa của cuộc sống. Muốn xã hội ổn định thì *gia đình phải ổn định, đất nước có kỷ cương*, con người phải được giáo dục cái đúng, cái tốt và cái đẹp. Muốn khuyến khích tinh thần hiếu học thì phải tôn sư trọng đạo, không phân biệt giàu nghèo, cổ vũ tài năng và bảo vệ danh tiếng làm cho gia phong vẻ vang, hương phong danh giá. Muốn gìn giữ bản sắc dân tộc của văn hóa phải xây dựng các phẩm cách văn hóa, các gia đình văn hóa, các quan hệ giao tiếp có văn hóa, và trên hết là văn hóa trong lao động, văn hóa giao tiếp, khi gắn với các giá trị truyền thống thì hướng về cái phổ biến.

Xã hội ta hiện nay còn chịu rất nhiều ảnh hưởng của các giá trị tinh thần của xã hội truyền thống. Nhiều yếu tố của các giá trị ấy hòa nhập vào lối sống mới trở thành nguồn lực phát triển xã hội, nhưng còn không ít các yếu tố tinh thần của xã hội truyền thống đã trở thành phản giá trị trong lối sống mới hiện nay. Tâm lý bình quân, tư tưởng cục bộ, thái độ coi lệ làng hơn phép nước, các thành kiến trong cộng đồng, các phong tục ma chay, cưới hỏi lạc hậu, mẹ chồng hành hạ nàng dâu, dì ghẻ con chồng, quan niệm trọng nam khinh nữ... đã cản trở rất lớn đến sự nghiệp xây dựng lối sống mới của chúng ta.

Về mặt tinh thần, lối sống mới Việt Nam phải được xây dựng trên một *nền dân chủ toàn diện*. Không có nền dân chủ này thì không thể phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống, không thúc đẩy được các khả năng sáng tạo, và nhất là không thể giao lưu quốc tế rộng rãi được.

Do nhiều lý do chủ quan và khách quan, nền dân chủ trong xã hội ta phát triển chưa mạnh, chưa sâu. Một trong những nguyên nhân của thực trạng này thuộc về trình độ dân trí. Một nền dân chủ cao và sâu không phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí của giai cấp lãnh đạo. Nếu nhân dân tự giác, dân trí cao, các nhân cách trưởng thành thì những giá trị tinh thần đúng đắn sẽ được xác lập một cách mạnh mẽ và tất yếu.

Về mặt dân chủ, sự gia tăng quyền và nghĩa vụ công dân là nội dung quan trọng của lối sống mới. Cốt lõi của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân lao động, mọi quan hệ xã hội phải được xây dựng trên nền tảng nhân bản lâu dài. Việc dân chủ hóa toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội ta phải dựa trên nền tảng khoa học và pháp luật. Mọi tự do phải dựa trên cái tất yếu.

Nền văn hóa cổ truyền của người Việt có thiết chế, kỷ cương theo đức trị. Mọi quan hệ xã hội đều có sự phát triển ưu tiên của các quan hệ đạo đức, lấy chuẩn thiện - ác làm trung tâm. Pháp luật chưa trở thành chuẩn tắc kiểm soát toàn diện các quan hệ xã hội. Xây dựng lối sống mới dựa trên các giá trị đạo đức, nhưng các giá trị đạo đức phải dựa trên cơ sở của cái đúng, không thể là đạo đức của sự chấp nhận. Khoa học và pháp luật lấy cái đúng làm chuẩn giá trị. Cái đúng tạo ra quyền bình đẳng rộng rãi trong mọi quan hệ xã hội. Từ người đứng đầu nước đến người dân bình thường đều sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, bình đẳng trước hiến pháp và pháp luật. Mọi sự cải tạo xã hội không dựa trên ý đồ cá nhân, mà phải xuất phát từ tinh thần khoa học. Khoa học, luật pháp là xương sống của nền dân chủ, cũng là linh hồn của lối sống mới. Mọi giá trị đều phải được đối thoại để xác định cái đúng.

Chúng ta xây dựng lối sống mới trong nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mang tính hiện đại. Lối sống mới Việt Nam hôm nay đang hướng về phía hiện đại từ các mạch nguồn của nền phong hóa truyền thống xa xưa. *Tâm lý thích ứng, chủ nghĩa yêu nước, tình cảm quê hương, ý thức tiết kiệm, tinh thần hiếu học, ý chí tự lực, tự cường, lập thân, lập chí, lập nghiệp, đã tạo lập tính nền nã phương Đông trong lối sống của người Việt Nam hiện*

đại. Tất cả những thành tố này đã hòa quyện và tạo thành bản chất dân tộc - hiện đại của lối sống ở Việt Nam hôm nay.

Trong thế giới ngày nay, sự phát triển chính trị - xã hội đang diễn ra trong các quốc gia dân tộc có chủ quyền, có lãnh thổ, có điều kiện tự nhiên, dân cư và cơ tầng dân tộc đặc thù. Bản sắc dân tộc của văn hóa in hằn trên lối sống. Các cách cảm, cách nghĩ mới mẻ đều được chế tạo lại. Các tình cảm, tư tưởng, thị hiếu hiện đại nhất chỉ có thể thâm nhập vào lối sống mới khi nó qua một quá trình “công nghệ” được tồn tại phổ biến trong xã hội Việt Nam.

Lối sống mới Việt Nam cần mang bản sắc dân tộc đậm đà nhưng phải có quan hệ sâu rộng với thế giới hiện đại. Loài người hôm nay với nền thông tin màn hình đã bước vào làn sóng văn minh mới. Để tiến vào nền văn minh tin học, trước hết chúng ta phải xây dựng được một *lối sống công nghiệp*. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ quan điểm văn hóa là tạo ra một lối sống dân tộc - hiện đại. Sự phát triển của công nghiệp sẽ hình thành tư duy khoa học, khắc phục tư duy kinh nghiệm, cải tạo các phong tục, tập quán lỗi thời, tổ chức lại lao động nông nghiệp, nâng cao chất lượng lao động thủ công, làm xích dần các quan hệ giữa thành thị và nông thôn. Và đó cũng là những tiền đề cơ bản để hình thành lối sống dân tộc - hiện đại. Lối sống dân tộc- hiện đại vừa là hệ quả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa là động lực của quá trình này. Lối sống dân tộc - hiện đại sẽ chuẩn bị các cơ sở cần thiết để dân tộc ta tiến về phía trước, dựa trên sự phát triển ưu tiên của khoa học và luật pháp, lấy cái đúng là hệ chuẩn giá trị.

Để hình thành được lối sống dân tộc - hiện đại một cách phổ biến ở một nước tiểu nông như ở nước ta, khâu trung tâm là *phát triển nhân cách con người*. Phong cách sống của con người, diện mạo đạo đức, phẩm hạnh cá nhân, năng lực lao động, hôn nhân gia đình, trình độ văn hóa, giáo dục, các định hướng giá trị, giao tiếp xã hội là những mặt quan trọng nhất trong nhân cách.

Thị trường tư bản là thị trường phi nhân cách. Thị trường của chúng ta chú ý đặc biệt tới sự tha hóa và giải tha hóa cho con người bằng một tổng hệ các điều tiết có tính chiến lược của nhà nước. Trong xã hội ta ngày nay, việc hình thành một

nhân cách mới có sự phát triển tốt về thể chất, phong phú về tinh thần, đủ bản lĩnh đáp ứng những nhiệm vụ lịch sử mới là một trong những mục tiêu quan trọng của đường lối và sự nghiệp xây dựng lối sống mới của Đảng.

Con người Việt Nam vốn cần cù, khiêm tốn, giản dị, có lòng yêu nước, yêu quê hương, sống vị tha và thích ứng. Đó là tài nguyên rất quan trọng để chúng ta xây dựng các nhân cách mới. Tuy nhiên, con người Việt Nam cũng đang bộc lộ những thiếu hụt so với các nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho đất nước. Đó là sự thiếu hụt về tư duy kinh tế thị trường, về các cá tính mạnh mẽ, các khát vọng cháy bỏng trong sáng tạo, tính kỷ luật cao trong sản xuất. Các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội đòi hỏi xuất hiện một kiểu nhân cách mới. Đó là nhiệm vụ xây dựng một nước Việt Nam giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, phong phú về văn hóa và đẹp về lối sống.

Thực chất của sự nghiệp xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là xác định sự lựa chọn của cá nhân giữa các phương hướng vận động, các hành vi khác nhau. Quá trình lựa chọn đó là quá trình trưởng thành, khẳng định nhân cách độc đáo của cá nhân trong những điều kiện và nhiệm vụ lịch sử hiện nay. Hướng xây dựng nhân cách mới của chúng ta nhằm làm gia tăng tính tự giác, tự chủ, sức mạnh bên trong của cá nhân. Hướng này phát triển hệ thống thái độ ứng xử của các hành vi mang nội dung đạo đức xã hội mới. Nó làm xuất hiện các tính cách mới trong lao động, giao tiếp, gia đình và tư cách cá nhân.

Cùng với sự phát triển về tính cách, lối sống mới có liên hệ bản chất với các năng lực cá nhân. Sự phát triển năng lực cá nhân của ta hiện nay phải tính tới hai tình hình: Một là, phải phát huy mọi tiềm năng của con người, các khát vọng của mỗi người trên tất cả các bình diện để cho mỗi cá nhân được tự do phát triển. Hai là, các quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, dịch vụ hóa, phân công gia tăng, thị diện mạo tinh thần của cá nhân sẽ bị tha hóa. Đó là tính chất ác quỷ (démonique) của quá trình giải phóng cá nhân trong điều kiện khoa học, kỹ thuật và công nghệ phát triển hiện nay. Để khắc phục tình trạng này, khi giải phóng các năng lực sáng tạo cá nhân, phải đồng thời xây dựng trên toàn xã hội các cơ chế điều chỉnh, các quan hệ nhân bản lâu dài giữa con người với con người. Việc xây dựng

mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội là vô cùng quan trọng. Cá nhân phải có trách nhiệm với cộng đồng, cộng đồng là cái nền bao dung sự sáng tạo của cá nhân, mọi quan hệ của cái lợi phải được đặt trên cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Xã hội phải có các cơ chế điều chỉnh cái thiện, cái ác bằng luật pháp, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật và hàng loạt các quy tắc đạo đức khác.

Quan điểm thực dụng, văn hóa tiêu dùng đang gia tăng trong xã hội ta. Kinh tế thị trường xuất hiện thì các giá trị truyền thống bị đập vỡ. Tư tưởng, tâm lý thực dụng ra đời, nó không phải là hoàn toàn xấu. Nó có hiệu ứng hai mặt: một mặt, nó thúc đẩy khả năng sáng tạo, kích thích sản xuất, tiêu dùng; mặt khác, nó phá hoại các quan hệ đạo đức truyền thống và hình thành chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Cơ chế thị trường là thành quả lớn của nhân loại. Nó tạo ra các luật chơi và đạo đức khác hẳn luật chơi và đạo đức truyền thống. Chúng ta cần thiết phải xác lập các hệ chuẩn mới cho cơ chế này để tạo ra một lối sống dân tộc - hiện đại phù hợp.

Mỗi chế độ xã hội đều có các cơ chế điều chỉnh hành vi, hoàn thiện lối sống. Các cơ chế ấy bắt nguồn từ nền giáo dục, tổ chức xã hội, các quan hệ văn hóa. Việc thờ cúng ông bà, nhớ ơn bố mẹ, thành kính những người có công giáo dục và giáo dưỡng là một cơ chế điều chỉnh hành vi bằng văn hóa gia đình rất sâu. Xây dựng một kiểu sống mới, cần thiết phải sử dụng cơ chế xã hội một cách khoa học và có văn hóa. Bằng một chủ nghĩa nhân văn mới, các nhân cách hình thành, hoạt động và phát triển trong niềm tin yêu và tự do giữa xã hội của mình.

Hệ thống chính trị là cơ chế điều chỉnh bao trùm và quyết định nhất mọi định hướng xã hội cho lối sống. Nó có thể phát huy hay kìm hãm tính tích cực của mọi nguồn tài nguyên con người trong xã hội. Nó có thể điều chỉnh các yếu tố làm cho hệ thống xã hội có sự phát triển ưu trội về một mặt nào đó. Một hệ thống chính trị mạnh, đúng, tốt bao giờ cũng tạo những điều kiện phát triển lối sống đẹp.

Chúng ta đang xây dựng một hệ thống chính trị trong đó mọi người dân được bình đẳng trước pháp luật, biết tôn trọng và bảo vệ pháp luật; các tổ chức chính trị, các đoàn thể nhân dân đều có mục tiêu tối cao là phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của con người, của các thế hệ, các giới tính, các tầng lớp xã hội và các hình thức nghề nghiệp nhằm xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh. Đổi mới về kinh tế

nhất định dẫn đến đổi mới về chính trị, đó là quy luật. Cùng với đổi mới mạnh mẽ về kinh tế, chúng ta đang từng bước đổi mới hệ thống chính trị một cách phù hợp theo hướng dân chủ, hiện đại, đáp ứng đầy đủ những nhiệm vụ ổn định và phát triển đất nước, trong đó có nhiệm vụ định hướng cho một lối sống mới, văn minh, hiện đại và xã hội chủ nghĩa.

Ở vào thời điểm của chúng ta hôm nay, trong lối sống, các yếu tố vật chất của nó đang có sự phát triển biến hóa, tác động qua lại lẫn nhau một cách mạnh mẽ, và mối quan hệ giữa chúng với mặt tinh thần chưa phong hóa, định hình. Tuy nhiên, những định hướng cơ bản cho việc xây dựng lối sống mới đã được xác định. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự nghiệp xây dựng lối sống theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó liên quan đến mọi hoạt động của con người, đến nền khoa học, nền dân chủ; đến hệ giá trị, hệ điều chỉnh, hệ thống chính trị, đến văn hóa, đạo đức, thể thao, y tế, quan hệ quốc tế; đến nhu cầu, thị hiếu, và hơn cả là năng suất lao động, với mục tiêu bao trùm vừa trực tiếp vừa lâu dài là phát triển tài nguyên con người.

Chúng ta đang xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Lối sống dân tộc - hiện đại vừa là hệ quả vừa là động lực của nền văn hóa đó. Việc giữ gìn bản sắc dân tộc hướng tới cái phổ biến là nguyên lý lớn xây dựng lối sống theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa không hề tách biệt với môi trường văn hóa chung của nhân loại. Chúng ta xây dựng môi trường văn hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho những lối sống tốt đẹp ra đời. Chúng ta xây dựng môi trường văn hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, các giá trị tốt đẹp nhất của con người. Môi trường văn hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là bộ phận hợp thành của lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa. Ở đó, lòng nhân ái, khoan dung được duy trì. Ở đó, con người sống với con người là đồng chí, là anh em. Ở đó, có cuộc sống hòa bình và tình hữu nghị. Trong thế kỷ XXI này, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công môi trường văn hóa xã hội chủ nghĩa - cái nôi nuôi dưỡng lối sống xã hội chủ nghĩa tốt đẹp mà nhân dân ta đang hướng tới.

ẢNH HƯỞNG CỦA TOÀN CẦU HOÁ TỚI VIỆC XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. MAI THỊ QUỲ*

1. Thực chất của toàn cầu hoá

Theo chúng tôi, toàn cầu hoá là một khái niệm chỉ quá trình vận động của lịch sử xã hội loài người từ những bộ phận, quốc gia riêng lẻ, tương đối độc lập và tách biệt đến hình thành những mối liên kết chặt chẽ, tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau trên tất cả các mặt ở phạm vi toàn cầu của đời sống xã hội mà nền tảng là sự liên kết kinh tế cùng với sự hình thành các tổ chức, các định chế quốc tế nhằm quản lý và điều chỉnh các hoạt động mang tính toàn cầu đó. Xuất phát điểm của toàn cầu hoá là toàn cầu hoá trên lĩnh vực kinh tế, thể hiện ở các mối liên kết kinh tế ngày càng được mở rộng giữa cả các quốc gia trên thế giới làm tăng sự phụ thuộc, sự tác động, sự ảnh hưởng lẫn nhau về kinh tế giữa các nước. Tuy nhiên, toàn cầu hoá về kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến toàn cầu hoá trên các lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội hiểu theo nghĩa là sự tác động qua lại, ảnh hưởng, chi phối và phụ thuộc lẫn nhau về các lĩnh vực này giữa tất cả các quốc gia trên thế giới.

Xu thế toàn cầu hoá đã hình thành và phát triển gắn với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Cho đến nay, nó đã và đang trải qua những những giai đoạn với những đặc trưng và mức độ khác nhau. Do chịu sự tác động trực tiếp của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đang phát triển mạnh mẽ cùng những biến đổi lớn về cục diện chính trị toàn cầu, toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay mang một số đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, toàn cầu hoá có sự phát triển vượt bậc cả về chiều rộng lẫn chiều sâu và diễn ra với tốc độ nhanh hơn, biểu hiện ở nhiều thoả thuận liên kết kinh tế

* Giảng viên Khoa Mác - Lênin, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá.

toàn cầu và khu vực được ký kết, hàng loạt tổ chức hợp tác kinh tế đa phương được hình thành và ngày càng có nhiều nước tham gia. Tính chất “mở” trở thành một khuynh hướng chung trong quan hệ kinh tế quốc tế. Những “bức tường”, những “rào cản” ngăn cách các quốc gia về chế độ chính trị, về địa lý, về văn hoá... ngày dần được dỡ bỏ và thay vào đó là “sợi dây” liên kết chặt chẽ. Hơn nữa, toàn cầu hoá hiện nay không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hoá... làm cho đời sống mọi mặt của các quốc gia trên toàn thế giới luôn chịu sự tác động qua lại, ảnh hưởng, chi phối lẫn nhau ngày càng mạnh mẽ.

Thứ hai, toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay đang chịu sự chi phối của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đứng đầu là Mỹ.

Sự ra đời của toàn cầu hoá gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản và do nhu cầu phát triển của chủ nghĩa tư bản. Cũng chính vì vậy mà từ khi xuất hiện đến nay, quá trình này luôn bị đặt dưới sự chi phối của các nước tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi mà các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, thì vai trò “độc tôn” của chủ nghĩa tư bản lại càng trở nên rõ nét hơn bao giờ hết. “Toàn cầu hoá gắn liền với chủ nghĩa tư bản và hiện đang bị chủ nghĩa tư bản, nhất là các nước tư bản phát triển chi phối, lợi dụng để phục vụ cho mục đích của họ”¹. Cũng vì vậy mà đã có không ít người coi toàn cầu hoá hiện nay là “toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa” hay “Mỹ hoá toàn cầu”. Mặc dù trong những năm gần đây, thế giới đã và đang chứng kiến sự vươn lên mạnh mẽ của một số quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, các nước NICs... làm cho tương quan lực lượng trên thế giới có xu hướng thay đổi, nhưng trong thời điểm hiện tại thì những nhận định trên vẫn có cơ sở.

Với hai đặc trưng cơ bản trên, toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay mang tính hai mặt rõ rệt: vừa tích cực vừa tiêu cực; vừa chứa đựng nhiều thời cơ vừa đặt ra những thách thức không nhỏ cho tất cả các nước. Tính hai mặt của toàn cầu

¹ Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Tòng (đồng chủ biên), *Toàn cầu hoá - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 139.

hoá không chỉ được bộc lộ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Một mặt, toàn cầu hoá đem lại nhiều cơ hội thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế cho tất cả các nước (tất nhiên, những cơ hội này là không hoàn toàn như nhau đối với các nước có trình độ phát triển khác nhau); góp phần duy trì và củng cố hoà bình và an ninh thế giới; tạo nên sức mạnh tổng hợp để giải quyết các vấn đề toàn cầu... Mặt khác, toàn cầu hoá cũng đặt tất cả các nước trước những thách thức không nhỏ, nhất là đối với các nước đang phát triển do sự bất bình đẳng trong quá trình này gây nên. Đó là nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về kinh tế, bị thôn tính về chính trị và bị xâm lăng về văn hoá trong đó có lối sống, bởi lối sống chính là một trong những thành tố cốt lõi của văn hoá.

2. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá đến việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

Lối sống là phương thức sống, là toàn bộ hoạt động sống của con người trong những điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định. Các dân tộc trên thế giới sinh sống trong những điều kiện tự nhiên và xã hội không hoàn toàn giống nhau, thậm chí còn trái ngược nhau. Cũng chính vì vậy, ở mỗi dân tộc sẽ hình thành một nền văn hoá với những phong tục, tập quán, tâm lý, thói quen, chuẩn mực đạo đức, tư tưởng, lối sống khác nhau phản ánh tồn tại xã hội của chính dân tộc đó. Lối sống, một mặt là kết quả của sự phản ánh những điều kiện sống của một cộng đồng người, mặt khác, nó lại là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của chính cộng đồng người đó. Với tư cách là *cái phản ánh*, lối sống được hình thành một cách khách quan do những điều kiện sinh sống của cộng đồng người quy định. Do đó, một cá nhân, cộng đồng nào đó không thể tự lựa chọn lối sống theo ý muốn chủ quan của mình, nếu có thì chỉ là sự lựa chọn “trong khuôn khổ của sự phản ánh” mà thôi. Tuy nhiên, với tư cách là *một trong những nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển của một cộng đồng người* thì không nên để cho lối sống hình thành một cách tự phát mà thiếu đi sự định hướng, giáo dục. Bên cạnh sự hình thành khách quan, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, ở những dân tộc khác nhau, cần xây dựng một

hệ thống những chuẩn mực lối sống, chuẩn mực giá trị khác nhau. Hệ thống chuẩn mực đó phải vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể, vừa phản ánh đúng điều kiện đó và quan trọng nhất, nó phải là động lực thúc đẩy sự phát triển của dân tộc trong những giai đoạn tiếp theo.

Lối sống dân tộc - hiện đại mà chúng ta đang xây dựng là lối sống đi từ truyền thống đến hiện đại, bao chứa cả yếu tố dân tộc và yếu tố hiện đại, tiên tiến. *Yếu tố dân tộc* chính là những nét bản sắc độc đáo của dân tộc, là những hoạt động sống gắn với những giá trị truyền thống được vun đắp qua hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc. Còn *yếu tố hiện đại* trước hết thể hiện ở nền tảng tư tưởng của lối sống đó là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; là lối sống đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, hội tụ những giá trị cao cả, văn minh, tiến bộ của loài người. Hai yếu tố dân tộc và hiện đại không tách rời nhau mà hoà quyện, thấm thấu vào nhau, bổ sung cho nhau làm nên lối sống dân tộc - hiện đại. Trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam - giai đoạn đất nước đổi mới, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong xu thế toàn cầu hoá- việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại là thật sự phù hợp và cần thiết, phản ánh khách quan yêu cầu của thời kỳ hội nhập. Nó không những giúp chúng ta giữ gìn được những nét bản sắc riêng độc đáo để “hội nhập mà không bị hoà tan”, mà còn tạo nên sức mạnh nội sinh giúp cho mỗi cá nhân nói riêng và cả dân tộc nói chung bắt nhịp được cùng với sự phát triển của nhân loại. Toàn cầu hoá, một mặt đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một lối sống dân tộc - hiện đại, mặt khác chính nó lại có những tác động không nhỏ đến quá trình này theo những chiều hướng khác nhau.

Khi xu thế toàn cầu hoá chưa xuất hiện, các dân tộc ít có cơ hội giao lưu văn hoá với nhau. Họ sống, họ hoạt động theo những cách riêng của mình, tức là theo những lối sống đặc thù khác nhau hình thành nên những phong tục, những thói quen, những truyền thống... của chính dân tộc họ với tất cả những gì mà tổ tiên đã để lại cho họ. Họ không cần biết và cũng khó có cơ hội để biết đến nền văn hoá trong đó có lối sống của những dân tộc khác, hoặc nếu có biết thì cũng

chỉ rất mơ hồ. Họ ít "cho" và cũng ít "nhận" mà chỉ sống chủ yếu bằng những gì vốn có (*về mặt văn hoá, lối sống*) của chính họ. Có thể nói, trong điều kiện như vậy, nền văn hoá của mỗi dân tộc có thể được xem như một thế giới riêng và vì vậy mà lối sống của các dân tộc cũng ít ảnh hưởng đến nhau.

Nhưng tình hình đã thay đổi khi toàn cầu hoá xuất hiện, và nhất là toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay. Như chúng tôi đã nhận xét, mặc dù xuất phát điểm của toàn cầu hoá là toàn cầu hoá kinh tế, nhưng toàn cầu hoá về kinh tế sớm hay muộn cũng sẽ tác động đến các lĩnh vực khác, trong đó có văn hoá, lối sống. Bao giờ cũng vậy, các lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội một mặt, chịu sự quyết định bởi kinh tế; mặt khác, lại có tính độc lập tương đối và tác động trở lại đối với kinh tế. Vì vậy, trong toàn cầu hoá, văn hoá nói chung và lối sống của các dân tộc nói riêng, cùng một lúc chịu sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của nhiều yếu tố, mà trước hết là kinh tế. Kinh tế có thể trực tiếp hoặc thông qua chính trị mà tác động đến lối sống. Mặt khác, bản thân văn hoá lại có những quy luật vận động nội tại riêng làm cho lối sống của tất cả các dân tộc trên thế giới có thể tác động, ảnh hưởng, xâm nhập lẫn nhau thông qua giao lưu văn hoá chính thức và không chính thức dưới nhiều hình thức và bằng nhiều con đường khác nhau.

Do chịu sự tác động của nhiều yếu tố như vậy nên trong quá trình toàn cầu hoá, lối sống của mỗi dân tộc không tránh khỏi sự biến động. Sự biến động này diễn ra khá phức tạp theo hai chiều hướng chủ yếu, vừa tích cực vừa tiêu cực và chính vì vậy mà vừa tạo thuận lợi lại vừa gây những khó khăn, cản trở nhất định đối với việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay.

2.1. Thuận lợi

Nếu như trước đây, lối sống của các dân tộc mang tính biệt lập, bị cách biệt bởi các đường biên giới rạch ròi và khá kiên cố, thì giờ đây, trong xu thế toàn cầu hoá, do nhu cầu phát triển kinh tế, các quốc gia buộc phải mở cửa để hội nhập nếu không muốn bị tụt hậu, thậm chí là bị huỷ diệt. Và đó cũng chính là cơ hội để lối sống của những dân tộc khác nhau được gặp gỡ, được giao thoa, được tiếp xúc với nhau, tạo thuận lợi cho việc hình thành lối sống dân tộc - hiện đại.

Những hoạt động kinh tế trong toàn cầu hoá như: tự do thương mại và đầu tư; sự hoạt động mạnh mẽ của các công ty xuyên quốc gia; việc chuyển giao khoa học - công nghệ; xuất khẩu lao động... đã làm cho số lượng người, số lượng hàng hoá, các sản phẩm công nghệ... mang những yếu tố văn hoá được lưu chuyển từ nước này sang nước khác ngày càng nhiều, thông qua đó mà lối sống của các dân tộc sẽ có cơ hội được tiếp xúc với nhau nhiều hơn. Có thể nói, trong xu thế toàn cầu hoá, sự giao lưu, tiếp biến về văn hoá, về lối sống giữa các dân tộc cũng là một vấn đề tất yếu khách quan và cũng là sự cần thiết phải có để mỗi dân tộc có thể hội nhập một cách có hiệu quả cao nhất. Đây không chỉ là một nhu cầu tự thân của văn hoá hay lối sống, mà còn do sự đòi hỏi của nền kinh tế thị trường mang tính toàn cầu hiện nay. Với đặc trưng chủ yếu là các mối quan hệ kinh tế vượt ra ngoài biên giới quốc gia, mục đích của sản xuất là phục vụ nhu cầu của tất cả mọi người trên hành tinh, cho nên, muốn kinh doanh thành công thì các dân tộc cần phải thực sự hiểu biết về nền văn hoá và lối sống truyền thống của nhau, từ đó mà nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng cũng như phong cách, lối sống của các nhà quản lý, người lao động nói riêng và người dân các nước sở tại nói chung để có những đối sách phù hợp và có hiệu quả cao nhất. Mặt khác, việc sản xuất và kinh doanh những sản phẩm văn hoá, du lịch không chỉ vì mục đích muốn giới thiệu, quảng bá nền văn hoá một dân tộc mà xét đến cùng, đó là vì lợi nhuận. Vì vậy, lợi nhuận, hay rộng hơn là những lợi ích kinh tế, luôn là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự giao lưu văn hoá trong đó có lối sống.

Mặt khác, bản thân các hoạt động giải trí và du lịch, giao lưu văn hoá, văn nghệ, trao đổi thông tin qua mạng... lại là con đường ngắn nhất đưa lối sống của một dân tộc này đến với các dân tộc khác trên thế giới. Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin, đặc biệt là với sự xuất hiện của mạng thông tin toàn cầu Internet, thế giới dường như thu nhỏ lại, ranh giới giữa các quốc gia cũng trở nên mờ nhạt và chỉ mang tính tương đối. Mọi thông tin ở tất cả các góc ngách, xó xỉnh xa xôi nhất trên thế giới cũng đều được cập nhật một cách tức thời. Bất cứ quốc gia nào cũng có thể quảng bá về hình ảnh đất nước, con người, nền văn hoá truyền thống cũng như những tiềm năng của mình.

Ngược lại, bất cứ một cá nhân, một dân tộc nào cũng có thể tìm hiểu về nền văn hoá với những lối sống mang bản sắc riêng biệt của các dân tộc khác trên thế giới.

Như vậy, thông qua thương mại, đầu tư, kinh doanh, du lịch, giao lưu văn hoá, văn nghệ... số lượng người đi lại để tham quan du lịch, để tìm hiểu thị trường đầu tư, để lao động, để trao đổi sản phẩm... giữa nước này với nước khác ngày càng tăng. Và đương nhiên, họ sẽ không quên mang theo mình lối sống đặc trưng mang những nét văn hoá riêng của chính dân tộc họ được thể hiện trong con người, trong những sản phẩm và (dù cố ý hay vô tình) gieo mầm vào những mảnh đất lạ mà họ đã đi qua hoặc đã ở lại.

Có thể nói, thông qua toàn cầu hoá, các nền văn hoá của các dân tộc có cơ hội xích lại gần nhau, tạo cơ hội để các dân tộc có thể gần gũi, thông hiểu nhau hơn. Thông qua đó, mọi dân tộc đều có thể "cho" và "nhận", có nghĩa là họ có thể học tập, tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhau làm phong phú thêm cho nền văn hoá và lối sống của chính dân tộc mình. Không những thế, thông qua giao lưu văn hoá như vậy, mỗi dân tộc có thể nhận thấy những yếu tố, hạn chế, lỗi thời, lạc hậu trong lối sống truyền thống của dân tộc so với các dân tộc khác, từ đó cần phải mạnh dạn phá bỏ, bổ sung hoặc hiện đại hoá lối sống đó để nó có thể phù hợp với sự phát triển trong xu thế mới - xu thế toàn cầu hoá. Đây cũng chính là quá trình đấu tranh giữa lối sống truyền thống của các dân tộc riêng biệt để hình thành nên lối sống mới với những chuẩn mực, giá trị phổ biến phù hợp với yêu cầu của thời đại. Đến lượt mình, các giá trị mới được hình thành và được chấp nhận, sẽ kết hợp với lối sống truyền thống, bổ sung và làm phong phú thêm cho nó, thậm chí, còn cải tạo cả những yếu tố không còn phù hợp của lối sống cũ làm cho nó phát triển theo hướng tích cực.

Việc giao lưu văn hoá giữa các dân tộc dựa trên cơ sở của toàn cầu hoá có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ làm phong phú thêm nền văn hoá và lối sống của mỗi dân tộc, mà trên cơ sở đó, còn là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Chính vì vậy, nếu nhân danh bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc mà đóng cửa, khép kín, kháng cự lại mọi giá trị từ bên ngoài thì cũng đồng nghĩa với tụt hậu, thậm chí là tự sát. Xu thế toàn cầu hoá đã buộc các nền kinh tế

phải mở cửa và hướng ngoại. Trong điều kiện đó, các giá trị vật chất và tinh thần của các dân tộc khác nhau có thể thâm nhập lẫn nhau tạo nên một bức tranh văn hoá thế giới với nhiều màu sắc đa dạng, phong phú đan xen lẫn nhau. Đây cũng là một cơ hội để lối sống truyền thống của mỗi dân tộc được cọ xát, bổ sung, đổi mới và tiếp cận được với những giá trị hiện đại của nhân loại. Vấn đề đặt ra ở đây là, mỗi dân tộc cần phải nhận thức đúng về những giá trị trong lối sống truyền thống của mình, chủ động giao lưu với các dân tộc khác để tìm ra được những yếu tố tiến bộ, phù hợp trong lối sống của họ từ đó, chủ động tiếp thu, học hỏi làm cho lối sống của dân tộc mình ngày càng phong phú và tiếp cận được với những giá trị hiện đại phù hợp với yêu cầu của xu thế toàn cầu hoá.

2.2. Khó khăn

Giao lưu văn hoá là một cơ hội làm phong phú thêm cho lối sống truyền thống của mỗi dân tộc. Tuy nhiên, đối với bất cứ quốc gia nào cũng vậy, trong số những sản phẩm văn hoá từ nước ngoài tràn vào, có những sản phẩm phù hợp, có giá trị cần tiếp thu, nhưng cũng có không ít những sản phẩm không phù hợp, thậm chí là phản giá trị và vì thế mà không nên tiếp thu. Nếu cứ tiếp nhận tràn lan và không kiểm soát tất cả những cái “ngoại sinh” thì ắt sẽ có ngày chúng sẽ lấn át những giá trị “nội sinh” của chính dân tộc mình. Chúng ta đều biết, lối sống truyền thống của mỗi dân tộc phải được hình thành trên cơ sở những điều kiện kinh tế, xã hội và lịch sử của chính dân tộc đó. Vì thế, việc tiếp thu một cách máy móc lối sống của dân tộc khác là không có cơ sở và dễ dẫn đến sai lầm. Có một thực tế khó phủ nhận là, khi nền kinh tế mở cửa để hội nhập với quốc tế thì nó không chỉ đón những làn gió mát trong lành mà nó còn phải đương đầu với những cơn gió độc. Trong quá trình giao lưu văn hoá, ưu thế đang thuộc về các nước phát triển, bởi nền văn hoá, lối sống của các nước này đang được hậu thuẫn bởi một sức mạnh vật chất to lớn. Chính vì vậy, lối sống truyền thống của các dân tộc chậm phát triển rất dễ bị lấn át bởi những tác động từ bên ngoài dễ bị mất đi bản sắc riêng.

Như chúng ta đã biết, thang giá trị và các chuẩn mực giá trị ở các thời đại khác nhau, của các dân tộc khác nhau không hoàn toàn giống nhau. Trong khi đó,

với khả năng khá chênh lệch trong lĩnh vực thông tin đại chúng như hiện nay thì sự áp đặt về thông tin, về giá trị, các chuẩn mực giá trị và lối sống của một số nước này lên một số nước khác là một thực tế. Hơn nữa, đối với những nước đang phát triển, do đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ nhận thức còn hạn chế nên họ có thể gặp khó khăn trong việc nhận diện đâu là giá trị, đâu là phản giá trị, đâu là lối sống phù hợp với mình, đâu là lối sống không phù hợp và dễ đi đến nhầm lẫn. Đó chính là mảnh đất tốt để cho những lối sống khác lạ từ bên ngoài lấn át, thậm chí làm xói mòn, băng hoại lối sống dựa trên hệ giá trị truyền thống vốn có từ lâu đời của dân tộc. Đây chính là nguy cơ đồng nhất hoá lối sống và các hệ thống giá trị, làm cạn kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hoá, nhân tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của nhân loại.

Toàn cầu hoá là cơ hội để lối sống truyền thống của các dân tộc khác nhau trên thế giới đối thoại, giao lưu với nhau nhưng vấn đề là ở chỗ, sự giao lưu này không diễn ra một cách êm đềm, bình đẳng, mà trong quá trình giao lưu đó, có kẻ mạnh, kẻ yếu và tất sẽ có kẻ được, người thua hoặc cái được, cái mất là không ngang bằng nhau giữa các dân tộc. Không dừng lại ở sự thống trị về kinh tế, các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ, còn mưu toan dùng sức mạnh kinh tế để mở toang cánh cửa văn hoá của các dân tộc và tàn phá những giá trị truyền thống - cốt lõi của nền văn hoá và lối sống truyền thống dân tộc - của các dân tộc khác, từ đó áp đặt một nền văn hoá, lối sống xa lạ được nhào nặn theo hình ảnh của văn hoá, lối sống phương Tây, văn hoá Mỹ. Những sản phẩm tiêu dùng chất lượng cao, những thành tựu công nghệ hiện đại là kết quả sáng tạo của cả nhân loại, nhưng trong giai đoạn hiện nay, chúng lại đang được các thế lực tư bản sử dụng như một công cụ thống trị thế giới cả về vật chất lẫn tinh thần.

Bằng con đường kinh tế, chủ nghĩa tư bản đã và đang xâm nhập vào những vùng xa xôi hẻo lánh nhất, truyền bá một hệ tư tưởng tiêu dùng ảnh hưởng tới sự cấu thành chủ thể cá nhân, đưa mỗi cá nhân vào trong thế giới tiêu dùng của họ. Một khi biến thành chủ thể tiêu dùng thì con người ta một cách vô ý thức sẽ bước vào phạm trù hệ tư tưởng của công ty xuyên quốc gia, sẽ tiếp thu quan niệm và ảnh hưởng của "chế độ tư bản chủ nghĩa toàn cầu", mất đi thân phận văn hoá vốn có.

Cách đây hơn 150 năm, C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng đưa ra những dự báo quan trọng: “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vụn lý tưởng thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó”¹.

Với sức mạnh vật chất, một số nước tư bản phát triển, đặc biệt là Mỹ, đã sử dụng chiêu bài "một mũi tên trúng nhiều đích", cụ thể là họ vừa thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ từ việc sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, vừa gieo rắc được những mầm mống về tư tưởng sùng bái phương Tây, sùng bái Mỹ, hấp thụ lối sống tiêu dùng vật chất và thực dụng của phương Tây và Mỹ. Đã có những người không thể chống đỡ nổi những "mũi tên" này và đã trở thành nô lệ cho kẻ khác, nô lệ cho cả những tham vọng vật chất của chính mình. Và rồi trong số đó, có kẻ sau khi được "bố thí" một vài đồng xu thì bị chính những kẻ bố thí khinh rẻ, không còn con đường để quay trở lại, không còn biết mình là ai, mình thuộc về nơi nào. Thật đáng buồn cho những hiện thực đó.

Trong cuốn *Mười chiếc chìa khoá mở vào Mỹ La tinh*, Frank Kanneber đã không che đậy âm mưu bá chủ toàn cầu và xâm lăng về văn hoá, tiêm nhiễm lối sống tiêu dùng, thực dụng của Mỹ và coi đó là một cuộc cách mạng. Ông khẳng định: “Cuộc cách mạng của chúng ta là cuộc cách mạng đầy tính hấp dẫn, không hề đau đớn, rất thích thú và không ai có thể cưỡng lại nổi. Chúng ta khơi dậy những thèm muốn của quần chúng (các nước bị Mỹ chi phối) đối với mọi loại hàng hoá, chúng ta đề nghị họ mua với giá rẻ, mua chịu, trả tiền dần, hoặc cho dùng thử trước khi mua. Chỉ có một điều chúng ta không công nhận, đó là sự

¹ C. Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*. tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1993, tr. 602.

từ chối. Điều mà chúng ta đề nghị phải được chấp nhận, vì nó tốt đối với quần chúng. Nó làm cho đàn ông cường tráng, đàn bà xinh đẹp... Quả thật nó đang biến đổi bộ mặt thế giới và thay đổi những tập quán, thái độ, ý thích và tham vọng của quần chúng. Cuộc đổi thay vĩ đại của thời đại chúng ta là cuộc cách mạng của giới tiêu thụ và do Hoa Kỳ khởi xướng" ¹.

Và quả thật là khó có thể "cưỡng lại" nổi sức mạnh của một "cuộc cách mạng" có chủ đích như vậy. Chính "cuộc cách mạng" đó đã dẫn đến sự hình thành một xã hội tiêu thụ làm cho cái hiện đại lấn át cái truyền thống trong một nghịch lý "cười ra nước mắt", đặc biệt là ở các nước kém phát triển. Hàng hoá tiêu dùng đủ các chủng loại từ nước ngoài tràn ngập trên thị trường đã làm cho hàng hoá truyền thống khó còn chỗ đứng. Với những chiến dịch quảng cáo bằng mọi biện pháp, và cả thủ đoạn, dần dần đã biến tất cả những hàng hoá vốn xa lạ đó thành những nhu cầu bức bách thúc tâm trí con người. Và tiêu thụ trở thành một sự ganh đua hay nói đúng hơn, như một "bệnh dịch" trong điều kiện thu nhập của người dân còn thấp. Nhiều khi người ta phải hy sinh cả những nhu cầu thiết yếu để chạy theo những nhu cầu phù phiếm, xa hoa chỉ để muốn khẳng định rằng mình là con người "hiện đại", "sành điệu". Và đương nhiên, khi tiêu thụ đã trở thành một "bệnh dịch" thì cũng cũng có nghĩa là cuộc cách mạng mà Frank Kanneber nói đến đã thành công và cũng có nghĩa là lối sống truyền thống cùng với các giá trị tinh thần của nhiều dân tộc đã bị gục ngã trước sự tấn công ráo riết của thế giới vật chất đến từ các xã hội tiêu thụ phương Tây đặc biệt là Mỹ.

Giá trị bao giờ cũng mang tính lịch sử - cụ thể, vì vậy, một hiện tượng nào đó có thể có giá trị đối với cộng đồng người này nhưng không có giá trị đối với cộng đồng người khác. Bản thân việc tiêu thụ những hàng hoá chất lượng cao hay nhu cầu được tiêu thụ những hàng hoá đó là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với sự phát triển của xã hội cùng với nhu cầu ngày càng cao của con người. Tuy nhiên, không phải lúc nào và ở đâu, tư tưởng tiêu thụ cũng mang lại ý nghĩa tích cực.

¹ Theo Trường Lưu, *Toàn cầu hoá và vấn đề bảo tồn văn hoá dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 36 -37.

Với những quốc gia mà ở đó, người dân có thu nhập cao thì nhu cầu tiêu thụ vừa nâng cao mức sống của người dân vừa là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển, và trong điều kiện đó, nó là một giá trị. Ngược lại, đối với những quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thấp như các nước đang phát triển và kém phát triển hiện nay, việc hình thành một xã hội tiêu thụ lại chưa thực sự phù hợp. Sẽ có không ít vấn đề tiêu cực về kinh tế, về xã hội, về tâm lý, về tư tưởng... xảy ra khi người dân có nhu cầu tiêu dùng rất cao, thậm chí là quá cao vượt lên gấp nhiều lần khả năng thanh toán của họ. Nhưng bất chấp điều đó, các giá trị riêng của "thế giới người giàu" vẫn được áp đặt lên "thế giới người nghèo", buộc họ phải chấp nhận một cách không tự giác. Mặt khác, không chỉ có những giá trị không phù hợp mà nguy hiểm hơn, những phản giá trị từ các nước tư bản cũng đang xâm lấn một cách mạnh mẽ hệ giá trị của các dân tộc trên toàn cầu làm cho lối sống của nhiều dân tộc đang có nguy cơ bị chao đảo, thậm chí mất phương hướng..

Không chỉ bằng con đường kinh tế, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, nhất là Mỹ, còn dùng chính con đường văn hoá để áp lối sống riêng của mình lên toàn thế giới. Điều này càng trở nên thuận lợi nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin. Trên thực tế, ngành công nghiệp thông tin này, cùng với tất cả những gì lan truyền thông qua nó, lại bị chi phối bởi các đầu thủ lớn - những công ty khổng lồ do các nước đã phát triển sở hữu và lẽ ra thế giới có thể được loan truyền những thông tin khách quan nhất, chính xác nhất, có lợi nhất, cần thiết nhất... thế nhưng những công ty truyền thông lại có thể có quan điểm khác. Họ đã dùng đủ mọi "ngón nghề" để đánh thức và cổ vũ cho những nhu cầu mang tính bản năng của con người, và rồi chính họ cũng là người sẵn sàng đáp ứng những nhu cầu "rất sinh học" ấy. Hiện nay, Internet là một kênh cung cấp thông tin vô cùng quan trọng đối với tất cả mọi người. Tuy nhiên, bên cạnh những thông tin bổ ích thì tình dục và bạo lực cũng luôn sẵn sàng có mặt trên màn hình. Các nỗ lực làm giảm bớt những món ăn độc hại này không mấy thành công. Sự hấp dẫn của cảm giác mạnh và tình dục quá lớn và quá hiệu quả khiến cho các công ty chạy theo lợi nhuận không thể ngừng tay được. Với toàn cầu hoá thì tác động của ngàn kênh truyền hình phát 24/24 sẽ chuẩn hoá nền văn hoá thế giới

theo ý muốn của các tập đoàn truyền thông khổng lồ. Những tập đoàn này không mấy quan tâm đến trách nhiệm và hậu quả từ những sản phẩm văn hoá của họ, cái duy nhất mà họ quan tâm chỉ là lợi nhuận mà thôi.

Trong quá trình toàn cầu hoá, công nghiệp văn hoá đang trở thành một ngành sản xuất vô cùng hấp dẫn với những món lợi nhuận thu được khổng lồ. Nhưng không phải quốc gia nào cũng có thể sản xuất và xuất khẩu được thứ hàng hoá không trọng lượng đó. Năm 1998, 5 nước xuất khẩu văn hoá lớn nhất thế giới là Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức và Trung Quốc đã xuất khẩu 53% các sản phẩm văn hoá. Năm 2000, gần một nửa những ngành công nghiệp văn hoá được đặt cơ sở tại Mỹ, 30% được đặt tại châu Âu; có tới 85% các bộ phim có mặt trên thế giới được sản xuất ở Hollywood, trong khi đó ở châu Phi, mỗi năm trung bình chỉ có 42 bộ phim được xuất xưởng, còn ở Chi- Lê và Costa Rica lại có tới 95% các bộ phim được nhập khẩu từ Mỹ¹. Và trên thực tế, các chuyên gia kinh tế cho rằng, ngành công nghiệp xuất khẩu lớn nhất hiện nay của Mỹ không phải là máy bay hay ô tô, mà là ngành vui chơi giải trí - phim của Hollywood. Ngành này có thu nhập lên tới 30 tỷ USD năm 1997.

Thực tế trên cho thấy, các nước đang phát triển không đủ sức cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất này và vì vậy, văn hoá của các nước giàu được giới thiệu nhiều và thâm nhập sâu vào các nước nghèo, các nước đang phát triển, còn văn hoá của các nước nghèo, các nước đang phát triển thì khó có cơ hội và khả năng được biết đến ở các nước giàu, các nước phát triển. Đó chính là sự bất bình đẳng trong giao lưu văn hoá trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. Sự bất bình đẳng này trước tiên đem lại bất lợi về kinh tế cho các nước đang phát triển vì không có cơ hội thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ, mà quan trọng hơn, nó có nguy cơ đe dọa và làm mất bản sắc văn hoá của các dân tộc.

Chúng ta thừa nhận rằng, mối quan hệ giữa nền văn hoá của mỗi dân tộc với văn hoá nhân loại là mối quan hệ giữa cái chung với cái riêng. Vì vậy, trong

¹ . Phạm Văn Đức, *Toàn cầu hoá và sự tác động của nó đối với Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí Triết học* số 3 năm 2006.

nền văn hoá riêng của mỗi dân tộc vẫn có những yếu tố mang tính phổ quát của cả nhân loại. Tuy nhiên, cái làm nên bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc, cái "thể căn cước" của mỗi dân tộc, nói lên dân tộc đó là ai đó chính là "cái đơn nhất", cái khác biệt, cái độc đáo chỉ có ở dân tộc này mà không có ở bất kỳ một dân tộc nào khác, nó không chỉ là niềm tự hào mà còn là sức mạnh nội sinh của chính dân tộc đó. Nhưng toàn cầu hoá đang đem đến nguy cơ "xóa sổ" những nét văn hoá độc đáo, riêng biệt đó. Trong tác phẩm *Chiếc Lexus và cây Ôliu*, tác giả L.Friedman đã lấy hình ảnh cây Ôliu tượng trưng cho truyền thống, bản sắc riêng của mỗi dân tộc, còn chiếc xe Lexus đại diện cho những yếu tố hiện đại trong hệ thống toàn cầu hoá. Theo ông, “hiểm hoạ lớn nhất đối với cây Ôliu của bạn lại đến từ chiếc xe hơi Lexus - từ những thế lực thị trường và công nghệ mang thuộc tính đồng hoá, tiêu chuẩn hoá và vô danh, tất cả hình thành nên hệ thống kinh tế toàn cầu hoá ngày nay. Có những điều trong hệ thống này giúp cho chiếc xe Lexus trở nên hùng mạnh, chà đạp tất cả các hàng cây Ô liu trên con đường nó đi qua - phá vỡ biên giới các cộng đồng... và xô đẩy dập vùi các giá trị truyền thống. Những điều đó làm nảy sinh phản kháng từ các hàng cây Ôliu”¹.

Điều mà nhiều nước cho là trở ngại lớn nhất trong tiến trình toàn cầu hoá hiện nay là chủ nghĩa bá quyền văn hoá Mỹ. Từ chỗ thống trị về kinh tế đến thống trị về văn hoá để thực hiện một mưu đồ chính trị là bá chủ thiên hạ. Nằm trong tay phần lớn tiềm lực kinh tế và những phương tiện thông tin hiện đại (các hãng thông tin của Mỹ hầu như nắm quyền phân phát đến 3/4 lượng thông tin thế giới), vì mục đích lợi nhuận và âm mưu đồng hoá các dân tộc khác, Mỹ đã không ngừng tung ra thế giới những sản phẩm nghe nhìn với đủ nội dung khác nhau, đặc biệt là bạo lực và tình dục, khơi dậy những ham muốn mang tính bản năng của con người là chủ yếu, mà không thèm đếm xỉa đến bất cứ một điều cấm kỵ nào về đạo đức, về tôn giáo, về tập quán, lối sống... của bất kỳ một dân tộc nào. Những sản phẩm văn hoá độc hại đó đã theo chân mạng thông tin toàn cầu Internet và nhiều con đường khác mà len lỏi đến tất cả mọi xó xỉnh xa xôi nhất

¹ Thomas L.Friedman, *Chiếc Lexus và cây Ôliu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 85.

của trái đất và đầu độc biết bao nhiêu thanh thiếu niên - nguồn nhân lực chủ yếu trong hiện tại và tương lai của các dân tộc, lôi cuốn, kích thích lớp trẻ quay lưng lại với giá trị truyền thống của dân tộc.

Chúng ta đương nhiên không tẩy chay hoàn toàn nền văn hoá Mỹ và cũng không thể phủ nhận những giá trị tinh thần của một nền kinh tế đứng hàng đầu trên thế giới mà chúng ta cần phải tiếp thu, học hỏi. Chẳng hạn, việc coi trọng lợi ích, vai trò và tự do cá nhân cũng như việc đề cao tính hiệu quả trong công việc theo quan điểm "tôi không cần biết anh là ai, tôi chỉ cần biết anh có thể làm được gì"... là những giá trị được chú trọng ở Mỹ, và đó cũng là một trong những động lực thúc đẩy tính năng động, tích cực, sáng tạo của mỗi cá nhân. Chính giá trị đề cao cá nhân đó thực sự là nền tảng thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển. Nhưng chúng ta khó có thể chấp nhận mặt trái trong nền văn hoá Mỹ như: chủ nghĩa thực dụng cực đoan; chủ nghĩa cá nhân cực đoan; bình đẳng và đề cao nhân quyền một cách giả tạo; bạo lực, đồi trụy; phân biệt chủng tộc... được toàn cầu hoá.

Các quốc gia có nền văn hoá giàu bản sắc cũng đã và đang có những giải pháp để đối phó với nguy cơ đánh mất các giá trị truyền thống dân tộc, tức là đánh mất bản sắc dân tộc, đánh mất chính mình. Trước đây, Mahatma Găngđi đã khẳng định: "Tôi không muốn ngôi nhà của tôi bị bao quanh bốn phía và các cửa sổ bị đóng kín. Tôi muốn làn gió văn hoá của tất cả các xứ sở thổi quanh nhà tôi một cách tự do đến mức có thể. Song tôi không cho phép bất kỳ điều gì làm nghiêng ngả đôi chân của mình"¹. Còn giờ đây, ông Mahathir Mohamad thì nhận định: "Quả đúng là nếu chúng ta mở cửa sổ để đón không khí trong lành thì sẽ có ruồi muỗi bay vào. Chúng ta vẫn nên mở cửa sổ. Nhưng nếu chúng ta mở cửa sổ mà cả bầy cọp gấu đi vào thì có lẽ chúng ta nên mở cửa ở tầng trên và đóng chặt cửa ở tầng trệt cho an toàn. Chúng ta nên làm như vậy, cho dù có những lời trấn an đầy cám dỗ của lũ gấu và cọp. Chúng ta nên làm như vậy ngay cả khi phải đương đầu với sự phản đối dữ dội nhất của lũ gấu và cọp"².

¹ Báo cáo phát triển con người 1999, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 5.

² Mahathir Mohamad, *Toàn cầu hoá và những hiện thực mới*, Nxb Trẻ TP Hồ Chí Minh 2004, tr. 18.

Như vậy, thách thức lớn nhất về văn hoá, nhất là đối với các nước đang phát triển, trong quá trình toàn cầu hoá đó là sự đồng nhất, sự nghèo nàn, sự pha tạp hỗn độn của văn hoá. Bản sắc văn hoá cùng với hệ giá trị truyền thống của mỗi dân tộc có thể bị hoà tan, thậm chí bị nhấn chìm trong một nền văn hoá chung chung nào đó. Và trong cái "biển" văn hoá chung chung ấy, các dân tộc sẽ không còn nhận ra chính mình, không còn tìm thấy những nét độc đáo làm nên bản sắc văn hoá của dân tộc mình và như vậy có nghĩa là họ đã bị đồng hoá, bị xâm lăng về văn hoá. Cũng chính vì vậy, vấn đề bảo vệ các giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc trong lối sống ngày càng trở thành vấn đề nhức nhối trong quá trình hội nhập và được coi là một nội dung của độc lập dân tộc, của an ninh quốc gia. Quá trình toàn cầu hoá có nguy cơ làm cho nhiều giá trị truyền thống riêng của các dân tộc bị xói mòn và mất dần ảnh hưởng, nền văn hoá dân tộc của một số nước bị tấn công, gặm nhấm bởi các nền văn hoá ngoại lai.

Việt Nam là một đất nước có bề dày truyền thống lâu đời với những giá trị tinh thần độc đáo được hun đúc nên từ chính lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc. Những giá trị truyền thống của dân tộc được hình thành do sự tác động của điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử - xã hội mà dân tộc ta đã phải trải qua và tạo nên nét đặc thù trong lối sống của con người Việt Nam. Tuy vẫn còn những ý kiến khác nhau, nhưng chúng ta cũng có thể khẳng định rằng: dân tộc Việt Nam có một di sản những giá trị truyền thống vô cùng phong phú, trong đó phải kể đến những giá trị điển hình như: tinh thần yêu nước; ý thức coi trọng gia đình; ý chí tự lực, tự cường; tinh thần nhân văn, nhân ái; chủ nghĩa anh hùng cách mạng; tinh thần đoàn kết cộng đồng, tương thân, tương ái; đức tính cần cù, tiết kiệm; khả năng sáng tạo, linh hoạt, thích ứng nhanh, dễ hội nhập; tinh thần hiếu học, ham học hỏi, ham hiểu biết... Trong đó, tinh thần yêu nước là một giá trị chủ đạo, xuyên suốt. Chính những giá trị truyền thống trong con người Việt Nam là kết tinh và tiêu biểu cho lối sống, bản lĩnh, bản sắc và những phẩm giá của cả dân tộc. Không những thế, những giá trị truyền thống đó đã tạo ra được một sức mạnh to lớn cho dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, giúp dân tộc Việt Nam vượt qua biết bao khó khăn, thử thách để tiếp tục tồn tại và phát triển. Đó là

những di sản văn hoá tinh thần đã được đúc kết từ tâm huyết và máu xương của bao thế hệ người dân Việt Nam - một dân tộc luôn tự hào ngẩng cao đầu vì lý tưởng cao đẹp chứ không bị cào bằng trong bảng giá trị lợi nhuận, bấp chập phẩm giá con người và quyền lợi dân tộc.

Chúng ta không thể phủ nhận rằng, thông qua toàn cầu hoá, mở cửa hội nhập với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, văn hoá Việt Nam đã được mở rộng và giao lưu với nhiều nền văn hoá trên thế giới. Người dân Việt Nam cũng đã có cơ hội tiếp nhận những giá trị tinh hoa của các dân tộc khác làm phong phú thêm cho nền văn hoá của dân tộc mình, đồng thời nền văn hoá Việt Nam với những giá trị truyền thống đặc sắc cũng đã được thế giới biết đến và chiếm được không ít cảm tình của bạn bè thế giới. Không ít những giá trị truyền thống của dân tộc ta đã được kế thừa và phát huy cao độ trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, cũng trong quá trình toàn cầu hoá hiện nay, nhiều giá trị truyền thống đặc sắc của dân tộc lại đang bị đe dọa. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được trên lĩnh vực kinh tế, Việt Nam lại đang đứng trước một thực tế đáng lo ngại, đó là nguy cơ các giá trị truyền thống của dân tộc bị băng hoại, lối sống mang sắc thái riêng của dân tộc bị tấn công làm cho bản sắc văn hoá phong phú và lâu đời của dân tộc cũng có thể bị phai mờ trong cơn lốc của hội nhập.

Theo kết quả điều tra của chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX07- 02, trong khi đa số người dân Việt Nam vẫn tự hào về những giá trị truyền thống của dân tộc và muốn bảo vệ, phát huy những giá trị truyền thống đó thì cũng có một số người cho rằng, những truyền thống đó là không có gì đáng tự hào cả, thậm chí có người còn cho rằng, những truyền thống đó là nguyên nhân của sự nghèo nàn, lạc hậu và họ không muốn bảo vệ những giá trị truyền thống đó nữa¹. Cũng từ đó đã xuất hiện tư tưởng sùng bái hàng ngoại, văn hoá ngoại, lối sống ngoại. Một bộ phận học sinh, sinh viên thờ ơ với truyền thống, không hiểu gì về lịch sử dân tộc, về cội nguồn, về truyền thống của cha ông mình. Điều trở

¹ Trương Lai, *Hiện đại hoá truyền thống và truyền thống hoá hiện đại*, Tạp chí Cộng sản số 16 năm 2001, tr. 50-57.

trêu là họ có thể biết rất rõ những nhân vật như Tần Thủy Hoàng, Tào Tháo, Võ Tắc Thiên... nhưng lại không biết gì nhiều về Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi... Kết quả môn thi Lịch sử trong kỳ thi tuyển sinh đại học năm 2005 và 2006 vừa qua là một minh chứng khiến cho chúng ta không khỏi không lo ngại về sức sống của truyền thống dân tộc trong lớp trẻ hiện nay.

Nếu như cách đây hơn 30 năm, những lớp thanh niên sống có lý tưởng, có ước mơ, hoài bão muốn cống hiến, muốn xả thân vì đất nước và sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, gian khổ kể cả phải hy sinh cả tính mạng của mình vì Tổ quốc như liệt sỹ Nguyễn Văn Thạc, liệt sỹ Đặng Thùy Trâm..., thì giờ đây nhìn vào lối sống, cách suy nghĩ của một bộ phận lớp trẻ chúng ta không khỏi không lo ngại cho tương lai của dân tộc. Bên cạnh những thanh niên, sinh viên luôn có ý thức phấn đấu xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, bảo vệ những giá trị truyền thống của dân tộc cũng có một số thanh thiếu niên đã hấp thụ lối sống phương Tây một cách thái quá. Không ít người trong số họ sống không cần biết đến ngày mai, coi sống là để hưởng thụ, không muốn cống hiến, lười lao động và học tập nhưng lại luôn đòi hỏi phải có thật nhiều tiền để tiêu xài phung phí, để hút chích ma túy, để quay cuồng với những viên thuốc lắc như những kẻ bệnh hoạn, cuồng điên.

Thật đáng buồn là gần đây, đã có rất nhiều tụ điểm tệ nạn xã hội bị phát hiện, nhiều kẻ bị bắt giữ và ai trong số chúng ta có thể trả lời được rằng, còn có bao nhiêu những tụ điểm như vậy chưa được phát hiện? Con số này chắc chắn là không nhỏ. Sự suy đồi về đạo đức, lối sống hiện nay đang là một thực trạng nhức nhối. Đề cập đến vấn đề này, Đảng ta nhận định rằng: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, vị kỷ... đang có ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền hay vì danh dự cá nhân mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và ma túy phát triển, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác ngày càng gia tăng”¹.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 46.

Nguy hiểm hơn, tình trạng suy thoái đạo đức không chỉ xảy ra ở những người dân bình thường mà còn xảy ra ở một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên. Đại hội IX của Đảng đánh giá: “tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến”¹. Đến Đại hội X, tình trạng trên vẫn chậm được khắc phục, thậm chí một số mặt còn tiếp tục gia tăng. Đại hội nhận định: “Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Thoái hoá, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi”².

Điều nhức nhối là một bộ phận cán bộ đảng viên giảm sút ý chí, phẩm chất cách mạng; tệ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí rất nghiêm trọng; bệnh quan liêu, xa rời cuộc sống, xa dân, ý thức kỷ luật kém, tình trạng coi thường kỷ cương phép nước còn rất nặng. “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước”³. Tư tưởng cục bộ địa phương, kèn cựa địa vị dẫn đến mất đoàn kết nội bộ kéo dài ở nhiều nơi. Những biểu hiện đó đang gây bất bình trong dư luận, làm tổn hại đến thanh danh, uy tín của Đảng, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân. Tất cả những tệ nạn nói trên đều bắt nguồn từ lối sống tiêu

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 76.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 263 - 264.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 263.

xài, hưởng thụ, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, tư tưởng sính ngoại... nảy sinh từ mặt trái của nền kinh tế thị trường và được du nhập từ bên ngoài vào thông qua toàn cầu hoá.

Mạng thông tin toàn cầu Internet đã mang lại cho chúng ta một lượng khổng lồ những thông tin cập nhật về tất cả các mặt, là điều kiện thuận lợi để nâng cao tri thức của mỗi người, nhưng mặt khác, nó cũng đem đến không ít những điều nguy hại. Hàng ngày, trên môi trường văn hoá, các mạng thông tin toàn cầu liên tục truyền các hình ảnh, tin tức, ấn phẩm không phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc. Lối sống bạo lực, thực dụng, tiêu xài, hưởng thụ tình dục theo kiểu phương Tây tạo ra nhiều phản văn hoá trên hệ thống giá trị của chúng ta. Nhiều thanh thiếu niên đã vào mạng không phải để học tập mà để xem những chương trình bạo lực, tình dục và nhiều chương trình không phù hợp khác. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng không ít trẻ vị thành niên đã sa vào cuộc sống bạo lực, tình dục bừa bãi, phi nhân tính trái với truyền thống đạo đức của dân tộc ta và cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng tỷ lệ trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật hiện nay ở nước ta đang gia tăng đột biến. Gần đây, lực lượng Công an đã bắt quả tang nhiều cửa hàng kinh doanh dịch vụ Internet đã truy cập vào những trang Web có nội dung đồi trụy, và đáng buồn thay, đa số "khách hàng" lại là những trẻ vị thành niên đang ở lứa tuổi cấp sách đến trường. Cũng thông qua mạng thông tin toàn cầu này, nhiều bài báo từ nước ngoài, kể cả những phần tử chống phá cách mạng Việt Nam sống lưu vong một mặt "bôi đen", nói xấu, xuyên tạc, đả kích và kêu gọi lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, mặt khác lại "tô hồng" tất cả kể cả những mảng đen tối nhất của xã hội tư bản làm méo mó sự thật và đã lừa phỉnh được không ít người nhẹ dạ cả tin hoặc có trình độ nhận thức hạn chế. Lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại cũng bị các phần tử thù địch lợi dụng toàn cầu hoá để chống phá, xuyên tạc nhằm làm mất dần vai trò quan trọng của nó và thay vào đó một hệ tư tưởng khác đi ngược lại lợi ích của đại đa số người dân Việt Nam. Quả thật là vấn đề "làng toàn cầu"

chưa có các hiệp ước kiểm soát như hiện nay là một thách thức rất lớn đối với việc gìn giữ các bản sắc văn hoá dân tộc cũng như xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại của chúng ta.

Điều đáng chú ý là hệ thống các giá trị đang có xu hướng biến đổi mạnh. Đã và đang có sự mất cân bằng lớn giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần. Đôi khi còn có sự đánh đồng các giá trị này, coi nhẹ các giá trị tinh thần, các giá trị chính trị - xã hội đến mức lãng quên, đi đến coi trọng các giá trị vật chất. Mẫu người cá nhân đang dần dần thay thế cho mẫu người lý tưởng trước đây - con người xã hội - tập thể; lối sống thực dụng đang thế chỗ cho lối sống lý tưởng; việc coi trọng đồng tiền đến sùng bái tiền là một trào lưu có nguy cơ lan tràn trong xã hội; nếu trước đây người ta lên án người giàu thì nay đã ưu ái người giàu đến mức tôn sùng người giàu và hình thành một xu hướng mong muốn làm giàu nhanh chóng bằng mọi cách kể cả bằng con đường bất chính; lối sống khiêm tốn, lành mạnh, giản dị đã và đang bị coi như lỗi thời, “tụt hậu”, đang bị lối sống lãng phí, phô trương che lấp; những thói quen coi trọng gia đình, tập thể, cộng đồng dần dần bị xem nhẹ đi đến coi trọng tự do cá nhân, phóng túng, buông thả, coi thường đạo lý, coi thường dư luận, lương tâm, chấp nhận lối sống vụ lợi, thấp hèn.

Một thực tế không thể phủ nhận là nhiều giá trị văn hoá đạo đức bị coi thường thậm chí bị chế diễu, thuần phong mỹ tục đang có nguy cơ bị chà đạp, đạo đức có nguy cơ bị băng hoại, tệ nạn xã hội ngày một gia tăng. Toàn cầu hoá, và cùng với nó là cơ chế thị trường, đã kéo theo những tệ nạn, những tiêu cực trong xã hội, làm cho mỗi cá nhân có thể đánh mất bản chất tốt đẹp của mình, chạy theo dục vọng tầm thường dẫn tới sự đảo lộn các chuẩn mực giá trị, làm tha hoá đạo đức lối sống. “Tệ nạn xã hội đang làm què quặt cả thể chất và tinh thần một bộ phận thanh thiếu niên, làm tha hoá không ít những cán bộ đảng viên, trong đó có cả những người giữ cương vị lãnh đạo”¹.

Giữa truyền thống và hiện đại đã bộc lộ một số xu hướng tự phát mang tính cực đoan. Ở thành thị và lớp trẻ, đã bắt đầu trỗi dậy một xu hướng quay lưng

¹ Nguyễn Thị Hằng (1996), *Tệ nạn xã hội - Nỗi lo không chỉ riêng ai*, Tạp chí Cộng sản (3).

với truyền thống, coi thường di sản văn hoá và bản sắc dân tộc, đua đòi theo lối sống bên ngoài, chạy theo đồng tiền và lợi nhuận một cách vô điều kiện. Từ đó, xuất hiện tư tưởng phủ nhận vai trò của các giá trị truyền thống dân tộc mà muốn thay vào đó một hệ giá trị hoàn toàn mới. Họ cho rằng, muốn xây dựng cái mới thì phải phá bỏ cái cũ, truyền thống gắn với chế độ cũ nên không có gì là tốt đẹp: thờ cúng là mê tín, lễ nghi chẳng qua là trò phù phiếm... Tất cả phải được đẩy lùi hẳn vào quá khứ. Tệ hại hơn nữa về mặt đạo lý, còn tạo nên tâm lý coi thường người già cả - nhân chứng và kho tàng sống của truyền thống, coi người già cả là biểu tượng của sự lạc hậu, của cái lỗi thời, của sự cản trở, còn thế hệ mới, bất kể là có học hay vô học, bao giờ cũng được coi là tân tiến, là dám nghĩ dám làm. Đơn cử một ví dụ về nhà văn trẻ Nguyễn Hoàng Diệu với truyện ngắn "Bóng đèn" đã và đang gây xôn xao dư luận về sự "bứt phá" khỏi cái truyền thống một cách "ngoạn mục" khi cô cho nhân vật của mình phỉ nhổ vào việc thờ cúng ông bà tổ tiên - một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta - một cách thô thiển đến mức loạn luân. Điều đáng buồn là một tác phẩm như vậy vẫn được chấp nhận và được "lãng xê" một cách thái quá cho thấy xu hướng muốn giẫm đạp lên truyền thống dân tộc là một thực tế. Ngược lại, ở nông thôn và lớp người lớn tuổi trong khi quay về với truyền thống, đề cao vai trò của truyền thống bằng cách khôi phục các lễ hội, các phong tục tập quán cổ, các lối sống cổ thì đồng thời qua đó lại cũng khôi phục cả một số hủ tục, một số truyền thống lạc hậu kể cả nạn mê tín, cờ bạc, rượu chè, đình đám...

Thực trạng trên là một thách thức rất lớn đối với việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại của chúng ta. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần phải định hướng lại giá trị cho mọi người dân nhằm ngăn chặn những xu hướng sai lầm, xác lập những xu hướng đúng đắn, phát huy những giá trị tinh hoa của dân tộc kết hợp với tiếp thu những giá trị phổ quát của toàn thể nhân loại làm nền tảng vững chắc cho việc xây dựng lối sống mới - lối sống dân tộc - hiện đại phù hợp với yêu cầu của xu thế toàn cầu hoá hiện nay.

3. Kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống kết hợp với tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá nhân loại - một trong những giải pháp nhằm xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại.

Để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, trước hết, chúng ta cần phải kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc bởi chính những giá trị ấy là cốt lõi, là nền tảng, là cái gốc làm nên yếu tố “dân tộc” trong lối sống dân tộc - hiện đại. Kế thừa giá trị truyền thống *thực chất là giữ lại, bổ sung, phát triển những giá trị truyền thống của dân tộc* trong một giai đoạn lịch sử mới. Việc kế thừa các giá trị truyền thống có vai trò vô cùng quan trọng đối với tiến trình phát triển của dân tộc nói chung và đối với mỗi thế hệ người nói riêng bởi lịch sử của dân tộc không phải là một sự lắp ghép rời rạc các giai đoạn lại với nhau mà là một quá trình liên tục được tiếp nối từ quá khứ đến hiện tại.

Ngày nay, xu thế toàn cầu hoá cùng với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã và đang nảy sinh vấn đề xử lý như thế nào về mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, đồng thời đánh giá một cách thật sự khách quan về vai trò của truyền thống và giá trị truyền thống trong giai đoạn hiện nay. So với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người thì toàn cầu hoá là một hiện tượng khá mới mẻ. Tuy nhiên, quá trình này lại chứa đựng những yếu tố làm cho sự phát triển của cả loài người diễn ra với tốc độ nhanh chưa từng có trong lịch sử. Và cũng chính vì vậy, toàn cầu hoá đã và đang tạo nên một thế giới mới với diện mạo khác rất xa so với những giai đoạn trước đây. Trong thời đại toàn cầu hoá, có những việc trước đây người ta chưa hề làm, có những mối quan hệ trước đây chưa hề có, có những phương tiện trước đây người ta chưa hề được biết đến, có những yêu cầu trước đây người ta chưa bao giờ phải thực hiện... và nói chung là có quá nhiều điều mới mẻ. Trong điều kiện như vậy, liệu những giá trị truyền thống có còn giúp ích gì cho chúng ta hay tất cả đã trở nên lỗi thời? Câu trả lời, theo chúng tôi là, trong bối cảnh toàn cầu hoá, chúng ta càng phải đặc biệt quan tâm đến việc kế thừa các giá trị truyền thống nhằm hướng tới xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại bởi một số lý do cơ bản sau đây:

Thứ nhất, toàn cầu hoá, một mặt, tạo cơ hội làm phong phú thêm hệ giá trị của một dân tộc, mặt khác, cũng đem đến nguy cơ đồng nhất các giá trị theo hướng giá trị truyền thống của những nước nghèo và chậm phát triển dễ bị lấn át, bị xói mòn dẫn đến mất đi bản sắc riêng bởi những yếu tố văn hoá từ các nước giàu, các nước phát triển. Do đó, việc kế thừa các giá trị truyền thống dân tộc là thực sự cần thiết để bảo vệ bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc trong xu thế toàn cầu hoá.

Thứ hai, không chỉ dừng lại ở đó, việc kế thừa các giá trị truyền thống dân tộc còn giúp chúng ta khai thác được sức mạnh nội sinh của chính dân tộc mình. Toàn cầu hoá đặt ra những yêu cầu rất khắt khe mà chúng ta cần phải thực hiện nếu muốn tồn tại và phát triển. Vì vậy, chúng ta cần phải biết khai thác sức mạnh của những giá trị truyền thống - sức mạnh đã làm nên những thành tựu vĩ đại trong quá khứ, tìm những bài học, những gợi ý từ phía các giá trị truyền thống để vững bước vào tương lai.

Thứ ba, kế thừa các giá trị truyền thống không những bảo đảm cho hoạt động của con người có hiệu quả trong việc duy trì tính liên tục của xã hội, mà còn có chức năng định hướng, điều chỉnh hoạt động của con người nhằm đạt ý nghĩa văn hoá sâu sắc. Cũng chính cái nền tảng tinh thần đó sẽ tạo nên cái bản lĩnh dân tộc khi tiếp xúc với các nền văn hoá ngoại lai, tạo nên ở mỗi người Việt Nam một bộ lọc, đủ sức chọn lựa, tiếp thu các nhân tố tiến bộ, thích hợp và biết đào thải các nhân tố độc hại, những nhân tố không thích hợp với “bộ gien di truyền” của văn hoá dân tộc.

Như vậy, chúng ta cần kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam, bởi vì, đó không chỉ là bản sắc, là cội nguồn, là cốt cách của con người Việt Nam mà còn là nguồn sức mạnh to lớn đủ sức nâng dân tộc ta lên tầm cao mà tại đó chúng ta có thể khai thác tốt những cơ hội do toàn cầu hoá đưa lại. Vì vậy, nếu chúng ta lãng quên giá trị truyền thống thì không những chúng ta đã đánh mất đi bản sắc của dân tộc, mà còn đánh mất đi sức mạnh nội sinh của chính dân tộc mình. Mất bản sắc, mất sức mạnh thì có nghĩa là chúng ta sẽ có thể đánh mất chính mình trong cơn lốc của toàn cầu hoá.

Tuy nhiên, kế thừa không phải là bê nguyên xi tất cả những giá trị truyền thống đã có để đặt vào một hoàn cảnh hoàn toàn mới, mà kế thừa phải luôn gắn liền với lọc bỏ, đổi mới và phát triển. Trong khi khai thác các giá trị truyền thống cần phải đưa chúng lên một tầm cao mới phù hợp với những đòi hỏi mới của thời đại, đồng thời phải đặt chúng trong một tổng thể để tạo nên sức mạnh cộng hưởng từ những truyền thống đó. Mặt khác, cần phải lưu ý rằng, truyền thống không chỉ có tác động tích cực mà còn có tác động tiêu cực nếu xét trên quan điểm lịch sử - cụ thể. Hơn nữa, có những truyền thống ở điều kiện này thì có giá trị nhưng ở điều kiện khác thì không còn giá trị nữa. Vì vậy cần chống lại hai khuynh hướng:

Khuynh hướng thứ nhất, tuyệt đối hoá vai trò của giá trị truyền thống, không thấy được tính khả biến của chúng, không biết biến đổi chúng cho phù hợp với yêu cầu mới của lịch sử, thậm chí còn lưu truyền thiếu phê phán, tán dương quá đáng những truyền thống ít giá trị hay không còn giá trị, có hại hoặc cản trở sự phát triển. Mặt khác, khuynh hướng này cũng không chấp nhận chủ động tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại để làm giàu thêm cho truyền thống của dân tộc mình.

Khuynh hướng thứ hai, từ bỏ tất cả những giá trị truyền thống của dân tộc, tức là phủ định sạch trơn mọi truyền thống và giá trị truyền thống, cho rằng những gì đã gọi là truyền thống thì không còn giúp ích gì cho hiện tại, và vì vậy, phải thay đổi hoàn toàn hệ thống giá trị của dân tộc. Đây chính là mầm mống của những tư tưởng coi thường các giá trị truyền thống của dân tộc, không thấy được sức mạnh to lớn của chúng, từ đó sùng bái và muốn bắt chước những giá trị ngoại lai một cách mù quáng mà không cần biết rằng những giá trị đó có phù hợp với điều kiện của dân tộc mình hay không.

Chính vì vậy, theo chúng tôi, kế thừa các giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay nhằm hướng tới xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại cần phải tuân thủ một số yêu cầu cơ bản sau đây:

Một là, cần giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, coi đó là một đòi hỏi cấp thiết đối với sự tồn vong của quốc gia dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, tất cả những giá trị truyền thống của dân tộc như: tinh thần yêu nước; ý thức coi trọng gia đình; ý chí tự lực, tự cường; tinh thần nhân văn, nhân ái; chủ nghĩa anh hùng cách mạng; tinh thần đoàn kết cộng đồng; đức tính cần cù, tiết kiệm; khả năng sáng tạo, linh hoạt, thích ứng nhanh, dễ hội nhập; tinh thần hiếu học, ham hiểu biết... đều cần được kế thừa và phát huy cao độ. Tuy nhiên, không được nhân danh bảo vệ các giá trị truyền thống dân tộc mà rơi vào trạng thái bảo thủ, cực đoan, "dị ứng" với tất cả các giá trị truyền thống của các dân tộc khác, đồng thời cũng không chịu thay đổi, bổ sung, phát triển những giá trị truyền thống của dân tộc cho phù hợp với yêu cầu của thời đại. Giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống đồng thời với đổi mới chúng là chuẩn bị sức mạnh cho văn hoá, lối sống truyền thống bước vào hội nhập một cách vững vàng trong vòng xoáy của toàn cầu hoá.

Hai là, gạt bỏ những truyền thống đã trở nên lỗi thời, lạc hậu hoặc những mặt hạn chế, tiêu cực và bảo thủ dưới bóng dáng truyền thống. Chẳng hạn những phản giá trị trong lối sống truyền thống được hình thành từ một nền văn minh nông nghiệp (mà lại là tiểu nông) như: tính cục bộ, địa phương; tâm lý bình quân chủ nghĩa, ưa cào bằng, ghen ghét, đố kỵ; thái độ cầu may; tác phong tùy tiện, quá thiên về tình cảm, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật; lối làm ăn nhỏ, manh mún, không biết lo xa và hạch toán kinh tế; thiếu tôn trọng con người cá nhân... Tuy nhiên, không vì vậy mà rơi vào tình trạng phủ nhận hoàn toàn vai trò của truyền thống nói chung và giá trị truyền thống nói riêng. Cần có đủ tri thức, bản lĩnh và sự kiên trì để phát hiện và lọc bỏ những nhân tố lạc hậu, lỗi thời của truyền thống đang cản trở sự phát triển của xã hội hiện đại.

Ba là, cùng với việc giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống, cần phải mở rộng giao lưu, tiếp nhận những giá trị tinh hoa của các dân tộc khác nói riêng và của cả nhân loại nói chung làm phong phú thêm cho nền văn hoá, lối sống của dân tộc mình. Những giá trị mà chúng ta cần chủ động tiếp thu chính là những giá trị cần thiết bổ sung vào hệ giá trị truyền thống của dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình toàn cầu hoá. Trong đó, phải kể đến các giá trị như: dân chủ, bình đẳng, tôn trọng pháp luật, dám nghĩ, dám làm, tác

phong công nghiệp, tôn trọng tự do và lợi ích cá nhân, duy lý, có tư duy kinh tế, biết tính toán hiệu quả... Ở đây có một mối quan hệ biện chứng, đó là, các giá trị truyền thống của dân tộc càng được phát huy cao độ bao nhiêu thì nó càng tạo ra một nguồn sức mạnh nội lực lớn bấy nhiêu, trên cơ sở đó, việc tiếp thu các giá trị từ bên ngoài mới mang tính chủ động và thực sự có hiệu quả. Tiếp thu các giá trị bên ngoài mà không để bị các giá trị đó lấn át các giá trị truyền thống của dân tộc và mới có thể ngăn chặn được những phản giá trị "theo chân" những giá trị bên ngoài tràn vào làm băng hoại các giá trị truyền thống. Trong giao lưu, hội nhập, cần phải luôn cảnh giác và tích cực chống âm mưu đồng hoá, xoá nhòa nền văn hoá truyền thống nói chung và làm thui chột, đánh mất những giá trị truyền thống nói riêng của dân tộc.

Như chúng tôi đã khẳng định ở trên, tất cả các giá trị truyền thống của dân tộc đều cần được kế thừa và phát huy cao độ trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến nội dung cụ thể của việc kế thừa một số giá trị truyền thống tiêu biểu nhất, có vai trò to lớn trong lịch sử phát triển của dân tộc và cũng là những giá trị rất cần thiết trong lối sống làm nên sức mạnh của dân tộc trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. Đó là: yêu nước; coi trọng gia đình; nhân văn; đoàn kết; hiếu học; cần cù, tiết kiệm.

Kế thừa giá trị truyền thống yêu nước trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay trước hết là kế thừa những yếu tố cốt lõi của nó, những yếu tố bất biến qua các giai đoạn lịch sử. Đó chính là tư tưởng, tình cảm thể hiện lòng trung thành và sự yêu thương, gắn bó của con người đối với Tổ quốc, là ý chí và hành động quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do cho đất nước và hạnh phúc của nhân dân, đem lại những điều tốt đẹp nhất cho đất nước, đặt quyền lợi của quốc gia lên trên lợi ích của cá nhân mình. Bên cạnh đó, cần hạn chế dần dần đi đến loại bỏ những biểu hiện không còn phù hợp hoặc mặt trái của chính giá trị này. Chẳng hạn như chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi; thái độ thù hằn, không hợp tác đối với những quốc gia trước đây là kẻ thù của dân tộc mình; thái độ bảo thủ khi cho rằng tất cả những gì thuộc về dân tộc mình đều tốt đẹp còn những gì thuộc về các dân tộc khác đều thấp kém từ đó không chịu tiếp nhận bất cứ giá trị nào từ bên ngoài...

Nội dung cơ bản nhất của yêu nước trong giai đoạn hiện nay là tất cả mọi người dân phải đem hết tài năng, sức lực, trí tuệ và lòng nhiệt huyết của mình để góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm cho đất nước "vươn mình đứng dậy", cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân đồng thời khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nói cách khác, trung thành với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh chính là sự thể hiện tinh thần yêu nước cao cả nhất trong điều kiện hiện nay.

Kế thừa truyền thống coi trọng gia đình của dân tộc trước hết là tôn trọng, giữ gìn và phát huy các chuẩn mực đạo đức tốt đẹp, lối sống lành mạnh, cách cư xử mang đậm tính nhân văn giữa các thành viên. Đó là tình nghĩa thủy chung giữa vợ với chồng; tình thương và trách nhiệm với con cái, lòng hiếu thảo đối với ông, bà, cha, mẹ; lòng biết ơn và tôn kính tổ tiên và trên hết là sự bền vững của gia đình. Đồng thời, cũng cần loại bỏ khỏi gia đình những quan niệm lạc hậu lạc hậu đã từng tồn tại trong một thời kỳ dài ở nước ta. Chẳng hạn như: tính gia trưởng, trọng nam khinh nữ; lối áp đặt một chiều từ phía cha mẹ đối với con cái; coi nhẹ lợi ích và nhu cầu riêng tư của mỗi thành viên... Mặt khác, cũng cần tiếp thu những giá trị văn hoá gia đình hiện đại như tôn trọng quyền con người nhất là đối với phụ nữ và trẻ em; tôn trọng lợi ích cá nhân; tinh thần bình đẳng, dân chủ giữa các thành viên; tôn trọng pháp luật...

Kế thừa giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, trước hết là trân trọng tình yêu thương đồng bào, đồng loại; sự khoan dung, độ lượng với mọi người; ý thức đề cao vai trò của con người trong cuộc sống; phản đối và chống lại những hành vi bạo ngược, phi nghĩa, bất nhân... hướng tới thực hiện những hiện những quyền tự do thiêng liêng và cao cả nhất của con người. Bên cạnh đó, cần phải loại bỏ những biểu hiện mang tính cực đoan và không còn phù hợp với điều kiện hiện nay như thái độ nể nang, vì tình cảm, vì thương hại người khác mà có thể vi phạm pháp luật hoặc để tình cảm lấn át lý trí trong nhiều hoạt động mà chúng ta vẫn thường gặp hiện nay.

Kế thừa giá trị truyền thống đoàn kết trước hết cần phát huy yếu tố cốt lõi của nó đó là sự đồng tâm, hợp sức của tất cả mọi người dân Việt Nam vì lợi ích

chung của dân tộc, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Bên cạnh đó, cần loại bỏ tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương núp dưới danh nghĩa đoàn kết của một hay một số nhóm người nào đó nhằm phá rối tình hình trật tự trị an trong nước. Nếu như trong chiến tranh, tinh thần đoàn kết thể hiện ở sự gắn bó, hợp sức của mọi tầng lớp nhân dân tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng những vũ khí tối tân, hiện đại nhất của kẻ thù thì ngày nay, cần phát huy sức mạnh đó để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Nếu như trước đây, nói đến đoàn kết chủ yếu là nói đến sự chung sức của đồng bào các dân tộc trong nước, thì ngày nay cần mở rộng khối đoàn kết dân tộc đối với tất cả những người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài thuộc mọi lứa tuổi, mọi nghề nghiệp, mọi chính kiến.

Kế thừa giá trị truyền thống hiếu học trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay chính là phát huy tinh thần ham học, thích được học, tự nguyện và khát khao vươn tới tri thức, vượt qua mọi khó khăn để nâng cao hiểu biết, khám phá thế giới tự nhiên và xã hội của các thế hệ người Việt Nam từ trước đến nay. Đồng thời, cũng cần loại bỏ những hiện tượng không phù hợp như sính bằng cấp, thương mại hoá tri thức, gian lận trong thi cử, thực dụng trong học tập, bệnh thành tích trong giáo dục... Cần có quan niệm mới, tiến bộ về học tập. Nếu như trước đây, việc học chỉ chủ yếu giới hạn trong sách vở, trường lớp và người học giữ vai trò thụ động trong việc thu nhận tri thức thì giờ đây, nên hiểu rằng, học là một quá trình trong đó chủ thể tự biến đổi mình, tự làm phong phú mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin, từ môi trường sống xung quanh mình. Không nên bó hẹp việc học ở nhà trường mà học tập nên được xem như là mọi hoạt động làm gia tăng giá trị cho con người, vừa thông qua hệ thống trường lớp, vừa thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua mạng Internet và bằng mọi biện pháp khác, như tự học, tự thể nghiệm, tự rút kinh nghiệm... trong công tác, trong cuộc sống, cùng tập thể, đồng đội đồng nghiệp bàn bạc, học tập lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Về mục đích học tập, cũng cần phải nhận thức được rằng, học không chỉ dừng lại ở việc thoả mãn những nhu cầu hiểu biết của riêng cá nhân hay để mưu sinh mà cao hơn, học là để hoàn thiện mình, học là để đáp ứng những đòi hỏi khắt khe của quá trình toàn cầu hoá, học là để hội nhập tốt hơn,

học là để tránh bị tụt hậu xa hơn nữa về mọi mặt... so với các cá nhân khác, các dân tộc khác trong khu vực và trên thế giới.

Kế thừa giá trị truyền thống cần cù là phát huy tinh thần nhiệt tình, kiên nhẫn, chịu khó trong lao động; lòng say mê, yêu lao động, yêu công việc, yêu nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt được kết quả lao động tốt nhất mà cha ông chúng ta đã từng phát huy và đã mang lại những thành quả lao động đáng trân trọng ngay cả trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt của chiến tranh. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần khắc phục dần những tư tưởng không còn phù hợp với điều kiện hiện nay. Chẳng hạn, quan điểm cho rằng, chỉ cần cù là sẽ “bù” được khả năng; chỉ cần “năng nhặt” là có thể “chặt bị” hay làm việc quần quật mà không nghỉ ngơi hợp lý... bởi chính những quan điểm đó sẽ có nguy cơ làm giảm đi tính sáng tạo trong lao động.

Trong truyền thống của dân tộc Việt Nam ta, cần cù luôn gắn với *tiết kiệm*. Cần động viên, tuyên truyền, giải thích để mọi người dân tự giác thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng, phát huy lối sống giản dị, biết tiêu dùng đúng mức, hạn chế chi tiêu cho những nhu cầu không hoặc chưa cần thiết, biết dành dụm cho tương lai... như ông cha ta đã từng làm. Cần nhận thức rằng, mặc dù những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã thu được những thành tựu đáng kể nhưng nước ta vẫn còn là một nước nghèo, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, chúng ta không thể bắt chước lối sống tiêu xài phung phí khi điều kiện chưa cho phép.

Ngoài những giá trị truyền thống nêu trên, để xây dựng lối sống dân tộc – hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay cũng còn nhiều giá trị truyền thống khác của dân tộc cần được kế thừa và phát huy. Hơn nữa, các giá trị truyền thống đó cần được khai thác trong tổng thể để chúng có thể bổ sung, hỗ trợ cho nhau và là điều kiện tồn tại của nhau, cùng nhau phát triển theo một mục tiêu nhất định.

Như vậy, hội nhập là con đường tất yếu không thể tránh khỏi đối với tất cả các quốc gia nói chung và đối với Việt Nam nói riêng vì mục tiêu phát triển. Để

vững vàng bước vào hội nhập mà không bị hoà tan, chúng ta cần phải kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc đồng thời chủ động tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh hoa của nhân loại để xây dựng một lối sống dân tộc -hiện đại - nhân lõi của nền văn hoá tiên tiến, đậm bản sắc dân tộc Việt Nam.

SỰ ĐAN XEN GIỮA LỐI SỐNG MỚI VÀ LỐI SỐNG CŨ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TS. NGUYỄN NAM THẮNG*

Cùng với quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, lối sống của nhân dân ta đang có những biến đổi đáng kể. Mức sống của nhân dân được cải thiện đã tạo điều kiện để phát triển các nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của cá nhân cũng như của cộng đồng. Những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đổi mới đã và đang củng cố lòng tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hàng loạt các giá trị mới được hình thành, góp phần làm đa dạng, phong phú lối sống của các tầng lớp nhân dân. Sự chuyển đổi từ một xã hội cổ truyền: nông nghiệp - nông thôn - nông dân lên một xã hội hiện đại: công nghiệp - hiện đại hoá - đô thị hoá; từ một nền văn hoá của thời kỳ chiến tranh giành và giữ độc lập dân tộc sang một nền văn hoá của thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước; từ cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường, với nhiều thành phần kinh tế, phân phối theo lao động, tài năng và đóng góp vốn; việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và thành quả đáng mừng của đổi mới đã và đang làm cho các cá nhân, các nhóm xã hội trở nên năng động, cởi mở và giàu khả năng thích nghi với biến đổi của môi trường trong nước và quốc tế. Giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng cũng tạo điều kiện cho nhân dân tiếp thu các giá trị tốt đẹp trong lối sống của các dân tộc khác để bổ sung cho mình. Những hạn chế của lối sống nông thôn, tiểu nông đang từng bước được khắc phục, thay đổi cho phù hợp với xã hội đang trên đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

* Giảng viên Khoa Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Trên con đường đó, hiện thực lối sống của người dân Việt Nam đang chứa đựng một sự đan xen giữa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, giữa tích cực và tiêu cực, có những nhân tố của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng có biểu hiện thực dụng, tham nhũng, lãng phí, xa hoa, phi nhân tính... Thực tế đó tạo nên một bức tranh về lối sống sinh động, nhiều màu sắc, thậm chí dẫn đến giằng co, mâu thuẫn, xung đột giữa lối sống tốt đẹp với lối sống thực dụng, thối loạn, phi nhân tính.

Con người luôn luôn phải tồn tại trong một cộng đồng người, thuộc một quốc gia, một khu vực nhất định. Trong cuộc sống chung như thế, người ta buộc phải tuân thủ những quy tắc nhất định, thành văn hoặc không thành văn. Những quy tắc này bao trùm tất cả các lĩnh vực, kinh tế, văn hoá, đạo đức, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, văn học, nghệ thuật, thẩm mỹ... Trong đó có những quy tắc dần dần được cá nhân thừa nhận và trở thành thói quen. Đó là lối sống cá nhân. Có những quy tắc được thừa nhận trong nội bộ một cộng đồng nào đó. Chúng được người ta tuân thủ gần như vô điều kiện, gần như một lẽ đương nhiên. Đó là lối sống cộng đồng, dân tộc.

Lối sống, văn hoá vừa là kết quả của sự phản ánh đời sống xã hội, vừa là nhân tố có vai trò to lớn chi phối đời sống xã hội. Do đó, việc nhận diện lối sống của một dân tộc là một việc khó, đòi hỏi chủ thể phải có một thái độ khách quan và một phương pháp khoa học trong nghiên cứu. Nhận diện lối sống đã định hình của một dân tộc đã khó, việc nhận diện thực trạng lối sống của dân tộc đang diễn ra như thế nào lại khó khăn hơn nhiều lần. Bởi vì, lối sống đó đang trong quá trình vận động, biến đổi và tiếp biến với nhiều nhân tố tác động đến nó và bản thân nó cũng biểu hiện ra theo nhiều chiều hướng. Hơn nữa, nó vừa là kết quả của sự phản ánh đời sống kinh tế - xã hội, vừa là nhân tố có vai trò to lớn chi phối đời sống kinh tế - xã hội.

Nền kinh tế nước ta phát triển ngày càng sâu sắc, đa dạng, phong phú, năng động và có hiệu quả hơn trước. Mức sống của người dân được nâng cao rõ rệt. Quá trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế đang mang đến cho người dân nhiều cái mới, cái hiện đại từ thế giới bên ngoài. Nhưng cũng chính quá trình

phát triển này đã tạo nên những biến đổi, thậm chí thái quá trong nhận thức về các giá trị, chuẩn mực, đạo đức, lối sống cá nhân và cộng đồng. Trong xã hội đang có sự đan xen của nhiều cách sống, lối sống, mà về cơ bản có thể khái quát thành hai khuynh hướng chủ đạo. Một bên là sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích tập thể và đất nước, kế thừa được truyền thống văn hoá dân tộc. Bên kia là sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý và pháp luật, thậm chí thác loạn và mất nhân tính.

Sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, giản dị, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích tập thể và đất nước, phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức gắn kết cộng đồng, cần cù sáng tạo trong lao động, nhanh nhạy, năng động trong sản xuất, kinh doanh, tinh tế trong ứng xử là lối sống tích cực - nhân tố hình thành nên lối sống dân tộc - hiện đại, là lối sống mới, lối sống tốt đẹp. Sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý và pháp luật, thậm chí thác loạn và mất nhân tính là lối sống tiêu cực, phản giá trị, là lối sống cũ. Lối sống mới cần được nuôi dưỡng và phát huy. Lối sống cũ cần phải đấu tranh loại bỏ.

Lối sống truyền thống Việt Nam

Lối sống, văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Lối sống thể hiện bản sắc Việt Nam được hình thành và thể hiện qua lao động sản xuất, chiến đấu, học tập và xây dựng, ứng xử và giao tiếp... và được tái hiện tập trung trong nền văn hoá Việt Nam. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá VIII đã chỉ ra những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tạo nên truyền thống văn hoá, đạo đức, lối sống Việt Nam. “Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng nhân ái khoan

dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”¹.

Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn luôn đương đầu với kẻ thù hùng mạnh để giữ gìn quê cha, đất tổ, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Hàng nghìn năm chống sự xâm lược và đồng hoá văn hoá của kẻ thù đến từ phương Bắc, trải qua những cuộc kháng chiến chống lại đế quốc lớn, như Pháp, Mỹ... trên dải đất Việt Nam đã liên tục xuất hiện hết cuộc kháng chiến này đến cuộc kháng chiến khác. Để bảo vệ sự sống còn, dân tộc Việt Nam đã anh hùng, bất khuất đương đầu với kẻ thù bằng mọi giá, chống trả quyết liệt, giành chiến thắng để tồn tại, phát triển. Hiện thực lịch sử đó đã rèn luyện con người Việt Nam trong thử thách ác liệt nhất, tạo ra những phẩm chất cao quý và độc đáo, như chủ nghĩa yêu nước, đức hy sinh, tinh thần bất khuất, lòng quả cảm, sự gắn bó đoàn kết, tinh thần độc lập, tự cường... Chủ nghĩa yêu nước là một trong những giá trị cao đẹp nhất của người Việt Nam. Nó đã thấm sâu vào máu thịt của nhân dân ta. Chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự cường dân tộc đã trở thành yếu tố quan trọng đặc biệt, được biểu hiện rất sinh động và cụ thể trong lối sống của dân tộc. Đó là tình yêu quê hương, yêu xóm làng, yêu thương con người và được kết tinh ở tình cảm đạo đức trung với nước, hiếu với dân, tất cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, thà hy sinh chứ không chịu làm nô lệ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần (yêu nước) ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹.

Khi đất nước được thống nhất, truyền thống yêu nước, ý chí tự cường được dân tộc ta kế thừa và phát huy nhằm mục đích xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc, đem hết tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, tr.56.

minh. Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã khẳng định: “Ý thức phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tinh thần trách nhiệm và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ được nâng lên một bước, nhiều nét mới trong giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức được hình thành”².

Khi Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nước ta rơi vào thế bị động và vô cùng khó khăn. Thế nhưng, một lần nữa, nhân dân ta đã thể hiện bản lĩnh của mình, kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước trong hoàn cảnh mới, quyết tâm giữ vững độc lập, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, dám nghĩ, dám làm, phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ ngoại lực, từng bước vượt qua khó khăn thử thách, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thiên tai, lũ lụt, hạn hán, người dân Việt Nam vừa lao động vừa chống giặc ngoại xâm, sản xuất ở trình độ thấp, công cụ lao động thô sơ đã hình thành nên ở họ đức tính cần cù, tinh thần mạnh mẽ đấu tranh và tích cực cải tạo thiên nhiên bền bỉ, liên tục. Chính những điều kiện tự nhiên của sự sống như vậy đã làm nảy sinh các phẩm chất có giá trị truyền thống như cần cù, kiên nhẫn, thông minh, sáng tạo, những giá trị đó đã hình thành nên lối sống có bản sắc của người Việt Nam hôm nay.

Thực tiễn chiến đấu và sinh tồn đó thôi thúc con người Việt Nam tự vươn lên trong học tập và sáng tạo. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc hiếu học. Tinh thần hiếu học đó có cơ sở bền vững từ trong mỗi gia đình của người Việt Nam. Những tấm gương về học trò thi đỗ, hoặc kiên trì học tập luôn được nhắc đến trong dân gian và sử sách, như Mai Thúc Loan, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Lê Quý Đôn,... Ngay khi đất nước được độc lập với phương Bắc, thời Lý đã xây dựng trường đại học đầu tiên của mình là Quốc Tử Giám. “Giá trị hiếu học, coi trọng học vấn và tôn sư trọng đạo là truyền thống lâu bền và là một hàm nghĩa của văn hiến Việt Nam”³. Người Việt Nam thường hay nói

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, T.6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 171.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 42.

³ Huỳnh Khái Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn, *Bàn về khoan dung văn hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.316.

“đức tài”, “hiền tài”. Hai phẩm chất này luôn được đề cập gắn bó với nhau, thể hiện truyền thống coi trọng việc học gắn liền với đạo đức. Nó trở thành một tiêu chuẩn, thành lẽ sống của người Việt Nam. Sau này, trong chiến tranh ác liệt, các trường đại học vẫn mở cửa đón nhân tài. Ngày nay không ít nhưng tài năng của Việt Nam đã được thế giới công nhận, họ có mặt trong tất cả các lĩnh vực, kinh tế, khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật. Thông minh, sáng tạo, hiếu học chính là những phẩm chất đáng quý, góp phần hình thành lối sống của người Việt Nam.

Hoàn cảnh nghèo khổ, đau thương đã hình thành ở người Việt Nam một lối sống giản dị, thương người, đề cao lòng nhân ái, đức khiêm nhường. Nhìn lại quá khứ, chúng ta thấy, lịch sử Việt Nam gắn liền với việc đắp đê chống lũ, chống giặc ngoại xâm. Chính trong điều kiện đó, nhân dân ta đoàn kết gắn bó với nhau và yêu thương cộng đồng, đất nước. Hoàn cảnh kinh tế xã hội Việt Nam đã sản sinh ra một “sản phẩm đặc thù” đáng quý đó là tính cộng đồng. Tính cộng đồng là sự liên kết các thành viên trong làng lại với nhau, mỗi người đều hướng tới người khác, nhờ đó, nó trở thành điều kiện sống còn và là sức mạnh trường tồn của Việt Nam trước mọi thử thách. Người Việt Nam sẵn sàng đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, coi mọi người trong cộng đồng như anh em một nhà; “tay đứt ruột xót”, “chị ngã em nâng”, “một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”, “lá lành đùm lá rách”. Tính cộng đồng đã góp phần hình thành nếp sống đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân, lợi ích của làng - nước (Tổ quốc) lên trên lợi ích của gia đình. Người Việt Nam thích sống, hoạt động và cống hiến trong cộng đồng và đặt mình trong quan hệ với gia đình - làng xã - Tổ quốc. Dân tộc ta cũng có truyền thống tế nhị, kín đáo trong giao tiếp, ứng xử cởi mở, mến khách, tình thương yêu đậm đà, óc hài hước sâu sắc... đã trở thành những phẩm chất và giá trị truyền thống văn hoá Việt Nam. Nền văn hoá Việt Nam thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã có sức vươn lên mạnh mẽ, làm cho âm mưu “đồng hoá” của các thế lực thù địch trong suốt mấy ngàn năm đều bị thất bại. Nền văn hoá này đã tạo ra một dân tộc Việt Nam có tâm hồn, cốt cách riêng được biểu hiện sinh động trong nếp sống, lối sống của người dân Việt Nam hôm nay.

Trong suốt quá trình vận động và lịch sử phát triển của mình, những giá trị tinh thần và vật chất trên đây của dân tộc Việt Nam đã gắn kết với nhau và trở thành những phẩm chất, những yếu tố cơ bản tạo nên lối sống truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Song, từ thực tiễn lịch sử của dân tộc Việt Nam, bên cạnh những giá trị, phẩm chất tốt đẹp trong lối sống cũng đồng thời xuất hiện những yếu tố tiêu cực, phản giá trị. Với một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, con người bị hạn chế bởi tầm nhìn, tâm lý của người tiểu nông chi phối khá mạnh mẽ lối sống và nếp sống của người Việt Nam trong quá khứ và hiện tại. Tiểu nông thì thiếu đầu óc của người làm khoa học, sản xuất lớn, tùy thời, tùy việc mà ứng xử, ít xuất phát từ những chân lý khoa học khách quan, nhưng lại thường dựa vào kinh nghiệm dân dã, dễ bằng lòng, tùy tiện, tâm lý làm vừa đủ ăn... Tư tưởng bình quân chủ nghĩa tác động rất mạnh trong tâm lý người Việt Nam. Sự đố kỵ ghen ghét, không muốn ai hơn mình đã làm nảy sinh và nuôi dưỡng cách sống tầm thường, nhỏ mọn. Sự ảnh hưởng nặng nề của lễ giáo phong kiến làm tác động xấu đến truyền thống dân chủ, sự bình đẳng giữa nam và nữ, đồng thời đẻ ra thói đạo đức giả, dẫn đến xảo trá. Khẩu hiệu “trung hiếu tiết nghĩa” là để cho người khác chứ không phải cho chính bản thân mình. Cách sống đó làm sôi mòn, ảnh hưởng tiêu cực đến lối sống của người Việt Nam. Khi các cuộc chiến tranh xâm lược diễn ra, việc giao lưu với thế giới bên ngoài được mở rộng thì những yếu tố tiêu cực phản giá trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, tư tưởng tự do tư sản, chủ nghĩa thực dụng Mỹ, văn hoá tiêu dùng hiện đại cũng đã gia nhập vào nước ta, thâm nhập và tác động chi phối một bộ phận nhân dân. Cách sống này làm ảnh hưởng đến lối sống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, làm tổn hại đến truyền thống tốt đẹp và việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Sự đan xen lối sống mới - cũ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Sau thắng lợi năm 1975, hoàn thành sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, dân tộc ta bước vào một thời kỳ mới, xây dựng

chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong 10 năm (1975 - 1985), chúng ta xây dựng và cải tạo xã hội theo mô hình cũ, đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI (năm 1986) đến nay, với đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, những nhân tố mới đã xuất hiện và tác động đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội, văn hoá, tư tưởng, quan niệm sống, cách sống, lối sống của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII (năm 1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* với nội dung cơ bản là xây dựng đất nước và nền văn hoá mới vì mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ xuyên suốt thời kỳ quá độ ở nước ta. Đây là một cuộc cải biến xã hội sâu sắc cả về kinh tế, chính trị, xã hội, tinh thần, đạo đức, lối sống của mỗi con người Việt Nam. Đồng thời nó đòi hỏi phải xoá bỏ những tàn dư của các hình thái kinh tế - xã hội cũ ở nước ta và cả chế độ tư bản đã bước đầu xuất hiện ở một nửa phía Nam của đất nước trước năm 1975. Trong quá trình đó nước ta vừa đồng thời phải xoá bỏ tàn dư bảo thủ, lạc hậu của các xã hội cũ, vừa phải khắc phục hậu quả của chiến tranh để lại, vừa phải vượt qua những sai lầm, khuyết điểm của cơ chế cũ để tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ này đòi hỏi phải phát huy cao độ trí tuệ, tinh thần, đạo đức và ý chí của con người Việt Nam, văn hoá Việt Nam. Nhiệm vụ này cũng làm thay đổi nhiều mặt của văn hoá Việt Nam, trong đó có lối sống của dân tộc. Bởi vì, tư tưởng, đạo đức, lối sống là lĩnh vực then chốt của văn hoá¹.

Những nội dung và giải pháp đổi mới kinh tế - xã hội của Đảng và nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là những giải pháp xây dựng kinh tế - xã hội trong những năm đổi mới đã đóng vai trò quyết định đối với việc giải quyết thành công cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 42.

trọng ở nước ta trong những năm 80 của thế kỷ trước. Thành quả đổi mới đã đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi tình trạng trì trệ, chậm phát triển, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định, nâng cao mức sống dân cư, tạo được tiền đề cho phát triển. Sau khi đã ra khỏi khủng hoảng về căn bản, nền kinh tế nước ta đã bước vào thời kỳ cất cánh, đã đi vào giai đoạn bước ngoặt mới của phát triển - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo ra nền tảng vật chất, kinh tế cho phát triển văn hoá, đạo đức, lối sống, tinh thần của nhân dân.

Nền kinh tế thị trường dựa trên sản xuất hàng hoá, quy luật giá trị và quan hệ thị trường đã tạo ra cơ sở kinh tế để phát triển và thúc đẩy nhu cầu của từng cá nhân cũng như của xã hội. Do đó, dưới tác động của kinh tế thị trường, sự hình thành ý thức và năng lực dân chủ của mỗi người có điều kiện để thực hiện nhiều hơn và rõ rệt hơn so với trước đổi mới. Kinh tế thị trường làm cho quan hệ đạo đức giữa con người với nhau có tính chất dân chủ và bình đẳng hơn, khắc phục được nhược điểm của quan liêu, đẳng cấp, gia trưởng. Trong môi trường kinh tế thị trường và môi trường xã hội dân chủ hoá, con người được bộc lộ những suy nghĩ và đánh giá thực, phản ánh nhu cầu thực, giải phóng các tiềm năng xã hội, các tiềm lực của cá nhân, giải phóng ý thức, tư tưởng và tinh thần. Dân chủ vừa là môi trường, vừa là điều kiện để hình thành nhân cách, nhân cách thực sự của mình chứ không phải một nhân cách vay mượn, che lấp cá tính, bản sắc riêng. Một cách tự nhiên, kinh tế thị trường không chỉ hối thúc con người phải chú trọng tới trách nhiệm, cả trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức trong công việc, trong hoạt động, hành vi, lối sống của mình. Việc giữ chữ tín trong sản xuất, kinh doanh, trong công việc và các quan hệ ứng xử của con người trở thành một đòi hỏi, hơn nữa còn là văn hoá. Kinh tế thị trường thúc đẩy sự ra đời của văn hoá kinh doanh, trong đó cái cốt lõi là đạo đức, là sự lương thiện. Song, thực tế xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến đời sống tinh thần, đạo đức, lối sống của người dân. Nhiều nghịch lý đang diễn ra trong đời sống kinh tế của đất nước: tính dã man, hoang dã của kinh tế thị trường hiện nay, sự thua lỗ của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế, nạn tham nhũng, lãng phí, thất thoát trong đầu

tư phát triển kinh tế... Sự phát triển và làm ăn có hiệu quả của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài cao hơn các doanh nghiệp nhà nước... đang tác động mạnh mẽ vào tư tưởng, tình cảm, quan điểm, lối sống của nhân dân, đến đời sống tinh thần của xã hội.

Kinh tế thị trường tạo điều kiện cho việc phát huy tài năng và trí tuệ của con người. Mọi người bình đẳng với nhau, và bình đẳng trước pháp luật, tạo điều kiện để phát huy nền dân chủ. Hình thành ý thức trách nhiệm công dân ở mỗi người lao động. Gắn liền quyền với nghĩa vụ, lợi ích với trách nhiệm xây dựng mối quan hệ ràng buộc giữa công dân với nhà nước, giữa dân chủ với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương và đạo đức. Bằng cách đó, dân chủ không chỉ được nhấn mạnh từ phương diện pháp lý mà còn được đảm bảo bởi đạo đức và chất lượng nhân văn. Dân chủ đã góp phần hình thành và phát triển ý thức cũng như hành vi đạo đức mới, đó là trung thực và trách nhiệm. Những đức tính này rất cần thiết đối với đạo đức công dân, góp phần hình thành lối sống mới tốt đẹp của người lao động trong xã hội mới. Mỗi người từ công dân bình thường không giữ chức vụ đến những nhà lãnh đạo, quản lý được dân uỷ quyền đều phải trung thực và trách nhiệm trong công việc và lối sống hàng ngày. Song, thực tế đời sống chính trị của nước ta còn nhiều hiện tượng tiêu cực thiếu dân chủ diễn ra ở nhiều nơi, nhiều cấp, trình độ dân chủ, ý thức dân chủ chưa cao dẫn đến những hành vi chống đối chính quyền, quấy rối trật tự xã hội, làm ảnh hưởng không tốt đến bầu không khí chính trị, tinh thần, đạo đức, lối sống.

Kinh tế thị trường hoạt động theo quy luật giá trị và vì mục tiêu lợi nhuận đã hình thành môi trường kinh tế - xã hội để biến đổi tâm lý, ý thức đạo đức, lối sống của con người Việt Nam hôm nay theo những tiêu chí mới. Đó là tính thiết thực, hiệu quả, tính năng động và tháo vát trong hoạt động; chú trọng lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế thường nhật, ý thức về năng lực, trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ được đề cao, đi liền với nó là ý thức chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân được coi trọng. Trước đổi mới con người có tâm lý đề cao chỗ làm trong cơ quan nhà nước hay trong hợp tác xã,

được nhà nước trả lương hoặc hợp tác xã trả công. Chỉ có như vậy mới được coi là có vị thế xã hội, mới được xem là lao động chân chính, như thế mới có đạo đức. Họ xem nhẹ hiệu quả, chất lượng, giá trị thực tế của lao động mà chỉ chú ý đến hình thức. Từ đó dẫn đến những hành vi, đánh giá tiêu cực, lệch lạc đối với lao động cá thể, tư nhân và với rất nhiều ngành nghề khác vốn cần thiết và có ích cho đời sống xã hội. Cơ chế mới đã dẫn đến đổi mới tư duy, đổi mới ý thức đạo đức đối với nghề nghiệp và chỗ làm. Bất cứ lao động nào, làm việc gì, nghề gì, bằng sức lao động của mình, đem lại hiệu quả thực tế, đảm bảo được đời sống của mình và có đóng góp cho xã hội, không trái với pháp luật đều được thừa nhận, đều có giá trị. Sự thay đổi này đã khuyến khích phát huy đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo của con người Việt Nam truyền thống. Con người đã chủ động giải quyết những nhu cầu cuộc sống của mình, không ỷ lại chờ đợi. Họ thích nghi với những biến đổi. Từ việc lựa chọn cách sống, chọn nghề, chọn trường, chọn chỗ làm việc... được người dân điều chỉnh để thích nghi với nhu cầu xã hội khi họ có khả năng đáp ứng, không còn giáo điều, sơ cứng. Sự biến đổi đó đã góp phần tạo nên lối sống năng động, thích nghi cái mới không phải chỉ ở lớp người trẻ tuổi, mà còn đối với số đông các đối tượng, giai tầng xã hội. Đó là một bước tiến vì đã hình thành trong xã hội một lối sống hướng tới hành động, hướng vào hiệu quả công việc, hướng vào sự hình thành và phát triển cá nhân. Cá nhân đó là một chủ thể mang nhân cách khẳng định cá nhân, cá tính và ý thức về vai trò chủ thể. Hình thành lối sống thiết thực, khấn trương, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm, có trách nhiệm với bản thân và xã hội, lối sống hướng tới phát triển cá nhân và phát triển xã hội.

Quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh và sự phân hoá trong phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi con người phải không ngừng hoàn thiện mình về năng lực. Trong sản xuất - kinh doanh, con người phải có đầu óc nhạy bén với cái mới, có ý thức rõ rệt về đổi mới và sẵn sàng một tâm thế đổi mới để xử lý các tình huống xảy ra trong đời sống thương trường. Năng lực sáng tạo được phát huy, nhưng đồng thời nó cũng đòi hỏi con người phải có hiểu biết, có tri thức và học vấn, có chuyên môn và nghiệp vụ, có phương pháp và kinh nghiệm, có khả năng thực hành những kiến thức mà mình có được một cách nhuần

nhuần, thuần thực. Nghĩa là, họ phải có một năng lực tổng hợp, vừa chuyên môn hoá vừa đa dạng hoá, có tính cơ động, giúp họ phản ứng linh hoạt trước những biến đổi mau lẹ của đời sống. Phát huy truyền thống “nhất nghệ tinh nhất thân vinh”, con người ngày nay còn phải chắc chắn rằng, “giỏi một nghề đồng thời biết nhiều nghề” để kịp thời đáp ứng nhu cầu cuộc sống khi cần thiết. Hình thành nên lối sống năng động, tháo vát, tự đổi mới để chủ động thích ứng và theo kịp cuộc sống thương trường. Để phát huy tinh thần yêu nước, con người ngày nay phải là người có năng lực lao động tự giác, làm việc hết mình vì trách nhiệm với mình và xã hội. Đó là người thoát ra khỏi tình trạng thụ động, trì trệ, lười biếng, ỷ lại và sống ký sinh vào bao cấp của nhà nước. Họ là người lao động và làm việc với tất cả lòng tự trọng bản thân để tôn trọng người khác và xã hội. Họ nhất quyết không phải là người vừa vô trách nhiệm với cộng đồng xã hội, vừa thiếu lòng tự trọng đối với chính bản thân mình, rất tiếc đến hôm nay trong chúng ta vẫn còn không ít người có lối sống như thế.

Cùng với nhịp độ phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên đất nước ta các khu dân cư đông đúc được hình thành, các đô thị ngày càng mở rộng, nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân đòi hỏi được đáp ứng ngày càng cao hơn. Phạm vi của đời sống công cộng trở nên cần thiết và cấp bách. nếp sống công cộng, trật tự công cộng càng mở rộng trở thành nhu cầu, phản ánh bộ mặt văn minh, lối sống, đạo đức và kỷ cương của xã hội. Thực tế đã chứng minh rằng, không thể đợi đến khi giàu có, đất nước có một nền đại công nghiệp, cơ sở vật chất kỹ thuật đầy đủ và dồi dào thì mới có được trật tự công cộng.

Toàn cầu hoá hiện nay đem lại những thời cơ lớn và thách thức lớn cho sự tồn tại và phát triển của các quốc gia dân tộc. Đất nước mở cửa chúng ta có điều kiện tiếp thu những mặt tốt đẹp của lối sống hiện đại trên thế giới, song những yếu tố xấu, phi văn hoá từ bên ngoài cũng đã nhập vào huỷ hoại lối sống truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong hoàn cảnh này các yếu tố hủ bại, tiêu cực trong nước cũng được dịp, có cơ hội nảy nở, phát sinh xen lẫn những yếu tố tốt đẹp.

Đất nước đổi mới, cơ chế kinh tế mới và bối cảnh xã hội mới đã đem lại cho xã hội Việt Nam nhiều thành quả đáng mừng, trong đó có sự đóng góp của hàng chục triệu người Việt Nam bình thường, giản dị, làm những công việc bình thường nhưng hữu ích cho cuộc sống, họ không ỷ lại và ăn bám vào xã hội mà ngược lại đóng góp cho xã hội một cách tận tâm, tận lực. Những con người này đã hình thành nên lối sống Việt Nam hôm nay. Họ đã sống lương thiện, tử tế, làm điều thiện, đấu tranh cho cái thiện, và bằng hành động, lối sống của mình mà tham gia vào cuộc đấu tranh vì sự khẳng định và chiến thắng của cái thiện trong cuộc sống, đối lập với cái xấu, cái ác và vượt qua nó như vượt qua cái phản đạo đức. Họ là những người nông dân cần mẫn, tự chủ trên mảnh ruộng khoán của mình với hàng triệu hộ và hàng chục triệu người. Họ là những điển hình nông dân tiên tiến, những chủ hộ sản xuất - kinh doanh, chủ trang trại, những triệu phú, tỷ phú biết làm giàu cho mình bằng lao động chính đáng, đồng thời giúp cho nhiều người có việc làm, có thu nhập ổn định, vượt qua ngưỡng đói nghèo. Họ là những công nhân, những người thợ trong tất cả các thành phần kinh tế đã tạo ra sản phẩm cho xã hội, thúc đẩy phồn vinh cho Tổ quốc. Không chỉ có thế, họ còn nói lên tiếng nói trung thực, dũng cảm đấu tranh cho công bằng, dân chủ, vạch trần các tệ nạn, tiêu cực xã hội, đấu tranh cho lẽ phải và đạo lý mà xã hội cần phải có. Họ là những trí thức hoạt động trong nhiều lĩnh vực đa dạng của đời sống kinh tế - xã hội, bằng năng lực thực tế của mình đã góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Những năm gần đây, giá trị ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - quốc gia được nhân dân ta tiếp tục kế thừa và phát huy trong xây dựng lối sống mới, trong xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Bước vào phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, chúng ta cảm thấy yên tâm hơn khi thấy tinh thần vì cộng đồng, hy sinh vì nước, thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn được nhân dân ta quan tâm thực hiện. Đại đa số các tầng lớp nhân dân vẫn vì lợi ích chung, đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Hàng loạt các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động từ thiện, như: “lá lành đùm lá

rách”, “giúp người gặp lũ lụt, thiên tai”, “hiến máu nhân đạo”, “vòng tay nhân ái”, “ánh sáng văn hoá hè”, “mang ánh sáng cho người mù”... đã được nhân dân mọi miền Tổ quốc tích cực hưởng ứng... Thông qua các hoạt động này, chúng ta thấy đã xuất hiện nhiều tấm gương của con người mới, lối sống mới đáng trân trọng. Trong thiên tai, hoạn nạn, dịch bệnh,... nhân dân truyền nhau câu nói: “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no”,... động viên nhau cùng vượt qua khó khăn. Tính cộng đồng, tình làng, nghĩa xóm, khu phố vẫn duy trì bền chặt. Người ta chia sẻ nhau những niềm vui trong lễ hội, cưới hỏi, sinh nhật, tân gia, mừng thọ; người ta cũng chia sẻ nhau những nỗi buồn hay bất hạnh trong cuộc đời: ma tang, hoả hoạn, bệnh tật... Cả nước cùng lên tiếng đấu tranh đòi quyền lợi cho những người bị nhiễm chất độc màu da cam. Hàng triệu chữ ký đòi Mỹ phải bồi thường cho những thiệt hại, mất mát của cuộc đời những nạn nhân; nhiều tỉ đồng của nhân dân cả nước đóng góp giúp đỡ những nạn nhân này đã góp phần nào xoa dịu nỗi đau khó có thể bù đắp.

Tuy vậy, chúng ta có thể nhận ra khá rõ là, hiện tại mối quan hệ cá nhân - cộng đồng - làng xã - quốc gia có phần lỏng ra, không gắn chặt như trước đây. Ở nhiều nơi, ngay cả nông thôn, nơi mà cộng đồng làng xã được tổ chức bền chặt nhất, từng là “bức rào chắn” vững vàng nhất đối với mọi thứ xâm lược văn hoá, nơi mà tình làng, nghĩa xóm sâu đậm nhất, cũng không còn gần gũi, thắt chặt như xưa. Hiện tượng “đèn nhà ai nhà nấy sáng”, “ai chết mặc ai” có chiều hướng gia tăng. GS,TS. Đỗ Huy nhận định: “Hệ giá trị làng xã Việt Nam với một cơ cấu cộng đồng bền chặt đang chịu thử thách mạnh mẽ trước làn sóng đầu tư trong quá trình toàn cầu hoá. Các lãnh tụ tinh thần làng xã, mối quan hệ nhà - làng - nước trong hệ giá trị làng xã hiện dần thay đổi nhiều trong làn sóng đầu tư. Các quan hệ gia đình đang lỏng lẻo dần.”¹.

Những năm gần đây, khi nền kinh tế thị trường ở nước ta phát triển mạnh mẽ hơn, giao lưu hợp tác, hội nhập quốc tế mở rộng, các thành phần

¹ Đỗ Huy: *Giá trị truyền thống Việt Nam trước thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002. tr. 105.

kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân được chú ý, quan tâm và trên thực tế thành phần kinh tế này đã phát huy được vai trò của mình, thì lối sống vì lợi ích cục bộ, cá nhân ích kỷ cũng tăng lên, lợi ích tập thể có khi bị lấn át, thậm chí bị lãng quên. Người ta ít quan tâm đến những vấn đề chung, đến việc chung.

Kinh tế thị trường đã thể hiện tính năng động, ưu việt của mình so với sự phát triển của nền kinh tế vận hành theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Điều đáng mừng là, giá trị nhân ái, khoan dung vẫn tiếp tục được nhân dân ta kế thừa, phát huy và nâng lên một tầm cao mới trong lối sống, cách sống của mình. Truyền thống thương người, cởi mở, khoan dung thấm nhuần tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chiến thắng của cái chính nghĩa, cái đẹp trước cái phi nghĩa, cái xấu, sẵn sàng cứu mang những ai gặp hoạn nạn khó khăn, bất hạnh đã được các tầng lớp nhân dân phát huy trong thời kỳ đổi mới. Mọi tầng lớp nhân dân, từ thiếu nhi đến cụ già, từ học sinh tiểu học đến sinh viên, từ nhân viên bình thường đến cán bộ cao cấp, công nhân, nông dân, trí thức đều biết chia sẻ và bao dung, độ lượng với nhau. Tất cả đều hăng hái góp sức mình vào các phong trào có ý nghĩa sâu sắc: Uống nước nhớ nguồn; Xây mộ tình thương; Xây nhà tình thương, tình nghĩa; Áo lụa tặng bà; Tấm chăn nghĩa tình ấm lòng mẹ; Phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Gây quỹ vì người nghèo; Hiến máu nhân đạo; Vòng tay nhân ái; Nối vòng tay lớn; Vì nạn nhân ảnh hưởng chất độc màu da cam; Thanh niên tình nguyện phát triển nông thôn... Các phong trào này đã đạt được nhiều kết quả đáng mừng. Đến nay 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được các đơn vị, tổ chức nhận phụng dưỡng đến cuối đời; hàng chục vạn thân nhân của liệt sĩ được đỡ đầu. Toàn dân góp nhiều tỉ đồng, của cải, công sức cứu trợ đồng bào các vùng bị thiên tai lớn, giúp đỡ người già không nơi nương tựa, trẻ em gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... Lòng nhân ái của dân tộc ta ngày nay không chỉ bó hẹp trong phạm vi quốc gia, mà đã vươn đến khu vực và quốc tế. Chúng ta đã có nhiều chuyến hàng giúp đỡ những nước bạn gặp khó khăn, khi họ gặp thiên tai, như động đất, sóng thần, bão tố, lũ lụt...

Tuy vậy, cũng cần nhận ra rằng, chính lòng nhân ái, khoan dung trong giai đoạn hiện nay có biểu hiện suy giảm, biến dạng trong lối sống của không ít cá nhân. Dễ thấy nhất có lẽ là lối sống ngoại lai ích kỷ, hẹp hòi, phi nhân tính đang có chiều hướng lấn át lối sống giàu tình nghĩa truyền thống. Kinh tế thị trường ngày càng phát triển, giao lưu, hội nhập quốc tế được mở rộng, nhiều cá nhân có được cơ hội làm ăn, thu nhập tăng lên, nhưng đáng tiếc, trong xã hội lại xuất hiện những hành vi mất tính nhân ái. Tình làng, nghĩa xóm, quan hệ người với người, lòng bao dung bị mờ nhạt dần đi. Sự đùm bọc cứu mang, giúp đỡ người khó khăn ít được diễn ra từ tình cảm chân thật tự đáy lòng. GS,TS Nguyễn Văn Huyền nhận định: “Quan hệ mật thiết của truyền thống xã hội nông nghiệp xưa kia không còn đậm nét. Có thể nói, nếp sống công nghiệp và hiện đại đã làm xơ cứng lối sống tình cảm, mất đi những cảnh sinh hoạt thanh bình của làng quê, tình cảm gắn con người với thiên nhiên. Thế giới tinh thần, tình cảm không những ít được quan tâm mà ngày càng bị nghèo đi, thậm chí còn bị què quặt. Đây là sự mất mát to lớn đối với lối sống của người Việt Nam hiện nay”¹.

Cùng với giá trị lòng nhân ái, khoan dung là tinh thần vì nghĩa, vì cái chung của nhân dân ta. Đặt cái chung lên trước, nếu cần người dân Việt Nam sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng để hành động vì chính nghĩa, vì lẽ phải, thậm chí còn hy sinh cả lợi ích trước mắt để có chính nghĩa, độc lập tự do lâu dài. Phải nói rằng, chưa bao giờ cuộc sống có những biến động lớn như ngày nay. Sự biến động này làm cho con người có thiên hướng đi về phía lợi ích riêng. Cái chung, cái vì lẽ phải, vì chính nghĩa có xu hướng ít được quan tâm, chú ý. Tuy vậy, trong những năm qua, phẩm chất vì nghĩa vẫn được nhân dân ta coi trọng, kế thừa và phát huy trong xây dựng lối sống của mình. Sâu sắc và đáng trân trọng nhất là, mỗi khi Đảng và Nhà nước ta cần gì, làm gì, ở đâu mà vì nghĩa thì đều được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia tích cực. Trước đây, hành động cứu nước là đại nghĩa, thì ngày nay bảo vệ đất nước trước âm mưu kẻ thù

¹ Nguyễn Văn Huyền: *Lối sống người Việt Nam dưới tác động của toàn cầu hoá*, Tạp chí Triết học, Số 12-151, 2003, tr. 33-34.

xâm lược đang tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta và xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh là đại nghĩa. Thật vậy, lớp lớp thanh niên đã lên đường, ngày đêm bảo vệ biên cương, biết bao chàng trai cô gái sẵn sàng xa quê, từ bỏ cuộc sống đô thị, ra tận hải đảo xa xôi canh giữ bầu trời bình yên cho Tổ quốc; những cô gái, chàng trai khoác lên mình chiếc áo xanh tình nguyện, lên rừng, xuống biển để khai phá đất hoang, giúp dân nghèo xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, giúp thanh niên lập nghiệp, lập thân; nhiều phong trào đóng góp sổ tiết kiệm tình nghĩa tặng gia đình chính sách, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, tượng đài các anh hùng; nhiều tấm gương chiến sĩ công an, quân đội nhân dân đã hiến cuộc sống của mình để bảo vệ sự nghiệp xây dựng Tổ quốc; nhiều tấm gương trong xã hội đã dấn thân chống tiêu cực xã hội vì nghĩa lớn của đất nước. Nhiều người dân tự nguyện hiến đất, công sức và tiền của xây dựng trường học. Bên cạnh đó, tinh thần vì nghĩa còn được phát huy trong các phong trào đóng góp vì bạn bè quốc tế gặp khó khăn, gặp thiên tai, lũ lụt. Việc nhân dân và Nhà nước ta tự giác quyên góp ủng hộ nạn nhân ở các nước gặp thiên tai không chỉ là lòng nhân ái, mà còn là một nghĩa cử vì nghĩa - vì cộng đồng, của nhân loại. Tất cả việc làm đó đã có tác dụng giáo dục, khơi dậy tinh thần vì nghĩa trong xã hội.

Tuy nhiên, trước sự phát triển của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, xu hướng chạy theo lối sống hưởng thụ, chỉ lo thoả mãn nhu cầu cá nhân, không nghĩ đến lợi ích chung có chiều hướng ngày càng gia tăng. Lối sống thực dụng, vì tiền ngày càng phổ biến trong xã hội chúng ta. Do sự chi phối của đồng tiền ngày càng mạnh mẽ đã xuất hiện quan niệm sùng bái đồng tiền. “Tiền là tiên là phật, là nụ cười của tuổi trẻ, là sức khoẻ của tuổi già”, quan niệm đó dẫn đến lối sống lạnh lùng kiểu “tiền trao, cháo múc”, “sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”. Nhiều người trong xã hội ta hiện nay, trong đó có cả cán bộ, đảng viên đã lạm dụng chức quyền, vì lợi ích riêng, tìm mọi cách vun vén cho bản thân mình. Tinh thần vì cái chung của dân tộc, của đất nước ở các cán bộ, đảng viên đang bị suy giảm, đáng lo ngại. Điều này còn biểu hiện ở các kiểu chạy vì lợi ích bản thân, riêng tư, cục bộ: chạy chức trước khi bầu cử, chạy quyền trước khi bổ nhiệm; chạy “chỗ” trước khi phân công

công tác; Tìm chỗ “ngon”, chỗ kiếm được nhiều lợi; chạy “lợi” khi phaán chia ngân sách, xét duyệt dự án... Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã nhận định: “Việc giáo dục lý tưởng, lễ sống cho thanh niên chưa thường xuyên, hiệu quả còn hạn chế, xu hướng thực dụng chạy theo lối sống hưởng thụ có chiều hướng gia tăng”¹.

Trong lao động sản xuất kinh doanh, người người thi đua, nhà nhà thi đua làm ăn, không ngại khó khăn, nhằm tăng thêm thu nhập, tích lũy tiền của, xây dựng cuộc sống ổn định. Ngay cả những cán bộ công nhân viên chức nhà nước, ngoài giờ làm việc ở cơ quan, họ tranh thủ làm thêm kinh tế phụ, mở thêm dịch vụ để tăng thu nhập cho bản thân và gia đình, ngoài lương chính. Trong học tập hay lao động trí óc nói chung cũng có không ít người miệt mài nghiên cứu, làm việc tận tụy, học hành nghiêm túc, cầu tiến nhằm tích lũy kiến thức đảm đương được công việc trong thời đại mới. Nhìn vào trường học ở các thành phố lớn, các tỉnh, đâu đâu ta cũng thấy tinh thần học tập hăng say, cần mẫn. Có sinh viên tranh thủ học hai, ba bằng đại học cùng lúc. Không chỉ sinh viên, học sinh mà cả cán bộ, công nhân viên cũng đều ý thức được việc học tập để nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Nhiều người không bằng lòng với kiến thức, bằng cấp mình đã có, tiếp tục nghiên cứu học lên cao hơn lấy bằng thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học. Nhiều cán bộ, cả nam và nữ cũng đã cố gắng vươn lên đạt trình độ chuyên môn thuộc đẳng cấp quốc tế. Đêm đêm, ở các trung tâm ngoại ngữ, tin học có đông đảo học viên đến học. Họ ý thức được rằng, trong quá trình hội nhập toàn cầu ngày nay, việc nâng cao kiến thức ngoại ngữ và tin học là rất quan trọng. Học sinh, sinh viên đi học nước ngoài bằng con đường học bổng và tự túc tăng lên với số lượng lớn. Ở nước ngoài, người Việt Nam rất chăm chỉ, siêng năng, cần cù trong học tập. Nhiều cá nhân đạt kết quả cao trong tất cả các bậc học, được các nước trên thế giới đánh giá rất cao. Đã có nhiều người Việt Nam trở thành nhà khoa học tầm cỡ thế giới, nhiều bạn trẻ đỗ đầu trong các kỳ thi hoặc xếp

¹ Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Kết luận Hội nghị lần thứ X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 14.

loại học tập xuất sắc. Ngoài công việc học tập, đa số các du học sinh Việt Nam đều biết tranh thủ thời gian để làm thêm kiếm tiền chi phí cho việc học, cho sinh hoạt hàng ngày của cuộc sống và tích lũy một ít vốn, kiến thức, kinh nghiệm để về nước ổn định cuộc sống ban đầu. Trong cuộc sống đời thường, nhiều người ý thức được giá trị của đồng tiền. Họ chi tiêu tiết kiệm, không lãng phí để góp phần đảm bảo cuộc sống. Điều này được biểu hiện trong lối sống giản dị và tiết kiệm của họ. Trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiều thanh niên ý thức được trách nhiệm của mình, vừa lao động sản xuất, vừa ra sức luyện tập chuyên môn, canh giữ đất trời nơi biên cương, hải đảo xa xôi của Tổ quốc được bình yên.

Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, tính năng động của người dân dần dần được phát huy, thu nhập của họ tăng lên, nhưng nhiều cá nhân và cả các cơ quan nhà nước bắt đầu tập nhiễm lối sống xa hoa, chạy theo lối sống thực dụng, đua đòi vật chất, tiêu xài phung phí. Điều này là trái với đức tính truyền thống của dân tộc ta. Những hiện tượng tiêu cực này là biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, đặc biệt là ở bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, cán bộ có chức, có quyền. Nạn tham nhũng, dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa đang là nỗi lo của dân tộc. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã chỉ ra một số mặt yếu kém, khuyết điểm như sau: “Điều làm cho nhân dân bất bình lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng; kỷ cương phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm”¹.

Tóm lại, cho dù có sự đan xen giữa lối sống mới, tích cực và xu hướng ngược lại với nó là lối sống cũ, tiêu cực trong xã hội, thì sự kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức tích cực, bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa của thế giới trong thái độ sống, lối sống lao động, học tập, tự hoàn thiện nhân cách

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 78 - 79.

qua môi trường lao động kinh tế thị trường và dân chủ hoá xã hội vẫn là xu hướng chủ đạo của lối sống Việt Nam hôm nay.

Trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, con người sống thực tế hơn, năng động hơn, dân chủ hơn, sản xuất hoặc làm gì cũng lấy hiệu quả làm mục tiêu. Kinh tế thị trường thúc đẩy trí tuệ và năng lực sáng tạo cá nhân, tạo điều kiện cho tài năng phát triển, nuôi dưỡng ý chí và bản ngã con người. Một lối sống công nghiệp khoa học đang dần dần hình thành. Con người khát khao vươn tới sự hoàn thiện và nhu cầu hưởng thụ văn hoá lớn. Đúng như định hướng của Đảng, thực hiện kinh tế thị trường thì “Nhiều nét mới trong giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức được hình thành. Tính năng động và tích cực công dân được phát huy, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích. Không khí dân chủ trong xã hội được tăng lên. Thế hệ trẻ tiếp thu nhanh những kiến thức mới và có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 42.

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CÁC CHUẨN MỰC SỐNG
LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI TRONG CƠ CHẾ
TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
NAM HIỆN NAY

VÀ
THỊ
Ở VIỆT

THS. NGÔ THỊ THU NGÀ

Chúng ta đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với mục tiêu cao đẹp là xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”. Cùng với những mục tiêu to lớn về kinh tế, sự nghiệp này là cả một quá trình cải biến sâu sắc về văn hoá - xã hội nhằm xây dựng một “*nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”¹ của những con người mới xã hội chủ nghĩa với lối sống mới - *lối sống dân tộc - hiện đại*.

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các yếu tố nền tảng về vật chất lẫn tinh thần của xã hội, từ lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất đến các quan hệ chính trị, xã hội và các quan hệ tinh thần khác... đều có sự biến đổi sâu sắc. Trong điều kiện ấy, các chuẩn mực đạo đức, lối sống của con người không thể không có những biến đổi sâu sắc, phức tạp theo nhiều chiều hướng khác nhau.

Khi bàn về tác động của kinh tế thị trường với lối sống, đời sống đạo đức xã hội, có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

Xu hướng thứ nhất cho rằng: kinh tế thị trường về bản chất là đối lập hoàn toàn và bài xích đạo đức; giữa kinh tế và đạo đức là không thể dung hòa, không có mối quan hệ bên trong, không quy định lẫn nhau và như vậy là không thể “chung sống hoà bình” với nhau. Nếu kinh tế thị trường phát triển, mặt vật chất của đời sống được nâng cao thì tất yếu phải bị trả giá bằng sự “trục dốc”, suy đồi về mặt đạo đức. Theo quan niệm này, muốn làm giàu

trong cơ chế thị trường thì không thể nói đến chuyện đạo đức, tình nghĩa; với những người giàu có, “tiền” là tất cả những gì họ cần và những gì họ có; ngược lại, những người có đạo đức, sống “vị tình” thì không thể làm giàu được. Như vậy, những người theo xu hướng này thường cho rằng, trong cơ chế thị trường, tiền bạc và luân lý đạo đức là điều không thể cùng có ở một con người. Từ đó họ cho rằng, chuyển sang cơ chế thị trường là cách hợp lý về lịch sử nhưng không xác đáng về mặt đạo đức.

Xu hướng thứ hai, hoàn toàn trái ngược với xu hướng thứ nhất cho rằng: Cơ chế thị trường có tác động tích cực với đạo đức; phát triển kinh tế thị trường sẽ tạo ra khả năng thúc đẩy mạnh và nâng cao trình độ luân lý xã hội; sự giàu có, đầy đủ về kinh tế sẽ là điều kiện tốt nhất để người ta nảy sinh những đức tính tốt và sẵn lòng thương yêu giúp đỡ người khác; còn những hiện tượng phản đạo đức chỉ là thứ yếu, không có mối liên hệ tất yếu với kinh tế thị trường và sẽ mất đi cùng với sự hoàn thiện dần của kinh tế thị trường.

Xu hướng thứ ba cho rằng: Cơ chế thị trường có tác động hai mặt (tích cực và tiêu cực) tới xã hội nói chung và đạo đức nói riêng.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy tính cực đoan trong quan niệm của xu hướng thứ nhất và xu hướng thứ hai, đồng thời, đồng tình với quan niệm thứ ba bởi sự biện chứng và hợp lý trong quan niệm này.

Không thể phủ nhận tác động tích cực của kinh tế thị trường đối với lối sống, đời sống đạo đức xã hội ta hiện nay. Điều đó được thể hiện ở một số mặt sau đây:

Một là: Với sự vận động của các qui luật kinh tế kinh tế khách quan, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo những điều kiện tối ưu cho việc giải phóng sức sản xuất của xã hội, tăng năng xuất lao động, đem lại lượng của cải dồi dào đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất của con người. Mọi cá nhân, mọi thành phần kinh tế đều được đối xử bình đẳng trước

¹ Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hn – 1998, tr.55

pháp luật và tạo điều kiện tốt nhất cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Có thể nói, sau hơn 20 năm đổi mới, mọi mặt của đời sống xã hội thay đổi về cơ bản theo hướng tích cực, đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.

Hai là: kinh tế thị trường tác động và làm thay đổi thói quen, nếp nghĩ, phong cách hoạt động của người lao động. Cơ chế thị trường với những qui luật kinh tế khách quan của nó đòi hỏi mỗi cá nhân phải tích cực, tự giác trong hoạt động, lao động, thúc đẩy ý thức tự lực, tự cường, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước hành động của bản thân, biết làm giàu chính đáng, hạn chế tối đa tư tưởng ỷ lại, trông chờ, thụ động vốn là thói quen của người lao động trong cơ chế cũ; mặt khác, mỗi cá nhân đều có điều kiện để phát huy sức lực, trí tuệ và tiềm năng sáng tạo của mình nhằm thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình với xã hội, đồng thời tạo dựng cuộc sống hạnh phúc cho chính bản thân mình. Kinh tế thị trường đòi hỏi con người phải gắn hoạt động với hiệu quả, có ước mơ, tham vọng, dám vươn lên nhưng tránh chủ quan, viên vông, ảo tưởng.

Ba là: trong sự vận động của nền kinh tế thị trường, hội nhập trở thành một xu thế tất yếu. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế “mở”, do đó, nó đã cho chúng ta khả năng tiếp cận với các nền văn minh nhân loại. Đây chính là cơ hội để chúng ta có thể tiếp thu những thành tựu tiên tiến nhất của thế giới, đặc biệt là về khoa học, công nghệ. Trong những năm gần đây, hợp tác quốc tế đã đem lại cho chúng ta sự phát triển khá mạnh mẽ, nhất là một số ngành công nghệ cao như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, y học... Do trình độ sản xuất phát triển, tạo ra sự phân công lại lao động trong xã hội, tính chuyên môn hoá trong quá trình sản xuất trở nên rất cao, nhiều công nghệ hiện đại được áp dụng...làm cho điều kiện kinh tế xã hội phát triển với tốc độ nhanh...Tất cả những yếu tố ấy làm thay đổi tư duy, tác phong của con người, làm cho con người năng động hơn, nhạy cảm hơn, tăng khả năng nhận thức và cải tạo thế giới và do đó làm thay đổi nhiều quan niệm sống của họ. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại làm cho các lĩnh vực của cuộc

sống trở nên hết sức năng động, các điều kiện và yêu cầu của cuộc sống luôn luôn thay đổi. Đặc biệt là những thành tựu của cuộc cách mạng tin học làm cho các luồng tư tưởng, các sản phẩm văn hoá được truyền bá nhanh chóng và rộng khắp, ảnh hưởng đến các quan hệ truyền thống và các chuẩn mực xã hội vốn tương đối ổn định, tạo nên những mối quan hệ xã hội mới.

Trong xu thế quốc tế hoá, dù muốn hay không, các quốc gia cũng phải mở cửa hoà nhập chung với thế giới hiện đại. Chính những nhân tố mới của thời đại đã tạo nên những mối quan hệ mới có ảnh hưởng sâu sắc đến các quan hệ truyền thống.

Với xu thế toàn cầu hoá hiện nay, nhiều quốc gia đã biết đi tắt đón đầu, biết kết hợp giữa tuần tự và nhảy vọt, nhanh chóng biến công nghệ nhập thành công nghệ của chính mình, hiện đại hoá các công nghệ truyền thống. Các quốc gia này đã rất thành công trong việc hội nhập mà giữ được bản sắc riêng của dân tộc mình.

Ở nước ta, trước tác động, mạnh mẽ của các yếu tố thời đại, về cơ bản những yếu tố này góp phần tích cực vào việc hình thành những con người năng động, có tri thức tổng hợp, có khả năng thích ứng cao với môi trường và năng lực làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân tăng lên rõ rệt, tạo tiền đề cho việc hình thành lối sống mới lành mạnh với những phẩm chất đạo đức mới của con người Việt Nam hiện đại.

Như vậy, kinh tế thị trường tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống, đạo đức xã hội, có những tác động làm thay đổi những giá trị, chuẩn mực sống theo hướng tích cực, Những tác động tích cực của nó đang đem lại một nền tảng vật chất phát triển cao, cơ sở xã hội làm nảy sinh những giá trị đạo đức tích cực, hình thành lối sống lành mạnh.

Sau đây là một vài số liệu tham khảo giúp chúng ta thấy rõ hơn sự chuyển đổi cơ chế kinh tế ở nước ta là phù hợp qui luật và có nhiều tác dụng tích cực.

Biểu 1: *Kết quả đánh giá tác động của chính sách mở cửa đối với một số mặt của đời sống con người Việt Nam*
(% tổng số người trả lời)¹

STT	CÁC MẶT KHẢO SÁT	TỐT LÊN	CHƯA THAY ĐỔI	KÉM ĐI
1	Mức sống tiêu dùng	86,5	12,6	0,7
2	Mức hưởng thụ văn hoá tinh thần	80,2	16,2	2,8
3	Thu thập	79,2	16,8	3,3
4	Học tập, phát triển tài năng	77,3	18,5	3,2
5	Tự do cá nhân	74,6	23,0	1,3
6	Quan hệ gia đình	60,5	29,8	8,4
7	Quan hệ bạn bè	60,0	28,8	10,5
8	Đạo đức, lối sống	53,5	31,0	15,0
9	Trật tự, an ninh, an toàn	43,7	27,6	28,4

Kết quả trên cho thấy, những tác động tích cực của cơ chế thị trường ở nước ta.

Song bên cạnh những yếu tố tích cực nêu trên, kinh tế thị trường cũng có nhiều hạn chế và đang có nhiều tác động tiêu cực đến lối sống, đời sống đạo đức xã hội mà biểu hiện rõ nét nhất của nó là xu hướng coi thường các giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống, đề cao lối sống vị kỷ, thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, sùng ngoại, thậm chí bất chấp đạo lý, nghĩa tình... Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã nhận định về thực trạng đạo đức, lối sống ở nước ta như sau: *“Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, vị kỷ đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc”*². Theo một nghiên cứu, khảo sát của Ủy ban thanh niên thành phố Hồ Chí Minh tiến hành trên 1.800

¹ Chương trình KHCN cấp nhà nước “Con người Việt Nam - mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội” (KX.07), *Nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc tế từ 27-29/7/1994 tại Hà Nội, 1995, tr. 85

² Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 46.

thanh niên của 9 trường đại học, 6 trường phổ thông trung học và học nghề, 2 xí nghiệp công nghiệp, 16 phường xã của 6 quận ở thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 9/1994 đến tháng 4/1995, cho thấy: 40,75% hoàn toàn không biết lịch sử sự kiện hoặc lai lịch nhân vật lịch sử mà đường phố mình đang sống hoặc trường mình đã (đang) theo học mang tên; 43% cho rằng Việt Nam là quốc gia có hơn 100 dân tộc khác nhau; 23% kể sai hoặc không kể được tên một danh nhân văn hoá hoặc danh tướng trong lịch sử dân tộc; 60% kể sai hoặc không kể tên được một di tích lịch sử văn hoá hoặc một di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.¹

Lấy lợi ích làm động lực của sự phát triển, kinh tế thị trường kích thích mạnh mẽ việc tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Điều này dễ dẫn đến việc đề cao quá mức lợi ích cá nhân, chỉ nhấn mạnh lợi ích kinh tế mà hậu quả là rơi vào chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, vô đạo đức. Ở đó con người dễ bị biến thành nô lệ của đồng tiền. Vì tiền, người ta có thể bất chấp đạo lý, pháp luật, quyết tâm làm giàu bằng mọi giá, mọi cách, kể cả phải chà đạp lên lợi ích chính đáng của người khác họ cũng chẳng từ. Từ đây, các tệ nạn xã hội như tham nhũng, làm giả, buôn lậu, lừa đảo... phát sinh và hoành hành trong xã hội. Chương trình Thời sự phát lúc 19h ngày 09 tháng 12 năm 2007 cho biết: năm 2007, phát hiện gần 500 vụ tham nhũng, trong đó 406 vụ bị khởi tố. Trong những năm gần đây, nhiều vụ tham nhũng lớn đã bị phanh phui mà “qui mô” và “tầm cỡ” của chúng không khỏi khiến chúng ta phải giật mình, chẳng hạn: vụ án “chạy” hạn ngạch hàng dệt may tại Bộ Thương mại, nhiều cán bộ cao cấp của Bộ này cũng “nhúng chàm”, trong đó có cả Nguyên Thứ trưởng Mai Văn Dâu với số tiền nhận hối lộ lên đến nhiều ngàn USD... Vụ án tại PMU18 với những tội danh: lợi dụng chức vụ gây hậu quả nghiêm trọng, đánh bạc, hối lộ... của những “ông” Tổng Giám đốc, Giám đốc từng làm dư luận xôn xao, bởi vì, trong khi nhiều người dân còn cơ hàn, gian khó thì vị Tổng Giám đốc nọ lại có biệt danh là “con bạc triệu đô” khi có thể đánh bạc hàng

¹ Nguyễn Minh Hoà, *Bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Thông tin lý luận số 10-1995, tr.22.

triệu USD mỗi ngày. liệu ông ta có thể lấy đâu ra nhiều tiền như vậy để bài bạc, nếu không phải là từ lợi dụng chức vụ, tham nhũng?... Khi đồng tiền trở nên có sức mạnh “vô biên” có thể biến tất cả thành hàng hoá, thành cái có thể đổi chác, mua bán thì tiền không đơn thuần là vật ngang giá chung trong lưu thông mà nó đã trở thành thứ độc tố bào mòn nhân tính, biến con người thành những tên tội phạm ghê tởm nhất.

Do tính chất khốc liệt của nó, kinh tế thị trường vừa là nguyên nhân, vừa là điều kiện dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo một cách nhanh chóng. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, kéo theo sự phân tầng xã hội nhanh chóng, đẩy khoảng cách giữa thành thị nhất là các đô thị lớn với nông thôn, vùng sâu, vùng xa ngày càng rộng. Đến thời điểm hiện tại, trong khi ở các đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, người ta lương tháng 7-10 triệu đồng không phải là chuyện hiếm, thì ở nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, mỗi lao động chính có thể chỉ kiếm được 10.000 - 15.000 đồng/ngày, thậm chí ít hơn hoặc không thể làm gì ra tiền... Nếu tình trạng này kéo dài sẽ dẫn đến sự phân hoá giai cấp mới làm bất ổn về chính trị, lệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những mặt tích cực, tác động theo chiều hướng ngược lại của xu thế toàn cầu hoá trong cơ chế thị trường đối với các giá trị xã hội, đối với con người không phải là ít. Sự tiếp cận với thế giới một cách nhanh chóng, dễ dàng, đa chiều, đa diện cũng là điều kiện để lối sống xa lạ, thậm chí các phản giá trị từ bên ngoài tấn công vào và tất nhiên, không thể không có những người bị chúng hạ gục... Cách mạng khoa học và công nghệ làm cho trí tuệ con người phát triển chưa từng thấy nhưng nó cũng làm cho tư duy của con người hình như trở nên khô khan, công thức hơn, xúc cảm đạo đức của con người trở nên nhạt nhẽo hơn, lạnh lùng, sòng phẳng hơn...

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, không phải bao giờ các nước phát triển cũng vô tư, thiện chí chuyển giao công nghệ hiện đại mà họ thường tìm cách biến các nước phát triển thành “bãi rác” của công nghệ lạc hậu, hoặc chuyển giao công nghệ kèm với những điều kiện chính trị xã hội nào đó. Đi

liên với tình trạng trên còn là sự du nhập của các quan điểm, các học thuyết lạ, trái ngược với truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, tạo thành những thang giá trị phản văn hoá, phản đạo đức, kích thích con người ham muốn hưởng lạc, tạo ra thứ quan niệm sống cho phép làm mọi chuyện, tiền bạc là cái quyết định mọi vấn đề, lòng nhân ái, có sau nhường chỗ cho chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, thấp hèn...Quan điểm sống như vậy là thù địch với luân lý, giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc.

Sự biến đổi nhanh chóng của các chuẩn mực hành vi ứng xử, những giá trị xã hội dẫn đến tình trạng người lớn tuổi ngày càng suy giảm khả năng thích nghi với cái hiện đại trong khi đó thế hệ trẻ vốn năng động, nhạy cảm với cái mới, có khả năng tiếp thu nhanh chóng những quan niệm mới, lối sống mới, từ đó dễ tạo ra xung đột giữa các thế hệ.

Trong xu thế toàn cầu hoá, mở cửa để tiếp nhận cái hiện đại là một tất yếu. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là phải chấp nhận một cách vô điều kiện mọi yếu tố ngoại lai. Học hỏi cái mới, cái hay, áp dụng cái hiện đại một cách hợp lý là rất cần thiết cho sự phát triển của đất nước, của dân tộc, nhưng phải có ý thức giữ gìn cái cốt lõi tốt đẹp của truyền thống dân tộc, có như vậy, chúng ta mới xây dựng được lối sống dân tộc - hiện đại của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm qua cũng đã dẫn đến những biến đổi nhất định trong lối sống, chuẩn mực sống, thang giá trị đạo đức. Điều này có thể nhận thấy thông qua các tài liệu tham khảo sau đây:

*Biểu 2: Kết quả điều tra đặc điểm nhân cách trước thời mở cửa
tính theo % tổng số người trả lời¹*

STT	CÁC ĐIỂM	%
1	Chịu đựng gian khổ	66,6
2	Hướng vào những giá trị tập thể - xã hội là chính	65,4
3	Ít biết tính toán hiệu quả kinh tế	61,4
4	Kém năng động trong sản xuất và ứng xử	61,1
5	Trung bình chủ nghĩa trong học tập, công tác	53,2
6	Sống nặng về tình nghĩa	49,2
7	Thích bình quân cào bằng	47,9
8	Cầu an, sợ phiền lưu, mạo hiểm	43,6

*Biểu 3: Kết quả điều tra đặc điểm nhân cách sau thời mở cửa
(từ 1986 lại đây)²*

STT	CÁC ĐIỂM	%
1	Biết tính toán hiệu quả kinh tế	85,0
2	Đòi hỏi mức tiêu dùng ngày càng cao	81,1
3	Chấp nhận ganh đua, cạnh tranh	80,1
4	Hăng say thi đua học tập thay cho trung bình chủ nghĩa	64,5
5	Hướng vào những lợi ích cá nhân là chính	62,2
6	Dám chấp nhận phiền lu mạo hiểm	61,3
7	Chấp nhận phân hoá giàu nghèo	59,0

Từ các số liệu của biểu 2 và biểu 3, ta có thể thấy xu hướng biến đổi của các giá trị nhân cách con người Việt Nam trước và sau đổi mới như sau:

- Từ con người ít biết tính toán đến biết tính toán hiệu quả kinh tế.
- Từ chịu đựng gian khổ đến đòi hỏi mức tiêu dùng hàng ngày càng cao.

¹ Sdd, tr.90

² Sdd, tr.90

- Từ kém năng động đến chấp nhận cạnh tranh.
- Từ tư tưởng bình quân chủ nghĩa đến hăng say lao động, học tập.
- Từ hướng vào lợi ích tập thể - xã hội là chính đến hướng vào lợi ích cá nhân là chính.
- Từ cầu an đến chấp nhận mạo hiểm.
- Từ sống nặng về tình nghĩa đến chỗ coi trọng lợi ích vật chất, lợi ích kinh tế.

Theo kết quả điều tra xã hội trong đề tài KX 07 - 04 “*Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*” do các nhà khoa học: Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang tiến hành thì có 10 điểm nhân cách được cho là quan trọng nhất, trong đó, 6 điểm có tỷ lệ % số người được hỏi đánh giá cao nhất là:

- | | |
|-------------------------------------|----------|
| 1. Có trình độ học vấn rộng | : 75,7% |
| 2. Sống có tình nghĩa | : 52,7% |
| 3. Có khả năng tổ chức quản lý | : 51,9% |
| 4. Làm việc tận tâm, có trách nhiệm | : 51,3% |
| 5. Sáng tạo trong lao động, học tập | : 50,3% |
| 6. Biết nhiều nghề, tạo một nghề | : 50,2%. |

Đây là những đặc điểm nhân cách hết sức cơ bản của con người, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đổi mới. Những giá trị này biểu hiện sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Tuy nhiên, ở kết quả điều này cũng cho thấy một sự thật cần cảnh báo qua những chỉ số thấp về các vấn đề sau:

- | | |
|---|---------|
| 1. Có niềm tin vào Đảng và Nhà nước | : 38,3% |
| 2. Có lối sống lành mạnh | : 36,9% |
| 3. Có ý thức và hành vi sẵn sàng bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia: | 35,2% |
| 4. Biết giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc | : 32,2% |
| 5. Có ý thức định hướng XHCN trong mọi hoạt động | : 12,0% |

Bản thân các con số trên không thể là toàn bộ căn cứ để khẳng định, nhưng về đại thể chúng cũng giúp chúng ta hiểu được một cách khá cơ bản sự biến động của các chuẩn mực sống, lối sống trong thời kỳ đổi mới với nền kinh tế thị trường.

Qua các số liệu tham khảo, từ thực tế cuộc sống hiện nay, cho phép chúng ta có một nhận định sau đây:

- Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường đã có tác động sâu sắc tới mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là tạo ra sự biến đổi của các chuẩn mực sống, lối sống. Đó là một quá trình biến đổi hợp qui luật. Sự biến đổi của chuẩn mực sống, thang giá trị đạo đức là hết sức phức tạp theo nhiều chiều hướng: tích cực, tiêu cực, thái quá, thậm chí có cả sự đảo lộn.

- Những chuẩn mực đạo đức, lối sống được lựa chọn, cơ bản là phù hợp với truyền thống đạo đức của dân tộc, với lối sống dân tộc - hiện đại và phù hợp với công cuộc đổi mới. Bởi lẽ, chúng có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại; đồng thời cũng chứng tỏ rằng đa số nhân dân ta vẫn coi trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, nhưng cũng sẵn sàng hướng tới tiếp thu những giá trị tích cực của thời đại, của nhân loại.

- Bên cạnh đó còn có một số biểu hiện đáng lo ngại: *“Từ chỗ coi trọng các giá trị chính trị - xã hội chạy sang cực các giá trị kinh tế, vật chất, từ chỗ lấy con người xã hội - tập thể làm mẫu mực sang chỗ quá nặng nề con người cá nhân, thậm chí cá nhân chủ nghĩa. Trong quan hệ về nhân cách bao gồm đức và tài, từ chỗ lấy đức làm gốc chuyển sang coi nhẹ đạo đức, từ chỗ lên án người giàu, đến chỗ quá ưa ái người giàu, từ chỗ sống vì lý tưởng đến chỗ quá thực dụng...Nhiều giá trị truyền thống bị coi thường, một số thuần phong mỹ tục bị xâm phạm...”*¹

- Có những giá trị đạo đức truyền thống đã lỗi thời, bị gạt bỏ nhưng cũng có những giá trị mới được khẳng định và đề cao như: coi trọng những giá trị cá nhân, năng động, dám nghĩ, dám làm...

- Đối với các giá trị truyền thống, có hai xu hướng tự phát, đó là: xu hướng tuyệt đối hoá cái hiện đại, quay lưng với truyền thống, chạy theo đồng tiền, đua đòi lối sống bên ngoài. Ngược lại có xu hướng tuyệt đối hoá truyền thống, coi nhẹ cái hiện đại, từ đó quay về với truyền thống, với các tập tục cổ truyền, với lối sống cũ và qua đó, khôi phục cả những truyền thống lạc hậu, những hủ tục...

Như thế, có thể nói, mặc dù với sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, các giá trị đạo đức, lối sống, chuẩn mực sống có những biến đổi khá sâu sắc theo nhiều chiều hướng, trong đó có cả những biến đổi theo xu hướng tiêu cực, nhưng nhìn chung, những giá trị, chuẩn mực đạo đức phù hợp với lối sống dân tộc - hiện đại vẫn được đa số nhân dân thừa nhận, gìn giữ và phát huy. Các giá trị đạo đức truyền thống vẫn có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống đạo đức xã hội, đồng thời, con người Việt Nam hiện đại cũng không “đóng cửa, khép kín” với thế giới mà đã có ý thức vươn ra tiếp cận và tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hoá Việt Nam, tiếp tục từng bước hình thành và hoàn thiện lối sống dân tộc - hiện đại.

Vấn đề cần khẳng định ở đây là, dù có sự xuất hiện của những quan niệm mới về lối sống, chuẩn mực sống nhưng không ai có thể phủ nhận được vai trò nền tảng của các giá trị đạo đức truyền thống trong đời sống đạo đức tinh thần xã hội, trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại. Một hệ thống đạo đức xã hội sẽ không thể phát triển nếu gạt bỏ đạo đức truyền thống và không hướng tới mục tiêu ngày càng phát triển và hoàn thiện con người. Phát triển mà xa rời cội nguồn dân tộc nhất định sẽ bị tha hoá. Nhà thơ Gamdatóp (Liên xô cũ) đã nói một cách rất hình ảnh: Nếu xây dựng nền văn hoá mới, đạo đức mới mà xa rời những giá trị đạo đức truyền thống sẽ làm mất đi bản sắc dân tộc, đánh mất mình, “trở thành bóng mờ, hoặc bản sao chép của người khác”...

Tuy nhiên giá trị đạo đức truyền thống không bao giờ tái hiện một cách nguyên xi, nó có thể tồn tại dưới hình thức cũ nhng nội dung đã được cải biến. Có như thế, truyền thống mới trở thành cái trường tồn cùng lịch sử. Tìm hiểu

¹ Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng trong công tác tư tưởng hiện nay, 1993, Hà Nội, tr. 43 - 44.

tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Người là một mẫu mực trong việc kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc. Đối với Người, việc kế thừa các truyền thống nói chung và giá trị đạo đức truyền thống nói riêng cần phải thực hiện theo phương thức:

“Đời sống mới không phải cái gì cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì mà xấu thì phải bỏ...

Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý.

Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm...

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, nguyên tắc kế thừa được vận dụng một cách thuần nhuyễn và trở thành một nguyên tắc có tính chất chỉ đạo trong sự tiếp thu các giá trị đạo đức truyền thống và nhân loại để xây dựng lối sống mới - lối sống dân tộc - hiện đại.

Quá khứ hiện tại, tương lai là một dòng chảy liên tục. Không có cái mới chân chính nào ra đời bên ngoài nền móng của truyền thống. Ngày nay, trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại, cần phải tôn trọng và phát huy cao độ những gì tốt đẹp trong quá khứ vinh quang của dân tộc. Giá trị đạo đức truyền thống không phải là cái cần phủ định, loại bỏ trong quá trình xây dựng lối sống mới, mà nó là cái cần phải được khôi phục và phát triển giá trị đích thực của nó trên lập trường, của chủ nghĩa Mác - Lênin và phục vụ cho yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Với mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tất yếu chúng ta phải xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, lối sống dân tộc - hiện đại. Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường năng động hiện nay với tất cả những mặt tích cực và tiêu cực của nó, để thực hiện được những nhiệm vụ to lớn đó, đòi hỏi chúng ta phải hết sức nỗ lực, tích cực, chủ động trong việc phát huy những giá trị truyền thống, đồng thời, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại.

CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN, LỐI SỐNG THỰC DỤNG

VÀ SỰ SUY THOÁI NHÂN TÍNH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. NGUYỄN NAM THẮNG*

Trong những năm qua, nền kinh tế thị trường nước ta phát triển đa dạng phong phú và ngày càng năng động hơn. Mức sống của người dân được nâng cao rõ rệt. Quá trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế đang mang đến cho người dân nhiều cái mới, cái hiện đại từ thế giới bên ngoài. Nhưng cũng chính quá trình phát triển này đã tạo nên những biến đổi, thậm chí thái quá trong nhận thức về các giá trị, chuẩn mực, đạo đức, lối sống cá nhân và cộng đồng.

Trong xã hội ta, về cơ bản, đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống. Một bên là lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích tập thể và đất nước, đó là lối sống tốt đẹp. Bên kia là chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền, bất chấp đạo lý và pháp luật, thác loạn và mất nhân tính. Lối sống tốt đẹp đã được nói đến ở phần trên, ở đây chúng tôi tập trung làm sáng tỏ những biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, thác loạn, mất nhân tính đang hiện diện trong xã hội ta.

Để khẳng định đời sống hiện thực và vị thế của từng cá thể trong xã hội thì việc quan tâm đến lợi ích, trước hết là lợi ích vật chất và ý thức về cá nhân với những nhu cầu riêng, cá tính riêng là việc làm hợp quy luật. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc đề cao cái tôi của chủ thể mang nhân cách là điều hợp lý, tự nhiên. Đó cũng là yêu cầu của sự phát triển con người, xã hội, nhưng một khi những vấn đề của cá nhân bị đẩy tới thái quá, tuyệt đối hoá nó, tách rời nó khỏi những ràng buộc, chế ước của cộng đồng, dẫn đến những xung đột giữa lợi ích riêng với lợi ích chung, giữa cá nhân và xã hội, làm xuất hiện những lệch lạc trong cách nghĩ và cách sống, trong làm việc và ứng xử của cá nhân, thành chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ.

* Giảng viên Khoa Triết học Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa cá nhân nảy sinh tâm lý sống thực dụng, đề cao một chiều giá trị vật chất, các phương tiện vật chất trong tiêu dùng, hưởng thụ. Thói vụ lợi, vị kỷ, ích kỷ chỉ nhìn thấy mình mà “không nhìn thấy người bên cạnh”, tìm mọi cách kiếm lợi cho riêng mình, không cần một thái độ hành động phản tư, tự nhận thức với tinh thần tự phê phán xem, quan điểm, hành động của mình có gây tổn hại cho người khác không, có làm tổn hại cho xã hội không? Hành vi tìm mọi cách để vun vén cho riêng mình có vô tình hay cố ý “dẫm đạp” lên “người bên cạnh” không? Táng tận hơn, kẻ cá nhân chủ nghĩa thường dừng dung với người khác, bon chen, vùi dập người khác, tự đánh mất lòng vị tha, nhân ái, bao dung đối với con người. Với chủ nghĩa cá nhân, cái triết lý sống tiêu cực, trái đạo đức, thiếu nhân tính đã đi vào trong tư tưởng và lối sống của họ: ai lo phận nấy, bằng mọi giá giành lấy phần lợi, làm giàu nhanh chóng, bất chấp đạo lý và pháp luật, nguy hại cho ai cũng không quan tâm, miễn là mình được lợi. Hiện nay quan niệm và lối sống như thế đã xuất hiện ở “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, đảng viên, công chức ở nước ta, nó làm suy yếu nhân tính, biến dạng nhân cách, suy thoái đạo đức, thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

Biểu hiện và hậu quả của chủ nghĩa cá nhân gây ra trong xã hội ta hiện nay có nhiều mức độ, từ nhỏ tới lớn, từ hại ít đến hại nhiều, từ tâm thường đến đê tiện, bỉ ổi... Báo chí, thông tin đại chúng đã đưa nhiều tin, bài về ngộ độc thức ăn. Người nông dân vì tham lợi nhỏ và thiếu cẩn đa giữ lại cho gia đình mình luống rau sạch để ăn, còn đem ra chợ những rau, quả có nhiễm hoá chất do phun thuốc sâu và các chất kích thích khác có hại cho sức khoẻ con người. Người làm bún phở và chế biến giò chả cũng vậy. Tham lợi nhỏ, trước mắt cho mình mà gây hại cho người khác nhưng người ta vẫn thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Buôn bán chất hêrôin và các thuốc lắc, gây nghiện và kích thích cảm giác mạnh trong các vũ trường, sàn nhảy cũng là những ví dụ gây nhức nhối lòng người. Tệ nghiện hút ma tuý và mại dâm đang huỷ hoại nhân phẩm. Nạn ăn bột và lấy cắp nguyên vật liệu trong xây dựng làm lún, sụp nhà ở, công trình đã xảy ra ở nhiều nơi. Tình trạng gian dối, làm hàng giả, buôn

bán hàng lậu, tàng trữ hàng cấm, truyền bá các ấn phẩm đồi trụy, phản văn hoá, đầu độc tâm hồn trẻ thơ và người lớn đang lan tràn trong cuộc sống đô thị. Các mảnh lối, thủ đoạn lừa đảo trên thương trường, nạn cờ bạc, cá độ, thậm chí tổ chức những sòng bạc lớn, có bảo kê, có vệ sĩ, có đâm thuê chém mướn đòi nợ, bắt nợ, cướp đoạt và thanh toán lẫn nhau với các băng nhóm xã hội kiểu giang hồ và luật rừng đã xuất hiện ở các thành phố. Những vụ gài chất nổ gây sát thương trong các quà tặng bưu thiếp, bưu phẩm cũng đã được sử dụng. Xuất hiện những hành vi bạo lực, đe dọa tống tiền, bắt cóc, thuê bọn côn đồ, du thủ, du thực để giết người, cướp của, dùng vũ khí để tấn công các chủ hộ kinh doanh giàu có, nhất là các tiệm vàng. Đâm chém nhau trong các tiệm ăn, các nhà hàng khách sạn vì những mâu thuẫn xung đột, cãi lộn đang là những bằng chứng cho thấy sự lộng hành của cái ác, sự trỗi dậy của những bản năng thú tính. Vì đất đai, nhà cửa tài sản mà con cái có thể đẩy bố mẹ vào sự cô đơn, đau khổ, bất hạnh, có thể tranh giành, kiện tụng nhau giữa những người ruột thịt trước toàn án, có thể hãm hại, sát hại trả thù nhau. Đúng như Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng đã nhận định: “Lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và tham nhũng phát triển. Ma tuý, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác gia tăng. Nạn mê tín dị đoan khá phổ biến. Nhiều hủ tục cũ và mới lan tràn, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội”¹.

Sự tha hoá đạo đức như trên đã dẫn đến hàng loạt các vụ phạm tội và các tội phạm từ người lớn đến trẻ vị thành niên, từ một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đến người dân. Đó là hậu quả của chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, vụ lợi và sự tha hoá mất nhân tính gắn liền với lối sống hưởng lạc, suy đồi, sự lười biếng, phi lao động, buông thả, làm giàu bất chính với những đồng tiền nhơ bẩn, tội lỗi. Thói vị kỷ, vụ lợi là nguyên nhân của hành vi ứng xử bất chấp

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 47.

cả đạo lý, tình nghĩa, sự lấn át của đồng tiền có sức vùi dập, bóp chết cả những gì thuộc về tinh thần, đạo đức con người. Từ Đại hội lần thứ VII, Đảng ta đã phát hiện “một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên có chức có quyền, trong đó có cả những người đóng góp đáng kể cho các mạng cũng bị sa ngã thoái hoá”¹. Đến Hội nghị Trung ương năm khoá VIII, vấn đề vẫn chưa được giải quyết mà trở nên “nghiêm trọng hơn”². Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam thừa nhận: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Thoái hoá, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, uy tín của chế độ”³. Những điều trên làm chúng ta nhớ đến lời cảnh báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Một dân tộc, một Đảng, mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến, ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁴.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.137-138.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 46.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.263 - 264.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.557-558.

Sự tha hoá đạo đức, lối sống sa đoạ ở người lớn, những cách sống và ứng xử không gương mẫu, vị kỷ, cá nhân chủ nghĩa đã tạo nên những hình ảnh phản diện trong xã hội, làm ảnh hưởng, tập nhiễm vào các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trẻ. Không bậc cha mẹ nào lại mong muốn con em mình hư hỏng và mắc vào vòng tội lỗi. Không có người lớn nào lại muốn trẻ em mang tính xấu và đi theo cái ác. Nhưng ai dám chắc chắn rằng những hành vi, lối sống thực dụng, suy đồi, tham nhũng, dùng tiền của Nhà nước, ăn chơi sa đoạ của những người có vị thế xã hội, “của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên” kia không làm ô nhiễm môi trường xã hội - nhân văn, không gây nên hậu quả tiêu cực nguy hiểm tới đạo đức nhân cách, lối sống của thế hệ trẻ.

Theo báo Thanh niên online ngày 30/11/2005¹, Ban Nội chính Trung ương Đảng đã tổ chức hội nghị công bố dự thảo báo cáo kết quả khảo sát, điều tra về nạn tham nhũng do Ban quản lý dự án nghiên cứu đấu tranh chống tham nhũng thực hiện. Ông Nguyễn Văn Quyền, Phó trưởng ban Nội chính Trung ương khẳng định với giới báo chí: "Kết quả của cuộc khảo sát là trung thực!".

Cuộc khảo sát với quy mô chưa từng có này được tiến hành trong gần 1 năm qua và đã có 5.407 người thuộc 3 nhóm đối tượng: cán bộ công chức, cán bộ doanh nghiệp, người dân tham gia trả lời phỏng vấn. Trong số 17 hành vi tham nhũng được khảo sát, như nhận tiền, quà để giải quyết công việc có lợi cho người đưa tiền; cố tình gây khó khăn để buộc người cần giải quyết phải chi tiền (quà); bao che, bảo lãnh cho người sai phạm để vụ lợi; rút tiền công quỹ cơ quan chia nhau..., nhóm điều tra, khảo sát đã chia thành 4 nhóm.

Nhóm 1 là những hành vi trực tiếp nhận hối lộ và sử dụng phương tiện cơ quan phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình. Theo Tiến sĩ Nguyễn Đình Cử, Trưởng nhóm điều tra, khảo sát: "Đây là nhóm hành vi tham nhũng phổ biến nhất hiện nay do có trên 1/3 cán bộ, công chức được hỏi cho biết đã gặp hành vi thuộc nhóm này trong 1 năm qua".

¹ <http://www1.thanhnien.com.vn/Xahoi/2005/11/30/130791.tno>

Nhóm thứ 2 là hành vi tham nhũng "mang lại (không chính đáng) lợi ích cho người thứ 2" để nhận lợi ích tương lai, như mời người có chức quyền đi du lịch, ăn uống, vui chơi để vụ lợi; bố trí, đề bạt, tuyển dụng người không đủ tiêu chuẩn để vụ lợi; quan chức gọi điện, viết thư tay can thiệp nhằm mưu cầu lợi ích cho người quen hay cho mình. Có đến 20 - 30% số cán bộ, công chức được hỏi trả lời "đã gặp hành vi này" trong 1 năm qua.

Nhóm hành vi tham nhũng thứ 3 được nguy trang bằng các hình thức có vẻ hợp pháp, như hợp đồng, mua - bán sòng phẳng nhưng đã được nâng giá hoặc hạ giá như thỏa thuận tăng giá trị hợp đồng để nhận tiền trích % của bên B; cố tình tạo ra lý do để cấp dưới phải tặng tiền (quà).

Nhóm hành vi còn lại gồm các hành vi "trắng trợn và liều lĩnh", như giả mạo giấy tờ, ra chính sách sai để chủ động tư lợi... cũng được nhiều đối tượng khảo sát cho biết đã chứng kiến trong thời gian qua.

Việc thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu... cũng đưa lại nhiều kết quả đáng ngạc nhiên: có tới 38% công chức hoàn toàn đồng ý rằng "do bè cánh, nếu ai không tham nhũng sẽ bị loại ra"; và nếu tính cả người "đồng ý một phần" thì tỷ lệ này là 69,1%. Khi được hỏi "nếu có người đưa hối lộ, ông (bà) xử lý ra sao ?", có tới 32,6% số người trả lời là "có thể nhận hối lộ"; 42% trả lời là "từ chối khéo"...

Điều đáng lưu ý nhất, theo kết quả khảo sát, trong số 17 vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc của xã hội hiện nay mà nhóm nghiên cứu nêu ra (các vấn đề về giao thông, tệ nạn xã hội, thiếu việc làm, lãng phí, giá xăng, giá điện tăng) thì có tới 92,8% công chức, 83,7% người dân và 92,1% cán bộ doanh nghiệp được hỏi đều khẳng định: "Tham nhũng hiện là vấn đề nghiêm trọng nhất của đất nước". Tham nhũng đã ăn sâu vào nhiều tầng lớp, ở mọi cấp (56,6% cán bộ, công chức cho là cấp trên trực tiếp của mình tham nhũng ở các mức độ khác nhau), ở mọi lĩnh vực, thậm chí còn đang diễn ra ở cả các hoạt động cứu trợ đồng bào bị nạn, xóa đói, giảm nghèo.

Theo trình bày của tiến sĩ Nguyễn Đình Cử tại hội thảo thì hậu quả về kinh tế, xã hội của tình trạng tham nhũng với đất nước, với người dân, doanh nghiệp có thể tính theo cấp số nhân. Lấy ví dụ ở cấp xã: một cán bộ xã Âu Lạc, huyện Chí Linh, Hải Dương lợi dụng danh nghĩa hợp tác xã thương mại đã thu lợi bất chính 1 tỉ đồng của các lái xe. ở cấp huyện, cấp tỉnh, số thiệt hại lên tới hàng chục tỉ đồng. Ví dụ, UBND tỉnh Nghệ An báo cáo thiệt hại do tham nhũng tại tỉnh này năm 2004 về tiền là 17,4 tỉ đồng và 100.000 USD. Tại tỉnh Sơn La, thiệt hại lên tới 15 tỉ đồng và 24.940m² đất. Tại thành phố Hồ Chí Minh, theo đánh giá của một cán bộ thành phố: "Nhận được dự án làm nhà ở sẽ được hưởng siêu lợi nhuận từ chênh lệch giá, mỗi dự án từ hàng tỉ đến hàng chục tỉ đồng". Tính trên phạm vi cả nước, một con số thống kê sơ bộ tại 46 tỉnh, thành và 20 bộ cho thấy, từ năm 2000 - 2004, thiệt hại do tham nhũng gây ra khoảng 2.266 tỉ đồng, 6,9 triệu USD, 5.142 chỉ vàng, 4.900 ha đất... Còn theo kết quả tổng kết 5 năm thi hành Pháp lệnh thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, thất thoát tài sản, tiền của Nhà nước là khoảng 500 tỉ đồng/năm.

Cũng theo tiến sĩ Nguyễn Đình Cử, kết quả đợt khảo sát trong hơn 1 năm qua cũng cho thấy, tham nhũng đã làm cho "người dân bị giảm cơ hội xóa đói, giảm nghèo và vươn lên khá giả". Tham nhũng đã làm người nghèo khó tiếp cận với các khoản vốn vay, làm khô cạn những nguồn lực trực tiếp hỗ trợ dành cho họ, làm hao mòn những nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội khác và như vậy, gián tiếp tác động tiêu cực đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo. Đánh giá này cũng phù hợp với nhận xét của bà Anna Lindstedt, Đại sứ Thụy Điển tại Việt Nam (cơ quan tài trợ cho dự án): "Tham nhũng là hiện tượng không công bằng khiến người dân nghèo lại nghèo thêm và ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển của Việt Nam".

Khi được hỏi về tác hại của tham nhũng, 56,4% doanh nghiệp cho rằng nạn tham nhũng đã "gây cản trở, làm mất cơ hội giải quyết công việc", 67% cho rằng tham nhũng làm giá thành sản phẩm bị đội lên..., 8% doanh nghiệp cho rằng những khoản "chi phí không chính thức" chiếm 10% tổng chi phí của họ (riêng Thành phố Hồ Chí Minh lên đến 13%). Nhưng cũng có tới 74% cán

bộ doanh nghiệp "không xác định được câu trả lời". Điều này, theo nhóm khảo sát, chứng tỏ "hầu hết cán bộ doanh nghiệp biết doanh nghiệp của mình hàng năm vẫn có khoản chi phí không chính thức, bất hợp pháp nhưng không biết rõ chính xác là bao nhiêu".

Nguyên nhân của tình trạng tham nhũng còn rất nghiêm trọng này, theo đánh giá rút ra từ cuộc khảo sát, cũng không phải là mới so với những đánh giá trước đây: do tồn tại cơ chế xin - cho; do tình trạng văn bản, chính sách thiếu minh bạch đồng bộ, do đội ngũ cán bộ, công chức hư hỏng, chế độ tiền lương thấp. Các giải pháp chống tham nhũng được cho là chưa hiệu quả. Đa số các nhóm đối tượng đều cho rằng việc xử lý tham nhũng "còn nhẹ", "chưa thỏa đáng" trong khi người dân chỉ có một tỷ lệ rất thấp (12,9%) được tham gia vào các hoạt động thanh tra, kiểm tra. Đây thực sự là những vấn đề mà Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về chống tham nhũng phải lưu tâm.

Kết quả cuộc khảo sát trên đây cũng chỉ ra 10 cơ quan, ngành được xem là có tình trạng tham nhũng phổ biến nhất. Đó là: 1. Cơ quan địa chính, nhà đất; 2. Hải quan/quản lý xuất nhập khẩu; 3. Công an giao thông; 4. Cơ quan, cán bộ tài chính, cán bộ thuế; 5. Cơ quan quản lý/ các đơn vị trong ngành xây dựng; 6. Cơ quan cấp phép xây dựng; 7. Y tế; 8. Cơ quan kế hoạch và đầu tư; 9. Cơ quan quản lý/ các đơn vị trong ngành giao thông; 10. Công an kinh tế.

Thiệt hại do tham nhũng gây ra không chỉ là cạn kiệt dân sinh khí và tài lực quốc gia, nó còn làm lệch hướng phát triển, không thể chỉ tính bằng giá trị vật chất mà quan trọng hơn, tham nhũng đã làm băng hoại nền tảng đạo đức xã hội.

Theo Vnexpress, số ra ngày 20/4/2006¹, Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Trung ương Vũ Quốc Hùng nhấn mạnh trong bản tham luận của ông trước Đại hội Đảng X rằng “Sự suy thoái về đạo đức, lối sống dẫn đến tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân của một bộ phận không nhỏ cán bộ Đảng viên vẫn diễn ra rất nghiêm trọng”.

¹ <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2006/04/3B9E8F96/>

Cũng theo ông Hùng, có 5 suy thoái về đạo đức, lối sống của đảng viên.

Thứ nhất, suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, Đảng viên có xu hướng tăng cả về số lượng và phạm vi. Khi bước vào thời kỳ đổi mới, mới chỉ là một lời cảnh báo tại Đại hội VI: “Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể, của nhà nước, với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền”. Đến nay, tình trạng đó đã, đang diễn ra ngay trong Đảng. Từ chỗ chỉ có ở “một bộ phận” thì nay đã diễn ra ở “một bộ phận không nhỏ”. Trong đó có cả cán bộ Đảng viên có chức, có quyền.

Suy thoái về đạo đức, lối sống làm nảy sinh lãng phí, tham nhũng, những nhiều dân, trước kia diễn ra ở một số cán bộ, Đảng viên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, thì nay xảy ra tất cả các ngành, các lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, thực hiện chính sách xã hội, tổ chức cán bộ, công tác tham mưu, hoạch định chính sách cụ thể... Mức độ này ngày càng tăng, nếu trước kia chủ yếu là “ăn cắp vặt”, “bớt xén” mang tính chất cá nhân đơn lẻ thì nay chật chẽ, móc nối chằng chịt trên dưới, trong ngoài để trục lợi như: thông đồng, chia chác giữa các bên trong đấu tư xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng, mua sắm vật tư, đấu thầu và chỉ định thầu, phân phối dự án, hoàn thuế giá trị gia tăng, trong cấp phát vốn, nhận hối lộ, trong điều tra truy tố xét xử; “ra giá” trong việc cung cấp thông tin bí mật...

Thứ hai, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân có chiều hướng gia tăng. Việc này không chỉ có ở Đảng viên trẻ mà còn biểu hiện cả trong một bộ phận cán bộ, Đảng viên nói chung, nhất là những cán bộ nắm quyền, tiền, và tài sản công. Lối sống này trái với đạo đức, phẩm chất của người cộng sản “cần kiệm liên chính, chí công vô tư” như sinh thời Bác Hồ đã dạy.

Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị trung ương VI (lần 2) khóa VIII đã đề cập đến 5 kiểu “chạy”. Đó là “chạy chức”, trước khi bầu cử; “chạy quyền” trước khi bổ nhiệm, chuyển công tác cán bộ; “chạy chỗ”, tìm “chỗ thơm”, “chỗ ngon”, chỗ kiếm được nhiều lợi (chẳng những cho bản thân

mà còn cho cả người thân, người nhà); “chạy lợi” khi phân chia ngân sách, xét duyệt dự án đầu tư, giao thầu, tính thuế, xét duyệt đề tài nghiên cứu....; “chạy tội” cho bản thân cho người thân, có trường hợp cho cả những tên tội phạm.

Trong báo cáo xây dựng Đảng tại đại hội lần này, trung ương cũng nhận định, nơi này nơi khác vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Trong xã hội còn có dư luận “chạy tuổi” để được đề bạt, được vào cấp ủy, kéo dài thời gian công tác để hưởng bổng lộc.

Thứ ba, nói nhiều làm ít; nói nhưng không làm. Tình trạng này còn xảy ra ở không ít cán bộ, Đảng viên, trái với lời dạy của Bác Hồ là “nói phải đi đôi với làm”, “dù khó khăn đến mấy cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng” đúng như báo cáo chính trị trình đại hội đã nêu: “Tình trạng nói nhiều, làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi”.

Thứ tư, quan liêu, xa dân, thích nghe thành tích, ngại nghe sự thật. Trong Đảng ta hiện nay còn không ít cấp ủy, người lãnh đạo... còn xa dân, không sát cơ sở, không hiểu thực tiễn, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới, không nắm được hoạt động, lối sống của cán bộ dưới quyền, nên có trường hợp đề ra chủ trương chính sách không phù hợp với thực tế, người dân không đồng tình. Việc nhận xét cán bộ chung chung, thậm chí sai lệch với mức “vô trách nhiệm”. Vụ tham nhũng và tha hóa đạo đức, lối sống của một số cán bộ Đảng viên ở PMU18 nghiêm trọng vậy mà Phó bí thư Đảng ủy cơ quan Bộ vẫn khẳng định: “Trước khi bị khởi tố, họ đều là Đảng viên tốt”. Khẳng định như vậy thì “thật là quan liêu, vô chính trị, vô trách nhiệm, có thể nói là vô cảm, không thể chấp nhận được”.

Thứ năm, tham nhũng, những nhiều dân gây hậu quả nặng nề trên nhiều mặt, làm thất thoát tài sản, tiền vốn của nhà nước, của nhân dân và sự hư hỏng của một bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên.

Tình trạng “những nhiều”, “vòi vĩnh” dân ở nhiều cán bộ, Đảng viên, công chức khi thực thi công vụ, chưa tới mức phải truy tố trước pháp luật diễn

ra ngày càng nghiêm trọng trong nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, gây bức xúc trong xã hội, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, làm nhiều cán bộ Đảng viên và nhân dân băn khoăn, chưa thật sự tin tưởng đối với cuộc đấu tranh phòng chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiều dân.

Có thể nói tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, về phẩm chất đạo đức, lối sống dẫn đến tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, Đảng viên diễn ra nghiêm trọng làm cho nhân dân bất bình, lo lắng, giảm lòng tin đối với Đảng, nhà nước, là nhân tố kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới và vẫn là nguy cơ, hiểm họa lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng, chế độ ta.

Sự hư hỏng cán bộ đã dẫn đến 40.000 Đảng viên bị kỷ luật trong một nhiệm kỳ đại hội, trong đó số cán bộ do Ban chấp hành trung ương, Bộ Chính trị, Ban bí thư đã kỷ luật là 114, có 12 ủy viên trung ương Đảng. Chỉ riêng vụ án Năm Cam đã có 17 Đảng viên bị phạt tù, trong đó có người từng giữ những cương vị quan trọng trong bộ máy công quyền. Vụ xảy ra ở PMU 18 dẫn đến Bộ trưởng phải từ chức và thứ trưởng bị khởi tố điều tra¹.

Hiện nay, trong nhiều nỗi lo đạo đức, chúng ta ngày càng thấy lo lắng hơn khi nhân tình thế thái trong xã hội đang có xu hướng trượt dốc bởi chữ tâm, chữ đức, lòng nhân ái, tình thương, tấm lòng bao dung, nhân hậu đang có chiều hướng yếu đi trước sức mạnh của đồng tiền, của tính tham lam vị kỷ, của chủ nghĩa cá nhân. Thái độ dửng dưng trước con người, những cảnh đời đau khổ, sự thiếu vắng niềm cảm thông chia sẻ, sự quan tâm giúp đỡ con người... là thái độ vô tình, nhẫn tâm, do thói ích kỷ cực đoan gây nên. Đó là bệnh lãnh cảm xã hội, nó đẩy tới một xã hội sống mặc kệ, bất chấp, vừa phi đạo đức vừa phi chính trị, dẫn đến những hành vi thác loạn, vô nhân tính.

Với từ khoá “thác loạn” chỉ cần 0,14 giây trang điện tử www.google.com.vn sẽ tìm ra 213.000 kết quả, tại đây chúng ta có rất nhiều bài báo khác nhau, đến từ các trang www.dantri.com.vn; www.vietnamnet.vn;

¹ <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2006/04/3B9E8F96/>

www.vnexpress.net; www.ngoisao.net; www.vnn.vn;... với đủ các loại thác loạn, mà một người bình thường sẽ không thể nào hình dung ra được.

Sự giác ngộ lý tưởng đạo đức trong thanh niên hiện nay có sự giảm sút đáng kể. Theo kết quả khảo sát 9.284 sinh viên học sinh ở thành phố Hồ Chí Minh thì giá trị xã hội quan trọng nhất được họ đánh giá là: sống có lý tưởng chỉ có 23,6%. Nhưng cũng theo kết quả cuộc điều tra này được công bố trên <http://www2.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=68599&ChannelID=7> thì một nửa sinh viên, học sinh thích nghe nhạc trẻ. Tỷ lệ thích nghe nhạc cách mạng, nhạc tiền chiến tương đương nhau là 19%. Báo Tuổi Trẻ được sinh viên, học sinh đọc nhiều nhất (43%), Báo Phụ Nữ là 23%, An Ninh Thế Giới là 15,6%...

Từ 10.000 phiếu phát ra đã thu về được 9.284 phiếu của sinh viên, học sinh đang học từ năm 1 - 5 của 34 trường (25 trường đại học, 5 trường cao đẳng, 4 trường trung học chuyên nghiệp) với cơ cấu, nhóm ngành kỹ thuật 35,9%, kinh tế 24,8%, còn lại là các ngành khác. Sinh viên, học sinh trường công lập 69,8%, dân lập. Cuộc khảo sát tình hình tư tưởng, đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên, học sinh này, do Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức với tên gọi "Diện mạo của sinh viên, học sinh chuyên nghiệp thành phố Hồ Chí Minh trong thập niên đầu thế kỷ 21", được công bố kết quả cho thấy nhiều điều đáng lưu tâm...

47,2% sinh viên, học sinh cho biết mình đã tham gia hoạt động tình nguyện. 38,1% cho rằng đi tình nguyện là môi trường rèn luyện tốt cho sinh viên, học sinh. Số 8% còn lại cho rằng mình đi tình nguyện cho... vui.

Tỷ lệ 49,4% sinh viên, học sinh không tham gia phong trào tình nguyện là vấn đề khiến Đoàn - Hội phải suy nghĩ.

Có đến 64,7% số bạn tham gia có nguyện vọng được kết nạp vào Đảng Cộng sản VN. Về lý do không có nguyện vọng vào Đảng, 41,8% cho rằng tiêu chuẩn vào Đảng quá cao; 47,8% lo học hành... Khảo sát việc sinh hoạt Đoàn - Hội, 71,8% cho biết các bạn có tham gia. Số không tham gia, không thích là 22,2%; 37,6% lo học hành; còn lại "lo kiếm tiền" và các lý do khác...

Đặt ra nhiều tiêu chuẩn khác nhau về giá trị xã hội, 2.190 sinh viên, học sinh (23,6%) nhận thức rằng sống có lý tưởng là giá trị quan trọng nhất. Tiếp đó là giàu tri thức (15,2%), hòa bình (11,8%), công bằng (10,4%), sống có ích cho xã hội (8,5%)... Chỉ 3,5% cho giàu có là giá trị xã hội quan trọng nhất, quyền lực 2%, nổi tiếng 0,4%.

Trả lời về những khó khăn trong đời sống học tập, lý do “chưa có môi trường rèn luyện thích hợp” chiếm tỉ lệ cao nhất (32%) . 25,3% cho rằng mình thiếu phương pháp học tập; 19,3% không hiểu bài; 20,4% cho biết họ thiếu tài liệu, dụng cụ học tập.

Từ những khó khăn trong học tập, sinh hoạt, sinh viên, học sinh đã đặt ra nhiều yêu cầu với Trung tâm Hỗ trợ sinh viên thành phố Hồ Chí Minh: giới thiệu việc làm (36,4%), giới thiệu thực tập tốt nghiệp (27,4%), cho vay tiền đóng học phí (5,6%), chỗ trọ (1,5%)...

Về yêu cầu được hỗ trợ từ trường và các tổ chức khác, 41,4% cho rằng cần có môi trường học tập phù hợp cho sinh viên, học sinh. Về cuộc sống tinh thần ngoài giờ học tập, 40% thích đọc sách, nghe nhạc, giải trí...; 31% tự học ngoài giờ; 11% đi học thêm các môn khác.

Với câu hỏi ra trường bạn làm gì? đi đâu? Đa số sinh viên mong muốn khi ra trường tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn (44,9%). 19,8% muốn kiếm việc làm lương cao dù không hợp chuyên môn. Số sinh viên muốn về quê làm việc chỉ 14,6%; chấp nhận công tác ở vùng sâu vùng xa còn thấp: 5,3%...

Điều đáng suy nghĩ ở đây là số sinh viên học sinh có nguyện vọng vào Đảng chiếm 64,7% nhưng chỉ có 5,3% chấp nhận đi công tác vùng sâu, vùng xa. Phải chăng ở họ vào Đảng là mang tính thực dụng chứ không phải tự nguyện cống hiến?

Thế hệ trẻ hiện nay có nhiều người kiến thức về khoa học, công nghệ thông tin rất phong phú, họ biết nhiều về lịch sử, văn hoá nước ngoài nhưng kiến thức về đất nước, về dân tộc mình lại rất kém, họ choáng ngợp trước giá trị của người khác, có kẻ đã báng bỏ cả cha anh.

Tình hình vi phạm đạo đức xã hội trong thanh niên ngày càng phức tạp và có nguy cơ tăng cao: tỷ lệ thanh niên phạm tội cao, tội phạm ngày càng được trẻ hoá, tội phạm diễn ra không chỉ ở thành phố mà tràn về nông thôn, vùng sâu vùng xa. Cơ cấu tội danh càng ngày càng đa dạng: trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, nhà nước, đua xe trái phép, gây rối trật tự nơi công cộng, đua đòi nhậu nhẹt. Tính chất tội phạm do thanh niên thực hiện rất nghiêm trọng và nguy hiểm, thể hiện tính côn đồ, trắng trợn, liều lĩnh như cướp của giết người tàn bạo, dã man, hung hãn, hiếp dâm trẻ em, liều mạng và mạo hiểm, điên cuồng...

Hiện tượng học sinh lười học, chán học, bỏ học, nghiện hút, cờ bạc, cướp giật, hành hung, lây nhiễm các tệ nạn xã hội diễn ra ở nhiều trường học, ở nhiều nơi. Thậm chí có trường hợp học trò giết thầy giáo, cô giáo không chỉ ở bậc đại học mà còn ở bậc học phổ thông. Một bộ phận sinh viên nhận thức về xã hội kém, không chịu phấn đấu rèn luyện, lập trường sống không vững vàng, mờ nhạt lý tưởng, lối sống buông thả chạy theo đồng tiền và những thị hiếu tầm thường. Những sinh viên này có lối sống cá nhân thực dụng. Sự suy giảm về đạo đức, lệch lạc về lối sống ở họ biểu hiện ở khuynh hướng vật chất hoá các quan hệ ứng xử, coi nhẹ các giá trị đạo đức truyền thống, tiếp thu một cách máy móc lối sống được coi là “hiện đại”, kéo theo kiểu “văn minh tiêu thụ”. Xuất hiện xu hướng hưởng ngoại, sùng bái đồng tiền, đua đòi ăn diện, đòi hưởng thụ vượt quá mức thu nhập cá nhân và gia đình cho phép, không phù hợp với mặt bằng chung. Từ đó họ có những hành vi vi phạm pháp luật, rơi vào những tệ nạn xã hội như nghiện hút, uống rượu, mại dâm, đua xe, trộm cắp, vi phạm nội quy, quy chế đào tạo. Quá trình đổi mới và mở cửa đã và đang làm thay đổi quan niệm của sinh viên về lối sống. Sử dụng đồng tiền làm thước đo, làm tiêu chí lựa chọn ngành nghề, trường học, động cơ học tập, thái độ và quan hệ giữa sinh viên và giáo viên theo hướng thực dụng. Coi trọng lợi ích cá nhân hơn lợi ích tập thể, coi trọng giá trị vật chất hơn giá trị tinh thần, quan tâm đến lợi ích trước mắt hơn là lợi ích lâu dài, lấy lợi ích kinh tế đặt lên trên giá trị đạo đức, nhân cách.

Công bằng mà nói, sự xuống cấp về đạo đức của học sinh cũng có nguyên nhân từ phía nhà trường, từ phía người lớn. Sức ép của chủ nghĩa thành tích, thương mại hoá giáo dục tự phát và sự suy giảm đạo đức ngoài xã hội lây lan vào trường học, nhiều thầy cô vì sức ép cuộc sống đã sẵn sàng đánh giá không đúng chất lượng học sinh, dễ dãi và thậm chí sai phạm trong thi cử để có được chút ít lợi ích vật chất từ học sinh hoặc gia đình học sinh. Nhiều thầy cô đã không giữ được phẩm chất, cốt cách nhà giáo, thiếu gương mẫu hoặc kém phẩm chất, chạy theo lợi ích vật chất đã hành xử theo lối thực dụng, vô trách nhiệm và vụ lợi. Dạy ở trường thì qua quýt, sơ lược cho xong bài, còn kiến thức cần phải truyền thụ trên lớp thì thầy, cô “dụ dỗ” học sinh đến lớp học thêm. Từ đó dẫn đến học sinh lười học, ỷ vào việc có tiền là có điểm như đã nói ở trên.

Những biểu hiện lười học, thiếu trung thực trong học tập, gian lận trong thi cử, thương mại hoá các mối quan hệ, đặc biệt trong những quan hệ vốn được coi là thiêng liêng như thầy trò, tình yêu, gia đình, bạn bè cũng từ đây mà ra. Một số sinh viên đi thuê làm khoá luận, đồ án tốt nghiệp, hoặc tổ chức thi hộ vào đại học. Hiện tượng mua bằng, mua điểm không còn là chuyện hiếm thấy. Tự do, phóng túng, học đòi theo lối sống tự do cá nhân của phương Tây, họ chấp nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân, lạm dụng các mối quan hệ tình cảm như là một cách sống “hiện đại”. Vấn đề “sống thử”, “yêu thử” của họ đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Thị hiếu văn hoá, thẩm mỹ bị tầm thường hoá với những bài ca rên rỉ, nỉ non, đa sầu, đa cảm, uỷ mị yếu đuối, đắm chìm trong cái tôi cá nhân, yêu đương bi lụy. Thậm chí có hiện tượng lệch chuẩn trong quan niệm về cái đẹp. Từ đó bộ phận sinh viên này mơ hồ về lý tưởng, thờ ơ với cộng đồng, thiếu ý chí phấn đấu vì dân tộc, bị cuốn theo những tác động tiêu cực, và lối sống buông thả, bị lệch chuẩn nhân văn, nhân bản, bàng quan với người xung quanh.

Trong quan hệ hôn nhân và gia đình, xu hướng thực dụng đang tăng lên với những tính toán vụ lợi, vị kỷ, ích kỷ cá nhân làm ảnh hưởng xấu tới quan hệ tình nghĩa yêu thương. Tình trạng vì tiền, vì trả nợ, vì lợi lộc riêng mà sẵn

sàng lừa gạt, bóc lột, gán vạ, bán con được báo chí nhắc đến thường ngày. Khi không có lợi lộc thì sẵn sàng bỏ rơi hoặc ngược đãi con cái hoặc cha mẹ mình. Trước sự thao túng của tiền bạc và lối sống tự do, buông thả của chủ nghĩa cá nhân quan hệ gia đình chung thủy, hiếu, nghĩa đã bị rạn nứt và tan vỡ, không ít gia đình có sự ly thân, ly hôn. Xu hướng thực dụng, vụ lợi đang nổi lên và gia tăng, nó làm át cả tình cảm yêu thương, sống có trách nhiệm, nghĩa vụ với nhau trong đời sống gia đình.

Thực tế cho thấy, nhiều cuộc hôn nhân không xuất phát từ tình yêu, mà từ những tính toán lợi ích vật chất. Xu hướng con gái Việt Nam lấy chồng nước ngoài thông qua môi giới ngày một gia tăng. Nhiều gia đình còn khuyến khích con cái lấy chồng nước ngoài. Cũng có những trường hợp bố mẹ đẩy con cái vào hoạt động mại dâm. Nhiều gia đình, người lớn mãi mê làm giàu, con trẻ không được dạy dỗ, giáo dục chu đáo đã trở nên hư hỏng, sa đoạ. Nhiều biểu hiện không gương mẫu trong hành vi, lối sống của bố mẹ đã làm tổn thương tới tình cảm đạo đức và nhân cách của trẻ.

Tóm lại, thực trạng lối sống của chúng ta hôm nay đang có những biến động vừa tích cực vừa tiêu cực. Mặt tốt đẹp biểu hiện ở nhiều nét mới trong các giá trị, chuẩn mực đạo đức xuất hiện phù hợp với tinh thần nhân văn, nhân bản, với truyền thống đạo đức của dân tộc với yêu cầu của thời đại đã hình thành. Nhiều tấm gương đạo đức của cá nhân và tập thể với lối sống tốt đẹp của nền tảng đạo đức xã hội vẫn được giữ vững trong đại bộ phận quần chúng nhân dân và một bộ phận cán bộ, đảng viên các cấp. Tuy nhiên, mặt tiêu cực biểu hiện ở sự biến động thái quá của các giá trị chuẩn mực đạo đức, ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, nghiêng về cái xấu, cái ác, dẫn đến những rối loạn, mâu thuẫn, xung đột với lối sống tốt đẹp đang là một hiện thực nhức nhối trong xã hội ta. Điều đáng báo động là sự suy thoái đạo đức, lối sống ở “một bộ phận không nhỏ” cán bộ đảng viên và một bộ phận nhỏ quần chúng nhân dân đang có những biểu hiện nghiêm trọng hơn.

THỰC TRẠNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI CỦA CÁC GIAI CẤP, CÁC TẦNG LỚP VÀ CÁC NHÓM XÃ HỘI CƠ BẢN

TS. TRẦN THỊ MINH NGỌC *

Lối sống là yếu tố cơ bản, gắn liền với mọi mặt của đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội. Trong từng quốc gia, ở mỗi giai đoạn lịch sử luôn có lối sống, chuẩn mực giá trị quy định các khuôn mẫu ứng xử, quan hệ xã hội của cộng đồng.

Ở mỗi thời kỳ khác nhau, để công cuộc chấn hưng và đổi mới đất nước thắng lợi, Đảng ta luôn chú ý đến tạo dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu thời đại. Trong thời kỳ đổi mới lối sống đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành con người mới, là động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Ngày nay, thế giới đang có nhiều biến động, môi trường kinh tế, xã hội, chính trị nước ta đang có nhiều biến đổi, việc phát triển lối sống dân tộc – hiện đại ở nước ta diễn ra khá phức tạp, đan xen giữa giá trị mới và giá trị cũ, giữa yếu tố tích cực và tiêu cực, giữa lối sống nông nghiệp lạc hậu và lối sống văn minh công nghiệp, giữa truyền thống và hiện đại, giữa lối sống cao đẹp và lối sống thực dụng. Tình trạng suy thoái, lệch lạc, xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận xã hội đáng lo ngại, tệ coi thường những giá trị văn hoá của dân tộc đã gây ra những ảnh hưởng phức tạp trong lối sống. Nói về điều này báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng toàn quốc lần thứ X nêu rõ: *“Việc xây dựng nếp sống văn hoá chưa được coi trọng đúng mức. Tình trạng suy thoái hoá xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ. Quản lý nhà nước về văn hoá còn nhiều sơ hở, yếu kém”*.

* Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa Xã hội học - Tâm lý lãnh đạo quản lý, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Vấn đề đặt ra là trong công cuộc CNH- HĐH đất nước cần nghiên cứu, đánh giá nghiêm túc thực trạng lối sống dân tộc hiện đại các giai cấp, các tầng lớp, các nhóm xã hội, nhằm tìm kiếm giải pháp nhằm cải biến lối sống cũ, xây dựng lối sống mới đáp ứng với nhu cầu thời đại, lối sống dân tộc- hiện đại - nhân văn.

Lối sống là khái niệm còn nhiều ý kiến tranh luận. Mỗi quan niệm về lối sống đều có những hạt nhân hợp lý của nó. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng quan niệm cho rằng: Lối sống gắn liền với hoạt động của con người và một hình thái kinh tế-xã hội. Lối sống là một phạm trù khái quát toàn bộ hoạt động sống của các dân tộc, các giai cấp, các tập đoàn xã hội, các nhóm xã hội, các cá nhân trong những hình thái kinh tế xã hội nhất định, và biểu hiện trong lao động và hưởng thụ, trong quan hệ giữa người với người, trong sinh hoạt tinh thần và văn hoá.

Có thể phân loại lối sống thành một số dạng cơ bản, có đặc trưng riêng về nội dung và hình thức biểu hiện dựa vào các dấu hiệu như: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp, nghề nghiệp, dân tộc, lãnh thổ, tuổi...Ngoài ra cũng có thể chia lối sống theo ba cấp độ: Lối sống của dân tộc (hay quốc gia), lối sống của giai cấp (hay nhóm xã hội), lối sống của cá nhân.

Lối sống dân tộc - hiện đại - nhân văn mà Việt Nam hướng tới là lối sống chuẩn mực đạo đức, có lý tưởng cao đẹp, có sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hoá nhân loại dựa trên mức sống ổn định và ngày càng phát triển. Lối sống mới là lối sống phát triển cao về thể lực, trí tuệ và tình cảm, có ý thức công dân, sống và làm việc theo pháp luật, năng động, linh hoạt, thích nghi và sáng tạo.

Trong phạm vi nghiên cứu này chúng tôi không có điều kiện nhận diện hết các loại lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam hiện nay, mà chỉ xin đề cập khái lược lối sống của một số giai cấp, tầng lớp và nhóm xã hội cơ bản ở nước ta dựa vào một số đặc trưng cơ bản sau:

- Mức sống và điều kiện kinh tế - xã hội. Tính cơ động nghề nghiệp - xã hội và không gian xã hội

- Sự phụ thuộc của các hoạt động trong đời sống hàng ngày vào các dịch vụ công cộng. Phạm vi giao tiếp, nhu cầu văn hoá - giáo dục đa dạng và ngày càng phong phú. Việc sử dụng thời gian rảnh

- Tính tích cực xã hội, ý thức công dân và các hoạt động xã hội.

- Sự chuyển đổi định hướng giá trị trong điều kiện CNH-HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN.

1. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các giai cấp công nhân, nông dân.

Căn cứ vào dấu hiệu về giai cấp các nhà nghiên cứu có thể phân chia lối sống ra những loại hình khác nhau: lối sống dân tộc hiện đại của giai cấp công nhân, nông dân...

1.1. Lối sống của giai cấp công nhân ở nước ta hiện nay

Lối sống phản ánh tồn tại xã hội, là toàn bộ hoạt động sống của con người, là kết quả của cách thức sản xuất, vì vậy, nó cũng đóng vai trò tích cực điều tiết cách thức sản xuất, thúc đẩy hay kìm hãm đối với tồn tại xã hội. Trong cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp phần lớn công nhân làm việc trong các khu vực kinh tế quốc doanh. Đa số công nhân có lối sống lành mạnh, mình vì mọi người, yêu nước, tự tôn dân tộc, ý thức tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật cao, giàu đức hy sinh và vị tha. Nhưng thời kỳ bao cấp cũng kéo theo nhiều hạn chế trong lối sống, đó là tính trì trệ, cam chịu, cào bằng. Chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, lối sống của giai cấp công nhân có sự biến đổi tích cực từ sự thay đổi nghề nghiệp, nơi ở và thăng tiến xã hội cho đến sự thay đổi đời sống đạo đức và văn hoá tinh thần. Kinh tế thị trường hoạt động theo quy luật giá trị và mục tiêu lợi nhuận đã hình thành môi trường kinh tế xã hội để biến đổi lối sống người công nhân theo những tiêu chí mới. Đó là tính thiết thực, hiệu quả, tính năng động, ý thức về năng lực, trình độ học vấn, tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ được đề cao gắn với nó

là tính tự chủ, độc lập. Giai cấp công nhân nước ta trong nền kinh tế th giữ vững vị thế xã hội của mình, là cơ sở chính trị - xã hội của Đảng, chỗ dựa vững chắc của Đảng và nhà nước, là giai cấp tiên phong, lực lượng nòng cốt trong khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, sự thay đổi trong cấu trúc nghề nghiệp, tính cơ động nghề nghiệp và không gian xã hội của công nhân của công nhân đã làm biến đổi mức sống vật chất và tinh thần, khuôn mẫu hành vi ứng xử và lối sống của họ trên cả hai mặt tích cực và tiêu cực.

Những biến đổi tích cực trong lối sống của giai cấp công nhân dễ nhận thấy đó là: Kinh tế thị trường đã tạo điều kiện và cơ hội để công nhân nâng cao vị thế xã hội, cơ cấu nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn và tay nghề, có thái độ tích cực đối với lao động, đối với gia đình, cộng đồng và xã hội. Giai cấp công nhân quan tâm đến đổi mới, nhập cuộc đổi mới, ủng hộ đổi mới.

Giai cấp công nhân mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số và lao động xã hội, nhưng đang nắm giữ cơ sở vật chất và các phương tiện sản xuất hiện đại nhất, quyết định phương hướng phát triển chủ yếu của nền kinh tế, mỗi năm tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp chiếm 40% tổng sản phẩm xã hội bảo đảm trên 60% ngân sách nhà nước. Đổi mới kinh tế, xã hội và mở cửa đã làm thay đổi diện mạo của giai cấp công nhân. Đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam đang có những chuyển hoá mạnh mẽ, toàn diện.

- Kết cấu ngành nghề đa dạng, không thuần nhất. Giai cấp công nhân hiện nay không chỉ có những người làm việc làm việc ở các xí nghiệp quốc doanh hoặc các xí nghiệp quốc doanh cổ phần hoá, mà còn làm việc ở các xí nghiệp tư doanh, các cơ sở liên doanh với nước ngoài hoặc do nước ngoài đầu tư 100% vốn.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giai cấp công nhân Việt Nam có bước phát triển mới. Giai cấp công nhân đang tăng nhanh về số lượng, đa dạng và phức tạp hơn về cơ cấu. Hiện nay giai cấp công nhân Việt Nam hiện chiếm 10% dân số, chiếm 11,86% lao động cả nước. Độ tuổi giai cấp công nhân tương đối trẻ, đa số công nhân ở độ tuổi 17

đến 35, khoảng 37% công nhân có độ tuổi dưới 30. Trong quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế, giai cấp công nhân có sự chuyển đổi cơ cấu theo hướng tăng số lượng công nhân trong sản xuất công nghiệp là 57%, trong thương nghiệp, dịch vụ 20%, trong xây dựng, giao thông vận tải, bưu điện là 17%, trong các ngành nông, lâm, thủy sản là 6%.¹

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, công nhân khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gồm khoảng 600 nghìn lao động làm việc trong hơn 2 nghìn doanh nghiệp (có 466 nghìn công nhân làm việc trong 1.337 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài). Công nhân Việt Nam lao động ở nước ngoài tính đến nay có khoảng 450 nghìn người. Đến năm 2002, có xấp xỉ 50 nghìn doanh nghiệp ngoài nhà nước với 1,4 triệu công nhân. Tuy nhiên, các doanh nghiệp ngoài nhà nước chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, chỉ có một số rất ít có quy mô sử dụng lao động từ 500 đến 1.000 công nhân.

- Kiến thức, trình độ và tính chất nghề nghiệp của công nhân cao hơn trước. Công nghiệp hoá- Hiện đại hoá đất nước đòi hỏi giai cấp công nhân có trình độ văn hoá cao hơn trước, họ được đào tạo và huấn luyện, có tay nghề và năng lực đủ sức đáp ứng yêu cầu thay đổi về công nghệ và sản xuất và quản lý. Trong nền kinh tế thị trường công nhân không ngừng phải học tập và có khả năng tự học. Vì vậy, công nhân có tri thức, có trí tuệ cao ngày càng tăng, công nhân làm việc trực tiếp trong các dây chuyền công nghệ giảm. Sự gần bó giữa những công nhân có trí tuệ với tầng lớp tri thức càng chặt chẽ. Nếu như năm 1985 chỉ có 42,50% công nhân có trình độ văn hoá phổ thông trung học, thì đến nay tỷ lệ này tăng lên là 62,3%. Vẫn còn trên 30% tốt nghiệp trung học cơ sở và 0.4% mù chữ. Kết quả khảo sát ở Hà Nội cho thấy trình độ học vấn của công nhân Hà Nội tương đối cao, nhất là công nhân trẻ. Hà Nội có 74,8% công nhân tốt nghiệp phổ thông trung học, chỉ có 2% công nhân chưa tốt nghiệp lớp Phổ thông cơ sở. Trong số công nhân trẻ dưới 30 tuổi có 89, 5% tốt nghiệp phổ thông trung học, công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước

¹ Đỗ Nguyên Phương, *Cơ cấu xã hội và một số vấn đề xã hội bức xúc trong quá trình đổi mới*, Hà Nội 2004, tr.15.

có trình độ học vấn phổ thông trung học cao hơn khu vực ngoài quốc doanh (81,3% so với 72,6%).

Về kiến thức kỹ thuật và trình độ tay nghề. Do nghề nghiệp có sự biến động thường xuyên nên số công nhân có trình độ kỹ thuật tay nghề cao (kỹ sư, trung cấp kỹ thuật) có tăng lên so với trước, số công nhân qua đào tạo nghề là khoảng 1,6 triệu, số người có bằng trung cấp chuyên nghiệp là 1,4 triệu, bằng cao đẳng, đại học trên 1 triệu, trên đại học khoảng 17 ngàn người.¹ Tính đến năm 2006 Hà Nội có 850.926 công nhân, trong đó trình độ học vấn tiểu học chiếm 2%, THCS 17%, THPT 81%; trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa qua đào tạo chiếm 28%, sơ cấp 25%, trung cấp 22%, đại học 23%...

Theo kết quả khảo sát của Liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001: Chỉ có 7,6% công nhân kỹ thuật bậc 6-7; 30% thợ bậc 1-3, 25% chưa qua đào tạo nghề nghiệp, 20% công nhân đang trực tiếp làm việc với công nghệ và kỹ thuật hiện đại. Đa số lao động phổ thông đã tiếp cận và hoà nhập được với tác phong lao động công nghiệp. Giai cấp công nhân nước ta đã hình thành công nhân áo xanh, áo trắng và áo nâu, trong đó tỷ trọng công nhân áo trắng ngày càng tăng.

Quá trình đổi mới kinh tế, chính trị, xã hội đem lại những biến đổi tích cực về ý thức trách nhiệm công dân, ý thức chính trị của giai cấp công nhân. Những biến đổi về chính trị và dân chủ hoá đã tạo ra sự chuyển động tích cực: tăng tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân, thúc đẩy thái độ tích cực chính trị, tăng sự giác ngộ giai cấp, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quan tâm đến hoạt động của tổ chức Đảng. Mong muốn đứng vào hàng ngũ của Đảng. Kết quả điều tra đề tài KHXH- 03- 07 cho thấy có 40,7% công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước muốn vào Đảng, 43,25% công nhân các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có nguyện vọng vào Đảng.

¹ Xu hướng biến đổi giai cấp công nhân Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2001, tr. 278.

Công nhân là lực lượng kiên quyết ủng hộ và đi đầu trong công cuộc đổi mới, lực lượng tích cực, đi tiên phong trong mặt trận đấu tranh chống tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi và các hiện tượng tiêu cực khác trong đời sống kinh tế xã hội và nỗ lực vươn lên trong sản xuất, công tác, học tập và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, giữ vững vai trò quyết định thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, góp phần giữ vững ổn định an ninh và quốc phòng. Kết quả điều tra viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2001 cho thấy thái độ của công nhân các doanh nghiệp nhà nước ở địa bàn Hà Nội về những biểu hiện tiêu cực như nạn quan liêu, tham nhũng: 74,4% đấu tranh, phê phán; 12,8% bất bình không phê phán; 3,1 % chấp nhận các hiện tượng đó; 9,7% khó trả lời.

Kết quả khảo sát của đề tài KHXH 04-05 cho thấy 84,87% người được hỏi cho rằng đổi mới làm cho mức sống được cải thiện. Thu nhập của đa số công nhân có tay nghề vững được nâng lên rõ rệt, đời sống ổn định và được cải thiện, nhất là ở các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoặc liên doanh với nước ngoài. Một bộ phận công nhân bậc cao, có tay nghề giỏi năng động, tự lập, cơ động xã hội tốt hơn. Họ chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang làm việc các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh, hoặc doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài. Mức sống của bộ phận công nhân lao động đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động đã khá hơn trước đây rất nhiều. Tư tưởng, tâm trạng của họ ổn định, phần lớn nhóm công nhân này rất có ý thức trách nhiệm trong việc khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ, họ luôn ủng hộ và thực hiện nghiêm túc các chủ trương và đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Công cuộc đổi mới hai mươi năm qua đã cải thiện cơ bản mức sống của công nhân, khắc phục các khủng hoảng niềm tin và lẽ sống. Kết quả đã làm cho xã hội ổn định và khởi sắc, đồng thời tạo cơ hội cho mọi công nhân có khả năng lựa chọn mức sống khác nhau, có lối sống phù hợp với thu nhập, với điều kiện cá nhân và cộng đồng. Trong mọi hoàn cảnh đội ngũ công nhân đã ra sức học tập, rèn luyện, có ý thức tính tổ chức, kỷ luật. Họ đã chứng tỏ tính

tích cực năng động, dám nghĩ, dám làm, kể cả bung ra tự cứu mình. Giai cấp công nhân đã thích ứng nhanh với cơ chế mới, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, vươn lên nắm lấy đỉnh cao của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, tiếp cận nhanh với công nghệ khoa học hiện đại, có nhiều phát minh sáng kiến có giá trị khoa học và kinh tế, được áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội đạt năng suất chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá và vai trò lãnh đạo cách mạng trong sự nghiệp đổi mới.

Bên cạnh những biến đổi tích cực về lối sống, trong xã hội ta từ nhiều năm nay cũng diễn ra nhiều biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong lối sống của giai cấp công nhân. Trước những thời cơ và thách thức mới giai cấp công nhân Việt Nam vẫn còn tồn tại bất cập, số lượng công nhân còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số - lao động và mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao động kỹ thuật giữa các bộ phận công nhân. Trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp còn thấp so với yêu cầu; mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao ĐỘNG kỹ thuật. Hiện nay, tỷ lệ lao động có trình độ cao hiện còn chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Số đông công nhân là lao động phổ thông qua đào tạo ngắn hạn nên thiếu tính tổ chức và kỷ luật, ý thức học tập trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhìn chung không cao. Giai cấp công nhân hiện nay so với thế hệ trước có sự thay đổi mô hình ứng xử, quan niệm, định hướng giá trị, thay đổi lý tưởng.

- Quan hệ giữa các tầng lớp công nhân và nội bộ giai cấp công nhân đã biến đổi sâu sắc. Công nhân nước ta do làm việc trong các thành phần kinh tế khác nhau nên phần lớn lợi ích của họ, quan hệ của các tầng lớp công nhân không đơn thuần như trước đây, một phần do họ làm việc trong các thành phần kinh tế khác nhau, hơn nữa lợi ích của họ. Do chỗ đứng và lợi ích khác nhau lại chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường nên cùng với sự cải thiện mức sống, môi trường sống cũng nảy sinh lối sống thành thị, lối sống tự do, chủ nghĩa cá nhân, quan hệ sòng phẳng, dẫn đến thái độ bàng quang “*ai no*

phận nấy”. Công nhân ở các thành phần kinh tế khác nhau chỉ lo việc làm và thu nhập, lợi ích riêng của mình, họ ít tỏ thái độ phản đối hay đấu tranh ngăn chặn những hành vi sai phạm lợi ích chung.

Sự khác biệt về thu nhập, tiền lương ngay trong từng doanh nghiệp, ngành nghề đã và đang làm cho quan hệ giai cấp của nội bộ giai cấp công nhân bền chặt như trước. Trong một cuộc toạ đàm với đại biểu công nhân tại Hải Phòng do Ban lịch sử thành phố tổ chức, đại biểu công nhân nhà máy Cơ khí Duyên Hải cho rằng trước đây đi làm công nhân là đi xây dựng nhà máy, theo tiếng gọi của Đảng, đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì. Hiện nay công nhân tuổi đời trẻ, trình độ học vấn cao hơn, sống thực tế hơn thế hệ trước, mục đích đi làm để kiếm sống, để kiếm tiền mưu sinh, họ sẵn sàng làm bất cứ công việc gì miễn là thu nhập cao. Trách nhiệm gánh vác khó khăn với doanh nghiệp, gắn bó doanh nghiệp chưa cao. Đa phần doanh nghiệp nào trả lương cao là thu hút được lực lượng công nhân trẻ có tay nghề chuyên môn.

Điều đáng lo ngại một bộ phận công nhân chưa quen với tác phong công nghiệp, có biểu hiện phai nhạt ý thức giai cấp, chưa chú ý tới những lợi ích lâu dài, ý thức tổ chức kỷ luật kém, đời sống, điều kiện lao động còn nhiều khó khăn; việc thi hành pháp luật còn nhiều thiếu sót, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và liên doanh với nước ngoài. Theo điều tra của Ban chỉ đạo tổng kết Nghị quyết Trung ương 8B năm 1995, thì chỉ có 10% công nhân được hỏi nhận mình là giai cấp lãnh đạo. Khảo sát của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam năm 2000 có 12,54% công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước không muốn vào Đảng, có tới 33,42% không trả lời, trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có 14,98% không muốn vào Đảng và 37% không trả lời. Nguyên nhân của tình trạng trên là do một số cấp ủy, sở, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết xây dựng đội ngũ công nhân chưa kịp thời, đồng bộ, có nơi thực hiện còn hình thức, chưa thường xuyên; công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn lúng túng. Công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng cho công nhân lao động khu vực kinh tế ngoài quốc doanh còn gặp khó khăn.

Do trình độ kiến thức, tay nghề, trình độ công nghệ của giai cấp công nhân không đồng đều làm cho phân hoá giàu nghèo của công nhân trong của doanh nghiệp, của các ngành kinh tế ngày càng bộc lộ rõ và phức tạp, điều đó tác động rất lớn đến tâm lý, tình cảm, lối sống của công nhân.

Sự khác biệt về việc làm, thu nhập, và điều kiện kinh tế xã hội trong sinh hoạt, trong sản xuất kinh doanh là những nhân tố tác động định hướng giá trị, làm tăng sự khác biệt về lối sống giữa các nhóm giai cấp công nhân, tạo ra sự phức tạp cho việc xây dựng lối sống văn minh của họ. Quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đã và sẽ làm tăng số lượng người lao động cổ phần, cổ phiếu. Sự gia tăng mạnh mẽ các luồng đầu tư nước ngoài trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ tài chính, ngân hàng... sẽ thúc đẩy tập trung tích tụ sản xuất, mà hệ quả là làm sâu sắc hơn sự phân hoá xã hội thành những tầng lớp khác nhau về thu nhập, mức sống, lối sống.

Đời sống vật chất và tinh thần của công nhân làm việc trong các doanh nghiệp cổ phần hoá và tư nhân theo chế độ hợp đồng nhìn chung kém hơn so với công nhân làm việc trong các doanh nghiệp quốc doanh theo chế độ biên chế. 81% công nhân ở các doanh nghiệp nhà nước có việc làm thường xuyên. Trong khi đó ở các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp dân doanh tỷ lệ công nhân có việc làm ổn định là 71% so với 60% . Như vậy, vẫn còn 19% công nhân lao động trong các doanh nghiệp nhà nước và hơn 30% công nhân ở các doanh nghiệp liên doanh và tư nhân có việc làm không ổn định. Nguyên nhân họ không có việc làm chủ yếu là do lao động không có chuyên môn, tay nghề khựng đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Kết quả điều tra tại 52 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế năm 2004 cho thấy, học viên tốt nghiệp nghề được chủ sử dụng lao động đánh giá về kỹ năng nghề đạt loại khá và giỏi là 30,4%; trung bình 58,7%; về ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp thì loại tốt đạt 51%, loại trung bình là 34%. Giai cấp công nhân nước ta chưa ý thức được đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế thị trường trong xu thế toàn cầu hoá, chưa chủ động chuẩn bị đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và yêu cầu cạnh tranh quốc tế.

Hơn nữa, vẫn còn một bộ phận công nhân, lòng say mê nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp còn yếu kém. Có một thực tế khác cũng đáng phải quan tâm, đó là số công nhân trong khu vực kinh tế tư nhân là đảng viên rất ít. Nhiều cơ sở, nhiều xí nghiệp hoàn toàn không có đảng viên, thậm chí cũng không có cả cơ sở đoàn thanh niên. Điều tra xã hội học về thực trạng giai cấp công nhân ở 15 tỉnh thành khi được hỏi 3558 công nhân tại sao chọn nghề làm công nhân? Có 41 % người được hỏi trả lời không có nghề nào khác và không thích làm nông dân. Như vậy, đổi mới mở ra cho thanh niên nhiều cơ hội lập nghiệp, làm giàu, phát huy tài năng của họ: chủ trang trại, chủ cửa hàng, doanh nghiệp vừa và nhỏ... , chứ không phải chỉ có một con đường trở thành công nhân, phần lớn những lực lượng bổ sung vào công nhân là thanh niên nông dân không thích sống ở nông thôn và không có nghề nào khác. Có 58,4% công nhân bằng lòng với vị trí hiện nay, 23,5% rất tự hào làm công nhân. Vẫn còn 4,5% số công nhân được hỏi cảm thấy nghề công nhân bị coi rẻ, 9 % không thích thú gì. Phần lớn số này là công nhân lao động giản đơn xuất thân từ nung dớn, tay nghề thấp, chưa được đào tạo cơ bản, chưa được giỗc ngộ chính trị, hoặc tay nghề thấp có thu nhập không ổn định, nhất là công nhân trong các doanh nghiệp tư nhân, cho nên lòng say mê nghề nghiệp giảm sút.

Một bộ phận công nhân điều kiện sống và sinh hoạt còn chưa được cải thiện, làm cho họ không yên tâm và gắn bó với nghề. Cả nước hiện có 131 khu công nghiệp, khu chế xuất với 900 nghìn công nhân, hầu hết các khu công nghiệp tập trung điều kiện nhà ở và sinh hoạt không đảm bảo, chưa xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân, chỉ có 2% số công nhân được thuê nhà ở do doanh nghiệp xây dựng. Theo các số liệu cung bố gần đây của TP.HCM, 70% lao động ở các khu vực công nghiệp thành phố là người ngoại tỉnh có nhu cầu nhà ở. Theo kết quả điều tra xã hội học của Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP.HCM năm 2006, đa số lao động là những người trẻ nhập cư, nờn gặp nhiều khó khăn trong ổn định cuộc sống, nhất là về nhà ở. 65,8% cộng nhõn tại các khu vực công nghiệp, khu chế xuất TP.HCM có nhu cầu nhà ở, song các doanh

ng nghiệp chỉ mới đáp ứng được từ 4 đến 15%. Còn Bình Dương cũng mới đảm bảo nhà cho 15% số lao động (đáp ứng cho khoảng 11.000 lao động), tỉnh Đồng Nai đảm bảo được 6,5% lao động (đáp ứng được gần 9.000 lao động).

Thu nhập thấp, đồng lương rẻ mạt, làm việc quá sức, không có thời gian nghỉ ngơi và tiếp xúc với văn hoá đã dẫn đến sự khủng hoảng về lối sống của một bộ phận công nhân. Theo khảo sát, 89,3% công nhân ở các khu công nghiệp cho rằng không có điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao diễn ra tại địa bàn cư trú. Hầu hết lao động ở các khu cụm nghiệp và khu chế xuất rơi vào tình trạng “mù văn hoá tinh thần”

Do việc tư nhân hoá, cổ phần hoá các công ty, xí nghiệp, các doanh nghiệp... làm cho đời sống, việc làm của một bộ phận công nhân không đảm bảo. Thậm chí, việc tập trung giải quyết các vấn đề bức xức trong cộng nhõn lao động cũn chưa kịp thời, triệt để, một số doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận, chưa quan tâm đến đời sống và điều kiện làm việc cho công nhân lao động, vi phạm Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, chế độ bảo hiểm xã hội gây nên những cú sốc về tâm lý, lối sống, những biến đổi xã hội như đình công, bãi công, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ... Đến nay, cả nước đó xảy ra trờn 1.370 vụ đình công. Theo thống kê chưa đầy đủ, tính đến 31/12/2005, cả nước xảy ra 147 cuộc đình công và tập trung nhiều ở doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư của Hàn Quốc (40 cuộc) và Đài Loan (31 cuộc). Địa bàn xảy ra đình công nhiều là TP Hồ Chí Minh (52 cuộc), Đồng Nai (36 cuộc). Riêng năm 2006, xảy ra 390 vụ và từ đầu năm 2007 đến nay là gần 70 vụ.

Từ thực trạng lối sống của công nhân cho thấy, muốn xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại cho giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước đáp ứng được yêu cầu phát triển một mặt phải phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế đã ăn sâu vào nếp sống, lối sống của công nhân, mặt khác phải đi đôi với việc xây dựng cơ chế, chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân.

1.2. Thực trạng lối sống của giai cấp nông dân

Nông dân nước ta chiếm hơn 70% số dân cả nước, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội ta, trình độ dân trí của nông dân thấp, chẳng hạn ở Đồng bằng sông Cửu Long, có 45% số dân ở nông thôn từ 15 tuổi trở lên chưa hoàn tất khoá học nào, 32% tốt nghiệp tiểu học, 13,5% tốt nghiệp phổ thông cơ sở, 5,4% tốt nghiệp trung học phổ thông, 3,1% qua đào tạo nghề. Hiện 10% dân số trên 10 tuổi thuộc diện mù chữ và tái mù, trên 80% chưa qua đào tạo nghề⁽¹⁾.

Hai mươi năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường trong điều kiện CNH- HĐH số lượng giai cấp nông dân đang phân hoá mạnh. Một bộ phận nhỏ trong số nông dân trở thành công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp, công nhân mùa vụ, một số khác thành thợ tiểu thủ công ở những địa bàn có nghề truyền thống, một số vươn lên thành chủ trang trại, một số khác giàu lên do trúng mùa lúa, tôm, cá.. một số bị bán cùng họ trở thành người làm thuê do không có năng lực sản xuất hoặc rơi vào tệ nạn xã hội.

Nhìn chung, các cải cách thể chế nông nghiệp cuối những năm 80 đầu những năm 90 đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, sản lượng lương thực tăng lên đáng kể. Nước ta là một trong ba nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo. Nhiều sản phẩm như cao-su, hồ tiêu, cà phê, hạt điều, thủy sản... của Việt Nam đứng thứ hạng cao trong khu vực và thế giới. Kinh tế nông thôn có bước chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, tạo điều kiện thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Đổi mới kinh tế, xã hội đã góp phần cải thiện mức sống của đại bộ phận nông dân, tạo ra những biến đổi tích cực về đạo đức, những thay đổi định hướng giá trị tạo ra một bước tiến tích cực về lối sống phù hợp với hội nhập.

Tăng trưởng kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng đã thúc đẩy sự tiến bộ về mặt xã hội cũng đẩy mạnh nhu cầu, sở thích, thị hiếu v.v. của nông dân và cả

xã hội. Đổi mới vừa phát huy truyền thống văn hiến lâu đời, phát huy lối sống tốt đẹp của người nông dân, đó là các giá trị yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tính đoàn kết, ý thức cộng đồng, gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ Quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống. Đổi mới cũng thúc đẩy đầu óc nhạy bén với cái mới của người nông dân, người nông dân không còn thụ động, trì trệ, lười biếng mà biết linh hoạt, thích nghi với biến đổi, tư tưởng chủ động, vượt lên hoàn cảnh, có trách nhiệm hơn với bản thân, cộng đồng và xã hội ngày càng phát triển. Kết quả báo cáo điều tra văn hoá làng thôn Bắc Bộ, Ban Tư tưởng- văn hoá Trung ương năm 2002 cho biết đánh giá của người dân về lối sống tốt đẹp được nông dân coi trọng: 74,2% nông dân xếp có ý chí vươn lên là lối sống được coi trọng nhất, 73,7% có ý thức yêu nước tự cường dân tộc, 70,7% tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng, 69,1% có ý thức vì tập thể, vì lợi ích chung, 68,9% có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, 68,7% có ý thức làm giàu cho xã hội, gia đình, bản thân, 60,7% ý thức bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái.

Mặc dù sống trong môi trường thiên nhiên khắc nghiệt nhưng người dân Việt Nam vẫn tìm cách hoà đồng với thiên nhiên, nương theo thiên nhiên để phục vụ cho lợi ích của mình. Nền kinh tế nước ta còn nghèo giai cấp nông dân chúng ta sống tiết kiệm, đó là nét đẹp truyền thống của lối sống Việt Nam “cần kiệm để xây dựng đất nước”. Chính lối sống tiết kiệm đã góp phần vào công cuộc xây dựng quê hương, đất nước, làm cho xã hội ổn định, con người biết quý trọng sức lao động của chính mình. Lối sống vì cộng đồng làng xã, đề cao chữ tâm, chữ hiếu, chữ tín là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Tại cuộc điều tra 3026 hộ gia đình do Bộ Văn hoá - Thông tin tiến hành, đại đa số người dân cho biết lý do tham gia lễ hội của làng: 67, 04% cho là giữ gìn truyền thống văn hoá làng, 55,55% gắn bó các thành viên trong làng, 46,47% tỏ lòng biết ơn những người có công với đất nước. Một nghiên cứu khác do Đỗ Thiên Kính, Viện Xã hội học tiến hành ở 3 xã vùng đồng bằng sông Hồng về lựa chọn các giá trị truyền thống trong ứng xử của cho

thấy: 78% nông dân chọn có đạo đức trong sạch, tôn trọng người cao tuổi, gia đình hoà thuận cao hơn giá trị làm kinh tế giỏi (43,8%)¹ Có thể nói, trong những năm đất nước mở cửa, hội nhập các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn được giai cấp nông dân kế thừa, bảo lưu trong cuộc sống của họ.

Giai cấp nông dân luôn đề cao giá trị truyền thống trọng người có học, có đạo đức, người cao tuổi, người có hiếu, ngoài những giá trị đó ra người dân còn đề cao các giá trị có tài, biết làm ăn kinh tế, hoạt động văn hoá giỏi, họ luôn khao khát con cháu học hành đỗ đạt, nghề nghiệp vững chắc, 74,8% người dân cho rằng người có giá trị nhất là người học giỏi, tài cao, 68% cho là có đạo đức nổi tiếng, 65,9% người cao tuổi, 64,8% người biết làm ăn kinh tế, 61% người có hiếu, 55,3% người hoạt động văn hoá giỏi, 43,3% người có vị trí lãnh đạo.

Tuy nhiên tăng trưởng về kinh tế giữa các nhóm dân cư không đồng đều. Có sự chênh lệch tương đối lớn về điều kiện sống giữa các nhóm, nhất là nông dân ở các vùng sâu, vùng xã mức sống còn quá thấp. Mức độ chênh lệch không dừng lại ở thu nhập hay chỉ tiêu mà còn tăng khoảng cách giữa nhóm giàu và nghèo ở điều kiện sống, các trang thiết bị phục vụ nhu cầu của hộ gia đình, cũng như sự hưởng thụ văn hoá của họ. Nói như vậy, nghĩa là lối sống gắn liền mức sống, chất lượng sống. Theo Báo cáo của Chính phủ về : *“Tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và nhiệm vụ năm 2007”* thì tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn 19%. Như vậy số hộ từ trung bình trở lên chiếm 81% tổng số hộ, trong đó hộ khá giả chiếm khoảng hơn 30%. Nhóm này đã giành 35 - 40% cho nhu cầu dinh dưỡng để tái sản xuất lao động, giành 60-65% cho các hoạt động vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khoẻ và giao tiếp.

Sự phân hoá về mức sống cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối sống, định hướng giá trị, khuôn mẫu hành vi của người nông dân. Các nhóm nông dân có đặc trưng nghề nghiệp, thu nhập, trình độ văn hoá khác nhau sẽ có lối sống, định hướng giá trị khác nhau.

¹ Mai Quỳnh Nam, *những vấn đề xã hội học trong công cuộc đổi mới*, Nxb. CTQG, tr. 446, tr..202

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng trong nông nghiệp, từ "khoán 100" đến "khoán 10", việc giao quyền sử dụng đất ổn định lâu dài cho nông dân, phát huy tính tự chủ của kinh tế hộ và hàng loạt chính sách khác... đã tạo động lực mạnh mẽ giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai, rừng, biển và các nguồn lực khác trong nông nghiệp cùng các nguồn đầu tư của Nhà nước và sự hợp tác với nước ngoài. Các chính sách đó đã khơi dậy và phát huy vai trò thông minh, cần cù, làm chủ, lao động sáng tạo và giàu lòng yêu nước của nông dân, tạo ra động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước của giai cấp nông dân nước ta.

Bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, nông dân có bước trưởng thành về nhiều mặt, trình độ học vấn, khoa học kỹ thuật, năng lực quản lý kinh doanh có tiến bộ rõ rệt, nâng cao tinh thần tự giác, hăng hái, nhiệt tình cách mạng, tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, phát huy truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc, sống có nghĩa tình, nhân hậu, thuỷ chung. Ngày nay, nông dân tích cực tham gia các cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Vì người nghèo", "Quỹ đền ơn đáp nghĩa"... ngày càng nhiều nông dân có ý thức làm chủ, có trách nhiệm với cộng đồng, giữ được thuần phong mỹ tục, đẩy lùi tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống lề thói cổ hủ, lạc hậu ảnh hưởng đến đời sống nông thôn mới.

Đông đảo nông dân phát huy truyền thống yêu nước, ý thức tự lập, tự cường, năng động, sáng tạo, vượt qua những khó khăn, thử thách, lập nên những thành tích xuất sắc. Phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đã được nông dân cả nước hưởng ứng tích cực, trở thành phong trào cách mạng sâu rộng của nông dân trong thời kỳ đổi mới. Nhiều hộ nông dân sản xuất giỏi, làm giàu cho gia đình, cho đất nước, góp phần đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn nước ta có bước phát triển toàn diện, liên tục, từ sản xuất tự cấp, tự túc chuyển sang sản xuất hàng hóa với trình độ ngày càng cao, đã hình thành những vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, đáp ứng ngày càng tốt hơn

cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, nhiều hộ nông dân ở khắp các vùng, miền, các dân tộc trong cả nước đã mạnh dạn ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư tiền của, sức lao động, học hỏi kinh nghiệm trong nước và ngoài nước vươn lên trở thành triệu phú, tỷ phú; đồng thời, giúp đỡ những hộ còn nghèo vươn lên thoát nghèo, giúp các cháu mồ côi không nơi nương tựa, các nạn nhân chất độc da cam, giúp những người cai nghiện, những người làm lỡ hoàn lương, hòa nhập với cộng đồng, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động ở nông thôn. Đó là những lối sống đẹp của giai cấp nông dân Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, rất xứng đáng để mọi người học tập và noi theo.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi không chỉ có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội sâu sắc mà còn là cơ hội, điều kiện thuận lợi để tăng cường khối đoàn kết ở nông thôn, củng cố khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức thực hiện sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"

Thực hiện Nghị quyết đại hội lần thứ X của Đảng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức phấn đấu đẩy mạnh toàn diện cuộc đổi mới để đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Nước ta đó là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bên cạnh thời cơ, nông dân, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đang phải đương đầu với những thách thức to lớn. Đó là: nền nông nghiệp nước ta cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tỷ suất hàng hóa, công nghệ sản xuất, sức cạnh tranh và uy tín thương hiệu nông sản hàng hóa còn thấp hơn các nước trong khu vực và nhiều nước trên thế giới. Để tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức, đòi hỏi sự nỗ lực, phấn đấu rất cao của giai cấp nông dân. Nông dân thi đua sản xuất đoàn kết

giúp nhau giảm nghèo và làm giàu chính đáng. Nông dân Việt Nam phải hướng vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn, nâng cao giá trị ngày công lao động, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh, xây dựng thương hiệu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; đồng thời, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội. Đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau với tinh thần "thương người như thể thương thân", tích cực giúp đỡ những hộ nghèo khó vươn lên thoát nghèo bền vững, để ngày càng thu hẹp khoảng cách giàu nghèo ở nông thôn. Các hộ nông dân sản xuất giỏi nên liên kết với nhau hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã, các hiệp hội để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh hàng hóa, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nông dân. hình thức tổ chức sản xuất theo hộ gia đình, các hình thức tổ chức nông trường, trang trại từng bước được khẳng định và phát triển đúng hướng. Đặc biệt, thay thế hình thức tổ chức hợp tác xã theo kiểu cũ, mô hình hợp tác xã kiểu mới đang hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và các thành viên, phù hợp với trình độ phát triển sản xuất trên các địa bàn.

Đảng và Nhà nước ta có chính sách thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất, gắn với chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác, khuyến khích các nhà khoa học, các doanh nghiệp, các hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân có vốn, có kinh nghiệm quản lý và nguồn lực đầu tư vào trồng trọt, chăn nuôi, công nghiệp chế biến, xây dựng cơ sở hạ tầng, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn theo quy định của pháp luật, nhằm khai thác mọi tiềm năng trong nông nghiệp và nông thôn. Nhìn chung, chính sách kinh tế nhiều thành phần cũng mở ra một hành lang thuận lợi cho việc phát triển ngành nghề. Sự phát triển ngành nghề cũng mở ra đóng góp quan trọng trong giải quyết việc làm, trong xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nông dân.

Trong cuộc xây dựng nông thôn mới, nông dân tích cực đấu tranh xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, đẩy lùi tệ quan liêu,

tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, mất đoàn kết ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trong nông thôn.

Ngoài các yếu tố tích cực, chúng ta cũng đang phải đối mặt với những tiêu cực trong lối sống của người nông dân Việt Nam.

Nước ta là một nước nông nghiệp, nông dân chiếm tỷ lệ cao trong dân số. Vì vậy, lối sống tiểu nông, lối sống của người nông dân sản xuất nhỏ trong cộng đồng làng xã vẫn còn ảnh hưởng tiêu cực đến suy nghĩ, tình cảm, thái độ và lối sống của người nông dân. Lối sống tiểu nông, tư duy manh mún, lạc hậu, tự phát, tự cung, tự cấp, tác phong tùy tiện, tính kỷ luật kém, tư tưởng bình quân chủ nghĩa đang bộc lộ nhiều hạn chế trong đời sống nông dân. Bước vào thời kỳ CNH-HĐH và hội nhập thế giới giai cấp nông dân nước ta đang đứng trước các thách thức nghiệt ngã bởi nền nông nghiệp vẫn đang là nền sản xuất nhỏ, kém phát triển, kỹ thuật sản xuất phổ biến vẫn còn thủ công, lạc hậu, nông sản hàng hoá chưa nhiều, sức cạnh tranh còn kém so với các nước trong khu vực và thế giới. Thu nhập và đời sống nông dân còn thấp, tỷ lệ nghèo đói chiếm tỷ lệ cao, trình độ dân trí của cư dân nông thôn còn hạn chế. Chính lối sống hoà đồng vào thiên nhiên đã làm cho nông dân nhiều khi còn thụ động trước hoàn cảnh, bất lực trước những diễn biến bất thường của nó. Tư tưởng thụ động, cầu may, trông chờ người khác, trông chờ xã hội, tư tưởng ăn xổi ở thì, tình cảm dòng họ, cục bộ địa phương vẫn là một trở ngại lớn trong xã hội chúng ta. Đây chính là miếng đất màu mỡ để các hủ tục lạc hậu, tệ mê tín dị đoan nảy nở và phát triển.

Điều cần quan tâm là trong nền kinh tế thị trường ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân trong quan niệm sống và lối sống đang có chiều hướng gia tăng trong giai cấp nông dân. Tình trạng ham lợi trước mắt cho mình gây hại cho người khác vẫn còn nhức nhối. Nhiều hành vi ứng xử bất chấp đạo lý, tình người, vì đất đai, nhà cửa, tiền bạc có thể tranh giành, kiện tụng, sát hại kể cả ruột thịt. Thói hám danh, bon chen, kèn cựa, đổ kỵ vẫn còn làm nhức nhối xã hội. Sự lộn xộn trong lối sống ảnh hưởng rất lớn đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Từ thực tế những mặt mạnh và hạn chế trong lối sống của giai cấp nông dân, cho thấy để xây dựng lối sống dân tộc, hiện đại cho giai cấp nông dân chúng ta phải kết hợp giữa xây và chống, lấy xây làm chủ đạo, noi gương những nông dân tiêu biểu, tích cực, năng động, giàu lòng yêu nước, nhân ái... chống lối sống cá nhân tiêu cực, chạy theo đồng tiền, ích kỷ, tiểu nông.

2. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các tầng lớp dân cư cơ bản (trí thức, doanh nghiệp)

2.1. Thực trạng lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp trí thức

Tầng lớp trí thức là tầng lớp lao động xã hội, lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn sâu, đại diện cho đỉnh cao trí tuệ đương thời mà xã hội đạt được. Trí thức là người sáng tạo, phổ biến văn hoá, khoa học, kỹ thuật vào đời sống xã hội, thúc đẩy nhanh sự tiến bộ xã hội. Người trí thức chân chính không chỉ có trình độ học vấn chuyên môn mà còn có đức độ, luôn vươn tới hệ chuẩn giá trị chân - thiện - mỹ. Trí thức có vai trò quan trọng đối với sự phát triển xã hội.

Tầng lớp trí thức là "nguồn lực chất xám" trong nước và Việt kiều yêu nước, là những người lao động trí óc, những người không chỉ có học vấn hay trình độ chuyên môn cao, mà hơn hết phải là những người quan tâm và có chính kiến trước những vấn đề chính trị - xã hội nóng bỏng của thời cuộc. Năm 1999, nước ta có khoảng hơn 1 triệu người tốt nghiệp đại học và cao đẳng trở lên (chưa kể ngành quản trị), trong đó có hơn 10.000 thạc sĩ, 11.718 tiến sĩ, hơn 800 giáo sư, hơn 3.000 phó giáo sư¹. Ở nước ngoài, có hàng trăm ngàn trí thức ở gần 80 nước, có mặt ở hầu hết các ngành nghề chuyên môn, kể cả những lĩnh vực đòi hỏi trình độ khoa học kỹ thuật như khoa học hàng không, vũ trụ, một số là chuyên gia đầu ngành trong các ngành mũi nhọn về khoa học, công nghệ và quản lý. Năm 2004 đội ngũ trí thức nước ta có 1.870.315 người, trong đó có hơn 6.000 giáo sư, phó giáo sư, gần 14.000 tiến

¹ Theo báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng, tháng 9-1999.

sĩ và hàng mấy chục vạn cử nhân. Số tri thức trên địa bàn Hà Nội có 331.685 người, thành phố Hồ Chí Minh có 295.058 người.

Trong công cuộc đổi mới của đất nước, lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp tri thức Việt Nam được thiết lập trên các giá trị nhân đạo, giàu lòng nhân ái, tình thương yêu, sống có lý tưởng, cần cù, hiếu học, khát khao sáng tạo. Đội ngũ tri thức vừa gắn bó với nhân dân, giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức vì dân tộc, vì nhân dân, có hoài bão khoa học lớn, khát vọng làm giàu, đưa đất nước tiến kịp với sự phát triển của thế giới. Trí thức nước ta có tiềm năng trí tuệ và khả năng sáng tạo lớn, là những người có trình độ học vấn cao, quan tâm và có chính kiến trước những vấn đề chính trị-xã hội nóng bỏng của thời cuộc. Trong thực tế, có thể nhận thấy người Việt Nam có chỉ số thông minh cao. Nhiều năm qua, các đội học sinh nước ta - lực lượng dự bị của trí thức - đi thi quốc tế đều giành được nhiều giải thưởng cao. Trong đội ngũ tri thức nước ta có nhiều chuyên gia, nhà khoa học có tiếng tăm trong nước và quốc tế. Khả năng sáng tạo của trí thức nước ta có được còn do sự tiếp nối truyền thống hiếu học và sáng tạo của ông cha. Thêm vào đó, tài năng trí tuệ được phát huy còn do trí thức Việt Nam cần cù, vượt khó trong lao động và học tập. Do vậy, trí thức nước ta có thể nhanh chóng tiếp cận với những khoa học công nghệ tiên tiến và kỹ thuật hiện đại. Những phát minh khoa học có giá trị và mang tính độc lập với sắc thái riêng cũng đã hình thành (trong toán học, vật lý học, y học - khoa học quân sự ...) mà quốc tế đã bắt đầu nhìn nhận như là những "trường phái", "nền", "trung tâm".

Trí thức Việt Nam là tầng lớp đông đảo, có phẩm chất chính trị tốt, hoạt động hấu khắp trên các mặt của đời sống xã hội, đã và đang có vai trò to lớn, đóng góp tích cực trong sự nghiệp CNH- HĐH. Đội ngũ tri thức nước ta có lòng yêu nước, gắn bó với nhân dân lao động, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng. Trong công trình *“Về phát triển văn hoá và xây dựng con người trong thời kỳ CNH-HĐH”* thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KHXH - 04 đã điều tra 686 học sinh lớp 12 và 1.585 sinh viên năm thứ 2 và năm cuối của 13 trường phổ thông trung học và 13 trường đại học ở Hà Nội,

Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh về lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thấy: Có 91% học sinh, 94% sinh viên cho rằng tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc là những giá trị đạo đức quan trọng; 85% khao khát muốn đóng góp sức mình vào công cuộc xây dựng đất nước và xem lý tưởng mình muốn phấn đấu vươn tới là “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”¹.

Hiện nay, về số lượng, so với yêu cầu phát triển mới của đất nước - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, so với nhiều nước khác trong khu vực và thế giới, thì trí thức nước ta còn ít, chỉ chiếm 2,3% tổng số lao động; mới chỉ có 13 người tốt nghiệp cử nhân/1000 người dân và 4 sinh viên/1000 người dân. Riêng số lượng trí thức Việt Kiều là đáng kể, nhưng vì nhiều lý do, chúng ta vẫn chưa động viên được đội ngũ này đóng góp cho công cuộc xây dựng quê hương, đất nước một cách tương xứng.

Về cơ cấu, xét từ tiêu chí để xếp loại trí thức nước ta có cơ cấu khá phong phú, nhưng trong mối tương quan chung có tính tổng thể, thì vẫn còn nhiều bất hợp lý. Theo trình độ học vấn, bằng cấp thì trí thức trên đại học mới chỉ chiếm 12% trong tổng số trí thức (đây là một tỷ lệ thấp, theo kinh nghiệm ở nhiều nước phát triển thì tỷ lệ này cần phải là 25-30%). Theo các ngành khoa học, thì trí thức khoa học tự nhiên chỉ chiếm 15,4%, khi đất nước bước vào đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì đòi hỏi phải có nhiều hơn bộ phận trí thức này và cùng với tỷ lệ phải cao hơn trong tổng số trí thức. Trong ngành kinh tế quốc dân, trí thức trong các cơ quan hành chính - sự nghiệp chiếm tới 63,7%, còn ở các ngành sản xuất - kinh doanh chỉ là 32,7%, đây là một lý do dẫn đến tình trạng việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, đời sống còn thấp. Theo thành phần kinh tế, thì trí thức tuyệt đại đa số làm ở khu vực Nhà nước (điều này chưa phù hợp với tinh thần chung, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức kinh doanh mở rộng sản xuất, đầu tư, phát triển theo chiều sâu - vận dụng khoa học và công nghệ hiện

¹ Võ Văn Thăng: *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội, 2006, tr.122.

đại). Theo vùng lãnh thổ, thì sự mất cân đối trong phân bố trí thức lại càng nghiêm trọng hơn. Tuyệt đại đa số các chuyên gia tập trung ở các thành phố lớn, trong khi ở nông thôn và miền núi lại quá ít. Riêng ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm 50% tổng số trí thức cả nước. Theo giới tính, nữ trí thức chiếm 37% (với tỷ lệ dân số và khả năng sáng tạo của phụ nữ Việt Nam thì tỷ lệ này chưa tương xứng). Theo các thành phần dân tộc, thì các dân tộc thiểu số nước ta chiếm 13% dân số, sinh sống hầu hết ở miền núi, biên giới với 3/4 diện tích cả nước, nhưng số trí thức mới chỉ bằng 2,5% tổng số trí thức. Theo độ tuổi, lực lượng chuyên gia và cán bộ quản lý khoa học có độ tuổi khá cao, thể hiện sự "lão hóa" và sự "hẫng hụt" trong đội ngũ trí thức nước ta hiện nay (tuổi trung bình của tiến sĩ là 50,4; giáo sư là 59,5; phó giáo sư là 56,4. Còn cấp quản lý khoa học: Viện trưởng là 55, Viện phó là 50,9)

Công cuộc xây dựng đất nước 20 năm qua đã khẳng định khả năng sáng tạo và những đóng góp khoa học to lớn của trí thức Việt Nam, đặc biệt là các chuyên gia và các cán bộ quản lý khoa học đối với quá trình phát triển xã hội. Trí thức khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần bổ sung, lý giải và làm rõ thêm những quan điểm của Đảng về con đường đi lên của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhiều kết luận khoa học đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các nghị quyết, hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới. Nhiều thành tựu trong nghiên cứu, điều tra điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường của trí thức khoa học tự nhiên đã góp phần đáng kể cho việc xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo cơ sở cho quá trình tiếp thu và làm chủ công nghệ mới. Đội ngũ cán bộ khoa học một số ngành nghiên cứu cơ bản đã có khả năng tiếp cận trình độ hiện đại trên thế giới. Trí thức các ngành khoa học và công nghệ gắn bó hơn với sản xuất và đời sống. Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ mới đã được ứng dụng, góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong các ngành sản xuất nông nghiệp, y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, xây dựng, năng lượng, dầu khí, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu..., xây dựng và củng cố quốc phòng - an ninh ...

Ngày nay, khi đất nước ta đang tiếp tục đổi mới toàn diện, hội nhập vào nền kinh tế tri thức toàn cầu thì vai trò trách nhiệm của tầng lớp tri thức trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục- đào tạo, khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội... càng quan trọng và nặng nề hơn.

Đội ngũ tri thức nước ta là lực lượng tiếp thu và truyền bá tri thức, văn hóa; Sáng tạo các giá trị mới của tri thức, văn hóa, là lực lượng quan trọng cung cấp các luận cứ khoa học để Đảng và Nhà nước hoàn thiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Đề xuất, phản biện một cách độc lập các chủ trương chính sách và biện luận là động lực của khoa học công nghệ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tri thức là lực lượng đi đầu trong việc nghiên cứu, triển khai các công nghệ tiên tiến vào trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tri thức có nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn xây dựng các chương trình, dự án lớn trong lĩnh vực khoa học then chốt, quan trọng. Tri thức có nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, phổ biến các tri thức khoa học vào và công nghệ tiên tiến vào đời sống, sản xuất của nhân dân; pháp giải quyết các vấn đề của xã hội; Dự báo và định hướng dư luận xã hội. Lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn của tầng lớp tri thức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các phong tục tập quán lỗi thời, lạc hậu.

Xét cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ tri thức chưa mạnh, còn nhiều mặt chưa đáp ứng được lợi ích trước mắt và lâu dài, chưa ngang tầm với với nhiệm vụ phát triển đất nước.

Trong quá trình hội nhập, xây dựng, phát triển kinh tế tri thức, đội ngũ tri thức ngày càng trưởng thành, song cũng bộc lộ hạn chế là sự thiếu kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, còn chịu ảnh hưởng của lối sống tiểu nông. Lao động sáng tạo đạt hiệu quả chưa cao; còn thiếu nhiều những chuyên gia giỏi để giải quyết những vấn đề khoa học chiến lược; có quá ít những cán bộ quản lý khoa học để đưa đơn vị, ngành và cả đội ngũ tri thức có bước phát triển nhanh và vượt bậc. Một trong những nguyên nhân hạn chế sự phát triển của đội ngũ tri thức, đến chất lượng đội ngũ, thậm chí một bộ phận tri thức chưa tận tâm với công việc và sống bằng chính chuyên môn của mình là do chính

sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ tri thức cả nước vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Chúng ta đang sống trong môi trường mà tri thức thực sự chưa được đãi ngộ thoả đáng. Vấn đề chúng ta thiếu tiêu chí, chuẩn mực giá trị để đáng giá.

Đội ngũ tri thức luôn mong muốn được sử dụng, có điều kiện và cơ hội phát huy hết tài năng, có môi trường sáng tạo, chuyên tâm vào chuyên môn, có điều kiện học hành, nâng cao tri thức, không phải bươn chải, lăn lộn kiếm tiền lo toan chính cuộc sống. Theo kết quả điều tra KX. 04 - 06 về tâm tư và nguyện vọng của tri thức nói chung cho thấy: 97,5% tri thức cần có chính sách phát huy năng lực sáng tạo; 92,5% muốn lao động được đánh giá đúng mức; 87,5% muốn lao động trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; 85% muốn có môi trường thuận lợi để làm việc; 85% muốn có điều kiện vật chất - kinh tế để lao động sáng tạo; 82% không phải làm nghề phụ kiếm sống.¹

Nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã hết sức quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ tri thức, chính sách đãi ngộ tri thức có nhiều chuyển biến, ngoài chính sách tiền lương cải tiến, còn có chế độ phụ cấp đặc thù với tri thức làm việc ở các ngành nghề khác nhau, còn có thêm chính sách nhà ở, chính sách khuyến khích về tinh thần giúp tri thức gắn bó với công việc, yên tâm với công tác, có điều kiện trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Mặc dù, chế độ chính sách của tri thức được điều chỉnh nhiều lần, nhưng đa số tri thức chưa thể sống bằng lương, tiền lương chưa là thu nhập chính, chủ yếu, đảm bảo cho cán bộ đủ sống, đủ tái sản xuất sức lao động. Việc đãi ngộ không xứng đáng thường làm cho tầng lớp tri thức không đủ điều kiện để thực thi nhiệm vụ sáng tạo. Hiện nay thu nhập các nhà khoa học ở Việt nam vẫn còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Lương của Giáo sư Viện trưởng Việt Nam bằng 1/10 lương của Giáo sư viện trưởng Trung Quốc. Đã đến lúc cần phải có chính sách tận dụng tài năng, đáng giá đúng

¹ Đỗ Thị Thạch (2005): *Phát huy nguồn nhân lực trí thức nữ trong sự nghiệp CNH-HĐH*, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.176.

công sức, thành quả các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực KHTN, KHCN và KHXH&NV. Hơn nữa cần xác định phân loại nhà khoa học.

Đội ngũ tri thức chưa phát huy hết năng lực của mình còn do chúng ta chưa chú trọng xây dựng đội ngũ các nhà khoa học thành các chuyên gia trong mọi lĩnh vực. Theo kết quả nghiên cứu thực trạng đội ngũ khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trở ngại làm đội ngũ khoa học công nghệ chưa phát huy hết năng lực, chưa cập nhật được trình độ khoa học công nghệ thế giới : 100% ý kiến do phương thức quản lý chưa hợp lý, chính sách đãi ngộ chưa xứng đáng; 88,3% cho là điều kiện làm việc thiếu thốn (điều kiện làm việc lạc hậu, hình thành tự phát, không có quy hoạch), chỉ có 8,3% ý kiến cho là tạm đủ; 3% cho là đủ; 63% nhận định yếu kém từ chính bản thân đội ngũ (cơ cấu đội ngũ không đồng bộ, đội ngũ nghiên cứu và triển khai ít về số lượng, trình độ đội ngũ còn hạn chế, ít tiếp cận thông tin hiện đại); số lượng cán bộ khoa học ở lĩnh vực sản xuất chủ yếu của thành phố chiếm tỷ lệ thấp trong lực lượng lao động công nghiệp và chế biến: 33.576(14,7%); nông nghiệp và thủy sản 1.328 (0,6%)...năm 2004 có 2.279 tri thức tham gia vào chương trình nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ do thành phố Hồ Chí Minh quản lý.¹

Trong công cuộc đổi mới đất nước, nhờ đóng góp của tầng lớp tri thức năng suất lao động tăng lên, mức sống vật chất và tinh thần cả xã hội được nâng cao. CNH-HĐH đất nước đang diễn ra mạnh mẽ, điều này tạo ra nhu cầu thúc đẩy tầng lớp tri thức phát huy trí tuệ và năng lực, khuyến khích các nhà tri thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Trong mọi chủ trương chính sách phải nhằm giải phóng tiềm năng con người, thường xuyên quan tâm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng cho những cống hiến của tri thức. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các nhà khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

¹ PGS -TS Hoàng Anh Tuấn, *Hội thảo “Phát huy trí tuệ đội ngũ tri thức Khoa học và Công nghệ TP.HCM*

Tạo ra sự chuyển biến tích cực trong chính sách đãi ngộ (nhất là về tiền lương) cho các nhà khoa học. Chính sách đãi ngộ tài năng nên hướng tới thu nhập cho các nhà khoa học, môi trường, điều kiện làm việc và chính sách tôn vinh thoả đáng đối với các thành tựu cống hiến của giới khoa học.

Tuy nhiên, vấn đề trí thức nước ta còn nhiều điều đặt ra cho công tác lãnh đạo và quản lý. Trước hết, trí thức là một nguồn lực phát triển quan trọng, có mặt ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, nhưng, lại chưa có sự đầu tư thích đáng trên một số mặt: điều kiện làm việc, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, chính sách đãi ngộ, v.v.. Trong khi đó, trước những chuyển biến nhanh chóng của thời đại, những khó khăn của đất nước và tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, trong đội ngũ trí thức đã nảy sinh không ít những tiêu cực, có cả những dao động và có cả những cá nhân đi ngược lại phong trào chung và lợi ích dân tộc.

Sự chênh lệch mức sống, phân hóa giàu trong đội ngũ trí thức cũng đang làm giảm nhiệt huyết nghề nghiệp của một bộ phận trí thức, làm cho họ kém năng động, sáng tạo, quyết đoán, trong công việc.

Vấn đề cần khắc phục của trí thức nước ta hiện nay là: *khả năng sáng tạo của đội ngũ này chưa được phát huy đầy đủ; hiện tượng "lãng phí chất xám", "bạc chất xám" và "chảy chất xám" ... vẫn rất cần quan tâm*. Công tác lãnh đạo và quản lý trí thức còn nhiều bất cập, chưa tạo ra được động lực thích đáng, hợp lý cho lao động sáng tạo, các lực lượng trí thức còn phân tán, tổ chức nghiên cứu khoa học nhiều khi mang tính hình thức, thiếu dân chủ, và đã nảy sinh sự tham nhũng trong khoa học ...

Người trí thức lao động kém hứng thú, thiếu say mê nghiên cứu, ít quan tâm đến sản phẩm của mình; mối quan hệ giữa trí thức với xã hội, với thực tiễn cuộc sống thiếu bền chặt. Thực trạng đất nước ta hiện nay, tình trạng "lãng phí chất xám", "bạc chất xám", "chảy chất xám" cùng với tình hình lãnh đạo và quản lý trên dẫn đến sự "tha hóa lao động trí óc", làm suy giảm nguồn tài nguyên lớn và quý giá của đất nước. Trong thực tế, chúng ta chưa dành được thắng lợi trong cuộc cạnh tranh xây dựng đội ngũ trí thức có chất lượng

cao, nguyên nhân căn bản ở đây là chúng ta chưa giải quyết thoả đáng vấn đề lợi ích của cán bộ, nhất là chưa có chế độ tiền lương phù hợp. Đổi mới chính sách tiền lương phải gắn liền với thu hút nhân tài, khuyến khích tài năng. Vì thế, cần có chế độ đãi ngộ, khen thưởng thoả đáng với các hoạt động sáng tạo tùy theo công trình và giá trị thực tế để thu hút khuyến khích tài năng, cần thực hiện chế độ trả lương cao cho các chuyên gia và ưu tiên điều kiện làm việc của họ. Cùng với chế độ trả lương thoả đáng, cần có cơ chế mới về trọng dụng nhân tài, phải được cụ thể hoá ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Ngoài đãi ngộ về vật chất, chính sách cần quan tâm mặt tinh thần cho các nhà khoa học, bằng cách tôn vinh qua các giải thưởng, danh hiệu.

Hiện nay, đội ngũ trí thức nước ta đang có nhiều biến đổi. Sự biến đổi có chiều hướng đáng lưu ý là: số lượng tăng nhanh ở các ngành dễ kiếm việc làm, lương cao, có cơ hội phát triển; trí thức có học vị tăng nhanh. Nguồn đào tạo được đa dạng hóa, nhưng cơ cấu ngành nghề đào tạo và thành phần con em lao động trong đội ngũ trí thức chưa phù hợp. Trí thức là con em các dân tộc thiểu số giảm đi một cách tương đối. Trí thức con em công - nông; ở vùng nông thôn, miền núi cũng giảm đi so với con em các thành phần giàu có, ở thành phố, đồng bằng. Chất lượng lao động của trí thức có xu hướng sáng tạo - hiệu quả - thiết thực hơn, song chưa thật cao và đều khắp.

Đội ngũ tri thức Việt Nam ở nước ngoài là một nguồn lực quan trọng về khoa học và công nghệ, tiềm năng kinh tế, kinh nghiệm quản lý tiên tiến và là cầu nối cho sự phát triển đất nước, nhiều người đã và đang giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, trong các công ty, tổ chức, tập đoàn và tổ chức quốc tế. Các giá trị trung thực, độc lập, sáng tạo, tự chủ, tinh thần phấn đấu vươn lên tiếp thu cái mới, có óc sáng tạo, có trách nhiệm với các sản phẩm sáng tạo của tri thức Việt Nam ở nước ngoài luôn có tác động sâu sắc đến xã hội.

Hiện nay, bên cạnh lối sống tốt đẹp của tầng lớp tri thức, trong xã hội ta vẫn còn một bộ phận tri thức thiếu bản chất của người tri thức, không giám đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, khi có chức quyền chia bè kết cánh,

tham nhũng, lãng phí, gây bức xúc trong nhân dân. Bộ phận tri thức này vẫn còn có biểu hiện lối sống tiểu nông, tư duy manh mún trong kế hoạch công tác và chương trình hành động, tác phong tùy tiện, kỷ luật kém, hẹp hòi, đố kỵ, ăn xổi, tranh thủ chụp giật, chỉ vun vén lợi ích cá nhân không quan tâm lợi ích tập thể.

Ngày nay, khi đất nước ta đang bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiếp tục đổi mới toàn diện, hội nhập nền kinh tế tri thức toàn cầu thì vai trò trách nhiệm của tầng lớp tri thức càng quan trọng và nặng nề hơn. Đổi mới càng sâu sắc toàn diện càng đòi hỏi phải đổi mới căn bản trong xây dựng lối sống dân tộc hiện đại của đội ngũ tri thức.

2.2. Thực trạng lối sống dân tộc hiện đại của tầng lớp doanh nhân

Theo khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành tại trên 40.000 doanh nghiệp vào giữa năm 2005, thì số doanh nhân từ 30 tuổi đến 40 tuổi chiếm 25,7%; từ 41 đến 50 tuổi chiếm 31,7%; doanh nhân từ độ tuổi 30 đến 50 chiếm khoảng 57,4%, doanh nhân tuổi 20 - 30 đang có nhiều triển vọng.

Tầng lớp doanh nhân nước ta có một vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp 45% GDP cả nước, trên 50% xuất khẩu, giải quyết 90% việc làm cho xã hội.

Doanh nhân Việt Nam có lối sống mang đậm tính dân tộc - hiện đại, có lý tưởng cao đẹp, giàu lòng yêu nước, biết kết hợp lợi ích cá nhân và lợi ích đất nước, có khát vọng làm giàu, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, tụt hậu. Doanh nhân là những người trực tiếp tổ chức, điều hành quá trình vận hành của nền kinh tế, họ có điều kiện tiếp cận các nguồn lực, nguồn tài nguyên và tài sản vật chất xã hội. Doanh nhân có trình độ văn hoá và tổ chức cao, có tri thức làm giàu, biết cách ứng xử trong làm giàu, có trách nhiệm cao đóng thuế đầy đủ, giàu cú ý chí kinh doanh, phần lớn được đào tạo bài bản về kiến thức quản lý và khoa học công nghệ, thực sự là lực lượng chủ lực của đất nước trong cụng cuộc phỏt triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế .

Lối sống dân tộc- hiện đại của tầng lớp doanh nhân Việt Nam được thể hiện ở tính năng động, sáng tạo dám làm, dám chịu trách nhiệm và tinh thần sẵn sàng chịu trách nhiệm, cũng như tính quyết đoán. Những doanh nhân thành đạt thường có tham vọng vượt qua được mọi khó khăn, tự mình giải quyết mọi vấn đề và hoàn thành tốt công việc. Họ sống có kỷ luật, có quyết tâm và phải làm bằng được những gì mình đã muốn luôn có vai trò tích cực trong sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo dựng và giữ gìn thương hiệu Việt Nam. Họ là người tham mưu cho nhà nước về đường lối, chiến lược và sách lược kinh tế. Doanh nhân có thể đề xuất các giải pháp, đồng thời đóng vai trò cầu nối cho nhà nước trong các quan hệ đối ngoại, họ có kỹ năng và kiến thức kinh doanh giỏi, có tinh thần sáng tạo, là nhà kinh doanh hiện đại, có khả năng hợp tác và cạnh tranh quốc tế tốt, đó là cơ hội chiến thắng trong cạnh tranh, góp phần để nền kinh tế Việt Nam hội nhập vào đời sống kinh tế chính trị toàn cầu.

Doanh nhân là những người đang dùng trí tuệ, tài sản của mình để làm tăng thêm của cải vật chất cho xã hội. Trong cơ chế thị trường, đội ngũ doanh nhân đã thể hiện rõ tính năng động, óc sáng tạo, thích ứng nhanh với điều kiện mới, chủ động nắm bắt những yêu cầu của cơ chế kinh tế thị trường, tranh thủ thời cơ khai thác thị trường, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho doanh nghiệp. Nhiều doanh nhân đã thực hiện tốt những chỉ tiêu quan trọng về nộp ngân sách, về tích lũy, phát triển vốn, đặc biệt là bảo đảm thu nhập cho người lao động, chấp hành đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều người đã cố gắng tự nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ ... bằng nhiều hình thức khác nhau.

Tuy nhiên, trình độ đào tạo đội ngũ doanh nhân còn không ít mặt bất cập trước những yêu cầu mới, nhiều doanh nhân tri thức về thị trường, về kinh doanh chưa sâu. Không ít doanh nhân còn bỡ ngỡ trước những hoạt động kinh doanh của kinh tế thị trường. Trong làm ăn với đối tác nước ngoài, nhiều doanh nhân chưa nắm bắt được thông lệ quốc tế, thiếu tri thức kinh doanh hiện đại, văn minh. Trình độ, kiến thức của chủ doanh nghiệp đóng vai

trò quyết định vào thành công của doanh nghiệp. Kết quả cuộc điều tra khảo sát nhu cầu doanh nghiệp Bắc do Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội tiến hành tháng 7 năm 2007 trên 33.487 doanh nghiệp thuộc 30 tỉnh, thành phố phía cho thấy: 54,5% chủ doanh nghiệp có trình độ cao đẳng trở lên (số chủ DN tư nhân thấp hơn với 24,68%); 70% chủ doanh nghiệp chưa được đào tạo về quản trị kinh doanh và kiến thức kinh tế trong đó có cả những người trình độ học vấn Cao đẳng và Đại học. Hầu hết doanh nghiệp thuộc mọi loại hình đều gặp phải những khó khăn trong việc quản trị doanh nghiệp với 63,4% doanh nghiệp yêu cầu được hỗ trợ đào tạo những kỹ năng này.

Trình độ văn hóa, học vấn, khoa học, kỹ thuật của một bộ phận doanh nhân còn yếu, thiếu tính chuyên nghiệp, không được đào tạo cơ bản, thiếu kiến thức quản lý, kinh doanh hiện đại. Do vậy, không đủ khả năng nắm bắt và tiếp cận được những tiến bộ của khoa học, công nghệ mới, chưa chú trọng đến việc nâng cao trình độ công nghệ trong doanh nghiệp của mình. Tình trạng kinh doanh manh mún, chộp giật, thậm chí phi pháp.

Theo số liệu điều tra, hiện nay 70% máy móc thiết bị có tuổi thọ trên 20 năm (tức là đã lạc hậu 2 - 3 thế hệ), công suất bình quân chỉ đạt 50%, chất lượng sản phẩm thấp (chỉ 15% sản phẩm đạt chất lượng quốc tế). Nhiều giám đốc ít dành thời gian cho việc tự học, tự đọc sách báo, trang bị ngoại ngữ, nâng cao trình độ.

Trong tầng lớp doanh nhân có một bộ phận có lối sống sa sút, chộp giật...ngoài các lý do khách quan như hệ thống luật pháp lạc hậu, tình trạng quan liêu và tham nhũng tràn lan...còn một lý do chủ quan là kiến thức kinh doanh của doanh nhân quá thấp. Một số lượng đông đảo doanh nhân hoạt động tự phát, hoàn toàn không hiểu biết những kỹ năng thông thường, đó là chưa kể đến những kiến thức liên quan về pháp luật, môi trường và văn hóa... trong công việc, thiếu chữ tín, không chú trọng việc tạo sự tin tưởng lâu dài cho đối tác; một bộ phận doanh nhân vốn liếng chưa nhiều, khả năng cạnh tranh chưa cao, tình trạng lợi dụng khe hở của cơ chế để làm giàu cho bản

thân; có doanh nhân giàu lên rất nhanh trong khi doanh nghiệp thì làm ăn thua lỗ, thậm chí bị phá sản, trong suy nghĩ và trong hành động. Chủ nghĩa cá nhân đã lấn át họ, thôi thúc họ thực hiện hành vi tham nhũng, hối lộ, tham ô, cửa quyền.

Do hệ thống pháp luật của nước ta chưa hoàn chỉnh, một bộ phận doanh nhân vẫn còn tư tưởng tùy tiện, xem thường pháp luật. Họ cố ý vơ vét vật chất làm giàu cho cá nhân, gia đình, làm tổn hại đến quyền lợi tập thể cộng đồng. Tình trạng tiêu cực và tham nhũng càng trở nên nặng nề khi doanh nhân Nhà nước liên kết với các bộ quản lý Nhà nước để làm ăn bất chính. Một số doanh nhân có ý thức kỷ luật kém, ít có trách nhiệm đối với sự phát triển của doanh nghiệp, chưa thật sự coi doanh nghiệp là nơi gắn bó máu thịt và dốc lòng, dốc sức cho sự phát triển, mà chỉ coi doanh nghiệp như phương tiện để thực hiện mục đích thăng quan tiến chức, hoặc để tranh thủ làm giàu trước khi phải rời khỏi ghế Giám đốc.

Một số doanh nhân khi đã giàu có chạy theo lối sống ăn chơi buông thả, lãng phí, xa hoa, coi thường đạo lý, hưởng thụ sớm quá, phung phí, tự mãn, ảnh hưởng xấu đến gia đình và uy tín, thanh danh chung của cả tầng lớp doanh nhân.

Tuy giá trị tài sản cố định của các doanh nghiệp Nhà nước hiện nay còn nhỏ bé (khoảng 70% doanh nghiệp có giá trị tài sản cố định dưới 1 tỷ đồng, 24% từ 1 đến 10 tỷ, chỉ có khoảng 5% trên 60 tỷ đồng), do năng lực và trình độ tổ chức quản lý của một số doanh nhân yếu nên vẫn không tổ chức được bộ máy quản lý gọn nhẹ, có hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp và cơ chế thị trường. Vấn đề sắp xếp nhân lực, bố trí cán bộ, nhân viên, tổ chức lại các phòng chức năng chưa phù hợp với cơ chế mới.

Những tồn tại trên đây trực tiếp làm hạn chế đến quá trình điều hành và tổ chức doanh nghiệp, làm giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị trong nền kinh tế, có những tồn tại do quá khứ, do lịch sử để lại và cũng có những hạn chế do thể chế đương nhiệm gây ra. Đó là những lực cản cần phải loại bỏ trong quá trình xây dựng đội ngũ doanh nhân của nền kinh tế thị trường đang từng bước hình thành theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

Ngày nay, doanh nhân nước ta đang đứng trước yêu cầu mới là phải vươn lên xứng tầm thời đại, phải nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá dịch vụ, mở rộng kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng cường liên kết, liên doanh. Mỗi doanh nhân phải đủ bản lĩnh và trí tuệ, không những để đứng vững trên thị trường trong nước mà còn phải vươn ra thị trường khu vực và thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Những biến động không ngừng trong quá trình hoạt động đòi hỏi doanh nghiệp phải có khả năng thích ứng nhanh nhạy, dễ dàng biến đổi cho phù hợp và hiệu quả với tình hình. Muốn vậy, tầng lớp doanh nhân phải biết phát huy các giá trị, phẩm chất tốt đẹp, trong lối sống dân tộc hiện đại và biết chống lại, thủ tiêu những yếu tố tiêu cực trong lối sống tránh tùy tiện, bình quân chủ nghĩa.

3. Thực trạng lối sống dân tộc - hiện đại của các nhóm xã hội cơ bản (thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi...)

3.1. Thực trạng lối sống dân tộc hiện đại của nhóm thanh niên

Lối sống thanh niên trong xã hội hiện đại có nhiều biến động lớn, đa dạng và phức tạp. Thanh niên là nguồn nhân lực của quốc gia, tỷ lệ thanh niên tham gia trong các thành phần kinh tế: kinh tế ngoài nhà nước (89%), kinh tế nhà nước (khoảng 10%), kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (khoảng 1%). Dưới tác động của kinh tế thị trường những giá trị truyền thống Việt Nam có những chuyển đổi nhất định. Điều đáng mừng là thanh niên ngày nay đã kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp đã trong lối sống tốt đẹp của thế hệ cha anh, sống có ước mơ, lý tưởng, cú ý thức, cú ý chí tự lực, tự cường, có tư tưởng tiến bộ, không ngại khó khăn, xung kích thực hiện những việc khó, việc mới và lập nhiều thành tích xuất sắc, góp phần vào thành tựu chung của đất nước sau hơn 20 năm đổi mới. Thanh niên, trí thức trẻ cả nước rất quan tâm, tâm huyết với nhiều vấn đề của đất nước. Thanh niên có thái độ tích cực, hướng tới các giá trị truyền thống, biết khẳng định các đúng, đấu tranh chống cái sai trái. Tinh thần yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, tự tôn dân tộc những giá trị tốt

đẹp của dân tộc ta vẫn được nuôi dưỡng. Nghiên cứu của đề tài KHXH –04 về “Phát triển văn hoá và xây dựng con người trong thời kỳ CNH- HĐH” cho biết có 89,9% sinh viên quan tâm đến giá trị yêu nước mà biểu hiện của nó là tinh thần độc lập dân tộc¹. Kết quả khảo sát năm 2001 của Uỷ ban quốc gia về thanh niên Việt Nam trên 2900 đoàn viên, thanh niên về “*Tình hình, tư tưởng thanh niên*” cho thấy phần lớn thanh niên đã nhận thức được đúng những nhiệm vụ cần thiết để sớm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, dân chủ, văn minh. Trong đó 89% thanh niên đồng tình chống tham nhũng, quan liêu, mất dân chủ; 82,4% ủng hộ giữ vững ổn định chính trị, an ninh xã hội; 80,8% cho rằng cần phát huy bản sắc dân tộc; 78,7% tiếp tục ủng hộ, xây dựng, chỉnh đốn Đảng; 77,7% tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; 68,8% thu hút đầu tư nước ngoài; 67,3% tăng cường ngoại giao đa phương; 67,3% phát huy nội lực; 65,8% chống nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa². Phần đa thanh niên mong muốn được đứng trong các tổ chức chính trị xã hội để được cống hiến, trưởng thành. 89% thanh niên có nguyện vọng vào Đoàn; 86,8% muốn vào Đảng.

Đại bộ phận thanh niên hiện nay có ý thức chính trị xã hội tốt, có ý thức cộng đồng, tích cực trong lối sống, cần cù, hăng hái, đi đầu trong lao động sáng tạo, sôi nổi trong hoạt động tinh thần, chủ động, tích cực tham gia hoạt động xã hội, sống có mục đích, có kế hoạch, tính tích cực xã hội cao, có khả năng điều chỉnh và thích ứng cao, hợp tác, đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống. Tích cực chủ động trong học tập, có học vấn, năng lực chuyên môn. Tiếp thu nhanh nhạy khoa học, kỹ thuật hiện đại. Thanh niên đã vận dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật vào công việc lao động, sáng tạo, xây dựng và phát triển đất nước. Kết quả nghiên cứu trên 1700 các đối tượng thanh niên thuộc ba khu vực Bắc, Trung, Nam do Viện Nghiên cứu Thanh niên tiến hành cho thấy.

¹ Võ văn Thắng, *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay*, Nxb VHNT và Viện văn hoá, H.2006, tr.122.

² Viện Khoa học xã hội Việt Nam, GS.VS.Nguyễn Duy Quý, *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, vấn đề và giải pháp*, Nxb CTQG, H.2006, tr.232.

Thanh niên làm việc hết mình với tinh thần sáng tạo, chủ động, có trí tuệ, cả bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống lành mạnh... để trở thành những người có ích cho đất nước, cho gia đình và xã hội. Thanh niên đã kế thừa và phát huy tốt những giá trị xã hội tích cực, hướng về cái tốt, cái đẹp, cái thiện, sống tình nghĩa, bảo vệ chính nghĩa, đề cao sự công bằng xã hội. Đối với câu hỏi "Bạn hãy xác định vị trí của mình đối với công cuộc CNH, HĐH đất nước?" có 69,17% thanh niên trả lời "Hiểu rõ trách nhiệm của mình đối với đất nước và hăng hái tham gia", 28,1 % trả lời "Có quan tâm nhưng không tin tưởng vào vai trò của bản thân" và chỉ có 2,75% nói rằng "ít quan tâm, cho đó là công việc và trách nhiệm của người khác". Và khi hỏi "Bạn sẽ làm gì khi gặp hiện tượng tiêu cực?" gần một nửa số người được hỏi (48,9%) cho rằng "Cần tích cực đấu tranh dù có thiệt hại đến mình", 27,5% cho rằng "Chống tiêu cực là chuyện của xã hội" và 23,7% "không". Đối với việc định hướng khẳng định vai trò của cá nhân trong cuộc sống và thái độ quan tâm tới hạnh phúc của cuộc sống, thanh niên hiện nay tin rằng ý nghĩa của cuộc sống chỉ có thể khẳng định khi đánh giá được giá trị, khả năng của chính mình (48,7%). Đồng thời có 25,4% thanh niên mong muốn được sống có ích cho xã hội. Số thanh niên bàng quan, thờ ơ với cuộc sống chỉ chiếm 7,2% trong số thanh niên được điều tra. Như vậy, ở đây có tới trên 2/3 số thanh niên đã đánh giá được ý nghĩa cuộc sống của bản thân - xác định ý nghĩa cuộc sống là ở chính khả năng của mình và sống có ích cho mọi người. Trong nhận thức về giá trị của lao động thanh niên hiện nay có sự thay đổi thái độ đối với lao động. Đối với đa số thanh niên, lao động là quá trình thể hiện mình, thông qua hiệu quả của quá trình lao động (70%).

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, hội nhập và giao lưu văn hoá quốc tế đã được hầu hết thanh niên cho là một trong những vấn đề cấp bách và cần thiết. 99,7% thanh niên cho rằng hội nhập và giao lưu văn hoá trong bối cảnh hiện nay là cần thiết, trong đó rất cần thiết là 64,5%. Tỷ lệ trả lời câu hỏi không cần thiết chiếm chỉ chiếm 0,3%. Điều này chứng tỏ đối với thanh niên hội nhập quốc tế là nhu cầu để học tập, lao động, mở mang kiến thức cũng như cạnh tranh để phát triển. Theo thanh niên cần chuẩn bị để hội nhập quốc

tế. Có 56,7% thanh niên cho rằng cần có sự hiểu biết luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế, 47,2% cần hiểu phong tục Việt nam và quốc tế. 50,2% thanh niên quan niệm cần chuẩn bị trình độ tin học, ngoại ngữ để hội nhập. Điều đáng mừng là có 94,8% cho rằng họ đã chuẩn bị sẵn sàng để hội nhập quốc tế. Đa số thanh niên đã chuẩn bị trình độ, chuyên môn và học vấn để hội nhập, có 84,3% thanh niên được hỏi trả lời đã chuẩn bị nâng cao trình độ chuyên môn, học vấn, 67% chuẩn bị học và sử dụng ngoại ngữ, 56% chuẩn bị học và sử dụng tin học truy cập Internet. Tỷ lệ chuẩn bị trình độ chuyên môn ở các vùng không đồng đều, ở đô thị lớn có xu hướng cao hơn, Hà nội 90,7%, thành phố Hồ Chí Minh 81,4%, Hà Tây 71%¹

Trong ý thức của đại đa số thanh niên, nhiều giá trị được đề cao trong quá khứ được nhường chỗ cho những giá trị mới. Mặc dù có sự thay đổi thứ tự ưu tiên hay những khác biệt của một vài yếu tố, song dường như có sự thống nhất chung ở thanh niên đối với những giá trị được đề cao như sự đổi mới, hướng vào tương lai, tính năng động, sáng tạo có thể trong công việc, trong giao tiếp.

Cùng với sự biến đổi của xã hội, những quan niệm, chuẩn mực xã hội cũng có sự thay đổi và đã tác động đến nhận thức của thanh niên về giá trị. Giá trị "sống hiền dân toàn bộ cho lợi ích xã hội", "tất cả vì tập thể"... được đề cao trong quá khứ và nó có giá trị lịch sử của nó, nhưng ngày nay có sự thay đổi trong ý thức của thanh niên. Cuộc điều tra cho thấy, giới trẻ hiện nay quan tâm nhiều hơn đến lợi ích cá nhân và mục đích sống "tất cả vì xã hội" chỉ chiếm khoảng 15%. Đại đa số thanh niên đã xác định việc đạt được lợi ích của cá nhân chỉ có thể có được khi nó được gắn với lợi ích tập thể, đồng thời mỗi cá nhân phải là chủ thể tích cực trong những hoạt động nhất định. Rõ ràng điều này phản ánh xu hướng cộng đồng, liên kết kết trong hành động của thanh niên hiện nay, hơn nữa đó là thái độ liên kết trong mối quan hệ giữa xã hội và cá nhân. Thanh niên hiện nay hướng về vai trò và vị trí của cá nhân

¹ Nguyễn Cảnh Khanh, *Hàm lượng chất xám giá trị cao*, TCCS số 4(124). 2007.

trong cuộc sống. "Thành đạt trong nghề nghiệp được đa số thanh niên đề cao (44,2% và được xem như là mục đích cơ bản của cuộc sống. Điều này nói lên nhu cầu tự khẳng định, cũng như uy tín và vị thế xã hội của cá nhân được phát triển mạnh ở thanh niên ngày nay. Một dấu hiệu đáng quan tâm là thanh niên mong muốn được sống như họ nghĩ, họ thích (24,1%). Điều này phản ánh mẫu hình con người sống cá tính, không lệ thuộc đang là xu hướng theo đuổi của một bộ phận quan trọng trong thanh niên. Mục đích sống làm giàu (theo cách nghĩ là giàu cho cá nhân, cho gia đình cũng là làm giàu cho xã hội)¹

Hội nhập quốc tế đang đặt ra nhiều thách thức với thanh niên Việt Nam, làm biến đổi sâu sắc lối sống của họ. Bên cạnh những mặt tích cực tiến bộ, các sai lệch văn hoá, lối sống thực dụng, dục vọng cá nhân, ảnh hưởng xấu đến nhận thức và lối sống, hành vi của một bộ phận thanh niên.

Các sai lệch văn hoá, lối sống tiêu cực đang len lỏi vào lối sống xã hội hiện đại, làm đảo lộn thang giá trị, đạo đức, lối sống của một số thanh niên.

Những biểu hiện lệch lạc đang làm lung lay lý tưởng sống trong một số thanh niên. Trước sự chuyển biến của kinh tế thị trường, một số thanh niên thờ ơ với thời cuộc, ít quan tâm đến chính trị, giảm sút niềm tin với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, sùng bái sự giàu sang của CNTB, chỉ quan tâm lợi ích trước mắt, chỉ lo làm kinh tế bằng bất cứ giá nào, ngại tham gia các hoạt động xã hội, chạy theo lối sống vật chất tầm thường, muốn hưởng thụ hơn cống hiến, sống thực dụng, buông thả, thoả mãn dục vọng tầm thường, nảy sinh tiêu cực, mắc phải tệ nạn xã hội. Điều tra 2000 thanh niên ở thành phố Hải phòng có 14% thanh niên cho rằng chỉ cần có trình độ văn hoá phổ thông cơ sở, thoát nạn mù chữ, 35% cho rằng chỉ cần học xong trung học; 21% không cần quan tâm đến các

¹ Đỗ Ngọc Hà, Tạp chí Tâm lý học, t7.2006.

vấn đề chính trị- xã hội, thậm chí không cần biết đến tình hình trong nước, quốc tế; 20% chán nản trước cuộc sống khó khăn, sẵn sàng cư trú ở nước ngoài. Một bộ phận thanh niên lao vào cuộc sống thực dụng ở mọi phương diện, tôn thờ đồng tiền, kiếm tiền bằng mọi cách.¹ Theo báo cáo kết quả nghiên cứu “Những vấn đề cơ bản về thực trạng giới thanh niên tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng” thì có 30% tri thức trẻ không yêu nghề nghiệp của mình, gần 40% tri thức trẻ không yên tâm với công nghiệp, 74% không quan tâm hoặc không có khả năng phát huy sáng kiến. Điều này cho thấy nhận thức, thái độ của thanh niên đối với nghề nghiệp cũng có những biến đổi theo hướng khẳng định giá trị xã hội của đồng tiền. Hoạt động văn hoá tinh thần của một bộ phận thanh niên còn diễn ra nhiều biểu hiện thiếu lành mạnh. Theo tài liệu điều tra của cơ quan quản lý và cải tạo phạm nhân thuộc Bộ Nội vụ thì 92% trong số 1200 phạm nhân thanh niên thích xem phim ảnh kích động tình dục và bạo lực. Các tác động tiêu cực của điều kiện sống, từ văn hoá phẩm đồi trụy đã len lỏi và làm tha hoá, suy thoái, phong hoại lối sống của một bộ phận thanh niên. Nhiều thanh niên đã rơi vào tệ nạn xã hội, tội phạm, xuất hiện lối sống tàn bạo, mất hết nhân tính. Năm 2003 trại Hà Nội có một thanh niên đang tâm giết một em bé 15 tuổi chỉ vì 400.000 đồng. Điều tra 288 học sinh trường phôt htông công nông nghiệp Xuân An thuộc Bộ Nội vụ đóng ở tỉnh Đồng Nai có 64,38% ăn cắp để có tiền ăn diện, 43,38% ăn cắp để có tiền nhậu nhẹt; 5,02% do nghiện bia, rượu, cà phê. Đáng báo động là việc lưu hành văn hoá phẩm đen và blog bẩn trong thanh niên. Theo thống kê của đoàn kiểm tra văn hoá của Sở Văn hoá Thông tin thành phố Hồ Chí Minh vào 3 tháng đầu năm 2003 cho thấy: băng đĩa phim truyện có nguồn gốc châu Âu, Mỹ, châu Á chiếm 85%, trong đó: Độc hại, đồi trụy: 5%; Bạo lực :30%; kinh dị 2%; bình thường 63%. Khi hỏi các bạn trẻ Thành phố Hồ Chí Minh khi xem phim hành động, bạo

¹ Lê Như Hoa, *Bản sắc dân tộc trong lối sống hiện đại*, Viện văn hoá, Nxb văn hoá-thông tin, H.2003, tr.292.

lực các bạn có bắt chước các nhân vật trong phim không: Có 33,9% cho là bắt chước nhiều; 46,8% cho là có bắt chước nhưng không thường xuyên; Chỉ có 6,8% là không bắt chước. Lý do xem là để thoát nỗi buồn, 75,6% do nông nổi, bột phát, đua đòi⁽¹⁾. Trong một cuộc trưng cầu ý kiến qua mạng Internet, hơn 50% các bạn trong độ tuổi 11-25 nhận là đã xem phim sex, lý do: 41% tò mò muốn biết, 12% bạn bè rủ rê; 13,5% thấy thích.¹

Từ những sai lệch trong lối sống của một bộ phận thanh niên cho thấy cần kiểm soát chặt chẽ văn hoá phẩm, tăng cường, mở rộng, kết hợp gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho thanh niên.

3.2.Thực trạng lối sống dân tộc- hiện đại của nhóm phụ nữ

Nghiên cứu lối sống nhóm xã hội nói chung và lối sống của phụ nữ nói riêng đang trở thành mối quan tâm của giới khoa học. Lịch sử dân tộc đã khẳng định vai trò to lớn của phụ nữ. Phụ nữ Việt Nam đã sát cánh cùng dân tộc dũng cảm, kiên cường, mưu trí đánh giặc xâm lăng, giải phóng đất nước. Trong 20 năm đổi mới, phụ nữ Việt Nam đã phát huy truyền thống tốt đẹp, tích cực học tập, lao động thông minh, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc, có đóng góp to lớn cho sự phát triển của đất nước trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu lối sống của phụ nữ có vai trò quan trọng và là một trong những nhân tố quyết định việc xây dựng lối sống của cácthế hệ tiếp theo. Lối sống của Phụ nữ Việt Nam trong xã hội hiện đại có những biến đổi lớn lao đòi hỏi chúng ta phải có những nghiên cứu nghiêm túc, công phu.

Phụ nữ Việt Nam hiện nay có 42.667.300 người, chiếm 50,86% dân số cả nước. Phụ nữ Việt Nam tham gia ngày càng nhiều trên các lĩnh vực của đời sống. Trong lĩnh vực kinh tế, phụ nữ chiếm 49,95% lao động trong sản xuất

⁽¹⁾ Viện Khoa học xã hội Việt Nam, GS.VS.Nguyễn Duy Quý, *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, vấn đề và giải pháp*, Nxb CTQG, H.2006, tr.249

¹ *Văn hoá nghe nhìn và giới trẻ*, Nxb Khoa học xã hội, Năm 2005, tr.223.

nông - lâm - ngư nghiệp; 36,69% lao động trong sản xuất công nghiệp và xây dựng; 51,8% trong các ngành dịch vụ; 25% phụ nữ là chủ doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, phụ nữ Việt Nam chiếm số đông so với tổng số lao động trong các ngành văn hoá - xã hội. Phụ nữ chiếm 69% trong ngành giáo dục - đào tạo; chiếm 57,4% lao động trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, môi trường, phụ nữ ngày càng chủ động tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, tích cực tham gia bảo vệ môi trường sinh thái. Trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, báo chí, TDTT, vai trò của phụ nữ càng nổi bật, nhất là đội ngũ phóng viên báo chí, phát thanh, truyền hình, văn nghệ sỹ, huấn luyện viên, vận động viên. Phụ nữ cả nước có vai trò đóng góp to lớn trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, nhiều chị em đã có ý chí vươn lên không cam chịu đói nghèo, quyết tâm xoá đói, giảm nghèo và làm giàu cho gia đình, đóng góp cho xã hội; nhiều phong trào thi đua có sự tham gia tích cực và hiệu quả cao của phụ nữ như đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, sinh đẻ có kế hoạch... Trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng, đối ngoại và hợp tác quốc tế, xây dựng Đảng, Nhà nước càng thấy rõ vai trò của phụ nữ Việt Nam trong việc tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, bảo vệ Tổ quốc và tham gia lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, nâng cao vị thế phụ nữ Việt Nam trên trường quốc tế...

Phụ nữ Việt Nam là lực lượng to lớn góp phần quyết định sự ổn định và phát triển kinh tế-xã hội. Thời kỳ chuyển đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam từ nền kinh tế quản lý tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần là giai đoạn đất nước có những chuyển biến quan trọng trên tất cả các bình diện kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị. Kinh tế phát triển đã góp phần nâng cao mức sống của đại bộ phận nhân dân, đã tác động tích cực đến sự thay đổi lối sống của nhiều tầng lớp dân cư trong đó có phụ nữ thành thị cũng như nông thôn, phụ nữ ở miền xuôi cũng như phụ nữ ở miền ngược.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, phụ nữ Việt Nam ngày càng đã vươn lên , vượt qua mọi khó khăn, ngày càng trưởng thành. Mặc dù chưa có các khảo sát riêng về phụ nữ nhưng khi đánh giá về đức tính con người Việt Nam hiện nay, 74,2% phụ nữ coi phẩm chất có ý chí vươn lên là quan trọng nhất; 73,7% có ý thức yêu nước, tự cường dân tộc; 70,7% tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng; 69,1% có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh; 68,7% cho rằng có ý thức làm giàu cho xã hội, gia đình và bản thân.

Nhìn chung ý thức chính trị của phụ nữ được nâng lên thông qua việc tuyên truyền chính sách và việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Điều đáng mừng là phần lớn phụ nữ của chúng ta trong thử thách của kinh tế thị trường và sự nghiệp CNH-HĐH đã giữ vững được lối sống lành mạnh, có phẩm chất tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tôn trọng kỷ luật, tuân theo pháp luật, hoàn thành tốt công việc.

Thái độ của phụ nữ đối với lao động đã chuyển biến tích cực theo hướng gắn với nghề nghiệp, việc làm có thu nhập, do đó họ năng động, tự lập, sáng tạo. Thái độ đối với việc làm thay đổi, từ chỗ coi việc làm là thu nhập trong biên chế nhà nước, đến chỗ coi việc làm là lao động đem lại thu nhập tốt nhất, hợp pháp, phù hợp với năng, bất kể việc làm đó thuộc khu vực chính thức hay phi chính thức.

Sự phát triển nhanh chóng của các thành phần kinh tế đã tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận nhiều cơ hội việc làm. Ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới đã xuất hiện những phụ nữ kinh doanh giỏi, những triệu phú, có đầu óc năng động, biết làm giàu bằng lao động chính đáng. Những phụ nữ hoạt động trên nhiều lĩnh vực đa dạng của đời sống kinh tế xã hội, họ năng động, có trình độ học vấn, có kỹ năng nghề nghiệp, có vốn, có điều kiện thuận lợi và điều kiện tốt hơn để trở thành các chủ doanh nghiệp tư nhân. Họ tiêu biểu cho năng lực sáng tạo và sự nhạy cảm với đổi mới, họ có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Theo báo cáo của Lê Đăng

Doanh, đến hết tháng 3 /2003 dưới tác động của luật doanh nghiệp đã có 71000 doanh nghiệp mới được thành lập, có 40% dân doanh được thành lập có phụ nữ tham gia sáng lập, khoảng 28% giám đốc dân doanh là phụ nữ⁽¹⁾. Các nghiên cứu của viện kinh tế cho thấy các doanh nghiệp do nữ làm giám đốc có tỷ lệ kinh doanh ổn định hơn, ít gặp rủi ro về tài chính hơn.

Sự chuyển dịch kinh tế theo hướng đa dạng hoá ngành nghề đối với lao động nữ đã tạo ra nhiều cơ hội nghề nghiệp. Năm 2006 tỷ lệ lao động nữ được giải quyết việc làm đạt 46,5% trong tổng số lao động được giải quyết việc làm của cả nước. Giảm tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ ở thành thị từ 6,98% năm 2001 xuống còn 6,14% năm 2005.

Trách nhiệm công dân và thái độ chính trị của phụ nữ, thái độ quan tâm đổi mới, nhập cuộc với đổi mới và ủng hộ cái mới được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ phụ nữ tham gia vào công việc của xã hội và của cộng đồng, tham gia vào quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát pháp luật, bầu cử, ứng cử, đề cử vào cơ quan dân cử, tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội cao hơn trước. Tỷ lệ đại biểu nữ quốc hội tăng nhanh trong 4 khoá gần đây (9,5%). Phụ nữ là chủ nhiệm uỷ ban quốc hội đạt 25% và uỷ viên thường vụ đạt 22,2%.

Có thể nói, đến nay phụ nữ Việt Nam có những bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ, có những đóng góp to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học và công nghệ, xây dựng Đảng, chính quyền và hợp tác quốc tế. Phụ nữ các dân tộc, các tôn giáo, công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân trên cương vị người lãnh đạo hay quản lý, người lao động đều đã đoàn kết, thi đua phát huy sức mạnh nội lực, tham gia thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế-xã hội. Địa vị, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của phụ nữ Việt Nam được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện về nhiều mặt, sức khoẻ phụ nữ được nâng

⁽¹⁾ Lê Đăng Doanh. *Nữ doanh nhân và kinh tế dân doanh*. Báo Công nghiệp Việt Nam số 42, ngày 15-10-2003.

cao. Phụ nữ Việt Nam đã phấn đấu không ngừng vươn lên, họ ngày càng chủ động, tự tin hơn trong lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, năng động, mạnh dạn trong kinh tế thị trường.

Tất cả các thay đổi và tiến bộ của phụ nữ trong nhận thức, thái độ và định hướng giá trị đã tạo nên những biến đổi tích cực trong lối sống của người phụ nữ Việt Nam

Bên cạnh những biến đổi tích cực về lối sống, kinh tế thị trường cũng tạo ra nhiều hạn chế trong lối sống của người phụ nữ Việt Nam hiện đại.

Ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân trong lối sống của phụ nữ có chiều hướng gia tăng trong xã hội. Việc đề cao lợi ích, trước hết là lợi ích vật chất cũng như lợi ích cá nhân với những nhu cầu riêng mâu thuẫn, xung đột với lợi ích chung, lợi ích cộng đồng. Nảy sinh tâm lý sống thực dụng, đề cao một chiều các giá trị vật chất, các phương tiện vật chất trong tiêu dùng, hưởng thụ. Thói vụ lợi, ích kỷ, vun vén cho mình, kiếm lợi riêng cho mình, vô tình, dửng dưng với người khác, làm giàu bằng mọi giá đang làm suy yếu phẩm giá nhân cách.

Trong quá trình CNH- HĐH đất nước và hội nhập quốc tế phụ nữ có nguy cơ bị đẩy ra khỏi thị trường lao động do những tiến bộ của khoa học công nghệ trong khi chất lượng lao động nữ còn ở mức thấp. Theo số liệu điều tra của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội từ những năm 2001-2004 nếu tính theo tỷ lệ lao động nữ trong sản xuất nông nghiệp là trên 60% thì số lao động nữ nông thôn mất việc không nhỏ., riêng Hà Nội có 5 vạn thôn nữ bị mất việc¹. Phụ nữ bị hạn chế về cơ hội kiếm việc làm và mất việc và thu nhập thấp do trình độ học vấn thấp, chuyên môn, tay nghề thấp, khó thích nghi với môi trường lao động mới. Lao động nữ qua đào tạo nghề mới đạt 15,5%.

Trong nghiệp vụ doanh nghiệp, việc làm của phụ nữ thiếu ổn định, điều kiện lao động và sống không đảm bảo. ở khu vực nông thôn phát triển ngành nghề còn chậm, năng suất lao động, hiệu quả kinh tế thấp, thu nhập không ổn định,

¹ Lê Thị Quế: *Lao động nữ trong thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 327 tháng 8 năm 2005, tr. 28.

phụ nữ thiếu việc làm di dân ra thành phố tăng. Dưới áp lực của tình trạng thất nghiệp và nhu cầu thiết yếu của cuộc sống đã đẩy một số lao động nữ yếu văn hoá và không có kỹ năng lao động vào làm việc một số nghề bất hợp pháp (buôn bán hàng lậu, ma tuý, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em...). Theo kết quả điều tra của viện Xã hội học: Hơn 70% số người hành nghề mại dâm có nguồn gốc nông thôn; có gần 1/5 trong số họ hoàn toàn không biết chữ¹

Quá trình tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ đổi mới đi đôi với việc nâng cao mức sống nhưng đồng thời dẫn đến phân hoá giàu nghèo trong xã hội ngày càng rõ rệt. Năm 2004 thu nhập của 20% số hộ có thu nhập cao nhất gấp 7 lần 20% số hộ có thu nhập thấp nhất. Bộ phận phụ nữ do có đầu óc năng động trong làm ăn đáp ứng nhu cầu của thị trường thì giàu lên nhanh chóng. Một bộ phận đáng kể phụ nữ do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan có đời sống nghèo đói có nguy cơ trở thành vật hy sinh trong các gia đình nghèo. Nhiều em gái ở gia đình nghèo phải bỏ học sớm, phải lao động sớm, lấy chồng nước ngoài với mục đích vụ lợi diễn biến phức tạp. Chỉ tính riêng tỉnh Cần Thơ, từ năm 1995 đến nay có 14.000 phụ nữ kết hôn với người Đài Loan. Những bất hạnh và rủi ro mà các em gái lấy chồng Đài Loan phải gánh chịu là rất lớn.

Trong nền kinh tế thị trường phụ nữ gặp nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện vai trò gia đình và xã hội của mình. Phẩm chất đạo đức và một số giá trị truyền thống tốt đẹp trong gia đình có phần bị mai một, lối sống thực dụng có xu hướng gia tăng trong một bộ phận phụ nữ.

Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý tỷ lệ còn thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lao động nữ. Đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế, văn hoá, khoa học - công nghệ. 25% phụ nữ trong cơ quan dân cử ở đại phương (trừ quốc hội 27,3%), dưới 15% trong các cấp uỷ Đảng và cơ quan quản lý nhà nước các cấp so với 48 % lực lượng lao động nữ chiếm trong tổng số lao động.

¹ Hà Huy Thành: *Những tác động tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội..2000, Tr..206.

Có thể nói trên đây là những hạn chế trong lối sống của một bộ phận phụ nữ hiện nay cần điều chỉnh. Trong công tác xây dựng lối sống được quan tâm, uốn nắn. Trong công tác giáo dục lối sống dân tộc hiện đại cho phụ nữ cần giáo dục phụ nữ tu dưỡng đạo đức thường xuyên. Phụ nữ phấn đấu rèn luyện theo các nội dung: Sức khoẻ tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu.

THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

THS. NGUYỄN THANH BÌNH

Đời sống vật chất của một cộng đồng xã hội có phạm vi rất rộng và được biểu hiện vô cùng phong phú, đa dạng trên nhiều khía cạnh của cuộc sống; điều này làm cho việc đánh giá đời sống vật chất của con người một cách toàn vẹn, bao trùm tất cả mọi phạm vi và khía cạnh là vô cùng khó khăn, và cũng vì vậy, khi đánh giá về đời sống vật chất của một cộng đồng, các công trình nghiên cứu thường lựa chọn một số khía cạnh và phạm vi điển hình để nghiên cứu, từ đó trên cơ sở của phương pháp loại suy để ước đoán về bức tranh chung. Dựa theo cách tiếp cận như trên, khi đánh giá về thực trạng đời sống vật chất của người dân Việt Nam hiện nay, bài viết này chọn phạm vi đánh giá điển hình là nhóm đối tượng người nghèo, nhóm xã hội “yếu thế” trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay trên một số khía cạnh nhất định, bởi lẽ điều kiện sống về mặt vật chất của họ sẽ phản ánh mức sống vật chất tối thiểu của người dân Việt Nam hiện nay.

1. Thực trạng nghèo, đói

1.1. Kết quả đạt được

Nhận thức sâu sắc việc xoá đói giảm nghèo có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định xã hội, phát triển bền vững, trong thời gian qua Chính phủ và Nhân dân ta luôn coi công tác chống nghèo là một trong những ưu tiên hàng đầu. Từ năm 1992, các hoạt động xoá đói giảm nghèo đã được tập trung chỉ đạo thực hiện như một chương trình mục tiêu quốc gia. Từ năm 2001 đến nay chương trình này đã được lồng ghép thêm Chương trình hỗ trợ tạo việc làm, trở thành Chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo và hỗ trợ việc làm. Từ năm 2002 triển khai thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo đã tăng cường lồng ghép các mục tiêu của Chiến lược vào các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm.

Ngoài ra, một chương trình riêng về phát triển kinh tế xã hội tại các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa đã được triển khai từ năm 1999 tại 2.374 xã khó khăn nhất trong cả nước nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở đó; tạo điều kiện đưa các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển và hoà nhập vào sự phát triển chung của đất nước. Chương trình tập trung vào xây dựng kết cấu hạ tầng (điện, đường giao thông nông thôn, trường học, trạm xá, công trình thuỷ lợi, chợ...) cho các xã nghèo, vùng nghèo. Bên cạnh đó chương trình còn hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn cách làm ăn, phổ biến kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất. Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, hàng nghìn tỷ đồng đã được huy động mỗi năm từ các nguồn khác của khu vực dân cư và doanh nghiệp vào xây dựng đường giao thông, trường học, trạm y tế.

Đồng thời Chính phủ đã triển khai một số chương trình hỗ trợ phát triển khác cho một số vùng còn nhiều khó khăn như Chương trình phát triển kinh tế xã hội các tỉnh vùng Tây Nguyên, 6 tỉnh đặc biệt khó khăn vùng miền núi phía bắc, vùng đồng bằng sông Cửu Long... Chính phủ cũng chủ trương lồng ghép các mục tiêu về xoá đói giảm nghèo với các chương trình phát triển kinh tế xã hội để giải quyết đồng bộ tất cả các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và xoá đói giảm nghèo.

Nhờ vậy xoá đói giảm nghèo là một trong những thành công lớn nhất của quá trình phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay được quốc tế công nhận. Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam, Điều tra mức sống hộ gia đình của Tổng cục Thống kê năm 2004, tỷ lệ người nghèo theo chuẩn nghèo quốc tế bao gồm chi phí mua lương thực, thực phẩm đảm năng lượng hàng ngày cho một người là 2.100 Kcal và chi phí lương thực bằng khoảng 2/3 chi phí lương thực, thực phẩm¹ giảm từ 58,1% năm 1993 xuống 24,1% năm 2004, tương

¹ Tỷ lệ nghèo chung là tỷ lệ người nghèo được tính theo chi tiêu bình quân/người/tháng và chuẩn nghèo chung của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới với mức chi tiêu bình quân/người/tháng qua các năm như sau: Năm 2002: 160 nghìn đồng; năm 2004: 173 nghìn đồng. Tỷ lệ nghèo lương thực, thực phẩm là tỷ lệ hộ nghèo được tính theo thu nhập bình quân/người/tháng và chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm với mức thu nhập bình quân/người/tháng qua các năm như sau: Năm 2002: thành thị 146 nghìn đồng, nông thôn: 112 nghìn đồng; năm 2004: thành thị 163 nghìn đồng, nông thôn: 124 nghìn đồng.

đương giảm gần 60% số hộ nghèo, vượt trước kế hoạch 10% đặt ra cho giai đoạn 2001-2005. Tính theo chuẩn nghèo mới ban hành thì đến cuối năm 2006 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 19%.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm đều ở tất cả các vùng trong cả nước tuy có mức độ khác nhau. Giảm nhanh nhất là vùng đồng bằng Bắc bộ với mức giảm từ 86,1% năm 1993 xuống còn 31,7% năm 2004, và chậm nhất là vùng Tây Nguyên với mức tương ứng là 47,1% và 32,7%. Phương thức xoá đói giảm nghèo đã được thay đổi phù hợp theo Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện và cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, tăng việc làm, cải thiện đời sống.

Nhóm 20% dân số Việt Nam có mức thu nhập và tiêu dùng thấp nhất tập trung chủ yếu ở các vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc, do đó đây cũng là những vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất trong cả nước. Tuy nhiên, trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của đất nước và những hỗ trợ riêng của Nhà nước cho những vùng nghèo, thu nhập bình quân của nhóm này có xu hướng tăng dần theo các năm. Chẳng hạn, nếu như thu nhập bình quân/người/tháng của nhóm này chỉ là 63 nghìn đồng năm 1994 thì đã tăng lên 97 nghìn đồng năm 1999, 107,7 nghìn đồng năm 2002 và khoảng 150 nghìn đồng năm 2005.

Kết quả trên còn là hệ quả tất yếu của sự thành công trong tăng trưởng kinh tế cao và ổn định của Việt nam thời gian qua. Những cải cách toàn diện về kinh vĩ mô, thương mại, mở cửa nền kinh tế, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển nông nghiệp nông thôn đã đưa Việt Nam từng bước thoát khỏi khó khăn, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Từ thập niên 1990 đến nay Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tăng trưởng GDP đạt bình quân 7,5% năm, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Sau 20 năm đổi mới, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP đã giảm từ 38% xuống còn

21,7%; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng tăng từ 28,9% lên 40,1%; tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng tương ứng từ 33% lên 38,2%.

Nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển tăng khá, trong đó vốn trong nước được khai thác tốt. Năm 2004 vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng 38% GDP, bình quân giai đoạn 2001 - 2004 tăng khoảng 14%/năm, trong đó vốn của khu vực kinh tế nhà nước tăng 18,5%/năm; vốn của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 9,9%/năm.

Khi kinh tế phát triển, đầu tư tăng liên tục đã tạo điều kiện tốt và nhiều cơ hội thu hút thêm lực lượng lao động vào các ngành nghề kinh tế, người lao động có thu nhập tăng lên đã góp phần thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

1.2.Những hạn chế

Thứ nhất, thành tựu xoá đói giảm nghèo chưa vững chắc.

Tuy đã đạt được những kết quả đáng kể trong xoá đói, giảm tỷ lệ nghèo như trên, nhưng Việt Nam vẫn là nước nghèo với mức sống của người dân thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Hiện nay, chuẩn nghèo của thế giới quy định quốc gia có thu nhập bình quân người hàng năm là 735 USD. Thu nhập bình quân của Việt Nam khoảng trên 400 USD, dù có quy đổi về giá trị so sánh tương đương (PPP) vẫn chưa qua chuẩn nghèo. Ngày 29-3-2005, tại Hội thảo “Hợp tác giữa các nhà tài trợ và các Tổ chức phi Chính phủ trong xoá đói giảm nghèo” theo định hướng giảm nghèo toàn diện hơn, bền vững hơn, công bằng hơn và hội nhập hơn, Việt Nam đã nâng chuẩn đói nghèo lên gấp hai lần. Chuẩn đói nghèo trước đây theo mức thu nhập bình quân người /tháng theo khu vực miền núi, nông thôn, thành thị: trước năm 2000 là 45.000 đồng, 70000 đồng và 100 000 đồng; sau năm 2000 là 80000 - 100000 150000 đồng. Chuẩn đói nghèo mới có hai mức: thu nhập bình quân tháng 200.000 đồng ở nông thôn và 260.000 đồng ở thành thị. Tuy nhiên một số thành phố chuẩn đó có thay đổi do yếu tố giá sinh hoạt. Theo đó số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người nằm ngay cận trên của chuẩn nghèo còn khá nhiều và có nguy cơ nghèo và tái nghèo của các hộ này là rất cao do những

đột biến bất lợi từ bệnh tật, mất mùa, đầu tư thua lỗ, giá nông sản sụt giảm, thiên tai, việc làm không ổn định. Ước tính có khoảng 5 - 10% dân số Việt Nam vẫn nằm trong diện dễ bị rơi vào vòng đói nghèo.

Thứ hai, tỷ lệ đói nghèo ở nông thôn, vùng núi, vùng trung du còn cao.

Tăng trưởng phải đi liền với bình đẳng và phải mang lại lợi ích cho tất cả các vùng và các nhóm dân cư trong nước. Phần đông người nghèo ở Việt Nam sống trong hoàn cảnh bị tách biệt – về mặt địa lý, dân tộc, ngôn ngữ, xã hội và kinh tế. Kinh nghiệm của các nước khác cho thấy rằng lợi ích thực sự của tăng trưởng kinh tế ít đến được với các nhóm người chịu thiệt thòi này.

Báo cáo quốc gia đầu tiên của Việt Nam về tiến độ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, được công bố tháng 9 năm 2005 và phân phát tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới năm 2005, cho thấy tình trạng chênh lệch và bất bình đẳng xã hội giữa các vùng, giới tính và nhóm dân cư đang ngày càng gia tăng. Trong khi các vùng đô thị được hưởng lợi nhiều nhất từ các chính sách cải cách và tăng trưởng kinh tế, thì tình trạng nghèo vẫn tồn tại dai dẳng ở nhiều vùng nông thôn của Việt Nam và ở mức độ rất cao ở các vùng dân tộc thiểu số.

Từ năm 1993 đến nay, tuy các tỉnh nghèo nhất có mức độ giảm nghèo nhanh hơn nên tỷ lệ nghèo giữa vùng nghèo nhất (Tây Bắc) so với vùng giàu nhất nước ta (Đông Nam Bộ) đã được thu hẹp lại, nhưng các vùng núi, trung du bao gồm Tây Bắc, Bắc trung bộ, Tây Nguyên và Đông Bắc vẫn luôn là bốn vùng nghèo nhất. Mặt khác, người nghèo vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn (khoảng 90% tổng số người nghèo), trong đó các vùng có mật độ nghèo cao nhất là Bắc Trung bộ, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Hơn nữa độ giãn cách về trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các vùng ngày càng gia tăng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn là những nơi chậm phát triển nhất so với cả nước.

Thứ ba, sự khác biệt về đói nghèo giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam còn lớn.

Mặc dù Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ người nghèo, đặc biệt là đồng bào các dân tộc ít người, nhưng tỷ lệ nghèo trong các dân tộc ít người vẫn cao nhất và tốc độ giảm nghèo cũng chậm hơn. Chẳng hạn, tính trong giai đoạn 1993 - 2002, các dân tộc ít người chỉ giảm được 17,1 điểm phần trăm tỷ lệ nghèo, trong khi người Kinh giảm được 30,8 điểm phần trăm; năm 2002 tỷ lệ nghèo của đồng bào dân tộc ít người cao gấp 3 lần so với người Kinh, trong khi năm 1993 con số này chỉ là 1,6 lần.

Thứ tư, mức độ chênh lệch giàu - nghèo đang có xu hướng gia tăng.

Tình trạng chênh lệch và bất bình đẳng xã hội giữa các vùng, giới tính và nhóm dân cư đang ngày càng gia tăng. Trong khi các vùng đô thị được hưởng lợi nhiều nhất từ các chính sách cải cách và tăng trưởng kinh tế, thì tình trạng nghèo vẫn tồn tại dai dẳng ở nhiều vùng nông thôn của Việt Nam và ở mức độ rất cao ở các vùng dân tộc thiểu số.

Theo Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004 của Tổng cục Thống kê, số liệu về khoảng cách chênh lệch nghèo (được đo bằng mức trung bình giữa chỉ tiêu thực tế của người nghèo với chuẩn nghèo, tính bằng tỷ lệ phần trăm so với chuẩn nghèo) cho thấy mức độ trầm trọng của đói nghèo ở Việt Nam đang giảm nhưng với tốc độ chậm dần, từ 18,5% năm 1993 xuống 9,8% năm 1998 và 6,9% năm 2002. Chỉ tiêu thực tế của hộ gia đình thời kỳ 2003 - 2004 tăng 12,1%, cao hơn mức 7,4%/năm của thời kỳ 1993 - 1998 và 4%/năm thời kỳ 1998 - 2002. Tuy mức tiêu dùng của người dân nói chung và của người nghèo nói riêng đều tăng lên, nhưng chênh lệch về thu nhập và phân hoá giàu nghèo trong dân cư vẫn tiếp tục gia tăng. So sánh 20% số hộ có mức thu nhập thấp nhất thì hệ số chênh lệch năm 1996 là 4,3 lần, năm 2002 là 8,14 lần. Một số vùng có hệ số chênh lệch ở mức cao hơn mức bình quân của cả nước là Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Đồng Bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ.

Vào ngày 21/03/2007 tại Đà Nẵng, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới (WB) đã tổ chức Hội thảo “Công bố báo cáo cập nhật nghèo 2006”. Báo cáo cho thấy khoảng cách giữa các nhóm

người giàu nhất và nhóm người nghèo nhất đang bị nói rộng. Năm 1993, chỉ cho tiêu dùng bình quân đầu người của gia đình giàu nhất cao gấp 5 lần so với gia đình nghèo nhất thì tỷ lệ này tăng lên 6,3 lần vào năm 2004. Tỷ lệ chi tiêu bình quân đầu người của nhóm giàu nhất trong tổng chi tiêu dùng xã hội tăng từ 41,8% lên 44,7%, trong khi đó nhóm nghèo nhất lại giảm từ 8,4% xuống còn 7,1% ở cùng thời kỳ.

Một chỉ số khác cũng phản ánh sự chênh lệch giàu - nghèo là chỉ số Gini, đo mức độ chênh lệch trong thu nhập giữa nhóm người giàu nhất và nhóm người nghèo nhất. Theo UNDP, đối với Việt Nam chỉ số này hiện nay là 36,2 - cao hơn rất nhiều so với những nước phát triển trên thế giới và chỉ thấp hơn Trung Quốc (40,3) và Nga (45,6). Cũng theo tính toán của UNDP, trong khi toàn xã hội đang được hưởng lợi từ sự tăng trưởng kinh tế, thì người nghèo ở Việt Nam được hưởng lợi ít nhất, chỉ bằng 76,6% so với mức trung bình; trong khi đó người giàu được hưởng lợi hơn hẳn là 115%.

Cụ thể hơn, theo số liệu công bố trên website của Tổng cục Thống kê, năm 2004, mức thu nhập bình quân đầu người một tháng ở nước ta là 484,4 nghìn đồng, trong khi đó thu nhập bình quân ở thành thị là 815,4 nghìn, gấp 2,15 lần khu vực nông thôn (378,1 nghìn). Thu nhập của vùng giàu nhất, vùng Đông Nam Bộ là 833 nghìn, cao gấp 3,13 lần vùng nghèo nhất - Tây Bắc (265,7 nghìn). Nguyên nhân chủ yếu là do các nhóm giàu hơn có tốc độ tăng thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người cao hơn các nhóm nghèo hơn.

1.3. Giải pháp xóa đói giảm nghèo trong thời gian tới

Tạo môi trường pháp lý bình đẳng và công bằng để khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh dễ dàng hơn trong việc vay vốn, thuê đất và các yếu tố đầu vào khác để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư một cách bền vững. Trong đó chú trọng phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc Nhà nước thiết lập một môi trường thuận lợi, khuyến khích và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp này, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động tại vùng sâu,

vùng xa vì đây là khối doanh nghiệp tạo ra được nhiều công ăn việc làm và có khả năng dễ dàng tiếp cận khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách xoá đói giảm nghèo. Theo đó cần hoàn thiện hệ thống thông tin giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu xoá đói giảm nghèo từ trung ương đến địa phương. Tập trung trợ giúp các địa phương nghèo phát triển kinh tế, hướng vào chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Tiếp tục tăng nguồn vốn tín dụng xoá đói giảm nghèo, đổi mới phương thức cho vay, đẩy mạnh trợ giúp người nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện và khuyến khích các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo. Nhà nước tiếp tục hỗ trợ về vốn tín dụng, tạo điều kiện về mặt bằng kinh doanh, tạo cơ hội làm ăn và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp.

Thực hiện bỏ dần bao cấp bất hợp lý trong xoá đói giảm nghèo, chuyển sang những phương pháp và hình thức hỗ trợ phù hợp với kinh tế thị trường. Sửa đổi chính sách trợ giá, trợ cước và chính sách cung cấp miễn phí một số hàng hoá cho miền núi để hạn chế thất thoát và tăng thêm tác dụng thiết thực của các biện pháp này. Áp dụng phương thức trợ giúp lãi suất đối với tín dụng cho người nghèo; mở rộng diện tín dụng được bảo lãnh thông qua Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh chính sách xã hội như các chính sách khám chữa bệnh, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ nhà ở, chính sách cho vay vốn tín dụng.

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước vào các địa bàn khó khăn nhất bao gồm các xã đặc biệt khó khăn, vùng căn cứ cách mạng, vùng cao biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người nhằm rút ngắn khoảng cách phân hóa giàu nghèo; tập trung trước hết vào xây dựng hạ tầng giao thông, giáo dục, cấp điện, nước, xây dựng trạm y tế hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ, tiếp cận thị trường. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương.

2. Thực trạng môi trường sống

2.1. Kết quả đạt được

Tỷ lệ người dân được tiếp cận với nguồn nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường ngày một tốt hơn. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược về nước sạch và vệ sinh môi trường và 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Việt Nam đã có khoảng trên 700 nghìn công trình cấp nước, trong đó có trên 4,6 nghìn hệ thống cấp nước tập trung. Chỉ tính trong giai đoạn từ 1993 đến 2004, tỷ lệ người dân Việt Nam được sử dụng nước sạch đã tăng từ 26,2% lên 70%; tỷ lệ này ở nông thôn tăng mạnh hơn, từ 18% lên tới 58%.

Năm 2003, khoảng 5 triệu hộ gia đình ở nông thôn (41%) đã có nhà vệ sinh hợp quy cách. Tỷ lệ này tăng chậm trong thời gian gần đây, song kết quả quan trọng thu được là người nông dân đã có ý thức hơn về việc giữ gìn vệ sinh môi trường và đang từng bước thay đổi tập quán sử dụng nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh.

Về việc thu gom chất thải rắn, theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2003, trung bình mỗi năm Việt Nam có hơn 15 triệu tấn chất thải rắn phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó 80% là chất thải rắn sinh hoạt và 20% là chất thải rắn công nghiệp. Chất thải ở khu vực đô thị chiếm tới gần 50% tổng lượng chất thải sinh hoạt. Dự báo nếu dân số đô thị ở Việt Nam tăng lên gấp đôi trong những năm tới thì số rác thải toàn quốc cũng tăng lên tương ứng khoảng 22 triệu tấn/năm.

Cũng theo Báo cáo trên, tỷ lệ thu gom chất thải ở khu vực đô thị đã có những tiến bộ đáng kể, trung bình đạt khoảng 71% và đang tăng dần. Hiện nay đã có 32 tỉnh, thành trong cả nước có dự án đầu tư xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. Các phương tiện và phương thức xử lý chất thải đang được cải tiến, năng lực xử lý chất thải y tế đang được tăng cường. Nồng độ chì trong không khí trên các tuyến giao thông đã giảm nhờ việc thay thế xăng không chì cho xăng pha chì. Chất lượng không khí tại khu vực nông thôn, miền núi (trừ các làng nghề) nhìn chung vẫn trong sạch.

2.2. Những hạn chế

Hiện trạng môi trường sống của người dân Việt Nam đang có biểu hiện xấu đi do tác động của một loạt nguyên nhân, như thiên tai, mật độ dân số tăng nhanh đặc biệt là ở các thành phố lớn và các khu công nghiệp, khác thác bừa bãi các nguồn tài nguyên thiên nhiên và xả chất thải chưa qua xử lý bừa bãi vào môi trường, gia tăng các phương tiện giao thông. Hệ quả là ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng trên mọi mặt:

Trong số gần 100 bãi thải trong cả nước mới chỉ có khoảng 20% bãi chôn lấp hợp vệ sinh, phần lớn còn lại đều gây ô nhiễm môi trường và gây tác động xấu tới sức khoẻ con người. Các hệ thống xử lý chất thải nguy hại còn rất thiếu, nên chất thải nguy hại thường được đổ bỏ hoặc tiêu huỷ cùng với chất thải thông thường. Môi trường không khí ở hầu hết các khu công nghiệp và các thành phố, đô thị bị ô nhiễm nặng nề bởi bụi và các khí thải độc hại. Nồng độ bụi trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ 1,3 đến 3 lần, cá biệt có nơi vượt từ 10 – 20 lần. Nồng độ khí SO_2 khu vực xung quanh một số nhà máy, xí nghiệp vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ 1,1 đến 2,7 lần. Hiện tượng mưa axit đã xảy ra ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng Đông Nam bộ – khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp. Nguồn gây ô nhiễm chính là các chất thải từ các phương tiện giao thông, công nghiệp và xây dựng.

Đối với lượng khí CO_2 và các khí gây hiệu ứng nhà kính ở Việt Nam phát thải tuy không lớn nhưng có chiều hướng gia tăng. Năm 1994 ước tính khoảng 103,8 triệu tấn, song dự báo đến năm 2010 là 140 triệu tấn và năm 2020 là 233 triệu tấn. Các tác nhân gây ra nguồn phát thải này là từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp.

Đối với môi trường nước, chất lượng nước tại gần các đô thị và các khu công nghiệp của một số sông chính ở miền Bắc (sông Cầu, sông Hồng, sông Thái Bình và sông Cẩm) và ở miền Nam (sông Đồng Nai và sông Sài Gòn) đều không đạt tiêu chuẩn nguồn cấp nước sinh hoạt, nhưng vẫn đạt tiêu chuẩn cho các mục đích khác như nuôi trồng thủy sản. Các sông ở miền Trung (như sông

Hàn, sông Hương) nhìn chung có chất lượng nước tốt hơn, đủ điều kiện làm nguồn nước sinh hoạt.

Hầu hết các sông nhỏ, hồ, kênh, mương nội thành của cả thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Huế, TP. Hồ Chí Minh... đều bị ô nhiễm nặng nề, các chỉ tiêu đều vượt mức tiêu chuẩn cho phép từ 4 – 5 lần, có điểm tới 70 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do các nguồn chất thải, nước thải sinh hoạt và công nghiệp đều được xả trực tiếp và hệ thống này mà không được xử lý.

Hiện tượng nguồn nước ngầm bị ô nhiễm, xâm nhập mặn đang gia tăng. Hàm lượng các chất nitơ, photphat và các kim loại nặng có trong nguồn nước ngầm ở các khu công nghiệp và đô thị vượt tiêu chuẩn cho phép ở nhiều nơi. Lượng nước ngầm còn đang bị sụt giảm, đặc biệt ở các đô thị nên đã gây ra hiện tượng lún sụt đất ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

2.3. Các giải pháp cải thiện môi trường trong thời gian tới

Tiếp tục thể chế hoá việc áp dụng công cụ kinh tế; ban hành và áp dụng các biện pháp thu và sử dụng các loại phí, lệ phí bảo vệ môi trường; sử dụng đúng và có hiệu quả kinh phí thu được.

Phân định và hình thành các nội dung chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, đảm bảo tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Đa dạng hoá đầu tư cho bảo vệ môi trường để đảm bảo có đủ nguồn lực bảo vệ môi trường, chú trọng huy động mọi nguồn lực trong toàn xã hội. Có những biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho bảo vệ môi trường. Đầu tư bảo vệ môi trường cần lồng ghép với các chương trình kinh tế – xã hội; khuyến khích đầu của tư nhân vào các hoạt động môi trường.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ vốn, ưu đãi, khuyến khích về thuế, các biện pháp trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với thông lệ quốc tế; sử dụng có hiệu quả quỹ bảo vệ môi trường.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý môi trường ở Việt Nam, tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã.

Tiếp tục đẩy mạnh nâng cấp, đổi mới công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải theo hướng thân thiện với môi trường nhằm sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả hơn, giảm thiểu thải các chất thải, khí thải độc hại vào môi trường.

Đẩy nhanh việc xây dựng và thực hiện các dự án cung cấp nước sạch cho nhân dân, đặc biệt chú trọng vào khu vực nông thôn để rút ngắn sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa người giàu và người nghèo.

3. Dịch vụ hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo

3.1. Kết quả đạt được

Từ năm 1999 đến hết năm 2004, Nhà nước đã đầu tư khoảng 8,9 nghìn tỷ đồng cho các vùng nghèo, xã nghèo xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, bao gồm công trình thuỷ lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường, điện, nước sinh hoạt, chợ; nâng cấp, cải tạo các tuyến trục giao thông nối vùng nghèo, xã nghèo với các trung tâm của các vùng khác nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho vùng nghèo, vùng khó khăn cơ hội phát triển. Cùng với việc lồng ghép các dự án khác trên địa bàn và huy động các nguồn lực khác như viện trợ nước ngoài, đóng góp từ thiện trong nước và đóng góp của người hưởng lợi. Những nỗ lực trên đã cải thiện đáng kể kết cấu hạ tầng của các xã nghèo, vùng nghèo.

Cụ thể, theo Báo cáo của Uỷ ban Dân tộc, tính đến năm 2004 đã có 2.306 xã đặc biệt khó khăn có đường ô tô đến trung tâm xã, chiếm 97% tổng số xã đặc biệt khó khăn; chỉ còn 68 xã đặc biệt khó khăn chưa có đường ô tô đến trung tâm cụm xã (chiếm 3%). 90% xã đặc biệt khó khăn có công trình thuỷ lợi nhỏ, phục vụ tưới trên 40 nghìn ha lúa từ 1 đến 2 vụ. 100% các huyện có trung tâm y tế, 100% các xã đặc biệt khó khăn đã có trạm y tế với 100% các trạm đã có y sỹ, một phần đã có bác sỹ. Đa số các thôn bản đã có y tế

cộng đồng cơ bản ngăn chặn được các dịch bệnh hiểm nghèo, góp phần nâng cao sức khỏe và cải thiện đời sống nhân dân. 90% các xã đặc biệt khó khăn có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo; các bản làng ở xa đều đã có lớp cắm bản; 100% các huyện có trường trung học phổ thông; ở một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao đã có trường dân tộc nội trú, bán trú. 36% số xã đặc biệt khó khăn có chợ xã và chợ liên xã, nhờ vậy sản phẩm do đồng bào làm ra đã có nơi trao đổi, tiêu thụ, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất hàng hoá, cải thiện đời sống, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường ở các xã đặc biệt khó khăn. Gần 70% xã đặc biệt khó khăn có điểm bưu điện văn hoá, mạng lưới điện thoại đã có mặt ở tất cả các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa; trên 70% các xã đã có điện thoại đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. 90% các xã đặc biệt khó khăn đã có trạm phát thanh, ngoài việc phổ biến chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, còn tuyên truyền, hướng dẫn cách thức làm ăn, xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập góp phần đáng kể vào việc nâng cao đời sống nhân dân. Điện lưới quốc gia đã đến được 900 trung tâm xã nghèo, 100% số huyện và 90% số xã có điện; trong đó có hơn 60% số hộ vùng dân tộc miền núi được sử dụng điện, nhiều tỉnh có 100% số xã có điện. 65% xã đặc biệt khó khăn có công trình phục vụ nước sinh hoạt với trên 70% số hộ đồng bào có đủ nước sinh hoạt, trong đó 50% số hộ được sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Đối với khu vực nghèo thành thị, Chính phủ đã triển khai thực hiện chương trình phát triển hạ tầng đô thị hướng vào việc cải thiện đời sống của người nghèo, như chương trình nhà ở cho người có thu nhập thấp, xoá bỏ nhà ổ chuột, nhà dột nát, nhà tạm, cung cấp hạ tầng thiết yếu trong việc cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; thực hiện chương trình đào tạo nghề và tạo công ăn việc làm, cho vay vốn làm ăn...

Những kết quả trên đã làm thay đổi cơ bản đời sống vật chất của người nghèo, vùng nghèo và xã nghèo, chất lượng sống của người nghèo, vùng nghèo đã được nâng lên. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn đã giảm khá nhanh, từ 50 – 60% năm 1998 xuống còn 23,5% năm 2004, bình quân mỗi năm giảm 4 – 5% số hộ nghèo.

3.2. Những hạn chế

Người nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn và trong khu vực thành thị vẫn còn phải đương đầu với nhiều thách thức mới nảy sinh do trình độ phát triển kinh tế – xã hội còn thấp, địa hình hiểm trở, giao thông không thuận lợi, khí hậu khắc nghiệt luôn ẩn chứa hiểm họa thiên tai có thể phá huỷ những kết cấu hạ tầng đã đạt được, gây khó khăn trong công tác hỗ trợ; bởi vậy nguy cơ tái nghèo cao, hiệu quả xoá đói giảm nghèo không bền vững; chất lượng sống không ổn định và có khoảng cách rất lớn về kết cấu hạ tầng giữa khu vực này với vùng đô thị...

3.3. Giải pháp trong thời gian tới

Nhà nước tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù đối với người nghèo và vùng nghèo; rà soát hệ thống chính sách ưu đãi hiện có để loại bỏ những nội dung không còn phù hợp, bổ sung những chính sách mới xuất phát từ thực tiễn của người nghèo, các vùng nghèo, vùng khó khăn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu vực này để chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, đảm bảo đồng tiền hỗ trợ người nghèo được chi đúng mục đích và có hiệu quả; đồng thời huy động sức đóng góp của đối tượng được hưởng thụ bằng ngày công lao động và trực tiếp tham gia giám sát.

4. Tiếp cận các dịch vụ kinh tế - xã hội cơ bản và hệ thống an sinh xã hội

4.1. Kết quả đạt được

Khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, dịch vụ sản xuất đã được cải thiện nhất định, hệ thống an sinh xã hội đã được đa dạng hoá và mở rộng. Cụ thể:

Đối với dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, tỷ lệ người nghèo được cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí và thẻ bảo hiểm y tế đã tăng lên qua các năm. Chỉ tính từ năm 2003 đến 2004 đã tăng 11%. Ngân sách nhà nước chi cho khám chữa bệnh cho người nghèo liên tục tăng cho thời kỳ 2001 - 2005. Nhờ vậy tỷ lệ người nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ đã tăng lên

đáng kể trong những năm qua với khoảng 80% người nghèo sống ở nông thôn và miền núi được đảm bảo cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh tại chỗ. 100% đối tượng trợ giúp xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc giấy khám chữa bệnh miễn phí.

Đối với dịch vụ giáo dục, hàng năm có khoảng trên 3 triệu học sinh nghèo và dân tộc ít người được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường; 2,5 triệu học sinh được cấp, mượn sách giáo khoa và hỗ trợ vở viết và đồ dùng học tập. Kinh phí hỗ trợ hàng năm trên 110 tỷ đồng. 100% trẻ mồ côi, trẻ em tàn tật khó khăn đang đi học được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp. Kết quả hỗ trợ đã tác động tích cực tới giảm chi phí của hộ nghèo cho con em đi học, bình quân giảm 25% chi phí cho học sinh nghèo so với học sinh không thuộc diện nghèo.

Thông qua chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nhà ở, đất ở cho người nghèo thính đến tháng 12/2004, khoảng 293 nghìn hộ nghèo đã được hỗ trợ về nhà ở với tổng kinh phí gần 1200 tỷ đồng. Đến cuối năm 2005 có khoảng 400 nghìn hộ được hỗ trợ cải thiện về nhà ở, có 5 tỉnh với khoảng 2 nghìn xã không còn tình trạng nhà tạm, nhà tranh tre dột nát. Hầu hết các tỉnh trong cả nước đã chủ động giải quyết vấn đề nhà ở cho hộ nghèo bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, áp dụng cơ chế hỗ trợ một lần về nhà ở bao gồm cả làm mới, sửa chữa hoặc hỗ trợ tám lợp. Một số tỉnh ngập lụt sâu vùng đồng bằng sông Cửu Long áp dụng cơ chế cho vay làm nhà ở hoặc vay mua nền nhà, làm nhà trong các cụm tuyến dân cư vượt lũ. Một số tỉnh Tây Nguyên còn thực hiện chính sách cho vay mua nhà trả chậm.

Để nâng cao đời sống vật chất của người nghèo, Nhà nước còn hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho các hộ nghèo giúp họ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập với mức vay lên tới 7 triệu đồng trong thời gian từ 1 - 5 năm (lãi suất ưu đãi 0,5%/tháng). Ngoài ra, để đảm bảo an ninh lương thực, đối với những hộ nghèo dân tộc ít người khu vực Tây bắc, Tây Nguyên được Chính phủ hỗ trợ đất sản xuất (tính đến giữa năm 2003 đã có 10,5 nghìn hộ được hỗ trợ trên 5 nghìn ha đất); đối với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long

như Đồng Tháp, Trà Vinh, Sóc Trăng hỗ trợ hộ nghèo chuộc lại đất sản xuất bị cầm cố, nhượng bán (với 4,3 nghìn hộ năm 2003).

Về Bảo hiểm xã hội, tính đến cuối năm 2004, cả nước có 10 triệu lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; có 305/325 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị với 84 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội cho nông dân. Ngoài hệ thống Bảo hiểm xã hội chính thức, một số các dự án bảo hiểm xã hội phi chính thức đã được thử nghiệm ở một số tỉnh, phạm vi thực hiện thí điểm ở 265 làng, xã thuộc 29 huyện và cung cấp dịch vụ cho khoảng 200 nghìn lao động nông thôn.

Về trợ giúp xã hội, cứu trợ thường xuyên, tính đến cuối năm 2004 cả nước có 957 nghìn người thuộc diện đối tượng trợ giúp xã hội, trong đó có khoảng 540 nghìn người thuộc diện đặc biệt khó khăn cần được trợ giúp xã hội hàng tháng để đảm bảo cuộc sống. Tổng số người đang được nuôi dưỡng chăm sóc trong các trung tâm của Nhà nước là 25 nghìn đối tượng (gồm người già cô đơn, người tàn tật nặng, trẻ mồ côi, người lang thang), với mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất là 140 nghìn đồng/người/tháng. Trong giai đoạn 2001 - 2003 đã có trên 220 ngàn người tàn tật được trợ giúp từ Quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam; Quỹ ngày vì người nghèo đã làm gần 300 nghìn ngôi nhà và trợ giúp trực tiếp cho hàng nghìn người nghèo về đời sống, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Số trẻ em mồ côi được cộng đồng và nhà nước chăm sóc dưới nhiều hình thức chiếm 55,3% tổng số trẻ em mồ côi. Khoảng 25% trẻ khuyết tật nói chung và 75% trẻ tàn tật nặng được chăm sóc dưới các hình thức khác nhau. Khoảng 66,6% trẻ lang thang được quản lý, chăm sóc.

4.2. Những hạn chế

Khả năng tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, hỗ trợ sản xuất, hệ thống an sinh xã hội còn có những hạn chế.

Việt Nam, trong thập niên vừa qua, là một quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế hàng năm cao vào hàng nhất nhì ở khu vực Đông Á với mức thu nhập

thực tế tăng bình quân 7,3%/năm, đồng thời cũng được Ngân hàng Thế giới (World Bank) đánh giá là một trong những quốc gia thành công nhất trong nỗ lực thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, những nỗ lực xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất - trường học, bệnh viện, đường sá, hệ thống điện nước... rất cần thiết để cải thiện cuộc sống người nghèo vẫn chưa đủ để tạo dựng thành công một hệ thống an sinh xã hội hoạt động như một tấm lưới an toàn giúp tầng lớp lao động trong cộng đồng có chỗ trú ẩn, bảo hộ trước những sóng gió của thị trường, nhất là trong thời kỳ hội nhập kinh tế. Mặc dù chúng ta đã có những nỗ lực xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhưng trên thực tế, quy mô “bảo hộ” của hệ thống này cho đến nay vẫn còn quá hạn chế vì nhiều lý do.

Báo cáo của Chương trình Phát triển Kinh tế Liên Hiệp Quốc (UNDP) công bố ngày 22-8-2007, dựa trên các số liệu điều tra về mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2004, cho thấy tình hình an sinh xã hội của Việt Nam đang thụt lùi. Theo đó, các hộ trong nhóm thu nhập cao nhất - nhóm 20% giàu nhất nhận được gần 40% lợi ích ASXH. Trong khi đó, nhóm nghèo nhất chỉ nhận chưa đến 7%. Những người sống ở đô thị có cơ hội hưởng nhiều chính sách ASXH hơn người sống ở nông thôn... Nhóm giàu nhất nhận được 47% lương hưu, còn nhóm nghèo nhất chỉ nhận được 2%. Nhóm giàu nhất nhận được 45% trợ cấp y tế, còn nhóm nghèo nhất chỉ được 7%. Tỷ lệ nhận trợ giúp giáo dục của nhóm giàu nhất và nghèo nhất tương ứng là 35% và 15%.... Chuyên gia kinh tế cao cấp của UNDP, ông Jonathan Pincus còn nhận xét: “...Người hưởng lợi chính từ ASXH ở Việt Nam là nhóm có thu nhập cao. Bất cứ lợi ích nào mà người nghèo nhận được từ ASXH lại bị lấy lại bằng cách trả phí sử dụng và các khoản chi tiêu khác cho y tế và giáo dục”.

Tiến sĩ Martin Evans, trưởng nhóm nghiên cứu của UNDP đã nhận định: “Việt Nam cần phải ra quyết định để lấp những khoảng trống còn tồn tại trong hệ thống ASXH của mình. Đó là quyết định chính trị mà Chính phủ Việt Nam cần phải đưa ra”. Ông cho rằng các khoảng trống này được tạo ra là

do các nhóm được hưởng trợ cấp và lương hưu từ trước đến nay không thuộc vào nhóm có thu nhập thấp nhất, đồng thời mức thụ hưởng lợi ích ASXH của mỗi người và mỗi hộ gia đình lại tùy thuộc vào sự đóng góp của họ, có nghĩa là ai có thu nhập cao thì được góp nhiều hơn và hưởng nhiều hơn.

Thực tế cho thấy, người lao động đô thị khi đóng bảo hiểm xã hội còn được doanh nghiệp thuê lao động đóng góp thêm một khoản gấp đôi, trong khi không có ai đóng góp như thế cho người lao động ở nông thôn. Các trường học dành cho con em của hộ gia đình nông thôn có chất lượng kém hơn, nhưng tỷ lệ chi phí cho con em đi học trên thu nhập của họ lại cao hơn ở thành thị rất nhiều.

Khi cần chữa bệnh, người dân nông thôn vẫn phải tìm đến thành thị, nơi có các bệnh viện tốt hơn nhưng đắt hơn, và họ phải tự đài thọ chi phí chữa bệnh vì không được hưởng bảo hiểm y tế. Chi phí phải trả của họ lại không chỉ cho người bệnh mà cho cả người thân đi thăm nuôi, do đó cao hơn một trường hợp tương tự ở thành thị nhiều lần. Việc họ phải bán nhà, bán ruộng để chữa bệnh cho vợ chồng, con cái không phải là hiếm hoi.

4.3. Giải pháp tăng cường mạng lưới dịch vụ và an sinh xã hội cho người nghèo trong thời gian tới

Tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện sản xuất, việc làm cho người nghèo tự vươn lên thoát nghèo thông qua các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, bao gồm đất đai, công cụ sản xuất, kỹ thuật canh tác, trình độ quản lý, kiến thức và tay nghề, tín dụng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Tạo cơ hội thuận lợi cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ công.

Bổ sung một số chính sách trợ giúp của Nhà nước đối với các nhóm người yếu thế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người dễ bị tổn thương để tạo cơ hội tự tạo việc làm hoặc đi làm thuê, có thu nhập đủ nuôi sống bản thân,

tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các hoạt động xã hội để hưởng lợi từ cải cách kinh tế.

Hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội nhằm mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội áp dụng cho mọi đối tượng, kể cả những người làm việc tại khu vực kinh tế phi chính thức và bảo đảm tương quan hợp lý giữa mức đóng và mức hưởng.

Đa dạng hóa mạng lưới an sinh tự nguyện. Đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ cây trồng và vật nuôi như dịch vụ thú y, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp một cách hiệu quả ở vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn. Tiến hành thử nghiệm các hình thức bảo hiểm cây trồng, vật nuôi hoặc bảo hiểm thị trường cho nông thôn. Tăng cường công tác khuyến nông như là một công cụ hữu hiệu để giảm tính tổn thương của người nghèo. Xây dựng các chương trình bảo hiểm trên cơ sở cộng đồng đối với khu vực kinh tế không chính thức trên nguyên tắc bảo hiểm nhóm (tối thiểu là bảo hiểm gia đình). Phát triển hình thức Bảo hiểm hộ gia đình để thay thế dần cho hệ thống bảo hiểm sức khỏe học đường.

Tăng cường mạng lưới an sinh xã hội thông qua phát triển và củng cố các quỹ của xã hội và đoàn thể. Trợ giúp nhân đạo thường xuyên đối với người nghèo, người không có sức lao động và không nơi nương tựa; tổ chức, triển khai hoạt động của các quỹ này ngay tại những cộng đồng làng, xã nơi tập trung nhiều người nghèo, yếu thế. Trong đó, chú trọng các hình thức trợ cấp xã hội bằng hiện vật (gạo, thực phẩm, quần áo,...) đối với những đối tượng rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở cả nông thôn và một số thành phố.

Duy trì và bổ sung hệ thống chính sách, giải pháp về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đặc biệt là trẻ em tàn tật, mồ côi, lang thang, lao động kiếm sống, trẻ em bị hậu quả chất độc màu da cam, nhiễm HIV/AIDS. Nâng cao trách nhiệm và chức năng của gia đình trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Huy động toàn bộ xã hội tham gia vào bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Phát triển hệ thống chính sách, giải pháp hỗ trợ người tàn tật, người cao tuổi (đặc biệt là người già cô đơn không nơi nương tựa), người bị nhiễm chất độc hóa học, nhiễm HIV/AIDS.

Phát triển các trung tâm bảo trợ xã hội ở những vùng nghèo, vùng gặp rủi ro thường xuyên để nuôi dưỡng các đối tượng mất khả năng và cơ hội tự kiếm sống.

Điều chỉnh lại phương pháp phân bổ ngân sách để thực hiện các chính sách xã hội, trao quyền chủ động cho các địa phương, đặc biệt là cấp xã, huyện để đẩy mạnh phát triển quỹ cộng đồng ở làng xóm và cấp xã.

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ TINH THẦN CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

CUNG THỊ NGỌC*

Công cuộc đổi mới mà Đảng và nhân dân ta tiến hành hơn 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn. Những thành tựu ấy biểu hiện rõ nét trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Lĩnh vực đời sống văn hoá tinh thần là một trong những lĩnh vực đó, thể hiện sinh động và phong phú những kết quả to lớn mà chúng ta đã đạt được. Những thành tựu trên lĩnh vực này đã đem lại những điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng một “nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” cũng như sự nghiệp xây dựng và củng cố lối sống dân tộc-hiện đại.

Đời sống văn hoá tinh thần là phạm trù phản ánh một lĩnh vực đặc thù của đời sống xã hội- một lĩnh vực thể hiện đầy đủ nhất hoạt động sáng tạo, độc đáo của con người, sự phát triển phong phú, toàn diện những năng lực bản chất của con người; là tổng thể các dạng hoạt động của con người trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, khoa học, giáo dục, đào tạo, nghệ thuật, thẩm mỹ, truyền thông, thể dục, thể thao... hướng tới cái chân, thiện, mỹ¹. Đời sống văn hoá tinh thần là phạm trù bao quát toàn bộ quá trình sản xuất và tái sản xuất ra các giá trị văn hoá trong sự tác động biện chứng của bốn khâu cơ bản: sản xuất ra các giá trị văn hoá; nhu cầu văn hoá; giao tiếp văn hoá và tiêu dùng các giá trị văn hoá. Xây dựng đời sống văn hoá tinh thần là nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam.

* Tiến sỹ Triết học, Giảng viên chính Khoa Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Xem: Nguyễn Hồng Sơn: Văn hoá và phát triển- sự nhận thức và vận dụng, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2004.

Bởi nó được xem như là bước đi ban đầu trong việc tạo lập tư tưởng, đạo đức, nếp sống, lễ sống, lối sống dân tộc- hiện đại...tạo nên nhân cách con người Việt Nam trong đoạn cách mạng mới để thực hiện thắng lợi mục tiêu: *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*.

Nhận rõ được vai trò và tầm quan trọng của văn hoá trong sự phát triển hài hoà, bền vững; đồng thời nhằm tạo mọi điều kiện để nhân dân đến với văn hoá, hưởng thụ, thoả mãn và góp phần tạo ra các giá trị văn hoá mới, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VIII tháng 7 năm 1988 đã chính thức phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Phong trào này gồm nhiều phong trào cụ thể sau:

Phong trào người tốt việc tốt và xây dựng các điển hình tiên tiến.

Phong trào xây dựng làng văn hoá, thôn văn hoá, ấp văn hoá, bản văn hoá.

Phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá.

Phong trào xây dựng lối sống, nếp sống văn hoá ở công sở.

Phong trào học tập suốt đời.

Phong trào văn nghệ quần chúng.

Phong trào toàn dân rèn luyện thể dục, thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Từ những phong trào cụ thể các địa phương, các ngành, các giới đã cụ thể hoá và đã phát động thành những phong trào thiết thực gắn với nhiệm vụ chính trị, theo từng giai đoạn cụ thể của phong trào. Để đánh giá thực trạng đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, trước hết có thể dựa vào kết quả (theo báo cáo của các cơ sở) của những phong trào, những hoạt động văn hoá diễn ra trong đời sống xã hội.

Theo báo cáo của các tỉnh thành phố thì “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đã trở thành một cuộc vận động văn hoá lớn, sâu rộng được tất cả các địa phương, ban, ngành và đại đa số nhân dân đồng tình ủng hộ.

Phong trào qua gần 10 năm phát động và qua 5 năm thực hiện đầy mạnh cuộc vận động đã thu được những kết quả khích lệ trên tất cả các mặt. Cụ thể:

Về xây dựng gia đình văn hoá

Số lượng các gia đình được công nhận gia đình văn hoá gia tăng hàng năm từ 8.703.398/17.473.623, đạt tỷ lệ 49,8% năm 2000 lên 12.824.392/17.473.623, đạt tỷ lệ 73,39% năm 2005, vượt trên 23% so với chỉ tiêu.

Nhiều địa phương, cơ sở đã chỉ đạo và tiến hành thực hiện tốt việc bình xét gia đình văn hoá công khai, dân chủ đảm bảo tiêu chuẩn nên chất lượng xây dựng gia đình văn hoá ngày càng được nâng lên.

Qua 5 năm đã có 2.138.630 gia đình văn hoá tiêu biểu, đạt tỷ lệ 16,67% tổng số gia đình văn hoá.

Việc lồng ghép các tiêu chí thi đua vào phong trào xây dựng gia đình văn hoá ngày càng đa dạng, phong phú hơn. Tiêu biểu là các phong trào: Xây dựng gia đình nông dân văn hoá; Gia đình cự chiến binh văn hoá; Gia đình văn hoá sức khoẻ; Gia đình nhà giáo văn hoá; Gia đình an toàn; Gia đình no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc; Gia đình thể thao...

Về xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá

Phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá phát triển đồng đều ở các địa phương, vùng, miền. Năm 2000 cả nước có 16.758/80.303 làng văn hoá, khu phố văn hoá, đạt tỷ lệ 20,8%. Đến tháng 6 năm 2005 làng văn hoá, khu phố văn hoá được tăng lên 42.929/80.303 làng, khu phố, đạt tỷ lệ 53,4%, đạt chỉ tiêu phấn đấu đề ra.

Có thể khẳng định, phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá là kết quả tổng hợp của nhiều phong trào cụ thể trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Phong trào đã thu hút được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp các ngành và sự tham gia hưởng ứng đông đảo của các tầng lớp nhân dân một cách mạnh mẽ. Lễ đón Bằng công nhận làng văn hoá, khu phố văn hoá đã trở thành ngày hội văn hoá, là niềm vinh dự, tự hào của nhân dân ở các cộng đồng dân cư.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, được kế thừa và nâng cao trong tình hình mới, khơi dậy và phát huy tinh thần đoàn kết của các cộng đồng dân cư nhằm giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, tương thân, tương ái, đền ơn đáp nghĩa; thực hiện phát huy dân chủ ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chăm lo các lĩnh vực văn hoá xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch vững mạnh. Cuộc vận động này đã phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, vận động được đông đảo quần chúng nhân dân xây dựng quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” để phụ giúp các gia đình chính sách. Trong sáu năm (1999-2005), nhân dân cả nước đã đóng góp quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” 1.170 tỷ đồng góp phần cùng với ngân sách nhà nước đã chăm lo hơn 8 triệu đối tượng chính sách có mức sống cao hơn mức sống trung bình ở địa phương. Đã có 9.175 xã, phường đạt tỷ lệ 90% được công nhận làm tốt công tác thương binh liệt sĩ và người có công.

Số lượng khu dân cư tham gia cuộc vận động và được công nhận khu dân cư tiên tiến được tăng lên. Năm 1999 có 80% khu dân cư triển khai cuộc vận động. Năm 2004, đã có 202,478 khu dân cư triển khai cuộc vận động, đạt tỷ lệ 99,6% tổng số khu dân cư trong cả nước. Năm 2000, cả nước có 25.041 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư tiên tiến, đến tháng 6 năm 2005, đã có 57.325/95.708 khu dân cư tiên tiến tăng 59,8%.

Phong trào “Xoá đói, giảm nghèo”

Phong trào “Xoá đói, giảm nghèo” đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau ổn định và phát triển kinh tế. Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố, tổng kinh phí do nhân dân đóng góp xây dựng quỹ “Xoá đói, giảm nghèo” qua 5 năm (2000-2005) là 16.037 tỷ đồng (chưa kể những đóng góp hiện vật).

Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động từ ngày 7-10-200 đã liên tục phát triển. Quỹ vì người nghèo tăng nhanh ở cả bốn cấp với tổng số tiền là 1.666 tỷ đồng. Số tiền này cùng với sự đóng góp của gia đình, cộng đồng đã sửa chữa được 67.976 ngôi nhà cũ, làm mới được 222.969 ngôi nhà “đại đoàn kết”.

Các cấp hội cựu chiến binh đã góp quỹ cho nhau vay 600 tỷ đồng. Các cấp hội phụ nữ đã giúp trên 3,5 triệu lượt phụ nữ nghèo được giúp vốn, cây con giống, ngày công... trị giá 1.400 tỷ đồng. Phụ nữ cả nước đã đóng góp 1.069 tỷ 208 triệu đồng để ủng hộ gia đình chính sách và gia đình phụ nữ gặp khó khăn.

Quỹ xoá đói, giảm nghèo do nhân dân đóng góp, cùng với chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo đã góp phần giảm hộ nghèo rõ rệt trong cả nước. Cụ thể, từ 2,18 triệu hộ nghèo năm 2001, chiếm 17,2% tổng số hộ giảm xuống còn 1,4 triệu hộ năm 2004; về cơ bản đã xoá được hộ đói.

Hà Tĩnh là tỉnh còn nghèo nhưng đã trở thành tỉnh đầu tiên trong cả nước xoá xong nhà tranh tre dột nát cho người nghèo. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cấp bằng ghi công xoá xong nhà tranh tre dột nát cho 9 tỉnh, thành phố là Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Hải Dương, Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Ninh, Nam Định và Tây Ninh.

Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có đời sống văn hoá tốt ngày càng phát triển rộng rãi; các lực lượng vũ trang gắn việc xây dựng đời sống văn hoá với xây dựng các đơn vị, cán bộ chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường hoá lành mạnh

Thực hiện chỉ thị 27/CT-TW của Bộ Chính trị khoá VIII và chỉ thị 14/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã ban hành các qui định cụ thể trong việc cưới, việc tang, lễ hội, ban chỉ đạo các cấp đã có nhiều biện pháp để chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội:

Về việc cưới: Đã xây dựng được các đám cưới mẫu, tổ chức lễ trao giấy đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; tổ chức hội thảo, hội thi “Nét đẹp trong đám cưới”, thiết kế mô hình lễ cưới văn minh Việt

Nam” tổ chức gọn nhẹ, dùng tiệc tra thay tiệc mặn; tổ chức nhiều đám cưới tập thể hỗ trợ cho các cặp gia đình trẻ nghèo...

Về việc tang: Tổ chức lễ tang tại nhà tang lễ (khu vực thành phố); thành lập ban tang lễ ở nông thôn thực hiện các nghi lễ trang trọng tiết kiệm; qui hoạch nghĩa trang, khắc phục tình trạng xây lăng mộ tốn kém...

Về lễ hội: Thực hiện qui chế tổ chức lễ hội của Bộ Văn hoá- Thông tin, quan tâm tổ chức tốt các hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng vui tươi lành mạnh và phong phú, hấp dẫn...

Xây dựng và vận động nhân dân nghiêm chỉnh thực hiện qui ước, hương ước làng, khu phố là giải pháp hữu hiệu thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Trong những năm qua, cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là ở khu vực nông thôn, ở các làng văn hoá. Nhiều làng văn hoá đã trở thành những điểm sáng mẫu mực trong cuộc vận động này. Việc ăn uống linh đình, nhiều ngày trong các đám cưới, đám ma đã giảm hẳn. Hiện tượng “cầu tài”, “cầu lợi” trong các đám cưới, đám ma đã bị đông đảo nhân dân không đồng tình và lên án. Các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan giảm đi rõ rệt. Những nét đẹp văn hoá trong việc cưới, việc tang, việc lễ hội được khẳng định. Các lễ hội truyền thống và cách mạng được diễn ra lành mạnh, trở thành nhu cầu văn hoá không thể thiếu của nhân dân và ngày càng phát triển.

Công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội được lồng ghép triển khai thực hiện có hiệu quả trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở. Bài trừ các tệ nạn xã hội ra khỏi cuộc sống của gia đình, cộng đồng dân cư và tập thể đã trở thành một trong những tiêu chí để xét công nhận danh hiệu Gia đình văn hoá, Làng văn hoá, Khu phố văn hoá, Khu dân cư tiên tiến, Cơ quan, đơn vị văn hoá. Năm 2005, hơn 50% xã, phường, thị trấn trong cả nước đã đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn lành mạnh không có tệ nạn ma tuý, mại dâm, tăng 20% so với năm 2000. Trong cả nước, hiện nay có gần 4.000 xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma tuý, mại dâm, chiếm 47%

tổng số xã phường trong cả nước. 45% xã, phường chuyển hoá đạt tiêu chuẩn lành mạnh không có tệ nạn xã hội, 12% xã, phường chuyển biến mạnh. Các tỉnh đạt tỷ lệ xã, phường không có tệ nạn xã hội cao là: Bình định đạt 82%, Đắc Lắc đạt 77%, Trà Vinh và Lạng Sơn đạt 75%, Quảng Nam và Quảng Trị đạt 73%, Hà Giang và Thừa Thiên-Huế đạt 65%...

Xây dựng các thiết chế và hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao

Công tác xã hội hoá văn hoá, vận động nhân dân đóng góp xây dựng thiết chế và tham gia các hoạt động văn hoá thông tin cơ sở có bước phát triển.

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổng số kinh phí do nhân dân đóng góp xây dựng nhà văn hoá cộng đồng trong năm năm 2000-2005 là 2.523 tỷ đồng. Các địa phương thu hút được sự tham gia đông đảo của nhân dân là Hà Tây (100 tỷ), Bắc Giang (65 tỷ), Hải Phòng (60 tỷ), Tiền Giang (52 tỷ)...Đặc biệt là tỉnh Kon Tum, tuy đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng nhân dân đã đóng góp kinh phí xây mới và nâng cấp 374 nhà Rông văn hoá, khôi phục 530 đội công chiêng. Thành phố Đà Nẵng đã huy động các doanh nghiệp tham gia đóng kinh phí xây dựng thiết chế văn hoá cơ sở, cụ thể: Công ty xăng dầu 200 triệu đồng; Công ty Nam Việt Á 470 triệu đồng; Công ty Đô thị 500 triệu đồng...Huyện Hoà Vang: 132/132 thôn xây dựng được nhà văn hoá thôn với kinh phí từ 30 triệu đến 70 triệu đồng mỗi nhà văn hoá.

Cả nước đã xây dựng 36.390/91.424 nhà văn hoá làng, đạt tỷ lệ 38%. Nhiều nhà văn hoá hoạt động tốt, đã trở thành nơi hội tụ của các hoạt động văn hoá tinh thần tác động tích cực đến việc xây dựng môi trường văn hoá.

Các hoạt động văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ ở khu vực nông thôn, đô thị. 29.840 tổ, đội văn nghệ được khôi phục và đi vào hoạt động đều đặn. Những hoạt động văn nghệ “tự biên, tự diễn” đã chiếm được tình cảm của nhân dân góp phần giáo dục, xây dựng con người, lối sống mới và điều chỉnh các ảnh hưởng văn hoá cộng đồng.

Hoạt động văn hoá- thông tin- văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Trong 5 năm, các cấp công đoàn đã tổ chức được 57.271 buổi tuyên truyền cho 10.327.700 lượt người tham dự. Có khoảng 2000 đội văn nghệ công nhân lao động thường xuyên hoạt động.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp đã tổ chức được 6.000 nhóm ca khúc cách mạng hướng về hoạt động cơ sở, tình nguyện đến các vùng sâu, vùng xa để biểu diễn phục vụ nhân dân và các đơn vị quân đội. 11.453 câu lạc bộ thanh niên với pháp luật được thành lập, xây dựng được 6.360 đội tuyên truyền thanh niên, 10.000 đội tuyên truyền măng non. Ngành giáo dục định kỳ thi tổ chức hội thi “Tiếng hát sinh viên”, “Hội thi tiếng hát học sinh phổ thông” 2 năm một lần. Phối hợp với đài truyền hình Việt Nam tổ chức chương trình “Đường lên đỉnh Olympia”...

Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại

Phong trào này được các tầng lớp nhân dân tham gia tự nguyện và phát triển rộng khắp trên mọi miền đất nước.

Đến hết năm 2004 đã có 14.575.655 người tham gia luyện tập thường xuyên, đạt tỷ lệ 17,7%, tăng 5,7% so với năm 2000. Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao năm 2004 là 1.792.738 hộ, đạt tỷ lệ 10,5%, tăng 2,5% so với năm 2000. Số giáo dục thể chất có nề nếp đến năm 2004 là 23.342, đạt tỷ lệ 91,4% tăng 31,4% so với năm 2000. Số cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể năm 2004 là 95% tăng 5% so với năm 2000.

Việc qui hoạch và đầu tư ngân sách, vận động nhân dân đóng góp xây dựng các sân tập thể dục, thể thao ở cơ sở đã được quan tâm đúng mức. Điều đó đã tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp thanh thiếu nhi có điều kiện hơn trong việc vui chơi và rèn luyện thân thể. 22.598 xã, phường, thị trấn và trên 60% số làng, thôn, ấp, bản...đã có sân bãi thể thao.

Các phong trào khác

Từ các phong trào cụ thể trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xuất hiện nhiều phong trào nhánh, phong trào lồng ghép với nội dung văn hoá. Tiêu biểu là các phong trào về đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo; thi đua hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế-xã hội; đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh công cộng; xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Phong trào học tập, lao động sáng tạo, góp phần vào việc tuyên truyền, phổ biến và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã tổ chức được 64.693 các ứng dụng lớp học tập huấn và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp đã thu hút được 1.994.377 người tham dự; 79.010 các sáng kiến, đề tài, kinh nghiệm đã được áp dụng vào sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở nhiều địa phương có xu hướng mở rộng qui mô toàn xã (phường, thị trấn). Đến nay cả nước đã có trên 400 xã, phường được Uỷ ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp tỉnh, thành phố công nhận xã, phường văn hoá.

Có thể nói từ một phong trào thể hiện được ý Đảng và hợp với lòng dân đã khơi nguồn và tạo ra được động lực cho sự phát triển và đã tạo ra việc xã hội hoá các hoạt động văn hoá trên phạm vi cả nước. Phong trào đã tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng tới mọi mặt của đời sống xã hội đặc biệt là đời sống tinh thần ở nước ta, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, ổn định chính trị, xoá đói, giảm nghèo, thúc đẩy kinh tế phát triển, làm lành mạnh môi trường xã hội, đẩy lùi một bước quan trọng các tệ nạn xã hội, từng bước nâng cao trình độ học vấn, trình độ dân trí, trình độ thẩm mỹ cho công chúng.

Tuy nhiên phong trào vẫn còn những hạn chế nhất định:

Một là, phong trào đã được phát động trên diện rộng nhưng chưa đều và chưa sâu, mới chỉ dừng lại ở những nơi có điều kiện, chưa quan tâm đúng mức ở những vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn .

Hai là, một số bộ ngành, đoàn thể cả ở trung ương và địa phương triển khai phong trào chậm, cơ chế thực hiện còn chồng chéo, chưa có sự phối hợp, kết hợp đồng bộ và chưa tìm ra được cơ chế thích hợp để tạo ra sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội tham gia phong trào.

Ba là, công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân nhiều lúc chưa thường xuyên và ít hiệu quả, một bộ phận không nhỏ cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ công chức và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ được ý nghĩa, nội dung của phong trào.

Bốn là, phong trào ở một số cơ sở còn nặng về hình thức mà chưa quan tâm đến sự biến chuyển về nội dung hoặc thực chất của đối tượng tham gia phong trào.

Mặt khác, để đánh giá thực trạng đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, có thể dựa vào số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Nhà nước và số liệu đã công bố của các cuộc điều tra xã hội học phục vụ các đề tài nghiên cứu khoa học xã hội.

Lĩnh vực thông tin đại chúng: Đã có những bước tiến vượt bậc. Hiện nay cả nước có 490 đơn vị báo chí- xuất bản, 645 ấn phẩm các loại, lượng phát hành trên 550.900.000 bản/ năm, mức hưởng thụ bình quân 7,07 bản người/ năm. Có gần 160 tờ báo ngày và tuần báo trung ương; 97 tờ báo địa phương xuất bản 43 ấn phẩm với lượng phát hành 334.122.000 bản/năm. Ngoài đài truyền hình Việt Nam phát sóng trên 4 kênh chính là 6 kênh MMDS, Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng trên 4 hệ đối nội bằng 6 thứ tiếng và một hệ đối ngoại 30 giờ bằng 12 thứ tiếng thì hiện nay ở tất cả các tỉnh thành đều có cơ sở phát thanh, truyền hình, 288 huyện có đài phát sóng FM, 340 trạm phát sóng truyền hình, hơn 60% số hộ gia đình xem được chương trình của Đài truyền hình quốc gia và cũng trên 60% số hộ được nghe Đài tiếng nói Việt Nam. Nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Qua điều tra xã hội học, hiện nay 53% số dân theo dõi chương trình nghệ thuật, 42% tham gia đọc sách báo, 77,9% thích chương trình thời sự, 65,9% thích văn nghệ, 68% thích thể thao, 45% thích câu lạc bộ yêu âm nhạc, 47,7% thích

kịch nói, 46% thích an ninh, 27% thích quân đội nhân dân, 43% thích trò chơi liên tỉnh, 26,4% thích bông hoa nhỏ, 23% thích hộp thư truyền hình. Riêng ở nông thôn, đời sống văn hoá tinh thần cũng có nhiều tiến bộ. ở các xã nông thôn hiện nay 100% số xã có trường cấp I, 76% có trường cấp II, gần 40% có nhà trẻ, 76% có lớp mẫu giáo. Năm 1997- 1998 ở nông thôn số hộ có tivi là 40%, có quạt điện là 60%, có radio là 44,6% gần 70% số xã có báo đến trong ngày(6950/10.359 xã).

Trên lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, các hoạt động sân khấu, âm nhạc, mỹ thuật, văn học, điện ảnh có chất lượng đáp ứng được nhu cầu thưởng thức lành mạnh cho công chúng. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển ở cả nông thôn và miền núi. Hiện nay cả nước có 19.353 đội văn nghệ quần chúng trong đó một số tỉnh miền núi phát triển khá: Sơn La có 500 đội văn nghệ, Lai Châu có 153 đội, Đắk Lắk có 115 đội, Gia Lai có 203 đội, Hà Giang có 435 đội văn nghệ; cả nước có 143 đội văn nghệ chuyên nghiệp, 117 bảo tàng lưu giữ 2.069.096 hiện vật, một hệ thống thư viện bao gồm 2.921 đơn vị.

Trên lĩnh vực giáo dục: Nếu như sau Cách mạng Tháng Tám, 95% dân số Việt Nam mù chữ, cả Đông Dương chỉ có hơn 10 ngàn trường “với gần 600 ngàn học sinh” thì hiện nay chỉ ở Việt Nam đã có trên 30.000 trường (không kể nhà trẻ, mẫu giáo, các trường của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) với 22 triệu học sinh và 93% dân số biết chữ. Nếu như năm 1945 cả Đông Dương chỉ có 600 học sinh cao đẳng thì đến nay đã có trên một triệu người có trình độ đại học trong đó có gần 14 ngàn thạc sĩ, tiến sĩ. Nguồn nhân lực có trí tuệ cũng từng bước được nâng cao. Đến nay chúng ta đã đào tạo 16,9 triệu người lao động có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở; 5 triệu người có bằng đại học, cao đẳng và gần 10 ngàn người có học vị tiến sĩ khoa học và tiến sĩ chuyên ngành.

Tuy vậy, nếu nhìn một cách toàn diện để đánh giá thì đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu văn hóa của nhân dân như chúng ta mong muốn. Ở nông thôn hiện nay vẫn còn 5,1% số người trong độ tuổi mù chữ, 20,26% chưa qua phổ cập tiểu học, còn nhiều hộ chưa được xem Đài truyền hình và Đài phát

thanh tiếng nói Việt Nam, hơn 25% số xã chưa có báo hàng ngày để đọc, 90% chưa tham gia thể dục, thể thao, số người thưởng thức nghệ thuật nhất là nghệ thuật truyền thống chưa cao(cải lương 33,8%; chèo 20,5%; tuồng 5,58%; 19% nghe nhạc). Tệ nạn xã hội còn phổ biến, hiện nay cả nước có khoảng 183.000 người nghiện ma túy (lớp trẻ chiếm 70% trong đó trên 2.000 học sinh và sinh viên) và gần 70 ngàn gái mại dâm. Với các hiện tượng mê tín dị đoan như hoá vàng, đốt mã, dâng sớ, sửa lễ, xem bói, gọi hồn, xóc thẻ, đội bát nhang, bắt tà trừ ma, lên đồng... 6% vẫn cho là tốt, 24% vẫn cho rằng làm được không sao, gần 50% vẫn tổ chức cưới theo kiểu cũ. Các mối quan hệ trong gia đình, láng giềng, cơ quan có sự xuống cấp. Theo điều tra xã hội học (năm 1998) mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái 25% kém hơn trước; ông bà và các cháu 36% kém hơn trước; anh chị em 40% kém hơn; mẹ chồng nàng dâu 44% kém hơn; cơ quan 49% kém hơn và mối quan hệ xóm giềng và 52% kém hơn; mối quan hệ vợ chồng 41% kém hơn trước. Đời sống văn hoá trong các cơ quan công sở... vẫn còn yếu kém, khiếm khuyết. Hiện tượng tham nhũng chưa được đẩy lùi và ngày càng nghiêm trọng hơn, hiện tượng mất đoàn kết khá phổ biến (20 đảng bộ tỉnh, ngành, thành phố trực thuộc trung ương), 51% số người được hỏi cho rằng cán bộ còn quan liêu; kỷ cương phép nước chưa được tôn trọng; bình đẳng nam nữ trong cơ quan vẫn là vấn đề thời sự, lối sống thực dụng vị kỷ, dùng tiền nhà nước tiêu xài lãng phí gia tăng, chưa gương mẫu trong việc cưới, việc tang...

Thực trạng đời sống văn hoá tinh thần ở nước ta nêu trên đã cung cấp cho chúng ta một bức tranh có cả mảng tươi vui, sinh động và mảng trầm lắng, ảm đạm, nói lên hai chiều hướng thuận, nghịch trong quá trình vận động của thực tế; chỉ ra sự thành công và chưa thành công trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá; xác định tính tất yếu phải đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng đời sống văn hoá tinh thần hiện nay.

Xây dựng đời sống văn hoá tinh thần là nhiệm vụ cơ bản và đồng thời cũng là nhiệm vụ cấp bách của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc bởi vì xây dựng đời sống văn hoá được xem như là bước đi ban đầu trong việc tạo lập tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống, lễ sống,

môi trường văn hoá tạo nên nhân cách con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng xã hội: dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Để xây dựng đời sống văn hoá tinh thần theo đặc trưng và những nội dung cơ bản như đã nêu trên theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) chúng ta cần chú trọng và thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hoá, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo quyền tự do dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hoá trên cơ sở phát huy tính tự giác cao của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Hai là, mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong cấp uỷ đảng, đảng viên, cán bộ các đoàn thể quần chúng. Huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ “trên xuống”, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia vào các phong trào: Người tốt, việc tốt; Uống nước nhớ nguồn; Đền ơn đáp nghĩa; Xóa đói giảm nghèo; Xây dựng gia đình văn hoá, làng xã, phường văn hoá; Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Ba là, xây dựng các luật, pháp lệnh, các văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá. Nghiên cứu xây dựng Luật quảng cáo, Pháp lệnh thư viện...Xây dựng quy chế về giải thưởng trên lĩnh vực văn hoá, bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định về lễ hội, việc tang, việc cưới, khuyến khích nhân dân và tổ chức xã hội xây dựng các quy ước và nếp sống văn hoá. Đồng thời với việc xây dựng, ban hành luật pháp phải xây dựng, ban hành các chính sách văn hoá, chính sách kinh tế trong văn hoá; chính sách văn hoá

trong kinh tế; chính sách xã hội hoá hoạt động văn hoá; chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc; chính sách khuyến khích sáng tạo trong các hoạt động văn hoá; chính sách đặc thù, hợp lí hợp tình cho những loại đối tượng xã hội cần được ưu đãi tham gia và hưởng thụ văn hoá và chính sách cụ thể về hợp tác quốc tế để tạo điều kiện cần thiết và động lực cho sự phát triển văn hoá.

Bốn là, tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá bằng cách tăng thêm mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn ngân sách nhà nước, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho sự phát triển văn hoá. củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lí, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp, của hoạt động văn hoá. Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lí văn hoá và đào tạo lớp cán bộ mới đủ phẩm chất và năng lực đảm đương những công việc mới.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ Ở NƯỚC TA THỜI GIAN QUA

TS. NGUYỄN THỊ MINH TÂM*

Một trong những nội dung quan trọng cấu thành lối sống dân tộc- hiện đại xã hội chủ nghĩa là tinh thần dân chủ, là sự phát triển mọi mặt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tinh thần dân chủ là một động lực quan trọng của lối sống dân tộc- hiện đại xã hội chủ nghĩa, nó thúc đẩy tính năng động của nhân dân, phát huy sáng kiến của đông đảo nhân dân, thu hút nhân dân lao động tham gia xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Nội dung dân chủ trong lối sống dân tộc- hiện đại xã hội chủ nghĩa được đề tài nghiên cứu này xác định là thể hiện trên hai phương diện: *một là*, những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ; *hai là*, việc thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ này¹. Vì vậy, bài viết khảo sát tình hình thực hiện chế độ dân chủ ở nước ta thời gian qua được tiến hành từ góc độ xác định nghiên cứu này của đề tài.

Về những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ.

Theo C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, bản chất giai cấp của nền dân chủ tư sản là xét đến cùng chủ yếu nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, nhiều quyền dân chủ bị hạn chế đối với người lao động. Giai cấp vô sản phải đấu tranh để thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là “chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân”². V.I.Lênin cho rằng, không có chế độ dân chủ thì không thể thực hiện được chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội sẽ

* Tiến sỹ Triết học, Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Xem: Phần lý luận của đề tài, *chương I*, tr. 57, 75

² V.I.Lênin: *Toàn tập*, t. 33, Nxb. Tiến bộ, M. 1981, tr. 109.

không duy trì được thắng lợi nếu không thực hiện chế độ dân chủ. Để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải bắt đầu bằng việc giành lấy quyền lực chính trị, trở thành chủ thể quyền lực và sử dụng nó, từ đó giải quyết các vấn đề lợi ích, mà xét đến cùng là lợi ích kinh tế.

Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo quyền bình đẳng của quần chúng, “mọi người được hưởng quyền ngang nhau trong xác định cơ cấu nhà nước”¹, trong quyết định những vấn đề kinh tế - xã hội, trong tham gia vào các lĩnh vực hoạt động... của xã hội, “*quần chúng nhân dân* vươn lên tham gia một cách *độc lập* không những vào việc bầu cử và tuyển cử, mà cả vào việc *quản lý hàng ngày nữa*”². Lênin chỉ rõ: phải để cho quần chúng nhân dân “được ở trong điều kiện có thể tham gia thảo luận các đạo luật của nhà nước, bầu cử các đại biểu của mình cũng như thi hành các đạo luật của nhà nước”³. Điều đó có nghĩa là dân chủ trong xã hội chủ nghĩa bao hàm cả tính đại diện và tính trực tiếp. *Tính đại diện của dân chủ* xã hội chủ nghĩa là sự uỷ quyền của nhân dân cho nhà nước. *Tính trực tiếp của dân chủ* xã hội chủ nghĩa là sự trực tiếp tham gia của quần chúng nhân dân trong thiết lập ra chế độ nhà nước phù hợp với ý chí của cộng đồng xã hội, nhân dân được tổ chức thành hệ thống chính trị để phục vụ lợi ích của chính mình, trực tiếp tham gia vào các hoạt động xã hội, tham gia quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để bảo vệ nền dân chủ nhân dân, nhà nước phải đấu tranh chống các thế lực thù địch và những âm mưu phá hoại của chúng; phải cải tạo các quan hệ kinh tế- xã hội cũ, xây dựng mọi mặt đời sống xã hội phù hợp với những chuẩn mực của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hiện thực hoá tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt nam, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, giành quyền dân chủ cho nhân dân là mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: dân chủ là dân làm chủ và dân là

¹ *Sdd*, t. 33, tr. 123.

² *Sdd*, t. 33, tr. 143.

³ *Sdd*, t. 36, tr. 192.

chủ. Ngay trong *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định thể chế chính trị và xã hội mới ở Việt Nam là chế độ xã hội mà ở đó nhân dân trở thành chủ thể của các cơ quan quyền lực nhà nước. Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do nhân dân làm chủ và nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân. Dân làm chủ, dân là chủ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Ngay trong kỳ họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (3-9-1945), lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”¹ để xây dựng nhà nước dân chủ. Người đề ra nhiệm vụ cấp bách là phải xây dựng hiến pháp và pháp luật. Người còn tạo ra cơ sở và điều kiện để nhân dân thực thi quyền lực của mình như thực hiện những giải pháp kinh tế, văn hoá, xã hội cấp bách: diệt giặc đói, giặc dốt, nâng cao dân trí... nhằm củng cố, nâng cao năng lực thực hành dân chủ của nhân dân. Người còn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc dân chủ: thực hiện bầu cử; tiếp dân; quy tụ sử dụng nhân tài; phê bình, tiếp nhận phê bình.

Với sự nỗ lực của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã diễn ra với chế độ tuyển cử phổ thông đầu phiếu. Quốc hội khoá I họp kỳ đầu tiên đã cử ra Chính phủ chính thức do Lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước ta. Hiến pháp đã dành sự quan tâm to lớn đến các quyền cơ bản của công dân. Từ đây tinh thần này như sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hiến pháp của nước ta. Các hiến pháp đều dành hẳn một chương quy định quyền, nghĩa vụ của công dân và qua mỗi hiến pháp nội dung của chương này càng hoàn thiện hơn. Thể chế

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1995, tập 4, tr. 8.

và các thiết chế nhà nước thể hiện tính dân chủ rộng rãi, đảm bảo lợi ích của đông đảo quần chúng.

Lời nói đầu của Hiến pháp 1946 ghi rõ: Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã lập ra nền dân chủ cộng hoà. Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ¹. Với Hiến pháp 1946, lần đầu tiên về phương diện pháp lý, nhân dân Việt Nam trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước. Điều 1 trong Hiến pháp khẳng định “ Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”². Hiến pháp xác định cấu trúc của bộ máy nhà nước ta bao gồm các thiết chế: Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Điều 22 - 42); Chính phủ là cơ quan Hành chính cao nhất (Điều 43 - 50); Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp là cơ quan chính quyền địa phương (Điều 57 - 62); cơ quan tư pháp bao gồm Toà án tối cao, các toà phúc thẩm, các toà án đệ nhị cấp và toà sơ cấp. Như vậy thể chế và các thiết chế nhà nước thể hiện tính dân chủ rộng rãi. Hiến pháp năm 1946 đã xây dựng quan hệ dân chủ mới trong đó kết hợp bốn yếu tố cơ bản là dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp, quyền con người, quyền hiến định (quyền công dân). Các chế định dân chủ mới khác xa với các chế định pháp trị của chế độ phong kiến. Trong chế độ phong kiến, hình luật là pháp luật cơ bản để trị dân, cấm dân, trừng phạt dân. Đảng, Nhà nước ta xác định pháp luật là công cụ quản lý đất nước. Tinh thần dân chủ này xuyên suốt các Hiến pháp 1959, 1980, 1992. Hiến pháp 1959 khẳng định: tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân (Điều 4)³. Hiến pháp 1980 xác định: “ Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước vô sản. Sứ mệnh lịch sử của nó là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao

¹ *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 7

² *Sđđ*, tr. 8.

³ *Sđđ*, tr. 33.

động...”(Điều 2)¹. Hiến pháp 1992 khẳng định, Nhà nước ta là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức (Điều 2). Hiến pháp ghi rõ, các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá được Nhà nước và mọi công dân tôn trọng.

Hiến pháp qua các thời kỳ đều ghi rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước. Nhân dân được trao quyền dân chủ trong nhiều lĩnh vực: trong bầu cử, ứng cử, giải quyết nhiều vấn đề trọng đại bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính dân chủ của chế độ thể hiện ở quyền làm chủ của nhân dân - làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội. Đó là, cùng với việc thiết lập chính quyền nhân dân dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo, nhân dân được giải phóng khỏi mọi sự áp bức bóc lột, có quyền làm chủ về tư liệu sản xuất, lực lượng lao động; làm chủ trong quản lý kinh tế, trong phân phối, trong quyết định phát triển kinh tế nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội, của mỗi cá nhân; được sáng tạo, hưởng thụ và làm chủ những giá trị văn hóa là tài sản chung của đất nước để đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa mọi người.

Làm chủ dựa trên cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ - thiểu số phục tùng đa số; bảo đảm tính chủ động của đơn vị, địa phương.

Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, cương lĩnh, chỉ thị, nghị quyết của Đảng; bằng công tác cán bộ và thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước có hai tư cách: vừa là người đại diện cho Đảng, có nhiệm vụ của người cán bộ, đảng viên; vừa là đại biểu của nhân dân, được nhân dân uỷ quyền tham gia quản lý nhà nước nên có nhiệm vụ là người đại biểu cho quần chúng nhân dân; Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra: kiểm tra nhân viên công tác và kiểm tra việc

¹ *Sdd*, tr. 75.

chấp hành thực tế công tác, kiểm tra tính đúng đắn của các chủ trương nghị quyết để kịp thời điều chỉnh khi cần thiết và lãnh đạo thông qua công tác vận động nhân dân tham gia quản lý nhà nước, đảm đương xây dựng xã hội mới. Đảng lãnh đạo dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách. Cấp uỷ đảng không can thiệp quá sâu, sa đà vào giải quyết sự vụ hoặc bao biện, làm thay một phần chức năng của cơ quan hành chính nhà nước.

Như vậy vai trò thực tế của Đảng trong thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, mức độ làm chủ của nhân dân trên thực tế trước hết phụ thuộc vào chất lượng và hiệu quả hoạt động lãnh đạo các lĩnh vực của Đảng.

Vai trò quản lý của nhà nước thể hiện ở việc Nhà nước thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật và quản lý tất cả các lĩnh vực của đời sống: quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hoá- xã hội...theo luật định. Sự quản lý của Nhà nước là thực hiện sự uỷ quyền của nhân dân. Bản thân các cơ quan và quan chức nhà nước đều do nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp bầu ra. Nhân dân trao quyền lực để nhà nước quản lý đất nước. Nhân dân có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Mọi cá nhân và cơ quan nhà nước đều bình đẳng trước pháp luật.

Trên thực tế, mức độ làm chủ của nhân dân không chỉ phụ thuộc vào mức độ dân chủ của thể chế nhà nước, mà còn phụ thuộc vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, vào việc tổ chức thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ này, phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, của kinh tế, của trình độ chính trị, học vấn của xã hội, trình độ thông tin...

Về việc thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ ở nước ta thời gian qua.

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, Hiến Pháp của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được đưa vào cuộc sống. Một hệ thống chính quyền nhân dân từ trung ương đến các làng xã được thành lập. Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân là việc thực hiện và bảo vệ nền dân chủ nhân

dân. Đảng và nhà nước ta đã lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ, đấu tranh chống các thế lực thù địch và những âm mưu phá hoại của chúng; cải tạo các quan hệ kinh tế- xã hội cũ, thực hiện chính sách phát triển kinh tế- xã hội theo hướng bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực kinh tế- văn hoá xã hội. Một luồng sinh khí mới của cách mạng thổi bùng lên những phong trào hoạt động mới mẻ, sôi nổi. Cùng với sự khôi phục phát triển kinh tế ở thành thị là phong trào tăng gia sản xuất ở nông thôn; các tổ chức quần chúng được thành lập, sinh hoạt và tập luyện; đồng ruộng được quy hoạch, cải tạo cùng với việc tổ chức các đội kỹ thuật, hệ thống thuỷ lợi, giao thông; giáo dục, y tế, công tác thông tin tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ phát triển... đã tác động mạnh mẽ làm thay đổi tâm lý, lối sống của mọi người trong một quốc gia độc lập, dân chủ mới – Lối sống làm chủ hình thành và từ đây được Đảng, Nhà nước ta quan tâm xây dựng. Từ đó đến nay, chế độ dân chủ không ngừng được vận hành. Xã hội ngày càng phát triển, những yêu cầu dân chủ ngày càng đa dạng phức tạp, phạm vi bao quát của dân chủ ngày càng mở rộng và được thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức, nhiều thiết chế. Nhìn lại suốt quá trình đó, việc thực hiện những quy tắc, chuẩn mực, thể chế quy định các quan hệ dân chủ ở nước ta thời gian qua cho thấy:

Thứ nhất, ý thức pháp luật chưa thấm sâu trong người quản lý và công dân. Nguyên nhân của tình trạng này là sự kém phát triển của kinh tế- xã hội, tâm lý làng xã, tiểu nông ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội.

Nhân dân ta quen sống theo các quan hệ đạo đức, coi dư luận là “luật” tối cao. Cả người quản lý và người được quản lý nhiều khi không hiểu pháp luật, chưa sống và làm việc theo pháp luật. Tính nhân dân của luật pháp đòi hỏi quyền lực thuộc về nhân dân, song các chế định quyền lực ấy phải được đa số nhân dân thực hiện. Nhưng trong xã hội ta, ý thức pháp luật chưa thấm sâu trong người quản lý và công dân. Tình trạng trên có nguồn gốc lịch sử, có cả

yếu tố chủ quan, có những yếu tố nảy sinh trong quá trình vận hành cơ chế thực hiện...

Trước hết là, xã hội Việt Nam chưa qua thực hành dân chủ, trình độ phát triển xã hội thấp nên xây dựng nền dân chủ, thực hiện pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền gặp nhiều khó khăn.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế... Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Trong xã hội cũ, pháp luật ít được coi trọng. Nếu có sự bất hoà trong cộng đồng làng xã thì trước công đường người giàu có, quyền cao chức trọng được bảo vệ, người nghèo thường thua thiệt.

Sau cách mạng, dưới tác động chính sách kinh tế – xã hội mới, đất nước vận động từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn XHCN, người dân đã tiếp thu những chuẩn mực xã hội, chính trị, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhưng vẫn chịu sự tác động nặng nề của những hủ tục, tập quán, phong tục địa phương, của lối sống tiểu nông nên để lối sống làm việc theo pháp luật ăn sâu vào đời sống xã hội là hết sức khó khăn.

Việt Nam trước cách mạng vốn là một nước nông nghiệp lâu đời, nền nông nghiệp trồng trọt đa canh xoay quanh trục trung tâm nghề nông trồng lúa tồn tại hàng ngàn năm và kéo dài đến ngày nay. Dân là nông dân mang bản chất, căn tính tiểu nông¹. Nơi tụ cư là làng xã dù mang tên là bản - mường như ở Tây Bắc, buôn - play ở Tây Nguyên hay phum - sóc ở Nam Bộ... Làng xã là những cộng đồng nhỏ, biệt lập, khép kín, tự cấp, tự túc lấy sản xuất nông nghiệp làm cơ bản. Nó là một cộng đồng văn hoá với những phong tục, tập quán, tín ngưỡng thành hoàng, hội hè đình đám riêng. Mỗi gia đình là một đơn vị sản xuất độc lập, ruộng đất bị chia nhỏ manh mún bên cạnh sự tồn tại của công điền, công thổ làm cho làng được kết cấu như một hệ thống nửa tự trị với những quy ước chung được lập thành hương ước mà “phép vua thua lệ

làng”, với những quan hệ gia đình, dòng họ chặt chẽ...tạo nên một cộng đồng tâm lý đặc thù rõ nét vừa có thể mạnh, vừa bộc lộ những tác động tiêu cực, cản trở không ít đến sự phát triển của xã hội và sự hình thành nền dân chủ.

Đáng lưu ý là tâm lý làng xã, tiểu nông ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội Việt Nam trong mọi lĩnh vực, ở mọi tầng lớp chứ không chỉ giới hạn trong nông thôn, trong nông dân bởi các bộ phận dân cư khác trong xã hội như công nhân, trí thức, công chức, tiểu thương, thợ thủ công...đều gắn bó chặt chẽ với làng quê trong quan hệ gia đình, dòng họ, hoặc trực tiếp xuất thân từ nông dân, nông thôn.

Thế mạnh của làng xã là sự cố kết cộng đồng; tính tương thân tương ái; chịu thương chịu khó, nâng niu, gìn giữ những giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống...Cộng đồng làng xã còn mang tính tự chủ, tính tự chủ này chứa đựng những yếu tố dân chủ - dân chủ làng xã. Tính tự chủ của làng xã thể hiện ở sự tự tổ chức, tự quản về kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội theo những quy định được thống nhất trong hương ước. Hương ước do dân làng tự đề ra và thực hiện lâu dần thành tập quán, thành lệ làng, quy định về trách nhiệm, quyền lợi của mọi thành viên đồng thời trực tiếp kiểm soát thái độ ứng xử, quyền , nghĩa vụ của cá nhân với cộng đồng, tạo ra sự ràng buộc, áp đặt, cưỡng chế của cộng đồng với mọi người. Các cá nhân được chia ruộng cày. Hương ước điều chỉnh hành vi của các cá nhân tạo thành nếp sống cộng đồng, có kỷ cương để giữ gìn những thuần phong mỹ tục của mỗi làng.

Mặt khác làng xã với nền kinh tế tiểu nông, sản xuất nhỏ, thủ công, lạc hậu, lực lượng sản xuất chậm phát triển, sự phân công lao động chưa cao sản xuất phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, tư duy kinh nghiệm phổ biến lại bị sức mạnh uy quyền của hương ước trói buộc người dân vào vòng cương toả của làng xã, luẩn quẩn trong xiềng nô lệ của thói quen, các quy tắc cổ truyền, làm mất tính chủ động, sáng tạo; tạo tâm lý an phận, cả nể, thiếu nguyên tắc, tính cục bộ địa phương, cục bộ dòng họ, liên kết bè phái bên trong, lôi kéo nhau;

¹ . Xem: TS. Lê Hữu Xanh (Chủ biên): *Tác động của tâm lý làng xã trong việc xây dựng đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nước ta hiện nay.*

tính bảo thủ, tùy tiện “gặp chằng hay chớ”, “được đến đâu hay đến đó”, “cha chung không ai khóc”. Điều đó gây nên sức ỳ cản trở sự phát triển của cá nhân và cộng đồng, nó thâm nhập cả vào đời sống chính trị. Điều này, đến tận hôm nay vẫn còn là vật cản lớn đối với sự phát triển và nếu vấn đề lợi ích không được giải quyết đúng đắn, việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, pháp luật bị xem nhẹ thì mâu thuẫn, xung đột địa phương, dòng họ dễ xảy ra gây mất ổn định xã hội, làm suy yếu hiệu lực của thể chế chính trị cơ sở.

Trong tính tự chủ của làng xã, dư luận xã hội có sức mạnh rất lớn điều chỉnh các hành vi. Lệ làng nhiều khi còn mạnh hơn phép nước, hương ước thường tác động mạnh hơn quốc ước.

Chính vì tính hai mặt này của lối sống nông thôn, nông dân xưa nên sự hình thành nền dân chủ trong lối sống của xã hội mới gặp nhiều khó khăn. Trong kỳ thời bao cấp, bên cạnh tinh thần tập thể, lòng nhân ái, đạo đức xã hội và trật tự cộng đồng được đảm bảo tạo nên tình cảm đặc biệt giữa con người và con người trong chiến tranh hy sinh, giúp đỡ nhau; bên cạnh đó là tính ỷ lại, sự trì trệ, thiếu trách nhiệm trước cộng đồng mang tính khá phổ biến. Sau chiến tranh, định hướng lao động của con người chuyển sang phía chăm lo cho mình và gia đình nhằm bù đắp cho những mất mát trong những năm chiến tranh gian khổ. Sự phân hoá xã hội đã tác động mạnh mẽ vào lối sống các tầng lớp dân cư. Nhiều nhân cách bị phát triển méo mó. Trong thời kỳ đổi mới, thực hiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội được thực hiện, bên cạnh đó tồn tại hiện tượng tha hoá đạo đức, tùy tiện vi phạm dân chủ thậm trí vô hiệu hoá pháp luật gây nên những oan trái, bất công, tệ nạn xã hội.

Thứ hai là, về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trong một thời gian dài, bộ máy nhà nước công kênh, không có sự phân định rõ ràng chức năng của các yếu tố cấu thành, bộ máy hoạt động kém hiệu quả; hiện tượng cấp uỷ đảng can thiệp quá sâu, sa đà vào giải quyết sự vụ hoặc bao biện, làm thay một phần chức năng của cơ quan hành chính nhà nước. Vì

vậy vấn đề đặt ra là yêu cầu thực hiện cải cách bộ máy, cải cách thể chế nhà nước và nền hành chính quốc gia.

Trong những năm chiến tranh, để huy động cao nhất sức người, sức của cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đất nước đã thực hiện mô hình quản lý tập chung cao độ cùng với cơ chế bao cấp. Khi đất nước chuyển sang thời bình với nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm thì việc tiếp tục duy trì cơ chế này quá lâu đã ảnh hưởng không tốt với sự phát triển kinh tế- xã hội. Trong quản lý nhà nước đã không phân định chức năng quản lý hành chính nhà nước về kinh tế với chức năng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Có hiện tượng cấp uỷ đảng can thiệp quá sâu, sa đà vào giải quyết sự vụ hoặc bao biện, làm thay một phần chức năng của cơ quan hành chính nhà nước. Quản lý kinh tế của nhà nước chủ yếu tập chung vào bộ máy hành chính (chính phủ, các bộ, uỷ ban nhân dân các cấp). Hệ thống cơ quan hành chính đảm nhận mọi khâu từ hoạch định chính sách, ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra. Cơ quan hành chính can thiệp rất sâu vào toàn bộ quá trình hoạt động kinh tế của cơ sở trực thuộc từ khâu kế hoạch, kế toán, tài vụ, đến vật tư, nhân sự... Để làm điều đó, các bộ có các vụ quản lý tương ứng. Nhà nước không chỉ quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô mà còn điều hành sản xuất trực tiếp như xét duyệt kế hoạch, ngân sách, vật tư, chỉ định đầu mối tiêu thụ... Như vậy sự can thiệp của nhà nước vào sản xuất rất sâu. Các lĩnh vực thuộc đối tượng quản lý lại bị xé nhỏ, cắt khúc theo ngành, theo khu vực: các ngành do Bộ quản lý, kinh tế địa phương do các địa phương thông qua các sở (ty) tương ứng quản lý. Việc quản lý đó làm hạn chế sự chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở. Trong quản lý vĩ mô lại chưa chú trọng công tác nghiên cứu, dự báo, hoạch định chiến lược phát triển.

Trong quản lý nhà nước, chưa phân định rõ chức năng chủ sở hữu với quản lý. Cán bộ vừa là người quản lý ngành, vừa là người thay mặt nhà nước làm chủ sở hữu những tài sản thuộc sở hữu toàn dân dẫn đến tài sản quốc gia bị phân tán bởi nhiều đại diện sở hữu, lại thêm tình trạng không quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn dẫn đến thực tế sở hữu toàn dân có người quản lý nhưng lại hầu như vô chủ.

Tương ứng với sự quản lý kinh tế ấy, trong lĩnh vực dịch vụ công cộng, Nhà nước cung ứng và bảo đảm mọi nhu cầu của người dân từ ăn, ở, học tập, chữa bệnh, giao thông...Điều đó kéo theo một hệ thống cơ quan quản lý điều hành khá lớn và không có sự phân định rõ ràng giữa chức năng của bộ máy hành chính với các cơ quan khác. Chức năng tài phán kinh tế, tài phán hành chính vẫn thuộc thẩm quyền của bộ máy hành chính dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”.

Như vậy, hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước rất công kênh nhưng kém hiệu quả ¹.

Thứ ba là, chủ nghĩa kinh nghiệm và sự tùy tiện ăn sâu vào hệ thống quản lý xã hội, vào ý thức của người thi hành công vụ.

Do không có sự phân định rõ ràng chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước, do sự ưu tiên của các quan hệ đạo đức trong đời sống xã hội, hành lang pháp luật chưa sâu, trình độ dân trí và sự phát triển kinh tế- xã hội chưa cao dẫn tình trạng có lúc, có nơi “người đại diện” được sự uỷ quyền của nhân dân đã “cầm quyền”, tiếm quyền, lộng quyền, độc quyền, cửa quyền, gia trưởng; do chiến tranh kéo dài trên đất nước ta, điều kiện chiến tranh đòi hỏi thực hiện mệnh lệnh quân sự một cách nghiêm ngặt đã tạo thành thói quen dùng mệnh lệnh ở người này người khác trong công tác dẫn tới tình trạng độc đoán, do cả nể đã không bị phê phán.

Điều đó dẫn đến sự lộn xộn, ách tắc, căng thẳng trong xã hội và tâm lý cộng đồng dân cư. Vì vậy thực hiện cải cách bộ máy nhà nước, cải cách thể chế nhà nước và nền hành chính quốc gia theo hướng quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền là vấn đề cấp thiết. Phải làm cho ý thức pháp luật thấm sâu vào ý thức người thi hành công vụ, làm cho nhân dân hiểu biết luật pháp, sống làm việc theo pháp luật.

¹ Xem: Chu Thành, Hoàng Công: *Mấy vấn đề thực tiễn và lý luận của việc cải cách bộ máy hành chính*; Tạp chí cộng sản số 517, tr. 35.

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh dân chủ hoá đời sống xã hội.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua, một lần nữa khẳng định: xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba khoá VIII đã xác định nhiệm vụ tiếp tục xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở đã được ban hành; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X của Đảng ta tiếp tục xác định nhiệm vụ phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí là một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa chiến lược với tiến trình phát triển của đất nước. Quá trình dân chủ hoá diễn ra mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đó là:

Một là, cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được hoàn thiện thêm một bước cùng với quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội.

Về chính trị: sinh hoạt trong Đảng, trong các đoàn thể nhân dân ngày càng cởi mở hơn; hoạt động của quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực chất hơn, việc hoạch định các chủ chương, đường lối của Đảng chính quyền, xây dựng pháp luật được trưng cầu dân ý, nhân dân đóng góp vào bầu cử, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật....

Về kinh tế: thực hiện kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các địa phương được trao quyền tự chủ nhiều hơn về kinh tế, các thành phần kinh tế đều có điều kiện phát triển, mọi người được tự do kinh doanh, làm những gì pháp luật không cấm. Thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Chính sách kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã trở thành một trong những xung lực mạnh mẽ nhất để phát triển dân chủ và đẩy mạnh dân chủ hoá đời sống xã hội: dân chủ của cá nhân gắn với dân chủ của xã hội, dân chủ của công dân trong quan hệ trực tiếp với nhà nước bằng lợi ích và do pháp luật điều chỉnh; dân chủ trong sự ràng buộc giữa quyền- nghĩa vụ- trách nhiệm; dân chủ gắn với công bằng và bình đẳng, trong sự chế ước của kinh tế, sự ràng buộc của luật pháp, đạo đức. Công bằng là công bằng về quyền được phát triển, về cơ hội phát triển của tất cả mọi thành viên của cộng đồng trong mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, nó khác về bản chất với bình quân, chia đều, cào bằng trong phân phối không phân biệt cống hiến và hưởng thụ.

Chính sách kinh tế này đã tác động mạnh mẽ, thúc đẩy kinh tế- xã hội của đất nước phát triển nhanh, trong đó có nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Một mặt nó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, mặt khác nó phá vỡ lối sống bình lạng, bình thường ở thôn quê. Vai trò của cá nhân ngày càng được chú trọng, tính độc lập, quyết đoán, tự chủ trong kinh tế, trong cách sống, trong quan hệ gia đình, làng xã đang bỏ xung, làm yếu đi tính cộng đồng, sự thụ động, ỷ lại của tâm lý truyền thống xưa. Trong quá trình đó, tư duy kinh tế đã tác động, đổi mới và nâng cao nhận thức pháp luật của quảng đại nhân dân.

Về văn hoá xã hội: y tế, giáo dục, khoa học công nghệ được coi trọng, đẩy mạnh. Báo chí, các phương tiện truyền thông hoạt động sôi động công khai hoá thông tin, thông tin nhiều chiều, các hội thảo tranh luận thẳng thắn, sinh hoạt tôn giáo, lễ hội phát triển...

Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước đã có sự đổi mới vừa đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước, các cơ quan và cán bộ, công chức phải thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.

Hai là, thực hiện cải cách bộ máy nhà nước, cải cách thể chế nhà nước và nền hành chính quốc gia theo hướng quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền.

Những nhược điểm trong quản lý nhà nước dần được khắc phục: đã phân định chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh; thực hiện xã hội hóa một phần chức năng phục vụ của nhà nước trong một số lĩnh vực dịch vụ; từng bước phân định rõ và rành mạch hơn chức năng của bộ máy hành chính từ đó có sự sắp xếp lại hợp lý hơn theo hướng tinh giảm bớt đầu mối thuộc Chính phủ và giảm bớt số vụ, cục thuộc các bộ, giảm bớt thủ tục hành chính...

Nhà nước đã ban hành nhiều luật nhằm hoàn thiện hệ thống luật pháp thiết lập hành lang pháp lý cho hoạt động của các cơ quan nhà nước và toàn xã hội, xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân. Hoạt động của bộ máy nhà nước, các cơ quan hành chính, mối quan hệ giữa các cấp, các cơ quan nhà nước được phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tổ chức bộ máy nhà nước được tinh giảm theo hướng giảm bớt đầu mối, thực hiện quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Theo đó, thủ tục hành chính được cải cách gọn nhẹ hơn, giảm bớt phiền hà cho nhân dân, đội ngũ công chức được chăm lo xây dựng đảm bảo quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật.

Ba là, các hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp được tăng cường, phát huy rộng rãi. Chất lượng hoạt động của các cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội và ý thức chính trị của nhân dân trong bầu cử, giám sát và đóng góp ý kiến cho hoạt động của các cơ quan nhà nước được nâng cao. Hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh được truyền hình trực tiếp, kể cả các kỳ chất vấn Chính phủ, các bộ, uỷ ban nhân dân và các sở ban ngành. Nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội được công khai, xin ý kiến đóng góp của nhân dân. Các hình thức dân chủ trực tiếp được phát huy rộng rãi. Nhân dân không chỉ trực tiếp bầu ra các đại biểu của mình vào các cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương, mà còn có quyền bãi miễn các đại biểu khi họ tỏ ra không xứng đáng. Các đại biểu Quốc hội và

Hội đồng nhân dân phải báo cáo công việc trước cử tri và trả lời chất vấn của các cử tri và của các đại biểu nhân dân. Nhân dân trực tiếp bàn và quyết định nhiều công việc hệ trọng trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tham gia thảo luận Hiến pháp và pháp luật, thể hiện ý kiến khi có trưng cầu dân ý về các vấn đề kinh tế xã hội có liên quan.

Các hình thức tự quản của người dân ở cơ sở ngày càng đa dạng và phát huy vai trò, nhất là việc xây dựng các công trình phục vụ cộng đồng cơ sở, trong bảo vệ trật tự trị an, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc và quê hương... Nhân dân được cung cấp công khai những thông tin về hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương, của chính quyền trên cơ sở do đó phát huy vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền, cũng qua đó nhân dân tích cực tham gia đấu tranh chống những hiện tượng quan liêu, tham nhũng.

Tuy vậy, trong thời kỳ đổi mới thực tiễn tổ chức và hoạt động của Nhà nước vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, đó là: bộ máy nhà nước chưa thật trong sạch, vững mạnh; tình trạng tham nhũng, lãng phí quan liêu còn nghiêm trọng. Hiệu lực quản lý, điều hành chưa cao, chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn. Đất đai, vốn và tài sản nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, sử dụng lãng phí và thất thoát nghiêm trọng. Tổ chức bộ máy còn nặng nề, mối quan hệ phân cấp, quản lý còn một số mặt chưa cụ thể (như quản lý, đầu tư, tài chính...)¹; thủ tục hành chính tuy đã được cải cách một bước nhưng vẫn còn nhiều bất cập, còn hiện tượng công chức gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân. Vẫn còn những biểu hiện dân chủ một cách hình thức, tình trạng vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân còn diễn ra. Đồng thời cũng còn tình trạng một bộ phận quần chúng vô tổ chức, vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyền dân chủ.

Xã hội càng phát triển, những yêu cầu dân chủ ngày càng đa dạng phức tạp, phạm vi bao quát của dân chủ ngày càng mở rộng, dân chủ được thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức, nhiều thiết chế.

¹ Xem: GS. Nguyễn Đức Bình (chủ biên): *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 234 – 235.

Để phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân và tiếp tục hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về dân trí, dân quyền, dân sinh để người dân có đủ năng lực làm chủ với tư cách là chủ thể của quyền lực. Mặt khác mức độ khoa học, hoàn thiện của bộ máy nhà nước dân chủ cũng là nhân tố quyết định khả năng thực thi quyền làm chủ của nhân dân.

Trước hết, giải pháp về xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, chống tự do vô chính phủ, chống cục bộ bè phái; nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, chống quan liêu, tùy tiện, độc tài trong hệ thống quản lý xã hội.

Phải coi việc làm cho dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dành quyền dân chủ và thực hiện đúng quyền dân chủ là nhiệm vụ quan trọng. Đây là việc làm cần được tiến hành thường xuyên, lâu dài trên cơ sở phát triển kinh tế nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, nâng cao dân trí.

Trong lĩnh vực kinh tế, tiếp tục thực hiện công bằng xã hội tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình¹, thực hiện bình đẳng trong quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp². Chính trong quá trình đó năng lực làm chủ cuộc sống, năng động, sáng tạo của người dân sẽ từng bước được nâng cao, khắc phục được thói quen thụ động trông chờ vào nhà nước, vì thế trình độ dân trí cũng được nâng lên.

Không thể xây dựng một chế độ dân chủ cao trên một nền kinh tế kém phát triển và một nền dân trí hạn chế. Nói đến trình độ dân trí là nói đến trình độ văn hoá, sự giác ngộ chính trị, ý thức công dân, trình độ văn hoá pháp lý, am hiểu pháp luật cùng nhiều vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội khác. Không am hiểu pháp luật thì làm sao biết được mình có quyền gì mà đòi hỏi, mà đấu tranh mỗi khi bị vi phạm. Không biết hoặc đòi hỏi thấp về dân chủ thì cũng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.113.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 33.

không thể xây dựng chế độ dân chủ cao được. Đương nhiên, đó phải là các đòi hỏi hợp lý, chính đáng, đúng pháp luật. Không am hiểu pháp luật, “sống và làm việc theo pháp luật” chưa trở thành nền nếp thì chưa thể nói đến một chế độ dân chủ cao. Những “điểm nóng” xuất hiện ở một vài địa phương, những cuộc đình công, bãi công xảy ra trong thời gian gần đây không ít trường hợp không đúng luật, thậm chí còn vi phạm pháp luật.

Chủ trương đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách của Đảng ta đã góp phần mạnh mẽ vào nâng cao dân trí.

Cần làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục ý thức về quyền làm chủ của nhân dân để người dân ý thức về địa vị chủ thể của mình, không thờ ơ, xa cách với các quyền và nghĩa vụ công dân, hiểu đúng quyền và nghĩa vụ công dân để làm chủ hành vi trong khuôn khổ pháp luật. Tuyên truyền để nhân dân nắm chắc các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, quy định của các cấp, các ngành, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

Công khai hoá các hoạt động của cơ quan Nhà nước, các thủ tục hành chính, những vấn đề tài chính, tài sản...liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân phải được công bố rộng rãi trong nhân dân. Công khai hoá các hoạt động của cơ quan Nhà nước chính là tạo điều kiện để nhân dân có thông tin đầy đủ, chính xác, có điều kiện tiếp cận và biết được cán bộ nhà nước được dân cử có xứng đáng với sự uỷ quyền và tin tưởng của dân hay không.

Chỉ trên cơ sở nhận thức “biết”, dân mới có thể “bàn” trong quá trình tham gia ra quyết định, “làm”, “kiểm tra, giám sát” với tư cách là chủ thể quyền lực. đồng thời trong quá trình đó cần chống tự do vô chính phủ, chống cục bộ bè phái.

Cần nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm và sự tùy tiện trong hệ thống quản lý xã hội, chống quan liêu, độc tài. Dân chủ không chỉ là vấn đề của văn hoá pháp luật,

mà còn là văn hoá, đạo đức của người thi hành công vụ. Cần nâng cao trí tuệ, bản lĩnh chính trị và văn hoá ứng xử khi làm việc trực tiếp với nhân dân.

Kinh tế thị trường khơi dậy động lực, lợi ích của người lao động gắn quyền sở hữu với sử dụng, quyền tự chủ sáng tạo và tự chịu trách nhiệm, phạm vi hoạt động, giao tiếp, tiếp nhận và giao lưu thông tin ngày càng mở rộng, tính thực tiễn trong quần chúng ngày càng nâng cao...vì thế nhận thức và trình độ dân trí có bước phát triển mới. Mỗi lời nói, việc làm của đảng viên, cán bộ đều tác động, ảnh hưởng đến nhân dân. Trong khi đó, trình độ nhận thức về dân chủ cũng như việc tôn trọng và thực thi dân chủ của bộ phận cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước còn nhiều hạn chế. Văn hoá pháp luật, chính trị của cán bộ lãnh đạo và toàn xã hội còn hạn chế làm cản trở không nhỏ việc đảm bảo hiệu quả dân chủ và quyền dân chủ của nhân dân. Như vậy, dân chủ không chỉ là vấn đề của văn hoá pháp luật, mà quan trọng phải coi là của văn hoá đạo đức. Tính chất độc quyền, tính gia trưởng bắt nguồn từ quan hệ đạo đức chứ không phải từ quan hệ pháp luật. Ở nước ta hiện nay, văn hoá đạo đức đang nổi cộm xung quanh các vấn đề quản lý xã hội, vấn đề tham nhũng, vấn đề tài và đức. Đấu tranh chống tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước phải được thực hiện quyết liệt, cương quyết. Những kẻ tham nhũng là những người trong bộ máy Nhà nước, nắm tài sản của Nhà nước, tập thể, có chức quyền dựa vào chức quyền, vị trí công tác để tham nhũng đã trở thành vấn nạn quốc gia. Nhiều trường hợp bị phát hiện nhưng chậm xử lý, xử lý không nghiêm, người tố cáo bị hành hung trù dập đang gây bất bình trong xã hội. “ Cái khiến người ta không yên tâm, thậm trí phẫn nộ, chính là tình trạng thiếu công bằng, thang giá trị xác định vị trí con người trong sự phát triển xã hội bị đảo lộn theo hướng không lành mạnh. Việc khắc phục tình trạng đó đòi hỏi phải xác định đúng quyền và trách nhiệm, cống hiến và hưởng thụ, trừng trị thoả đáng những kẻ thoái hoá lạm dụng quyền lực...Không như vậy, bầu không khí dân chủ, đạo đức xã hội sẽ suy giảm...”¹

¹ Xem: Trần Ngọc Quang - Lưu Bích Thu. *Tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị nhằm phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân*. Tạp chí Triết học, số 3 (91), tháng 6 -1996.

Cán bộ, đảng viên phải luôn rèn luyện phẩm hạnh, nâng cao trí tuệ với bản lĩnh chính trị và văn hoá ứng xử, có thái độ ứng xử đúng mực khi làm việc trực tiếp với nhân dân. Đảng viên, cán bộ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước còn cần phải am hiểu luật pháp, có trí tuệ, học vấn ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng thời kỳ mới - thời kỳ mở cửa hội nhập, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, kinh tế trí thức ngày càng có vai trò to lớn, quan hệ quốc tế phức tạp...để giữ vững lập trường chính trị, đánh giá, xử lý đúng các tình huống kinh tế - xã hội; đấu tranh với những hiện tượng suy thoái, biến chất, tham nhũng. Học tập phải là nghĩa vụ bắt buộc đối với đảng viên, cán bộ và phải được quy định thành chế độ. Đảng viên giữ chức vụ càng cao, ở những vị trí càng quan trọng thì càng phải học tập một cách thực sự nghiêm túc (chứ không hình thức, không tiêu cực trong học tập), phải rèn luyện thực sự. Các cấp bộ Đảng, chính quyền phải tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên của mình tự học và được đi học, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý (dưới nhiều hình thức khác nhau như ngắn hạn, dài hạn; chính quy, tại chức; trong nước, ngoài nước...).

Giải pháp về hoàn thiện các thiết chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân, giải quyết tốt mối quan hệ dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Dân chủ trực tiếp sẽ tranh thủ và phát huy được trí tuệ, tài lực, vật lực của nhân dân trong giải quyết những công việc chung của cộng đồng khắc phục thói quen thụ động ỷ lại, trông chờ vào người khác, vào nhà nước tạo nên cơ chế đối trọng, kiểm tra, giám sát đối với hình thức dân chủ đại diện, với bộ máy nhà nước, với các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, giảm bớt được sự tùy tiện, lạm quyền, tệ quan liêu, trì trệ, tham nhũng; là kênh thông tin phản hồi nhanh, nhạy về tính hiệu quả, hiệu lực của các đường lối, chủ trương, của Đảng, chính sách của Nhà nước để kịp thời kiểm nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn trên cơ sở đó tăng cường mối quan hệ với nhân dân, khắc phục được tình trạng xa rời thực tế, chủ quan duy ý chí.

Mỗi hình thức dân chủ, dân chủ đại diện và trực tiếp, có vị trí, vai trò khác nhau trong việc thực thi quyền làm chủ của nhân dân nên cần kết hợp sử dụng cả hai hình thức bổ xung cho nhau để mỗi hình thức đều phát huy tính tích cực của mình¹. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với tăng cường kỷ cương, pháp chế. Hiện nay, quan hệ giữa dân chủ với kỷ cương phép nước đang là vấn đề nổi cộm, là vấn đề khó khăn cần xử lý đúng đắn. Trong thực tế khi thì cán bộ quan liêu, cửa quyền; khi thì buông lỏng kỷ cương pháp luật; có khi lại thiếu cả dân chủ lẫn kỷ cương... Vì vậy cần hoàn thiện các thiết chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân.

Một là, Nhà nước cần được xây dựng theo đúng nguyên tắc của dân, do dân, vì dân. Nhà nước do dân lập ra, nhân dân kiểm soát Nhà nước và có quyền tổ chức nhiệm đối với nhà nước, các cơ quan và viên chức nhà nước. Nhà nước tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào việc giải quyết mọi công việc của Nhà nước và xã hội có liên quan đến cuộc sống của người dân. Nhà nước đảm đương trách nhiệm là người định hướng và khởi xướng những tư tưởng, những công việc lớn, tạo ra những điều kiện cần thiết để dân tự lo, còn Nhà nước thì bảo vệ dân; Nhà nước tạo ra môi trường pháp lý và môi trường xã hội lành mạnh, an toàn cho cuộc sống của dân. Mọi chủ trương và chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chung của nhân dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong giai đoạn hiện nay, để nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân cần đẩy mạnh hơn nữa xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng cơ chế và hệ thống pháp luật đảm bảo có thể kiểm soát quyền lực và việc thực thi quyền lực nhà nước từ phía nhân dân và toàn thể xã hội, đảm bảo Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi người dân và cơ quan nhà nước đều bình đẳng trước pháp luật. Trong quá trình đổi mới, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc ban hành các văn bản pháp luật nhưng luật pháp vẫn chưa đủ, chưa đồng bộ, nhiều văn bản pháp luật còn chồng chéo, chế

¹ Xem: Nguyễn Thị Vi. *Mở rộng phát huy dân chủ trực tiếp ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Cộng sản số 24 (12 - 2000) tr. 28 - 29.

ước lẫn nhau. Cần phân định rõ hơn quyền luật pháp, lập quy; nâng cao năng lực lập pháp của đại biểu Quốc hội, năng lực thẩm tra các dự án luật...

Mọi hiện tượng vi phạm pháp luật đều phải bị xử lý nghiêm minh, nhất là đối với cán bộ, công chức các cơ quan có trách nhiệm thi hành và bảo vệ pháp luật lợi dụng chức quyền làm trái pháp luật.

Cần tiếp tục cải cách nền hành chính quốc gia cả trong thể chế, bộ máy và công tác cán bộ, công chức hành chính. Hoàn thiện thể chế quản lý bằng pháp luật, phân cấp quản lý rõ ràng, rành mạch; chức năng của các cơ quan nhà nước cần được công khai hoá; kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở. Xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, công tâm, tận tụy với công việc. Tăng cường dân chủ cơ sở, tiếp tục thực hiện rộng khắp mô hình “ một cửa” trong quản lý hành chính của cấp chính quyền địa phương theo nguyên tắc “ dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” những công việc liên quan đến lợi ích của dân: từ việc nhỏ đến việc lớn, công việc riêng hay việc chung của cộng đồng, khiếu nại, tố cáo của công dân, hồ sơ đất đai, giải quyết công việc theo đúng hẹn, niêm yết công khai về các khoản thu chi, lệ phí, ngân sách...

Hai là, tiếp tục thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực kinh tế. Cần tiếp tục tháo gỡ những vấn đề về tính dân chủ trong kinh doanh của các thành phần kinh tế, chống tình trạng doanh nghiệp nhà nước lợi dụng biến độc quyền nhà nước trong một số lĩnh vực trọng yếu thành độc quyền doanh nghiệp, cần có chính sách hữu hiệu gắn nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm pháp lý của cán bộ doanh nghiệp với vận mệnh của doanh nghiệp. Cán bộ doanh nghiệp không thể không biết và không thể không chịu trách nhiệm về những diễn biến tiêu cực trong doanh nghiệp mà phải chịu trách nhiệm xác đáng trước pháp luật. Cần xây dựng chính sách phù hợp để lôi cuốn nhân dân lao động tham gia tích cực chống tiêu cực kinh tế¹.

¹ Xem: ThS. Phạm Bá Sanh: *Công bằng xã hội trong hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Giáo dục lý luận số 3 - 2002, tr. 45.

Ba là, thực hiện chế độ “tự quản”, đảm bảo cho nhân dân được làm chủ và có quyền quyết định trực tiếp đối với những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày của nhân dân ở cơ sở. Tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể. Chống tình trạng cục bộ địa phương.

Các lĩnh vực an ninh - trật tự, an toàn xã hội; xoá đói giảm nghèo; phòng chống các tệ nạn xã hội; vệ sinh phòng dịch; bảo vệ môi trường; xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, khối phố văn hoá; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân...tốt nhất được giải quyết bằng các hình thức tự quản, tự nguyện. Cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nhiệm vụ hướng dẫn xây dựng các quy ước, hương ước nhằm phát huy ý thức “tự quản” của nhân dân trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Ở làng xã, nhân dân ta đã có truyền thống tự quản, nhiều vấn đề quan trọng trong đời sống hàng ngày được giải quyết theo tập quán, đã được ghi chép thành các điều khoản trong hương ước, khoán ước, cần phải được phát huy. Thực tế cho thấy, ở đâu phát huy được tính dân chủ đó trong tổ chức, xây dựng kinh tế - văn hoá, xã hội, với sự tham gia bàn bạc, đóng góp tự nguyện, kiểm tra, giám sát của nông dân thì kinh tế - xã hội phát triển ổn định, còn ngược lại thì hậu quả hết sức nặng nề. Ông cha ta trước đây đã khẳng định: làng đi đôi với nước, nước lấy làng làm nền tảng, lấy dân làm gốc, tinh thần cố kết dân cư trong cộng đồng làng tạo nên sức mạnh cho dân tộc. Văn hoá làng đã từng vững vàng trước mọi thử thách lịch sử. Ý thức gia tộc, tổ tông đã cột chặt các thành viên có chung huyết thống. Những phong tục đẹp, những tập quán lâu đời của nông thôn là yếu tố nội sinh của văn hoá truyền thống, mỗi gia đình là một tiềm ẩn của sức mạnh nội sinh. Đó là những giá trị không thể thiếu trong việc xây dựng nền dân chủ hiện nay.

Đồng thời tính cục bộ địa phương, cục bộ dòng họ cũng là một thái cực đối lập, khác xa với nguyên tắc tập trung dân chủ nên cần chống mọi hiện tượng cục bộ địa phương, cục bộ dòng họ.

Đối với các tệ nạn xã hội xảy ra trên địa bàn như cờ bạc, số đề, nghiện hút, mại dâm, ma túy, trộm cắp, gây rối...nên họp dân trong từng khu vực để

phê bình, giáo dục, đấu tranh với những thành phần vi phạm nghiêm trọng khó cải tạo. Nếu vi phạm quá nhiều lần, không hối cải mới dùng đến biện pháp hành chính. Đối với những hành vi buôn lậu, làm ăn bất chính, trốn thuế...cũng phải dựa vào dân để phát hiện, xử lý, đồng thời chính quyền phải có biện pháp bảo vệ an toàn cho những người mạnh dạn tố giác các hành vi sai trái; có phần thưởng đích đáng cho những người có công lớn; khen thưởng kịp thời để động viên người có công và tuyên truyền, nêu gương trong quần chúng, Nhà nước cần có các hình thức tổ chức, phương thức linh hoạt phối hợp với các đoàn thể nhân dân sẽ huy động được nguồn sức mạnh to lớn của nhân dân phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong khi khắc phục xu hướng hành chính hoá các đoàn thể, cần tìm tòi và chính thức hoá cơ chế tham gia của các đoàn thể vào công việc nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan, nhân viên nhà nước mà các văn kiện của đảng đã xác định, Hiến pháp đã khẳng định nguyên tắc chung.

Bốn là, tăng cường quyền kiểm tra, giám sát, phản biện của nhân dân với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Hoàn thiện tổ chức, quy chế hoạt động của thanh tra nhân dân.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát do các cơ quan nhà nước thực hiện theo thẩm quyền đồng thời phối hợp chặt chẽ với thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Tiếp tục tìm tòi phương thức và thực hiện tốt sự phản biện xã hội nhằm tranh thủ và phát huy năng lực trí tuệ của toàn xã hội.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là một giải pháp quan trọng mang tính quyết định.

Tại Đại hội lần thứ VII, Đảng ta khẳng định: “ Chúng ta khẳng định tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, *nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói*

chung... Chạy theo những đòi hỏi dân chủ cực đoan, thực hiện dân chủ mà không gắn liền với kỷ luật, kỷ cương hoặc không tính toán đầy đủ đến tình hình chính trị, xã hội, thì mọi ý định tốt đẹp về phát huy dân chủ không thể thực hiện thành công, ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại lợi ích của nhân dân” Nhận định này của Đảng ta vẫn còn phù hợp với tình hình hiện nay.

Theo tinh thần đó, trước hết đảng viên và các tổ chức đảng phải gương mẫu tuân thủ pháp luật, đặt mình dưới sự giám sát của pháp luật, lãnh đạo các cấp các ngành thực thi pháp luật, phải có cơ chế hữu hiệu để nhân dân giám sát hoạt động của Đảng và đảng viên.

Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải phản ánh đúng nhu cầu của nhân dân và được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật. Đảng phải là tấm gương về dân chủ, lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân thủ Hiến pháp và luật pháp, dân chủ ngay trong sinh hoạt nội bộ.

Chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, cùng với một hệ thống pháp luật đầy đủ, khoa học, Nhà nước mới phát huy được hiệu lực quản lý, nhân dân mới thực hiện được quyền làm chủ của mình.

THỰC TRẠNG CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI, NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY VỚI NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

TS. LÊ THỊ THUỶ¹

1. Về chỉ số phát triển con người

Chỉ số phát triển con người (*Human Development Index* - HDI) là chỉ số so sánh, định lượng về mức thu nhập, tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ và một số nhân tố khác của các quốc gia trên thế giới. HDI giúp tạo ra một cái nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia. Chỉ số này được phát triển bởi một kinh tế gia người [Pakistan](#) là [Mahbub ul Haq](#) vào năm [1990](#).

Phát triển con người chính là, và phải là, sự phát triển mang tính nhân văn. Đó là sự phát triển vì con người, của con người và do con người.

Quan điểm phát triển con người nhằm mục tiêu mở rộng cơ hội lựa chọn cho người dân và tạo điều kiện để họ thực hiện sự lựa chọn đó (có nghĩa là sự tự do). Những lựa chọn quan trọng nhất là được sống lâu và khỏe mạnh, được học hành và có được một cuộc sống ấm no.

Năm đặc trưng của quan điểm phát triển con người là:

1. Con người là trung tâm của sự phát triển.
2. Con người vừa là phương tiện vừa là mục tiêu của phát triển.
3. Việc nâng cao vị thế của người dân (bao hàm cả sự hưởng thụ và cống hiến).
4. Chú trọng việc tạo lập sự bình đẳng cho mọi người dân về mọi mặt: tôn giáo, dân tộc, giới tính, quốc tịch...

¹ Tiến sỹ Triết học, Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

5. Tạo cơ hội lựa chọn tốt nhất cho người dân về: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa...

HDI là một thước đo tổng quát về phát triển con người. Nó đo thành tựu trung bình của một quốc gia theo ba tiêu chí sau:

1. Sức khỏe: Một cuộc sống dài lâu và khỏe mạnh, đo bằng tuổi thọ trung bình.
2. Tri thức: Được đo bằng tỉ lệ số người lớn biết chữ và tỉ lệ nhập học các cấp giáo dục (tiểu học, trung học, đại học).
3. Thu nhập: Mức sống đo bằng [GDP](#) bình quân đầu người.

HDI là số trung bình cộng của các số sau:

Chỉ số tuổi thọ trung bình

Chỉ số học vấn

2/3 tỉ lệ số người lớn biết chữ cộng với 1/3 số học sinh tuyển vào chia số học sinh trong cả nước.

Chỉ số GDP bình quân đầu người

(GDP tính theo phương pháp [sức mua tương đương](#) qui ra [dollar Mỹ](#)):

Theo Báo cáo Phát triển con người kể từ năm 1985 đến nay, chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, từ 0,583 năm 1985 lên 0,691 trong thời gian gần đây, điều đó phản ánh những thành tựu đạt được trong các lĩnh vực phát triển con người như mức sống, y tế và giáo dục. Năm 2004, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam tiếp tục được cải thiện, từ 0,686 năm 2003 lên 0,691 năm 2004. Với chỉ số trên, Việt Nam duy trì vị

trí xếp hạng về phát triển con người ở mức trung bình là 112 trong tổng số 177 nước được xếp hạng.¹

Theo báo cáo này, chỉ số nghèo tổng hợp của Việt Nam được xếp ở vị trí 41 trong tổng số 95 nước đang phát triển có đủ số liệu về chỉ số này. ở Việt Nam, việc tôn trọng sự đa dạng về dân tộc và văn hóa được quy định trong Hiến pháp và luật pháp. Việt Nam cam kết mạnh mẽ xoá bỏ khoảng cách giữa các nhóm dân tộc, công nhận sự cần thiết phải có các biện pháp hỗ trợ dành riêng cho những nhóm bị thiệt thòi, trong đó có người dân các dân tộc ít người. Trong các chương trình xoá đói giảm nghèo chính của quốc gia, chương trình "Hỗ trợ các xã nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở miền núi và vùng sâu vùng xa" (Chương trình 135) do Ủy ban Dân tộc và Miền núi chỉ đạo thực hiện, đã trực tiếp hỗ trợ cho 1.000 xã nghèo nhất ở miền núi và vùng sâu vùng xa. Với 17,3% đại biểu Quốc hội, các dân tộc ít người hiện nay ở Việt Nam có tỷ lệ đại diện chính trị cao hơn so với tỷ lệ các dân tộc này trong dân số (14%). Ở cấp địa phương, mức độ tham gia của họ thấp hơn, song có xu hướng tăng lên nhờ có Luật bầu cử Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp mới sửa đổi.

Tuy nhiên Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và Chính phủ đã rất cố gắng, song tỷ lệ nghèo vẫn còn rất cao và dai dẳng trong các nhóm dân tộc ít người. Các nhóm này chỉ chiếm 14% dân số nhưng lại chiếm tới 30% số người nghèo ở Việt Nam. Để bảo tồn sự đa dạng văn hoá, Việt Nam cần mở rộng các chương trình giáo dục song ngữ cho các trường mẫu giáo, tiểu học và các cấp học cao hơn nhằm tăng cường khả năng biết đọc, biết viết các ngôn ngữ thiểu số chính.

-Theo báo cáo của UNDP, chỉ số phát triển con người của Việt Nam năm 2005 đứng thứ 108 trong danh sách 177 nước xếp hạng của Liên Hợp Quốc, tăng 4 bậc so với năm 2004.

¹ Theo Báo cáo của UNDP Năm 2004

So sánh về thứ hạng chỉ số phát triển con người (HDI), Việt Nam chưa bằng Singapore, Brunei, Thái Lan hay Malaysia, nhưng với chỉ số HDI đạt mức 0,704 trong năm nay thì Việt Nam có kết quả phát triển con người liên tục tăng hằng năm khá cao, (chỉ số này là 0,583 năm 1985 và 0,691 năm 2004). Tuổi thọ trung bình ở Việt Nam từ 68,6 tuổi vào năm 2003 tăng lên 69 tuổi năm 2004, và năm 2005 con số này là 70,5 tuổi.

Mức thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua của Việt Nam tăng từ 2.300 USD năm 2004 lên 2.490 USD năm 2005. Thống kê của UNDP cho biết 1USD ở Việt Nam có thể mua được lượng hàng gấp 5 lần ở nước khác. Do đó, tuy thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam thấp hơn nhiều nước như Nam Phi, Indonesia, Ai Cập, nhưng vị trí của Việt Nam trong bảng xếp hạng theo chỉ số HDI lại cao hơn.

Theo báo cáo phát triển con người của UNDP, Việt Nam được coi như một ví dụ thành công tiêu biểu cho nhóm các nước đang phát triển về khả năng tương tác cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển con người. Báo cáo của UNDP nêu rõ tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm mạnh. Với mức tăng trưởng kinh tế tương đương và mức thu nhập thấp hơn, Việt Nam đã vượt qua Trung Quốc về giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh.

Trong bức tranh không mấy khả quan về việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ (MDG) mà báo cáo của UNDP đưa ra, Việt Nam vẫn được nhắc đến như một quốc gia có nhiều bước tiến đáng kể trong quá trình thực hiện các mục tiêu này. Báo cáo nói rằng những nước có tốc độ tiến tới MDG nhanh vượt bậc lại thường là các nước có thu nhập thấp.

Báo cáo nhận định rằng, đầu tư vào giáo dục, mở cửa dần dần trong thương mại, phát triển đồng đều các khu vực kinh tế, đa dạng hóa thị trường và sự phân chia bình đẳng các nguồn lợi có được từ phát triển kinh tế vào hạ tầng kinh tế - xã hội là những nguyên nhân chính cho sự thành công trong lĩnh vực phát triển con người của Việt Nam.

Mức thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua của Việt Nam tăng từ 2.300 USD năm 2004 lên 2.490 USD năm 2005. Thống kê của UNDP cho biết 1USD ở Việt Nam có thể mua được lượng hàng gấp 5 lần ở nước khác. Do đó, tuy thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam thấp hơn nhiều nước như Nam Phi, Indonesia, Ai Cập, nhưng vị trí của Việt Nam trong bảng xếp hạng theo chỉ số HDI lại cao hơn.

Báo cáo nhận định rằng, đầu tư vào giáo dục, mở cửa dần dần trong thương mại, phát triển đồng đều các khu vực kinh tế, đa dạng hóa thị trường và sự phân chia bình đẳng các nguồn lợi có được từ phát triển kinh tế vào hạ tầng kinh tế - xã hội là những nguyên nhân chính cho sự thành công trong lĩnh vực phát triển con người của Việt Nam¹.

Báo cáo phát triển con người năm 2007/2008 của LHQ cho thấy, Việt Nam hiện có chỉ số phát triển con người HDI ở hạng trung bình, với chỉ số là 0,733. So với năm trước, Việt Nam đã tăng 4 bậc từ vị trí 109 lên vị trí 105. Tăng 4 bậc trong xếp hạng chỉ số phát triển con người (HDI), Việt Nam được xếp vào các nước có chỉ số phát triển con người trung bình, và liên tục được cải thiện gần 20 năm qua. Phát triển kinh tế và đầu tư cho giáo dục là chìa khóa tạo sự tiến bộ trong HDI về ngắn hạn.

Chỉ số HDI đo tiến bộ trung bình của một nước về phát triển con người. Chỉ số này được đánh giá dựa theo các tiêu chí cơ bản như giá trị chỉ số phát triển con người, tuổi thọ, tỉ lệ người lớn biết chữ, giáo dục tiểu học và trung học, thu nhập GDP tính theo đầu người.

Cùng với chỉ số HDI, các chuyên gia UNDP cũng đưa ra chỉ số đói nghèo của con người HPI-nhằm tập trung vào tỷ lệ người sống dưới ngưỡng về các phương diện phát triển con người, sống một cuộc sống khỏe mạnh và

¹ Theo Báo cáo của UNDP Năm 2005

lâu dài, được tiếp cận giáo dục và mức sống hợp lý. Theo chỉ tiêu này, Việt Nam xếp thứ 36.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn đối với Việt Nam là từ năm 1990 đến nay, chỉ số phát triển con người của Việt Nam liên tục tăng.

Vấn đề đáng lo ngại, theo các chuyên gia là, những người thiếu thôn nhất phải chịu đói nghèo ở nhiều phương diện nhất.

Giải pháp tăng HDI : Phát triển kinh tế, đầu tư giáo dục

Chỉ số HDI không đơn thuần chỉ phản ánh GDP/đầu người, mà mô tả một bức tranh khá hoàn chỉnh về sự phát triển của một đất nước. Cùng một mức HDI nhưng thu nhập giữa các nước có sự khác biệt lớn, điển hình là trường hợp Nam Phi và Việt Nam. Chỉ số HDI hai nước tương đương nhưng Nam Phi có thu nhập bình quân đầu người gấp hơn 3 lần Việt Nam.

Việt Nam chỉ xếp thứ 122 trong số 177 quốc gia về thu nhập bình quân đầu người. Tuy nhiên, so với nhiều nước có thu nhập thấp khác, Việt Nam đi đầu về các chỉ số tuổi thọ, tỉ lệ biết chữ ở người lớn. Xếp hạng tương ứng của Việt Nam ở hai chỉ số này là 56 và 57.

Trong khi đó, nhìn vào tổng tỉ lệ đi học tiểu học, trung học và đại học, Việt Nam xếp thứ 121, với 63,9% người trẻ được tiếp cận với giáo dục.

Các chuyên gia của LHQ chỉ rõ, trong các thành tố của HDI, thu nhập bình quân đầu người và tổng tỉ lệ đi học có thể biến đổi theo những thay đổi chính sách ngắn hạn.

Phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân và đầu tư cho giáo dục là hai giải pháp có thể làm thay đổi đáng kể chỉ số HDI. Chỉ riêng việc cải thiện tỉ lệ nhập học của trẻ em và nâng cao dân trí cho người dân sẽ giúp Việt Nam tăng nhanh chỉ số phát triển con người của mình.

Năm 2007, chỉ số phát triển con người của Việt Nam tăng 4 bậc so với năm trước. Điều đó cho thấy Việt Nam là nước tiến nhanh nhất trong các nước Đông Nam Á (ASEAN) về phát triển con người (HDI).

nạn giao thông ngày càng gia tăng. Nhìn tổng quan về phát triển con người Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong hai thập kỷ qua mang lại kết quả là tỷ lệ nghèo theo thống kê đã giảm rõ rệt. Tỷ lệ nghèo, theo chuẩn nghèo quốc tế, đã giảm từ 58% xuống còn 20% trong giai đoạn 1993 - 2004. Tuy nhiên, nhiều hộ gia đình mới chỉ vươn lên khỏi chuẩn nghèo một chút, và vì vậy vẫn có nguy cơ bị tái nghèo.

Song đi đôi với kết quả tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tình trạng bất bình đẳng, đặc biệt là khoảng cách ngày càng rộng hơn về mức thu nhập giữa nông thôn và thành thị cũng như mức chênh lệch ngày càng lớn xuất phát từ tình trạng ngăn cách về các mặt địa lý, xã hội, dân tộc và ngôn ngữ. Ba vùng chiếm hơn hai phần ba người nghèo Việt Nam là: miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Bắc Trung bộ. Các dân tộc thiểu số mặc dù chỉ chiếm 14% dân số Việt Nam và sống chủ yếu ở các vùng núi xa xôi, cách trở này nhưng lại có tỷ lệ nghèo quá cao (gần 30% dân nghèo của cả nước). Khoảng 90% dân nghèo sống ở nông thôn. Dân nghèo nông thôn chủ yếu tập trung ở những hộ nông dân có ít ruộng đất, phải trông đợi vào nguồn tín dụng không chính thức với lãi suất cao, ít được tiếp cận với thị trường nông sản và không có việc làm ngoài nghề nông. Để tạo ra nhiều việc làm phi nông nghiệp, đòi hỏi phải tăng cường phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, đồng thời xóa bỏ sự thiên vị, công khai hay ngầm định, dành cho các doanh nghiệp nhà nước có nhiều vốn là chủ yếu.

Mặc dù GDP theo đầu người chính thức chỉ đạt hơn 638 USD một chút, song kết quả phát triển con người của Việt Nam là rất khả quan. Điều đó được thể hiện ở sự gia tăng liên tục của Chỉ số Phát triển con người trong thập kỷ qua và những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực giáo dục, y tế và mức sống ở Việt

Nam. Trong tổng số 177 nước được xếp hạng về Chỉ số Phát triển con người trên thế giới, Việt Nam, từ vị trí 120 năm 1995, đã tiến lên vị trí 105 năm 2007.

Hiện nay, ở Việt Nam, tuổi thọ trung bình là 71, và tỷ lệ biết chữ ở người lớn (từ 15 tuổi trở lên) là 94%. Tuy nhiên, Việt Nam phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng trong lĩnh vực giáo dục và y tế. Tỷ lệ học hết phổ thông trong số đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em gái vẫn tương đối thấp. Tỷ lệ suy dinh dưỡng vẫn còn cao, đặc biệt ở trẻ em dưới 5 tuổi với 33% số trẻ em trong độ tuổi này bị thiếu cân. Việt Nam còn phải đối mặt với một số căn bệnh cũ tái phát và mới xuất hiện như bệnh lao và HIV/AIDS kèm theo những căn bệnh là kết quả diễn hình của lối sống mới và số vụ tai

2. Một số đặc điểm nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

Phân tích những nhân tố kinh tế, xã hội và thực trạng nhân cách ở nước ta hiện nay cho thấy: Sự nghiệp đổi mới đất nước làm biến đổi hiện thực xã hội, là cơ sở biến đổi về đạo đức và nhân cách. Là một thành phần của nhân cách, hơn nữa, *là nền tảng của nhân cách, mọi biến đổi của nhân cách đồng thời là biểu hiện sự biến đổi của đạo đức*. Mặt khác, những biến đổi về đạo đức dưới tác động của những điều kiện kinh tế, xã hội trong thời kỳ đổi mới *là tác nhân dẫn tới sự hình thành một số đặc điểm mới của nhân cách con người Việt nam*. Theo tác giả Phạm Hoàng Gia, mô hình nhân cách mới phải là sự phủ định của phủ định các mô hình "người quân tử", "con người tiểu kỹ" của thời kỳ phong kiến, mẫu người "trí thức tự do" thời Pháp thuộc và các mô hình "người cán bộ cách mạng" từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Trong mô hình nhân cách mới, ông đặc biệt nhấn mạnh các thuộc tính: cá tính, tinh thần đổi mới, sáng tạo, trình độ văn hoá đích thực, tri thức khoa học, nếp sống dân chủ, duy lý nhân bản, sức khoẻ dẻo dai bền bỉ và có đầu óc quản lý kinh tế theo kiểu mới¹.

¹ Phạm Hoàng Gia, (1991) *Mô hình nhân cách thanh niên* năm 2000, Hà Nội, tr 47 - 63.

Kết hợp sự phân tích tác động hai mặt của điều kiện kinh tế, xã hội trong thời kì đổi mới với việc tham khảo một số kết quả điều tra của chương trình KX-07 và chương trình chính sách thế hệ trẻ "Mô hình nhân cách thanh niên Việt Nam những năm 2000", chúng tôi cho rằng, những đặc điểm nhân cách của con người Việt Nam hiện nay đang được hình thành và phát triển, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, vừa phù hợp với chiến lược phát triển con người Việt Nam "mục tiêu và động lực" phát triển kinh tế, xã hội:

Một là, năng động, linh hoạt, thích ứng nhanh với những biến đổi của đời sống; mạnh dạn tự tin, dám nghĩ dám làm, dám chấp nhận rủi ro để vươn lên trong sự nghiệp, biết vận dụng sức lực và trí tuệ của mình để làm giàu chính đáng vì lợi ích của cá nhân, gia đình và xã hội.

Ngày nay, lợi ích cá nhân của người lao động được đặt đúng vào vị trí động lực trực tiếp của sự phát triển sản xuất, là cơ sở để thực hiện lợi ích xã hội đã khơi dậy những năng lực tiềm tàng trong mỗi cá nhân. Nó đã tạo điều kiện cho cá nhân phát triển ý thức tự chủ, tự lập, tự cường, khả năng ứng xử độc lập và sáng tạo trong các hoạt động và các mối quan hệ với xã hội, với nhóm xã hội - nghề nghiệp, với tập thể, với cộng đồng. Từ những con người hiền lành, chịu thương, chịu khó của xã hội nông nghiệp cổ truyền hoặc con người thụ động, chỉ biết chấp nhận, thừa hành, xơ cứng trong tư duy của cơ chế bao cấp đã từng bước năng động hoá, mạnh dạn, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám vượt lên trên những định kiến, vượt lên những hạn chế của truyền thống, dám chấp nhận rủi ro trong thử nghiệm làm ăn, thích ứng mau lẹ với cơ chế thị trường. Mô hình nhân cách mà con người hướng tới hôm nay là những nhà doanh nghiệp, nhà quản lý, nhà khoa học giỏi.

Ngày nay, cái thiện lớn nhất là thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Mọi hoạt động lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh vì mục đích đem lại sự giàu có chính đáng cho cá nhân và đóng góp hữu ích cho xã hội được xã hội thừa nhận về mặt đạo đức và khuyến khích. Nếu như trước đây con người thường quen với lối sống "an bản

lạc đạo", thanh đạm, giản dị trong điều kiện sản xuất nông nghiệp lạc hậu, năng suất lao động thấp, thì giờ đây đã không cam chịu phận đời nghèo, quyết trí vươn lên làm giàu bằng tài năng và sức lực của mình.

Hai là, nỗ lực trong các hoạt động học tập, lao động; biết tính toán hiệu quả kinh tế, dám chấp nhận cạnh tranh và có khả năng tự chịu trách nhiệm trong công việc của mình.

Trong nền kinh tế thị trường, năng lực toàn diện của con người được thử thách, bộc lộ và phát triển. Sự cạnh tranh đã làm cho con người trở nên năng động, chủ động. Nó khác xa với tinh thần "thi đua" chung chung thời bao cấp. Trong cạnh tranh, sự thắng thế nhờ có uy tín, có sức mạnh tài năng, trí tuệ, sáng kiến, kinh nghiệm và sự nỗ lực lao động, thực sự được khuyến khích. Nó đề cao các phẩm chất linh hoạt, chính xác, tích cực, do đó yếu tố tri thức và trí tuệ ngày càng có tầm quan trọng và gia tăng trong mọi hoạt động của người lao động. Việc ứng dụng những tiến bộ công nghệ vào quá trình sản xuất, làm tăng năng suất lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao đòi hỏi người lao động không chỉ có phẩm chất cần cù, chịu khó mà cần phải có một trình độ đào tạo nghề nghiệp, sự thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ, tính linh hoạt, chính xác. Tác phong lề mề, tùy tiện không thể phù hợp với lối sống công nghiệp hiện đại.

Con người Việt Nam hiện nay, nhất là thanh niên, đã ý thức một cách sâu sắc tầm quan trọng của tri thức trong lập thân, lập nghiệp. Tri thức, trình độ năng lực của con người đang trở thành tài sản, sức mạnh của mỗi cá nhân và xã hội, là năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, trong sự hội nhập với cộng đồng quốc tế và khu vực. Nó trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá con người, là thước đo trình độ phát triển nhân cách. Vì vậy, "Tinh thần hăng say trong lao động học tập" đang thay cho thái độ "trung bình chủ nghĩa", vô thưởng vô phạt trước kia.

Do lợi ích thiết thân của chủ thể gắn liền với hiệu quả công việc, mỗi con người, mỗi gia đình, mỗi đơn vị sản xuất và kinh doanh đều phải *tự chịu trách nhiệm* trong công việc của mình. Mọi người đều phải quan tâm đến kết

quả cuối cùng trong hoạt động của mình trên cả lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực khác. Vì vậy, *quan tâm và biết tính toán đến hiệu quả kinh tế, trở thành đặc điểm nổi bật của nhân cách con người Việt Nam hiện nay*. Mọi hưởng thụ và đãi ngộ đều dựa trên tài năng và cống hiến, đã khắc phục tính thụ động, ỷ lại, chây lười, cào bằng mọi cống hiến và tài năng, hình thành nhu cầu vươn lên chiếm lĩnh được cái mới, làm được cái gì thực sự có ý nghĩa đối với sự tiến bộ của con người và xã hội.

Ba là, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, phong phú, lối sống văn hoá, tình nghĩa, yêu lao động, có trách nhiệm, gắn bó với quê hương và gia đình.

Từ chỗ chỉ đề cao giá trị tinh thần, đạo đức, lễ nghĩa và xem nhẹ các giá trị vật chất trong đời sống, trong ứng xử, trong sinh hoạt xã hội và trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng: "*Lời chào cao hơn mâm cỗ*"; "*Miếng trầu không đẹp mà đẹp bởi tay người bưng*"; "*Một trăm đồng tiền công không bằng một đồng tiền thưởng*"... con người Việt Nam hiện nay không chỉ coi trọng những giá trị tinh thần mà còn đánh giá cao những giá trị vật chất. Nhu cầu vật chất và tinh thần của cá nhân đều tăng lên. Từ thói quen "ăn lấy chắc mặc lấy bền", mong ước "ăn no mặc ấm", con người hiện nay "có đòi hỏi mức tiêu dùng ngày càng cao"¹. Trong điều kiện mở cửa và hội nhập với thế giới, giao lưu văn hoá tinh thần và thông tin được mở rộng, con người có điều kiện quan sát, so sánh, mở rộng tầm hiểu biết. Do đó, nhu cầu vật chất, văn hoá, tinh thần của con người ngày càng phong phú và đa dạng hơn. Ngoài những giá trị văn hoá tinh thần truyền thống của dân tộc, con người còn tiếp thu nhiều giá trị mới về chính trị, xã hội, văn hoá, đạo đức, lối sống khiến cho nhiều yếu tố nền tảng và xu hướng của nhân cách cũng biến đổi nhanh.

Yêu cầu giải phóng sức sản xuất và nâng cao vai trò của nhân tố con người đã *khách quan hoá* việc phát triển những giá trị đích thực của con người

¹ Thái Duy Tuyên, *Định hướng giá trị của nhân cách thanh niên Việt Nam trong nền kinh tế thị trường*, Chương trình KX - 07, Hà Nội, 1994, tr 6 - 8.

với tư cách là *những cá nhân hiện thực*. Nó xuất phát từ đòi hỏi phát triển mạnh mẽ ý thức về cá nhân, về cái "tôi" cá nhân trong quan hệ với cộng đồng xã hội. Nếu như trước đây việc tuyệt đối hoá cái tập thể, cái cộng đồng xã hội đã lấn át cá nhân, cá nhân "hoà tan" trong tập thể cộng đồng, thì giờ đây nền kinh tế thị trường, dân chủ hoá xã hội đòi hỏi phải khẳng định *trách nhiệm của cá nhân*, khẳng định vị thế của cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng. Theo đó, *nhu cầu tự biểu hiện, tự khẳng định cái "tôi" bản sắc, cá tính và sáng tạo* của mỗi cá nhân ngày càng tăng lên, đặc biệt là trong lớp thanh niên, sinh viên, học sinh. Để thực hiện điều đó, mỗi cá nhân, ở bất cứ lĩnh vực hoạt động nào đều phải nỗ lực phát huy những năng lực của mình. Thay cho sự áp đặt và bao cấp về mặt ý thức tư tưởng trước đây, tư duy khoa học độc lập và sáng tạo đang được đề cao. Cùng với nó là ý thức tự lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động cụ thể của mỗi cá nhân trở thành yêu cầu phổ biến trong đánh giá, sử dụng và đào tạo con người.

Bốn là, có ý thức tôn trọng pháp luật, có bản lĩnh đấu tranh vì công bằng và lẽ phải, biết trân trọng và hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp.

Xu hướng dân chủ hoá mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội đang đòi hỏi mỗi cá nhân phải nâng cao ý thức và trách nhiệm công dân trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Tinh thần phê phán và *lựa chọn giá trị một cách tự giác tích cực*, cùng với sự hình thành *văn hoá dân chủ* là những tiêu chí cần phải đạt được của một nhân cách phát triển.

Có thể nói, trước đổi mới các cá nhân mới chỉ là "cái tôi" lệ thuộc, gắn chặt với cộng đồng, chứ chưa phải là cá nhân đã phát triển đích thực, "cả hai thực thể, hai hệ thống một bên là "con người - cá nhân - công dân", một bên là "xã hội - nhà nước", do tính chất, trình độ phát triển lịch sử của nó đều có chung một hạn chế như nhau, đó là tính chưa trưởng thành đầy đủ, thành thực, chưa đạt đến logic của trình độ hiện đại"¹ Trong mối quan hệ giữa cá nhân và

¹ Hoàng Chí Bảo, *Sự biến đổi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội*, (Những vấn đề về Văn hoá xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở một số nước châu Á, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr. 441.

xã hội lúc đó, tính ưu trội thuộc về sức mạnh chi phối của cộng đồng chứ không phải là sự phát triển cá thể. Cái đạo đức chiếm ưu thế trong sự điều tiết các quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội. Trong mối quan hệ ấy, cá nhân dường như bị "hoà tan" vào cộng đồng. Tình cảm đạo đức chiếm ưu trội, chỉ đề cao đòi hỏi của cộng đồng đối với cá nhân. Khi Nho giáo xâm nhập vào Việt Nam, hệ giá trị đạo đức "tam cương", "ngũ thường", "tam tông, tứ đức"... của nó dần dần thâm nhập và chi phối mọi ứng xử của con người ở những mức độ và sắc thái khác nhau, trở thành chuẩn mực chính thống của xã hội. Quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng được đẩy lên đến mức đối lập. Con người chỉ còn với tư cách là con người chức năng, con người bổn phận của luân thường đạo lý. Khả năng sáng tạo, khát vọng tự do, nhu cầu biểu hiện và khẳng định cá nhân dường như bị vùi trong những yêu cầu đạo đức của cộng đồng. Con người tiếp thu các giáo lý, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức để điều tiết hành vi không phải để hoàn thiện nhân cách, mà buộc phải đánh mất bản thân, tuân thủ theo danh vị và chức phận, chủ yếu để duy trì trật tự xã hội phong kiến.

Việc thực hiện dân chủ hoá các lĩnh vực của đời sống đã làm cho *ý thức dân chủ, năng lực thực hành dân chủ* của cá nhân và xã hội dần dần phát triển. Nó khích lệ cá nhân phát huy các giá trị đạo đức tích cực của mình. Với đổi mới và chuyển sang cơ chế thị trường, quan hệ giữa cá nhân và xã hội đã biến đổi, bắt đầu từ sự biến đổi ở cá nhân và xã hội. Dưới tác động của dân chủ hoá, cá nhân và xã hội cùng phát triển. Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội biến đổi theo xu hướng dân chủ hoá. "Thực chất và nội dung của sự biến đổi mối quan hệ này chính là dân chủ hoá chính bản thân quan hệ đó, đảm bảo sự phát triển hợp lý, tự nhiên của cá nhân cũng như của xã hội theo nguyên tắc pháp lý và chuẩn mực nhân văn của dân chủ"¹.

¹ Hoàng Chí Bảo, *Sự biến đổi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội*, (Những vấn đề về Văn hoá xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở một số nước châu Á), Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr 456.

Nhu cầu dân chủ hoá trong lĩnh vực kinh tế và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội thúc đẩy sự điều chỉnh xã hội bằng pháp luật. Sự điều chỉnh xã hội bằng pháp luật đã làm cho mỗi thành viên trong xã hội đều có thể tự do phát huy mọi khả năng lao động sáng tạo của mình trong môi trường lành mạnh của xã hội có trật tự, kỷ cương, nề nếp, một xã hội năng động và phát triển. Con người Việt Nam chuyển từ thói quen theo "lệ" sang *ý thức tuân theo pháp luật*. Từ cách ứng xử duy cảm, duy tình chuyển sang ứng xử "*có lý có tình*", là "*thấu lý, đạt tình*". Sống và làm việc theo pháp luật đồng thời sống và làm việc đầy tình nghĩa như Đảng ta đã nói là theo *lẽ phải và tình thương*. Tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần là một nhu cầu tất yếu khách quan đối với sự *phát triển ý thức công dân*, là dấu hiệu phát triển nhân cách của cá nhân. Dân chủ hoá ý thức tư tưởng đòi hỏi cá nhân và xã hội phải khắc phục tình trạng bao cấp, lệ thuộc về tư tưởng và hướng tới tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, do đó phải không ngừng tìm tòi và sáng tạo để tự phát triển và khẳng định mình. Dân chủ hoá ý thức, tư tưởng sẽ khích lệ và cổ vũ mỗi cá nhân đấu tranh cho sự thật, cho lẽ phải và sự công bằng, tôn trọng chân lý khách quan. Nó tạo nên *dư luận xã hội tích cực và lành mạnh để khẳng định cái đúng, cái tốt, cái thiện* trong cuộc sống của cá nhân và xã hội. Nó cũng đồng thời *hướng dư luận xã hội, sức mạnh của ý thức, tư tưởng tiên tiến vào việc đấu tranh, phê phán vạch trần những mặt trái, những biểu hiện tiêu cực* trong đời sống kinh tế - xã hội như: quan liêu, tham nhũng, buôn lậu, hối lộ, tham ô, lãng phí, tình trạng độc đoán chuyên quyền, ức hiếp quần chúng biểu hiện như là những cái xấu, cái ác. Nhờ có dân chủ hoá trong lĩnh vực tư tưởng và ý thức mà mỗi người với tư cách *người lao động* và *người công dân* không những chỉ khẳng định mình là *chủ thể của các lợi ích kinh tế* mà còn là *chủ thể đạo đức, tính cách của mình*. "Dân chủ hoá ý thức và tư tưởng, với sự tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần là con đường dẫn tới sự phát triển trí tuệ, đạo đức, nhân cách của mỗi cá nhân, đồng thời là phương thức khắc phục sức ỳ, sự trì trệ, tính cứng nhắc, giáo điều trong tư tưởng ý thức của xã hội". Tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần là một nhu cầu tất yếu khách quan đối với sự

phát triển ý thức công dân, là dấu hiệu phát triển nhân cách của cá nhân. Dân chủ hoá ý thức tư tưởng đòi hỏi cá nhân và xã hội phải khắc phục tình trạng bao cấp, lệ thuộc về tư tưởng và hướng tới tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, do đó phải không ngừng tìm tòi và sáng tạo để tự phát triển và khẳng định mình. Dân chủ hoá ý thức, tư tưởng sẽ khích lệ và cổ vũ mỗi cá nhân đấu tranh cho sự thật, cho lẽ phải và sự công bằng, tôn trọng chân lý khách quan. Nó tạo nên *dư luận xã hội tích cực và lành mạnh để khẳng định cái đúng, cái tốt, cái thiện* trong cuộc sống của cá nhân và xã hội. Nó cũng đồng thời *hướng dư luận xã hội, sức mạnh của ý thức, tư tưởng tiên tiến* vào việc *đấu tranh, phê phán vạch trần những mặt trái, những biểu hiện tiêu cực* trong đời sống kinh tế - xã hội như: quan liêu, tham nhũng, buôn lậu, hối lộ, tham ô, lãng phí, tình trạng độc đoán chuyên quyền, ức hiếp quần chúng biểu hiện như là những cái xấu, cái ác. Nhờ có dân chủ hoá trong lĩnh vực tư tưởng và ý thức mà mỗi người với tư cách *người lao động và người công dân* không những chỉ khẳng định mình là *chủ thể của các lợi ích kinh tế* mà còn là *chủ thể đạo đức, tính cách của mình*. Dân chủ hoá ý thức và tư tưởng, với sự tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần là con đường dẫn tới sự phát triển trí tuệ, đạo đức, nhân cách của mỗi cá nhân, đồng thời là phương thức khắc phục sức ỳ, sự trì trệ, tính cứng nhắc, giáo điều trong tư tưởng ý thức của xã hội.

Năm là, có tri thức khoa học, có khả năng tư duy độc lập và năng lực sáng tạo, nhanh nhạy trong việc tiếp thu cái mới.

Nhu cầu xã hội hoá tri thức khoa học và công nghệ trong thời kỳ CNH, HĐH đòi hỏi đẩy mạnh sự phát triển của hoạt động giáo dục - đào tạo. Ngày nay, một con người có đạo đức không thể không có một trình độ năng lực nhất định, thể hiện trong các hoạt động mà cá nhân đó tham gia. Đạo đức gắn với năng lực, thể hiện thông qua khả năng đóng góp của cá nhân đối với sự phát triển của tập thể, của cộng đồng và xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ví những người có đức mà không có tài giống như những ông "Bụt", không có tác dụng gì đối với xã hội. Ngay sau

ngày đọc "Tuyên ngôn độc lập" chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Suốt cuộc đời và sự nghiệp của mình, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo con người. Người đã phân tích một cách giản dị mà dễ hiểu: "Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa" và "Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo, mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình".

Sự phát triển giáo dục và đào tạo ở nước ta, theo đánh giá tổng thể của UNESCO (1991) còn chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới, nhưng đã góp phần nhất định vào việc nâng cao dân trí, làm cơ sở cho việc xã hội hoá tri thức khoa học, công nghệ và tạo ra đội ngũ người lao động có tri thức, tinh thông nghề nghiệp cho sự nghiệp CNH, HĐH.

Nhìn một cách khái quát, *nhân cách con người Việt Nam hiện nay là chỉnh thể thống nhất những phẩm chất cá nhân tiêu biểu cho sự phát triển của con người, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, mà đặc trưng của nó là năng lực chủ thể* (tính độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm cá nhân), *biểu hiện sự phát triển về thể chất và tinh thần ngày càng cao.*

Bên cạnh những đặc điểm tích cực mới hình thành, một số yếu tố trong cấu trúc nhân cách của con người Việt Nam đã biến đổi theo hướng xấu đi. Trước đây, lý tưởng sống cao cả vì tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, lối sống "mình vì mọi người" được đề cao, thì hiện nay, có một số đông, đặc biệt là lớp người trẻ tuổi mới lớn lên thờ ơ với lý tưởng chính trị, xã hội, chỉ hướng vào những lợi ích cá nhân thực dụng. Tâm lý tiêu dùng có ảnh hưởng ngày càng nhiều. Đồ vật không còn là điều kiện của đời sống mà được biến thành vật tương đương với con người, như là "thước đo giá trị" con người. Biểu hiện này rõ nét nhất trong tầng lớp thị dân mới phát và một bộ phận thanh niên con cái của các gia đình giàu có hoặc có chức quyền được nuông chiều hơn giáo dục. Điều đáng lo ngại là lớp người này đòi hỏi mức tiêu dùng, hưởng thụ quá

cao so với mặt bằng chung và mức độ mà họ đáng được hưởng. Sự trống rỗng nội tâm tỉ lệ thuận với tiện nghi sinh hoạt vật chất của họ. Cơ chế thị trường được vận dụng trong cả những nghề xưa nay vốn lấy đạo lý, lương tâm làm trọng như y tế, giáo dục, làm xói mòn truyền thống "tôn sư trọng đạo", "lương y như từ mẫu". Sự thừa nhận phân hoá giàu nghèo như một tất yếu cũng đã gây nên tâm lý thờ ơ, coi khinh người nghèo, làm suy giảm lòng nhân ái vốn là đạo lý truyền thống của dân tộc. Tình làng, nghĩa xóm có phần phai nhạt; mối dây tình cảm trong gia đình truyền thống có phần lỏng lẻo hơn. Những biến động trong gia đình cùng với nhiều nguyên nhân xã hội khác đã dẫn đến hậu quả xấu trong sự hình thành và phát triển nhân cách của nhiều người đặc biệt là thanh, thiếu niên. Phát triển kinh tế thị trường ở nước ta theo định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước là nhằm phát triển kinh tế vì hạnh phúc của con người. Nhưng trong nền kinh tế thị trường lại thường trực nguy cơ dẫn đến sự phát triển lệch lạc, biến dạng nhân cách. Tác động của quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh làm cho sự phát triển của một số người phải trả giá bằng việc hy sinh sự phát triển của một số người khác; sự độc lập của cá nhân phải trả giá bằng sự *phụ thuộc của con người vào vật*, phụ thuộc vào mối quan hệ trao đổi hàng - tiền và chịu sự chế ước của nó. Đã có một số người coi việc đạt được những điều kiện sinh hoạt vật chất tiện nghi, hoặc đạt một khối lượng của cải vật chất là mục đích trực tiếp và coi đó là hạnh phúc, là lẽ sống. Từ đó, họ bỏ qua sự phát triển toàn diện năng lực, cá tính và nhu cầu sáng tạo của mình, hình thành nên những cá nhân phát triển phiến diện. Sự thiếu hụt nhân cách còn do các giá trị nhân cách trong điều kiện kinh tế thị trường và đẩy mạnh CNH, HĐH, cũng thường bị thị trường hoá. Nó thường được xác định không phải bởi cái "tôi chân thực" của mỗi người mà bởi mức độ và khả năng làm cho người khác cần đến và lệ thuộc vào mình. Nó dẫn tới tính vô cảm phổ biến. Con người trở nên đứng đưng trước những đau khổ và hạnh phúc của đồng loại. Sống giữa những con người mà con người vẫn cô đơn vì thiếu sự đồng cảm.

Hành động của mỗi con người cụ thể bao giờ cũng nhằm mục đích thực hiện lợi ích nhất định. Nhưng lợi ích không gắn với trách nhiệm, không ràng buộc với những kết quả, hiệu quả lao động mà bị quy định bởi những danh vị trong guồng máy hành chính quan liêu, mang tính thứ bậc đẳng cấp sẽ kìm hãm và làm mai một nhu cầu cùng những năng lực sáng tạo. Nó đã tạo nên một lớp người chỉ biết lấy sự nói năng cho phải đạo, ứng xử cho khôn ngoan, giao tiếp

Sự nghiệp đổi mới đã tạo ra những điều kiện khách quan tác động một cách sâu sắc, toàn diện tới sự hình thành nhân cách của con người Việt Nam. Nhận thức được những biến đổi tích cực và tiêu cực trong đặc điểm nhân cách con người Việt Nam hiện nay là cơ sở để tác động một cách tự giác vào quá trình chuyển đổi ấy theo hướng tích cực nhất. Trong điều kiện đổi mới hiện nay, để thực hiện lý tưởng xây dựng nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh và văn minh, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH trên cơ sở những tiến bộ khoa học, công nghệ hiện đại, mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế. "Mục tiêu CNH, HĐH là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất- kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng và văn minh, xây dựng thành công CNXH"¹.

Mục tiêu đó đòi hỏi con người với tư cách là nguồn nhân lực, động lực của sự nghiệp CNH, HĐH phải có trình độ tri thức khoa học nhất định, được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực sáng tạo trong việc tiếp thu, sử dụng những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại cùng với trình độ văn hoá và những phẩm chất đạo đức cần thiết như: có tình thương yêu con người, nhân nghĩa, trung thực, khiêm tốn, tinh thần trách nhiệm cao, lương tâm trong sáng...

Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" của sự nghiệp đổi mới phù hợp với nguyện vọng thiết tha ngàn đời của con người và dân tộc Việt Nam. Nó đòi hỏi mỗi hoạt động làm giàu chính đáng phải là hoạt động đem lại sự giàu có cho cả cá nhân và xã hội. Sự quan tâm tới lợi ích xã hội,

¹ ĐCSVN, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996, tr 18-19

tới sự giàu có của đất nước vẫn là tiêu chí đánh giá mọi hoạt động của cá nhân. Chính ở đây, *những giá trị đạo đức truyền thống như lòng yêu nước, thương người, ý thức cộng đồng, tình yêu lao động và lao động sáng tạo, ý chí độc lập, tự cường vẫn giữ vai trò chi phối trong các hoạt động kinh tế*. Nó được biểu hiện ở ý chí vươn lên, nỗ lực hoạt động vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh và sáng tạo những giá trị văn minh mới. Những phẩm chất đạo đức làm nền tảng của mô hình nhân cách mới, đó là: *"có lí tưởng cao đẹp, có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khoẻ và lao động giỏi; sống có văn hoá và có tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính"*¹.

Con người với tư cách chủ thể của sự nghiệp CNH, HĐH ở nước hiện nay phải là những người có tri thức, có năng lực trí tuệ, có khả năng tư duy khoa học độc lập và trình độ đào tạo về chuyên môn, tay nghề. Trình độ dân trí được nâng cao, tri thức khoa học được phổ cập trong các tầng lớp nhân dân, nhân lực lao động được đào tạo, và đội ngũ những nhà khoa học, tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ sáng tạo ngày càng đông đảo, tiêu biểu cho trí tuệ và nhu cầu sáng tạo của xã hội đã tạo nên những biến đổi mạnh mẽ trong nhận thức và thực tiễn đạo đức xã hội. Nhân cách tương lai là những nét tính cách của con người ham làm việc, dám đấu tranh, làm việc có suy xét và việc làm của họ *có trách nhiệm đối với xã hội, với con người*. Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" (10-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân".

Sự coi trọng đạo đức là một giá trị tinh thần truyền thống, là nét đặc thù của dân tộc Việt Nam, và là một tài sản văn hoá tinh thần riêng của con người Việt Nam, cốt cách Việt Nam cần phải giữ gìn, phát huy, đồng thời bổ sung thêm những giá trị mới mang ý nghĩa thời đại. Chẳng hạn, "Tình yêu đất nước là hàng số đạo đức trong mỗi con người Việt Nam". Nó được phát triển, được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước, được biểu hiện cụ thể ở lòng dũng cảm, ý chí bất khuất của

¹ ĐCSVN, *Văn kiện hội nghị giữa nhiệm kì BCHTW khoá VII*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1993, tr83

chủ nghĩa anh hùng cách mạng "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ" (Hồ Chí Minh). Ngày nay, yêu nước và tự hào dân tộc là ý chí và hành động vượt lên, chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, khẳng định vị thế của dân tộc. Tình thương yêu con người phải được biểu hiện ở thái độ quý trọng và bảo vệ con người theo những giá trị nhân văn của dân tộc và nhân loại; bảo vệ môi trường sống và tôn trọng các chuẩn tắc sinh hoạt cộng đồng; đồng thời biết đấu tranh không khoan nhượng với những biểu hiện của cái ác như: mọi áp bức bất công, mọi hành vi vô nhân đạo, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của con người. Trước sự biến đổi về giá trị và thang giá trị trong xã hội ta hiện nay, bên cạnh những nhân tố tích cực mới xuất hiện, cũng tồn tại nhiều hiện tượng, hành vi vô đạo đức, vô nhân đạo, tàn nhẫn với con người. Những hiện tượng con cái có thể đối xử thô bạo với cha mẹ, học trò có thể đánh chửi lại thầy, cô giáo... đã vi phạm một cách nghiêm trọng đạo lý truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc (nhân ái, bao dung, trọng tình nghĩa), biểu hiện suy thoái nhân cách. Do đó, mỗi cá nhân phải có ý thức giữ gìn những giá trị đạo đức truyền thống, tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức cách mạng: "cần", "kiệm", "liêm", "chính", như chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, mới tránh được nguy cơ đánh mất bản thân, trở thành cái bản sao mờ nhạt trước những "phản giá trị" trong cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế. Sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN, đẩy mạnh CNH, HĐH vì *sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam*, phải do chính con người Việt Nam *phát huy những giá trị đạo đức truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc*, kết hợp hài hoà truyền thống với hiện đại trong mọi hoạt động thực hiện.

MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN NHẪM XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THS. TRIỆU QUANG MINH*

Bước vào những năm cuối của thế kỷ XX, nhân loại chứng kiến nhiều biến đổi có tính chất toàn cầu. Quá trình toàn cầu hoá với sức lan toả mạnh mẽ của nó đang tạo ra làn sóng cuốn hầu hết các nước vào cùng một vòng quay. Tuy nhiên, với tính hai mặt của mình, toàn cầu hoá bên cạnh việc đem lại những thuận lợi, thời cơ, những biến đổi có tính tích cực về đời sống vật chất và tinh thần cũng đặt ra những thách thức, khó khăn, những phản giá trị...ở các quốc gia trong và ngoài khu vực mà nó đi qua.

Thực tế, nhân loại đang bước vào kỷ nguyên “vàng son” của khoa học công nghệ với những tiến bộ vượt bậc. Công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng, công nghệ thông tin...đang được nhắc đến ở khắp mọi nơi như một dạng công cụ để làm tăng chất lượng cuộc sống của con người. Đời sống kinh tế, xã hội thay đổi tất yếu kéo theo sự thay đổi của lối sống. Ở những quốc gia phát triển, khoa học công nghệ được ứng dụng rộng rãi, thậm chí có thể thay thế nhân tố con người như: máy tính điện tử có thể phổ nhạc, viết thư pháp; người máy có cảm xúc làm y tá trong bệnh viện...Rõ ràng lối sống phát triển trong thời đại mới luôn phải chịu ảnh hưởng của khoa học và công nghệ. Người ta lo ngại về ảnh hưởng thậm chí đảo lộn các phương thức sáng tạo, quan niệm thẩm mỹ, tâm lý thưởng thức và hưởng thụ của con người. Tất nhiên, ảnh hưởng của thời đại tin học là một quy luật của nền văn minh mới, song, mức độ ảnh hưởng như thế nào, xu thế ảnh hưởng ra sao và mức độ quyết định của nó tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của mỗi quốc gia, mỗi chủ thể văn hoá. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn là dù khoa học có

* Giảng viên Khoa Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

tiến bộ đến đâu, sức mạnh và phạm vi ảnh hưởng của nó có lớn đến mức nào thì cũng không thể thay thế hoàn toàn yếu tố con người. Xét đến cùng, nó là sản phẩm do con người sáng tạo ra. Vì thế con người luôn phải được đứng ở vị trí chủ thể sáng tạo, sử dụng và hưởng thụ. Với tư cách là chủ thể văn hoá, nền văn hoá gắn với dân tộc, con người đang phản ứng trước mọi âm mưu lợi dụng toàn cầu hoá về kinh tế để đẩy tới toàn cầu hoá về văn hóa. Đó là lý do khiến nhiều quốc gia trên toàn thế giới xem xét lại vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc một cách nghiêm túc.

Ở các nước phương Tây, Pháp và một số nước khác kêu gọi cấm tự do lưu thông các sản phẩm văn hoá có lợi cho Mỹ; ở phương Đông, Trung Quốc vận động phong trào chống ô nhiễm tinh thần; ở Nhật Bản trước đây, khi học sinh bước vào năm học mới, trong bài học đầu tiên người ta khuyên các em bằng một câu “Nhật tụng”: nước Nhật nghèo tài nguyên, lại bị bại trận trong chiến tranh thế giới thứ hai...các em hãy bằng bàn tay và khối óc của mình, cố gắng học tập để xây dựng đất nước, Nhật Bản cũng đã tổ chức cuộc hội thảo khu vực châu Á bàn về văn hoá dân tộc; Xingapo mở rộng chiến dịch đa sắc tộc, hướng mọi bản sắc đồng sức để xây dựng một nền bản sắc riêng; người Ả Rập trong ba phần tư thế kỷ họ chỉ đặt cho mình câu hỏi chung nhất: Ta là ai? Và kẻ khác là ai? và để hướng đến tương lai mới thì “ta phải là ta hay ta trở thành kẻ khác”? ...Tất cả những điều này đã trở thành minh chứng cho việc rất nhiều quốc gia coi văn hoá là động lực, mục tiêu, là điểm mốc thăng bằng để điều tiết sự phát triển.

Đối với Việt Nam, Đảng ta qua các kỳ Đại hội đều khẳng định “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, xây

dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”¹.

Dưới ánh sáng đường lối văn hoá của Đảng, nền văn hoá Việt Nam tiếp tục gìn giữ và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống, đồng thời mở rộng tiếp thu các tinh hoa văn hoá nhân loại. Với mục tiêu xây dựng và nâng cao nền văn hoá với tính nhân văn, tính dân tộc, tính phong phú, tính thống nhất nhưng không khu biệt với các nền văn hoá khác, không từ bỏ tính hiện đại...Đảng và dân tộc ta đang chung sức vì một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cụ thể hoá mục tiêu trên, Hội nghị lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra Nghị quyết “Về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết xác định nhiệm vụ cụ thể của văn hoá là xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới có đặc tính như sau: có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì mục đích chung; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng². Mô hình con người Việt Nam theo đó đã bao hàm con người có lối sống dân tộc - hiện đại. Trong điều kiện hiện nay, để tiếp tục xây dựng con người Việt Nam có lối sống dân tộc - hiện đại, con người xã hội chủ nghĩa cần có sự phối hợp đồng bộ, toàn diện theo hướng: kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại; giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế; giữa cá nhân và xã hội.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 110 – 111.

² Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.1998, tr. 58 - 59.

1. Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại

Lối sống, nhìn một cách tổng thể là sự biểu hiện tập trung của toàn bộ quan hệ vật chất, tinh thần của con người. Để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại ở Việt Nam hiện nay cần kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, bởi vì lịch sử bao giờ cũng là một dòng chảy nối liền từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Đoạn tuyệt với quá khứ để hăng hái đón nhận yếu tố hiện đại cũng đồng nghĩa với việc “mất gốc”. Đó sẽ là con đường ngắn nhất để đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc. Song, đóng cửa trước tương lai, phủ nhận những giá trị mới để giữ trọn yếu tố cổ truyền với mục tiêu “phục cổ” cũng sẽ là sai lầm nghiêm trọng không kém. Ở khía cạnh cá nhân “người nào cảm thấy bị đe dọa, bị thất bại trong nỗ lực thăng tiến cá nhân hay tập thể của mình, cảm thấy bị xâm chiếm bởi một nền văn hoá hay những lợi ích kinh tế từ bên ngoài, những người đó thường bám khư khư vào việc bảo vệ một căn tính được truyền lại mà họ là người nắm giữ hơn là người sáng tạo”¹. Ở phương diện rộng hơn, phương diện xã hội, “phục cổ” theo đúng nghĩa của nó sẽ không chỉ là phương pháp làm “khô hoá” và nghèo nàn cái đã có, mà còn làm cho nền văn hoá cùng với chủ thể văn hoá của mình trở thành xa lạ, thành thừa trong thế giới văn minh hội nhập. Cách lựa chọn chính xác, khoa học đối với cuộc sống hôm nay cần bắt đầu từ việc nhìn nhận một cách khách quan những hệ giá trị truyền thống và hiện đại. Phải “gạn đục khơi trong” để tìm ra những yếu tố hợp lý, tiến bộ, tránh thái độ phủ nhận sạch trơn cũng như chủ quan cào bằng, ôm đồm tất cả. Cho nên, nói như Alain Touraine trong cuốn *Phê phán tính hiện đại* thì: “không nên gọi một xã hội quét sạch quá khứ và các tín ngưỡng là hiện đại, mà phải gọi là hiện đại một xã hội cũ nhưng không phá huỷ cái cũ”². Nói cách khác, tiên tiến không có nghĩa là tách rời truyền thống mà được nối liền từ truyền thống. Những giá trị truyền thống chỉ có ý nghĩa tích cực khi nó làm nền tảng tạo cơ sở cho việc xây dựng những giá trị mới, những giá trị hiện đại. Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại là nhằm

¹ Alain Touraine: *Phê phán tính hiện đại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội. 2003, tr. 503

² Sdd, tr.527

kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, đem nó vào xã hội hiện đại để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Bản sắc văn hoá dân tộc hay yếu tố truyền thống của dân tộc là những giá trị bền vững của dân tộc được xây dựng qua hàng ngàn năm lịch sử. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, tính cố kết cộng đồng (gia đình, dòng họ, làng, nước), bản chất nhân ái, khoan dung, cần cù, sáng tạo... Bản sắc này thể hiện rõ lối sống vốn có của người Việt Nam. Để giữ gìn và xây dựng được bản sắc này, cha ông chúng ta đã phải hy sinh xương máu để chống lại chính sách đồng hoá với âm mưu phá vỡ lối sống cổ truyền của dân tộc Việt Nam từ phía quân xâm lược phương Bắc. Chúng hy vọng có thể dùng văn hoá để làm nhụt ý chí tự lực, tự cường, phá vỡ tính cố kết cộng đồng....Sau này, khi đế quốc Mỹ trong thời kỳ chiếm đóng miền Nam cũng tìm cách đưa vào nhân dân ta lối sống không lý tưởng, không đạo đức, trà đạp lên danh dự và tổ quốc thông qua hàng loạt văn hoá phẩm đồi trụy, chúng gieo rắc lối sống ích kỷ vào nhân dân, cổ vũ cho chủ nghĩa các nhân cực đoan, thực dụng. Trong hoàn cảnh ấy, những giá trị truyền thống phải đấu tranh với các phản giá trị để chứng tỏ sức mạnh của mình. Điều này phần nào cho thấy để có được những giá trị truyền thống hôm nay, dân tộc Việt Nam đã phải trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách. Trong điều kiện xã hội mới với nhiều thay đổi về cả kinh tế, chính trị và xã hội đã xuất hiện tư tưởng muốn “phủ nhận sạch trơn”, “rũ bỏ quá khứ” hy vọng đón nhận được nhanh, nhiều các giá trị hiện đại. Lợi dụng chính tâm lý thực dụng này của một bộ phận cá nhân trong xã hội, các thế lực thù địch luôn tìm cách làm phai nhạt lòng tự tôn tự hào dân tộc bằng cách xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ thành quả cách mạng của cha ông ta. Đây vốn là thủ đoạn của chiến tranh tâm lý đã được sử dụng từ thời kỳ cổ đại. Trong điều kiện hiện nay, thủ đoạn này được hỗ trợ đắc lực bằng các phương tiện hiện đại và ngày càng trở nên tinh vi hơn. Tuy nhiên, lịch sử đã rõ ràng đến mức mọi luận điệu xuyên tạc chỉ góp phần làm cho nó trở nên có sức sống hơn. Xã hội hiện tại là gạch nối giữa quá khứ và tương lai. Không có quá khứ hào hùng của dân tộc với hình ảnh con người Việt Nam cần

cù, sáng tạo, sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc sẽ không có ngày hôm nay với những con người được làm chủ và đang tiếp tục tiến về phía trước. Lối sống đoàn kết, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách đã tạo ra sức mạnh để “tất cả cho tiền tuyến”, tất cả vì độc lập, tự do cho tổ quốc đang tiếp tục được bồi đắp để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Có thể thấy đó là cách các thế hệ đi sau xây dựng một lối sống mới không phải trên một mảnh đất trống mà trên một nền tảng vững chắc là những di sản quý báu được rút ra từ lối sống cũ và ăn sâu vào tiềm thức con người Việt Nam. Nói cách khác, khi sống ở hiện tại và hướng về tương lai với những giá trị có tính toàn cầu để hội nhập với lối sống hiện đại đầy sôi động, người Việt Nam có hành trang là truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Đi đôi với việc gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống cần nhận thức được những hạn chế, những yếu tố bảo thủ gây ảnh hưởng tiêu cực và không còn phù hợp với thời đại mới. Thực tế là, suốt một thời gian dài cách thức sản xuất của nhân dân ta mang nặng tính tiểu nông, manh mún, nhỏ lẻ. Nền sản xuất nhỏ, nặng tính địa phương, khu vực đã làm nảy sinh tâm lý tiểu nông, tư tưởng “trọng nông ức thương”, “bình quân chủ nghĩa”, e dè trước cái mới... đã không những không kích thích được sản xuất mà còn càng làm cho sản xuất bị đình trệ, người lao động thờ ơ với tư liệu lao động chung... Cách giải quyết công việc mang nặng tính cảm tính, cục bộ địa phương, phép nước thua lệ làng làm hình thành lối sống thiếu năng động, thiếu tìm tòi sáng tạo, trông chờ, thụ động, kiểu làm ăn được chăng hay chớ. Lối sống đó từng gây ra những hậu quả không nhỏ và đang tiếp tục gây cản trở việc xây dựng lối sống mới hiện nay.

Trong nền kinh tế thị trường và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá việc lấy hiệu quả lao động làm thước đo mức độ hoàn thành công việc của mỗi người. Nếu nền sản xuất truyền thống trong tình hình mới dường như đã làm triệt tiêu động lực cá nhân thì nền kinh tế thị trường với thang giá trị mới đang có tác dụng kích thích năng lực sáng tạo, linh hoạt của mỗi cá nhân. Chính vì vậy, một mặt chúng ta cần lên án lối sống thực dụng, chạy theo lợi

ích vật chất tầm thường, mặt khác cũng cần nhận rõ tác dụng kích thích lao động và nâng cao chất lượng sống của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Người lao động trong xu thế hội nhập cần phải dựa trên nền tảng cái đã có để nhạy bén, linh hoạt, nắm bắt thời cơ và vận dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật. Họ làm giàu cho mình, cho gia đình, vừa khẳng định mình trong môi trường có tính cạnh tranh cao vừa góp phần xây dựng lối sống mới, lối sống dân tộc - hiện đại. Mở rộng vấn đề, trên phạm vi quốc gia, Đảng ta khẳng định: “Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm, giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hoá dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc. Tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới làm giàu thêm văn hoá Việt Nam; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hoá độc hại, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc. Khắc phục tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn”¹

Chủ trương, đường lối trên của Đảng hoàn toàn phù hợp với điều kiện đất nước trong giai đoạn hiện nay. Bởi lẽ, khi sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã đạt được những bước tiến nằm ngoài mọi dự định, mọi tính toán của con người và tác động đến hầu khắp các lĩnh vực thì không một quốc gia dân tộc nào có thể “đóng cửa”, quay lưng lại với các tiến bộ xã hội. Làn sóng toàn cầu hoá, lối sống công nghiệp sẽ buộc các quốc gia, dân tộc và từng cá nhân phải tự đổi mới, tự đón nhận, tự làm cân bằng các yếu tố để phát triển. Yếu tố truyền thống, theo đó, sẽ kết hợp hài hoà với yếu tố hiện đại bằng cách điều chỉnh, bổ sung và nâng mình lên ngang tầm của đòi hỏi mới. Chẳng hạn: lòng yêu nước trong thời đại mới phải là bản lĩnh biết làm giàu cho mình và đất nước một cách chính đáng, bảo vệ danh dự và độc lập chủ quyền của quốc gia yêu chủ nghĩa xã hội và phấn đấu vì sự nghiệp đổi mới của đất nước; tinh thần tương thân tương ái không chỉ dừng lại ở việc chia nhau khẩu phần khi đói, giúp nhau tấm áo khi lạnh mà phải là tinh thần đoàn kết giúp nhau vượt khó

¹ Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 111

khăn, cùng tiến bộ để nắm bắt thời cơ, nắm bắt khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh; bản tính cần cù, sáng tạo phải được bổ sung, nuôi dưỡng bằng hàm lượng tri thức khoa học ngày một cao.

Thực tiễn lịch sử chứng minh rằng, kết hợp được hài hoà yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại là một công việc rất khó khăn. Quá trình đó đòi hỏi chúng ta phải luôn quán triệt tinh thần biện chứng để không bị rơi vào chủ quan duy ý chí hoặc bảo thủ trì trệ. Tránh tình trạng tuyệt đối hoá lối sống cũ khi bảo vệ tính truyền thống và cũng không cổ vũ cho lối sống thực dụng phương Tây khi đón nhận tính hiện đại. Nhìn chung, để kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, *thứ nhất* là phải tìm ra cơ sở tồn tại, phương thức biểu hiện mới của giá trị truyền thống trong thời hiện đại để củng cố lối sống dựa trên tình nghĩa đồng thời lên án, tìm cách khắc phục những mặt tiêu cực của lối sống cũ hoặc những hành vi thái quá mượn danh “bảo vệ truyền thống” như: duy trì các hủ tục, tình trạng bạo lực gia đình, việc đốt vàng mã tràn lan...*Thứ hai*, đón nhận hệ giá trị hiện đại trên cơ sở nhận diện và đánh giá chính xác song song với việc khắc phục những hạn chế của lối sống công nghiệp dưới tác động của kinh tế thị trường như thái độ coi trọng đồng tiền, ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, lối cư xử “tiền trao cháo múc”.

Như vậy, lối sống dân tộc (với mô hình gia đình truyền thống bền vững, sản xuất nhỏ, nặng tính tiểu nông...) sẽ kết hợp với lối sống hiện đại (với mô hình gia đình mở, sản xuất lớn, tác phong và tính chất công nghiệp cao...) để hình thành lối sống dân tộc - hiện đại vừa giữ vững phát huy được tính bền vững của yếu tố truyền thống, hạn chế mặt trái của lối sống hiện đại vừa bắt nhịp được với lối sống hiện đại và tiếp thu những tinh hoa của nhân loại. Nghĩa là, để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay cần cả yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Ở một khía cạnh nào đó, nó còn có nghĩa là phải kết hợp hài hoà giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế.

2. Kết hợp hài hoà giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế.

Mỗi chủ thể nhân cách tồn tại trong xã hội đều phải là thành viên của một tộc người và của một quốc gia dân tộc. Chính vì thế, vấn đề dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế luôn là vấn đề thời sự của mọi thời đại. Trong công cuộc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay, việc kết hợp hài hoà giữa dân tộc và tộc người, dân tộc và quốc tế và phương châm hợp lý có tác dụng định hướng để tìm ra các biện pháp và bước đi phù hợp.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xêđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt, chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”¹. Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của một đất nước với nhiều thăng trầm, khi thì được độc lập, lúc lại mất tự do. Nạn giặc ngoại xâm, nạn đói rét cùng với thiên tai địch hoạ đã rèn đúc nên những người con đất Việt biết tựa lưng vào nhau để cùng sinh tồn, cùng vượt qua khó khăn. Chính vì thế, trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước các dân tộc thiểu số cũng như đa số luôn sẵn sàng gạt bỏ mọi lợi ích riêng tư, mọi mâu thuẫn nhỏ nhen để đồng tâm hợp sức vì một mục tiêu chung là nước nhà được độc lập, được sánh vai các cường quốc trong và ngoài khu vực. Có thể nói, tính cố kết cộng đồng, lòng yêu nước, trách nhiệm đối với sự tồn vong của đất nước đã trở thành mâu số chung để đoàn kết các tộc người trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã nhận ra và tập hợp được sức mạnh đoàn kết của dân tộc để cùng Đảng ta lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành thắng lợi.

Ngày nay, trong điều kiện hoà bình, tính cố kết cộng đồng, lòng yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái, khoan dung vẫn là chất keo kết dính 54 dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Các tộc người dù là thiểu số hay đa số, thậm chí chỉ vài chục người đều đang đồng lòng phấn đấu vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Trong điều kiện hiện nay, nhất là khi cả nước đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, các tộc người có cơ hội xích lại gần nhau hơn không chỉ về

phương diện địa lý mà cả trong lao động sản xuất, học tập và sinh hoạt. Ý thức tự giác về việc mình là thành viên của quốc gia dân tộc bên cạnh ý thức tự giác tộc người đang gia tăng. Chính vì vậy, giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tộc người trong giai đoạn hiện nay cần có quan điểm lịch sử, toàn diện tránh giản đơn, phiến diện, cứng nhắc, siêu hình. Nói cách khác phải quán triệt nguyên tắc “thống nhất trong đa dạng”, nghĩa là thống nhất ở tính dân tộc, đa dạng ở tính tộc người. Bởi lẽ sự tồn tại và phát triển của từng tộc người và của cả quốc gia dân tộc là một phức thể thống nhất, cái nọ lấy cái kia làm tiền đề, chỗ dựa cho mình.

Tính dân tộc và tính tộc người tuy là hai phạm trù rộng hẹp khác nhau, có thể coi là một phạm trù “cái chung” và một phạm trù “cái riêng”, song nội dung của chúng có những điểm giao thoa với nhau. Tính dân tộc biểu hiện tập trung ở tinh thần yêu nước, tinh thần tương thân tương ái, tính cố kết cộng đồng, cần cù, sáng tạo trong lao động...Điều này thể hiện một cách phong phú, đa dạng thông qua hoạt động của các tộc người. Nếu cả dân tộc có truyền thuyết “con Lạc cháu Hồng” thì ở từng tộc người cũng có phương thức để cố kết cộng đồng dựa trên những quy tắc chung. Ở người Mường, sự mất mát về con người là mất mát chung nên khi một thành viên trong làng qua đời, mọi gia đình không phân biệt giàu nghèo đều mang cho tang chủ hai ống gạo, một con gà, một lít rượu, một lạng muối. Tang chủ lấy những vật phẩm đó để tiếp làng. Ở người Mông, sự cố kết trong dòng họ là đặc điểm nổi bật, họ ý thức về một ông tổ chung và các công việc chung như xây nhà, ma chay, cưới hỏi...

Để tiếp tục củng cố và phát triển tính thống nhất trong đa dạng của mối quan hệ giữa dân tộc và tộc người, *một là* cần tiếp tục củng cố tinh thần đoàn kết từ trong nội bộ từng tộc người và giữa các tộc người với nhau. *Hai là*, ưu tiên cho hệ giá trị mang tính dân tộc theo nghĩa khắc phục hoặc dần xoá bỏ một số đặc điểm riêng biệt của một vài tộc người không còn phù hợp với điều kiện mới. Chẳng hạn: tính bảo thủ “theo cái lý của người Mông”, tang ma,

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 217.

cưới hỏi quá tốn kém; việc phá rừng làm nương rẫy, lấy gỗ làm nhà sàn của người Thái, người Mường, người Mông. *Ba là*, cần có biện pháp trước mắt và lâu dài để khắc phục tình trạng “tha hoá” của cá nhân, tộc người đang đe dọa tới giá trị dân tộc nói chung và tộc người nói riêng. Đó là tình trạng người dân tộc bỏ dần các trang phục truyền thống, không thích học ngôn ngữ của tộc người mình, thích nghi với lối sống thực dụng kiểu phương Tây. Thực tế cho thấy công nghiệp hoá, hiện đại hoá để phát triển đất nước là tuân theo quy luật khách quan và “hiện đại hoá văn hoá” cũng là quy luật tất yếu nảy sinh, tác động tới tất cả các tộc người. Tuy nhiên “hiện đại hoá văn hoá” khác với “Âu hoá” hay “Kinh hoá”, các tộc người hoàn toàn có thể đi lên hiện đại hoá bằng chính những gì đang có, bằng bản sắc và giá trị di sản văn hoá của mình.

Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, sự giao thoa văn hoá giữa các tộc người đang ngày càng đậm nét. Việc sử dụng song ngữ, đa ngữ trở thành hiện tượng phổ biến. Điều này một mặt cho thấy tác dụng tích cực của việc xích lại gần nhau, đoàn kết giữa các tộc người, mặt khác cũng báo động nguy cơ phai nhạt văn hoá tộc người. Câu hỏi lớn đang được đặt ra là làm sao để các tộc người cùng sống trong một dân tộc, cùng hưởng một chế độ văn đoàn kết một lòng trên cơ sở duy trì được cái riêng có của tộc người mình. Vấn đề này không chỉ gặp ở Việt Nam mà xuất hiện ở hầu khắp các quốc gia đa tộc người trên thế giới. Dưới tác động của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hàng năm, theo thống kê sơ lược, một quốc gia đánh mất ít nhất một tộc người. Như vậy, mỗi năm, trên thế giới mất đi hàng chục ngôn ngữ cùng với hàng chục tộc người và văn hoá riêng của họ. Nhận thức rõ nguy cơ này, Đảng ta luôn khẳng định: “sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố phát triển cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là quá trình hợp quy luật nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc”¹. Vì thế tuy coi trọng tính thống nhất quốc gia dân tộc để đảm bảo sự đoàn kết các tộc người vì mục tiêu chung của đất

nước, song phải chú ý gìn giữ tính đa dạng của các tộc người. Đánh mất dần tính đa dạng cũng chính là làm phai nhạt dân bản sắc Việt Nam, bởi lẽ bản sắc văn hoá, tính dân tộc, lối sống đạo đức được chất lọc từ văn hoá đa dạng, riêng có của các tộc người. Cụ thể, nếu các dân tộc ở Trường Sơn Tây Nguyên có truyền thống làm tượng nhà mồ nổi tiếng, dân công chiêng độc đáo và những áng sử thi hùng tráng thì người Chăm ở Duyên Hải miền Trung lại có những đền tháp, những tác phẩm điêu khắc đá, những bia kí trên đá. Nếu người Khơme ở Nam Bộ có một kho tàng văn học Phật giáo, nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc Phật giáo đồ sộ thì người Tày, Thái ở vùng cao phía Bắc lại có kho tàng văn học dân gian, những mái nhà nhỏ theo kiến trúc truyền thống... Tất cả những nét văn hoá tộc người riêng ấy tạo thành văn hoá Việt. Hay nói cách khác, mỗi tộc người với những sắc thái bản địa riêng đã góp phần làm nên một nền văn hoá Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Tính dân tộc, nét đặc trưng của người Việt như lòng yêu nước vô bờ bến, tinh thần đoàn kết cao, lối sống giản dị, sâu sắc và tinh tế trong ứng xử, cần cù và sáng tạo trong lao động sản xuất... được vun đắp từ trong lịch sử từ 54 dân tộc anh em. Lợi dụng đặc điểm này, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá Việt Nam từ bên trong với tham vọng làm rối loạn, mất đoàn kết nội bộ. Chúng lợi dụng chiêu bài gìn giữ tộc người để dụ dỗ, kích động một số tộc người đứng lên đòi thành lập quốc gia riêng. Trong vấn đề này, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quán triệt nguyên tắc thống nhất về tính quốc gia dân tộc đồng thời không ngừng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các hoạt động văn hoá ở địa phương; bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể; tổ chức ngày hội văn hoá thường niên của một số tộc người tiêu biểu và tôn vinh lối sống văn hoá truyền thống của các tộc người trong dân tộc Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam là cộng đồng chính trị - xã hội được hợp thành bởi các tộc người cùng chung sống, là quốc gia đa tộc người. Vì thế, “sự phát triển mọi mặt của từng tộc người đi liền với sự phát triển của cộng đồng các dân tộc

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Chính trị Quốc gia,

trên đất nước ta”¹. Cho nên, phải đoàn kết các tộc người thành một khối trên cơ sở thống nhất cái đa dạng, ưu tiên cho lợi ích dân tộc, song không bỏ quên lợi ích tộc người. Lịch sử đã ràng buộc vận mệnh các tộc người trên đất nước Việt Nam với nhau, không cho phép một tộc người nào có thể tách riêng để xây dựng quốc gia độc lập nhưng vẫn tôn trọng nguyện vọng giữ gìn bản sắc riêng của các tộc người. Nghĩa là, các tộc người luôn được tạo điều kiện để bảo tồn và phát huy bản sắc của tộc người mình với những giá trị về ngôn ngữ, trang phục, phong tục... Có ý kiến cho rằng, hiện tượng một số người Mường, người Thái bán nhà sàn để xây nhà lầu; một số thanh niên dân tộc chỉ thích mặc đồ Tây, không thích trang phục truyền thống; một số phụ huynh chỉ thích cho con nói tiếng Kinh, nói ngoại ngữ... là kết quả của việc chỉ nhìn thấy yếu tố dân tộc mà bỏ quên, xem nhẹ yếu tố tộc người. Thực tế là, cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội, các tộc người có cơ hội tiếp cận và giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài. Sự giao lưu đó tất nhiên sẽ đưa lại những biến đổi nhất định. Song, thực trạng xã hội với một số vấn đề như trên không phải là kết quả của việc đề cao yếu tố dân tộc. Bởi vì, yếu tố dân tộc đã bao hàm yếu tố tộc người, tính dân tộc không bài trừ tính tộc người. Người Kinh và các tộc người khác đều có chỗ đứng của mình và góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Đó sẽ là quá trình quốc gia hoá các giá trị văn hoá tộc người đồng thời là quá trình chọn lọc, tiếp nhận, tộc người hoá tinh hoa văn hoá của các tộc người khác. Vấn đề là trình độ phát triển của các tộc người không đồng đều và có không ít các tộc người còn ở trong tình trạng rất lạc hậu. Chính vì vậy, kết hợp yếu tố dân tộc và tộc người một cách hài hoà là phải đưa các tộc người lạc hậu bắt nhịp được với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở duy trì được bản sắc tộc người vốn có để xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” với nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên nên các tộc người nhất là các tộc người thiểu số trên đất nước Việt Nam phân bố rải rác ở các vùng ngoại vi khác

nhau. Đời sống vật chất, đời sống tinh thần và mức độ tiếp nhận thông tin của các tộc người rất khác nhau. Mối liên hệ giữa các tộc người cũng không diễn ra thường xuyên. Đây là điều kiện thuận lợi để bọn cơ hội và các thế lực phản động lợi dụng nhằm từng bước phá vỡ tính thống nhất dân tộc bằng cách xoá bỏ tính tộc người (kết tội văn hoá tộc người, lên án tổ tiên) hoặc kích động tộc người (đòi thành lập khu tự trị, quốc gia độc lập). Tất nhiên, mọi âm mưu nhằm phá vỡ tính đại phương hay tính tộc người trong văn hoá để từ đó phá vỡ tính thống nhất dân tộc, trước sau gì cũng thất bại. (Vàng A Chứ, Tin lành Đêga). Song, trong điều kiện hiện nay, khi chính sách đối với các tộc người của Đảng và Nhà nước đang tiếp tục được hoàn thiện cần tránh mọi thái độ phiến diện, chủ quan, nóng vội. Thực hiện hợp lý và hiệu quả chính sách dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng của các tộc người tiếp tục là yêu cầu thường xuyên.

Việc kết hợp hài hoà yếu tố dân tộc và tộc người phải được tiến hành song song với việc kết hợp hài hoà yếu tố dân tộc và quốc tế để một mặt duy trì được khối đoàn kết nội bộ, giữ được bản sắc văn hoá vốn có, mặt khác đưa được vào yếu tố nội sinh hơi thở của thời đại để văn hoá Việt Nam không xa lạ với văn hoá thế giới. Đây là hai vế của cùng một vấn đề, bởi lẽ, thực chất những âm mưu chống phá của các thế lực thông qua dụ dỗ, kích động các tộc người bằng chiêu bài nhân quyền, vấn đề tôn giáo và viện trợ kinh tế...là nhằm mục tiêu phá hoại khối đoàn kết nội bộ của Việt Nam. Cách thức này được áp dụng không chỉ với Việt Nam mà với hầu khắp các quốc gia đa sắc tộc nhưng tập trung ở những nước đang phát triển. Chính xu thế toàn cầu hoá với sức ảnh hưởng ngày càng rộng của nó đang trở thành môi trường thuận lợi để một số thế lực thực hiện cái gọi là: “văn hoá đại chúng”, “quốc tế hoá các dân tộc”, “thế giới một văn hoá”...Quá trình toàn cầu hoá cũng làm nảy sinh những nguy cơ to lớn về sự đồng nhất hoá các hệ giá trị, đe doạ đặc tính đa dạng của các nền văn hoá, làm xói mòn định hướng văn hoá dân tộc, gây ảnh hưởng trực tiếp đến lối sống của cá nhân và cộng đồng.

¹ Sdd, tr98

Trong điều kiện hiện nay, không một quốc gia, dân tộc nào có thể tạo ra được sự phát triển trong một mô hình đóng kín, biệt lập. Muốn phát triển, các quốc gia phải mở cửa hội nhập, hợp tác song phương, đa phương. Việc mở cửa để thu nhận tinh hoa nhân loại khác với việc “Âu hoá các giá trị Việt” hay hoà tan. Việt Nam không đứng ngoài xu thế hội nhập bởi đó là xu thế tất yếu khách quan. Cộng đồng thế giới đang chung sức để giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu như: ô nhiễm môi trường, tăng dân số, nạn khủng bố, dịch bệnh...Việt Nam, giống như nhiều quốc gia khác đang khẳng định vị trí và đóng góp của mình bằng việc phát triển kinh tế xã hội, giảm dần khoảng cách giàu nghèo và phân hoá xã hội, bảo vệ và phát huy các giá trị truyền thống. Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rõ rằng vấn đề nào cũng có tính hai mặt. Quá trình toàn cầu hoá dựa trên sức mạnh của các thành tựu khoa học đang đem đến cả thời cơ và thách thức. Nó đem lại cho các quốc gia cả thuận lợi và khó khăn, cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Chính vì vậy, xã hội ngày nay đang diễn ra những thay đổi đôi khi trái ngược nhau.

Nhìn một cách tổng thể, bước vào thời kỳ mới, dưới tác động của nhiều yếu tố, xã hội Việt Nam đang có những bước chuyển rõ nét. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá thực sự đang làm thay đổi bộ mặt đất nước. Điều kiện kinh tế, xã hội thay đổi kéo theo sự thay đổi của lối sống. Một lối sống mang tính thuần nông, nặng về ràng buộc gia đình, dòng họ với tính chất khép kín đang dần được thay thế. Một lối sống mới đang được xác lập với sự thay đổi của: cách thức lao động, làm ăn, kinh doanh; cách thức giao tiếp ứng xử; quan niệm về đạo đức và nhân cách; các phong tục tập quán...Bên cạnh những thành tựu thấy rõ như: trách nhiệm và tính sáng tạo của người lao động được nâng cao, sức người trong lao động ngày một giảm, tính chất kinh doanh mở rộng ra phạm vi khu vực và thế giới...có một thực trạng đáng quan ngại là sự thu nhận thái quá lối sống thực dụng phương Tây, những quan niệm thẩm mỹ, đạo đức đi ngược lại hệ chuẩn vốn có của dân tộc.

Xã hội Việt Nam đang chứng kiến sự rạn nứt của mô hình gia đình truyền thống. Trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ ngày càng có xu hướng

bị vật chất chi phối. Cách thức giao tiếp ứng xử có trên dưới, trước sau cũng đang là vấn nạn của xã hội. Bên cạnh một bộ phận thanh niên muốn khẳng định tính độc lập của mình, thì một số khác trong xã hội bị chi phối bởi chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, lối sống hưởng thụ và các quan niệm “mở”, “thoáng” về đạo đức. Đây là những thành tố góp phần làm cho xã hội phải đối mặt với những vấn đề nhức nhối. Trong những trường hợp nhất định nó còn làm ảnh hưởng tới quyền lợi, danh dự quốc gia. Chẳng hạn vì quyền lợi cá nhân, có không ít người đã bán rẻ lương tâm, bị bọn xấu dụ dỗ và sai khiến, sẵn sàng đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hoặc có những tổ chức kinh doanh vì lợi nhuận trước mắt mà đánh mất niềm tin của bạn hàng quốc tế đối với Việt Nam...

Trong lịch sử, tính dân tộc đã xác lập cho Việt Nam một chỗ đứng trên thế giới. Để có được vị thế đó, dân tộc ta đã phải chiến đấu, hy sinh và phấn đấu không mệt mỏi. Ngày nay, trong xu thế hội nhập, tính dân tộc càng phải được củng cố và phát triển. Một dân tộc có thể sẽ bị xoá sổ trên bản đồ thế giới nếu đánh mất tính dân tộc của mình. Chính vì vậy, trong khi xây dựng nền văn hoá tiên tiến bằng cách tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới, Đảng ta chủ trương giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc khác hẳn với việc tuyệt đối hoá yếu tố dân tộc bằng cách từ chối mọi thành tựu chung của nhân loại vì: “Việc bảo vệ truyền thống văn hoá hết sức cách xa với việc khẳng định một căn tính mà nó chỉ có thể được xác định bằng việc chống lại một mối đe doạ của nước ngoài và sự trung thành với một trật tự xã hội... Nó biện minh cho những đường lối dân tộc chủ nghĩa, coi thường lợi ích các tầng lớp đông đảo nhất thay vì bảo vệ những lợi ích này”¹. Nó cũng khác với chủ nghĩa dân túy vì “chủ nghĩa dân túy không phải là ý thức dân tộc, lại cũng không phải là ý chí phát triển của dân tộc; nó đặt những mục tiêu hiện đại hoá xuống dưới sự thống nhất xã hội và văn hoá, tuy không phải là từ bỏ tính hiện đại nhưng làm cho nó trở thành khó khăn và bị hạn chế; vì mọi quá trình hiện đại đều kéo theo sự đoạn tuyệt với quá khứ,

¹ Alain Touraine: *Phê phán tính hiện đại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 503.

những sự vay mượn. Chủ nghĩa dân túy luôn được cổ vũ bởi ý tưởng phục hưng hoặc trở về cội nguồn; nó dựa vào một huyền thoại gốc; nó không tin vào tiến bộ cũng như sự lệ thuộc của văn hoá đối với kinh tế”¹

Để củng cố tính dân tộc trong quá trình hội nhập, *thứ nhất*, chúng ta phải gìn giữ và phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc như: lòng yêu nước nồng nàn; lối sống tình nghĩa, giản dị; tinh tế trong giao tiếp và ứng xử; cần cù, sáng tạo, thật thà trong lao động sản xuất...*Thứ hai*, khi hội nhập cùng với việc tiếp thu các thành tựu mới, không tránh khỏi việc du nhập các phản giá trị. Cho nên cần phân luồng và có biện pháp trước mắt cũng như lâu dài. Tránh thái độ nóng vội, chủ quan, thái quá và phiến diện trong nhận diện cũng như xử lý các hệ giá trị.

Về một khía cạnh nào đó, ảnh hưởng của lối sống phương Tây đối với một bộ phận thanh niên Việt Nam là rất rõ, rất đáng lên án như kiểu giao tiếp sòng phẳng dựa trên quan hệ đồng tiền, lối sống hưởng thụ, chạy theo những lợi ích trước mắt, đua theo những quan niệm đạo đức, thẩm mỹ đi ngược lại với truyền thống của dân tộc. Bên cạnh đó, cũng cần nhận thấy rằng, quan niệm thẩm mỹ, đạo đức không có một hệ chuẩn khép kín, nó không khoanh vùng cụ thể cho hành vi của từng thế hệ. Cho nên, chúng ta lên án những biểu hiện thái quá, lối sống lai căng, vô đạo đức nhưng cũng phải chấp nhận sự dịch chuyển nhất định của bậc thang giá trị. Sự dịch chuyển này có lợi khi nó kích thích lao động, sáng tạo và cống hiến. Sự tiếp thu trong phạm vi, chẳng hạn sử dụng ngoại ngữ, nghe nhạc Jazz, Rock, mặc áo Pull, quần Jean phù hợp với lứa tuổi, công việc và nhu cầu giải trí lành mạnh của một bộ phận không nhỏ trong xã hội. Trong một thế giới mở, một môi trường năng động, không thể viện cớ duy trì tính dân tộc, truyền thống để khiến cưỡng bắt ép, đóng khung từ trang phục cho tới suy nghĩ, hành động của các cá nhân. Tuyệt đối hoá yếu tố dân tộc bằng cách loại bỏ các yếu tố ngoại lai không những không đem lại hiệu quả mà còn có thể phản tác dụng.

Hậu quả nghiêm trọng không kém cũng xảy ra nếu muốn đón nhận tinh hoa nhân loại mà tuyệt đối hoá yếu tố quốc tế. Một sự đón nhận xô bồ sẽ không chỉ làm băng hoại lối sống đạo đức, thẩm mỹ của một vài thế hệ mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới sự còn mất của dân tộc. Nói cách khác, hai yếu tố dân tộc và quốc tế về nguyên tắc không đối lập nhau song đi vào chi tiết sẽ có nhiều vấn đề nảy sinh mang tính chọn lựa. Ở một khía cạnh nào đó, trên bình diện triết học việc giải quyết mối quan hệ giữa yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế cũng chính là giải quyết mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Mọi sự tuyệt đối hoá khi giải quyết vấn đề này đều đưa tới sai lầm bởi xã hội hiện đại bên cạnh việc xác lập vị trí của từng cái riêng còn mở rộng tính ràng buộc lẫn nhau của các đối tượng. Chính vì vậy, trong xã hội hiện đại mỗi cá nhân, đối tượng đều phải biết tạo ra sự cân bằng tương đối khi giải quyết mối quan hệ giữa cái cá nhân và cái xã hội.

3. Kết hợp hài hoà giữa cá nhân và xã hội

Có ý kiến cho rằng, nhìn một cách tổng thể, sự khác biệt căn bản giữa lối sống dân tộc và hiện đại là lối sống dân tộc đẩy cao tính cộng đồng còn lối sống hiện đại lại chú trọng tới lợi ích cá nhân. Đây là một nhận định không chính xác và chưa toàn diện. Thực tế là, bất cứ một vấn đề gì cũng có tính hai mặt của nó và xã hội ở mọi giai đoạn lịch sử đều chứng kiến mâu thuẫn giữa cái cá nhân và cái xã hội như một sản phẩm tất yếu. Trong điều kiện hiện nay, kết hợp được hài hoà giữa cá nhân và xã hội được xem như một tiêu chí quan trọng để xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam.

Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội là đề tài được nhắc tới từ rất sớm trong lịch sử. Mỗi cá nhân đều thuộc về một xã hội ở một giai đoạn lịch sử nhất định và họ đóng góp cho xã hội từ vị trí của mình trong xã hội đó. Khái niệm xã hội được hiểu ở nhiều cấp độ khác nhau: giai cấp, chủng tộc, quốc gia dân tộc...cao nhất là cả nhân loại. Quan hệ cá nhân và xã hội mang tính lịch sử, nó luôn có sự vận động, thay đổi. Ở thời kỳ cộng sản nguyên thuỷ, quan hệ cá nhân - xã hội tương đối đơn giản và không mang tính đối lập. Từ khi xã hội có giai cấp xuất hiện, quan hệ cá nhân và xã hội diễn ra rất phức tạp và phụ

thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Việc giải quyết mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội thường xuất hiện hai khuynh hướng đối lập: một là tuyệt đối hoá lợi ích cá nhân dẫn đến lối sống cá nhân chủ nghĩa; hai là tuyệt đối hoá lợi ích tập thể, xã hội mà thực chất là chủ nghĩa bình quân, coi nhẹ vị trí từng cá nhân dẫn đến thủ tiêu động lực phát triển. Lịch sử đã chứng minh cả hai khuynh hướng trên đều dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng.

Thực chất của việc tổ chức xã hội là giải quyết quan hệ lợi ích nhằm tạo ra khả năng cao nhất cho mỗi cá nhân tác động vào quá trình kinh tế - xã hội. Xã hội tạo ra môi trường để mỗi cá nhân tự xác lập vị trí của mình và mức độ ảnh hưởng, đóng góp cho xã hội của họ cũng xuất phát từ vị trí đó. Chính vì vậy, cùng với sự phát triển của sản xuất, khoa học không ngừng đạt được các bước tiến quan trọng, dường như tác động của cá nhân tới xã hội cũng ngày một tăng thêm. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, khi các phản giá trị tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau thì việc tạo ra môi trường xã hội “sạch” để các cá nhân phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn. Trong quan hệ cá nhân và xã hội, tạo ra dư luận xã hội, áp lực xã hội là một cách thường được dùng để định hướng phát triển nhân cách cá nhân. Song, cá nhân lại đang tác động trở lại xã hội dưới những hình thức rất phong phú. Nhìn chung, sự tác động đó có hai mặt: tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực đến từ những cá nhân có tri thức, đạo đức và tài năng. Họ có lập trường tư tưởng vững vàng và động cơ phấn đấu trong sáng. Những cá nhân này, một mặt xác lập được chỗ đứng cho bản thân, mặt khác góp phần thúc đẩy xã hội phát triển. Bên cạnh đó, có không ít cá nhân trở thành nhân tố kìm hãm sự phát triển. Họ đặt lợi ích cá nhân, lợi ích vật chất lên trên tất cả. Lối sống thực dụng, vì danh lợi, lối sống thờ ơ vô trách nhiệm và mất phương hướng đang trở thành vật cản trong tiến trình phát triển của nước ta nói chung và trong việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam nói riêng.

Có thể thấy, xã hội bao giờ cũng đòi hỏi một trật tự với một hệ thống các vị trí các cá nhân khác nhau, xuất phát từ phân công lao động xã hội và quan hệ xã hội. Trong khi đó, tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng được xem như tàn dư tư tưởng phong kiến, đang tiếp tục ảnh hưởng đến việc xây dựng lối sống mới ở

nước ta hiện nay. Người có tư tưởng địa vị luôn đánh giá và phân biệt con người dựa trên nghề nghiệp, gia sản, chức vụ. Với họ quản lý là phương tiện để thoả mãn những mục tiêu cá nhân như danh vọng, quyền lực, tiền bạc. Cho nên người có tư tưởng địa vị, vị lợi luôn tìm cách để “lọt mắt” cấp trên, ganh đua, bon chen với đồng nghiệp gây mất đoàn kết trong đoàn thể, vi phạm quy chế dân chủ trong bầu cử, trốn tránh sự giám sát của quần chúng. Nói cách khác, tư tưởng địa vị kích thích người ta dấn thân vào sự ganh đua, phấn đấu vì những động cơ không tốt đẹp. Khi đã đạt được địa vị nhất định, để củng cố địa vị của mình, họ xây dựng ê kíp, phe cánh của mình; họ đưa người thân, người cùng cánh giữ chức vụ cần thiết...đây là tiền đề của nạn tham nhũng tập thể, có tổ chức, có tính toán. Vấn nạn này của xã hội đang được nhắc tới ngày một nhiều hơn báo động một thực trạng mà xã hội hiện đại tiếp tục phải đối mặt.

Tư tưởng gia trưởng cũng là một biểu hiện khác của tư tưởng địa vị, đẳng cấp. Đó là hiện tượng thu tóm mọi quyền lực một cách độc đoán vào tay người chủ gia đình. Đặc biệt nghiêm trọng là người mắc bệnh gia trưởng nếu được giữ cương vị lãnh đạo sẽ biến cơ quan, đơn vị thành mô hình giống như gia đình riêng của mình. Họ coi thường ý kiến tập thể, khát khao quyền lực độc tôn. Để tránh sự phán xét của dư luận xã hội, họ thường đánh đồng sự độc đoán chuyên quyền với tinh thần năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm.

Nhìn chung có thể thấy rằng, đặc điểm lớn của tư tưởng phong kiến là nó dựa nhiều vào địa vị cá nhân, quyền lực và lợi ích cá nhân trong mọi vấn đề. Đây là lý do căn bản kìm hãm sự phát triển chung của xã hội suốt một thời gian dài. Từ khi thực hiện đổi mới toàn diện đất nước, quyền dân chủ của nhân dân đang dần được phát huy song tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng chưa mất đi. Hiện nay, tư tưởng địa vị, gia trưởng ở nước ta có những biến đổi phức tạp, một mặt do ảnh hưởng bởi tâm lý cũ; mặt khác do những tác nhân của nhân tố mới sinh ra. Điều kiện chuyển đổi cơ chế như hiện nay không những không thủ tiêu mà còn tạo ra những cơ hội nhất định để những người có tư tưởng cá nhân chủ nghĩa lợi dụng. Họ đang được kích thích bởi khả năng làm giàu bất chính nhanh chóng nhờ lợi dụng chức quyền, lợi dụng sơ hở trong cơ chế quản lý và kẽ hở của pháp

luật. Những cương vị chủ chốt trong các lĩnh vực nhất là xét duyệt kinh phí đầu tư, xét và cấp giấy hoạt động dự án, nhà đất, xây dựng cơ bản, xuất khẩu...đang trở thành mục tiêu tấn công của những người vụ lợi, hám danh vọng. Những vụ việc tiêu cực được đưa ra ánh sáng như: công ty dệt Nam Định, Long An, Minh Phụng...là minh chứng sống động nhất cho thực trạng này ở nước ta.

Tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng đang tìm được đồng minh mới của nó trong mặt trái của cơ chế thị trường và tạo ra lối sống cá nhân chủ nghĩa, lối sống thực dụng bất chấp sự lên án, trừng phạt của xã hội, pháp luật. Những người cổ vũ cho lối sống này đang vỗ ngực tự cho mình là hợp với thời đại mới vì xã hội cũ thủ tiêu sức sống của cá nhân để đưa ra một xã hội mô thức còn sống trong xã hội hiện đại con người phải “hiện sinh”. Cần phải khẳng định rằng, chúng ta không thể tán đồng lối sống cá nhân chủ nghĩa cực đoan với quan điểm thực dụng thô thiển. Những người sáng lập ra quan điểm ấy đã nguy biện rằng: mỗi người vì cá nhân mình là mục tiêu sống và chủ nghĩa cá nhân là bản chất tự nhiên của con người. Trong khi họ không thấy được rằng con người cá nhân không thể tồn tại ở đâu khác ngoài xã hội và anh phải có trách nhiệm với xã hội ấy. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước điều tiết và lãnh đạo nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy rất coi trọng đồng tiền nhưng bao giờ cũng chỉ xem đó là phương tiện để phát triển cơ sở vật chất chứ không phải là mục tiêu hướng tới. Mọi cá nhân cũng phải phân biệt rạch ròi giữa cái phương tiện để đạt đến giá trị và giá trị đích thực. Mọi vấn đề, theo đó, phải luôn có sự kết hợp hài hoà giữa cá nhân và xã hội. Chỉ khi đạt được lợi ích cá nhân và xã hội vào một thể thống nhất biện chứng một cách hài hoà thì mới làm nảy sinh một động lực phát triển hợp lý và toàn diện. Muốn vậy, phải tiếp tục phát huy nhân tố con người vì thực hiện chiến lược con người có ý nghĩa quyết định để giải quyết tốt, kết hợp hài hoà được cá nhân và xã hội. Vấn đề này được Đại hội IX xác định cụ thể là: *xây dựng con người Việt Nam có tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức tự cường dân tộc, trách nhiệm trong lao động, có tác phong công nghiệp, có ý thức cộng đồng, tôn trọng tình nghĩa, có lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.*

Tóm lại, để xây dựng được một nước Việt Nam giàu mạnh về kinh tế, phong phú về văn hoá, vững chắc về chính trị, quốc phòng...phải bắt đầu từ những con người Việt Nam yêu nước, có tri thức, biết phấn đấu vì một lý tưởng cao đẹp. Con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập phải có lối sống dân tộc - hiện đại. Công cuộc xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại trong thời gian qua đã có những bước đi đáng kể. Trong thời gian tới, để tiếp tục đẩy nhanh, mạnh, vững chắc quá trình xây dựng con người mới Việt Nam với lối sống dân tộc - hiện đại, theo chúng tôi cần quán triệt một số nguyên tắc sau:

Thứ nhất, quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trên cơ sở chú trọng bảo tồn các giá trị văn hoá của dân tộc và vận động xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh, mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế để tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học của các nước trên thế giới.

Thứ hai, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, cách thức tiến hành... của việc xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở Việt Nam hiện nay phải được chia thành từng cấp độ cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ chính trị, thành phần lao động để lôi cuốn tập hợp được nhiều cá nhân, tổ chức tham gia hưởng ứng.

Thứ ba, lựa chọn các hệ giá trị truyền thống và hiện đại cơ bản để giáo dục, định hướng cho các thành viên trong xã hội. Đồng thời cần tránh hai khuynh hướng: tả khuynh và hữu khuynh. Gắn lý tưởng sống của con người với hệ giá trị: *chân, thiện, mỹ*.

Thứ tư, công tác xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại cần được thực hiện đồng bộ, rộng khắp thông qua hệ thống hoạt động của các chủ thể nhân cách trong xã hội. Mỗi cá nhân, tổ chức, địa phương cần phối hợp chặt chẽ các hoạt động để nhân rộng ưu điểm, hạn chế nhược điểm và sai lầm nếu có.

Thứ năm, giáo dục, thuyết phục, động viên để các thành phần xã hội đều thấy rõ và có ý thức thực hiện lối sống dân tộc- hiện đại.

NÂNG CAO LÝ TƯỞNG ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI GẮN VỚI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

PGS,TS. LÊ BÌNH

Độc lập dân tộc là mục tiêu của Cách mạng giải phóng dân tộc, là tiền đề và điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời chủ nghĩa xã hội là đảm bảo chắc chắn và bền vững nhất cho độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, nền độc lập dân tộc đích thực. Mọi đường lối chiến lược, sách lược, phương pháp cách mạng, các chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đều xuất phát từ một tư tưởng lớn gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đã tổng kết: “Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam”¹.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã từ lâu là lý tưởng cao cả của biết bao thế hệ người Việt Nam. Trong những năm tháng đen tối của kiếp người nô lệ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là niềm tin và hy vọng, là động lực thôi thúc cho cuộc đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa khốc liệt, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn luôn là lý tưởng sống, nguồn cổ vũ lớn lao cho hàng triệu con người Việt Nam xung trận và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng cao cả đó. Thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như những thành tựu to lớn, đáng tự hào của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã chứng minh cho vai trò to lớn, quan trọng của lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân ta.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại Đại hội lần thứ IV. Nxb. Sự thật H.1977 Tr. 183

Sự nghiệp đổi mới đất nước của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động to lớn và sâu sắc. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, sự tan rã hệ thống xã hội chủ nghĩa làm cho tương quan lực lượng bất lợi cho phong trào cách mạng thế giới. Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế âm mưu triệt để lợi dụng thời cơ

này cũng như lợi dụng xu thế toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan tiến hành “Diễn biến hoà bình” và bạo loạn lật đổ thủ tiêu các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, đưa các nước này đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trong khi đó đất nước còn tồn tại nhiều nguy cơ nghiêm trọng và thử thách nghiệt ngã. Mặt trái của kinh tế thị trường và mở cửa đã tác động một cách mãnh liệt, to lớn vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và con người. Sự tha hoá về đạo đức lối sống đang cản trở to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá của đất nước. Điều đó cho thấy vấn đề nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là vấn đề mang tính cấp thiết và có tầm quan trọng đặc biệt trong xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại ở nước ta hiện nay, yếu tố quan trọng cho thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII của Đảng ta đã khẳng định: “Toàn Đảng toàn dân, toàn quân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”¹. Một trong những bài học mà Đại hội VIII tổng kết quan 10 năm đổi mới là “Nắm vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”². Bài học lớn đầu tiên được Đại hội X của Đảng rút ra từ thực tiễn của 20 năm đổi mới là: “Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng Chủ nghĩa Mac - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”³.

¹ - Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại Đại hội lần thứ IV . Nxb. Sự thật H.1977 Tr. 183

² Đảng cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước lên CNXH* . Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

³ Đảng cộng sản Việt Nam. Báo của BCHTW Đảng khoá VII về các Văn kiện Đại hội VIII. Tạp chí Quốc phòng toàn dân số 7. 1996. Tr 15 -17.

Để nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cần phải tiến hành nhiều giải pháp trong đó chủ yếu là chăm lo giáo dục chủ nghĩa Mac - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho mọi tầng lớp nhân dân.

Chủ nghĩa Mac - Lênin, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản là một học thuyết khoa học mang tính cách mạng triệt để, phản ánh đúng đắn quy luật vận động khách quan tất yếu của hiện thực, đặc biệt là những quy luật từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và đem lại phương pháp nhận thức tư duy biện chứng khoa học. Học thuyết đó trang bị cho giai cấp vô sản vũ khí sắc bén về lý luận và phương pháp để tự giải phóng mình, giải phóng nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới thoát khỏi ách nô dịch và bóc lột, xây dựng một xã hội mà ở đó mọi người có cuộc sống ấm no tự do hạnh phúc.

Hạt nhân khoa học tinh túy nhất của toàn bộ học thuyết Mác - Lênin chính là phép biện chứng duy vật mà theo Mác “về thực chất thì nó có tính chất phê phán và cách mạng”. Lênin cũng coi đó là “điểm căn bản”, “linh hồn sống” của Chủ nghĩa Mác.

Thực tiễn cho đến nay chứng minh một cách sáng tỏ, với bản chất khoa học và cách mạng, Chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho nhận thức và cải tạo thế giới trên mọi lĩnh vực, vẫn là cơ sở lý luận phương pháp luận khoa học cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu không phải là “sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”, không phải là “sự sụp đổ của học thuyết Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội” như chủ nghĩa chống cộng, chủ nghĩa xét lại đã trắng trợn tuyên bố, xuyên tạc. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết đầy sức sống, bởi lẽ nó luôn luôn gắn liền với sự phát triển của khoa học, của cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận hết sức gay go quyết liệt. Trong lịch sử một thế kỷ rưỡi tồn tại, không chỉ một lần các lực lượng thù địch âm mưu “chôn vùi” chủ nghĩa Mác, nhất là khi phong trào

cách mạng ở nơi này, nơi khác bị tạm thời thất bại. Tuy nhiên chủ nghĩa Mác vẫn sống và lại tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn.

Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin được quyết định trước hết bởi tính khoa học và cách mạng của nó, bởi tính chân lý thể hiện ở những quy luật khách quan mà nó đã khám phá, bởi những nguyên lý cơ bản của nó đã phản ánh đúng hiện thực khách quan. Sức sống đó còn được quyết định bởi những người cách mạng và các Đảng cộng sản nắm vững học thuyết Mác - Lênin với tính cách là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động để suy nghĩ độc lập và để giải quyết một cách sáng tạo những vấn đề lịch sử mà cuộc đấu tranh của mỗi nước và thời đại đặt ra.

Trong bối cảnh sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta tưởng chừng như không có đường ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh trải qua quá trình bôn ba tìm đường cứu nước đã chỉ ra cho nhân dân Việt Nam, muốn giải phóng dân tộc phải theo con đường của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Quyết tâm đi theo con đường của Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa Mác - Lênin là cái cẩm nang thần kỳ...muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy, Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy, Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”¹

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Người truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Đó là đường lối kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đóng góp to lớn vào việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là về cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, nền kinh tế lạc hậu bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc về hệ tư tưởng Mác- Lênin mà ngay trong bản thân nó đã có sự kết hợp hữu cơ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tinh hoa trí tuệ của Việt Nam và của nhân loại. Nó là bước phát triển mới của Chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm giải đáp những vấn đề mới do đất nước và thời đại đặt ra.

Sự nghiệp cách mạng Việt Nam với những thắng lợi trong hơn nửa thế kỷ qua đã chứng tỏ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vậy Đảng ta đã khẳng định “Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”².

Nhận thức sâu sắc vai trò của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội nói chung cũng như đối với việc nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội cho mọi tầng lớp nhân dân nói riêng, trong những năm gần đây Đảng ta đã rất quan tâm đến công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và công tác này đã có sự đổi mới đáng kể. Nhờ vậy, mặc dù trong điều kiện quốc tế đầy biến động to lớn và sâu sắc, đất nước có những nguy cơ nghiêm trọng và thử thách nghiệt ngã, công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng nâng cao trình độ lý luận chính trị cũng như đạo đức lối sống cho cán bộ đảng viên và nhân dân ta, góp phần quan trọng làm cho tình hình chính trị được ổn định, tình hình kinh tế xã hội phát triển năng động và thu được những thành tựu to lớn, đáng tự hào.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, trong đó có yêu cầu của cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận, công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn bộc lộ một số hạn chế:

1. Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 8. NXB Sự thật H.1989, Tr 701

2. Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội VII

- Chương trình, nội dung giáo dục còn một số điểm chưa hợp lý. Trong chương trình còn thiếu một số nội dung quan trọng, trong khi đó không ít nội dung bị trùng lặp. Việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh đã được đẩy mạnh nhưng chưa đồng bộ. Nội dung giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin tuy đã có đổi mới, song vẫn còn những biểu hiện sách vở, chưa thật bám sát thực tiễn và những phát triển mới về lý luận. Đặc biệt là, trong khi cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận diễn ra một cách gay gắt, phức tạp và quyết liệt thì không ít bài giảng chưa thể hiện tính chiến đấu cao, bằng những luận cứ khoa học và thực tiễn khẳng định tính khoa học và cách mạng của những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phê phán những quan điểm thù địch, những nhận thức sai trái.

- Phương pháp giáo dục còn chậm đổi mới, do đó làm hạn chế đáng kể chất lượng và hiệu quả. Cách thức giảng dạy còn khô khan, đơn điệu, kém sức thuyết phục, chủ yếu vẫn là theo kiểu truyền đạt nguyên lý, nêu ví dụ thực tế để minh họa và kết hợp giải đáp một số thắc mắc của người học. Những hình thức Xê - mi - na, thực hành, bài tập tình huống còn ít, nếu có thì mới thực hiện một cách giản đơn bằng sự lặp lại của bài giảng hoặc giáo trình. Cơ sở vật chất, nhất là tài liệu và thời gian chưa cho phép lấy tự học làm chính. Tất cả những điều đó làm cho người học ngại học tập, ít say sưa, hứng thú học tập, nhiều khi học chỉ đối phó với việc có bằng cấp, chứng chỉ. Vì vậy, chưa làm phát triển ở người học năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, sự nhạy cảm về chính trị trước những vấn đề chính trị - xã hội phức tạp của thời cuộc, năng lực hành động, vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn.

Nhiệm vụ nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân đang đặt ra những yêu cầu mới rất cao cho công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Để thực hiện thắng lợi công tác này cần tập trung một số giải pháp cơ bản sau:

Một là: Tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục.

Mục tiêu của giáo dục phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đối tượng giáo dục trong mỗi giai đoạn cách mạng . Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là làm cho mỗi người học hiểu rõ và nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là sự hình thành những chân lý khoa học và cách mạng , giúp người học củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu của cách mạng , vào sự nghiệp đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; đồng thời phải bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho họ. Đó là cơ sở để củng cố lập trường giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm thù địch, sai trái góp phần bảo vệ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng. Từng bước nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực vận dụng Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ đảng viên cũng như mọi tầng lớp nhân dân để họ có đủ khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình cách mạng một cách chủ động, sáng tạo, phù hợp với quan điểm của Đảng.

Trong xác định mục tiêu giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần hết sức chú trọng đối tượng được giáo dục. Cũng là cán bộ đảng viên nhưng cán bộ đảng viên đào tạo ở chương trình sơ cấp khác, trung cấp khác, cao cấp lại càng khác. Vấn đề không phải đơn giản ở số lượng, thời gian và độ sâu của kiến thức mà quan trọng hơn nhiều là ở năng lực tư duy khoa học, năng lực xem xét và giải quyết các tình huống có vấn đề trong hoạt động thực thi chức trách, nhiệm vụ của họ.

Trong bối cảnh phức tạp của cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận hiện nay, việc giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải phân tích, luận giải một cách thật khoa học, có sức thuyết phục cao góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của

Đảng. Muốn vậy, cần làm sáng tỏ bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên từng nguyên lý, luận điểm, trong đó có những vấn đề cần được nhận thức lại cho đúng đắn và những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, phát triển cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những thành tựu của khoa học hiện đại. Mặt khác, phải không né tránh, bằng các căn cứ lý luận và thực tiễn bác bỏ những luận điểm phản động, xuyên tạc của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa cơ hội xét lại và những nhận thức lệch lạc khác. Phê phán, bác bỏ những quan điểm thù địch, sai trái là một việc làm không dễ dàng, người giáo viên không thể giản đơn nói lại điều người khác đã nói mà phải đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu quan điểm phản diện, phân tích, phê phán phải có sức thuyết phục, hay nói cách khác phải đứng ở tầm cao trí tuệ mà phê phán, bác bỏ. Đồng chí Lê Khả Phiêu nguyên Tổng bí thư của Đảng ta đã chỉ rõ: " Cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân làm chủ, tiếp tục đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận lên một trình độ mới, vượt lên kẻ thù thì mới phê phán sắc bén và có tính thuyết phục để chống lại và khắc phục những quan điểm phản động và sai lầm, qua đó mà giác ngộ cán bộ, đảng viên ta và quần chúng cách mạng"¹.

Cần bổ sung những nội dung mới, những vấn đề phát triển mới về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào chương trình, nội dung giáo dục như: Những nhận thức mới về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về toàn cầu hoá kinh tế, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Tùy theo đối tượng và thời gian học tập,

cần trang bị cho người học những hiểu biết nhất định về các học thuyết ngoài mác-xít nhằm mở rộng tầm hiểu biết và có cơ sở đấu tranh với những quan điểm thù địch, sai trái.

1. Lê Khả Phiêu. Mấy vấn đề công tác tư tưởng lý luận trong Quân đội. Tạp chí Quốc phòng toàn dân. Số 6/1994, Tr 1- 4

Phương pháp giáo dục giữ vai trò rất quan trọng. Phương hướng cơ bản của việc đổi mới phương pháp là: Quán triệt sâu sắc phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, bảo đảm tính khoa học, tính chiến đấu trong giảng dạy, phát huy tính độc lập và sáng tạo ở người học. Để quán triệt và thực hiện phương hướng cơ bản này, cần có sự linh hoạt, sáng tạo trong hình thức, phương pháp giảng dạy.

Hình thức phương pháp giảng dạy phù hợp với những yêu cầu mới của tình hình kinh tế - xã hội, những quy luật của nhận thức, tâm lý đối tượng và đảm bảo chuyên tải nội dung giáo dục một cách tối ưu. Trong điều kiện hiện nay, cần nhanh chóng tiếp cận những thành tựu tiên tiến của khoa học và công nghệ giáo dục, từng bước hiện đại hoá phương pháp dạy và học, tích cực sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, đối thoại giữa người dạy và người học. Khắc phục cách giảng dạy độc thoại. Để khắc phục những hạn chế từ trước đến nay là phương pháp độc thoại đã xuất hiện một cách thức mang tính cực đoan, siêu hình là giảm 50% giờ giảng và thay vào đó là người học tự nghiên cứu. Cách làm này là không phù hợp, vì lượng thời gian bố trí cho các môn học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học, Cao đẳng cũng như trường chính trị, trường Đảng các cấp là không nhiều. Đây lại là những môn học khó, đòi hỏi năng lực tư duy trừu tượng cao. Giảm 50% thời gian giảng thực chất là cắt xén nội dung, chương trình giảng dạy làm cho việc học tập các môn học này không thể có kết quả tốt được.

Đối với đối tượng đào tạo cơ bản, việc trình bày vấn đề nên bắt đầu từ khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật; từ quan điểm đi đến vận dụng vào thực tiễn xã hội, thực tiễn cách mạng, thực tiễn đấu tranh tư tưởng - lý luận. Nếu người học chưa hiểu, chưa nắm vững các nội dung bản chất của lý luận thì không thể có khả năng vận dụng một cách nhuần nhuyễn trong thực tiễn. Đồng thời cần bám sát thực tiễn nhất là những vấn đề nóng bỏng, bức xúc, vận dụng lý luận giải quyết một cách khoa học, có sức thuyết phục, không vì những vấn đề khó mà né tránh. Đối với đối tượng cao cấp lý luận chính trị, học viên là những cán bộ đảng viên đã tốt nghiệp đại học, trải nghiệm trong

cuộc sống và công tác, đây lại là bậc học cuối cùng của lý luận chính trị; vì vậy cần coi trọng chiều sâu của kiến thức, coi trọng xây dựng các tình huống có vấn đề để thảo luận, giúp người học nâng cao năng lực tư duy khoa học, năng lực xem xét và giải quyết các tình huống có vấn đề trong thực tiễn công tác theo chức trách nhiệm vụ của họ. Đối tượng này rất cần có sự cập nhật thông tin lý luận, thông tin đấu tranh tư tưởng lý luận. Đòi hỏi bố trí giảng viên phải cân nhắc thận trọng và bản thân người giảng viên cũng phải lường được "sức" mình để nỗ lực cố gắng rất cao, tránh chủ quan giản đơn " miễn là có bài giảng, miễn là đủ giờ đứng lớp theo quy định. " Đối với các lớp bồi dưỡng một số chuyên đề lý luận và thực tiễn cấp bách, thì nên đi từ những vấn đề thực tiễn nóng hổi và lý giải bằng lý luận, qua đó nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin lý tưởng ở người học.

Giáo dục gắn bó hữu cơ với nghiên cứu khoa học. Vì vậy, trong quá trình giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin ở nhà trường cần có những hình thức, biện pháp cụ thể để học viên tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học, qua đó nâng cao năng lực tư duy sáng tạo của người học, tránh tiếp thu kiến thức một cách máy móc, thụ động.

Cần đầu tư nhiều hơn cho việc tổ chức các hình thức Xê - mi - na, bài tập. Đây là những hình thức mà qua đó làm người học nhận thức sâu sắc hơn lý luận và nhuần nhuyễn hơn trong vận dụng. Để thực hiện tốt các hình thức này phải có công tác chuẩn bị chu đáo của cả người dạy và người học, tránh tình trạng nói lại bài giảng hoặc không gắn với thực tiễn.

Đối với hình thức học tập tại chức các địa phương cần tổ chức một cách khoa học để đảm bảo người học đến lớp đông đủ, tạo điều kiện người học có thời gian tập trung cho học tập, nghiên cứu. Cần có quy chế thi, kiểm tra phù hợp để học tập có kết quả thực chất, tránh tình trạng thi cử, kiểm tra mang tính chất hình thức.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học có tầm quan trọng to lớn trong giáo dục. Những năm gần đây với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các địa phương, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được

nâng lên một bước đáng kể. Tuy nhiên, so với yêu cầu của công tác này thì vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Vì vậy, cần có sự đầu tư mạnh mẽ hơn, nhiều hơn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho dạy và học nhằm làm cho công tác này ngày càng có hiệu quả cao hơn.

Hai là, chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên.

Đội ngũ giảng viên, có vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục. Với các môn học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những môn học trang bị thế giới quan phương pháp luận khoa học trực tiếp tác động đến niềm tin lý tưởng của người học, bồi dưỡng năng lực tư duy khoa học cho người học thì đội ngũ giảng viên càng có vai trò quan trọng đặc biệt.

Nhận thức được vai trò của đội ngũ giảng viên các môn học này, những năm gần đây Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm đào tạo bồi dưỡng cũng như có chính sách ưu tiên cho một số đối tượng nhất định. Đồng thời với sự nỗ lực, cố gắng đội ngũ giảng viên các môn học này về cơ bản hoàn thành được nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao phó. Tuy nhiên so với yêu cầu nhiệm vụ, việc xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ giảng viên của các môn học này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: Các trường Đại học, Cao đẳng, các trường chính trị ở các địa phương mở ra nhiều (cả công lập và dân lập) song số lượng giảng viên đào tạo chưa tương xứng với yêu cầu giảng dạy, chất lượng bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách của Nhà nước cũng còn bất cập ví dụ: Giảng viên các bộ môn Mác - Lênin ở chương trình cao cấp lý luận chính trị ở các trường Đảng cao cấp trong hệ thống Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh yêu cầu về các mặt cao hơn nhiều so với giảng viên các bộ môn Mác - Lênin ở các trường Đại học, Cao đẳng, nhưng trợ cấp nghề nghiệp thấp hơn nhiều so với giảng viên của các trường Đại học, Cao đẳng.

Trước yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, việc chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên này vừa rất cấp bách, vừa có ý nghĩa cơ bản, lâu dài.

Trước hết, cần có một chiến lược xây dựng đội ngũ giảng viên các môn học Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong khoảng 10 năm đến 15 năm. Cần xác định rõ vai trò, vị trí của đội ngũ giảng viên này trong sự nghiệp cách mạng nói chung và trong điều kiện cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận ở nước ta hiện nay nói riêng. Xác định rõ những yêu cầu mới đối với đội ngũ giảng viên này. Đánh giá chính xác về số lượng và chất lượng của đội ngũ giảng viên này hiện nay, chỉ rõ những hạn chế, bất cập của họ, nguyên nhân của nó và đưa ra dự báo khoa học về yêu cầu phát triển của đội ngũ giảng viên này để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng phù hợp.

Trên cơ sở quan niệm đúng đắn về đội ngũ giảng viên này mà cần có chính sách thu hút những học sinh giỏi, có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt thi vào học ngành đào tạo sư phạm các môn học về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Mở rộng đào tạo cao học và nghiên cứu sinh các bộ môn khoa học này, song phải coi trọng chất lượng để đào tạo một đội ngũ giảng viên có chất lượng cao, có đủ khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực đấu tranh tư tưởng lý luận.

Đối với những giảng viên đào tạo đã lâu, cần được bồi dưỡng những vấn đề phát triển mới của lý luận, được tạo điều kiện nâng cao kiến thức ngoại ngữ, tin học.

Giảng viên của các môn học này cần được tạo điều kiện và có quy chế cụ thể định kỳ đi nghiên cứu nước ngoài. Lâu nay việc đi nghiên cứu các nước tư bản chủ yếu là đặc quyền của những người có chức có quyền. Đối với đội ngũ giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đây là vấn đề xa lạ.

Giảng viên lý luận chính trị nói chung và đội ngũ giảng viên lý luận Mac - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình cần được trải nghiệm trong thực tiễn cuộc sống, trong hoạt động kinh tế xã hội ở các địa phương, các ngành. Bởi vậy, các nhà trường nhất là trường Đảng, trường Chính trị các cấp cần quán triệt sâu sắc yêu cầu này, từ đó phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các ngành đưa đội ngũ giảng viên này đi thực tế đảm nhiệm những cương vị công tác nhất định, trong những thời gian nhất

định (như quy định của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ít nhất là 01 năm). Để thực hiện công tác này có hiệu quả, đảng uỷ và ban giám đốc các trường cần có nghị quyết chuyên đề về công tác này, các phòng tổ chức có kế hoạch cụ thể, chống tình trạng như hiện nay nặng về hô hào, không có kế hoạch biện pháp cụ thể để thực hiện . Cần chống bệnh hình thức trong công tác này.

Mỗi giảng viên các bộ môn, lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần xác định rõ vai trò và trách nhiệm chính trị cao cả nhưng cũng hết sức nặng nề của mình trong tình hình hiện nay, thấy rõ những mặt hạn chế, bất cập của mình để nỗ lực học tập rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ trí tuệ và bản lĩnh chính trị, thật sự là "Chiến sĩ xung kích", "Lực lượng chủ công" và nòng cốt trên mặt trận này. Đội ngũ giảng viên này cần tích cực chủ động đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh- một giải pháp quan trọng và chủ yếu nhằm nâng cao lý tưởng độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ vốn đã khó khăn và phức tạp, trong điều kiện hiện nay càng khó khăn phức tạp hơn. Vì vậy đòi hỏi sự quan tâm cao của Đảng, Nhà nước cũng như các cơ quan có chức năng, sự nỗ lực cố gắng của lãnh đạo các nhà trường, địa phương và bản thân đội ngũ giảng viên lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những biện pháp nêu trên cần được thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả.

KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP VỚI TIẾP THU CÁC GIÁ TRỊ QUỐC TẾ TRONG XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI

TS. TRỊNH DUY HUY *

Nghị quyết TW 5 (khoá VIII) về xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã khẳng định, cần thiết phải xây dựng một nền văn hoá Việt Nam trong boi, mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, kế thừa và phát triển, dân tộc và quốc tế là thống nhất hữu cơ. Khi bàn về xây dựng nền văn hoá vô sản, V.I. Lênin cũng đã khẳng định: “Văn hoá vô sản không phải bỗng nhiên mà có, nó không phải do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hoá vô sản, phát minh ra. Đó hoàn toàn là điều ngu ngốc. Văn hoá vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của tổng những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu” (Lênin toàn tập, tập 41, Nxb Matxcova, 1997, tr.361).

Như vậy, sự phát triển đạo đức xã hội luôn diễn ra trên cơ sở kế thừa tổng số những kiến thức mà loài người đã đạt được. Theo Lênin: phát triển là nội dung cơ bản của vận động mà ý nghĩa của nó nhằm tạo ra sự đổi mới không ngừng của cái cũ mất đi, cái mới ra đời. Phát triển là quá trình bộc lộ sự biến đổi về chất, song đây không phải là sự tiêu diệt giản đơn cái cũ mà làm cho cái mới nảy sinh từ bản thân cái cũ. Tính chất nội tại, tự thân của quá trình phát triển là sự phân đôi của cái thống nhất thành những mặt đối lập, bài trừ lẫn nhau và mối quan hệ lẫn nhau giữa các mặt đối lập ấy. Sự tự phát triển được thực hiện thông qua những bước nhảy của sự đứt đoạn trong cái liên tục của sự chuyển hoá sang mặt đối lập, của sự tiêu diệt cái cũ, nảy sinh cái mới (Lênin toàn tập, Nxb Tiến bộ Matxcơ va, 1977, tập 29, tr.379).

* Phó Trưởng Khoa Mác - Lênin, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá.

Vì vậy, phát triển tất yếu đạt yêu cầu phải kế thừa. Kế thừa không có mục đích tự thân. Sự phát triển nội tại, phát triển nội sinh đặt ra yêu cầu phải kế thừa. Kế thừa là mối liên hệ giữa những giai đoạn của quá trình phát triển, trong đó cái mới lọc bỏ cái cũ, tức là bảo tồn yếu tố này hay yếu tố khác của hệ thống, không phủ định hoàn toàn, phủ định sạch trơn cái cũ. Như vậy, kế thừa là cơ sở không thể thiếu được của sự phát triển bền vững và kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống để xây dựng một nền đạo đức mới- đạo đức cộng sản là một yêu cầu có tính nguyên tắc trong sự nghiệp đổi mới để phát triển ngày nay ở nước ta.

Từ kinh nghiệm của các nước và kinh nghiệm xây dựng đất nước ở nước ta trong những năm qua cũng cho thấy: việc học tập kinh nghiệm của các nước đi trước để rút ngắn bước đi, tránh được những bước đi mò mẫm là điều hết sức cần thiết. Nhưng nếu chúng ta không biết vận dụng sáng tạo kinh nghiệm của các nước cho phù hợp với đặc điểm của đất nước thì cũng sẽ làm ảnh hưởng xấu đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng nền đạo đức xã hội nói riêng. Thực hiện đổi mới luôn phải gắn với kế thừa những thành tựu đã đạt được. Đó là vật liệu ban đầu cần thiết và quan trọng để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải tránh quan điểm hư vô, phi lịch sử. Trong nội dung của kế thừa đó đã yêu cầu có sự đổi mới và kế thừa luôn có sự cải tiến và nâng cao.

Hơn nửa thế kỷ qua, mặc dù Đảng và nhà nước ta cũng đã hoạch định và thực thi nhiều chính sách và thậm chí cả luật nhằm giữ gìn và phát huy giá trị và giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc nhưng trong điều kiện chiến tranh chống gặc ngoại xâm chúng ta đã có không ít những cách nghĩ, cách làm ấu trĩ, tả khuynh, lệch lạc đối với những giá trị văn hoá, đạo đức cùng với những di sản của dân tộc. Vô tình do ấu trĩ, chúng ta đã có lúc xâm hại đến không ít những thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán tốt đẹp và thậm chí cả những di sản văn hoá, lịch sử. Có thời kỳ, có lúc, các thuần phong mỹ tục, các sinh hoạt văn hoá truyền thống bị xoá bỏ hoặc bị đẩy vào quên lãng. Sự nghiệp đổi mới do đảng ta lãnh đạo đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống kinh tế- văn hoá- xã hội mà trước hết là tác động mạnh mẽ đến nhận thức

trên nhiều phương diện. Yếu tố con người, yếu tố đời thường với những nhu cầu tâm lý, tình cảm thiết yếu đã được đặt ra đúng mức hơn. Đổi mới với việc vận hành cơ cấu kinh tế thị trường- cơ cấu kinh tế “mở” đã thúc đẩy nhanh chóng tăng trưởng kinh tế và đặc biệt là mở rộng quan hệ quốc tế đạt đến trình độ và phạm vi rộng lớn. Đồng thời với nó là sự phân hoá xã hội, nhất là phân hoá giàu nghèo diễn ra ngày càng sâu sắc kéo theo sự phân hoá trong thái độ đối với giá trị và giá trị đạo đức truyền thống nói riêng và di sản văn hoá dân tộc nói chung.

Xu hướng xã hội hiện nay đang diễn ra sự xung đột giữa cá nhân và cộng đồng; quốc tế và dân tộc; hiện đại và truyền thống...Nổi bật lên là xu hướng: giới trẻ ngày nay mà nhất là ở đô thị lớn quay lưng lại với truyền thống dân tộc, còn người cao tuổi thì thiết tha tìm về cội nguồn với tất cả những biến thái phức tạp. Chính vì vậy, mà không phải không có lý do mà Nghị quyết TW 5 (khoá VIII) đã báo động về xu thế sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, ích kỷ...đang lây lan, làm băng hoại hệ giá trị truyền thống của dân tộc.

Từ lý luận cũng như thực tiễn đổi mới những năm qua cho thấy, hơn bao giờ hết, lúc này để khẳng định được vị thế của mình trong quá trình phát triển và hội nhập, vấn đề kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc kết hợp với việc tiếp thu các giá trị quốc tế đang được đặt ra như một thách thức cho sự thành công của sự nghiệp đổi mới.

Kế thừa và đổi mới là quá trình có tính quy luật chung của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy. Tuy nhiên, ở mỗi lĩnh vực khác nhau thì sự kế thừa cũng có những đặc trưng riêng tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của quá trình. Với tính cách là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức là một hiện tượng xã hội thuộc lĩnh vực tinh thần của xã hội. Vì vậy, kế thừa trong lĩnh vực đạo đức cũng có những nét đặc thù. Làm rõ được tính đặc thù của việc kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống cũng có ý nghĩa rất quan trọng để chủ động và tích cực vận dụng những nguyên lý kế thừa vào việc xây

dựng và phát triển nền đạo đức mới phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Nếu kế thừa trong tự nhiên được thực hiện một cách vô thức (chọn lọc tự nhiên), thì trong lĩnh vực xã hội, các quá trình vận động và phát triển của nó luôn chịu sự tác động của con người ít nhiều có ý thức để giải quyết những nhiệm vụ nhất định do thực tế lịch sử đòi hỏi. Vì vậy, tính kế thừa trong lĩnh vực xã hội không thể hiểu ngoài hoạt động của con người. Ph.Ăngghen cũng đã khẳng định: “...Trong lịch sử của xã hội, nhân tố hoạt động chỉ hoàn toàn là những con người có ý thức, hành động có suy nghĩ hay có nhiệt tình và theo đuổi những mục đích nhất định thì không có gì xảy ra mà lại không có ý định tự giác, không có mục đích mong muốn.(M-Ă tuyển tập, tập 6, nxb Sự thật hà nội, 1984, tr.406)

Như vậy kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống mang tính tự giác cao. Tuy vậy, quá trình kế thừa này vẫn mang tính khách quan chứ không phải được thực hiện một cách tùy tiện, chủ quan bởi vì quy luật xã hội cũng mang tính khách quan và các giá trị vật chất và tinh thần mà loài người tạo ra trước đó, nội dung của chúng không phụ thuộc vào chủ thể kế thừa hiện tại. Hơn nữa, việc kế thừa các giá trị truyền thống không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người mà phụ thuộc vào tính quy luật của sự phát triển xã hội, phụ thuộc vào nhu cầu lịch sử của thời đại, chỉ có điều là: trong quá trình xây dựng và phát triển văn hoá nói chung và đạo đức nói riêng, việc kế thừa các giá trị đạo đức phải thông qua hoạt động của chủ thể, chủ thể hoạt động cảm thụ, tiếp nhận một cách có phê phán những giá trị đạo đức đã có thông qua lăng kính chủ quan của mình.

Kế thừa trong lĩnh vực đạo đức còn chịu quy định của kinh tế. Đạo đức với tư cách là một hình thái ý thức xã hội được nảy sinh trên cơ sở những điều kiện kinh tế- xã hội nhất định. Đạo đức luôn biến đổi cùng với sự biến đổi của những điều kiện kinh tế và xu hướng chung chi phối sự biến đổi đó là sự biến đổi theo hướng tiến bộ và sáng tạo ra những giá trị đạo đức mới. Có thể nói, điều kiện phát triển kinh tế- xã hội ở mỗi thời đại lịch sử đặt ra những nội

dung yêu cầu của việc kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức. Tính kế thừa trong sự phát triển đạo đức phụ thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội, là sự phản ánh điều kiện kinh tế- xã hội. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì thực chất nội dung, yêu cầu, tính chất của kế thừa các giá trị đạo đức được quy định bởi chính yêu cầu bên trong của quá trình phát triển kinh tế thị trường. Từ những yêu cầu khắt khe của việc phát triển kinh tế thị trường đặt ra những yêu cầu về mặt đạo đức.

Kế thừa trong sự phát triển đạo đức còn chịu sự chi phối của tính giai cấp, tính dân tộc và tính nhân loại. Trong xã hội có giai cấp, đạo đức luôn mang nội dung giai cấp. Đồng thời, sự phát triển đạo đức còn chịu sự ảnh hưởng của các hình thái ý thức xã hội khác, chịu ảnh hưởng trực tiếp của bản sắc văn hoá của các dân tộc. Trong quá trình phát triển của đạo đức thường có hai xu hướng: một mặt vừa có sự kế thừa về tính giai cấp và mặt khác, hình thành dần dần một nền đạo đức thống nhất mang tính nhân loại phổ biến. Đạo đức mới- đạo đức cộng sản là sự kế thừa và nâng cao các giá trị đã được hình thành trong quá trình tiến hoá lâu dài của nhân loại.

Kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng và phát triển đạo đức luôn gắn liền với quá trình giao lưu văn hoá giữa các dân tộc và đặc biệt là trong điều kiện toàn phát triển kinh tế thị trường toàn cầu hoá và hội nhập ngày nay.

Giao lưu văn hoá giữa các dân tộc là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển của các quốc gia. Giao lưu văn hoá là sự tác động lẫn nhau giữa các giá trị nội sinh và ngoại nhập. Quá trình này diễn ra theo nhiều chiều: có thể thích nghi, tự nguyện tiếp nhận hoặc cưỡng bức, chống đối nhau. Kế thừa là quá trình tiếp thu có phê phán toàn bộ giá trị văn hoá, đạo đức của dân tộc và nhân loại đã được sáng tạo trong lịch sử. Trong sự tương tác giữa các giá trị nội sinh và ngoại sinh thì việc kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống là hết sức quan trọng để chủ động đón nhận, chuyển hoá các giá trị quốc tế, hiện đại trên cơ sở của chính mình. Có như vậy, việc xây dựng và phát triển đạo đức mới của dân tộc mới được vững chắc.

Như vậy, kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống để xây dựng và phát triển đạo đức mới chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế, của nhân tố chủ quan, quá trình giao lưu giữa các quốc gia, dân tộc, sự tác động giữa đạo đức với các hình thái ý thức xã hội khác. Quá trình này diễn ra lâu dài, phức tạp đặc biệt là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nền đạo đức mới- đạo đức cộng sản “một đạo đức thực sự có tính người, đứng trên những đối lập giai cấp và trên mọi hồi ức về những đối lập ấy...” (M-Ă, tuyển tập, tập V, nxb sự thật Hn 1983, tr 136).

Bàn về các giá trị đạo đức truyền thống lâu nay đã được rất nhiều người nói, nhất là các nhà khoa học quan tâm.

Theo Giáo sư Trần Văn Giàu, giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam bao gồm: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa (Xem trần Văn Giàu: Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, nxb khoa học xã hội HN 1980, tr.94).

Theo Giáo sư Vũ Khiêu thì truyền thống đạo đức của dân tộc ta bao gồm: lòng yêu nước, truyền thống đoàn kết, lao động cần cù và sáng tạo, tinh thần nhân đạo, lòng yêu thương và quý trọng con người (xem Vũ Khiêu: Đạo đức học, nxb khoa học xã hội ,HN 1974, tr.74- 86).

Những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc cũng được đề cập đến trong một số văn kiện của đảng ta. Nghị quyết Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng khẳng định: “Những giá trị văn hoá truyền thống vững bền của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý thương người như thể thương thân, đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động...Đó là nền tảng và sức mạnh tinh thần to lớn để nhân dân ta xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ, công bằng, nhân ái”.(Nghị quyết của bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay(18 - 2 - 1995), tr.19).

Dựa vào tiêu chí xác định giá trị, giá trị đạo đức và từ quan điểm của các nhà khoa học, quan điểm của Đảng ta, chúng ta có thể khẳng định các giá trị đạo đức truyền thống cơ bản của dân tộc ta gồm:

- Tinh thần yêu nước nồng nàn.
- Lòng yêu người sâu sắc.
- Tinh thần đoàn kết cộng đồng.
- Đức tính cần kiệm.
- Tính khiêm tốn, giản dị, trung thực, thuỷ chung, lạc quan.

Sự hình thành các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc là một quá trình trải qua hàng nghìn năm lịch sử, gắn liền với lịch sử dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước của dân tộc mang đậm nét đặc thù của sự phát triển xã hội trong lịch sử Việt Nam. Sự hình thành các giá trị đạo đức tư tưởng còn là kết quả của quá trình tiếp thu có chọn lọc, sáng tạo tinh hoa văn hoá của nhiều trào lưu tư tưởng, văn hoá lớn của thế giới để bồi đắp thêm cho những giá trị đạo đức- văn hoá vốn có. Các giá trị đạo đức truyền thống được hình thành vừa là kết quả vừa là động lực to lớn của quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước trong suốt chiều dài lịch sử.

Ngày nay, thực tiễn sự nghiệp đổi mới với việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, toàn cầu hoá và hội nhập đang đặt ra yêu cầu cần phải khẳng định một hệ giá trị đạo đức mới của con người và xã hội Việt Nam. Hệ giá trị đó phải bảo đảm kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, bổ sung những giá trị mới của xã hội hiện đại và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa đạo đức của nhân loại đảm bảo một nền đạo đức mang tính dân tộc, thời đại và tính nhân loại.

Như vậy, dù muốn hay không, để phát triển đất nước, chúng ta không thể dứt bỏ quá khứ, chủ nghĩa hư vô đối với các giá trị đạo đức truyền thống sẽ có thể làm phức tạp, thậm chí gây ra hậu quả tiêu cực đối với sự phát triển xã hội, các giá trị đạo đức truyền thống vẫn phải gia nhập vào hiện tại và với một mức độ nhất định, vẫn quy định sự phát triển của tương lai. Tuy nhiên, kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống không loại bỏ tính chủ động trong việc vận dụng nó một cách hợp lý. Thực tế cho thấy, sự hiện diện của các giá trị truyền thống trong hiện tại có khi là động lực của sự phát triển, nhiều khi lại là trở

ngại đối với sự phát triển. Tính hai mặt trong sự tác động truyền thống đòi hỏi chúng ta phải chủ động phát huy những gì có ý nghĩa tích cực, khắc phục được những mặt hạn chế của nó đối với sự phát triển xã hội.

Như chúng ta biết, giá trị không phải là một hiện tượng nhất thành, bất biến. Với tính cách là cái có ý nghĩa đối với chủ thể, cái cần thiết cho một chủ thể nhất định (cá nhân và xã hội) giá trị biến đổi theo nhu cầu của chủ thể. Xã hội hiện đại có những nhu cầu khác với những nhu cầu của xã hội trong quá khứ. Do vậy, không phải mọi cái đã từng là giá trị trong quá khứ đều giữ nguyên giá trị đối với hiện đại. Chẳng hạn truyền thống trọng nam khinh nữ, sự tuyệt đối hoá các giá trị tinh thần coi thường giá trị vật chất...đã từng là giá trị trong xã hội truyền thống nhưng trong xã hội hiện đại đã trở thành lỗi thời, do đó trở thành sức cản đối với sự phát triển xã hội hiện nay. Yêu cầu của việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống đòi hỏi trước hết là phải thẩm định lại các giá trị truyền thống, phải nhận rõ được những mặt tích cực và những hạn chế mang tính lịch sử của các giá trị đạo đức truyền thống. Cơ sở của sự thẩm định này phải là những yêu cầu của xã hội hiện đại đối với nước ta hiện nay, đó là những yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chính là từ yêu cầu của xã hội hiện đại, chúng ta xem xét lại những giá trị truyền thống để từ đó tiếp thu những giá trị tích cực phù hợp và loại bỏ những giá trị truyền thống đã lạc hậu về mặt lịch sử. Thậm chí chúng ta có thể xác định và kế thừa những nội dung nhất định của truyền thống để bổ sung thêm nội dung mới cho phù hợp với thời đại mới.

Tính hai mặt trong tác động của truyền thống đối với hiện tại còn thể hiện ở chỗ, giá trị truyền thống vừa là cái bảo đảm cho quá trình phát triển được liên tục, ổn định vừa tạo ra xu hướng trì trệ, cản trở sự sản xuất của cái mới. Một giá trị nào đó càng lớn, càng bền vững thì vai trò định hướng của nó cũng có tính phổ biến và lâu bền. Tư duy và hành động liên tục theo những chuẩn mực, khuôn mẫu có sẵn, con người càng trở nên khó khăn đối với việc tiếp nhận và sáng tạo cái mới. C.Mác đã từng nói rằng: “truyền thống của tất

cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống” (M-Ă toàn tập tập 2, nxb Sự thật 1981, tr.386).

Hình thành trên cơ sở xã hội nông nghiệp và luôn phải đấu tranh chống xâm lược nên ngoài mặt tích cực mà chúng ta dễ thấy, đạo đức truyền thống cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Trong hệ các giá trị đạo đức truyền thống, các giá trị cộng đồng thường được đề cao còn các giá trị cá nhân lại chưa được đề cập đến. Nhiều giá trị đạo đức được đề cao nhiều khi đặt đối lập với các giá trị khác như giá trị khoa học, giá trị thẩm mỹ, giá trị pháp luật.

Trong nội dung các giá trị đạo đức truyền thống cũng chứa đựng những hạn chế mang tính lịch sử. Lối sống tôn trọng tình nghĩa, đạo lý, lối ứng xử thiên về tình cảm với tính cách là giá trị truyền thống, niềm tự hào của dân tộc, góp phần làm ổn định xã hội, tạo nên nét độc đáo của quan hệ người nhưng lại là một trong những nhân tố kìm hãm sự phát triển ý thức pháp lý và các quan hệ pháp lý.

Xã hội hiện đại dựa trên tiến bộ khoa học- công nghệ và sự phát triển các quan hệ pháp lý không thể tìm được tính kích thích từ những giá trị như vậy, nếu chúng ta duy trì một cách nguyên vẹn, không có sự cải tiến, nâng cấp. Vì vậy, nói như Lenin, bảo vệ tiếp thu, vận dụng giá trị truyền thống không được giống như những người lưu trữ bảo vệ giấy cũ. Bảo vệ di sản là cần thiết, nhưng không có nghĩa là tự giới hạn ở di sản.

Như vậy, việc kế thừa và phát huy các giá trị tư tưởng phải là sự thống nhất ở cả hai phương diện: tiếp tục các giá trị truyền thống và vượt qua, vượt lên trên giá trị truyền thống. Khi gia nhập vào xã hội hiện đại, các giá trị truyền thống không giữ nguyên nội dung và vai trò của chúng trong hệ giá trị hiện đại. Nói như C.Mác, di sản chỉ là chất liệu còn thô mộc đối với nền sản xuất mới. Những giá trị đạo đức tư tưởng chỉ có ý nghĩa tích cực trong trường hợp chúng được đổi mới, được nâng cấp, và hơn thế, chúng phải trở thành những yếu tố hữu cơ của hệ giá trị hiện đại. Sự duy trì nguyên những giá trị truyền thống sẽ làm cho chúng đối lập với những giá trị hiện đại và phá vỡ kết cấu chung của hệ giá trị hiện đại. Nếu các giá trị đạo đức truyền thống chỉ có

vai trò tích cực khi gia nhập như là yếu tố đã được hiện đại hoá của chính hệ giá trị đạo đức xã hội hiện đại thì việc xây dựng hệ giá trị đạo đức của xã hội hiện đại là đảm bảo cho việc phát huy các giá trị đạo đức truyền thống. Việc xây dựng hệ giá trị đạo đức mới, một mặt phải xuất phát từ những yêu cầu của xã hội hiện đại, mặt khác, phải phù hợp với những giá trị đạo đức tư tưởng, chỉ có như vậy, các giá trị đạo đức tư tưởng mới có thể gia nhập vào cơ cấu của hệ xã hội hiện đại.

Tính tiên tiến của nền văn hoá bao hàm cả tính chất hiện đại, tiến bộ và nhân văn. Nền văn hoá tiên tiến phải là nền văn hoá có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các cái dân tộc và cái quốc tế, giữa cái truyền thống và cái hiện đại, nói cụ thể hơn là vừa phải tiếp thu những di sản văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại và phải phát triển lên một trình độ mới phù hợp với thời đại mới. Văn hoá mang tính dân tộc và cùng với thời gian nó được chọn lọc làm nên bản sắc dân tộc, một trong những đặc trưng để phân biệt dân tộc khác.

Mỗi một nền văn hoá của mỗi dân tộc ở mỗi thời đại đều mang trong nó một hệ giá trị đặc thù. Trong đó, hệ các giá trị đạo đức truyền thống chiếm vị trí quan trọng. Nó là các giá trị cơ bản, phổ biến tạo nên sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của văn hoá dân tộc, vùng miền trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Các giá trị đạo đức là nhân tố định hướng cho việc xây dựng và phát triển con người, hướng con người vươn tới chân, thiện, mỹ với tư cách là giá trị phổ quát của nhân loại làm cơ sở cho việc xây dựng một nền văn hoá thật sự tiến bộ. Vì vậy, để xây dựng thành công một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không thể không kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống trong đó, các giá trị đạo đức truyền thống chiếm vị trí quan trọng.

Kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống, rõ ràng là phải gắn liền với yêu cầu xây dựng và phát triển con người Việt Nam hiện đại. Con người Việt Nam hiện đại phải là con người có trình độ học vấn cao, phương pháp tư duy sáng tạo, đầu óc thực tế, làm việc với năng suất cao, chất lượng và hiệu quả cao với trình độ khoa học và công nghệ ngày càng hiện đại và đặc biệt là

phải có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh. Con người Việt Nam hiện đại phải là con người kết hợp nhuần nhuyễn trong nhân cách tinh thần của con người của thời đại mới với tinh hoa truyền thống dân tộc. Con người ấy, theo quan điểm của Đảng ta là sự kết tinh và phát triển những gì cao đẹp nhất trong tâm hồn và cốt cách Việt Nam hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

Con người vừa mang tính thời đại vừa mang tính lịch sử, tức là mang trong mình dấu ấn của quá khứ. Không thể có con người hiện đại nếu họ không được nuôi dưỡng bằng truyền thống tốt đẹp, được kết tinh trong lịch sử lâu dài của dân tộc. Kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức tư tưởng sẽ tạo ra khả năng to lớn cho sự hoàn thiện từng bước con người cũng như phát huy vai trò to lớn của con người trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta.

Kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống còn đòi hỏi phải tiếp cận và tiếp nhận có chọn lọc các giá trị nhân văn mà loài người tiến bộ đang hướng tới, đặc biệt là trong điều kiện khoa học- công nghệ phát triển đạt được những thành tựu to lớn, kỳ diệu. Toàn cầu hoá và hội nhập đang đặt ra những yêu cầu phức tạp cho sự phát triển của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia trong đó có nước ta. Sức sống của một nền văn hoá nói chung, của các giá trị đạo đức truyền thống nói riêng không chỉ ở bề dày lịch sử và ở chiều sâu tư tưởng của nó, mà còn ở khả năng biết hấp thu và làm phong phú thêm các giá trị đạo đức nhân văn mà loài người tiến bộ đang vươn tới.

Để xây dựng hệ giá trị hiện đại, không thể không tiếp thu những tinh hoa tinh thần của nhân loại, đặc biệt là những giá trị phương Tây, những giá trị gắn liền với công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Khi đó lại nảy sinh vấn đề, nghĩa là sẽ nảy sinh sự đụng độ giá trị nếu những giá trị truyền thống một cách đúng mức trong việc kế thừa và phát huy chúng để tiếp thu có chọn lọc các giá trị quốc tế.(?). Cũng như việc giữ gìn các giá trị truyền thống, việc tiếp thu các giá trị phương Tây không thể là tiếp thu một cách tùy tiện vô nguyên tắc. Sự khác biệt văn hoá phương Đông và phương Tây nói với chúng ta rằng: không thể tiếp nhận nguyên xi những giá trị văn hoá phương Tây vào Việt Nam. Sự không ăn nhập của các giá trị này với truyền thống dân tộc sẽ

làm cho chúng trở thành phản tác dụng, gây ra tình trạng rối loạn giá trị thậm chí làm huỷ hoại các giá trị truyền thống tốt đẹp. Tình trạng xuống cấp đạo đức từ khi xây dựng và phát triển kinh tế thị trường, một mô hình kinh tế mở, với việc giao lưu kinh tế giữa các quốc gia ngày càng mở rộng đã được cảnh báo liên tục trên các phương tiện thông tin cũng có một phần lý do ở chỗ không kiểm soát được một cách chặt chẽ việc tiếp nhận các giá trị văn hoá phương Tây.

Người ta đang nói nhiều đến nhân quyền, dân chủ, sự phát triển nhân cách độc lập và những giá trị hiện đại mà bất cứ một xã hội nào muốn hiện đại hoá đều phải biết đến. Nhưng dân chủ mà thiếu kỷ cương, quyền cá nhân mà tách rời nghĩa vụ của cá nhân đối với xã hội, cộng đồng, nhân cách độc lập mà kém phát triển ý thức công dân thì không thể là động lực phát triển xã hội mà đặc biệt là xã hội Việt Nam, một xã hội giàu truyền thống và có những nét văn hoá đặc thù. Vì thế, các giá trị văn hoá phương Tây phải được dân tộc hoá khi tiếp nhận thì mới có ý nghĩa. Nói một cách cụ thể hơn, cần phải kết hợp chúng với các giá trị của dân tộc mà đặc biệt là các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp làm cho chúng thích ứng với truyền thống và truyền thống đạo đức của dân tộc ta. Chẳng hạn, dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, nhân quyền phải thể hiện ở cả hai phương diện: một mặt, tôn trọng các quyền tự do cơ bản của các cá nhân; mặt khác, quy định nghĩa vụ cá nhân đối với xã hội. Nếu không sẽ như một tuyên bố của phong trào không liên kết “nó có thể dẫn đến sự phủ nhận nhân quyền của cộng đồng như một chỉnh thể và dẫn đến tình trạng mất ổn định, nhất là ở các nước đang phát triển”.

Như vậy, các giá trị và giá trị đạo đức truyền thống có thể đóng vai trò tích cực đối với việc tiếp nhận, dân tộc hoá các giá trị ngoại nhập, làm phong phú và hiện đại hoá bản giá trị dân tộc. Kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống kết hợp với việc tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại trong việc phát triển đất nước nói chung và xây dựng nền đạo đức mới nói riêng vừa là tiếp tục vừa là đổi mới vừa vượt qua truyền thống hướng tới các giá trị tiến bộ, tích cực mà loài người tiến bộ đang vươn tới. Những yêu cầu của sự phát

triển lâu bền của xã hội Việt Nam- yêu cầu của sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ là cơ sở quy định việc kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống và tiếp nhận các giá trị tinh hoa văn hoá nhân loại. Sự thống nhất giữa phương diện tiếp tục và phương diện đổi mới, phát huy giữa kế thừa và tiếp nhận, vận dụng các giá trị văn hoá quốc tế vừa như một khoa học vừa như một nghệ thuật thực hành. Chỉ có như vậy, các giá trị đạo đức truyền thống mới phát huy hết được vai trò của chúng đối với sự phát triển xã hội hiện đại, làm cơ sở quan trọng trong việc tiếp nhận các giá trị của nhân loại, xây dựng nền đạo đức mới- đạo đức cộng sản chủ nghĩa, giàu tính nhân văn, giàu tính người nhất.

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG LỐI SỐNG DÂN TỘC - HIỆN ĐẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. VŨ VĂN HẬU*

Kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống dân tộc và kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại là một quá trình tất yếu trong xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, để xác lập hệ chuẩn giá trị cho việc xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại không thể không nói tới vai trò của khoa học. Nhìn vào tổng kết 20 năm đổi mới vừa qua cho thấy, khoa học như động lực cho sự phát triển; đồng thời khoa học đã là nền tảng cho việc xây dựng hệ giá trị mới cho sự phát triển của xã hội - đây là cái căn cốt bên trong của phát triển đất nước. Tổng kết vai trò của khoa học trong việc xác lập hệ giá trị chuẩn đối với xây dựng lối sống ở nước ta trong thời gian qua chúng tôi tạm khái quát ở một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tri thức khoa học cung cấp luận cứ cho việc xây dựng chủ trương đường lối chiến lược phát triển kinh tế- xã hội làm cơ sở xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại

Bàn đến lối sống đương nhiên phải nhắc đến cái sản sinh ra nó, tức là nói đến phương thức sản xuất. Bởi đây là cơ sở nảy sinh cách ứng xử giữa con người và tự nhiên, giữa con người và con người, và đương nhiên hình thành lối sống của cá nhân và cộng đồng. Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Không nên nghiên cứu phương thức sản xuất ấy đơn thuần theo khía cạnh của nó là sự tái sản xuất, sự tồn tại thể xác và của các cá nhân. Mà hơn thế, nó là một phương thức hoạt động nhất định của những cá nhân

* Tiến sỹ Triết học, Giảng viên Khoa Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

ấy, một hình thức nhất định của hoạt động của hoạt động sống của họ, một phương thức sinh sống nhất định của họ”¹.

Như vậy các nhà kinh điển đã khẳng định, sản xuất là yếu tố quyết định sự tồn tại của cá nhân, là hình thức hoạt động cơ bản của con người, là phương thức sinh sống của con người, là mặt cơ bản của lối sống. Vì vậy, việc khoa học cung cấp các luận cứ trong việc xây dựng chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng chính là việc cung cấp luận cứ xây dựng cơ sở lối sống của cá nhân và cộng đồng trong thời gian qua. Khẳng định đó được thể hiện ở nội dung cơ bản sau:

Khoa học đã phân tích, đánh giá và khái quát lý luận giai đoạn phát triển trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp, trên cơ sở đó, làm rõ các luận cứ về tính tất yếu của việc lựa chọn con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Qua đó khẳng định đây là đường lối đổi mới duy nhất đúng cho Việt Nam trong thời đại ngày nay.

Luận giải các vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản của quá trình chuyển đổi: ví dụ: sự biến đổi cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu xã hội, việc tạo lập đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường, những thay đổi của hệ thống các giá trị xã hội dưới tác động của quá trình chuyển đổi diễn ra trong môi trường mở cửa và hội nhập quốc tế,...

Nghiên cứu, đề xuất mô hình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong nội dung này, về mặt lý luận, đã đạt được hai bước tiến là: chuyển quan niệm công nghiệp hoá truyền thống, gắn với cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang quan niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với cơ chế thị trường - mở cửa; quan niệm về mô hình công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những kết quả đạt được trong sự nghiệp phát triển lý luận này đã cung cấp những luận cứ quan trọng để xây dựng đường lối, chiến lược và chính sách phát triển kinh tế đất nước.

¹ C. Mác, Ph. Ăngghen: Toàn tập, tập 3, Nxb CTQG, Hà Nội 1995, tr. 30.

Các công trình nghiên cứu triết học, xã hội học, dân tộc và tôn giáo thường xuất phát từ các vấn đề bức xúc của cuộc sống. Các công trình nghiên cứu đã cung cấp các cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để Đảng và Nhà nước kịp thời đưa ra, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện đường lối, chính sách về xã hội, về dân tộc và tôn giáo cũng như xây dựng nhà nước pháp quyền.

Thứ hai, tri thức khoa học là cơ sở cho việc xác lập hệ giá trị mới, đảm bảo tính dân tộc và hiện đại

Trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua vấn đề văn hoá, trong đó có vấn đề lối sống được đặt như mục tiêu, động lực cho việc phát triển xã hội. Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng chỉ rõ: “Thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”¹. Để xác lập mục tiêu trên với hệ giá trị tương ứng cần có một quá trình nghiên cứu, tổng kết, đánh giá vô cùng khó khăn và phức tạp. Bởi, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế nói chung, chuyển đổi hệ giá trị nói riêng xuất hiện hai khuynh hướng tiêu biểu: Khuynh hướng thứ nhất, tuyệt đối hoá vai trò của giá trị truyền thống, không thấy được những yếu tố lạc hậu của truyền thống. Thực tế cho thấy, một số quan điểm nhân danh bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc trong xây dựng lối sống đã quay về đề cao quá khứ, coi thường hiện tại và tương lai, thậm chí chủ trương phục cổ, cắt đứt mối quan hệ quá khứ - hiện tại - tương lai; khuynh hướng thứ hai, cho rằng cần thiết xây dựng lối sống từ bỏ tất cả giá trị truyền thống dân tộc. Quan điểm này cho rằng, những gì thuộc về truyền thống đều là lỗi thời; điều quan trọng là tiếp thu lựa chọn văn minh phương Tây.

Đứng trước khuynh hướng như vậy, khoa học đã nghiên cứu, tổng kết đánh giá và đưa ra hệ chuẩn làm cơ sở cho Đảng xác lập hệ giá trị định hướng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb CTQG, Hà Nội 1998, tr. 9- 10.

cho xây dựng lối sống hiện đại đó là: xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; đồng thời chỉ ra những nội hàm của hệ giá trị ấy:

Nền văn hoá tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hoà giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên.

Bản sắc dân tộc, bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước đó là lòng yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống.

Từ việc xác lập hệ giá trị chung đó, với sự nghiên cứu của mình, các nhà khoa học đã chỉ ra những đức tính của con người Việt Nam: Tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, có ý chí khát vọng dân giàu, có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung; có lối sống lành mạnh, văn minh, lao động chăm chỉ; thường xuyên nâng cao hiểu biết trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Thứ ba, tri thức khoa học góp phần nâng cao nhận thức xã hội, nhằm tự điều chỉnh lối sống cho mỗi cá nhân và cộng đồng

Vấn đề giá trị văn hoá truyền thống dân tộc nói chung và lối sống nói riêng đã và đang được Đảng và Nhà nước ta quan tâm sâu sắc. Điều này thể hiện ở sự nhận thức đúng đắn về công tác tuyên truyền, giáo dục của Đảng ta về văn hoá trong thời gian qua. Sự ra đời của Nghị quyết lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII là sự chuyển biến nhận thức sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân về văn hoá, khẳng định vị trí chiến lược quan trọng của văn hoá trong sự nghiệp cách mạng ở giai đoạn mới. Đặc biệt, ngày 5-7-2004, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã tiến hành

kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII. Trong Hội nghị này, Đảng đã chỉ ra những thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm trong từng lĩnh vực. Trên cơ sở đó, Hội nghị đề ra nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2010, các giải pháp trong việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Công việc đầu tiên mà các giải pháp đặt ra là đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. Hơn nữa, làm thế nào trong toàn Đảng, toàn dân có một tình cảm thật sự, có một thái độ đúng đắn, niềm tin vững chắc để thực hiện các hệ chuẩn giá trị xã hội để họ phấn đấu xây dựng lối sống mới. Bởi lẽ, chính các giá trị này có vai trò quan trọng tạo nên sức mạnh và bản sắc của nền văn hoá, tạo nên tâm hồn, cốt cách lối sống của người Việt Nam qua suốt mấy nghìn năm lịch sử. Nói cách khác, nó sẽ tạo nên đặc trưng lối sống của người Việt Nam. Song, muốn nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống, thì đương nhiên cần phải nâng cao trình độ dân trí của nhân dân. Bởi lẽ, ý thức tự giác của toàn xã hội về vấn đề này chỉ có thể thực hiện được khi trình độ dân trí được nâng lên một mức nhất định, mặc dù hai vấn đề đó không tỷ lệ thuận với nhau. Để thực hiện giải pháp này, chúng ta đã, đang tiến hành:

Từng bước xây dựng bộ tài liệu chuẩn về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trên cơ sở kế thừa, phát huy những phẩm chất truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam.

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về nội dung vai trò của các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống mới. Trên cơ sở nội dung của lối sống mới, chúng ta đã xác định các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc cần kế thừa và phát huy; xác định các chủ đề cụ thể mà trọng tâm là 5 đức tính của người Việt Nam trong giai đoạn mới được Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đề ra; tuyên truyền, giáo dục về lễ sống, về các giá trị: lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, lòng nhân ái, khoan dung, hiếu học, cần cù, chăm chỉ..., cho nhân dân.

Tổ chức các phong trào tôn vinh, phát huy các giá trị văn hoá, lối sống đẹp; phát hiện những nhân tố mới, điển hình để tuyên truyền giáo dục, đồng thời đấu tranh phê phán các phản giá trị, lối sống thực dụng, nhân cách thấp hèn, đạo đức tha hoá vốn xa lạ với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Như vậy, có thể thấy trong những năm qua hoạt động khoa học đã có vai trò đáng kể trong việc hình thành những giá trị mới trong quá trình xây dựng lối sống mới ở nước ta. Tuy nhiên, trong quá trình đánh giá về văn hoá, lối sống con người Việt Nam Văn kiện Trung ương 5, khoá VIII của Đảng chỉ rõ: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường giá trị truyền thống văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng cá nhân, vị kỷ....Nhiều hủ tục lan tràn, nhất là trong việc cưới, tang và lễ hội...”¹. Những yếu kém mà Nghị quyết TW5 nêu trên có phần không nhỏ trách nhiệm của khoa học trong việc chưa làm rõ những định hướng giá trị, chưa làm rõ những cơ sở lý luận cũng như truyền truyền cho quảng đại quần chúng thấy được tính tất yếu trong việc xây dựng nền văn hoá, con người mới. Vì vậy, để xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại trong giai đoạn mới, thì vai trò của khoa học là vô cùng quan trọng, đặc biệt trong thời kỳ cuộc cách mạng khoa học- công nghệ đã, đang diễn ra mạnh mẽ, phức tạp như hiện nay. Song để thể hiện vai trò của khoa học trong quá trình xây dựng lối sống dân tộc- hiện đại thì phải có một nền khoa học mạnh, đủ sức nghiên cứu đưa ra những cơ sở cho việc đưa ra những giá trị mới, nhằm xây dựng những định chế văn hoá mới phù hợp. Và để có một nền khoa học mạnh theo chúng tôi cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần đổi mới cơ chế hoạt động khoa học

Có thể nói trong những năm qua, các chính sách và cơ chế quản lý hoạt động khoa học có tác dụng kích thích đổi mới và nâng cao trình độ khoa học- công nghệ của đất nước, thể hiện ở các mặt cụ thể ở các mặt: tạo quyền chủ động cho chủ cho các cơ sở nghiên cứu khoa học; tạo ra môi trường cần thiết cho việc trao đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, trình độ tri thức; đổi mới và hoàn thiện cơ chế đã giúp cho các cơ sở nghiên cứu có quyền chủ động trong

việc sử dụng kinh phí, chủ động trong việc triển khai quá trình nghiên cứu; mở ra những hình thức mới trong việc tiếp cận và thu hút tri thức khoa học- công nghệ tiên tiến của thế giới.... Tuy nhiên, thực tiễn xã hội không ngừng biến đổi, công cuộc đổi mới ngày càng đi vào chiều sâu và đặt ra những yêu cầu mới, ngày một cao hơn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học. Do đó, cơ chế cho hoạt động khoa học cần được đổi mới, cụ thể là Luật Khoa học và công nghệ tất yếu phải không ngừng được bổ sung và hoàn thiện theo hướng sau:

Khẳng định rõ ràng hơn nữa vị trí, vai trò của khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội - nhân văn trong nền khoa học nói chung của nước ta; đồng thời khẳng định tính chất then chốt của công tác nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu cơ bản trong toàn bộ hoạt động khoa học nói chung.

Thể chế hoá một cách chặt chẽ và có hệ thống hơn nữa những quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về khoa học và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, về chính sách quốc gia với tư cách là quốc sách hàng đầu trong đầu tư, phát triển khoa học, trong đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đối với giới tri thức khoa học, nhất là các tài năng và chuyên gia khoa học lớn, đầu ngành mà những đóng góp của họ sẽ có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Quy định rõ tổ chức, cơ cấu và hệ thống các cơ quan khoa học và quản lý khoa học, quan hệ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, với sản xuất, với hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, kể cả dịch vụ khoa học cũng như với các hoạt động khác của đời sống xã hội, quyền hạn và trách nhiệm tương ứng với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu khoa học của tổ chức và các cá nhân có thẩm quyền...

Cần quy định cụ thể hơn những nguyên tắc và chuẩn mực pháp lý làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách đầu tư các nguồn lực để phát triển khoa học mà nguồn lực quan trọng nhất là nhân lực khoa học có chất lượng cao, cho việc đánh giá, thẩm định các giá trị khoa học, những cống hiến khoa học của

¹ Sđd: tr. 46.

nhà khoa học, đảm bảo những điều kiện vật chất và tinh thần cho nhà khoa học lao động, làm việc vì lợi ích chung của xã hội, vì sự phát triển của đất nước, vì mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội, vì tương lai triển vọng của nền khoa học nước nhà.

Phương hướng bổ sung và hoàn thiện Luật Khoa học và công nghệ, một tỷ lệ dung lượng lớn của bộ luật phải được dành một cách xứng đáng để nêu rõ các điều khoản, các biện pháp thi hành nhằm mục tiêu bảo vệ các chuẩn mực đạo lý - pháp lý - nhân văn của khoa học, nhà khoa học và các công trình khoa học trước tình trạng vi phạm dân chủ, công bằng xã hội và xâm phạm lợi ích khoa học, gây tổn hại cho cá nhân, tập thể và xã hội nói chung. Ở đây, cần phải quy định cụ thể, chi tiết hoá đến một mức độ thích hợp những cái được phép và những điều nghiêm cấm (không được phép), nhằm đủ sức tạo ra một khung pháp lý để xử lý và giải quyết những sự vi phạm, xâm phạm và tranh chấp có thể xảy ra trong đời sống khoa học, trong các quan hệ khoa học giữa cá nhân với cá nhân, với tập thể, với tổ chức, cũng như giữa tập thể, tổ chức khoa học này với tập thể, tổ chức khoa học khác, giữa các cơ quan nghiên cứu và quản lý khoa học với các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội là những đối tượng pháp lý của bộ luật này.

Trong xu hướng phát triển dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền, Luật Khoa học và công nghệ cần được bổ sung, hoàn thiện và thực hiện với một chất lượng khoa học cao, nghĩa là đảm bảo có cơ sở vững chắc về lý luận và thực tiễn, phù hợp với các chuẩn mực pháp lý dân chủ, thống nhất với quan điểm và nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, không trái với tinh thần của hệ thống các văn bản luật từ Hiến pháp (bộ luật cao nhất của thể chế) đến các bộ luật khác, có liên quan mật thiết với Luật Khoa học và công nghệ như: Dân luật, Hình luật, Luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Công đoàn và các luật về đoàn thể, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác, kể cả Luật Báo chí và Luật Xuất bản. Cần phải thường xuyên tổ chức giáo dục, tuyên truyền bộ luật này trong các đối tượng xã hội rộng rãi, hướng dẫn thi hành và thi hành nghiêm chỉnh. Giáo dục nhận thức về Luật Khoa học và công nghệ cũng như văn hoá

pháp luật nói chung phải được chú trọng trong hệ thống giáo dục - đào tạo, nhất là trong các cơ sở đào tạo, các cơ sở nghiên cứu và quản lý khoa học, các cơ quan báo chí, xuất bản. Các nhà khoa học trẻ, mới hành nghề, các học sinh, sinh viên đại học, những người đang đào tạo sau đại học và trên đại học để bổ sung vào nguồn nhân lực khoa học phải được giáo dục kỹ lưỡng về văn hoá pháp luật, nhất là lĩnh hội thấu đáo nội dung, yêu cầu của Luật Khoa học và công nghệ vì hoạt động nghề nghiệp của họ bị ràng buộc trực tiếp bởi đạo luật này. Tuy vậy, luật pháp dù hoàn hảo đến đâu cũng là không đủ đối với đời sống xã hội vô cùng phong phú, đa dạng, phức tạp, nhất là những sự tinh tế đạo đức - văn hoá trong quan hệ con người, trong lối sống, lễ sống của con người. Vì vậy cần đề cao đạo đức khoa học, bởi pháp luật là công cụ quản lý nhà nước, là phương tiện tự bảo vệ của công dân. Đạo đức, nhân cách và dư luận xã hội lành mạnh sẽ hỗ trợ cho pháp luật và đảm bảo quyết định một phần lớn sự lành mạnh của đời sống khoa học, của dân chủ trong khoa học, của sức mạnh đề kháng của khoa học khỏi sự vẩn đục, suy thoái và tha hoá.

Thứ hai, cần tạo động lực cho sự phát triển khoa học- xem đây là giải pháp cơ bản và bao trùm nhất, nhằm thúc đẩy nền khoa học phát triển

Có thể nói, khoa học không chỉ tồn tại và phát triển với đội ngũ các nhà khoa học, với bản thân đội ngũ ấy, mà còn tồn tại và phát triển vì xã hội con người, vì dân tộc, nhân dân, đất nước, vì cuộc sống của con người. Đó là mục tiêu sâu xa, là mục đích tự thân của khoa học. Tuy vậy, muốn thúc đẩy nền khoa học phát triển thì đương nhiên tạo động lực cho nó. Động lực ở đây theo chúng tôi gồm 2 nội dung cơ bản đó là, động lực vật chất và động lực tinh thần. Đối với động lực vật chất đó là những lợi ích vật chất qua tiền lương, tiền thưởng, nhuận bút và các khoản thù lao khoa học khác là cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với nhà khoa học để họ và gia đình họ duy trì cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, vấn đề tạo động lực phát triển cho khoa học và nhà khoa học còn thể hiện ở những chính sách, chế độ, quy định của nhà nước đối với hoạt động khoa học và cán bộ khoa học. Những chính sách, chế độ, quy định đó vừa nhằm vào kích thích lợi ích vật chất, vừa nhằm vào sự tôn vinh các giá

trị tinh thần, tôn vinh khoa học và các tài năng, các nhân cách khoa học. Nó biểu hiện ở các khâu đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đánh giá cán bộ sao cho hợp lý, đúng với đức - tài, hợp với trình độ, khả năng, phát huy được sở trường, năng khiếu, mở rộng những điều kiện, môi trường và cơ hội phát triển của họ. Một động lực vật chất nữa trong quản lý đó phải là chính sách thể hiện sự tôn trọng tài năng, trọng đãi hiền tài, luôn đặt con người trước nhu cầu phát triển, luôn mở ra những triển vọng tích cực để người nghiên cứu có thể sống hết mình, làm việc hết mình vì khoa học, vì chế độ, vì con người và xã hội. Tuy nhiên, điều kiện vật chất chỉ là tiền đề, là điều kiện tối cần thiết cho hoạt động khoa học, tuyệt nhiên nó không phải là cứu cánh. Chỗ hướng đích của nhà khoa học là tìm tòi nghiên cứu để sáng tạo ra những công trình, những tác phẩm khoa học, đóng góp hữu ích cho xã hội bằng những sản phẩm tinh thần do lao động trí tuệ của họ sản xuất ra. Những sản phẩm và giá trị tinh thần đó chỉ có ý nghĩa khi nó được xã hội đánh giá, thừa nhận một cách khách quan và công bằng, được sử dụng vì mục đích phát triển và tiến bộ xã hội. Do vậy, nhận được sự đánh giá khách quan, công bằng xã hội (từ dư luận của công chúng, độc giả, từ đồng nghiệp trong ngành, trong giới, từ các tập thể, cơ quan khoa học cho đến những nhận xét, đánh giá của các cá nhân, các tổ chức có thẩm quyền...) là sự cổ vũ, khích lệ rất có ý nghĩa đối với bản thân nhà khoa học. Đánh giá đúng và công tâm sẽ có sức cổ vũ, thúc đẩy hoạt động của người nghiên cứu, kể cả những nhận xét phê phán nghiêm khắc, chỉ ra những hạn chế, thiếu sót của công trình hoặc tranh luận, đề xuất những vấn đề phải nghiên cứu lại hay nghiên cứu tiếp, vẫn hết sức cần thiết, bổ ích. Đôi khi, chính điều đó lại có ích hơn đối với những nhận xét ngợi ca và biểu dương một cách hình thức, chiếu lệ. Vấn đề là ở chỗ, những nhận xét phê phán đó có lý, có sức thuyết phục và nó được đảm bảo bởi cái tâm, cái trí, cái tình và cái tài của người phê bình, nghĩa là phê phán đúng, động cơ phê phán trong sáng, chân thành. Đối với những cá nhân và tổ chức có trọng trách và thẩm quyền, có ảnh hưởng trực tiếp tới việc hướng dẫn dư luận thì những nhận xét, phê phán này lại càng hệ trọng, nhất là khi những nhận xét, phê phán đó được công bố rộng rãi. Nó tác động không ít tới tình trạng hoạt động nghiên cứu và

xu hướng phát triển của nhà khoa học. Vì thế, trong trường hợp này càng phải thận trọng hơn, đảm bảo không gây ra những hậu quả tiêu cực. Đương nhiên, một yếu tố cốt yếu của động lực tinh thần cho khoa học phát triển đó là cơ chế dân chủ trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Vậy tạo động lực phát triển khoa học từ cơ chế dân chủ được biểu hiện như thế nào? Đó là giải pháp tư tưởng, đảm bảo tự do tư tưởng của người nghiên cứu. Sự giải phóng này không chỉ ở môi trường xã hội, ở thời cuộc mà cụ thể và thiết thực hơn, ở ngay trong các cơ sở nghiên cứu, trong ý thức và trình độ dân chủ của người lãnh đạo. Nó tạo phần khích chứ không ức chế tâm lý của người nghiên cứu, nuôi dưỡng cảm hứng sáng tạo chứ không làm suy giảm nhiệt tình, mất đi những nỗ lực và ý chí cá nhân trong công việc nặng nhọc thầm lặng này.

Đó là xác lập hệ giá trị, tức là những tiêu chuẩn khoa học làm thước đo đánh giá kết quả lao động của người nghiên cứu. Đây là sự đảm bảo tính khách quan và công bằng trong đánh giá xã hội đối với các kết quả nghiên cứu. Đây phải là một trọng điểm, được quy định thành văn trong cơ chế quản lý. Điều đó ảnh hưởng hệ trọng tới sự phát triển của từng người và của cả cộng đồng khoa học. Không có sự công bằng, ngay thẳng trong đánh giá các giá trị tinh thần sẽ làm triệt tiêu nội lực phát triển của cá nhân nhà khoa học. Đây là nét đặc thù của giới tri thức, bởi họ rất chú trọng tới các giá trị tinh thần trong đạo lý và trong lẽ sống của họ.

Thứ ba, đầu tư cho nghiên cứu khoa học phải gắn liền với việc xây dựng và phát triển nhân lực khoa học có chất lượng cao

Giải pháp này cũng đồng thời là một quan điểm lớn mà tinh thần và ý nghĩa của nó đã được thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khoá VIII) của Đảng về phát triển giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học - công nghệ coi đó là quốc sách hàng đầu. Tuy nhiên, đầu tư cho khoa học trong thời gian tới cũng cần tránh các hình thức sau đây:

Không bình quân trong đầu tư cho các đề tài, ngay cả các đề tài cùng một cấp độ. Tính bình quân này tuy đã được khắc phục một phần nhưng vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Khó mà suy luận và khẳng định rằng, đề tài cấp khoa

học cấp cơ sở, cấp bộ thì kém hơn, ít giá trị hơn đề tài cấp quốc gia. Mỗi đề tài có vị trí, ý nghĩa riêng của nó. Giá trị và ý nghĩa công trình khoa học, bất luận ở loại đề tài nào có trở thành thực tế, được khẳng định và thừa nhận hay không, đến đâu còn tùy thuộc ở những tác giả của nó, mà những “nhà sản xuất – kinh doanh” này vốn rất khác nhau về trình độ, phong cách, bản lĩnh. Do đó, cơ quan, tổ chức đầu tư phải rất am hiểu con người, công việc khoa học thì mới có thể có quan điểm và chiến lược đầu tư tích cực.

Mọi sự bình quân, dàn trải trong đầu tư khoa học đều làm suy giảm động lực và gây lãng phí trong khoa học, nhìn từ góc độ kinh tế - xã hội. Ngoài hình thức phổ biến hiện nay là đầu tư cho tổ chức, cho tập thể khoa học theo đề tài, dự án, cần áp dụng thử nghiệm phương thức đầu tư trực tiếp, đầu tư ứng trước, dài hạn cho cá nhân nhà khoa học để thực hiện một đơn đặt hàng có ý nghĩa đối với sự phát triển tiềm lực khoa học. Đây là đầu tư cho nghiên cứu. Cũng có thể đầu tư để xuất bản công trình, xuất bản tuyển tập công trình và toàn tập công trình, đối với những tác giả có uy tín, có nhiều thành tựu trong khoa học mà việc xuất bản này đem lại không chỉ ý nghĩa tôn vinh xã hội cho một tên tuổi khoa học mà còn vì lợi ích xã hội, nhất là cho sự nghiệp đào tạo các nhà khoa học tương lai. Đây là đầu tư cho đào tạo và phát triển khoa học rất cần thiết ở nước ta, và ít có nhà khoa học nào tự mình làm được điều đó nếu không có hỗ trợ của Nhà nước. Trong điều kiện kinh phí có hạn, có thể bằng tuyên truyền vận động các tổ chức kinh tế - xã hội, các doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp lớn có quan hệ mật thiết với khoa học và các nhà khoa học hỗ trợ, bảo trợ cho việc xuất bản này.

Cũng có thể đầu tư trực tiếp cho một nhóm tác giả, kể cả nhóm tác giả trẻ mà chúng ta thực sự biết rõ họ có tài năng, có triển vọng, có đạo đức khoa học, tức là toàn bộ nhân cách khoa học của họ đã như một sự tín chấp được, có thể tin cậy để đầu tư được vì lợi ích của khoa học nước nhà, vì tạo ra những lực đẩy kích thích các tài năng phát triển. Mỗi nhóm này không thể đông, có thể từ 3 đến 5 người, trong đó phải có một khuôn mặt nổi bật hơn cả làm đại diện hoặc có một nhà khoa học có uy tín bảo đảm. Mấy năm trở lại đây, Bộ

Khoa học – Công nghệ đã có chủ trương xây dựng Quỹ đầu tư khoa học để phát triển hướng nghiên cứu cơ bản. Đã có những cuộc hội thảo lớn với không ít các tham luận đầy tâm huyết, các đề xuất có giá trị cho việc giải quyết vấn đề này. Ý tưởng thành lập quỹ nghiên cứu cơ bản là rất đáng khích lệ. Chỉ tiếc là việc triển khai thực hiện của chúng ta quá chậm, nhiều khả năng tốt nhưng vẫn chậm và khó trở thành hiện thực.

Bằng một hợp đồng khoa học được xác định chặt chẽ, việc đầu tư và thực hiện đầu tư đó có thể góp phần thúc đẩy và tạo khởi sắc cho đời sống khoa học. Nó cũng có thể mang ý nghĩa xã hội - nhân văn rất tốt đẹp để khuyến khích thế hệ trẻ đi vào khoa học, nhất là trong tình hình hiện nay khi lực lượng khoa học xã hội - nhân văn nước ta đang bị lão hoá khá nghiêm trọng.

Những khả năng thực hiện các phương thức đầu tư đó là *thực tế* nếu chúng ta biết tổ chức, biết tập hợp lực lượng, biết khai thác, kể cả các tổ chức hợp tác quốc tế... nhằm phát huy nội lực khoa học và nội lực xã hội nói chung để phát triển.

Thứ tư, tạo lập môi trường hợp tác quốc tế, thuận lợi cho sự phát triển khoa học

Là một nước nông nghiệp còn lạc hậu, trình độ khoa học còn thấp, nguồn vốn tài chính ít ỏi, các nguồn lực khác, đặc biệt là nguồn lực con người, tuy ta có tương đối dồi dào, nhưng phần lớn còn ở dạng tiềm năng, để có thể tiếp thu, nghiên cứu và phát triển khoa học cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước chúng ta rất cần các nguồn lực bên ngoài. Các nguồn lực bên ngoài sẽ góp phần giúp chúng ta khai thác nguồn tiềm năng nội lực thành hiện thực. Vì vậy, sự hợp tác quốc tế là một yếu tố không thể thiếu trong việc tạo dựng môi trường thuận lợi cho sự phát triển của khoa học. Muốn vậy cần thiết phải cải thiện môi trường đầu tư nói chung và môi trường đầu tư cho khoa học nói riêng.

Về môi trường đầu tư có ba yếu tố cơ bản giữ vai trò là điều kiện và tiền đề không thể thiếu được để xác lập được một môi trường đầu tư thuận lợi: Yếu tố quan trọng hàng đầu là phải ổn định về mặt chính trị, phải có chiến lược

phát triển kinh tế nhất quán theo cơ chế thị trường, có chiến lược mở cửa làm ăn với nước ngoài; Phải có một hệ thống pháp luật chặt chẽ, hoàn thiện phục tùng theo các định hướng chiến lược và chính sách đã được xác định chắc chắn và công khai; việc thực hiện pháp luật phải tuân theo nguyên tắc thống nhất và nhất quán, không thay đổi các điều khoản trong pháp luật hiện hành. Vậy muốn bảo đảm môi trường đầu tư thuận lợi thì cần thực hiện cải cách hành chính “Dịch vụ một cửa” trong việc thu hút đầu tư và hội nhập các nhà đầu tư; thực hiện pháp quy hoá các thủ tục đầu tư theo thông lệ quốc tế, các thủ tục phải đơn giản nhưng phải chặt chẽ. Đồng thời phải hiện đại hoá kết cấu hạ tầng: điện, nước, giao thông vận tải, thông tin liên lạc thuận lợi, nhanh chóng, bảo đảm bí mật. Đó là những điều kiện cần phải có thì mới có thể thu hút được các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, mà chủ yếu là đầu tư trong lĩnh vực khoa học

Thứ năm, đảm bảo và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học, đối với giới trí thức khoa học

Đây là giải pháp ở tầm quan điểm và nguyên tắc, trước hết là quan điểm và nguyên tắc chính trị, là đảm bảo chính trị có ý nghĩa quyết định đối với khoa học và sự phát triển khoa học ở nước ta. Để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả tiềm lực khoa học, tiềm lực tư tưởng và trí tuệ của giới trí thức khoa học ở nước ta; để đảm bảo yêu cầu dân chủ, phát triển năng lực sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, cần đảm bảo và tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học, nhất là hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Nguyên tắc này trong nghiên cứu khoa học cần được thể hiện tập trung ở mấy điểm:

Đảm bảo nền tảng tư tưởng, hệ tư tưởng của toàn xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là *linh hồn* của toàn bộ đời sống khoa học xã hội - nhân văn của nóc nhà, là *định hướng giá trị* trong thế giới quan, nhân sinh quan, lẽ sống và lối sống của nhà khoa học và trí thức dù là trí thức trong Đảng hay ngoài Đảng. Cần phải tăng cường giáo dục về Đảng và phát triển Đảng trong đội ngũ trí thức, nhất là trí thức trẻ.

Đảm bảo sự thấm nhuần và vận dụng sáng tạo các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng trong hoạt động khoa học, nhất là trong công tác nghiên

cứu, trước hết là nghiên cứu lý luận. Đó là sự thể hiện tính Đảng và tính khoa học, tính cách mạng và tính khoa học trong nghiên cứu, sự thể hiện tư cách công dân, nhà tư tưởng và người cách mạng trong thiên chức, nghĩa vụ xã hội và lý tưởng chính trị gắn liền làm một với lý tưởng khoa học của nhà khoa học.

Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ vốn là một nguyên tắc cốt tử của Đảng, của quản lý Nhà nước, cũng đồng thời là một nguyên tắc chỉ đạo hoạt động khoa học và nghiên cứu khoa học.

Đảm bảo sự gương mẫu về thái độ lao động khoa học, về trau dồi tư tưởng, chính trị, đạo đức của nhà khoa học, bảo vệ học thuyết, cương lĩnh, đường lối và tổ chức Đảng một cách nhất quán trong lý luận và trong thực tiễn, nhất là trong tình hình đang diễn ra cuộc đấu tranh hệ tư tưởng gay gắt như hiện nay.

Nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Đảng trong đời sống xã hội và trong đời sống khoa học thông qua sự gương mẫu, tính nêu gương, thuyết phục của đảng viên, của tổ chức Đảng như một giá trị văn hoá.

Xây dựng và phát triển quan hệ tốt đẹp giữa Đảng với giới khoa học, nhất là giới trí thức khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, đặc biệt quan tâm và tạo ra ảnh hưởng thuyết phục *đối với các trí thức ngoài Đảng* theo tinh thần dân chủ, tôn trọng, tin cậy. Đảng tạo mọi điều kiện để các nhà khoa học độc lập tư tưởng, sáng tạo trong nghiên cứu, tôn trọng các quyền của khoa học và nhà khoa học: quyền sáng tạo, quyền phê phán, quyền được phép mắc sai lầm và chịu trách nhiệm cá nhân về những sai lầm ấy, đồng thời tăng cường giáo dục, rèn luyện và mở rộng mọi điều kiện, cơ hội để giới trí thức khoa học phát huy tài năng phục vụ Tổ quốc và nhân dân, hạn chế những sai lầm trong khoa học, không mắc sai lầm về chính trị.

Bản thân các nhà khoa học, các tổ chức, cơ quan khoa học sẽ chủ động, độc lập sáng tạo trong nghề nghiệp chuyên môn của mình, đem hết tài năng, tâm huyết của mình để phục vụ tốt nhất, cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp

cách mạng do Đảng lãnh đạo, vì sự bền vững của chế độ, sự phồn vinh của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân và triển vọng toả sáng của nền khoa học nước nhà.

ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, CÁC CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC **VÀ**
CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH HÀNH VI ĐẠO ĐỨC

THS. TÔ THỊ NHUNG

Tư tưởng, đạo đức và lối sống là một nội dung cốt lõi trong đời sống văn hoá, tinh thần của xã hội phong phú. Nó là nền tảng của xã hội và là phần chất của con người. Chuẩn mực đạo đức, quan niệm đạo đức nó chi phối hành động của mỗi con người. Cho nên, với vai trò là một phương thức cơ bản để điều chỉnh các hành vi ứng xử của con người trong xã hội, làm cho xã hội phát triển và ổn định. Vì vậy, một xã hội hưng thịnh, đạo đức được tôn vinh, kỷ cương được duy trì, các giá trị đạo đức được bảo tồn, gìn giữ thì nó sẽ thiết thực góp phần phát triển đời sống văn hoá tinh thần xã hội, làm lành mạnh hoá, nhân đạo hoá các quan hệ xã hội, phát triển các giá trị nhân văn, làm cho con người ngày càng người hơn.

Nhận thức được vai trò của đạo đức đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước đã luôn quan tâm đến việc chăm lo giáo dục đạo đức cho mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy, các giá trị đạo đức truyền thống ngày càng được củng cố, gìn giữ và phát huy. Cùng với việc phát huy những giá trị đạo đức truyền thống thì các giá trị văn hoá, nhân văn của nhân loại cũng được chọn lọc, tiếp thu một cách phù hợp với dân tộc và thời đại. Điều đó đã góp phần làm phong phú thêm các giá trị đạo đức nói riêng và đời sống văn hoá, tinh thần của dân tộc nói chung. Bên cạnh những giá trị đạo đức và chúng ta đã giữ gìn và phát huy thì cũng chính những vấn đề đó cũng đã và đang nảy sinh, xuất hiện những nhân tố tiêu cực ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống tinh thần của nhân dân. Đặc biệt là vấn đề đạo đức, lối sống hiện nay đang là điều

đáng lo ngại. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) nhấn mạnh: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc”¹. Điều này đã và đang len lỏi trong từng cá nhân, trong từng gia đình và cộng đồng xã hội và đặc biệt nó thể hiện rõ nhất ở tầng lớp thanh niên bằng những hiện tượng vô đạo đức, sống hư hỏng, không niềm tin, không lý tưởng, luôn luôn bực dọc và bất mãn đi đến chỗ phá phách trong gia đình và ngoài xã hội. Chạy theo những hưởng lạc vật chất, nhiều người đã đi vào con đường nghiện hút, lừa đảo, trộm cắp đi đến huỷ hoại bản thân. Nhiều người trong số họ đã dẫm nát mọi giá trị đạo đức của dân tộc và nhân loại.

Đối với gia đình thì đều đứng trước nguy cơ tan rã, trong quan hệ vợ chồng thì nay lấy mai bỏ. Bao nhiêu trẻ em hư hỏng vì không được thiếu sự quan tâm chăm sóc và nuôi dạy chu đáo của cha mẹ. Không ít người già phải sống trong cảnh cô đơn, thiếu sự chăm sóc của con cái, Những đứa trẻ con sinh ngoài giá thú không có được tình cảm trọn vẹn như những đứa trẻ khác. Quan hệ tình dục và nạo phá thai trở thành khá phổ biến ở lứa tuổi vị thành niên... Chỉ những điều đó đã phản ánh phần nào thực trạng đạo đức, lối sống ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Một xã hội được coi là phát triển thì đời sống vật chất và đời sống tinh thần phải tương đồng chứ không có sự chênh lệch. Trong quá trình xây dựng đất nước nếu chúng ta chỉ quan tâm đến tăng trưởng kinh tế mà không chú ý đến việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống thì sự phát triển xã hội sẽ trở nên lệch lạc, không bền vững.. và “Sự tổn thương đạo đức, tinh thần xã hội nếu không được khắc phục kịp thời và có hiệu quả thì xã hội sẽ phải trả giá đắt cho những phản phát triển”². Vì vậy, xây dựng lối sống mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội hiện nay là một vấn đề bức thiết

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

² Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay vấn đề và giải pháp, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 309.

đối với đất nước ta. Lối sống đó phải được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Nó phải là lối sống văn minh, tiên tiến nhưng mang đậm bản sắc dân tộc, được kết tinh từ các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc và những giá trị mới, những tinh hoa văn hoá nhân loại.

Giải quyết thực trạng trên thì một trong những giải pháp đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức được coi là giải pháp không kém phần quan trọng góp phần xây dựng một lối sống dân tộc, hiện đại phù hợp với sự phát triển của đất nước và xu thế thời đại. Vì vậy, sinh thời Hồ Chủ tịch luôn coi trọng việc giáo dục và tuyên truyền đạo đức cách mạng, trước hết đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên và tiếp sau là phổ biến trong toàn xã hội. Bởi, giáo dục đạo đức là con đường, là cách thức cơ bản và chủ yếu để hình thành những phẩm chất đạo đức cho mỗi con người, nó luôn giữ vai trò trực tiếp, quyết định chất lượng và hiệu quả truyền bá sâu rộng những giá trị, chuẩn mực đạo đức đã có vào trong đời sống xã hội và thôi thúc nội tâm của mỗi người, giúp cho họ nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn và chủ động nội dung, yêu cầu, quy tắc đạo đức, để mỗi người tự giác điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức của mình nhằm đem lại kỷ cương và lợi ích cho xã hội.

Cùng với việc nâng cao trình độ nhận thức các giá trị, chuẩn mực đạo đức, giáo dục đạo đức là một phương thức để xây dựng những quan điểm, phẩm chất đạo đức mới, quan niệm và lối sống tích cực. Đồng thời, thông qua giáo dục đạo đức giúp cho họ nhận diện phê phán và đấu tranh loại bỏ những biểu hiện vi phạm đạo đức, những quan niệm đạo đức sai lầm, lạc hậu, lệch chuẩn hay không còn phù hợp với điều kiện mới. Trên cơ sở đó họ sẽ nhận thức được những giá trị đích thực của cuộc sống hiện tại, đó là tính nhân bản, nhân ái và nhân văn sâu sắc. Giáo dục đạo đức góp phần to lớn nhân đạo hoá môi trường sống của con người, củng cố những phẩm chất, những giá trị bền vững. Chẳng hạn, thông qua giáo dục chủ nghĩa yêu nước mà hình thành nên niềm tự hào dân tộc, yêu hoà bình, độc lập, tự do, sẵn sàng đấu tranh, hy sinh bảo vệ Tổ quốc và tôn trọng chủ quyền của dân tộc khác. Thông qua giáo dục

đạo đức, hình thành những xúc cảm, tình cảm đạo đức như tình yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người, tôn trọng lao động. Chính tình cảm đạo đức là động lực thúc đẩy con người thực hiện những hành vi đạo đức, là động lực làm tăng thêm sự phong phú, sâu sắc và tinh tế của thế giới nội tâm, thúc đẩy con người vươn lên trong cuộc sống. Có được tình cảm đạo đức là nguồn sức mạnh tinh thần giúp con người phấn đấu cho những giá trị Chân, Thiện, Mỹ.

Giáo dục đạo đức không chỉ hình thành những phẩm chất đạo đức mà gắn liền với việc hình thành và phát triển tài năng. Tài và đức, phẩm chất và năng lực là hai mặt không thể tách rời. Tài năng được khẳng định và phát triển trên cơ sở đạo đức. Không có những phẩm chất, những giá trị đạo đức làm cơ sở làm nền tảng thì tài năng khó đem lại những giá trị chân chính, thậm chí có khi dẫn đến những hành vi lệch lạc, phản đạo đức, gây tai họa cho người khác. Tài năng được bộc lộ, được phát triển khi nó thực hiện có mục đích tích cực, chủ động, sáng tạo, tạo ra những giá trị xã hội, với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đó là biểu hiện về mặt đạo đức. Đồng thời, người có đạo đức không chỉ thể hiện ở thái độ, động cơ mà khẳng định ở kết quả, hành động, thống nhất giữa động cơ và hiệu quả.

Việc tổ chức giáo dục và rèn luyện đạo đức luôn giữ vai trò trực tiếp quyết định chất lượng và hiệu quả truyền bá sâu rộng những chuẩn mực đạo đức đã có vào trong đời sống xã hội để mỗi người tự giác điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức của mình nhằm đem lại kỷ cương. Cuộc đấu tranh khẳng định cái tốt, phê phán cái xấu, làm cho các chuẩn mực đạo đức lành mạnh phải được khẳng định trở thành nhu cầu, tình cảm đạo đức thực sự, ý thức tự nguyện, tự giác của mỗi người.

Vì vậy, để giáo dục đạo đức cũng như việc tuyên truyền nó một cách có hiệu quả thì việc xác định các nội dung đạo đức cũng như các chuẩn mực đạo đức ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là điều cần thiết và lấy đó làm chuẩn để đánh giá và điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực đạo đức hiện nay đang có sự đan xen, giao thoa giữa các giá trị đạo đức truyền thống với những giá trị đạo đức mới nảy sinh trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước cùng các giá trị mới tiếp thu trong quá trình mở cửa, giao lưu hội nhập với các nền văn hoá khác. Mỗi giá trị lại tồn tại trong sự xung đột với các “phản giá trị” tương ứng. Sự đấu tranh giữa cái tiến bộ với cái lạc hậu, cái thiện với cái ác, cái tốt với cái xấu, cái truyền thống với cái hiện đại... Vì vậy, việc lựa chọn, tiếp thu các nội dung, các giá trị, các chuẩn mực đạo đức cũng như phương pháp, hình thức tuyên truyền nó không thể tùy tiện, không phải là phong trào, khẩu hiệu, hay mệnh lệnh với những nội dung nghèo nàn, đơn điệu, sáo rỗng và những hình thức tuyên truyền mang tính chất đối phó.

Hiện nay, ở nước ta cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, xu thế hội nhập, toàn cầu hoá quốc tế, những giá trị, chuẩn mực đạo đức đang có sự biến đổi theo những chiều hướng phức tạp. Vì vậy, những nội dung đạo đức mới không chỉ bó hẹp ở những chuẩn mực, những quy tắc sống của các quan niệm cũ trong sinh hoạt hằng ngày của các cá nhân mà nó chủ yếu bao hàm thái độ trách nhiệm của con người trước những hành động cách mạng vì quyền lợi của dân tộc, giai cấp, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Với mục tiêu xây dựng nền văn hoá tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, việc xác định các chuẩn mực đạo đức ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở kế thừa các giá trị truyền thống đạo đức đã có của cả dân tộc, đồng thời tiếp thu những giá trị văn hoá của nhân loại. Những chuẩn mực đạo đức đó phải nhằm khuyến khích, động viên, giải phóng và phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của con người cùng với những khát vọng cá nhân và nhu cầu nhân tính của nó. Nó phải khơi dậy được những phẩm chất tốt đẹp của con người, làm thức tỉnh lương tâm, nâng cao ý thức trách nhiệm đạo đức trong những hoạt động của con người, khắc phục nhưng biểu hiện “tha hoá” bởi sự lệ thuộc của con người vào các thế lực đồng tiền, quyền lực, danh vọng và các tiện nghi sinh hoạt vật chất, làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên. Kết hợp các giá trị đạo đức truyền thống và hiện đại, các chuẩn

mục đạo đức được phát triển lên tầm cao mới phù hợp với điều kiện xã hội. Thực tế cho thấy, các chuẩn mực đạo đức có tính bảo thủ cao. Có chuẩn mực mà nếu chúng ta giữ gìn được thì trong cơ chế thị trường, các quan hệ đạo đức sẽ trở nên lành mạnh. Song, có rất nhiều chuẩn mực đạo đức đã lạc hậu cần phải gỡ bỏ để cho cái mới, cái tốt, cái đẹp xâm nhập sâu vào các quan hệ xã hội. Nhiều lĩnh vực mới mẻ của cuộc sống chưa hình thành được các chuẩn mực đạo đức tích cực. Vì vậy việc xác định, lựa chọn và xây dựng một hệ thống chuẩn mực đạo đức cho phù hợp với điều kiện hiện nay cũng như phù hợp với xu thế của thời đại là việc làm không đơn giản. Trên tinh thần kế thừa, phát huy các giá trị, các chuẩn mực đạo đức truyền thống cũng như việc tiếp thu các giá trị đạo đức, tinh hoa văn hoá của nhân loại các chuẩn mực đạo đức Việt Nam hiện nay như: Tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc; ý thức cộng đồng, cố kết gia đình - dòng họ - làng xóm - Tổ quốc; năng động, thông minh, sáng tạo vượt khó trong lao động; sống có nghĩa tình, trung thực, nhân ái, ứng xử có văn hoá, hành động theo pháp luật; ham học hỏi, cầu tiến bộ, kết hợp hài hoà tinh thần dân tộc và tinh thần đoàn kết quốc tế; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực....đang và sẽ phù hợp với điều kiện ở nước ta hiện nay. Chính những chuẩn mực đạo đức, cái được dùng làm căn cứ để định hướng nhận thức cho mỗi con người phấn đấu trở thành những công dân tốt. Và nhờ những chuẩn mực đạo đức mà hành vi của con người được thực hiện theo những khuôn mẫu xác định và những xu hướng thống nhất. Cho nên, những chuẩn mực đạo đức nó có vai trò làm chuẩn để điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, là chỗ dựa để đánh giá, xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống của mỗi con người trong gia đình cũng như trong tập thể và ngoài xã hội.

Để điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội, loài người đã sáng tạo ra hai phương thức điều chỉnh cơ bản là phương thức điều chỉnh bằng đạo đức và phương thức điều chỉnh bằng pháp luật. Giữa hai phương thức này có sự khác nhau căn bản. Nếu pháp luật sử dụng hệ thống các quy phạm pháp luật để điều chỉnh hành vi con người dựa vào sức mạnh của bạo lực, cưỡng bức buộc con người phải tuân theo, thì ngược lại, đạo đức lại sử dụng hệ thống các

nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực làm thành khuôn mẫu, tác phong để mỗi người thực hiện vì lợi ích của cộng đồng, xã hội. Đó là giới hạn được làm hay không được làm trong hành vi đạo đức của mỗi người và dùng tư tưởng, tình cảm, lý lẽ đúng đắn để cảm hoá, thuyết phục mọi người chuyển hoá yêu cầu chung của xã hội, thành nhu cầu, động cơ thôi thúc mỗi người tự giác, tự nguyện chấp hành.

Việc phân tích vai trò của giáo dục đạo đức và xác định nội dung đạo đức, các chuẩn mực đạo đức cũng như cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức, giúp chúng ta tìm ra cách thức để tuyên truyền những nội dung, chuẩn mực đạo đức nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại. Đó là:

Thứ nhất, đưa môn học đạo đức trở thành môn học bắt buộc ở các cấp học, các trường học.

Chúng ta đều biết rằng, tri thức đạo đức là một trong những thành tố quan trọng nhất của ý thức đạo đức và nó được hình thành, phát triển trong quá trình hoạt động của con người, nhưng nó được tạo lập trực tiếp và cụ thể nhất thông qua con đường truyền đạt, giảng dạy. Là cơ sở tình cảm, niềm tin đạo đức, niềm tin, tình cảm đạo đức có mạnh mẽ, sâu sắc và ổn định hay không phụ thuộc vào tính đúng đắn, sự phong phú và chiều sâu của tri thức. Nhưng thực tế hiện nay cho thấy môn đạo đức học chỉ được giảng dạy ở một số ít trường, chủ yếu là ở các trường sư phạm, hoặc các trường thuộc khối xã hội, mà không đưa vào các trường thuộc khối kinh tế, kỹ thuật, bởi họ cho rằng chỉ cần trang bị kiến thức chuyên môn là đủ, hoặc khi giảng dạy môn đạo đức thì cho rằng nó là môn phụ, mà không nhìn thấy được tầm quan trọng của nó. "Đạo đức học phải là một ngành khoa học xã hội và những người có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu chuyên cần hơn nữa, phải trở thành một môn khoa học không thể thiếu được trong các trường đại học và phổ thông"¹. Đối với các đối tượng không phải là học sinh, sinh viên thì việc giáo dục đạo đức theo nhiều hình thức khác nhau như: thông qua các cuộc trao đổi, thảo luận,

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh tình hoa dân tộc, trí tuệ thời đại, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1998 tr.79]

qua các buổi tập huấn, qua các hình thức văn hoá, văn nghệ mà truyền đạt các nội dung đạo đức đến họ.

Việc xây dựng nội dung môn học phụ thuộc vào từng đối tượng, từng ngành học. Bởi vì, đạo đức có nội dung khác với các khoa học khác ở chỗ nó là những chuẩn mực giá trị, là cái được các chủ thể lựa chọn, đánh giá như là việc làm có ý nghĩa tích cực, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương. Vì vậy, nội dung giáo dục đạo đức cũng phải làm thế nào cho phù hợp với nhận thức của từng đối tượng. Bên cạnh việc xây dựng những nội dung đạo đức sao cho phù hợp với từng đối tượng thì phương pháp để tuyên truyền, giáo dục, truyền đạt các nội dung đạo đức đó phải làm sao tránh tình trạng giáo dục tuyên truyền một chiều theo kiểu lý luận suông, giáo điều, nội dung chung chung, trừu tượng mà sáo rỗng, áp đặt và xa rời những vấn đề thực tế. để truyền đạt tri thức đạo đức tốt cần phải có sự linh hoạt, mềm dẻo, kết hợp phương pháp giáo dục truyền thống như (nêu gương người tốt, việc tốt, thiết lập các thói quen ứng xử...) với phương pháp giáo dục hiện đại như (tổ chức các hoạt động xã hội, tích lũy kinh nghiệm ứng xử qua việc tạo ra các tình huống đạo đức để rèn luyện kỹ năng nhận thức và thực hành đạo đức, hình thành ý thức đạo đức cá nhân thông qua diễn giảng, đàm thoại tranh luận, kích thích hoạt động và khả năng tự điều chỉnh đạo đức của cá nhân, qua việc tổ chức thi đua, tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tìm hiểu những vấn đề mới mẻ trong cuộc sống mang tính khoa học... đặc biệt đối với đối tượng là học sinh, sinh viên thì việc tổ chức các hoạt động cho ngoại khoá thông qua các diễn đàn như: Diễn đàn tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ kính yêu và truyền thống lịch sử dân tộc, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, các chương trình thăm quan nhớ về cội nguồn, tổ chức các câu lạc bộ để đoàn viên thanh niên có một sân chơi vừa trí tuệ vừa nhân văn...). Kết hợp giáo dục đạo đức với hoạt động thực tiễn đồng thời giáo dục đạo đức phải gắn lý luận với thực tiễn, mang hơi thở của cuộc sống và thời đại, để những nội dung giáo dục đạo đức thêm phần phong phú và hấp dẫn làm sao cho lay động lòng người, chính người nghe cũng thấy mình bị thuyết phục, và hứng thú để thực hiện. Việc xây dựng nội dung chương trình, tìm ra những phương pháp phù hợp, thiết thực sẽ giúp cho

việc tuyên truyền giáo dục đạo đức được thực hiện một cách thuận lợi, dễ dàng và đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, phong tục, tập quán, dư luận xã hội và lương tâm là những công cụ có sức mạnh to lớn được loài người sử dụng để điều chỉnh hành vi ứng xử đạo đức của con người nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng xã hội. Do vậy, nếu biết phát huy tốt các phong tục, truyền thống mà còn giá trị thì nó góp phần không nhỏ trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Bên cạnh các phong tục tập quán còn phù hợp với dân tộc hiện nay là dư luận xã hội. Dư luận xã hội có ảnh hưởng đặc biệt trong các quan hệ đạo đức của xã hội. Nó mang tính cổ vũ định hướng, kim trỏ rất rõ rệt. Nó có thể tạo nên các giá trị hoặc phủ định các giá trị của một quan hệ đạo đức nhất định. Nó có sức mạnh to lớn và là công cụ lợi hại trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức. “Trần nằm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”. Chính những dư luận xã hội đó giúp con người tự đánh giá, tự nhận xét, tự kết luận được cái gì tốt, cái gì xấu, cái gì phù hợp cái gì không và tự điều chỉnh được hành vi của cá nhân trong mọi lĩnh vực của đời sống. Bởi, dư luận xã hội là vấn đề của đạo đức, là sự biểu thị thái độ phán xét, đánh giá của quần chúng nhân dân, của xã hội về các vấn đề mà họ quan tâm bằng thái độ khen, chê thậm chí lên án. Vì vậy, thông qua dư luận xã hội để tuyên truyền giáo dục đạo đức cho nhân dân. Đây là một phương pháp không kém phần quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức.

Thứ ba, trong thời đại của chúng ta, các phương tiện thông tin đại chúng ngày nay là những phương tiện không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của mỗi con người. Do đó, nó có vai trò rất quan trọng, bằng các phương tiện thông tin này việc tuyên truyền giáo dục đạo đức sẽ đạt hiệu quả nhanh hơn, tốt hơn và chính xác hơn, nó tác động một cách trực tiếp và thường xuyên tới mỗi con người. Các phương tiện như truyền hình, phát thanh, báo chí... với mỗi chương trình, mỗi một tác phẩm thì việc lồng ghép các nội dung tuyên truyền đạo đức sẽ góp phần làm nó sinh động, phong phú và thuyết phục hơn. Những năm gần đây, các chương trình trên truyền hình đã có nhiều nội dung

mang tính chất giáo dục đạo đức. Ngay cả trong các chương trình mang tính chất thời sự, chính trị, kinh tế cũng có những nội dung giáo dục đạo đức. Ngoài ra, còn có các chương trình dành riêng cho việc giáo dục đạo đức như: chương trình người xây tổ ấm, những ước mơ xanh, chương trình vì người nghèo, vì trẻ em bị HIV, vì nạn nhân bị chất độc màu da cam, vì nhân dân vùng lũ, ... Với những nghĩa cử cao đẹp đó phần nào đã động viên họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Điều đó đã phát huy được các giá trị truyền thống của dân tộc như truyền thống lòng nhân ái, tình nghĩa, tung thân tương ái, lá lành đùm lá rách, yêu thương, giúp đỡ nhau. Các chương trình vừa mang tính chất sáng tạo, và giáo dục đạo đức như: chuyên mục an toàn giao thông, tìm hiểu lịch sử dân tộc, thần đồng đất Việt, và các chương trình giải trí khác đã truyền tải đến khán giả những nội dung cập nhật, chính xác, rõ ràng và thiết thực nhất. Các chương trình đó đã động viên, cổ vũ, khích lệ mọi người tìm tòi, khám phá và thực hiện. Hầu hết trên các trang sách, báo với những nội dung sâu sắc và thiết thực phù hợp với từng đối tượng đã đem lại cho độc giả những hiểu biết và cách ứng xử trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người. Điều đó đã góp phần tích cực trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức của mỗi cá nhân hướng đến các giá trị đạo đức phổ biến cũng như việc giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc khi mở rộng các quan hệ kinh tế, văn hoá trong xu thế toàn cầu hoá như hiện nay.

Thứ tư, cùng với việc đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác giáo dục ý thức pháp luật cho người dân cũng phải được nâng cao và đổi mới. Bởi lẽ, các phương thức điều chỉnh hành vi của con người là đạo đức và pháp luật. Vậy để đạo đức được phổ quát trong đời sống xã hội, con người phải kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục đạo đức với giáo dục pháp luật. Pháp luật với tư cách là một giá trị xã hội, là một trong những quy phạm dùng để điều chỉnh hành vi của con người, đảm bảo cho xã hội ổn định và phát triển. Do vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là cơ sở để xử lý kiên quyết và kịp thời các hiện tượng vi phạm và là một biện pháp hỗ trợ có ý nghĩa to lớn trong việc và tuyên truyền và giáo dục đạo đức. Nếu hệ thống pháp luật chặt chẽ, hiệu quả thi hành pháp luật cao sẽ có tác

dụng ngăn ngừa những hành vi làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng và tạo môi trường kích thích con người suy nghĩ và hành động theo các chuẩn mực đạo đức.

Thứ năm, các hoạt động thể thao, văn hoá, văn nghệ mang tính chất bề nổi cũng là phương thức để tuyên truyền đạo đức đến mỗi người. Bằng những lời ca tiếng hát với các thể loại phong phú nó vừa đáp ứng tốt nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân vừa góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức.

Thứ sáu, trong công tác tuyên truyền đạo đức thì lấy gương người này giáo dục người khác là phương pháp cần thiết. Hiện nay, Đảng ta đang phát động một phong trào rộng lớn nhằm học tập và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ và nhân dân. Đó là cuộc vận động mang tính giáo dục đạo đức cao, lấy đó để làm động lực cho mỗi con người học tập và noi theo. Việc noi gương không chỉ trên phạm vi rộng và chung, mà trong mỗi gia đình, mỗi tập thể, mỗi đơn vị, mỗi cộng đồng phải chú ý đến việc giáo dục đạo đức thông qua hình thức này. Trong xã hội bất kỳ ai, bất kỳ ở đâu cũng có thể nêu gương về đạo đức: Chẳng hạn, trong gia đình ông bà, cha mẹ phải là những tấm gương tốt cho các con cháu noi theo. Ở trường các thầy cô giáo phải là những tấm gương tốt cả về năng lực lẫn phẩm chất đạo đức cho học trò. Ở cơ quan, đơn vị cấp trên nêu gương cho cấp dưới. Trong làng, xã người già nêu gương cho người trẻ, ...

Để đạt hiệu quả cao trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức phải bằng nhiều phương pháp và nhiều hình thức khác nhau, Đó là những phương pháp để thực hiện việc tuyên truyền giáo dục đạo đức. Tuy nhiên, để thực hiện tốt hơn các phương pháp này nhằm thúc đẩy việc tuyên truyền giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức cũng như kết quả của công tác tuyên truyền này đạt được như mong muốn thì trước hết, cần có được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và tất cả các tổ chức, đoàn thể trong xã hội cả về vật chất lẫn tinh thần.

Việc tuyên truyền giáo dục đạo đức của chúng ta trước đến nay chỉ mang tính chất hình thức, đối phó. Có tình trạng này một phần là chúng ta chưa nhận thức được vai trò của đạo đức, chính việc chưa nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của nó nên sự quan tâm đến vấn đề này vẫn chưa cao.

Về đội ngũ cán bộ: cần phải đào tạo đội ngũ cán bộ tuyên truyền đạo đức một cách bài bản, cơ bản và thực sự chuyên nghiệp. Những người làm công tác này cũng phải là những người thực sự có năng lực, phẩm chất đạo đức để đáp ứng với nhu cầu của việc giáo dục đạo đức, có như vậy với đủ điều kiện để gánh vác công việc này.

Đối với các tổ chức, đoàn thể: phải thực sự coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, và phải là người trực tiếp vào cuộc. Trong mỗi một đoàn thể thì cần phải phát huy vai trò của mình cũng như việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, đoàn thể ấy trong việc tuyên truyền giáo dục đạo đức.

Như vậy, cùng với việc phát triển kinh tế thì việc xây dựng và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống và hiện đại góp phần vào việc xây dựng một lối sống dân tộc hiện đại phù hợp với dân tộc và thời đại thì trước hết chúng ta phải coi trọng và quan tâm một cách thực sự đến công tác tuyên truyền và giáo dục đạo đức cho toàn xã hội. Hồ Chí Minh đã từng nói: “Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm sao cho phần tốt của con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”. Làm thế nào để việc tuyên truyền giáo dục đạo đức đạt hiệu quả cao là trách nhiệm không chỉ của riêng ai mà của toàn xã hội, góp phần tạo nên một xã hội văn minh và phát triển.

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC THẨM MỸ ĐỂ ĐỊNH HƯỚNG THỊ HIỆU THẨM MỸ TRONG CỘNG ĐỒNG

THS. ĐẶNG ÁNH TUYẾT

Xã hội Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ, sự tác động của việc thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang làm thay đổi về hình thức và nội dung của mọi mặt đời sống xã hội. Một trong những thay đổi đó là sự hình thành những quan niệm mới, những phương thức, những lối sống mới. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi người Việt Nam phải hình thành phong cách sống mới cho thích hợp với nhịp điệu của cuộc sống hiện đại từ phong cách lao động, phong cách giao tiếp đến phong cách hưởng thụ các giá trị vật chất và các giá trị tinh thần. Tuy nhiên, việc hình thành phong cách, lối sống mới không đồng nghĩa với việc xóa bỏ hoàn toàn phong cách, lối sống trước đây chúng ta đã từng có. Lối sống của người Việt Nam trước đây đã từng làm nên truyền thống, bản sắc văn hoá rất đặc trưng của người Việt. Chính vì vậy, trong điều kiện hiện nay, điều quan trọng là chúng ta phải hình thành cho được một lối sống mới, biết kết hợp hài hoà giữa các giá trị truyền thống mà chúng ta đã có với những giá trị hiện đại mà ta đang cần phải có để hình thành lối sống dân tộc- hiện đại, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển mới của thực tiễn xã hội.

Để hình thành được lối sống dân tộc- hiện đại cần có sự tham gia đồng bộ của nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó một trong những yếu tố tham gia tích cực vào việc xây dựng lối sống mới là lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ để định hướng thẩm mỹ trong nhân dân là phương thức đưa lại hiệu quả cao nhất trong sự lựa chọn lối sống lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển tiến bộ của xã hội.

Vậy, thị hiếu thẩm mỹ là gì và nó có vai trò như thế nào đối với các hoạt động của chủ thể trong sự lựa chọn lối sống?

Như chúng ta đã biết, thị hiếu thẩm mỹ là một trong những yếu tố cấu thành các hoạt động thẩm mỹ của chủ thể thẩm mỹ. Trong hệ thống cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ là cái bộc lộ rõ nhất những hành vi, thái độ của chủ thể thẩm mỹ đối với các hiện tượng thẩm mỹ. Đồng thời nó biểu hiện trình độ nhận thức và quan điểm của chủ thể về thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ được thể hiện ở các mặt sau:

Thứ nhất, thị hiếu thẩm mỹ là sự biểu hiện tình cảm, thái độ của các chủ thể sáng tạo, đánh giá khi thưởng thức các hiện tượng thẩm mỹ. Do đó, thị hiếu thẩm mỹ là sự nhạy cảm về cái đẹp, nó hướng chủ thể tới sự thưởng ngoạn các giá trị tinh thần nhiều hơn các giá trị thực dụng. Thị hiếu thẩm mỹ hướng con người tới sự thưởng thức cái đẹp không phải chỉ vì lợi ích vật chất, mà chủ yếu là khát vọng vươn tới cái đẹp, hướng tới các giá trị tinh thần.

Thứ hai, mỗi chủ thể là một cá thể riêng biệt, đứng độc lập với nhau. Mỗi người có một tâm sinh lý khác nhau, xuất thân từ nhiều thành phần và chịu sự giáo dục khác nhau, vì thế nên mỗi chủ thể có nhu cầu khác nhau, khả năng đánh giá và thưởng thức các giá trị thẩm mỹ cũng khác nhau. Do vậy, trong thực tế đời sống không phải ai cũng có thị hiếu thẩm mỹ tốt, có khả năng lựa chọn được những vật phẩm, những đối tượng thẩm mỹ phù hợp với qui luật của cái đẹp.

Thứ ba, thị hiếu thẩm mỹ là bộ phận trọng yếu của tình cảm thẩm mỹ. Nó luôn ổn định và tạo ra khả năng phản ứng nhạy bén, tức thời của chủ thể thẩm mỹ trong các quan hệ thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ là năng lực lựa chọn phổ biến của con người, là sở thích của con người về phương diện thẩm mỹ.

Sở thích của con người, sự lựa chọn đúng chiều với chiều hướng phát triển tất yếu của đời sống xã hội, với sự hoàn thiện của cá nhân. Song cũng có những sự lựa chọn sai lầm đã dẫn chủ thể đi thụt lại phía sau, đẩy một bộ phận sinh lực của xã hội phát triển lệch hướng. Thị hiếu thẩm mỹ bao giờ cũng chứa

đụng các khát vọng của cả một thời đại lịch sử. Do đó, ở bất cứ chế độ xã hội nào cũng rất cần quan tâm đến việc giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho con người.

Thứ tư, thị hiếu thẩm mỹ đã giúp con người khám phá thế giới thẩm mỹ bằng những xúc cảm cụ thể đặc biệt và những khát vọng thiết tha. Khi thưởng thức các giá trị thẩm mỹ, định hướng các giá trị thẩm mỹ, thực hiện các hoạt động hưởng thụ và sáng tạo thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ tốt sẽ hướng chủ thể phấn đấu cho những cái tốt, cái đúng. Thị hiếu thẩm mỹ tốt được biểu hiện có các tính chất như phản ứng tình cảm hướng về cái đẹp, không bị dục vọng vật chất chèn ép, tính cá biệt trong sự thống nhất biện chứng với cái chung, tính trực giác của thị hiếu thẩm mỹ vững bền, sâu sắc, hệ thống hình tượng lành mạnh và phong phú.

Sự phản ứng tình cảm gần như là bản năng của chủ thể thẩm mỹ trước các hiện tượng thẩm mỹ. Các kinh nghiệm thẩm mỹ phong phú và đa dạng càng được tích lũy thì thị hiếu càng phản ứng tốt.

Thứ năm, để phát triển thị hiếu thẩm mỹ, trước hết phải phát triển hệ thống hình tượng của chủ thể cảm thụ, đánh giá và sáng tạo, hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

Thực tế hiện nay cho thấy, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng hiện nay bị buông lỏng thậm chí có những khuynh hướng khuyến khích “quần chúng tự lựa chọn món ăn tinh thần cho mình không cần định hướng”. Đây là khuynh hướng sai lầm, bởi thị hiếu của công chúng hiện nay phát triển rất phức tạp, chúng ta cần định hướng trong việc tiếp nhận thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh. Vì vậy cần có những biện pháp cấp bách, kịp thời định hướng thị hiếu thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, làm lành mạnh hoá thị hiếu thẩm mỹ của công chúng, phê phán kịp thời những lệch lạc trong sáng tạo những giá trị thẩm mỹ, cũng như phê phán sự du nhập một số lối sống phản thẩm mỹ của nước ngoài vào nước ta, đây vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là yêu cầu lâu dài. Yêu cầu đó đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một lối sống tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc, hiện đại và nhân văn.

Như trên đã phân tích, thị hiếu thẩm mỹ là năng lực nhận thức, đánh giá và thưởng về thẩm mỹ của mỗi một cá nhân và không phải ai cũng có được khả năng hình thành một thị hiếu thẩm mỹ tốt, biết lựa chọn cho mình những giá trị thẩm mỹ tích cực. Do vậy để hình thành lối sống dân tộc- hiện đại, nhằm phát huy các giá trị tích cực của truyền thống cũng như phát huy các giá trị hiện đại, giúp cho các chủ thể lựa chọn được phương thức sống phù hợp thì rất cần phải có sự tham gia của giáo dục, đặc biệt là giáo dục thẩm mỹ.

Bản chất của giáo dục xét cho cùng là sự tác động đồng bộ tích cực có định hướng, có kế hoạch vào ý thức con người, nâng cao khả năng nhận thức và hướng dẫn con người hoạt động theo một chương trình, mục tiêu cụ thể, xác định nhằm giáo dục con người theo nhu cầu lý thuyết và thực hành đi đôi với nhau. Với ý nghĩa đó thì theo nghĩa hẹp, giáo dục thẩm mỹ là quá trình tác động có định hướng, có kế hoạch và có ý thức của con người, nhằm hình thành và phát triển trong họ các năng lực nhận thức, cảm thụ và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ.

Trong đó, mục đích trực tiếp của giáo dục thẩm mỹ là phát triển năng lực hoạt động trong lĩnh vực thẩm mỹ với tính cách là một lĩnh vực hoạt động đặc thù của con người. Trong sự tương ứng với các năng lực nhận thức, đạo đức và các năng lực thực tiễn, năng lực thẩm mỹ tham gia vào sự hình thành nhân cách toàn diện của con người. Do vậy, sự phát triển nhân cách phụ thuộc vào sự phát triển của năng lực thẩm mỹ như là một bộ phận, một thành tố hữu cơ cấu thành nhân cách, cấu thành năng lực thẩm mỹ trong đó có thị hiếu thẩm mỹ của mỗi cá nhân.

Theo nghĩa rộng, giáo dục thẩm mỹ bao chứa hai phương diện: phương diện hình thành năng lực thẩm mỹ với tính cách là năng lực đặc thù (trong sự tương ứng với các năng lực ngoài thẩm mỹ) và phương diện hình thành năng lực hoạt động theo qui luật của cái đẹp trong mọi lĩnh vực của xã hội và con người.

Do vậy, với tính cách là một bộ phận hợp thành của giáo dục xã hội, giáo dục thẩm mỹ nói chung và việc hình thành năng lực về thị hiếu thẩm mỹ nói riêng cần phải được đề cập đến trên cả hai phương diện rộng và hẹp.

Giáo dục thẩm mỹ theo các nhà mỹ học Mác- Lênin bao gồm hai mặt trong một quá trình thống nhất.

Trước hết, giáo dục thẩm mỹ là sự xã hội hoá cá nhân về mặt thẩm mỹ. Mục đích của sự giáo dục này là hình thành con người phát triển toàn diện, hài hoà về nhân cách. Sự xã hội hoá cá nhân về mặt thẩm mỹ được thực hiện thông qua mối quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực. Song song với việc hình thành quan hệ thẩm mỹ đối với hiện thực, giáo dục thẩm mỹ cũng thực hiện chức năng xã hội hoá cá nhân trên nhiều bình diện: thế giới quan, chính trị, đạo đức, tri thức, tình cảm, tinh thần và các giá trị văn hoá truyền thống.

Tiếp đến, giáo dục thẩm mỹ còn là sự hình thành năng lực đồng hoá thẩm mỹ đối với hiện thực, là sự hình thành năng lực nhận thức, cảm xúc, đánh giá đúng đắn các hiện tượng thẩm mỹ đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trong cuộc sống hiện thực và trong nghệ thuật, là sự hình thành năng lực sáng tạo theo qui luật của cái đẹp.

Giáo dục thẩm mỹ là hình thành mặt thẩm mỹ cho con người trong các khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp, góp phần tạo nên lối sống đẹp.

Giáo dục thẩm mỹ là phương thức đưa cái đẹp vào cuộc sống, tạo nên sự hài hoà giữa môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và con người nâng cao năng lực thụ cảm và sáng tạo, làm cho tính cách con người được phát triển một cách hài hoà toàn diện.

Mục tiêu lý tưởng của sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ là phát huy những khả năng của con người có thể sống và làm việc theo qui luật của cái đẹp. Nhiệm vụ trung tâm của công tác giáo dục thẩm mỹ là xây dựng được một kho tàng kiến thức thẩm mỹ, giúp con người tránh mọi hoạt động vô ý thức, tiến tới những hoạt động có ý thức trong thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ. Vì vậy nguyên lý giáo dục thẩm mỹ của chủ nghĩa Mác- Lênin luôn liên quan đến việc trau dồi tri thức thẩm mỹ cho chủ thể được giáo dục, và đặt ra những vấn đề phương pháp luận để mỗi người tự trau dồi tri thức cho mình. Trước hết là xây dựng một hệ thống giá trị đúng đắn về mặt tình

cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh và lý tưởng thẩm mỹ tiến bộ. Việc bồi dưỡng này được làm thường xuyên ở cả hai đối tượng đang truyền đạt tri thức thẩm mỹ và sáng tạo thẩm mỹ.

Giáo dục thẩm mỹ định hướng sự phát triển của nhu cầu, xây dựng những thị hiếu lành mạnh và góp phần giáo dục lý tưởng thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ khơi dậy ở con người những nhu cầu thẩm mỹ. Đó chính là nền tảng để đi tới hướng dẫn những cảm xúc thẩm mỹ và thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

Như trên đã nói, thị hiếu thẩm mỹ là năng lực phổ biến của con người, là sở thích của con người về phương diện thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ biểu hiện thái độ tình cảm của con người trước những hiện tượng thẩm mỹ trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Thị hiếu thẩm mỹ xét đến cùng là sở thích của con người, đó là sự lựa chọn của chủ thể mang tính đơn nhất. Do vậy, có sự lựa chọn đúng với chiều hướng phát triển tất yếu của đời sống xã hội, song cũng có sự lựa chọn lỗi thời, đi ngược lại sự phát triển tiến bộ của xã hội. Nếu xét sự vận động của xã hội trong những thời kỳ lịch sử nhất định thì thị hiếu thẩm mỹ bao giờ cũng chứa đựng những khát vọng tương đối toàn diện của con người đối với thời kỳ lịch sử ấy. Vì vậy, ở bất cứ chế độ xã hội nào, người ta cũng rất quan tâm tới giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho mọi người nhất là đối với thế hệ trẻ.

Do đó, giáo dục thẩm mỹ tác động đến việc xây dựng thị hiếu thẩm mỹ, là thước đo của thị hiếu thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ vốn uyển chuyển, dễ đổi thay, lại mang tính chất cá biệt nhưng đồng thời về bản chất lại chứa đựng yếu tố bền vững và ổn định. Vì lẽ đó, mỹ học Mác- Lênin thường coi thị hiếu thẩm mỹ là tiềm năng thường trực, là khát vọng vươn tới của con người. Nó trở thành động lực quan trọng của phẩm chất văn hoá và nội dung sâu sắc của cá tính cao đẹp. Cho nên sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là lớp trẻ nhằm phát triển nhân cách hài hoà, toàn diện cho con người không thể nào bỏ qua lĩnh vực quan trọng này của đời sống tâm hồn và tình cảm, góp phần xây dựng thị hiếu lành mạnh cho nhân dân lao động. Do vậy, giáo dục thẩm mỹ góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh cho thế hệ trẻ, từ

đó tác động tích cực đối với việc hình thành, củng cố và phát triển sâu sắc tính cách sẽ đảm bảo cho một thị hiếu trở thành thị hiếu thẩm mỹ chân chính, lành mạnh. Để đạt được mục tiêu xây dựng lối sống dân tộc hiện đại hiện nay, trên bình diện của giáo dục thẩm mỹ cần có các giải pháp sau:

Thứ nhất, giáo dục thẩm mỹ bằng cách nêu gương. Giáo dục thẩm mỹ là một hình thức giáo dục đặc thù, nó khác với các loại hình giáo dục khác, đó là sự tự giáo dục, tự vươn tới cái đẹp, cái cao cả. Do vậy giáo dục thẩm mỹ bằng hình thức nêu gương cũng có một hiệu quả thẩm mỹ tích cực.

Giáo dục thẩm mỹ bằng nêu gương là hình thức giáo dục thẩm mỹ có tính thuyết phục. Theo Mác nhà giáo dục không chỉ là người đi thuyết giáo người khác, khuyên người ta phải làm thế này, phải làm thế kia. Mà nhà giáo dục phải là một tấm gương sáng cho người được giáo dục noi theo. Mặt khác góp phần vào định hướng thị hiếu thẩm mỹ còn có các tấm gương người tốt, việc tốt. Người tốt, việc tốt là những biểu hiện sinh động sự phát triển tốt đẹp trong đời sống lao động và chiến đấu của nhân dân, có ý nghĩa giáo dục cái đẹp một cách trực tiếp. Những tấm gương người tốt, việc tốt không chỉ hiện lên cái đẹp ở mức bình thường mà trên mức bình thường, nó gây ra những phản ứng tình cảm mãnh liệt bởi trong đó ánh lên ngọn lửa nồng nhiệt của cái đúng, cái tốt, cái đẹp mà mọi người đang khát khao chờ đợi.

Giáo dục thẩm mỹ bằng tấm gương người tốt, việc tốt mang tính truyền cảm mạnh mẽ. Về phương diện giá trị thẩm mỹ, những tấm gương ấy tự nó mang trong mình cái toàn vẹn, cái đang dẫn đến hoàn thiện và cái hài hoà to lớn. Nó gần gũi, rất dễ được thừa nhận và noi theo. Bác Hồ của chúng ta đã dạy: “Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ Đảng viên để giáo dục lẫn nhau là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục lớn”¹

Đưa cái đẹp vào cuộc sống, đưa gương người tốt, việc tốt đến với mọi người là một biện pháp giáo dục tổng hợp, nó cần được làm thường xuyên từ

¹ Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 411.

trường học cho đến gia đình và xã hội. Như vậy, những giá trị thẩm mỹ mới ngày càng được nhân lên và nó có sức mạnh cổ vũ cho hàng triệu người sống tốt, sống đẹp vì một lý tưởng đúng đắn.

Thứ hai, giáo dục thẩm mỹ bằng lao động.

Ngày nay, các hình thức giáo dục thẩm mỹ đều nhằm xây dựng các khả năng sáng tạo cho con người, giải phóng con người thoát khỏi sự tha hoá, đưa mỗi người trở thành chủ thể có ý thức sâu sắc xây dựng xã hội mới. để thực hiện được điều này, các nhà kinh điển Mác-Lênin đã khẳng định vai trò quyết định, yếu tố đầu tiên mang lại những giá trị chân chính và bình đẳng cho con người đó là lao động. C.Mác, Ph.Ăngghen và Lênin đều coi lao động là nguồn gốc của mọi giá trị. Vì thế hình thức giáo dục thẩm mỹ bằng lao động là một hình thức có ý nghĩa to lớn góp phần tăng cường năng lực sáng tạo các giá trị thẩm mỹ của chủ thể cũng như định hướng cho sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

Theo Mác, lao động là một quá trình cải tạo tự nhiên, quá trình trong đó bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ với tự nhiên. lao động là điều kiện đầu tiên để con người tồn tại như một thực thể sống. Lao động không những tạo ra vật chất cần thiết để sống mà còn sáng tạo ra bản thân con người, ý thức và ngôn ngữ được hình thành trong quá trình lao động, con người xác lập các mối quan hệ của mình; lao động sản sinh ra nhu cầu mới, khám phá cải tạo tự nhiên, rồi nhu cầu đó lại thúc đẩy lao động phát triển.

Nhu cầu thẩm mỹ ra đời cũng từ quá trình lao động sáng tạo của con người, lao động thoả mãn những nhu cầu thực dụng của con người và từ đó không ngừng hoàn thiện công cụ lao động và các giác quan của con người. Quan hệ thẩm mỹ đã ra đời trong hoàn cảnh đó, chủ thể thực dụng trở thành chủ thể thẩm mỹ, trong quan hệ với chúng khách thể đã trở thành khách thể thẩm mỹ, sản phẩm con người sáng tạo ra không chỉ mang ý nghĩa thực dụng mà còn mang trong nó cái đẹp, sự hài hoà, từ đó tạo ra khoái cảm, niềm vui

đối với người cảm thụ, thưởng thức. Tự do trong lao động đã tạo ra những sản phẩm có giá trị thẩm mỹ.

Lao động sáng tạo ra cái đẹp. Do vậy, giáo dục thẩm mỹ bằng lao động chỉ có thể tiến hành được khi chúng ta tạo ra môi trường lao động rộng lớn tự thân nó mang trong mình cái đẹp, cái đẹp này được thể hiện đầy đủ trong quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, thể hiện trong sản phẩm mà con người sáng tạo ra từ thế hệ này cho đến thế hệ khác.

Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động đã tạo ra những sản phẩm mang trong mình nó những giá trị thẩm mỹ cao. Nó giúp cho các đối tượng được giáo dục phát triển những khả năng tiềm ẩn trong mỗi con người, làm cho họ vươn lên làm chủ đời mình, làm chủ những giá trị thẩm mỹ do họ sáng tạo nên. Giáo dục bằng lao động là hình thức giáo dục trực tiếp nhất, sinh động nhất theo tinh thần năng suất, chất lượng, hiệu quả, chỉ có như vậy người được giáo dục mới quán triệt được lao động có tính chất kỹ thuật cao trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động trong thời kỳ đổi mới hiện nay phải hết sức chú ý đến quan điểm toàn diện khi chúng ta thực hiện nền kinh tế thị trường.

Tóm lại giáo dục thẩm mỹ bằng lao động đã hình thành năng lực thẩm mỹ của con người, giúp thẩm mỹ phát triển, góp phần quan trọng xây dựng cho được một môi trường thẩm mỹ lành mạnh để con người lao động, khám phá và sáng tạo, xây dựng cho họ một lý tưởng thẩm mỹ, một lối sống đúng đắn, chống lại mọi mưu toan biến con người thành kẻ thực dụng, sa đoạ.

Thứ ba, giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin. Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin là giáo dục toàn bộ những tri thức của con người về bản chất thẩm mỹ và hoạt động thẩm mỹ tìm ra những qui luật chung nhất của sự phát triển nghệ thuật, sự phản ánh cải tạo thế giới thông qua hình thức đặc thù của nó.

Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin giúp cho chủ thể thẩm mỹ khắc phục lối tư duy kinh nghiệm tư biện, tìm ra câu trả lời đúng nhất về quan

hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, tạo ra một phương pháp đúng đắn giúp cho chủ thể sáng tạo, chủ thể thưởng thức có một tư duy lý luận trong nhận thức và đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ, từ đó có khả năng lựa chọn những giá trị thẩm mỹ đúng đắn, tích cực.

Giáo dục thẩm mỹ bằng mỹ học Mác- Lênin một mặt giúp chủ thể thẩm mỹ chống lại mọi sự xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, chống lại chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tự nhiên và giáo điều. Giúp cho chủ thể có một tầm nhìn rộng lớn phản ánh các hiện tượng cấp bách của hiện thực, giúp cho chủ thể kế thừa và phát huy những thành tựu chủ yếu của đời sống thẩm mỹ truyền thống và hiện đại.

Thứ tư, tăng cường giáo dục thẩm mỹ thông qua phát triển các loại hình nghệ thuật. Văn học, nghệ thuật là những loại hình có khả năng truyền tải, giáo dục thẩm mỹ hiệu quả nhất đối với cộng đồng.

Khi đề cập tới vai trò của văn học đối với đời sống xã hội, Đảng ta đã khẳng định: “ Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống, lối sống của con người”.¹

Giáo dục thẩm mỹ bằng văn học có tác động tích cực trong việc bồi dưỡng thị hiếu thẩm mỹ, tăng cường khả năng lựa chọn các giá trị thẩm mỹ tốt, từ đó hình thành lối sống lành mạnh trong nhân dân. Những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm văn học có tác động trực tiếp đến nhân cách, phẩm chất đạo đức, thế giới quan, quan điểm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ của mỗi cá nhân.

Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ bằng văn học bằng con đường riêng của mình đã tác động vào tình cảm của con người, giúp con người định hướng những giá trị, xây dựng cho con người có phẩm chất đạo đức, có thế giới quan cách mạng, có thị hiếu thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh đã góp phần quan trọng vào việc phát triển các năng lực thẩm mỹ của con người mới.

¹ ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr129-130.

Văn học tìm ra sự vận động tất yếu của thế giới tinh thần của con người, sáng tạo ra những con người mẫu người của tương lai đồng thời mang lại cho chúng ta những thông tin đa dạng về con người và xã hội. Do vậy, Các tác phẩm văn học lành mạnh phản ánh hơi thở của cuộc sống, nắm bắt xu thế phát triển của thời đại, tạo ra các hình tượng về các mẫu người, mẫu đời lý tưởng từ đó tác động trực tiếp tới thị hiếu và sự lựa chọn lối sống của người thưởng thức thẩm mỹ.

Những thị hiếu thẩm mỹ tốt sẽ luôn được con người gìn giữ và phát triển. Thông qua hệ thống tâm lý, tình cảm con người tiếp nhận các giá trị thẩm mỹ và tiếp tục sáng tạo ra các giá trị văn hoá thẩm mỹ, những giá trị nghệ thuật. Nó rèn luyện chủ thể, biến chủ thể được giáo dục mang trong mình những phẩm chất mới của con người xã hội chủ nghĩa.

Do vậy, để phát huy vai trò của văn học trong giáo dục thẩm mỹ nhằm định hướng thị hiếu thẩm mỹ trong sự hình thành lối sống mới cần phải: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng nâng cao tính đảng, tính nhân dân trong sáng tác văn học, khẳng định vai trò to lớn của thế giới quan mácxít trong sáng tác và phê bình. Đồng thời phải xây dựng và phát triển đội ngũ các nhà văn, các nhà lý luận phê bình có tài năng và bản lĩnh vững vàng nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Mặt khác phải nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân được thưởng thức các giá trị thẩm mỹ chân chính nhằm bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, loại trừ ngăn chặn sự du nhập các giá trị thẩm mỹ không lành mạnh vào trong công chúng. Làm được điều đó, chúng ta đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh cho công chúng, góp phần xây dựng con người mới phát triển nhân cách hài hoà và toàn diện.

Cùng với văn học, nghệ thuật là lĩnh vực có nhiều ảnh hưởng tới sự hình thành, lựa chọn lối sống của các chủ thể trong xã hội.

Nói đến nghệ thuật là nói đến qui luật riêng của tình cảm, nghệ thuật tác động đến con người bằng con đường tình cảm. Do vậy, nghệ thuật chứa

đựng những nhân tố tình cảm và đến lượt mình, nghệ thuật tác động đến con người bằng con đường tình cảm. Chính vì thế, nghệ thuật có sức thuyết phục và cảm hoá sâu sắc. Cho đến nay các nhà mỹ học đều thừa nhận khả năng tiềm ẩn của nghệ thuật trong giáo dục thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật thực chất là tạo ra một thị hiếu thẩm mỹ và thị hiếu nghệ thuật lành mạnh. Chính vì thế mà giáo dục thẩm mỹ là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp giáo dục ở nước ta hiện nay, đây là nhân tố quan trọng góp phần hình thành nên lối sống lành mạnh. Đưa cái đẹp vào cuộc sống, sử dụng mọi loại hình nghệ thuật để nâng cao trình độ thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ là những biện pháp tốt nhất trong hệ thống các biện pháp giáo dục thị hiếu thẩm mỹ. Để phát huy vai trò của nghệ thuật trong giáo dục thẩm mỹ nhằm định hướng cho sự phát triển lành mạnh của thị hiếu thẩm mỹ trong sự hình thành nhân cách, lối sống của cộng đồng hiện nay, cần thực hiện đồng bộ một số các giải pháp sau: Để cho giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật hình thành đạt hiệu quả, cần phải thống nhất các hình thức giáo dục thẩm mỹ khác với mục tiêu phát triển đức, trí, thể, mỹ cho con người. Để phát huy vai trò của giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật cần phải phổ biến các kiến thức mỹ học toàn diện đến từng thành viên trong xã hội thông qua hệ thống giáo dục quốc dân, trong nhà trường và ngoài xã hội.

Thứ năm, hiện nay với xu thế toàn cầu hoá, các nước đều tham gia vào quá trình hội nhập với thế giới. Một trong những công cụ hỗ trợ tích cực quá trình toàn cầu hoá là sự phát triển của hệ thống mạng internet. Hệ thống này có ảnh hưởng rất lớn tới mọi thành viên trên toàn thế giới và tác động không nhỏ tới sự hình thành nhân cách, lối sống của mỗi cá nhân. Hệ thống này đem lại cho chúng ta nhiều thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế- xã hội và văn hoá nhưng đồng thời cũng đưa lại nhiều khó khăn, thách thức. Thông qua hệ thống mạng internet nhiều thông tin xấu phản thẩm mỹ dễ thâm nhập vào đời sống của nhân dân. Trên thực tế đã hình thành nhiều lối sống không lành mạnh trong tầng lớp thanh thiếu niên do khai thác hệ thống mạng không có sự định hướng tốt. Do đó để khai thác hiệu quả hệ thống mạng rất cần có sự quan tâm của các ngành chức năng trong sự lựa chọn, định hướng các giá trị tích

cực, đồng thời hạn chế các giá trị phản thẩm mỹ, cái xấu, cái ác đang lên lời vào đời sống của chúng ta.

Tóm lại, định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho cộng đồng sẽ góp phần quan trọng trong lựa chọn lối sống của mỗi cá nhân và cộng đồng. Do đó để tăng cường khả năng lựa chọn lối sống lành mạnh cho cộng đồng cần có sự triển khai đồng bộ các biện pháp của giáo dục thẩm mỹ. Nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng cũng là bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống trong lối sống của dân tộc, chống lại các cuộc xâm lăng văn hóa đồng thời tiếp thu có chọn lọc lối sống hiện đại, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

GIÁO DỤC LỐI SỐNG HÀI HÒA GIỮA CON NGƯỜI VỚI TỰ NHIÊN

PGS,TS. LÊ BÌNH

Lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên là một nét đẹp của con người Việt Nam, đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, đồng thời đây cũng là nét đẹp của lối sống văn minh, hiện đại. Lối sống đó được hình thành trải qua hàng chục năm tồn tại và phát triển của những cộng đồng người Việt và chính nó lại có vai trò rất lớn đối với sự tồn tại và phát triển của những cộng đồng người Việt. Trong điều kiện dân trí còn thấp, tri thức lý luận chưa phát triển thì lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên chủ yếu mang tính tự phát, kinh nghiệm. Giáo dục lối sống hài hòa giữa con người và tự nhiên là vấn đề cơ bản, thường xuyên của giáo dục đạo đức. Trong điều kiện tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với mặt trái của cơ chế thị trường dễ nảy sinh cách ứng xử thiếu đạo đức với môi trường, sinh thái; đồng thời trong những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân khác nhau đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trong cách ứng xử giữa con người với tự nhiên làm cho môi trường sinh thái bị ô nhiễm nặng nề, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, bệnh tật hiểm nghèo xuất hiện và phát triển, ảnh hưởng to lớn đến sức khỏe của con người và sự phát triển kinh tế xã hội. Không khắc phục những khiếm khuyết này sẽ làm cản trở đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Bởi vậy, giáo dục lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên không chỉ là vấn đề cơ bản thường xuyên mà còn là vấn đề mang tính cấp bách của giáo dục đạo đức.

Để có được lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên phải tiến hành nhiều giải pháp, trong đó chủ yếu là giáo dục đạo đức sinh thái. Muốn thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này cần tập trung một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, giáo dục nâng cao nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội.

Đặc điểm của đạo đức là tính tự nguyện tự giác, xuất phát từ niềm tin bên trong, lương tâm của mỗi con người. Niềm tin là sự hòa quyện một cách hữu cơ giữa nhận thức (hay sự hiểu biết) với tình cảm, ý chí, thúc đẩy con người hành động phù hợp với những định hướng và các chuẩn mực giá trị. Nhận thức trong niềm tin là sự thừa nhận sự vật, hiện tượng của hiện thực khách quan bằng trí tuệ. Niềm tin giữ một vị trí quan trọng trong hoạt động thực tiễn của con người. Niềm tin là động lực thúc đẩy và định hướng hoạt động, nó gắn liền với hành vi và hoạt động của con người, kích thích trực tiếp con người hành động. Trong những tình huống cụ thể như Lê nin nhận xét, "Thiếu nó (niềm tin) thì con người không làm được việc gì cả"¹. Điều đó cho thấy chăm lo giáo dục nâng cao nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt cho việc hình thành và phát triển lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên. Nhiều năm qua trong công tác giáo dục chúng ta thường nhấn mạnh sự giàu có, phong phú của tự nhiên (đôi khi cho rằng sự giàu có đó là vô cùng vô tận) và nhấn mạnh vai trò làm chủ của con người đối với giới tự nhiên, khai thác giới tự nhiên, thống trị giới tự nhiên. Nói cách khác, cách giáo dục đó mang tính siêu hình, phiến diện, không làm cho con người thấy được mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội, không những hạn chế đến sự hình thành và phát triển lối sống hài hòa giữa con người và tự nhiên, thậm chí gieo rắc lối ứng xử tùy tiện, chủ quan, duy tâm, duy ý chí đối với tự nhiên. Cách giáo dục đó làm cho không ít người, trong đó có cán bộ đảng viên coi tự nhiên chỉ là đối tượng khai thác, lợi dụng chứ không phải là đối tượng cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ.

Thực tế cho thấy trong những năm gần đây những hành vi phi đạo đức sinh thái vẫn còn khá phổ biến ở nước ta như:

¹ V.I Lê nin Làm gì Tập 6 , Toàn tập NXB tiến bộ Maxcova 1975 trang 30 - 32

- Khai thác rừng, đất đai, khoáng sản... bừa bãi, vô tổ chức, vô kế hoạch, mạnh ai nấy làm, miễn là thu được lợi nhuận cao, hậu quả cuối cùng là hủy hoại môi trường, làm mất cân bằng sinh thái.

- Thải các chất độc hại của sản xuất (qua các chất thải rắn, khí bụi bắn qua nước) chưa qua xử lý ra môi trường, thải rác sinh hoạt bừa bãi, thải các chất phóng xạ, các chất dầu mỡ, hóa chất độc hại quá giới hạn cho phép; thải các xác động vật, thực vật, vi sinh vật, siêu vi trùng độc hại ra môi trường gây ô nhiễm, gây các dịch bệnh nguy hiểm cho con người và sự sống nói chung.

- Khai thác, kinh doanh các loại động vật, thực vật, các loại tài nguyên đã ghi trong danh mục của chính phủ, đặc biệt là buôn bán ra nước ngoài để kiếm lời cao.

- Nhập khẩu công nghệ, thiết bị kỹ thuật, các nguyên vật liệu của sản xuất và tiêu dùng không đảm bảo chất lượng môi trường mà các nước tiên tiến trên thế giới đã thải ra. Việc làm này sẽ biến Việt Nam thành bãi rác thải công nghệ của các nước tiên tiến, vừa gây tác động tiêu cực đến môi trường, vừa có hại cho việc kích thích phát triển khoa học công nghệ, phục vụ cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Sử dụng các phương pháp, phương tiện, công cụ hủy diệt hàng loạt trong khai thác, đánh bắt các động thực vật như các loại chất nổ, xung điện, hóa chất...

- Lạm dụng các chất hóa học trong chăn nuôi, trồng trọt, chế biến lương thực thực phẩm, các loại nước uống vừa gây ô nhiễm môi trường (đất, nước) do dư lượng quá nhiều của chúng gây ra sự mất an toàn, vệ sinh cho các sản phẩm nông nghiệp, một trong những nguồn gốc trực tiếp gây nên nhiều bệnh hiểm nghèo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tuổi thọ của con người, cản trở đến sự phát triển kinh tế xã hội.

Trong giáo dục đạo đức sinh thái cần làm cho mỗi người hiểu rằng: Trong cái chỉnh thể thống nhất tự nhiên - xã hội, tự nhiên là điều kiện đầu tiên thường xuyên và tất yếu của quá trình sản xuất vật chất, là môi trường sống

của con người và xã hội loài người, vai trò này của tự nhiên là không có gì thay thế được. Chỉ có tự nhiên mới cung cấp được những thứ cần thiết cho sự sống của con người như nước, ánh sáng, không khí, thức ăn...và những nguyên vật liệu, tài nguyên khoáng sản... Các Mác viết:" Công nhân không thể sáng tạo ra cái gì hết nếu không có giới tự nhiên, nếu không có thế giới hữu hình bên ngoài. Đó là vật liệu trong đó lao động của anh ta tác động, từ đó và nhờ đó lao động của anh ta sản xuất ra sản phẩm".¹ Xã hội càng phát triển, nhu cầu về đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng cao, khối lượng sản phẩm khai thác từ tự nhiên phục vụ cho cuộc sống của con người càng lớn. Trong khi đó tài nguyên thiên nhiên không phải là vô tận mà có giới hạn. Bởi vậy cần phải giáo dục cho mọi người sự trân trọng giới tự nhiên, giữ gìn, bảo vệ , nuôi dưỡng giới tự nhiên. Từ thời cổ đại, các nhà Triết học Trung Hoa đã viết: Giới tự nhiên là người mẹ thân yêu của chúng ta, chúng ta phải che chở bảo vệ giới tự nhiên như là che chở, bảo vệ người mẹ thân yêu của chúng ta.

Thông qua hoạt động thực tiễn, trước hết là quá trình lao động sản xuất, con người tác động vào giới tự nhiên, cải tạo giới tự nhiên phục vụ cho đời sống của con người. Sự tác động đó diễn ra theo hai chiều: Nếu tác động đúng quy luật tự nhiên thì thúc đẩy cả tự nhiên và xã hội phát triển, ngược lại nếu nhận thức và tác động không đúng quy luật tự nhiên thì chẳng những kìm hãm sự phát triển của cả tự nhiên và xã hội, thậm chí gây nên những thảm họa cho chính con người.

Ăngghen viết "Không nên quá tự hào về thắng lợi của chúng ta đối với tự nhiên, bởi vì mỗi lần ta đạt được một thắng lợi là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi trước tiên đem lại những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, thứ ba thì nó lại gây ra những hậu quả hoàn toàn khác, nó xóa bỏ tất cả những kết quả đầu tiên đó mà ta không lường hết được"² và "Sự thật nhắc nhở chúng ta rằng, chúng ta hoàn

¹ Các Mác và Ph. ăngghen Tuyển tập NXB sự thật Hà Nội 1980 tập 1 trang 122

² Ph Ăngghen. Biện chứng của tự nhiên. Nxb sự thật Hà Nội 1972 tr 128

toàn không thống trị được giới tự nhiên như kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại bản thân chúng ta với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với tự nhiên biểu hiện ở chỗ chúng ta có ưu thế hơn tất cả các sinh vật khác, nghĩa là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác"¹.

Thực tế đã chứng tỏ, sự tác động vào tự nhiên không đúng với quy luật tự nhiên, bị tự nhiên trả thù lại chúng ta đã mang tính phổ biến và khá nghiêm trọng trên mọi miền đất nước. Những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn năm nào nay đã biến thành đồi trọc, lũ quét, lở đất diễn ra hàng năm, những dòng sông trong xanh - cảm hứng sáng tạo của văn, thơ, nhạc, họa, nguồn sống và hạnh phúc của con người đã biến thành những dòng sông đen của những chất thải công nghiệp chưa qua xử lý, nguồn gốc của biết bao cái chết bi thảm. Căn bệnh ung thư đã xuất hiện và phát triển khắp mọi miền, mọi thôn, xóm, khối phố của đất nước, thậm chí đã xuất hiện hiện tượng làng ung thư, xã ung thư.

Cần tăng cường giáo dục làm cho mỗi người nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt nhận thức sâu sắc rằng sự tác động của con người vào tự nhiên không thể tùy tiện, bất chấp quy luật của tự nhiên, con người cần phải bảo đảm cơ chế hoạt động bình thường của chu trình sinh học, nghĩa là phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tự tổ chức, tự điều khiển, tự bảo vệ, tự làm sạch của chu trình, mà xã hội là một mắt khâu trong đó.

Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng những ưu đãi, lợi thế của môi trường tự nhiên như đất đai, nguồn nước, thảm thực vật, khoáng sản ... phục vụ cho cuộc sống của con người là hoạt động mang tính khách quan, thậm chí tận dụng tối đa những lợi thế của môi trường tự nhiên là không có gì sai, không có gì trái đạo đức sinh thái. Song khai thác, tận dụng như thế nào lại là vấn đề hết sức quan trọng, chỉ được phép khai thác, lợi dụng trong giới hạn tự

¹ C . Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994 tập 20, tr 655.

nhiên cho phép. Mọi hành vi của con người dẫn đến làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nghĩa là vượt quá "ngưỡng chịu đựng" của tự nhiên, làm mất khả năng tự hồi phục của các thực thể tự nhiên và làm ô nhiễm môi trường sinh thái đều vi phạm chuẩn mực hành vi đạo đức sinh thái, là hành vi vô đạo đức cần phê phán, loại bỏ.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính quy trong các bậc học với các hình thức giáo dục không chính quy và phát huy các phương tiện thông tin đại chúng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Để thực hiện giáo dục đạo đức sinh thái có hiệu quả lẽ đương nhiên cần phải giáo dục một cách cơ bản, có hệ thống trong các bậc học ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học, sau đại học và hệ thống trường chính trị, trường Đảng các cấp. Đầu tư nghiên cứu một cách công phu, kỹ lưỡng những vấn đề cơ bản của đạo đức sinh thái như: Đạo đức sinh thái là gì; những vấn đề có tính quy luật trong sự hình thành và phát triển của đạo đức sinh thái; mối quan hệ giữa đạo đức sinh thái và đạo đức xã hội; đặc điểm của sự hình thành và phát triển đạo đức sinh thái trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đạo đức sinh thái và những vấn đề toàn cầu cấp bách hiện nay... Từ đó biên soạn giáo trình cho các bậc học về đạo đức sinh thái; đào tạo giáo viên giảng dạy môn học đạo đức sinh thái cho các bậc học. Đào tạo chính quy với một quy chế chặt chẽ, chương trình nội dung mang tính chất khoa học, với một đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản, có phương pháp giảng dạy không ngừng được đổi mới, làm cho người học ý thức sâu sắc vai trò của đạo đức sinh thái và phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, nâng cao nhận thức về đạo đức sinh thái, từ đó bồi dưỡng lập trường quan điểm, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người trong giải quyết vấn đề đạo đức sinh thái phù hợp với chuẩn mực của đạo đức sinh thái, tạo cơ sở nảy sinh, phát triển lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên.

Lâu nay ở nước ta chưa quan tâm, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về đạo đức sinh thái, việc giáo dục sinh thái còn sơ lược. Vì vậy hiệu quả của công tác này còn rất thấp.

Thực tiễn của đời sống xã hội cũng như vấn đề nhận thức và giải quyết quan hệ giữa phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ môi trường sống vận động biến đổi không ngừng, nảy sinh nhiều mâu thuẫn cần giải quyết. Hơn nữa mỗi vùng, miền, mỗi địa phương lại có những nét đặc thù riêng. Những kiến thức về đạo đức sinh thái được trang bị ở nhà trường chỉ là những kiến thức cơ bản. Vì vậy, ngoài đào tạo chính quy cần có hình thức đào tạo bồi dưỡng không chính quy như tổ chức các đợt tập huấn theo kiểu chuyên đề, hội thảo khoa học, tham quan rút kinh nghiệm. Các hình thức này vừa cập nhật những thông tin về môi trường, sinh thái trên thế giới, trong nước, nâng cao nhận thức cho mỗi người nhất là đội ngũ cán bộ, vừa cung cấp cho họ những bài học kinh nghiệm ở phạm vi quốc tế cũng như địa phương về giải quyết quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sống. Các hình thức này có nhiều thuận lợi trong thực hiện phương pháp nêu gương điển hình tiên tiến để mọi người học tập, đồng thời cũng dễ thực hiện việc phê phán những việc làm sai trái không phù hợp với chuẩn mực đạo đức sinh thái, gợi mở cho người học thực hiện phê bình và tự phê bình trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức sinh thái.

Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện các hình thức này:

- Cần đề phòng và khắc phục "bệnh" qua loa, đại khái, hình thức. Hình thức học tập không chính quy thường không gắn với kiểm tra, thi cử hay đánh giá nhận xét về trách nhiệm, về tư cách của người học, nên tâm lý người học thường dễ dãi, được chăng hay chớ, rồi thì học, bận thì nghỉ. Phần nữa vấn đề đạo đức sinh thái là vấn đề mới đưa vào nghiên cứu học tập, nên dễ nảy sinh tâm lý ngại học tập. Để khắc phục khuynh hướng này cần có biện pháp lãnh đạo, quản lý chặt chẽ, phải có công tác chuẩn bị chu đáo, công phu về nội dung tập huấn, nội dung các báo cáo, lựa chọn địa điểm đến tham quan rút kinh nghiệm. Đồng thời phải có phương pháp tiến hành sinh động, linh hoạt tạo nên sự hấp dẫn, lý thú đối với người học. Lâu nay tham quan rút kinh nghiệm chỉ tham quan những nơi, những điểm đầu tư chỉ đạo, tập trung sức người, sức của cho nơi đó làm tốt nên các nơi khác tham quan về khó nơi theo, khó thực hiện vì không đủ điều kiện. Cần khắc phục cách làm này.

Chính trong những điều kiện khó khăn mà trưởng thành, phát triển, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sống trong sạch, lành mạnh mới đáng thăm quan học tập. Hơn nữa bài học phản diện cũng rất bổ ích. Vì vậy nên tham quan cả nơi làm chưa tốt, thậm chí rất kém để thảo luận tìm nguyên nhân, bàn cách khắc phục.

- Khuynh hướng dễ nảy sinh thứ hai trong thực hiện các hình thức trên là biết nhưng không làm, không thực hiện. Những người này thường ngại biện trong tư duy, cho rằng địa phương họ khác, địa phương mình khác để né tránh trách nhiệm. Thực tế cho thấy, trong tình hình kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay, do tác động của mặt trái kinh tế thị trường và mở cửa làm nảy sinh và phát triển lối sống thực dụng tất cả vì đồng tiền, nhiều người chỉ thấy lợi ích trước mắt mà không thấy lợi ích lâu dài, chỉ thấy lợi ích cục bộ, mà không thấy lợi ích toàn xã hội, lợi ích dân tộc; chỉ thấy lợi ích cá nhân mình mà không thấy lợi ích của người khác, lợi ích xã hội, làm cho nhiều người trong đó có cả cán bộ đảng viên có chức, có quyền nói mà không làm (hay nói hay nhưng làm dở, làm sai), biết mà không làm thậm chí nói rất hay nhưng ứng xử rất kém về đạo đức và tư cách. Bởi vậy để thực hiện tốt các hình thức này cần phải có cơ chế giám sát, kiểm tra định kỳ và đột xuất. Đối với cán bộ đảng viên phải đưa vào tiêu chuẩn đánh giá hàng quý, hàng năm, đưa vào tiêu chuẩn để bổ nhiệm đề bạt cán bộ. Vi phạm đạo đức sinh thái phải được coi như vi phạm đạo đức xã hội, phải được xử lý kỷ luật một cách thích đáng.

Ngoài các hình thức trên về giáo dục đạo đức sinh thái cần sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, báo chí và truyền hình. Đài phát thanh, báo chí là phương tiện truyền thông hết sức lợi hại vì có phạm vi tuyên truyền ảnh hưởng rộng lớn và an toàn về phương diện thông tin. Phát huy tốt vai trò của phương tiện thông tin đại chúng này trong tuyên truyền giáo dục đạo đức sinh thái sẽ có tác dụng tốt về hình thành phát triển lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên. Trong những năm qua đã có nhiều chương trình phát thanh, nhiều bài nói, bài viết về môi trường sinh thái trên thế giới và ở Việt Nam. Tuy nhiên những bài viết mang tính chuyên luận phản

ánh sâu sắc thực trạng môi trường sinh thái ở Việt Nam có tác dụng mạnh mẽ tới lương tâm và trách nhiệm của mỗi người, nhất là của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt thì còn ít. Vấn đề nữa là, với một lượng báo chí phát hành hàng ngày và trong tuần rất lớn, thông tin nhanh và rất phong phú sẽ có tác dụng rất lớn đến người đọc ở mọi miền đất nước, nhất là đối với đội ngũ cán bộ. Ví dụ: "Riêng thông tấn xã Việt Nam mỗi ngày sản xuất khoảng 1.000 tin, bài và gần 200 ảnh thời sự trong nước và quốc tế, hơn 20 bản tin ngày, từ năm 1998 đã chính thức cung cấp tin qua mạng Internet và hiện nay mạng cung cấp tin ảnh của thông tấn xã Việt Nam ở chế độ "online", bảo đảm cung cấp thông tin liên tục 24/24giờ, cứ có tin là phát, không phụ thuộc vào các phiên phát tin được quy định theo giờ như trước đây. Phương thức này đã phát huy được ưu thế nhanh nhạy của tin thông tấn"¹. Để phát huy tốt phương tiện thông tin đại chúng này các bản tin cần có các chuyên đề trong đó có chuyên đề về vấn đề môi trường sinh thái thế giới và môi trường sinh thái Việt Nam.

Truyền hình là một phương tiện thông tin quan trọng và ngày càng phát triển, có tác động lớn đến tư tưởng và tình cảm của cán bộ, Đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân. Ưu thế của truyền hình là ở chỗ tác động vào người xem vừa nhanh chóng về thông tin, phong phú sinh động về thể loại, nhất là nghệ thuật. Tác dụng của nghệ thuật trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho con người rất mạnh mẽ. Nghệ thuật vừa tác động vào lý trí, vừa tác động đến tình cảm của con người. Thông qua hình tượng nghệ thuật, nghệ thuật gây nên những ấn tượng sâu sắc, tạo ra những rung cảm mãnh liệt tác động đến con người với một sức mạnh mà các hình thái ý thức xã hội khác không thể có được. Con người khi cảm thụ một tác phẩm nghệ thuật là quá trình tiếp cận tới những hoàn cảnh, những số phận và bao giờ cũng liên tưởng tới bản thân mình, đến xã hội mình sống. Vì vậy trên cơ sở khẳng định cái đúng, cái tốt, phê phán cái sai, cái xấu, tác phẩm nghệ thuật lành mạnh sẽ bồi dưỡng tư tưởng tình cảm tốt đẹp cho con người, hướng con người ủng hộ cái đúng, cái

¹ Xem: Nguyễn Duy Cương. *Đổi mới hình thức cung cấp thông tin cho báo chí*. Báo nhân dân số 17778, ngày 02/04/2004.

tốt và phê phán cái sai, cái xấu. Vì lẽ đó nghệ thuật có vai trò to lớn trong giáo dục đạo đức nói chung và đạo đức sinh thái cho con người.

Đồng chí Trường Chinh viết "Tác dụng mạnh mẽ của văn nghệ trong việc giáo dục và bồi dưỡng con người mới là do bản thân những hình tượng nghệ thuật phản ánh một cách sinh động những tính cách và hiện tượng quan trọng và nổi bật nhất trong cuộc sống của chúng ta ngày nay. Do văn nghệ gây được những ấn tượng sâu sắc và lâu bền, tạo ra được những rung cảm mãnh liệt, tác động đến con người một cách mạnh mẽ. Sức mạnh đó các hình thái ý thức xã hội khác không thể có được".¹

Điều đó cho thấy cần phát huy vai trò của truyền hình, không chỉ ở các bản tin nhanh, các phóng sự về môi trường sinh thái như đã làm, mà cần có các tác phẩm nghệ thuật có tầm cỡ (nhất là phim truyền hình nhiều tập về hậu quả nghiêm trọng do vi phạm đạo đức sinh thái gây nên) gây được ấn tượng sâu sắc và lâu bền về phương diện đạo đức sinh thái đối với đội ngũ cán bộ đảng viên cũng như mọi tầng lớp nhân dân. Mặt nữa, truyền hình cũng cần tổ chức những cuộc thi về môi trường sinh thái, trong đó vấn đề quan hệ giữa xã hội và tự nhiên, đạo đức sinh thái, các điều khoản về luật bảo vệ môi trường ... góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mọi người về vấn đề bảo vệ môi trường.

Ba là: Kết hợp chặt chẽ giữa phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của mỗi người và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Trong sự vận động và phát triển của các sự vật, hiện tượng, yếu tố bên trong bao giờ cũng giữ vai trò quyết định trực tiếp. Tự học, tự tu dưỡng rèn luyện là con đường phát triển nội lực, là quá trình "tích tiểu thành đại" "khổ" luyện "thành tài", là sự giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh bên trong của mỗi con người trước yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực với những tiêu cực cản trở từ môi trường xã hội và từ những hạn chế bất cập của chính họ.

¹ Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh. *Về văn học Việt Nam*. Nxb. Văn học. Hà Nội: 1976 trg 277

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của tự học, tự tu dưỡng rèn luyện nâng cao phẩm chất, năng lực của mỗi người. Theo Người, tự học, tự tu dưỡng rèn luyện cũng giống như mài ngọc, luyện vàng: ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Tự học, tu dưỡng tự rèn luyện thể hiện tính tự giác, tích cực, tự lực rất cao trong quá trình trau dồi trí tuệ, phát triển tài năng, hoàn thiện nhân cách của mỗi người. N.A.Ru-Ba-Kin - nhà văn hóa, giáo dục nổi tiếng của Nga đã nói: "Tự đi tìm lấy kiến thức - có nghĩa là tự học . Mọi học thức chân chính chỉ thu nhận được thông qua con đường tự học. Mỗi người đến suốt đời cứ bổ sung, bổ sung mãi những kiến thức đã được học ở trường. Cuộc sống đòi hỏi rất nhiều kiến thức mà mỗi người chúng ta phải tự góp nhặt lại bằng phương tiện của mình, tùy theo khả năng của mình. Cái gì ta tự tìm thấy, ta tự kiểm được theo sở thích và mong muốn của mình thì thường in vào trí óc vững chắc hơn cả. Từ đó chúng ta thấy rằng thu nhận và gom góp kiến thức theo phương pháp tự học, chính là phương pháp tích lũy kiến thức tốt nhất, tối ưu nhất"¹.

Ý thức tự học, tu dưỡng rèn luyện là dấu hiệu rõ nét nhất của hoạt động tự giác của con người trong cải tạo chính bản thân mình, nhất là trong bồi dưỡng đạo đức, lối sống.

Quá trình đào tạo là quá trình truyền đạt tri thức và phương pháp, định hướng cho người học tìm đến, thu nhận và chuyển hóa thành tri thức của mình. Với khoa học xã hội nhân văn không chỉ dừng lại ở tri thức mà từ tri thức, từ thế giới quan phương pháp luận chuyển hóa thành niềm tin lý tưởng, lẽ sống, góp phần bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của con người. Lê nin chỉ rõ: Chỉ khi nào các đồng chí tự mình biết tìm ra phương hướng trong vấn đề đó thì các đồng chí mới có thể coi mình là có đủ tin tưởng vững chắc và bảo vệ niềm tin đó một cách thắng lợi trước bất cứ người nào và trước bất cứ lúc nào.

Bởi vậy, hiệu quả của giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đạo đức sinh thái nói riêng phụ thuộc một phần rất lớn, có ý nghĩa quyết định là ở

¹ N.A. Ru-ba-kin. *Tự học như thế nào*. Nxb. thanh niên. Hà Nội, 1982 tr..28.

người học. Nếu người học, học với tinh thần tích cực chủ động, có nhu cầu, động cơ đúng đắn, có hứng thú học tập, lựa chọn phương pháp phù hợp và say sưa nghiêm túc học tập, thực hiện đúng phương châm "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo" thì quá trình đó mới có kết quả. Ngược lại, người học học với tinh thần thụ động, đối phó, thiếu say sưa, miệt mài, thì chắc chắn quá trình giáo dục đạo đức sinh thái sẽ không có kết quả. Lê nin viết: Không có sự say sưa thì xưa nay không có và không thể có chân lý.

Đặc thù của đạo đức (bao gồm cả đạo đức xã hội và đạo đức sinh thái) là tính tự nguyện, tự giác, là niềm tin bên trong, sự thôi thúc của lương tâm và trách nhiệm. Trong điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, bên cạnh mặt tích cực, mặt trái của kinh tế thị trường và mở cửa mà tiêu biểu là lối sống thực dụng, tất cả vì đồng tiền, chỉ thấy lợi ích trước mắt, không thấy lợi ích lâu dài, chỉ thấy lợi ích cá nhân không chú ý lợi ích xã hội, lợi ích tập thể...đang tác động một cách mạnh mẽ vào mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy việc tự học tự rèn luyện càng khó khăn phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực, đòi hỏi tính tích cực chủ động rất cao của mỗi người.

Để tu dưỡng rèn luyện đạo đức sinh thái có kết quả, đòi hỏi mỗi người phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Một trong những nét nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội là đặt rất cao vấn đề xây dựng con người, trong xây dựng con người đặt rất cao vấn đề đạo đức và trong xây dựng đạo đức đặt vấn đề rất cao là đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là trở ngại lớn cho xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân"¹ và "muốn thắng kẻ địch bên ngoài thì trước hết phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân"². Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân gắn với vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái trong giai đoạn hiện nay lại càng khó khăn, phức tạp hơn, vì

¹ Hồ Chí Minh. *Tồn tập*. Nxb. CTQG. Hà Nội, năm 2000 tập 9 tr 291

² Hồ Chí Minh. *Sổ tay* tập 10, trang. 312

nó khó nhận thấy hơn, nhiều khi được núp dưới cái vỏ xóa đói giảm nghèo, quốc kế dân sinh, phát triển du lịch, dịch vụ v.v.....

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây không ít người, trong đó có cán bộ, đảng viên vì lợi ích cá nhân, cục bộ đã phá hoại tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường sống. Bởi vậy, trong giáo dục đạo đức sinh thái nhằm xây dựng lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên mà không coi trọng đấu tranh khắc phục, ngăn ngừa chủ nghĩa cá nhân thì việc giáo dục đó không thể có kết quả tốt đẹp.

Vấn đề phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng và công tác tổ chức là một trong những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác tư tưởng. Để xây dựng được lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên thì việc phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục đạo đức sinh thái có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Chúng ta biết rằng, mỗi người từ thuở ấu thơ cho đến trọn cuộc đời của mình bao giờ cũng gắn với những tổ chức nhất định; từ trường lớp mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, dạy nghề, đại học, từ tổ chức đoàn thanh niên, tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn, phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi... Mỗi người chỉ có thể trưởng thành trong quan hệ gắn bó, tác động qua lại với những tổ chức mà mình sống và hoạt động. Tổ chức mạnh tạo ra tiền đề cơ sở cho mỗi người, phát triển phẩm chất và năng lực, ngược lại sự phát triển của mỗi người lại tạo ra tiền đề cho sự phát triển của tổ chức mà người đó sống và hoạt động.

Hình thành nên một lối sống tốt đẹp vốn đã rất khó khăn, phức tạp, trong điều kiện ở nước ta hiện nay thì lại càng khó khăn phức tạp hơn. Không phát huy tốt vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong công tác này thì khó có thể nói đến hoạt động đó có hiệu quả tốt đẹp. Để thực hiện tốt biện pháp này cần chú trọng một số vấn đề như sau:

- Trước hết cán bộ lãnh đạo các tổ chức, các lực lượng cần nhận thức vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vấn đề giáo dục đạo đức sinh thái. Có như vậy họ mới đề cao được ý thức trách nhiệm, xây dựng quyết tâm, sâu sát nắm bắt tình hình, đề xuất chủ trương giải pháp và có kế hoạch cụ thể trong giáo dục đạo đức sinh thái cũng như quan tâm đến việc tu dưỡng rèn luyện của mọi người trong tổ chức. Vấn đề đặc biệt quan trọng là vai trò của cán bộ chủ chốt, vai trò của người đứng đầu tổ chức trong thực hiện biện pháp này. Thực tế đã chứng tỏ ở đâu cán bộ chủ chốt có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ môi trường sinh thái, quan tâm đến giáo dục đạo đức sinh thái thì ở đó việc giáo dục đạo đức sinh thái được coi trọng và tiến hành có hiệu quả, ý thức bảo vệ môi trường của mỗi con người trong tổ chức được nâng lên. Ngược lại nơi nào cán bộ chủ chốt thiếu gương mẫu, ý thức bảo vệ môi trường kém thì ở đấy đạo đức sinh thái kém, thậm chí phá hoại tài nguyên thiên nhiên làm ô nhiễm môi trường sống.

- Thứ hai, trên cơ sở nhận thức sâu sắc và quyết tâm cao, các tổ chức phải có chủ trương biện pháp phù hợp với đặc điểm hoạt động của tổ chức mình trong giáo dục đạo đức sinh thái.

- Với tổ chức Đảng các cấp trong công tác lãnh đạo của mình cần có nội dung xây dựng đạo đức sinh thái cho mọi cán bộ, đảng viên. Trong đánh giá tình hình cán bộ đảng viên cần phải đánh giá, nhận xét mặt tu dưỡng rèn luyện của cán bộ, đảng viên về đạo đức sinh thái. Đối với cán bộ, đảng viên có ý thức, hành vi bảo vệ môi trường kém phải được tiến hành kiểm điểm và xử lý kỷ luật theo mức độ vi phạm.

- Với tổ chức đoàn thanh niên cần chăm lo giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho mỗi đoàn viên thanh niên. Phát động các phong trào thanh niên xung kích trong bảo vệ môi trường sinh thái, coi trọng hình thức biểu dương khen thưởng cho đoàn viên thanh niên có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đấu tranh chống lại những hành vi tàn phá môi trường sinh thái. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường sinh thái và tìm hiểu về đạo đức sinh thái, nhằm góp phần tích cực nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống cho mỗi đoàn viên thanh niên.

- Với tổ chức phụ nữ: Đây là tổ chức quần chúng khá hùng hậu, có vai trò quan trọng trong vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Giáo dục đạo đức sinh thái xây dựng lối sống hài hòa giữa con người với tự nhiên muốn có kết quả nhất thiết phải phát huy vai trò của tổ chức này. Đó là chăm lo công tác thông tin tuyên truyền cho mỗi hội viên về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của bảo vệ môi trường sống, để chính mỗi hội viên tích cực tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân chăm lo bảo vệ môi trường sống, khắc phục tình trạng làm ô nhiễm môi trường từ những hành vi nhỏ nhất: Thải rác bừa bãi, phun thuốc trừ sâu không đúng quy cách, liều lượng, không phun theo các loại thuốc quy định ...đến những hành vi như chặt phá rừng, khai thác buôn bán khoáng sản của đất nước ...Đồng thời cần coi trọng hình thức biểu dương, khen thưởng những hội viên có ý thức trách nhiệm cao trong bảo vệ môi trường sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Các trường học, tùy theo cấp học, bậc học cần quan tâm giáo dục cho các em học sinh hiểu biết về giới tự nhiên, vai trò của tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, giáo dục cho các em tình yêu thiên nhiên và nâng cao ý thức trách nhiệm của các em học sinh trong bảo vệ môi trường sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Với độ tuổi trong quá trình hình thành nhân cách, đây là biện pháp có vai trò quan trọng đặc biệt. Tuy các thầy, cô giáo môn địa lý có trọng trách hơn, nhưng không phải là các thầy cô giáo các môn học khác không có vai trò gì trong vấn đề này. Trái lại Ban giám hiệu nhà trường cũng như các thầy cô giáo của tất cả các môn học đều có vai trò to lớn trong giáo dục đạo đức sinh thái cho các em học sinh.

KẾT LUẬN

Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã hình thành và phát triển rất mạnh mẽ trong nửa đầu của thế kỷ XX. Hàng tỷ người trên hành tinh này đã xây dựng trong thực tế những nguyên tắc và nội dung cơ bản của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa. Hàng tỷ người khác đã hướng về những nguyên tắc và nội dung xây dựng lối sống dân tộc - hiện đại trong các nước xã hội chủ nghĩa. Lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã sản sinh ra

những nhân cách rất cao đẹp trong lao động và trong chiến đấu. Hàng triệu người lao động ưu tú ra đời từ lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã được cả loài người tôn vinh. Những người cộng sản, những anh hùng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống xâm lược, bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội đã là sản phẩm tuyệt vời của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Lối sống dân tộc - hiện đại xã hội chủ nghĩa với những nội dung và nguyên tắc sống của nó đã từng thuyết phục và lôi kéo nhiều dân tộc trên hành tinh này hướng về nó.

Tuy nhiên, trong quá trình hình thành và phát triển của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa đã bộc lộ khá nhiều nhược điểm làm cho nhiều nội dung và nguyên tắc sống tốt đẹp của nó không những không thể thực hiện được trong thực tế, mà còn trở thành những lực cản, kìm hãm sự phát triển thực tế của lối sống đó.

Năng suất lao động phát triển chậm, lực lượng sản xuất phát triển không cao, chủ nghĩa bình quân ăn sâu vào mọi quan hệ xã hội, trình độ quản lý xã hội thấp, sự độc quyền chân lý gia tăng, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, nạn tham ô, hách dịch, cửa quyền hoành hành, tính kiêu ngạo cộng sản xuất hiện ở nhiều lĩnh vực của cuộc sống, đạo đức xuống cấp... tất cả những tiêu cực đó phá hỏng từ gốc rễ lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa, làm cho lối sống này bị tan rã ở nhiều dân tộc và cũng đặt ra vấn đề đổi mới lối sống ấy cho phù hợp hơn với sự phát triển của sản xuất và chính trị mới.

Hiện nay, nội dung và những nguyên tắc của lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa vẫn mang ý nghĩa lịch sử vĩ đại, nó làm thay đổi tận gốc những hoạt động sống cơ bản của loài người. Nội dung và những nguyên tắc ấy hiện nay đang thiếu điều kiện thực tiễn vận hành. Tuy nhiên, nó vẫn là những chuẩn mực khung, chuẩn mực tốt đẹp, chuẩn mực lý tưởng để các hoạt động sống vươn lên và phát triển nó rực rỡ hơn.

Để tiếp tục củng cố và hoàn thiện lối sống dân tộc – hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi có một số kiến nghị sau đây:

Một là, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách để nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, đặc biệt để thực hiện xoá đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao dịch vụ hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội cho người nghèo.

Hai là, Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, các cấp, các ngành cần có biện pháp để thường xuyên nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá trên cơ sở đổi mới nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hoá, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo quyền tự do dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hoá trên cơ sở phát huy tính tự giác cao của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Ba là, cần mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong cấp uỷ đảng, đảng viên, cán bộ các đoàn thể quần chúng. Huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ “trên xuống”, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị- xã hội đến các tổ chức xã hội tích cực tham gia vào các phong trào: Người tốt, việc tốt; Uống nước nhớ nguồn; Đền ơn đáp nghĩa; Xóa đói giảm nghèo; Xây dựng gia đình văn hoá, làng xã, phường văn hoá; Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Bốn là, tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá bằng cách tăng thêm mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn ngân sách nhà nước, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho sự phát triển văn hoá.

Năm là, thực hiện các giải pháp về xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, chống tự do vô chính phủ, chống cực bộ bè phái; nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức của người thi hành công vụ, chống quan liêu, tùy tiện, độc tài trong hệ thống quản lý xã hội.

Sáu là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và cơ chế điều chỉnh hành vi đạo đức thông qua các hình thức chính qui và các hình thức không chính qui

Bảy là, kết hợp chặt chẽ giữa phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của mỗi người và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng xã hội trong giáo dục và tự giáo dục.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Am. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc bảo vệ môi trường sinh thái*. T/c Cộng sản, số 10 (5 - 1996).
2. Lê Quý An. *Riô - 92. Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên của thế giới về môi trường và phát triển*. T/c Hoạt động khoa học, số 1, 1992.
3. Lê Quý An. *Những quan điểm chủ yếu về môi trường và phát triển tại hội nghị Riô - 92*. T/c Thông tin môi trường, số 3, 1992.
4. Lê Quý An. *Dân số, tài nguyên môi trường và phát triển*. T/c Hoạt động khoa học, số 3, 1992.
5. Nguyễn Thành Bang. *Xu thế phát triển khoa học và công nghệ trong thế kỷ XXI – thách thức và thời cơ đối với Việt Nam*. T/c. Cộng sản, số 7 (4 – 2000).
6. Trần Lê Bảo (chủ biên). *Văn hoá sinh thái nhân văn*. Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2001.
7. Bộ Khoa học công nghệ và môi trường. *Báo cáo hiện trạng môi trường hàng năm*. Năm 1998, 1999, 2000.
8. Bộ Khoa học công nghệ và môi trường. *Tập báo cáo về Hội nghị môi trường toàn quốc lần thứ I, năm 1998*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
9. Bộ Khoa học công nghệ và môi trường. *Đề án: Phát triển công nghệ sinh học ở Việt Nam*. Hà Nội, 3- 1999.
10. *Chiến lược phát triển lâu bền và môi trường lành mạnh của khu vực châu Á - Thái Bình Dương*. T/c. Thông tin môi trường, số 2, 1992.
11. Nguyễn Trọng Chuẩn. *Con người và môi trường sống*. T/c Triết học, số 3, 1973.
12. Nguyễn Trọng Chuẩn. *Chủ động đề phòng nạn ô nhiễm môi trường trong quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở nước ta*. T/c Triết học, số 2, 1977.
13. Nguyễn Trọng Chuẩn. *Những tư tưởng của Ph.Ăngghen về quan hệ giữa*

con người và tự nhiên trong “Biện chứng của tự nhiên” và tính thời sự của những tư tưởng ấy. T/c Triết học, số 4, 1980.

14. Nguyễn Trọng Chuẩn... *Cách mạng khoa học kỹ thuật và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1986 (Bản tiếng Việt).
15. Nguyễn Trọng Chuẩn. *Tăng trưởng kinh tế và những bảo đảm cần có nhằm duy trì môi trường cho sự phát triển lâu bền*. T/c Triết học, số 4, 1992.
16. Nguyễn Viết Chúc (chủ biên). *Văn hoá ứng xử của người Hà Nội*. Nxb. Văn hoá - thông tin, Hà Nội, 2002.
17. *Công ước đa dạng sinh học. Những điểm chủ chốt*. T/c. Thông tin môi trường, số 6, 1994.
18. Nguyễn Văn Dũng. *Các thành phố châu Á đang phải đương đầu với tình trạng khủng hoảng môi trường*. T/c. Thông tin môi trường, số 4, 1994.
19. Bùi Văn Dũng. *Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*. T/c Triết học, số 3, 1977.
20. Phạm Thành Dung, Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Môi trường sinh thái – vấn đề của mọi người, mọi nhà và của toàn cầu*. T/c. Giáo dục lý luận, số 3, 1999.
21. Lê Diên Dực. *Về giáo dục môi trường ở Việt Nam*. T/c. Hoạt động khoa học, số 8, 1992.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII* (lưu hành nội bộ), Hà Nội, 1994.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành*

- Trung ương* (lưu hành nội bộ), Hà Nội, 1994.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
 27. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
 28. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
 29. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
 30. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
 31. Võ Nguyên Giáp. *Diễn văn khai mạc Hội nghị môi trường*. T/c. Hoạt động khoa học, số 2, 1991.
 32. Trần Văn Giàu. *Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.
 33. Phạm Minh Hạc, Phó trưởng Ban giáo Trung ương. *Giáo dục và nguồn nhân lực*. T/c. Hoạt động khoa học, số 1, 2001.
 34. Dương Phú Hiệp, Vũ Văn Hà. *Toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001.
 35. Phạm Hiệp. *Những thách thức cần vượt qua để miền núi phát triển*. T/c. Cộng sản, số 6, 2003.
 36. Đỗ Huy. *Văn minh sông Hồng và các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc*. Hội thảo khoa học về văn hoá và cư dân đồng bằng sông Hồng, Hà Nội, 1989.
 37. Đỗ Huy. *Văn hoá Việt Nam - sự thống nhất và đa dạng*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.

38. Đỗ Huy. *Nhân cách văn hoá trong bảng giá trị Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
39. Đỗ Huy. *Sự thay đổi các chuẩn mực giá trị văn hoá khi nền văn hoá Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường*. T/c Triết học, số 1, 1995.
40. Đỗ Huy. *Xây dựng môi trường văn hoá ở nước ta từ góc nhìn giá trị học*. Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2001.
41. Đặng Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương. *Phát triển khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, củng cố quốc phòng, an ninh*. T/c. Quốc phòng toàn dân, số 9, 2000.
42. Vũ Khiêu (chủ biên). *Văn hoá Việt Nam: Xã hội và con người*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
43. Đỗ Thị Ngọc Lan. *Phát triển bền vững với quan hệ thích nghi và cải tạo môi trường tự nhiên*. T/c. Nghiên cứu lý luận, số 1, 1994.
44. Vi Thái Lang. *Một số ý kiến về vấn đề và phát triển rừng ở miền núi phía Bắc*. T/c. Giáo dục lý luận, số 8, 2001.
45. V.I. Lênin. *Toàn tập, tập 1*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova 1977.
46. V.I. Lênin. *Toàn tập, tập 14*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova 1979.
47. *Luật bảo vệ môi trường*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
48. *Luật bảo vệ môi trường và nghị định hướng dẫn thi hành*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
49. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tuyển tập, tập 1*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
50. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Biện chứng trong tự nhiên*. Toàn tập, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
51. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Chống Duyrinh*. Toàn tập, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.

52. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Mác gửi Ăngghen ở Manxextơ - trong: C.Mác và Ph.Ăngghen. Toàn tập, tập 32, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.*
53. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.*
54. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Luận cương về Phoiơbắc. Toàn tập, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.*
55. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.*
56. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.*
57. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.*
58. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.*
59. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.*
60. N.A.rubakin. *Tự học như thế nào. Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1982.*
61. Vũ Ngọc Phan. *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000.*
62. Trần Thanh Phương. *Tác động của khoa học công nghệ tới sự phát triển của các nước trên thế giới hiện nay (Tài liệu nghiên cứu phục vụ Hội nghị Trung ương 2). Bộ Khoa học công nghệ và môi trường - Trung tâm thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia, Hà Nội, 8- 1996.*
63. Hồ Sỹ Quý (chủ biên). *Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.*
64. Võ Quý. *Bảo vệ môi trường sống. T/c. Cộng sản, số 2, 1989.*
65. Võ Quý. *Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững. T/c. Thông tin môi trường, số 3, 1993.*
66. *Rác ngoại nhập – nỗi lo rước họa về nhà. Báo Công an nhân dân, ngày 20/7/2004.*
67. Nguyễn Ngọc Sinh. *Từ Stốckhôm – 72 đến Riô - 92. T/c. Thông tin môi trường, số 2, 1992.*

68. Trần Cao Sơn. *Dân số, con người, môi trường mối quan hệ phức tạp và nhiều biến số*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.
69. Trương Chí Tân. *Tuyên bố Hội nghị môi trường châu Á*. T/c. Hoạt động khoa học
70. Tập thể tác giả: Danh Sơn, Nguyễn Thị Anh Thu, Nguyễn Mạnh Huấn – Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách khoa học và công nghệ. *Quan hệ giữa phát triển khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế – xã hội trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
71. Hà Huy Thành (chủ biên). *Một số vấn đề xã hội và nhân văn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
72. Lê Bá Thảo. *Giáo dục môi trường cho nhân dân*. T/c. Hoạt động khoa học, số 5, 1987.
73. Chu Khắc Thuật. *Văn hoá, lối sống với môi trường. Trung tâm nghiên cứu tư vấn và phát triển*. Nxb. Thông tin, 1998.
74. *Tiến tới kiện toàn hệ thống cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
75. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Môi trường sinh thái, vấn đề và giải pháp*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
76. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Vai trò của yếu tố chính trị – xã hội trong việc giải quyết vấn đề môi trường sống hiện nay*. T/c Triết học, số 2, 1979.
77. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Vai trò của con người trong sự tiến hoá của sinh quyển*. T/c Triết học, số 1, 1981.
78. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Đạo đức sinh thái – từ lý luận đến thực tiễn*. T/c Triết học, số 4, 1999.
79. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái trong điều kiện*

kinh tế thị trường ở Việt Nam. T/c Triết học, số 3, 2002.

80. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Những giá trị văn hoá sinh thái nhân văn Hồ Chí Minh*. T/c Triết học, số 12, 2003.
 81. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Về cách tiếp cận triết học – xã hội đối với hiện trạng môi trường sinh thái nhân văn ở Việt Nam: các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp*. T/c Triết học, số 6, 2004.
 82. Nguyễn Ngọc Trân. *Toàn cầu hoá vì sự phát triển bền vững của nhân loại*. Báo Nhân dân, 2000.
 83. *Trở lại vụ phá rừng ở lâm trường Đắc N.Tao (tỉnh Đắc Nông)*. Báo Lao động ngày 04/5/2004.
 84. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. *Đổi mới quản lý kinh tế và môi trường sinh thái*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
 85. Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Bước vào thế kỷ XXI với những vấn đề toàn cầu hoá*. Tài liệu dịch, số 8, 9-1999.
 86. Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Thế giới hậu công nghiệp - hy vọng và lo lắng*. Tài liệu dịch, số 8, 9/1999.
-